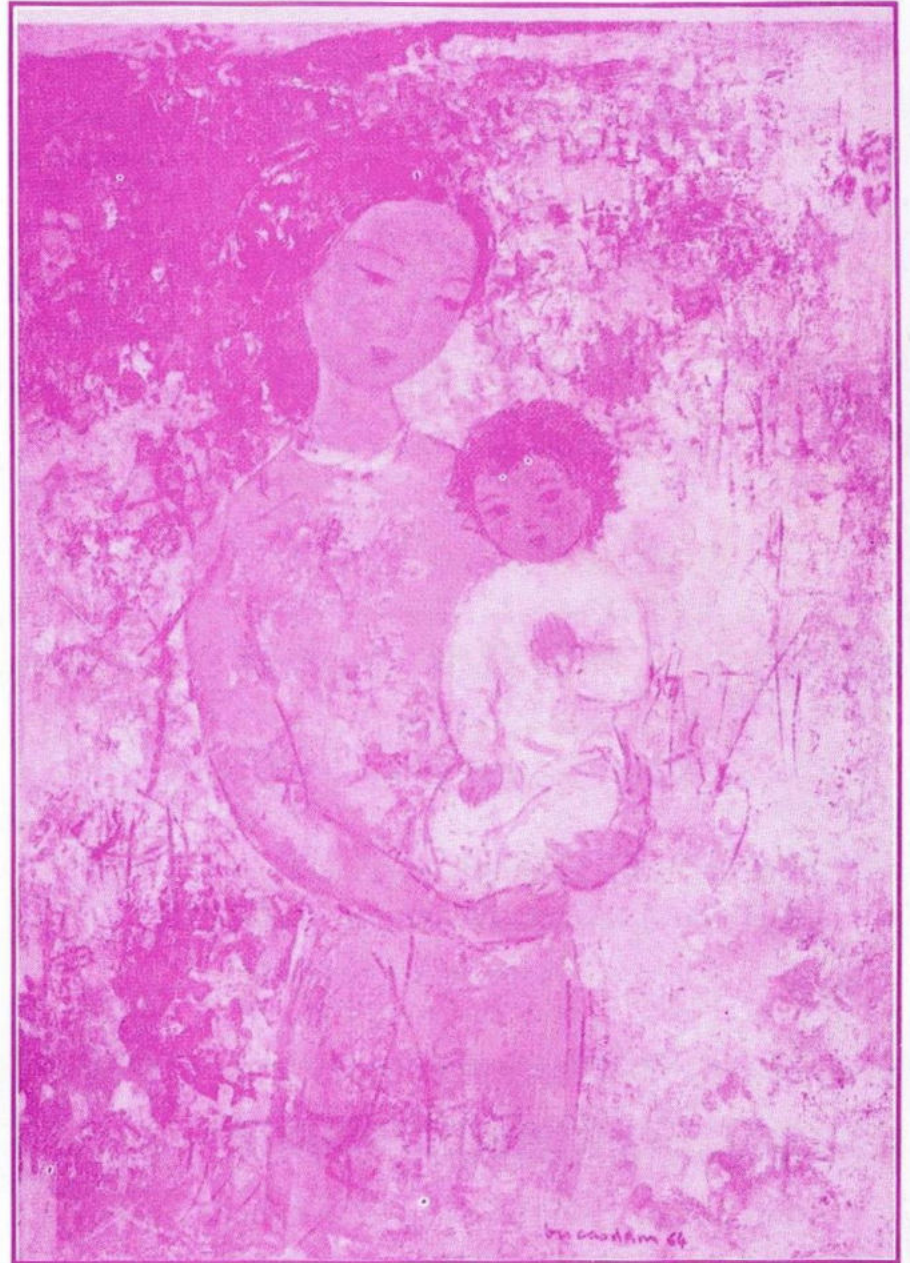


VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchlinge in der Bundesrepublik Deutschland
NĂM THỨ 18 * THÁNG TÁM - 1996 * JAHRGANG 18. * AUGUST 1996 * AUSGABE IN VIETNAMESSISCHÉ & DEUTSCH



Vu Lan Báo Hiếu

Số * Nr.

94

VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

CÙNG SỰ CỘNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ :

TÔN GIÁO

Thích Như Điển

VĂN HÓA VĂN NGHỆ

Phù Vân - Vũ Nam

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên - Huy Giang

THỂ THAO

Người Giám Biên

Y HỌC THUỞNG THỨC

Huỳnh Hoa

CHÍNH TRỊ THỜI SỰ

Phan Ngọc Minh

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại

Cộng Hòa Liên bang Đức

Vereinigung der Buddhistische-

Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ẤN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức

Vietnamesisch-Buddhistische

Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD

c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6

30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30

Fax : 0511 - 87 90 963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quản binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Mục Lục

Trang

Thư Tòa Soạn

3

Luận về : Đồi Tiếp Nối Đồi - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyên

4 - 5

Bí ẩn về Tiền Kiếp Hậu Kiếp - Đoàn Văn Thông

6 - 9

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Übersetzung von Tu Xung Roland Berthold

10 - 12

Sûtra von den acht Einsichten großer Menschen - Übersetzt von Prinz An Shih-kao

12

Weg ohne Grenzen - Thích Như Điển

13 - 14

Vườn Thơ Viên Giác : Nắng Tròn Tuổi Hạ - Phù Vân

15 - 19

TRANG HOA PHƯỢNG

Người Mẹ - Hồng Nhiên sưu tầm

20 - 21

Con Voi Trắng - Hồng Nhiên sưu tầm

21

Tình Thương của Mẹ - Y Khanh

22

Bông Hồng Cài Áo - Vũ Thị Dạ Thảo

22 - 24

Người Xứng Đáng Nhất - Thanh Bình

25 - 26

An Cú Kiết Hạ - Thiện Căn

26

Lá Rơi - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

27

Tin về GĐPTVN tại Đức Quốc - Thiện Căn

27

Sức Mạnh của Tâm Linh - BS. Nguyễn Tối Thiện

28

Lễ Điểm Đạo Kalachakra (Bánh Xe Thời Gian) - Vô Thủc

29 - 30

Thầy Dắt Tôi Đi Nhật - Hạnh Nguyên

31 - 36

Mặt Trời Phưởng Bác - Thích Như Điển

37 - 38

Nước Mắt Chảy Xuống - Vũ Quang

39 - 42

Ý Niệm Về Mẹ nhân mùa bão hiệu Vu Lan

43 - 45

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh - Thiện Vân Nguyễn Văn Cường

46 - 47

Thâm Giao - Nguyễn Văn Ba

48 - 51

Để Tìm Hiểu Tình Yêu - Thiện Nguyên

52 - 53

Làm Sao để có một đời sống ổn định ... (t.t. VG 93) - BS. Phạm Nguyên Lương

54 - 58

Người Phụ Nữ Việt Nam trong tinh tú văn học dân gian - Đan Hà

58 - 59

Huyền Thoại về một tướng lai xán lạn - Phan Ngọc

60 - 61

Tự do Dân Chủ Đại Thắng ở Nga - Phan Quang Đán

62 - 63

Bàn về bầu cử Tổng Thống Mỹ - Phan Quang Đán

63 - 65

Hai Giờ Tâm Tĩnh với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện - Chu Thanh Lan

65 - 66

Thể Thao - Người Giám Biên

67 - 70

Như Khói Lam Buồn - Hồng Lan

71 - 74

Giấc Mơ Bên Chùa - Võ Đức Tiến

75 - 77

Trang Khoa Học : Khái niệm về "Tự Động Hóa" - Lê Văn Quối

78 - 79

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ : Âm mưu nhằm xóa bỏ tôn giáo của ... Nguyễn Cầu Luyến

80

Xây Dựng một nhà nước vững mạnh và trong sạch - Ngô Văn Tháp

80

Cuộc đấu tranh đầy chính nghĩa Văn Thị Mỹ

81

THỜI SỰ THẾ GIỚI & TIN MỘT CỘT - Phan Ngọc

82 - 88

Thông Cáo Báo Chí

89

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

90 - 92

GIA CHÁNH CHAY : Báp Cải Hầm

92

Hộp Thư Viên Giác

93

Phưởng Danh Cúng Dường - Phân Ưu - Cảm Tạ - Cáo Phó - Tim Thân Nhân

94 - 99

Y HỌC THUỞNG THỨC : Ra Mồ Hối Nhiều - Quỳnh Hoa

99

THƠ

Quang Kính - Hoàng Dục - Trinh Xuyên - Trinh Chung - Hồ Quang Hiến - Tuỳ Anh -

Pháp Nguyên - Vân Nường - SH. Hà Đậu Đồng - Lê Thị Bạch Nga - Phưởng Hà - Bùi

Quốc Hải & Nguyễn Thị Phưởng Liên

Hình Bìa : của Vũ Cao Đàm

Thủ Tọa Soạn

Mỗi năm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tổ chức một khóa tu học Phật Pháp cho Phật Tử toàn vùng, kéo dài trong 9 ngày vào hạ tuần tháng 7. Nay đã trở thành thông lệ và đã đến kỳ thứ 8 rồi. Năm nay khóa tu học Phật Pháp được tổ chức tại Hòa Lan với sự tham gia của 410 học viên và trại sinh của Gia Đình Phật Tử và 34 Tăng Ni cũng như chư Tôn Đức trong Ban Giảng Huấn. Có 2 Thầy khách từ Mỹ và Canada đến.

Đây là một khóa tu học đông đảo nhất từ trước đến nay và lần này chia ra làm 5 cấp. Hai cấp 1 và 2 cho Gia Đình Phật Tử. 3 cấp cho các học viên từ lớp 1 cho đến lớp 3. Lớp 1 là lớp phổ thông và 2 lớp 2 và 3 là những lớp chuyên khoa có trình độ Phật Pháp tương đối vững vàng. Năm nay chuyên đề của 2 lớp 2 và 3 là Giới và Tịnh Độ. Các học viên được học 3 buổi trong ngày; mỗi lần một tiếng rưỡi đồng hồ và 3 thời khóa công phu: sáng, chiều và tối cũng như 3 lần làm việc trong ngày. Vì đây là khóa tu và học nên các học viên, kể cả các trại sinh của Gia Đình Phật Tử đều chấp hành nghiêm chỉnh thời khóa biểu bằng tinh thần tự giác của người con Phật; nên qua 9 ngày học với số người 444 đã chẳng xảy ra một điều gì đáng tiếc, mà tất cả chỉ vì sự tu và học.

Lòng vào đó một phiên họp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và của Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn cũng được tổ chức xen kẽ trong 9 ngày này. Đại Hội Giáo Hội đã quyết định một số vấn đề quan trọng của nội bộ và cũng đã đề ra một số công tác Phật sự trong thời gian tới. Đặc biệt là khóa tu học Phật Pháp kỳ 9 sẽ được tổ chức tại Đức. Địa phương nào tại Đức đứng ra tổ chức, sẽ thông qua sau kỳ họp của Hội Phật Tử vào ngày 1 tháng 9 năm 1996 này tại Chùa Viên Giác và chắc chắn rằng số tham dự của các học viên sang năm 1997 không dưới con số 500 người.

Người Phật Tử có tu và có học thì mới lợi Đạo, lợi Đời. Nếu một cuộc sống mà không có đạo đức hướng dẫn thì quả thật là một điều hết sức lo ngại cho tương lai của

chính mình, cũng như cho Quốc Gia, Dân Tộc và Đạo Pháp. Người có tu thì hiểu được rằng lợi mình cũng như lợi người hoặc ngược lại; những người không có tu và không hiểu giáo lý của Đạo Phật thì chỉ biết làm lợi cho mình và người có bị hại bao nhiêu đi chăng nữa, cũng không cần phải quan tâm đến.

Chúng ta sống ở một xã hội văn minh vật chất ngày hôm nay tại Âu Mỹ này, có rất nhiều người bận bịu suốt ngày với công ăn chuyện làm và cơm ăn áo mặc; nhưng hơn 400 tâm hồn từ 13 nước của Âu Châu và Mỹ Châu đã về đây cùng nhau tu tập trong 9 ngày, đùm bọc nhau trong tình yêu thương của Đức Phật, chư vị Bồ Tát và chư Tăng Ni không phải là một việc làm đơn thuần. Chúng ta phải cảm tạ thâm ân của Tam Bảo đã gia hộ cho chúng ta được thành tựu viên mãn về khóa tu học Phật Pháp vừa qua.

Mùa Vu Lan cũng sắp đến rồi, nhắc nhở cho chúng ta phải hướng về hai đấng sinh thành và cha mẹ, ông bà tiên tổ nhiều đời nhiều kiếp, nhằm cảm tạ ơn sâu nghĩa nặng mà ông bà cha mẹ đã mang ta vào đời, nuôi ta lớn khôn để có đủ tư cách làm người. Ôn ấy sánh với núi cao sông rộng, chưa chắc trong suốt cả một đời hiếu dưỡng, ta có thể đáp đền! Thế mà cũng có những người con bất hiếu, chẳng lo báo đền ơn dưỡng dục cù lao, mà còn làm cho cha mẹ phải lo toan, đau khổ. Ôn và nghĩa ta chưa đền mà khổ và lụy ta lại làm cho mẹ cha phải mất ăn mất ngủ. Vậy ngày Vu Lan báo hiếu là ngày nhắc nhở cho chúng ta, nên lo hướng về Tam Bảo để cầu nguyện cho song đường được trường thọ. Nếu chẳng may đã ra người thiên cổ thì chúng ta phải có bốn phận tưng kính siêu độ, mong rằng chư hướng linh sẽ cao đăng Phật quốc

Chùa chiền, Tự viện, Tu viện v.v... mùa Vu Lan báo hiếu là nơi để người con thảo hiếu dưỡng lòng thành. Vậy chúng ta hãy mau mau sắm sửa trai nghi nhân mùa An Cư Kiết Hạ, chư Tăng tự tử, dâng lên tứ vật dụng, để trong ngày này cảnh khổ của địa ngục sẽ với đi, người còn được an lạc và kẻ thác được siêu thăng nơi nhân cảnh.

Cầu nguyện cho đất mẹ Việt Nam sẽ với đi bao nỗi ưu sầu của nhân thế, Người lãnh đạo sáng suốt, để đưa mấy chục triệu sinh linh qua được bến bờ an lạc hơn. Đó cũng là bản hoài của chư Phật và chư vị Bồ Tát nhân mùa Vu Lan báo hiếu vậy

• Ban Biên Tập Báo Viên Giác

● LUẬN VỀ

ĐỜI TIẾP NÓI ĐỜI

Nguyên tác: Reflections on Life
After Life
Tác giả: Dr. Raymond A. Moody, Jr.
Người dịch: HOÀNG-PHI
Lưu Hoàng-Nguyễn

• Dẫn Nhập

Quyển sách này được viết tiếp theo quyển sách trước của tôi là *Life After Life* (tức Đời Tiếp Nói Đời, bản dịch Việt ngữ của chúng tôi, đăng trên tạp chí Phật học Viên Giác số 76), nhằm triển khai, bổ túc vài khái niệm và khám phá đã bàn ở quyển đó.

Từ khi xuất bản quyển "Đời Tiếp Nói Đời", tôi có cơ may phỏng vấn thêm nhiều người từng chết hụt. Thú thực hiện nay tôi khám phá rất nhiều trường hợp mới về hiện tượng này nên không thể cho con số chính xác. Cũng như trong cuộc khảo cứu trước, có vài người bị bác sĩ khai tử, công bố rằng họ đã thực sự chết rồi, còn những người khác thì chỉ mấp mé ở ngưỡng cửa tử sinh do bị thương nặng hoặc tai nạn. Trong số các dữ kiện thu thập được, mười lăm yếu tố thông thường (đã được đề cập ở Đời Tiếp Nói Đời) vẫn tái xuất hiện. Ngoài ra tôi còn biết thêm một số kinh nghiệm mới và khác thường khiến danh sách các yếu tố dài thêm.

Trong nhiều năm qua tôi tự hỏi nếu các kinh nghiệm này khá phổ quát như tôi đã thấy, thì tại sao thiên hạ chẳng sưu tập được các báo cáo đó? Tôi có cảm giác khi công bố cuộc khảo cứu của mình, ắt có người cho là tôi bịa chuyện. Thực vậy, có thể đây không phải là một hiện tượng phổ quát,

nhưng vì ngẫu nhiên tôi gặp toàn các trường hợp thuộc cùng một loại. Đây là nỗi lo của tôi khi viết "Đời Tiếp Nói Đời", e rằng tôi chỉ gặp những vụ giống nhau.

May thay nhiều tác phẩm gần đây đã khiến tôi bớt lo. Nhiều vị bác sĩ (nhất là Dr. Elisabeth Kubler-Ross) cũng cùng theo đuổi cuộc khảo cứu này và đi đến những bản đúc kết giống hệt nhau. Thực vậy, khi bác sĩ Kubler-Ross biết tôi sắp phát hành quyển Đời Tiếp Nói Đời, bà viết cho nhà xuất bản của tôi rằng bà cũng có thể tự viết một quyển sách y hệt như vậy căn cứ trên những gì bà thu thập được. Bà cho biết bà hiện có đến mấy trăm báo cáo thuộc loại này và đang viết một quyển sách lớn về đề tài này. Rất nhiều bác sĩ và tu sĩ cũng cho tôi hay là từ lâu họ đã để ý đến những trường hợp lẻ tẻ của hiện tượng này và nghĩ rằng chắc nó cũng khá phổ quát.

Trước kia, mỗi khi tôi thuyết giảng đề tài này thì liền sau đó những người từng bị chết hụt đến gặp riêng tôi để thổ lộ. Nhưng trong mấy tháng gần đây tôi thấy thiên hạ cởi mở hơn, dám nói hơn. Vài người đã tự ý và công khai nói lên kinh nghiệm của chính họ trong phần thảo luận sau khi tôi thuyết trình. Nhờ vậy giờ đây nhiều người được dịp chính tai nghe kể chết hụt kể chuyện, cảm nhận được một điều gì trong nhiệt tình và chân thành mà tôi tìm thấy ở các đồng thuật đó.

Trên cơ sở những trường hợp này cũng như nhiều tác phẩm tương tự khác, giờ đây tôi có thể nói một cách tự tin rằng hiện tượng này (dù cuối cùng nó có ý nghĩa gì đi nữa) là một hiện tượng phổ quát. Thực vậy, nó phổ quát đến độ tôi tin là chẳng bao lâu nữa vấn đề sẽ không còn là: "Có hiện tượng này hay

giờ đây dường như có nhiều người thích khảo cứu các kinh nghiệm chết hụt.

Để mở đầu quyển sách này tôi xin nhắc lại một kinh nghiệm mẫu đầy đủ mà tôi đã tổng hợp và đăng trong "Đời Tiếp Nói Đời". Nó bao gồm tất cả những yếu tố thông thường của những kinh nghiệm chết hụt tiêu biểu:

"Một người đang hấp hối, khi lâm vào phút nguy kịch nhất, chính y nghe bác sĩ tuyên bố là đã chết. Y bắt đầu nghe những tiếng ồn ào khó chịu, tiếng chuông rung hay tiếng vo vo lớn, đồng thời thấy mình lao vút qua một đường hầm dài. Rồi y bỗng thấy mình ở bên ngoài thân xác, song vẫn còn quanh đó, thấy chính thi hài mình như thể y là kẻ bàng quan. Từ vị trí thuận lợi bất thường này, y theo dõi sự cấp cứu hồi sinh, lòng rất kích động.

Lát sau, định thần lại, y hỏi quen với tình trạng kỳ quặc của mình. Y nhận thấy vẫn còn có một "thân xác" song bản chất và khả năng khác xa với thể xác y để lại kia kia. Rồi những chuyện khác bắt đầu xảy ra. Có nhiều người đến để giúp y. Y thoáng nhận ra linh hồn các thân nhân, bạn bè đã tử trần và một linh hồn nồng hậu, tử ái thuộc loại y chưa từng gặp: một sinh thể chỉ gồm toàn ánh sáng (a being of light, có thể gọi là Đấng Tử Quang) hiện ra trước mặt.

Đấng Tử Quang han hỏi, song chẳng phải bằng lời nói, bảo y tự lượng giá kiếp người vừa trải qua, giúp y bằng cách chiếu cho xem lại tức khắc và toàn cảnh các diễn biến chính yếu của cuộc đời y. Tới một điểm nào đó, y thấy mình đến bên ngưỡng cửa thế giới bên kia. Nhưng y nhận thấy phải quay về trần và chưa tới số. Lúc đó y muốn chống lại, bởi sau khi nếm mùi cuộc sống bên kia, y không thích trở lại đường gian. Lòng y chan hòa niềm tử ái, an lạc. Tuy chẳng khứng, nhưng y vẫn phải nhập vô xác và hồi sinh.

Sau này y muốn kể chuyện cho người ta nghe, nhưng gặp nhiều trở ngại. Trước hết y chẳng tìm được chủ thích hợp để mô tả những chuyện không thuộc thế gian. Y còn bị thiên hạ chế giễu nên đành cầm nín. Thế những kinh nghiệm đó ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống, đặc biệt là đối với quan niệm của y về sự lia đời cũng như mối tương quan giữa sinh và tử.

• Mục Lục

1. Những yếu tố mời
2. Sự phán xét
3. Tự tử
4. Phản ứng của Giáo Hội
5. Những thí dụ lịch sử
6. Vấn đáp
7. Lời bạt
8. Phụ lục: Nghĩ về các phương pháp
9. Thủ mục
10. Tiểu sử tác giả.



Hồn cô gái bay lơ lửng trên trần nhà và thấy thấy mình đang nằm trên giường

không?", mà là: "Chúng ta sẽ làm gì với hiện tượng này?". Một trong các điểm ở "Đời Tiếp Nói Đời" là chỉ đơn giản giới thiệu hiện tượng này và tiên đoán nếu ai thấy hứng thú thì họ cũng sẽ tìm được những thí dụ loại đó. Và

*
* *

CHƯƠNG I

NHỮNG YẾU TỐ MỎI

Trong khi nghiên cứu mấy trăm bản tường thuật kinh nghiệm chết hụt tôi sưu tập được từ khi viết xong quyển "Đời Tiếp Nối Đời", tôi gặp nhiều yếu tố mỗi chúa nêu trong quyển đó. Mỗi yếu tố mà ta sẽ bàn trong chương này đã được hơn một người báo cáo, nhưng kém phổ quát hơn mười lăm yếu tố đã biết. Trừ trường hợp "được các đấng thiêng liêng cứu độ", tất cả các yếu tố khác thường này chỉ đặc biệt xảy đến cho những ai đi sang bên kia thế giới rất lâu.

1. Thấy kiến thức:

Nhiều người nói với tôi rằng trong lúc "chết", họ thoáng thấy một cảnh giới hoàn toàn tách biệt, nơi đó mọi kiến thức (dù quá khứ, hiện tại hay vị lai) dường như cùng hiện hữu trong một tình trạng phi thời gian. Nói cách khác, đó là lúc giác ngộ và hồn của họ như có được kiến thức toàn vẹn. Khi muốn bàn về kinh nghiệm này, tất cả đều cho biết không thể diễn tả nổi. Nhưng họ cùng đồng ý là cảm giác "biết hết mọi thứ" không còn nữa khi trở lại dương trần. Họ chẳng thể mang về bất cứ loại kiến thức nào. Họ đồng ý rằng sự thấy này không khiến họ chùn bước trong việc học hỏi ở hiện kiếp mà trái lại còn khuyến khích họ nhiều hơn.

Trong nhiều bản tường thuật, kinh nghiệm này được mô tả như là một thoáng quán triệt hết mọi thứ, những cơ sở giáo dục cấp cao, "trường học", "thư viện". Tuy nhiên ai cũng muốn nhấn mạnh là những chữ họ dùng để tả kinh nghiệm này giới lấm cũng chỉ là một phần của điều muốn nói. Tôi có cảm tưởng đó là một trạng thái ý thức tiềm ẩn ở bên dưới.

Một phụ nữ từng bị "chết" đã thuật khi tôi hỏi: "Bà bảo rằng dường như thấy được kiến thức. Bà có thể kể chứ?"

Bà đáp: "Câu chuyện này dường như xảy ra sau khi tôi thấy hình ảnh đời mình trình chiếu trước mắt. Rồi đột nhiên tất cả kiến thức, tất cả đều khởi sự từ đầu và sẽ tiếp diễn đến vô tận, trong thoáng giây tôi hiểu biết tất cả những bí mật của các thời đại, tất cả ý nghĩa của vũ trụ, trăng, sao, của mọi thứ. Nhưng khi tôi quyết định trở lại dương trần thì kiến thức này vụt biến đi, nên không còn nhớ chi hết. Dường như khi tôi muốn trở về, tôi được báo là chẳng thể giữ các kiến thức đó. Nhưng các con tôi cứ gọi tôi về..."

"Kiến thức toàn năng này mở ra trước mắt tôi. Dường như tôi được cho biết là sẽ còn bị bệnh khá lâu và sẽ còn có những dịp gặp gỡ. Sau đó quá tôi đã gặp nhiều lần. Họ bảo như vậy là để bôi xóa kiến thức quán triệt mà tôi thu thập được, đó là những bí mật của vũ trụ, và tôi phải qua những giai đoạn quên nó đi. Tôi chỉ còn nhớ là có lần mình biết hết mọi thứ. Chuyện quá thực đã xảy ra nhưng tôi không thể giữ món quà này nếu tôi hồi dương. Nhưng tôi quyết định về với các

con... Tôi còn nhớ rõ tất cả mọi chuyện đã xảy đến, tất cả, chỉ trừ những giây phút thoáng nhanh của kiến thức. Khi hồn tôi nhập vào xác, các hiểu biết đó tan biến hết".

"Đó dẫn nhì! Quả là ngỡ ngàng nếu nói chuyện này ra, nên trước kia tôi không thể ngồi kể cho ai nghe hết".

"Tôi chẳng biết phải cất nghĩa như thế nào, nhưng tôi thì rõ. Thánh Kinh có viết: "Tất cả mọi thứ rồi sẽ hiển lộ đối với người". Trong một phút, chẳng có vấn đề nào không thể giải thích được. Tôi không thể nói mình hiểu biết như vậy trong bao lâu. Đó đâu phải là thời gian trần thế".

Tôi hỏi: "Kiến thức này hiện ra dưới hình thức nào? Chữ hay tranh ảnh?"

Bà nói: "Dưới tất cả mọi hình thức thông tin, liên lạc như nghe, thấy, tư tưởng. Hầu hết mọi thứ. Chẳng có chi không biết. Mọi kiến thức đều có ở đó, không đơn thuần một lãnh vực mà thuộc tất cả các lãnh vực".

Tôi hỏi tiếp: "Còn thắc mắc một điều. Tôi dành trọn đời mình để đi tìm kiến thức, học hỏi. Nếu chuyện này có thật thì học hỏi hóa ra vô ích?"

Bà đáp: "Không đâu! Ông vẫn còn muốn có được kiến thức dù sau khi ông trở lại dương trần. Tôi vẫn còn tìm tòi, học hỏi. Học hỏi ở đây chẳng phải là ngỡ ngàng đâu. Tôi nghĩ đó là một phần của mục đích đời mình. Nhưng kiến thức đâu chỉ dành cho riêng mình, nó phải được chia xẻ cho nhân loại. Chúng ta luôn dùng hiểu biết của mình để giúp kẻ khác".

Tôi muốn trình bày một điểm về câu chuyện vừa kể. Người phụ nữ này có cảm tưởng bệnh của bà lâu hồi phục một phần do việc muốn bà quên hết những kiến thức vừa có được. Điều này dường như cho thấy có một huyền cơ ngăn chặn không cho mang kiến thức thủ đắc ở thế giới bên kia về dương thế.

Tôi chú ý đến điểm tương đồng giữa khái niệm này và những gì Plato kể một cách đầy ẩn dụ và thi vị trong chuyện Er. Er là một chiến sĩ bị đưa lên dàn hỏa vì người ta ngỡ rằng y đã chết, nhưng sau đó y sống lại. Trong lúc ở thế giới bên kia Er thấy được nhiều điều. Anh được dặn dò là khi hồi dương phải kể cho thiên hạ nghe thế nào là chết. Trước phút trở lại trần, Er thấy các linh hồn sắp đi đầu thai:

"Tất cả đều đến Cánh Đờng Lãng Quên trong oi ả, ngột ngạt kinh khủng vì chẳng một bóng cây. Khi chiều đến, họ cắm trại bên Dòng Sông Quên Lãng mà nước sông đó không thùng vại nào có thể chứa được. Họ bị buộc phải uống một lượng nước đó, uống rồi thì quên hết mọi chuyện. Sau khi họ ngủ và đến nửa đêm, sấm sét, động đất nổi lên, và họ đột nhiên bị đũa đi rất nhẹ nhàng, kẻ thế này, người thế khác, lên nơi đầu thai như những chiếc sao băng. Còn Er không được uống nước đó, nhưng làm thế nào để được trở lại cõi trần, nhập vô xác thì y không rõ, chỉ biết tinh linh bùng mắt dậy lúc tảng sáng, thấy mình nằm trên dàn hỏa".

Chủ đề chính yếu được trình bày ở đây là trước khi hồi dương, có sự "quên lãng" các

kiến thức mà người đó có được ở thế giới bên kia, tưởng tự như hai trường hợp sau đây:

1. Trong một cuộc phỏng vấn, một thanh niên đã kể:

"Khi ấy tôi ở trong trường học... và đó là sự thực, nào phải chuyện tưởng tượng. Nó giống như một ngôi trường, chẳng có ai trong đó, nhưng thực ra có rất nhiều người. Bởi nếu nhìn quanh, ta sẽ chẳng thấy gì. Nhưng nếu chú ý, ta có thể cảm nhận sự hiện diện của những sinh thể khác chung quanh ta... Giống như có những bài học đang đến với tôi và tiếp tục đến với tôi..."

Tôi hỏi: "Đáng chú ý lắm! Có người bảo tôi rằng anh đã vào một nơi giống như "thư viện", "cơ sở giáo dục cấp cao". Nơi mà anh kể có giống thế chẳng?"

Anh đáp: "Y chang! Ông biết không, khi nghe ông kể những gì người đó nói về nơi ấy, tôi biết tổng anh ta muốn nói gì, bởi tôi biết anh ta cũng như tôi từng kinh qua chuyện đó. Thế những ngôn từ tôi muốn dùng thì lại khác, và thực ra chẳng có chữ nào. Tôi không thể mô tả nơi ấy. Chẳng thể so sánh nó với bất cứ cái gì trên đời. Những chữ tôi đang dùng để diễn tả còn rất kém xa những gì đã nếm trải, nhưng tôi đã cố gắng hết mình rồi... Vì đó là nơi của kiến thức. Kiến thức và tin tức đều có đủ. Tất cả mọi hiểu biết. Ta thu nhận kiến thức. Đột nhiên ta biết được những lời giải đáp. Giống như ta tập chú nghĩ đến một nơi của ngôi trường đó, và vù một cái, kiến thức bay thẳng đến bên ta một cách tự động. Giống như ta có được hàng tá khóa học đọc nhanh".

"Và tôi biết đúng nguyên văn điều anh ta muốn nói, nhưng tôi diễn tả theo cách thế của tôi, vì vậy có khác".

"Tôi tiếp tục đi tìm kiến thức. "Hãy đi tìm và người sẽ thấy". Ông có thể có được kiến thức cho bản thân ông. Còn tôi thì cầu nguyện cho có được minh triết, minh triết nhiều hơn tất cả..."

2. Một phụ nữ trung niên mô tả nó như sau:

"Khi ấy có một lúc - ở mà không thể nào mô tả được - tôi như biết hết mọi điều... Ở đó, trong chốc lát tôi thấy sự thông tin liên lạc chẳng còn cần thiết. Muốn biết điều chi thì tự nhiên tôi thấu rõ".

(Còn tiếp)



BÍ ẨN VỀ TIỀN KIẾP HẬU KIẾP

• Tác giả
ĐOÀN VĂN THÔNG

CHƯƠNG IV

Những dấu tích khác liên hệ đến hiện tượng luân hồi

• Dấu tích luân hồi biểu hiện qua dạng thể và cử chỉ

Trên thế giới, con người dù ở quốc gia nào, vùng đất nào cũng đều có một dạng thể chung, nhưng xét riêng mỗi người thì lại có những dáng dấp và cử chỉ khác nhau, ít ai giống ai. Có người dáng dấp và cử chỉ thành thới, sung sướng, có người dáng dấp co ro cúm rúm. Có người trông dáng dấp giống một con thú. Có kẻ có gương mặt như chuột, có người gương mặt giống một con rắn độc dữ dằn, có người đi nhún nhảy như chim sẻ hay uốn lượn như loài bò sát, có người khi ngồi uy nghi như một con hổ, có người thiếu não, khổ sở, u buồn như bóng ma. Có người từ nhỏ đến lớn luôn luôn gắt gỏng, có người hay sầu bi, rầu rĩ, có người lại ghét cay, ghét đắng cái gì đó. Nguyên nhân thường được truy ra từ tiền kiếp. Có người ghét màu xanh, có người ghét trẻ con, có người ghét đàn bà con gái, có người thích màu đỏ, có người thích ca hát, có người mê thú và làm thú hơn cả mọi thú, có người thích đi tu từ tấm bé, v.v....

Có người khi nằm ngủ co ro khốn khổ lạ lùng, người co quắp, mặt nhăn nhó đau khổ, tay co rút vào ngực hay ôm lấy đầu. Có người khi ngồi có dáng điệu u rũ như cây khô rụng lá. Có người khi ăn uống có cử chỉ trông giống loài heo.

Có người còn có những cử chỉ sợ sệt hết hoàng khi gặp một vài thứ gì đó như có người thấy con bướm lại sợ, có người sợ nước, có người sợ tiếng động, tiếng cười, có người sợ mùi khói. Có người sợ sợi dây kết lại thành vòng, có người sợ cái khăn màu đỏ... Ở Huế, tại thành nội có bà T.T.L., mỗi lần thấy thân cây nào phân thành hai nhánh là bà ôm ngực nhắm mắt sợ phát run lên, có người thấy chuột không sợ nhưng lại sợ mèo... câu hỏi đã được đặt ra là do đâu mà mỗi con người lại có cử chỉ khác nhau một cách lạ lùng như thế?

Từ lâu, các danh sư, các nhà tâm lý, các nhà lý số từ Hippocrate cho đến Lý Thời Trân, Joseph Ranald, Nicolas Pende, Gilbert Robin, Lepold Velkhover... đều lưu ý đến cá tánh của con người. Theo tâm lý học thì cá tánh của mỗi người là tấm gương biểu lộ của tâm hồn. Theo các nhà y học thì cá tánh còn

phát sinh từ bệnh lý, vì thế người bị đau dạ dày, đau gan thường hay cầu kinh, bực bội gắt gỏng. Cá tánh con người còn biểu lộ tùy theo các tuyến nội tiết của cơ thể hoạt động mạnh hay yếu, v.v... các nhà nghiên cứu Tây Phương đã và đang đi sâu vào lãnh vực nghiên cứu này họ cho rằng "có sự biểu lộ từ bên ngoài tức là có sự hiện hữu ở bên trong". Mỗi đây hai nhà nghiên cứu về tâm lý và cá tính con người là Gerard J. Nierenberg và Henry H. Calero đã tận dụng kỹ thuật Video để ghi lại các hành động, cử chỉ, tư thế, động tác của mỗi con người để từ đó phân tích nghiên cứu, tìm hiểu những gì ẩn tàng, thâm sâu trong mỗi con người được biểu lộ qua hành vi cử chỉ... Tuy nhiên sự nghiên cứu của Gerard J. Nierenberg và Henry H. Calero phần lớn đều tập trung vào lãnh vực tâm lý học chứ không đi sâu thêm vào lãnh vực siêu hình huyền bí của hiện tượng luân hồi tái sinh, tiền kiếp và hậu kiếp như ngày xưa ông Edgar Cayce hay một số nhà phân tâm học và mỗi đây là Tiến sĩ vật lý học Pháp Patrik Drouot đã thực hiện.

Theo ông Edgar Cayce (người có khả năng thấy được quá khứ xa xăm hay tiền kiếp của con người) thì những cá tính riêng biệt của mỗi con người như tính tàn bạo, lạnh nhạt, kiên nhẫn, nhân từ, rụt rè, dữ tợn, keo kiệt, dâm dăng v.v... đều có nguyên nhân và nguyên nhân này phát sinh từ tiền kiếp.

Ông Cayce đã có lần "soi kiếp" cho một người đàn ông 60 tuổi. Ông này lúc nào cũng có vẻ khổ sở, dáng điệu hốt hoảng, mặt đầu ông là một người rất giàu có. Cuộc soi kiếp cho thấy tiền kiếp của ông này, là một người chủ tiệm cầm đồ keo kiệt, luôn luôn cầm đồ với giá rẻ mạt và lúc nào cũng hồi hộp mong cho người ta đến với mình và mong được món hồi. Lúc nào ông cũng tính toán lo âu, hồi hộp, hấp tấp, vội vàng... nổi bật qua dáng dấp và ở kiếp này dấu vết ấy vẫn còn là dấu ấn trên nét mặt và cử chỉ của ông ta. Nhà vật lý Pháp Patrik Drouot đã có biết có lần ông đã khơi dậy tiềm thức của một người đàn ông luôn luôn có cử chỉ lạ lùng là dù đứng hay ngồi đều ở dạng thủ thế như sắp bị ai đánh đập. Kết quả tiền kiếp của ông này là một đấu sĩ chuyên biểu diễn ở đấu trường với người và thú dưới triều đại La Mã còn hùng thịnh. Theo các nhà nghiên cứu về luân hồi thì những người khi thấy những vật gì đó thì cảm thấy sợ hãi (đôi khi những vật ấy thật sự không có gì đáng sợ cả) là do những người này đã có sự liên hệ nào đó với những sự vật ấy như có thể họ đã bị nước cuốn đi trong một cơn lũ lụt ở tiền kiếp hay bị mắc kẹt trong một đám cháy đầy khói hoặc bà L. ở tiền kiếp đã bị quân giặc treo giữa 2 cành cây để tra khảo v.v....

Tất cả đều có một liên hệ nào đó từ tiền kiếp và ở kiếp này, những hình ảnh quá khứ xa xăm ẩn tàng trong tiềm thức sẽ trở dậy mỗi khi gặp hình ảnh tương tự giống như trong khoa tâm lý học thường gọi là sự liên tại ẩn tượng...

Ông Edgar Cayce cho biết: Có người suốt đời đầu tắt mặt tối để góp nhặt từng đồng xu để rồi hết sức giàu có nhưng luôn luôn ăn uống kham khổ, ăn mặc rách rưới, mờ mịt ra là than vãn nghèo cực và cuối cùng là chết với hai bàn tay trắng. Có lần ông Cayce

đã soi kiếp cho một người có trường hợp tương tự, ông này có nhiều cửa hàng lớn ở New York, tiền kiếp của ông ta là một chủ nhân của một cơ xưởng lớn vào những năm 1790. Những người thợ dưới quyền ông đều bị ông dày dạn, bóc lột công sức và tiền bạc rất trắng trợn đến độ có người làm lưng cực nhọc quá ngã bệnh chết nhưng ông ta chẳng chút đoái hoài thường xót. Ở kiếp này ông nhận hậu quả của luật luân hồi quả báo qua hình thức một kẻ nô lệ vì đồng tiền, làm việc khổ nhọc mà chẳng được tận hưởng gì, đó chính là hình phạt lớn lao đối với ông. Tuy rằng quả báo không hoàn toàn tương ứng với những gì ông đã gây ra từ kiếp trước, nhưng xét cho cùng thì trước đây những người thợ là những kẻ nô lệ mà ông đã dày dạn không hơn không kém. Giờ đây ông lại trở thành kẻ nô lệ không phải của chính những người mà ông ta đã dày dạn mà là của những đồng tiền vô tri giác. Tuy nhiên chính những đồng tiền ấy lại là cái làm ông mất đi lòng nhân đạo với đồng loại.

• Dấu tích luân hồi biểu hiện qua tật bệnh, những đau khổ của xác thân

Trên thế gian này xuất hiện không biết bao nhiêu những hình ảnh khổ đau của những con người mà bệnh hoạn và tật ách từ đầu phủ ngập cuộc đời họ. Có người vừa mới chào đời đã mang trong cơ thể trọng bệnh, có người lọt lòng mẹ đã bị đui mù, cậm điếc hay không có tay chân hoặc có tay chân lại bị bại liệt. Tại sao lại có kẻ phải chịu cảnh đau đớn cùng cực ấy?

• Trường hợp quả báo thể hiện qua tai nạn và bệnh tật

Những người Ky Tô giáo đã giải thích những trường hợp này bằng câu "Đó là ý muốn của Chúa Trời!" Phải chăng Chúa Trời muốn thế? Không! Thật sự câu nói ấy hàm bao ý nghĩa thâm sâu về những tội lỗi mà những con người ấy đã gây ra để rồi phải chịu gánh lấy. Trong châm ngôn 22:8 có đoạn như sau: "Những gì mà người đã gieo rắc thì sẽ được chính người gặt lấy", hoặc: "Kẻ nào gieo sự bất công, sẽ gặt điều tai họa". Cũng trong châm ngôn 12:21 có câu: "Chẳng một tai họa nào xảy đến cho người công bình, song kẻ dữ sẽ bị dày dạn khổ đau", hay "sự công bình hoàn toàn của Đức Giê-hô-va đòi hỏi phải lấy Mạng đền Mạng, Mắt đền Mắt, Răng đền Răng" (phục truyền, luật lệ ký 19:21). Những câu tương tự gặp trong Kinh Thánh cho thấy bao hàm ý nghĩa về luật quả báo là một luật tự nhiên, công bằng của Thượng Đế, những kẻ gây ác nghiệp sẽ nhận lấy nghiệp ác không sớm thì muộn đáng cha lành là Đức Chúa Trời không thể nào nhắm tâm đứng trước những khổ đau của con cái mình và bảo rằng đó là ý muốn mình mà trái lại Ngài đã đưa ra một lời răn bảo đến với loài người rằng: "Hễ gieo gió thì phải gặt bão!".

Từ ngày xưa, Ấn Độ giáo và Phật Giáo đã đi sâu vào vấn đề này và phát triển thành một triết lý tôn giáo thâm sâu vì điều xoay quanh vấn đề Luân Hồi quả báo... Mọi tội lỗi do

minh đã gây ra ở kiếp này thì ở kiếp hiện tại hay kiếp kế tiếp sẽ đến với chính mình chỗ không phải ai khác. Đau khổ, tai ách, bệnh tật có nguồn gốc cũng từ đó. Sự tàn nhẫn, ác độc là nguyên nhân sẽ gây nên quả báo thể hiện qua các tai nạn, bệnh tật như đui mù, mất máu, bại liệt, các bệnh nan y, cụt tay cụt chân, câm, điếc v.v...



Những người không có chân phải đi chuyển bằng hai tay. (Ảnh từ liệu mượn trong Medical Curiosities. G.M. Gould và Walter L. Pyle - Hammond xuất bản USA 1982)

Trong tài liệu lưu trữ tại viện nghiên cứu về hiện tượng luân hồi tái sinh tại Virginia có ghi lại những trường hợp quả báo thể hiện qua tai nạn và bệnh tật như sau:

a) Một người từ lúc sinh ra đã bị mù lòa, mỗi lần đi phải bò, lết, quờ quạng khổ sở. Khi được ông Edgar Cayce dùng thuật thôi miên để tìm về nguyên nhân từ tiền kiếp cho người này thì được biết kiếp



trước ông ta là một người Ba Tư rất hung dữ, thường hành hạ những tù nhân bắt được bằng cách dùng dùi sắt nung đỏ đâm vào mắt cho họ mù.

Theo thuyết luân hồi quả báo của đạo Phật thì sự mù lòa của một người có từ lúc sinh ra đời là một nghiệp quả báo ứng. Trong phần phụ chương của cuốn sách viết về luân hồi (Reincarnation) (cuốn Born again, again - xuất bản lần thứ 2 năm 1989) tác giả John Van Auken cũng đã ghi lại một đoạn dẫn chứng về vấn đề luân hồi tái sinh và quả báo tiềm tàng trong giáo lý Cơ Đốc ngày xưa về những thắc mắc của các môn đồ của Chúa về vấn đề tội lỗi và tật bệnh như sau:

"Có lần một môn đồ đã hỏi Chúa khi người này trông thấy một người bị mù ngay từ lúc chào đời: "Bạch thầy ai là kẻ đã gây nên tội lỗi đau đớn này? Chính người này hay cha mẹ anh ta? (John 9:1-2 (my italics)- Dĩ nhiên từ lâu Chúa đã dạy rằng "kẻ nào làm ác sẽ gặt ác" "Hễ gieo rắc thì tự gặt lấy" "Kẻ nào

gieo sự bất công, sẽ gặt điều tai họa" (châm ngôn 22:8).

b) Qua cuộc tìm về cội nguồn của những chứng bệnh máu loãng ở một thanh niên, ông Cayce đã biết được rằng trong tiền kiếp anh này từng gây nên không biết bao nhiêu cuộc tàn sát đẫm máu ở xứ Perou và giờ đây phải nhận cái hậu quả ghê gớm ấy và được thể hiện qua chứng bệnh nguy hiểm gây lo lắng khủng hoảng đến anh ta là bệnh máu loãng.

c) Những kẻ đàn áp người cô thế, yếu đuối hay gây sự khổ đau, tàn tạ cho người khác thì quả báo tưởng ứng có thể được thể hiện qua các chứng bệnh về thần kinh, tim mạch, lo lắng, hoang mang dẫn đến bệnh về bao tử, đường ruột, gan...

d) Những kẻ nhân tâm, làm ngơ, coi thường sự đau khổ của kẻ khác, mặc cho kẻ khác van xin vẫn một mực tàn nhẫn lờ đi đều là những kẻ phải chịu hậu quả ở kiếp kế tiếp về những gì mà họ đã làm, quả báo sẽ không thể hiện qua chứng ù tai, điếc hay câm ngay từ thuở lọt lòng mẹ.

e) Có những chứng bệnh do tử tưởng mà phát sinh như khủng hoảng tinh thần, bệnh thần kinh, sự lo lắng nghĩ ngợi dễ làm rối loạn thần kinh và dễ dẫn đến chứng áp huyết cao, đau bao tử, rối loạn tiêu hóa.

f) Có những khuyết tật phát sinh làm đau khổ cho vô số người. Có người mỗi sinh ra đã không có hai chân hoặc không có cả hai tay. Có kẻ lọt lòng mẹ không có cả tay và chân. Theo thuyết luân hồi quả

báo thì đây là hình ảnh của sự nhận nghiệp quả tương ứng. Có thể từ kiếp trước những người này đã tàn hại kẻ khác khiến kẻ khác phải chịu thương tật, bị chặt tay chặt chân vì trực tiếp hay gián tiếp và tùy theo cấp độ của nghiệp quả mà những người này đã gây ra mà nhận lại quả báo ở kiếp này. Thật ra đây chỉ là một số biểu hiện về nghiệp quả do luật quả báo tác động lên những gì đã được phát sinh. Không phải hề thấy một người đau tim là tội lỗi báo kiếp trước người này đã đàn áp kẻ yếu hay thấy người câm điếc là báo người này trước đây đã tàn nhẫn làm ngơ trước những yêu cầu của kẻ khác hay người bệnh xuất huyết là do trước đây người ấy đã gây tổn thương, máu chảy

cho kẻ khác v.v... dĩ nhiên có những loại bệnh tương tự phát sinh từ nguyên nhân bên ngoài hoặc do hoàn cảnh, môi trường, hóa chất, vi trùng chẳng hạn... Tuy nhiên nếu theo đúng suy luận diễn dịch của thuyết luân hồi quả báo thì bất cứ nguyên nhân nào gây

bệnh, người mắc phải bệnh trọng, nhất là bệnh nan y hoặc các tổn thương thân xác lớn như bại liệt, cụt chân, cụt tay, mù mắt... đều có nguyên nhân sâu xa của nó, đó là kết quả của hành động từ kiếp trước của họ. Đó chính là nguyên nhân tiềm ẩn sâu xa của bệnh tật.

Từ ngàn xưa người Ấn cho rằng: có những bệnh biểu lộ rõ ràng trên thân thể của một người là bằng chứng hiển nhiên cho thấy đó là kết quả của những tội lỗi mà ở kiếp trước người đó đã gây ra. Những tật bệnh lộ rõ ấy chính là dấu ấn của tiền kiếp, có thể đó là bản sao của những tội lỗi trong quá khứ. Trên thế giới có vô số người bị tật nguyên hay mắc phải

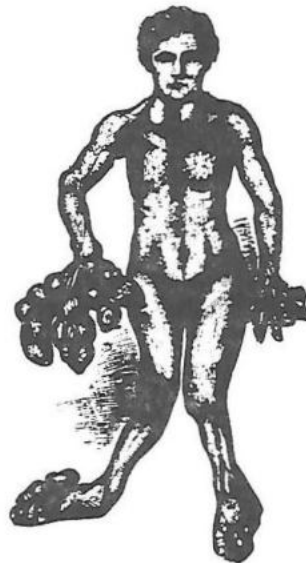


Bệnh phủ chân voi (theo báo cáo của Griffiths, tài liệu trong Medical Curiosities)

những chứng bệnh lạ lùng. Số lượng những kẻ bị tổn thương thân xác đến khổ sở ấy rất nhiều và từ lâu đã là một thắc mắc lớn lao cho tất cả mọi người: "Tại sao người này bị mà người khác lại không? Phải chăng đó là số kiếp dọa dẫm hay là kết quả những gì họ đã gây ra từ trước nay phải chịu quả báo?" Chính bản thân những người đã bị tàn phế, bị những dị tật, những chứng bệnh lạ lùng cũng cảm nhận điều đó và trong thâm tâm họ

cũng đã nhiều lần tự hỏi: "Phải chăng những gì mình đang gánh lấy là kết quả của những gì mà chính bản thân mình đã gây ra?".

Hiện tượng luân hồi quả báo biểu hiện qua tật bệnh còn có những ý nghĩa sâu xa hơn nữa khi có những bệnh và những biểu hiện bệnh lạ lùng ghê sợ xuất hiện ở một số người, những bệnh không những vừa gây đau đớn, mà còn làm cho cơ thể trở nên dị kỳ, gồ ghề, xấu xa khiến bệnh nhân phải đau khổ triền miên và đôi khi ẩn trốn trong nhà không dám lộ mặt ra đường hay bị mọi người xa lánh. Đối với thuyết luân hồi, quả báo thì



Bệnh phủ ngón tay (multiple chondromata) theo mô tả của Whittaker. (Ảnh từ liệu mượn trong Medical Curiosities. G.M. Gould và Walter L. Pyle - Hammond xuất bản, USA 1982)

cách giải thích vẫn là do nghiệp quả gây nên như những kẻ đã từng dày dạn kẻ khác bắt họ lao động khổ sở, xách vác đầy đồ vật nặng, hay giam giữ người trong tù ngục với những gông cùm, dây xích nặng nề v.v... đều phải chịu những quả báo tương xứng nặng nề như bại liệt chân tay, phải ngồi hay nằm một chỗ hay tay chân phồng lên hoặc lở loét quanh năm đau đớn. Bệnh phù chân voi là một dạng mà biểu hiện của quả báo thường nhắc đến. Bệnh phù chân voi (elephantiasis, elephantoid) là bệnh làm cả bàn chân và đôi khi cả cẳng chân phồng to lên. Đôi khi cả bàn tay hay các ngón tay đều phát triển to không thể đi đứng hay làm gì được. Bệnh này cũng giống như bệnh sưng mạch bạch huyết (dạng Lymphedema) khiến cho người hai chân phồng to trong cùng khung khiếp khiến người bệnh đi lại khó khăn.

Các tài liệu y khoa cho thấy rất nhiều dạng thể bệnh tật lạ lùng thuộc một phần của cơ thể phát triển to lên một cách bất thường khiến người bệnh phải khổ sở vì phải mang nó một cách nặng nề. George M. Gould và Walter L.Pyle là hai nhà sinh vật học có tiếng đã sưu tập vô số hình ảnh về các dạng bệnh trong cuốn: Medical Curiosities (nhà xuất bản Hammond - 1982). Trước đây, từ năm



Người có bìu dài phát trên khổng lồ (Ảnh từ tài liệu mượn trong Medical Curiosities G.M. Gould và Walter L.Pyle - Hammond xuất bản, USA 1982)

1896 một số lớn nội dung cũng đã được W.B. Saunders phổ biến.

Trong các tài liệu thu thập được có một hình ảnh đặc biệt do Bác sĩ James Thorington chụp một bệnh nhân ở đảo Fiji, người đàn ông này đặc biệt có bìu dài (scrotum) trướng nở to như một cái nồi lớn. Với cấu tạo dị tuồng đó, người thanh niên này vô cùng đau khổ và anh ta cảm thấy cuộc đời mình tàn tạ, mỗi ngày phải kéo lê một vật nặng như thế quả là một điều khó khăn. Người dân Fiji thường tin vào sự luân hồi quả báo. Mẹ người thanh niên này đã nghĩ rằng kiếp trước bà đã làm điều ác nên nay mới khiến bà sinh con chịu cảnh khổ đau ấy. Còn người thanh niên

ấy lại tin rằng chính anh đã tạo nghiệp dữ trong tiền kiếp và nay phải chịu trả quả. Những trường hợp như trên cũng được báo cáo (y học) ở bệnh viện Madras, ở Pháp, ở Anh, ở Hoa Kỳ, ở Đức... Ngoài ra hiện tượng phát triển quá đáng về bộ phận sinh dục còn thấy ở nữ giới như trường hợp một người đàn bà có bộ phận sinh dục phát triển lớn ở hai âm môi của âm hộ làm kéo dài xuống tận đầu gối. Phần nở lớn này nặng đến 55 ký. Năm 1962, các nhà y học còn ghi nhận một trường hợp tuồng tợ mà toàn bộ phần nở lớn tử mép âm hộ nặng đến gần cả 100 ký. Nhiều nơi khác trên thế giới cũng có báo cáo như thế. Câu hỏi được đặt ra là tại sao lại có sự bất thường phát sinh từ cơ quan sinh dục của người này? Đối với các nhà y học thì câu trả lời thuần sinh lý học có thể. Đó là sự lệch lạc về cấu tạo cơ thể do hiện tượng di truyền, hiện tượng đột biến, do gen, nhiễm thể v.v... nhưng các nhà nghiên cứu và tìm hiểu về hiện tượng luân hồi quả báo thì lại nghĩ đến những nguyên nhân, những cội nguồn sâu xa hơn nữa. Ví thế câu hỏi tuy dè dặt nhưng vẫn được đặt ra là phải chăng đó là hình ảnh về những nghiệp báo luân hồi? Nhiều trường hợp còn lạ kỳ hơn nữa khiến những người tin vào thuyết luân hồi cảm thấy câu giải đáp chỉ cần bằng hình ảnh khi tìm thấy được một số

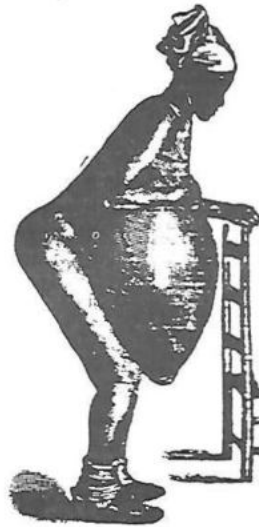
báo cáo y học về sự phát triển phi đại của cái lưỡi (hiện tượng Macroglossia) ở một số bệnh nhân khiến người này rất khó khăn khi nói hay ăn uống. Có người cổ tay và tay trướng phồng khiến rất khó xoay chuyển đầu, có người sau lưng bị nở phồng lên nên khi đi phải cong người lại như phải gánh vác một vật nặng to lớn. Tại một trường đại học ở Philadelphia (Hoa Kỳ) có một bức ảnh chụp người đàn bà Trung Hoa hầu như không thể di chuyển được vì bị một khối u lớn phát triển ở bụng. Khối u này to như một quả bóng nặng gần 90 ký lô trong đó chứa đến 22 gallons nước. Một người đàn bà da đen khác có vú và bụng nối liền nhau và trướng nở lớn ra nặng đến 135 pounds (1 pound = gần nửa ký) (xem hình).

Vì phải tự mang một vật nặng nề như thế nên mỗi lần di chuyển, người đàn bà này rất khổ sở, khó khăn. Một trường hợp khác, một người đàn bà da trắng có phần bụng trướng nở lớn cân nặng đến 149 pounds nên bà không di chuyển được phải nằm trên giường.

Có người sinh ra và lớn lên mang theo mình một khối lớn do một phần của cơ thể phồng to lên. Người này chỉ nằm và do người nhà cho ăn uống. Họ sống trong khổ đau với cái khối nặng đè lên mình cho tới chết. Nghiệp

quả trong những trường hợp này có thể được hiểu như là những gì mà ở kiếp trước đã gieo nay phải gánh lấy quả báo tương ứng (như đã dày dạn những người nào đó (kẻ tội tở, các người tù, lao công...) bắt họ gánh vác, làm việc mệt nhọc không ngơi nghỉ và hẳn tâm trước khổ đau thể xác của họ.

Riêng các trường hợp những người sinh ra có thân hình hay giường mặt kỳ quái thì những trường hợp này y khoa gọi là những quái thai. Nhưng những người tin vào thuyết luân hồi quả báo thì có một nguyên nhân sâu xa nào đó đã gây nên những quái trạng ấy. Nguyên nhân ấy chính là nghiệp quả mà trước đó người ấy đã tạo nên vì thế quả báo đã quay ngược trở lại để tác động lên chính bản thân người ấy. Do đó có người sinh ra với giường mặt xấu xí ai cũng ghê sợ phải lánh xa. Ở Ấn Độ năm 1970 có loan truyền trong dân chúng tại Bombay câu chuyện một người hành khất có giường mặt vô cùng ghê sợ, hai mắt như nối liền nhau, răng và xương hàm lộ ra nên trông như có miệng rộng thấu đến hai tai. Người này vừa bò ở chợ vừa kể lể: "Hãy thường xót tôi, trước đây chính tôi đã tạt axit vào mặt nhân tình của vợ tôi nên tôi đã bị quả báo ở kiếp này. Tôi là kẻ đáng ghê tởm hãy khinh ghét lòng dạ tôi nhưng hãy cứu lấy thân xác tôi..."



Người có bụng và vú lớn khiến di chuyển vô cùng khó khăn khổ sở (Tài liệu trong Medical Curiosities)

Thường thì những người dị tuồng ít khi dám ra đường vì thế hiếm thấy, tuy nhiên các tài liệu y khoa cho biết trên thế giới có rất nhiều người thuộc loại này. Họ là những người luôn luôn cảm thấy đau khổ, họ không dám nhìn mình trong gương, không dám tiếp xúc với ai vì quả tình không ai dám đến gần

họ. Không phải họ độc ác, nghèo hèn mà vì họ có thân hình hay giường mặt dị hợm lạ lùng khác người. Bác sĩ Robert W. King là người tiếp xúc nhiều với những người dị tuồng phát biểu như sau: Tâm trạng của những người này luôn luôn ở tận cùng đau khổ. Họ thường than thân trách phận rằng thà làm quỉ, làm thú vật, còn hơn làm người mà lại dị dạng nhất là có giường mặt xấu xí ghê sợ. Phần lớn những người này đã tìm đến tôn giáo và họ nghĩ rằng họ đang bị đấng tối cao trừng phạt về những tội lỗi mà họ đã gieo trước đó. Đó là nguồn an ủi duy nhất cứu họ thoát khỏi sự tự vẫn. Ví dù bị hắt hủi đến mấy, họ vẫn ham sống và thích được sống.

Câu phát biểu sau cùng của bác sĩ Robert W. King đã gợi ý cho một câu hỏi và câu trả lời tiếp theo của những nhà nghiên cứu về thuyết luân hồi.

Tại sao những người dị tuồng sống trong khổ đau tui hận lại vẫn ham thích sống?

Phải chăng đó là bản năng của tất cả mọi loài sinh vật hay phải chăng đó là nghiệp quả mà những người đó đã tạo ra thì phải gánh lấy theo đúng thời gian nào đó? Họ phải

sống để chịu khổ đau hay nói khác đi là phải sống để trả quả báo.

Trở lại hình ảnh về những người dị tướng, các tài liệu y học đã nêu khá nhiều. Những hồ sơ lưu trữ tại các viện y học, các bệnh viện, các đại học y khoa khắp thế giới cho thấy có vô số những hình ảnh về những người dị tướng. Sách *Medical Curiosities* của Walter L. Pyle và George M. Gould có in lại hình ảnh của người đàn ông có cái mũi to lớn dị kỳ thoạt trông giống như cái mũi két. Người này có tên là Thomas Wedders có cái mũi dài đến 7 inches rưỡi.

Có người mặt giống mặt con hà mã, như một người đàn ông ở Philadelphia có mũi và miệng môi kéo dài ra phía trước một cách lạ lùng. Trong một báo cáo y khoa, Ohmann Dumesnil đã trình bày những trường hợp đặc



Những gương mặt người giống mặt thú (Ảnh tư liệu mượn trong *Medical Curiosities* G.M. Gould và Walter L. Pyle - Hammond xuất bản, USA 1982)

biệt, theo đó nhiều người có gương mặt rất giống con tê giác. Có người đôi môi dài ra và nhỏ lại như mỏ chim, có người mũi kéo dài giống như mũi voi. Có người gương mặt hoàn toàn giống sù tử mà bác sĩ Moor đã báo cáo về trường hợp này ở một người có gương mặt lạ lùng: mũi to tử sống mũi chạy dài từ trán xuống gần miệng trong khi hai mắt dang ra gần hai bên thái dương. Ở bệnh viện Luân Đôn (Anh Quốc) cũng có một báo cáo về một người tên là Merrick, người này sinh tại Leicester có gương mặt giống voi...

Tất cả những hình ảnh ấy càng khiến cho những người tin vào thuyết luân hồi nghĩ đến những nguyên nhân nào đó từ kiếp trước mà người có gương mặt giống thú đã gây ra và giờ đây họ phải nhận quả báo bằng cách mang lấy hình hài hay diện mạo của loài thú. Câu hỏi được đặt ra là phải chăng những người ấy là từ loài thú đầu thai mà thành nhưng vì lý do gì đó mà chưa gột bỏ được hoàn toàn xác cũ? Hoặc là những người này ở kiếp trước đã tàn hại một cách dã man không thương tiếc những loài thú? v.v...

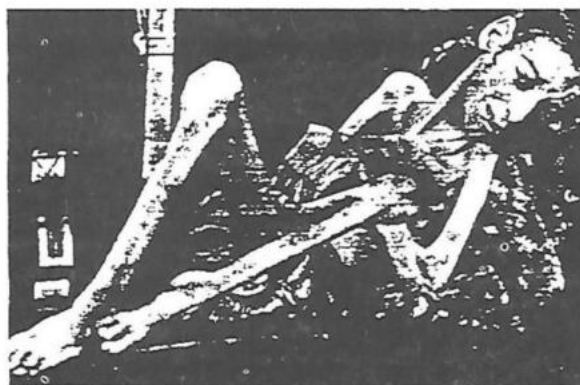
Tóm lại những bệnh tật, những đau khổ xác thân, theo thuyết luân hồi là kết quả của những gì đã gây nên từ tiền kiếp. Không lý do gì cũng đều là loài người như nhau mà có người luôn luôn được khỏe mạnh an vui, lại có người bệnh tật khổ đau dày vò. Chỉ cần nhìn hình ảnh một con người như hình chụp dưới đây về một người thanh niên có tên là Rosa Lee Plemons mới 18 tuổi. Với tuổi trẻ đáng lý phải vui tươi tràn đầy nhựa sống, anh ta chỉ nặng 27 pound (chưa đầy 14 ký lô) vì cơ thể chỉ có da bọc xương không phải vì đói khát mà từ lúc sinh ra đến 18 tuổi dù được nuôi nấng cơ thể vẫn thế. Giới y khoa rất ngạc nhiên vì anh ta chẳng có bệnh tật gì? Câu hỏi lại được đặt ra là tại sao người thanh niên này lại phải chịu cảnh đau khổ đó? Với một nắm xương khằng khiu ấy, anh ta sẽ hoạt động ra sao trong suốt cuộc đời mình? anh ta còn làm bạn được với ai? và tại sao anh ta phải chịu đau khổ như vậy? Ngoài câu giải đáp của giới y khoa về sự lệch lạc trong cấu tạo cơ thể thì giải đáp từ thuyết luân hồi quả báo vẫn là giải đáp có ý nghĩa sâu xa.

Trở lại vấn đề chữa bệnh của ông Cayce tại Hoa Kỳ, ông này có năng khiếu lạ lùng là có thể, qua giấc ngủ thôi miên, tìm lại tiền kiếp của người bệnh và truy nguyên ra nguồn gốc gây ra bệnh. Dĩ nhiên chỉ những bệnh nan y, còn những bệnh phát sinh bình thường thì phần lớn chỉ đơn thuần chữa trị theo phép y khoa. Ông Cayce đã thực hiện hơn hai nghìn cuộc chữa bệnh bằng phương pháp thôi miên tìm về tiền kiếp của bệnh nhân trong vòng hai mươi năm trời, nhờ năng khiếu thần nhãn lạ lùng mà ông biết được nhiều sự kiện qua các cuộc "soi kiếp" đó để có được một số kết luận mới lạ và giá trị như sau: sự khổ đau, bệnh tật xuất hiện ở kiếp hiện tại những nguyên nhân lại là ở tiền kiếp. Có

nguyên cứu về vấn đề này. Bệnh tật thật sự không phải hoàn toàn phát sinh từ nguyên nhân thuộc về sinh lý học mà còn liên quan đến tâm thần, vì thế mà khoa tâm thần học phát sinh. Nhiều căn bệnh phát sinh do tinh thần bị nhiễu loạn. Khi tinh thần bị rối loạn, căng thẳng, sẽ dễ biểu lộ ra qua những gì liên quan đến thể xác. Có người hay bị hồi hộp, hốt hoảng, uất nghẹn trong khi ngủ, khi nói, khi ăn, phần lớn đều có nguyên nhân rối loạn tinh thần. Ngoại trừ trường hợp sự hồi hộp, uất nghẹn ấy phát sinh do chất thuốc, do thức ăn nuốt quá mau, nghĩa là thuộc về sinh lý cơ thể thì không nói.

Theo ông Cayce, khi chẩn bệnh cho một người bị bệnh suyễn, ông truy nguyên từ kiếp trước của người này và thấy rằng trong tiền kiếp, ông ta là người đã từng áp bức, hà hiếp kẻ khác những kẻ cơ thể thường phải đau khổ nín lặng chịu đựng. Qua kiếp này, ông ta phải chịu luật nhân quả và những gì ông đang gặp phải như sự đè nặng ở tim, hồi hộp, đau khổ, bực bội, khó thở v.v... Chính là hình thức của quả báo phát sinh do những hành động từ tiền kiếp mà ông đã gây ra. Như vậy, phần lớn những đặc điểm về bệnh lý thấy ở mỗi người là những biểu hiện tương ứng của những gì người ấy đã hành động ở kiếp trước.

g) Có nhiều bệnh được y học chữa khỏi nhưng cũng có rất nhiều bệnh mà y học đành chịu bó tay. Nguyên nhân là những bệnh này thuộc về lãnh vực tâm linh chứ không phải thuộc về sinh lý học của thân xác. Bệnh có thể tiềm ẩn, có thể biểu lộ qua thân xác nhưng y học nếu có phát triển mạnh cũng chỉ làm cho bệnh giảm bớt sự lan rộng chứ không thể lành bệnh. Muốn lành bệnh thì cách chữa phải áp dụng vào lãnh vực tinh thần, có nghĩa rằng bệnh nhân phải tự soi sáng tâm hồn mình và hiểu rằng mình đã có những hành động xấu xa nào đó ở kiếp trước và bây giờ phải nhận lấy nghiệp quả khổ đau. Vì thế phải sống bằng hành động từ cửu chuộc qua việc làm từ thiện, giúp đỡ mọi người với tất cả tấm lòng khoan dung, độ lượng, nhân hòa...



Rosa Lee Plemons với cơ thể của kẻ bất hạnh trên trần gian (Ảnh tư liệu mượn trong *Medical Curiosities*. G.M. Gould và Walter L. Pyle - Hammond xuất bản, USA 1982)

nghĩa là nguồn gốc của sự đau khổ cũng như những căn bệnh (nhất là bệnh nan y hiếm nghèo) chính là do những hành động ở kiếp trước tạo nên.

Giữa thể xác và tâm hồn luôn luôn có sự tương quan mật thiết với nhau. Khoa tâm bệnh học gọi là Psychosomatique chuyên

Tuy nhiên không phải tất cả mọi bệnh tật đều do có nguyên nhân từ tiền kiếp như đã nói từ trước, cũng như mọi tật bệnh đều không thể chữa bằng phương pháp y học. Tốt nhất là sự hỗ trợ hài hòa của phương pháp chữa bệnh theo lãnh vực sinh lý học thuộc về y học và phương pháp chữa bệnh thuộc về tâm linh.

(Còn tiếp)



AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen versehen von Meister Thich Thien Tam;
Copyright der deutschen Übersetzung Tu-Xung Roland Berthold)

Zweifel und Fragen zum
Lauteren Land
(Ching-t'u Huo-wen; T.47; No.
1972)
Ch'an-Großmeister T'ien-Ju

(Fortsetzung)

Frage 4

Die "heimholende Kraft" (d.h. die Lehre) der Methode des Lauteren Landes ist wahrhaft allumfassend - - dieser törichte Mönch wagt nicht länger, daran zu zweifeln. Ich hörte jedoch solche Ausdrücke wie "Selbst-Natur-Amitäbha" und "Nur Geist Lauteres Land" und konnte mich darüber insgeheim nur freuen! (71) Das ging so lange, bis ich mir die Sūtras und Kommentare des Lauteren Landes anschaute und entdeckte, daß das Lautere Land das Land der Höchsten Glückseligkeit ist, zehn Milliarden Buddhaländer von hier entfernt, und daß Amitäbha der Lehrer jenes Landes ist. Es scheint daher einen Widerspruch zu geben : hier (d.h. Nur-Geist-Lauteres Land) und dort (d.h. Lauteres Land im Westen) sind ziemlich von einander entfernt und außerhalb der Wahrheit der Nur-Geist-Selbstnatur! Wie soll ich dies verstehen?

Antwort

Du hast noch immer ein oberflächliches und engbegrenztes Verständnis dieser Dinge. Weißt du nicht, daß dein wahrer Geist allumfassend und alleleuchtend ist? Das Sūrangama-Sūtra sagt :

"Die verschiedenen Berge, Flüsse und Kontinente, selbst der leere Raum außerhalb unseres physischen Körpers, sind alles Bereiche und Erscheinungen innerhalb des wunderbaren, hellen Wahren Geistes."

Und weiter :

"Die Erscheinungen, die entstanden sind -- sie sind alles Manifestationen des Nur-Geistes."

Wo kannst du dann ein Buddhaland außerhalb des Geistes finden? Deshalb bezieht sich die Vorstellung des "Nur-Geist-Lauteren Landes" auf das Lautere Land in unserem Wahren Geist. Dies gleicht dem Ozean, aus dem zahllose Blasen aufsteigen, von denen sich jedoch keine außerhalb des weiten Ozeans befindet. Es gleicht auch den Staubkörnern auf der Erde, von denen jedoch keines nicht die Erde ist. Ebenso gibt es kein Buddha-Land, welches nicht Geist ist.

Deshalb haben die Weisen und Heiligen gesagt :

"Dieser eine Geist umfaßt vier Arten von Ländern in ihrer Gänge : a) das Land des Gemeinsamen Verweilens der Wesen und der Heiligen; b) das Land der Geschickten Mittel, c) das Land der Wahren Vergeltung und d) das Land des Ewig-Stillen Lichtes (Ewige Heiterkeit und Erleuchtung) ..."

(Das Land des Gemeinsamen Verweilens wird überdies in das Lautere Land des Gemeinsamen Verweilens und in das Unreine Land des Gemeinsamen Verweilens unterteilt.) (72)

Die Unterschiede zwischen den vier Ländern beruhen auf verschiedenen Ebenen der Übung und Verwirklichung. Tatsächlich sind sie jedoch nur ein einziger Bereich. Der Wahre Geist umfaßt die zehntausend Erscheinungen.

(73) Länder so zahlreich wie die Staubkörner in den zehn Richtungen sind nichts anderes als die Bereiche in unserem Geist. Die zahllosen Buddhas der drei Zeiten sind auch die Buddhas unseres eigenen Geistes. Nichts existiert außerhalb unseres Selbst-Geistes. Wenn wir diese Wahrheit verstehen, erkennen wir, daß es kein Land gibt, das unabhängig von unserem eigenen Geist existiert. Es gibt keinen Buddha, der erscheint, ohne von unserer Natur abhängig zu sein. Wenn dies so ist, wie kann dann das Westliche Lautere Land zehn Milliarden Buddha-Länder entfernt von hier nicht das Lautere Land des Nur-Geistes sein?

Auf diese Weise ist das Land der Höchsten Glückseligkeit. Und der Lehrer jenes Landes ist in gleicher Weise der Buddha Amitäbha der Selbst-Natur. Wir sollten verstehen, daß dieser Geist die Vollkommenheit der Zehn Bereiche umfaßt, worin die Körper und Länder ad infinitum einander frei durchdringen. Wir sollten weiter verstehen, daß der Geist, der Buddha und die Lebewesen zwar drei, in Wirklichkeit jedoch eines sind : (74) sie besitzen dieselbe Natur und sind nicht voneinander verschieden. Die Lebewesen und die Buddhas erscheinen austauschbar, und ihre Gedanken durchdringen einander ...

Der Bereich des Wahren Geistes, der zahllose Länder umfaßt, kann mit dem Juwelennetz des Indra verglichen werden, das im Avatamsaka-Sūtra beschrieben wird. (Dies ist ein Netz, welches im Palaste Indras, des Königs der Götter, hängen soll. In jedem Zwischenraum des Netzes gibt es einen widerspiegelnden Edelstein, der nicht nur die angrenzenden Edelsteine spiegelt, sondern die zahllosen Bilder, die sich in diesen widerspiegeln. Dieses berühmte Bild soll die ungehinderte Durchdringung von allem und jedem beschreiben.) (75)

Das Westliche Lautere Land (wie auch alle anderen 10 Milliarden Buddhaländer) gleicht einem der Edelsteine in Indras Netz.

Auf einer subtileren Ebene gleicht alles und jedes, durch alle Länder hindurch, von den Buddhas, Bodhisattvas und Arhats bis hinunter zu den Tieren, den Hungergeistern und Höllenwesen einem der Edelsteine. **Buddha Amitäbha selbst ist einer der Edelsteine.** Wenn man deshalb einen Buddha sieht, sieht man alle Buddhas der 10 Richtungen wie auch die neun Bereiche der Lebewesen in den 10 Richtungen. Die Fülle der Buddhaländer, die 10 Richtungen in Vergangenheit und Gegenwart -- alles bildet ein "Ozean-Siegel", "spontan und vollkommen." Es gibt keine anderen Dharmas. (76)

So sind die "Staubkörner" (die Sinnesobjekte) in den 10 Milliarden Buddhaländern durch Verwandlung gerade in unserem eigenen Selbst-Geist entstanden. Wie kann die

Impressum

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
Herausgeber : Ven Thich Nhu Dien

Redaktion :
Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der
BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : alle zwei Monate
Druck, Satz und Layout : VIBUS - HANNOVER
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur
mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.

"Substanz", (d.h. das Wesen), die in den neun Lotusgraden (der Wiedergeburt im Lauteren Land) erscheint, von dem Wahren Soheit-Buddha getrennt oder außerhalb von ihm sein? Diese Erklärungen sind die erleuchteten Lehren der Buddhas, Patriarchen, Weisen und Heiligen. Wenn wir diese Wahrheit verstehen, werden wir erkennen, daß das Westliche Lautere Land Nur-Geist ist. Und jedes Buddhaland, jedes Staubkorn, ist ebenfalls Nur-Geist. Der Herr Amitâbha-Buddha ist die Selbst-Natur, und jeder Buddha, jedes Lebewesen ist ebenso die Selbst-Natur. (77) Was kann man daran bezweifeln?

Ergänzende Anmerkungen von Dharma-Meister Thien Tam

Der Wahre Geist des Dharma-Bereiches ist ein unermeßlich weiter und ausgedehnter Zustand, der eine unfaßbare Zahl von Ländern, Buddhas und Lebewesen umfaßt.

In diesem Einen Wahren Zustand gehört der Aspekt der Länder und Lebewesen, welche sich unablässig im Fluß befinden, zu der "Pforte von Geburt und Tod". Der stille und erleuchtende Aspekt -- still, wunderbar, klar, hell und immerwährend -- wird "Pforte der Wahren Soheit" genannt.

Der Wahre Geist ist ein Gemeinsamer Wahrer Zustand, welcher beide Pforten, die bedingte und die unbedingte, einschließt. Alle folgenden Begriffe beziehen sich auf jene Wahre Natur : Wahrer Geist, Selbst-Natur, Buddha-Natur, Schoß des Tathâgata, Dharma-Bereich, Dharma-Natur, Wahres Merkmal, Nirvâna, Dharma-Körper, Alaya Bewußtsein des Tathâgata, Ursprüngliches Antlitz, Prajnâ, wahre Leerheit ...

Der Buddha lehrte zwei Wege der Rückkehr zu jener wahren Natur. Solche Dharma-Methoden wie Ch'an, T'ien-t'ai (Tendai- oder Lotus-Schule) und ein Teil der Esoterischen Schule gehen durch die Pforte der Leerheit. Andere Schulen, wie die Schule des Lauteren Landes, die Avatamsaka-Schule, die Vinaya-Schule (der Zucht) wie auch der Diamant-Teil der Esoterischen Schule tun dies durch die Pforte der Existenz.

Deshalb erkennen jene, welche die Prajnâ-Wahrheit des Ch'an oder die Bedeutung der Zehn Geheimnisvollen Tore der Avatamsaka-Schule gründlich verstehen, daß Form nicht verschieden von Leerheit ist. Und Leerheit ist nicht verschieden von Form; Form ist Leerheit; Leerheit ist Form. Andererseits werden jene, denen es an gründlichem Verstehen mangelt, an der Leerheit haften, wenn sie nicht an der Existenz haften.

Jedoch läßt das Anhaften an der Existenz den Übenden wenigstens Ursache und Wirkung fürchten, Verfehlungen meiden und heilsame Taten wirken, was zu glücklicher Wiedergeburt in menschlichen und

himmlischen Bereichen führt -- oder (bei eifrig üben der Buddha-Rezitation) im Westlichen Lauteren Land. Wenn man andererseits an der Leerheit haftet, wird man Ursache und Wirkung schmähen und die Buddhas und Weisen ablehnen. So wird man künftig auf die Drei Üblen Pfade hinabsteigen. Deshalb haben die Alten gewarnt : "Es ist besser, an der Existenz zu haften, wenn auch das Anhaften so groß wie der Berg Meru ist, als an der Leerheit zu haften, wenn auch das Anhaften so klein wie ein Senfkorn ist." (78)

Der besuchende Ch'an-Meister unserer Geschichte verstand den Wahren Geist noch nicht richtig. Als er dann hörte : "Das Lautere Land ist Nur-Geist, die Selbst-Natur ist Amitâbha", schloß er daraus voreilig, daß unser Geist, wenn er rein ist, gerade das Lautere Land, gerade Amitâbha-Buddha ist -- und daß es kein anderes solches Land der Glückseligkeit und keinen Buddha namens Amitâbha gibt. Solche irrenden Personen, die an der Leerheit haften, kann man überall antreffen. Im allgemeinen weisen sie die Existenz des Buddha Amitâbha, des Westlichen Lauteren Landes, dämonischer und himmlischer Bereiche zurück oder behaupten andererseits, daß der Bodhisattva Erd-Schoß (Ksitigarbha) der Geist-Grund-Natur-Schoß sei, und daß es keinen solchen Bodhisattva wie Erd-Schoß gäbe. (79)

Dies ähnelt dem Tragen einer dunklen Brille und dem darauf folgenden Sehen aller Dinge als schwarz. Wie viele Dharma-Darlegungen solche Übenden auch geben und wie viele Sûtras und Kommentare sie auch verfassen oder übersetzen mögen, letztlich verirren sie sich und entwickeln die Krankheit des Anhaftens an der Leerheit.

Diese Personen sind hohl und eitel. Sie betrachten sich als klug und erhaben, während sie andere als an Formen anhaftend verurteilen. Sie haben zwar die Absicht, den Dharma darzulegen, aber eigentlich verunglimpfen sie stattdessen die Drei Kostbarkeiten (Buddha, Dharma, Sangha). Und sie gehen nicht nur selbst in die Irre, sondern sie führen gleichermaßen zahllose andere dahin. Dies gleicht einem Arzt, der den Lebewesen helfen möchte, stattdessen jedoch viele Patienten schädigt, weil seine Kenntnisse noch nicht ausreichend sind. Deshalb bringt die Übersetzung von Sûtras und die Darlegung des Dharma nicht notwendigerweise Verdienste und eine Verkündung des Dharma, wenn der Autor in die Irre geht und die Absicht der Sûtras mißdeutet.

(Fortsetzung folgt)

Anmerkungen :

71. Im Mahâyâna-Buddhismus, sei es nun Lauteres Land, Ch'an usw., ist Amitâbha-

Buddha auf der Ebene des Noumenon unsere Erleuchtete Selbst-Natur, all-erleuchtend und ewig -- genau so wie Er der Buddha des Unbegrenzten Lichtes und Unendlichen Lebens ist. Daher bedeutet die Formulierung "Selbst-Natur Amitâbha-Buddha, Nur-Geist Lauteres Land", daß, wenn der Geist rein ist, das Umfeld, das Land gleichermaßen rein ist. Diese Formulierung ist im Ch'an sehr populär.

72. Vier Arten von Ländern. Eine Klassifizierung der verschiedenen in den Sûtras beschriebenen Bereiche in der Schule des Lauteren Landes und in der T'ien-T'ai-Schule. Sie sind :

i) Das Land des Gemeinsamen Verweilens der Wesen und Heiligen, in dem alle Wesen von den sechs niederen Welten (Höllen, Hungergeister usw.) bis hin zu den Buddhas und Bodhisattvas zusammenleben (weiter in zwei unterschieden, das Lautere Land des Gemeinsamen Verweilens und das Unreine Land des Gemeinsamen Verweilens);

ii) Das Land der Geschickten Mittel, welches von Arhats und niederen Bodhisattvas bewohnt wird;

iii) Das Land der Wahren Vergeltung, welches von den höchsten Bodhisattvas bewohnt wird;

iv) Das Land des Ewig-Stillen Lichtes, in welchem die Buddhas verweilen. Diese Unterscheidungen sind ein pädagogischer Kunstgriff. Auf der Ebene des Noumenon gibt es natürlich keine Unterschiede zwischen ihnen.

73. Zehntausend, zehn Milliarden, d.h. eine unendliche Anzahl.

74. Dies ist ein wesentliches Mahâyâna-Konzept : "Geist, Buddha, Lebewesen -- diese drei sind nicht verschieden."

75. Zu einer Beschreibung und Erläuterung des Netzes Indras, siehe Francis Cook "Hua-Yen Buddhism", p. 2.

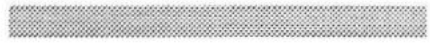
76. "Ozean-Siegel", "spontan und vollkommen" sind technische Begriffe, die im Avatamsaka-Sûtra und in anderen Mahâyâna-Sûtras benutzt werden. Die Bedeutung des Abschnittes kann in der berühmten Avatamsaka-Lehre des "einen in einem, eines in allem, alles in einem, alles in allem" (alles durchdringt einander frei ad infinitum) zusammengefaßt werden.

77. Dazu das Avatamsaka-Sûtra, Kap. 20 : "Wenn man alle Buddhas der drei Zeiten verstehen will, sollte man die Natur des Dharma-Bereichs betrachten: Alles ist allein geistgeschaffen." (übers. von Meister Hsüan-Hua).

78. Eine sehr wichtige Vorstellung.

79. "Einige Leute sagen, daß das Lautere Land nichts als Geist sei, daß es kein Lauteres Land der Höchsten Glückseligkeit außerhalb der Billionen von Welten des Kosmos gäbe. Dieses Reden vom Nur-Geist hat seine Ursache in den Worten der Sûtras und ist wahr, nicht falsch. Aber diejenigen, die sie in diesem Sinne zitieren, mißverstehen ihre Bedeutung.

Der Geist ist den Objekten gleich : es gibt keine Objekte außerhalb des Geistes. Da die Objekte ganz Geist sind, warum sollten wir am Geist haften und die Objekte ablehnen? Jene, welche die Objekte ablehnen, während sie vom Geist reden, haben den Geist nicht verstanden." (Meister Chu-hung, in J.C.Cleary, übers., Pure Land, Pure Mind, p. 99)



Sûtra von den acht Einsichten großer Menschen (1)

(Übersetzt von Prinz An Shih-kao
zur späten Han-Zeit)

Ein Schüler des Buddha sollte unablässig, Tag und Nacht, mit äußerster Aufrichtigkeit diese acht Einsichten großer Menschen (2) rezitieren und bedenken :

Die erste Einsicht :

Unbeständig sind alle Dinge in der Welt. Unsicher und zerbrechlich ist die ganze Erde. Alles aus den vier großen Elementen (3) ist leidhaft und leer. Die fünf Skandhas (4) sind ohne ein Selbst. Sie entstehen und vergehen und wandeln sich unablässig, sind trügerisch und haben keinen Herrn. Das Unheilsame entspringt dem Geiste, und Übeltaten wachsen aus der Körperlichkeit. Wenn man alles auf diese Weise betrachtet, wird man

sich allmählich aus dem Kreislauf von Geburt und Tod lösen.

Die zweite Einsicht :

Je mehr man begehrt, um so mehr schafft man Leiden. Die Erschöpfung im Kreislauf von Geburt und Tod ist die Folge des Begehrens. Genügsamkeit und Loslassen jedoch machen unseren Geist und unseren Körper frei von allen Verstrickungen.

Die dritte Einsicht :

Wenn der Geist unersättlich ist und immer mehr begehrt, vermehrt man ständig das Unheilsame. Ein Bodhisattva wird dies vermeiden. Er bewahrt Genügsamkeit im Geiste, ist mit Besitzlosigkeit zufrieden und folgt dem rechten Weg. Allein Weisheit strebt er an.

Die vierte Einsicht :

Trägheit läßt den Menschen straucheln. Deshalb sollte man stets mit Tatkraft üben, um die Geistesbefleckungen zu zerstören, die Vier Mâras (5) zu besiegen und damit aus dem Gefängnis der Skandhas und (drei) Welten (6) zu entkommen.

Die fünfte Einsicht :

Torheit verursacht den Kreislauf von Geburt und Tod. Deshalb ist der Bodhisattva unermüdlich bestrebt, sein Wissen zu erweitern, an Weisheit zu wachsen und seine Beredsamkeit zu vervollkommen, um dann allen Wesen durch Belehrung große Glückseligkeit zuteil werden zu lassen.

Die sechste Einsicht :

Die Armen und Leidenden klagen häufig und schaffen sich dadurch überall unheilsame Bedingungen. Wenn ein Bodhisattva Gebefreudigkeit übt, behandelt er Freund und Feind ohne Unterschied in gleicher Weise. Er beachtet deren frühere Bosheiten nicht und hegt gegen Übeltäter keinen Abscheu.

Die siebente Einsicht :

Durch übermäßiges Ausleben der fünf Arten des Begehrens (7) schafft man Unheil. Obwohl der Laienjünger in der Welt lebt, wird er sich nicht mit weltlichen Vergnügungen beflecken, sondern stets der drei Gewänder, der Bettelschale und der (anderen) Dharma-Gegenstände eingedenk sein. Wenn man die Absicht hat, in die Hauslosigkeit zu gehen, möge man gewissenhaft die Regeln beachten, rein bleiben, sich an den erhabenen Weg halten und tiefes Mitgefühl zu allen leidenden Wesen entfalten.

Die achte Einsicht :

Der Kreislauf von Geburt und Tod ist ein loderndes Feuer. Unzählige Leiden gibt es. Deshalb soll man das Mahâyâna-Gelübde ablegen, alle Wesen zu erretten, und bereit sein, die Leiden aller Wesen auf sich zu nehmen und diese dann zur höchsten Glückseligkeit hinüberzuführen.

Diese acht Punkte sind die Einsichten aller großen Menschen, der Buddhas und Bodhisattvas. Sie haben diese mit Tatkraft und Ausdauer geübt, sind dadurch an Mitgefühl und Weisheit gewachsen und haben mit dem Floß des Dharma das andere Ufer erreicht. Aus Erbarmen sind sie wieder zurückgekommen und verweilen mit dem einen Ziel, alle Wesen hinüberzubringen, im Kreislauf von Geburt und Tod. Deshalb haben sie die Wesen mit diesen acht Einsichten belehrt, damit sie die Leiden von Geburt und Tod durchschauen, die fünf Arten des Begehrens aufgeben und ihren Geist auf dem Edlen Pfad üben. Wenn ein Schüler des Buddha unablässig diese acht Einsichten rezitiert, wird er mit jedem Gedanken zahllose Verfehlungen tilgen, unverzüglich zur vollkommenen Weisheit eilen und alsbald an das Ufer der Erleuchtung steigen. Dann wird er auf immer Geburt und Tod ein Ende bereitet haben und in immerwährender Glückseligkeit verweilen.

Anmerkungen :

- 1) Eigentlich wohl: "Schrift von den acht Erwägungen großer Menschen (attha mahâpurisa vitakka)" (Hinweis von Herrn Gao Ming-dao).
- 2) Die Buddhas und Bodhisattvas.
- 3) Erde (Festes), Wasser (Flüssiges), Feuer (Hitze), Wind (Bewegung).
- 4) Die fünf Komponenten der Persönlichkeit: Körperlichkeit, Empfindung, Wahrnehmung, Geistesprozesse, Bewußtsein.
- 5) Die Mâras (dunklen Kräfte): a) der fünf Skandhas, b) des Todes, c) des Begehrens, d) des Samsâra.
- 6) Welt der Sinne, Welt der Form, Welt der Formlosigkeit.
- 7) Begehren nach: a) Reichtum, b) Geschlechtsverkehr, c) Ruhm, d) übermäßiger Nahrungsaufnahme, e) übermäßigem Schlaf.

(Nach der englischen Übertragung von Dr. Liao Te-cheng ins Deutsche übersetzt und erläutert von Tu Xung Roland Berthold; durchgesehen und mit dem chinesischen Original verglichen von Dr. Hui-wen von Groeling)

WEG OHNE GRENZEN

•Thich Nhu Dien

(Fortsetzung)

Nach dem Einrichten des neuen Hauptsales kam das Ullambana-Fest. In diesem Jahr fand das Fest am 19.08.78 (16.07. nach Mondkalender) statt. Für die Vorbereitung dieses Festes hatten wir die Arbeiten an die Studenten folgendermaßen verteilt: Herr Tuan sorgte für den Gästempfang, Herr Diep für die Dekoration, Frau Cuc für den Einkauf, Fräulein Hanh für das Festmahl und noch viele andere in Hannover waren beteiligt. Die Zeremonie fand sehr würdig im Hauptsaal mit der aufrichtigen Hochachtung aller Menschen statt. Es waren ungefähr 100 Personen anwesend. Essen und Zeremonie wurden nur in der Pagode durchgeführt, wir hatten auch keine musikalische Veranstaltung. Denn der Organisationsausschuß wußte keine zuverlässigen Teilnehmerzahlen. Sie konnten sich nur danach richten, was sie in der Hand hatten.

Dieses Fest war für mich noch eine wichtige Sache, vermerkte es doch ein fortgeschrittenes enormes Heranwachsen. Das war mein Empfangen der Laien-Schüler. Es gab 3 Personen: Herr Ngo Ngoc Diep mit dem Dharmanamen *Thi Chon*, er war mein erster Laien-Schüler und hatte viel Legenden; Herr Nguyen Trung Hieu, mit dem Dharmanamen *Thi An* und *Fri.Doan Thi Thu Hanh* mit dem Dharmanamen *Thi Nhan*. Seit ich in die Hauslosigkeit gegangen war, waren es bis jetzt nach den Orden Sramanera und Bikkhu, insgesamt 15 Jahre (1964-1978). Es war eine ziemlich lange Zeit für das normale Leben, aber sehr kurz für das klösterliche Leben. Eigentlich nahm ich keinen Schüler an, aber ich sah, daß die Zeit gekommen war und es außerdem keinen Mönch in Deutschland gab. Meine Pflicht war, sie auf den richtigen Weg des Dharma zu führen. Die beiden Buddhisten waren in dieser Zeit Studenten in Hannover. Jetzt ist der eine Ingenieur und der andere Diplom-Informatiker. Die Buddhistin ist verheiratet mit einem Promovierten.

In der Zeremonie der Zufluchtnahme bei den drei Juwelen gab es kein Buch der Vinaya-Vorschriften für die Grundlage der Regelerklärung. Ich konnte nur mit Hilfe meines Gedächtnisses die Regeln übermitteln. Der Buddhist *Thi Chon Ngo Ngoc Diep* wurde früher von den anderen Studenten verspottet, sie sagten: "Wenn Du Zuflucht bei den drei Juwelen nimmst und keinen Alkohol mehr trinkst, stürzt die Erde in Hannover zusammen." Aber die Stadt Hannover stürzte nicht, sondern entwickelte sich im Gegenteil weiter, weil hier eine Pagode existierte und viele Menschen die eigenen privaten Dinge beiseite gelassen hatten, um dem Dharma zu dienen, und auch auf Alkohol verzichteten.

Nach dem Ullambana-Fest wurde die geistige Stimmung der Buddhisten, besonders die des Gemeindeausschusses sehr standhaft. Sie festigten ihre Empfindung

des Glaubens und konnten weiter aktiv arbeiten.

Die Dinge, die zwischen Meister und Schülern geschahen, waren manchmal sehr freudig, es half dem Geistlichen sehr viel, in vielen Gesichtspunkten, dadurch führte er einen tugendhaften Wandel vor ihm selbst. Und so fühlte er auch, daß er gewisse Verpflichtungen hatte. In Sutren stand geschrieben:

"Der Schüler sucht leicht den Meister auf,

der Meister aber schwer einen Schüler."

Es war überhaupt nicht falsch, der Meister fragt seinen Schüler nach seinen Ansichten und es ist für ihn nicht leicht. Denn war es aber nicht, wenn der Schüler da war und dann: *"So lange das Geld ausreicht, bleibt der Schüler da. Und wenn der Reis nicht mehr vorhanden ist, gibt es weder Meister noch Schüler!"*

Der Schüler sollte seinen Meister verstehen, dann war er wirklich ehrenwert. Es gibt viele Personen, die man sofort beim ersten Blick mag und umgekehrt schenkt man ihnen keine Sympathie. Warum ist es so? Wenn es zwischen beider Menschen keine Lichtstrahlen gibt, die übereinstimmen. Aber es gibt auch Menschen, die wir nicht mögen, aber die andere mögen, weil zwischen beiden Menschen Lichtstrahlen entstehen oder die Lichtstrahlen keine Gemeinsamkeit haben. Lebewesen wie wir haben nur weltliche Augen, deshalb haben wir die zusammengesetzten Lichtstrahlen nur für die Liebe und nicht für den Haß. Aus diesen Gründen entstanden Widersacher nämlich Leben und Tod und die Wiedergeburt. Buddha und die anderen Heiligen die schon aus dem weltlichen Leben austraten, hatten nur diese Lichtstrahlen, die Zuneigung ausstrahlten. Deshalb kamen viele Menschen zu ihnen, um gestützt zu werden oder um sie zu verehren. Im Buddha existierten nur die vollkommene Barmherzigkeit und die vollständige Güte. Und die Menschen hatten diese auch, aber sie wurden auf einen kleinen Bereich begrenzt. Wir lernen daraus, daß wir lieber allen Menschen und allen Lebewesen Zuneigung schenken, mehr als Feindseligkeit zu erschaffen. Wenn man sich für eine Feindschaft rächte, würde immer mehr Mißgunst geschaffen. Nur wenn man Dankbarkeit als Vergeltung nimmt, wird der Haß sofort vernichtet. Wir sollten die Lichtstrahlen der Liebe ständig vermehren, um zusammenzusein und dadurch den Verdacht untereinander zu vermeiden.

In dieser Zeit studierte ich immer noch an der Pädagogischen Hochschule. Am Tage war ich in der Hochschule, hörte Vorlesungen oder lernte in der Bibliothek und abends kam ich in die Andachtsstätte zurück, wartete auf Telefonanrufe, lernte oder schrieb usw. Am Wochenende fuhr ich in andere Orte, um mit den Vereinen und Organisationen in der BRD gemeinsam Aktivitäten durchzuführen, falls an dem Wochenende keine Puja stattfand. Am frühen Morgen rezitierte ich Sutra und der Buddhist *Thi Chon* war immer dabei. Damals verstand er nicht viel von der Lehre des Buddha, aber, weil er oft in die Andachtsstätte kam und sich mit guten

Gläubigen verstand, wurde sein Leben total verändert, fast um 360°. Das würde niemand glauben, und er selbst auch nicht. Und so war das Dharma verborgen und wunderbar!. Der Dharmaname, den ich meinen Schülern gab, hat immer mit *THI* angefangen (*THI*: Element vietnamesischer Frauennamen, z.B. *Nguyen thi Lan*) und darum wurde wieder einmal gespottet. Jemand sagte: Eintreten in das Kloster tut man in der Absicht, sich vom weiblichen ins männlichen zu verwandeln und wenn die Männer in die Pagode von *Venerable Thich Nhu Dien* eintreten, würden ihre Namen mit dem Zusatz *THI* verstehen. Das war nur zum Lachen. In diesem Zusammenhang hat das Wort *THI* nichts mit Frauen zu tun, sondern es heißt *NHU THI* sodaß, wie das Wort *THI* wurde nach der Zeile des buddhistischen Gebets vom Zen-Meister *Minh Hai* vergeben. Diese Zeile fing mit dem Wort *MINH* an und endete mit dem Wort *TRUNG* z.B. *CHON NHU THI DONG*. So gab der Meister den Schülern den Dharmanamen. Mein Meister hatte einen Dharmanamen mit dem Anfangswort *CHON* und ich hatte einen Dharmanamen mit *NHU* und meine Schülern haben Dharmanamen mit *THI* und weiter geht es in der nächsten Generation.

Wegen dieser Schwierigkeit hatte ich für meinen 100. Schüler einen anderen Dharmanamen ausgesucht, der wieder mit *THIEN* anfangen sollte. Der 100. Schüler, Herr *Ton That Quoc Thanh*, Sohn des Generals *Ton That Xung*, lebt zur Zeit in Canada und hat den Dharmanamen *Thien Choh*.

In der Andachtsstätte ging alles seinen Lauf bis 12.78. Am 10.12.78 wurde DAS KOMITEE ZUR WAHRUNG DER MENSCHENRECHTE IN VIETNAM VON DEN VIETNAMESEN IN DER BRD neugewählt. Ich war auch dort gewesen und erfuhr, daß die Landesregierung von Niedersachsen 1000 Vietnam-Flüchtlinge auf dem Schiff *HAI HONG* aufgenommen hatte und die Flüchtlinge Morgen früh schon in Hannover sein sollten. Nach dem Treffen am nächsten Morgen fuhr ich alle zum Flughafen, um unsere Landsleute zu empfangen. Der Empfang war sehr herzlich und feierlich. Herr Dr. Albrecht, Ministerpräsident von Niedersachsen und viele Vertreter von verschiedenen Ministerien von Niedersachsen waren dabei. Und von uns kamen sehr viele Organisationen und Vereine.

In dieser Zeit brauchte die Niedersächsische Regierung dringend Dolmetscher für die Vietnam-Flüchtlinge. Deshalb ließ ich mich ein Semester beurlauben, um meinen Landsleuten im Durchgangslager Friedland zu helfen. Als Dolmetscher arbeitete ich 3 Monate in der Uni-Klinik Göttingen. Aber nach dieser Aktion führten Herr *Tuan* und Frau *Thu Cuc* aus dem Gemeindeausschuß diese Tätigkeit weiter. Die beiden entschlossen sich zu diesem sozialen Engagement, um den vietnamesischen Flüchtlingen im Raum Niedersachsen von Anfang an zu helfen.

Ich war gerade 1 Jahr in Deutschland und konnte nicht so gut Deutsch sprechen. Aber ich verzichtete auf das, was ich hatte, um meinen Landsleuten zu helfen, damit sie mindestens die Erscheinung eines Mönches im Ausland sahen. Dieser Mönch hatte sie

noch nicht vergessen. Ich, Herr Hieu, Herr Ha und Fr. Kim Anh arbeiteten im Krankenhaus Göttingen. Wir blieben dort fast 3-Monate in einem eiskalten Winter mit so vielem Schnee. Wir feierten auch dort unser Neujahrfest in tiefer Traurigkeit. Manchmal mußten wir die ganze Nacht aufbleiben, um nach den Kranken zu sehen. Es gab außer uns noch Herr Dr. Trang und einige Studenten in Göttingen. Aber sie waren nicht ständig anwesend wie wir. Wegen dieser unermüdlichen Dolmetschertätigkeit für die Flüchtlinge des Schiffes HAI HONG schenken die Regierung Niedersachsens sowie die Bundesregierung ihre Aufmerksamkeit dem geistigen Leben der vietnamesischen Flüchtlinge in diesem Land. Die ersten Puja im Neujahr fanden im Durchgangslager Friedland für die Flüchtlinge statt. Es war die ersten neuen Eindrücke unter den Augen von Zeitungen und Fernsehen und es kam auch die Gelegenheit dazu, daß das Fernsehen im 2. Programm Bilder von meiner Tätigkeit sowie der Aktivitäten der Andachtsstätte in der Kestnerstrasse in Hannover zeigte, die wieder in Verbindung mit den vietnamesischen buddhistischen Flüchtlingen in diesem Land stand und dies halt dem vietnamesischen Buddhismus in der BRD bis heute.

Das Leben ging seinen Lauf und veränderte sich mit der Zeit. Mein Weg in die Hauslosigkeit veränderte sich ebenfalls nach Monaten und Jahren. Aber mein Herz sagte, daß ich mich bemühte, um die Schwierigkeiten und Hindernisse zu überwinden, damit meine Verdienste für die Vollkommenheit immer mehr gefestigt wurden. Deshalb war ich bei vielen Schicksalsprüfungen, die von innen oder von außen auf mich zukamen immer entschlossen. Und heute schreibe ich diese Zeilen für die drei Juwelen mit unendlicher Dankbarkeit. Denn der Buddhismus half mir sehr und zeigte mir auch einen Weg. Dieser Weg hatte wiederum vielen Menschen Vorteile gebracht, und zwar nicht nur den Mönchen und Nonnen, sondern auch den normalen Menschen. Ich möchte mich auch bedanken, daß die Buddhisten, ob sie meine Schüler waren oder nicht, mir viel halfen, damit ich genügend Schaffenskraft für die Empfindung des Glaubens und Hoffnungen bekam, sodaß die Pagode weiter bestehen kann.

Während meines Einsatzes in Friedland und Göttingen wurde ich öfter von Vertretern der Presseorgane gefragt und interviewt. Sie interessierten sich für meine Person als Geistlicher und Seelsorger.

Es folgten die Artikel in der BILD-Zeitung vom 5. Januar 79 und der Zeitung DIE WELT vom Mittwoch 3.01.79:

WOHNZIMMER ALS BUDDHISTEN-TEMPEL Kestnerstr. 37 : Ein Mönch betreut Flüchtlinge aus Vietnam.

Thich Nhu Dien (28), kahlköpfig, hager, mit einer orangefarbenen Kutte bekleidet, kniet mit gefalteten Händen vor einer 20 Zentimeter hohen Buddha-Statue. Seine beiden Assistenten zur rechten und zur linken Seiten stimmen mit ihm einen eintönigen Gesang an. Langsam schlagen sie dazu ihre Bambustrommeln. Die Vietnamesen in Niedersachsen feiern schon ihre ersten Gottesdienste. In Hannover, Kestnerstrasse 37 :

Thich Nhu Dien ist der erste und einzige buddhistische Mönch aus Vietnam in Deutschland. Er kam über Japan in die neue Heimat seiner 1000 Landsleute, die Ministerpräsident Dr. Ernst Albrecht nach Niedersachsen geholt hat. Jeden Sonntagnachmittag können sie nun ihren Gottesdienst abhalten. 20 Gläubige dürfen kommen, mehr passen nicht in die 20 Quadratmeter große Pagode (250,-DM Monatsmiete). Die Einrichtung des Tempels ist spärlich aber sehr farbenfroh : Dunkelrote Tücher, gelbe Chrysanthenen und Nelken und zwei gefüllte Reisschalen schmücken den kleinen Altar. Räucherstäbchen erfüllen den Raum mit süßlichem Duft. Die betenden Buddhisten knien im Schneidersitz auf dem Boden vor ihrem Mönch.

Kaum in Hannover angekommen, hat Thich Nhu Dien schon Platzsorgen: "Wir brauchen eine grössere Pagode!". Er denkt an die Flüchtlinge der HAI HONG. 70 Prozent von ihnen sind Buddhisten, die seit Jahren nicht mehr beten durften. Das Regime in Hanoi hat es verboten.

DIE PAGODE IM WOHNZIMMER; 1000 FLÜCHTLINGE VOR DER TÜR, von Hannover aus betreut ein buddhistischer Mönch seine vietnamesischen Landsleute in der Bundesrepublik. "Sie waren außer sich vor Freude".

Dem deutschen Gast in der Erdgeschoßwohnung des Hauses Nr.37 in der Hannoverschen Kestnerstr. bietet sich ein ungewöhnliches Bild : Von der Spitze eines fünfstufigen, mit roten Tüchern gelben Chrysanthenen und Reisschüsseln drapierten Altars blicken die Augen einer Buddhastatue auf 20 im Schneidersitz auf dem Boden kauende Vietnamesen. Mit dem Rücken zu seiner kleinen Gemeinde kniet der einzige vietnamesisch-buddhistische Mönch in der Bundesrepublik, Thich Nhu Dien. Während der mit einer orangefarbenen Kutte bekleidete Mann drei glimmende Räucherstäbchen über seinen Kopf hebt, stimmt er den Sprechgesang des buddhistischen Gottesdienstes an. Zwei Assistenten begleiten ihn mit gelegentlichen rhythmischen Schlägen auf exotischen Holzinstrumenten.

In dem 20 Quadratmeter großen Wohnzimmer, das die vietnamesischen Studentenvereinigung Hannover für monatlich 250,-DM gemietet hat, befindet sich die einzige Pagode von Buddhisten aus dem Land am Mekong in der Bundesrepublik.

An jedem Sonntagmittag trifft sich die Gemeinde zum Gottesdienst mit anschließendem vegetarischen Essen, das im kaum unerwarteten Zuwachs erhalten. Ein halbes Dutzend Vietnamesen, die auf ihre Flucht mit einem Fischerboot in der südchinesischen See von dem Bremer Frachter Holstein aufgenommen und via Manila nach Hannover geflogen worden waren, erleben zum erstenmal seit April 1975 wieder Gottesdienst. "Als sie hörten, daß es in Hannover eine Pagode gibt, waren sie außer sich vor Freude", sagte der Sprecher der Studentengemeinde, Lam Dang.

Die Flüchtlinge berichten, daß Gottesdienste in ihrer Heimat zwar offiziell nicht verboten seien, praktisch aber unmöglich gemacht werden. Nach Ende des Vietnamkrieges habe die neue Regierung zahlreiche Klöster und Pagoden in Gefangnisse oder Umerziehungslager verwandelt. Als ein Beispiel dafür wird die nach einer weiblichen

Gottheit benannte Pagode Chua Ba im Saigoner Chinesenviertel Cholon genannt. Ins Ausland geschmuggelte Bilder zeigen zerstörte Gotteshäuser und Statuen. Die Schäden soll das Regime nach der ursprünglich von vielen buddhistischen Mönchen begrüßten "Befreiung" angerichtet haben.

Über einen Akt Hanoi's sind die Gläubigen besonders erbost : in den wenigen für Gottesdienste zur Verfügung stehenden Pagoden seien Bilder von Ho Chi Minh in Höhe der Buddhaköpfe angebracht worden. Ein Vietnameser ergänzt, daß in christlichen Kirchen neben den Jesusbildnissen ebenfalls Ho Chi Minh Plakate aufgehängt worden seien.

Ebenso wie der 31-jährige Ex-Oberleutnant mit dem Vornamen Sinh, der in der Luftwaffe des alten Regimes gekämpft hatte, haben die anderen Flüchtlinge Verwandte in der Heimat. Aus Furcht vor Repressalien wegen unerwünschter Äußerungen wollen sie ihren Namen nicht veröffentlicht wissen. Sinh berichtet über seinen einjährigen Aufenthalt in Umerziehungslager, 100 Kilometer nördlich von Saigon. Folterungen habe es nicht gegeben, aber bei mangelhafter Ernährung Schwerarbeit von morgens vier Uhr bis Sonnenuntergang. Das beste Überlebensmittel sei gewesen, sich möglichst schnell die Parolen der Partei zu eigen zu machen: "Wer das gut konnte, hatte eine Chance auf vorzeitige Entlassung".

Die Gläubigen, denen ihre Religion an bestimmten Tagen den Verzicht auf Fleisch vorschreibt, haben sogar einen politischen Witz parat: "Das neue Regime hat die Vietnamesen erst zu richtigen Buddhisten gemacht, denn sie essen kein Fleisch mehr. Es gibt ja keines", sagte einer von ihnen.

Der Mönch Thich Nhu Dien und seine Anhänger sehen nach der Ankunft von 1000 Vietnamesen in Niedersachsen viel Arbeit auf sich zukommen. 70 Prozent, so schätzen sie, sind buddhistischer Konfession: "Sie alle möchten unsere winzige Pagode besuchen". In den nächsten Tagen und Wochen will der Mönch im Grenzdurchgangslager Friedland und in den Übergangsheimen zwischen Harz und Nordsee Gottesdienste abhalten. "Besonders für die Älteren ist das die wichtigste seelische und moralische Hilfe zum Eingewöhnen", sagte Thich Nhu Dien. Er ist überzeugt, seine unerwartet angewachsene Zahl von Schäfchen in kurzer Zeit versammelt zu haben. Sein Wunsch an Kirchen und Behörden in Niedersachsen: Hilfe bei der Einrichtung einiger Pagoden. Zur Ausstattung wollen die Buddhisten aus Japan beitragen: sie kündigten dem fernen Missionar inzwischen eine 1,20 Meter hohe Buddhastatue aus Bronze an. WOLFGANG MEYER (DIE WELT, Mitt. 3.01.79 - Nr.2)

Diese Presse Berichte gaben den Lesern recht genau Informationen über die Aktivitäten der Andachtsstätte VIEN GIAC zu dieser Zeit und machten die Landes- und Bundesregierung auf die Tätigkeit des Buddhismus in Deutschland sowie auf die Flüchtlinge aufmerksam. Eines Tages wurden wir von Herrn Dr. Geißler, Beauftragter für kulturelle Förderung der Minderheitsvölker in der Bundesrepublik Deutschland im Bundesinnenministerium eingeladen.

(Fortsetzung folgt)

VƯỜN THƠ VIÊN GIÁC

NẮNG TRÒN TUỔI HẠ

• PHÙ VÂN phụ trách

Xin cảm ơn anh đã mang nắng hạ quê hương qua xứ lạnh quê người. Xin cảm ơn anh đã trao cho tôi *cảm tình nồng ấm*. Xin cảm ơn bạn hữu ở quê nhà đã gọi gấm cho tôi nhiều *niềm ước vọng*. Mùa đông năm trước thật dài, thật lạnh- dài hơn lòng hoài mong một ngày trở về quê cũ; lạnh hơn cái mặc cảm cô đơn của chính mình trong cuộc sống xô bồ không có sự tồn sinh. Ai cũng tưởng mùa hạ năm nay sẽ nhiều ngày có mặt trời hơn, sẽ ấm áp hơn. Thế nhưng mùa hạ hầu như không dài ra như người ta mong tưởng! Thế mà ai cũng chờ đợi, cũng hy vọng. Riết rồi chẳng biết mình chờ đợi và mong ngóng những gì!

Được tin anh từ Việt Nam mỗi sang thăm thân quyến, tôi đến tâm tình với anh vào ngày cuối tuần: chuyện quê hương, chuyện xứ người, chuyện đời, chuyện người, chuyện tình, chuyện nắng mưa...Nơi đây mùa hạ với những giọt nắng quý báu như là ân phúc trời ban. Đông tây có nhiều khác biệt. Ngày nay ở quê người mình đi *tim nắng* và ngược lại ngày xưa ở quê nhà mình đi *trốn nắng*.

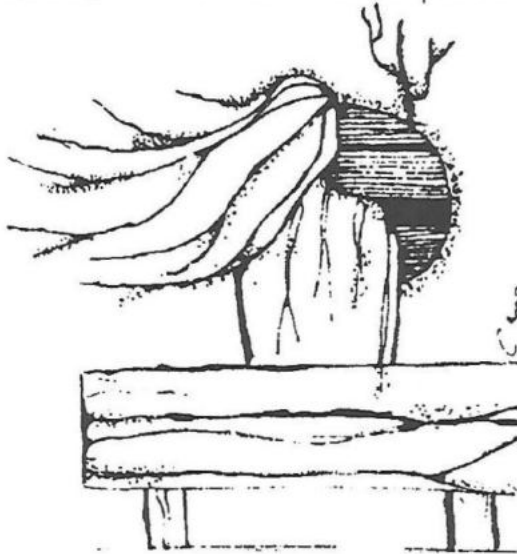
Ồi mùa nắng quê hương nhắc nhở cho ta những kỷ niệm thể lưỡng khó quên- *Mùa hè đó lửa. Lửa* của năm 1972. *Lửa* mịt mù trong đêm. *Lửa* âm ỉ suốt ngày. *Lửa* có tiếng khóc thống thiết của dân lành. *Lửa* có tiếng thét hãi hùng của nạn nhân. *Lửa* thiêu đốt sinh linh vô tội!

Rồi từ đó những con người cuồng tín tội nghiệp của miền Bắc đã mang một thủ lửa địa ngục đi gieo kinh khiếp, tàn khốc, chết chóc cho cả ba miền!

Rồi cũng từ đó mỗi *có làn sóng đi tàn, làn sóng vượt biển* để làm kiếp *thuyền nhân* bất đắc dĩ!

Anh hỏi tôi về cuộc ra đi? Thực tình chẳng có ai muốn rời bỏ quê hương ra đi cả! Ra đi- rứt ruột ra đi, hồn đầy thương tích! Ra đi, lòng ta mãi vướng mắc như loài chim vung vẩy trong lồng, như loài cá quần quai trong chậu. Ra đi, cuộc ra đi không có ngày trở lại. Ra đi, mang theo quê hương trong lòng- mang theo núi-rừng-sông-biển; mang theo thân nhân-bằng hữu, mang theo quá khứ, mang theo kỷ niệm. Chao ôi nặng nề tha thiết biết mấy!

Anh bảo, trên sắc diện, trên đường chỉ tay của tôi ẩn hiện cả cuộc đời vui-buồn-vinh-nhục-cô đơn-bất hạnh. Dù rằng tôi thường có nụ cười, mà nụ cười bên ngoài không giấu được những khổ tâm bên trong! Đời thật khác



khô. Phải chăng có giọt nước mắt không phai trên gương mặt tôi?- Một nỗi muộn phiền? - Một nỗi xót xa? Thế nên trong cuộc đời dù có rất nhiều người hiện diện, mà sao tôi vẫn cảm thấy cô đơn- *cô đơn suốt cả đời người*. Tôi có tìm thấy chân hạnh phúc khi cố quên mình để tạo hạnh phúc cho người khác? Tôi có kiếm được niềm an lạc to lớn và vĩnh viễn khi cố lặn thân vào việc xây dựng niềm an lạc và phúc hạnh bên ngoài cái ta?

Điều đó chắc khó đạt được, khó ngộ được khi ta vẫn chưa quên và thường hay mù lòng trước những hoài niệm; hay vẫn còn ưa thích đến say mê nhìn những ráng chiều tha thiết

đều hiu trên sóng, hay nghe lại những giọng hát trầm lắng nao nê của những khúc ca tiền chiến. Phải chăng đó là niềm thao thức mang nặng dấu ấn định mệnh của những người nổi trôi theo mệnh nước! Phải chăng đó là những trần trở xót thương, những oan thác truân chuyên mà phận số đã an bài cho mỗi kiếp người? Nghiệp? Trà nghiệp? Để rồi trắng tay ta lại gặp nhau tìm về cõi phúc!

Anh là dân "*phi-lô*"- *dân triết*. Anh có cái nhìn cô đọng, soi mói, suy tư, chiết giải, những tôi ước mong ơn trên ban cho anh phép nhiệm màu để khi anh nhìn đến đâu thì biển nơi đó thành niềm vui, niềm tin; thành hạnh phúc; thành ý nghĩa về cuộc sống và tình người!

Thuở mới đặt chân đến xứ người, chúng ta gặm nhấm nỗi nhớ nhà, nhớ người, nhớ những kỷ niệm đầu yêu. Còn buồn đến đâu thì cách nhẹ nhàng chầm chậm, thấm thía và tự nhiên. "*Thế nhưng ra đi là để tìm lại đường về!*" Đó là lời hứa và cũng là lời an ủi cho cuộc đời còn lại.

Những cuộc đời chẳng bao giờ hết phiền muộn, chẳng bao giờ hết đắng cay. Vì thế có người khuyên ta phải sống cho đến cạn đáy đam mê để thấy ngọt bùi ân ái. Phải ngậm cho thật ráo trái bồ hòn để biết từng tận mũi tân khổ. Phải say cho túy lúy cần khôn để thấy được nghiệt ngã quay cuồng của cuộc đời... Vậy thì, em cần có người thương để làm nũng, anh cần có người yêu để nuông chiều. Tình yêu, chỉ có tình yêu mới an ủi xoa dịu được tất cả!

Thế nhưng tình yêu- hạnh phúc, tình yêu lắm lúc cũng như mây lang thang. Ta lặn thân vào đời, nhưng đời cũng không sẵn sàng cho ta tình yêu chân chính, nên có khi suốt đời ta vẫn còn mãi chạy tìm người đồng điệu, người yêu đúng nghĩa yêu đương!

Rồi những bào ảnh vẫn còn chập chồn hắt hiu trước mắt, những cuộc tình vẫn còn dập dờn lay lắt giữa dòng đời hư ngụy. Từ đó những đam mê đắm đuối trở nên gần gũi, gần bó thiết thân với cuộc sống muộn phiền thì làm sao lòng người an ổn để tìm chốn tiêu dao, tìm nơi

an nhiên tự tại được! Từ đó mình cảm thấy bị rơi vào cô đơn- niềm cô đơn nhầy nhụa, êm nhúc từng cơn.

Rồi cũng vì chút nghĩa tướng tri giữa người và người làm ta ray rứt xót thương! Thương người để xót thương ta. Thương người kiếp sống nổi trôi để xót thương thân phận mình phiêu linh dang dăng!

Rồi cũng bởi cái thói phong lưu hào hiệp, cái cốt cách lãng tử hào hoa, ta đã đam mê với những cảm nhận mỏng lung; những hiển lộ bàng bạc; những lần khuấy mù sương... nên mỗi suy nghĩ là một niềm băn khoăn quẩn quại với chính mình!

Rồi cũng bởi cái tâm thức bị quan về cuộc đời phù du vô nghĩa, cùng với cái tâm thức lãng mạn lưu đầy nơi trần thế nên đã làm cho ta mùi lòng thường xót cho người, cho mình! Thế rồi mình đã nhập cuộc, đã vào đời nên lẽ "tử sinh" sẽ không buông tha mình. Cũng đành. Đã đấu tranh để tồn sinh thì phải gánh chịu hiểm họa!

Rồi những tuyệt vọng ngút ngàn biến khởi, những ước mơ không bao giờ có thật, dù vẫn biết rằng "sinh diệt" là chuyện vô thường mà ta cũng không thể tránh được những nỗi khổ đau!

Tôi nói với anh, tôi không biện hộ cho cảnh ngộ và cuộc đời. Tôi cũng không kể lể những cảm hờn phẫn nộ, những nhục nhân điều linh của mình. Tôi lại càng không nhắc đến những thất bại đáng cay, những mất mát, những truân chuyên, dần vật. Tôi không gọi nhắc những ân tình, gọi gấm những ước mơ... Chỉ có những đêm khuya trăng lạnh lênh đênh bên ngoài tôi mới thấy được nỗi buồn côi cút bên trong lòng mình!

Cảm ơn anh đã gieo cho tôi niềm vui về hậu vận- một lời an ủi hay để xoa dịu nỗi xót xa, dù rằng trong đời tôi không tin hay chưa tin vì chưa tìm ra niềm vui, niềm tin nên tôi vẫn mãi mãi lẩn quẩn trong nỗi ngờ vực khổ đau... Nhưng nếu chưa biết được khổ đau là cửa vào hạnh phúc thì ta vẫn mãi mang nặng tâm trạng bất mãn với đời. Nếu chưa biết được thăng trầm chính là điều cơ bản để tạo nên yên định, sự quấy phá chính là yếu tố để tác thành thì e rằng ta sẽ rất khó "ngộ hay đạt được đạo"!

Cảm ơn anh đã làm cho tôi loại bỏ được sự dần vật day nghiền mình là những kẻ sinh bất phùng thời, những người thất chí, những kẻ thất tình...

Có điều muốn thưa với anh là trên bàn tay tôi, chỉ tay không nói lên được việc tu chứng, liễu đạo để tìm con đường giải thoát trầm luân hay ít ra cũng tìm hiểu được ý nghĩa cuộc đời, cuộc sống hợp với diễn trình của lẽ đạo hoằng viễn thâm sâu, tìm được thời cho tâm hồn, thì vị cho cuộc sống, tìm được chỗ trang trải tâm lý, tìm được những giây phút bình an cho cuộc sống nội tâm...

*

Mùa hạ- mùa an cư kiết hạ, mùa của các bậc tăng sĩ tạm dừng bước phong vân vì đời để lo chuyện thanh tu, mùa tu chứng thể nghiệm, mùa trời buộc đóng khung trong vòng tinh tâm. Mùa an cư kiết hạ- tuổi hạ của người tu.

Mùa hạ- mùa nắng tuyệt vời của đất trời quê hương, mùa nắng long lanh như gấm dệt- nắng hanh vàng phủ trên cành lá, phủ trên cánh đồng, mùa của lòng người thơ thời hân hoan, mùa của bướm hoa mở hội tao phùng. Lão thi hữu Hoàng Dục ngâm ngùi nói xử lạ quê người, nhớ về phương trời quê hương, đàn hoa thiên lý, hương lúa chín vàng, nhớ cây đa đầu làng, nhớ tiếng ve mùa hạ trên những con đường đỏ màu phượng thắm, nhớ hồ sen, nhớ bụi tre và nhớ luôn cả

tiếng con chim quốc buồn thăm gọi những mùa hè năm xưa. Nhà thơ đã nhớ, nhớ tất cả những kỷ niệm của quê hương vào hè, bởi:



*Hôm nay nắng mới bùng lên
Vàng trên cành lá, vàng trên cánh đồng
Bướm hoa mở hội tao phùng
Long lanh gấm dệt một vùng sắc hương.*

*Ngồi một phương, nhớ một phương
Nhớ đàn thiên lý, nhớ hương lúa vàng
Nhớ cây đa mọc đầu làng
Nhớ đường hoa phượng rộn ràng tiếng ve
Nhớ hồ sen, nhớ bụi tre
Nhớ con chim quốc gọi hè năm xưa.
(Hoàng Dục - Vào Hè)*

Trong khi nhà thơ Hoàng Dục ở Đức quốc nhớ đến "con chim quốc gọi hè năm xưa" thì lão thi hữu Thanh Bình ở Thụy Sĩ "nhìn nắng mới lung linh", lòng rộn ràng gọi nhớ đến những mùa hè thơ ấu- mùa phượng vĩ, ngày bãi trường, cuốn lưu bút ngày xanh...Rồi tháng ngày qua mau, tuổi thanh xuân chỉ còn là kỷ niệm của một thời cấp sách đến trường. Rồi vào đời, lập cuộc đời, lập gia đình với một nhà giáo thanh bạch... Những ngày hè ở Vũng Tàu với Bãi Saù, với Thích Ca Phật Đài. Những ngày hè ở Đà Lạt với thác Cam Ly, Gu-ga, hồ Hồ Xuân Hương, lăng Nguyễn Hữu Hào...

Với số tuổi "thất thập cổ lai hy", lão thi hữu đã góp mặt với vườn thơ bằng những tiếng thơ hoài hương, những cung bậc âm thanh trầm lắng pha niềm hoài cổ và lòng luôn ước vọng một ngày về vào tuổi cuối đời. Vì thế trong nắng hạ năm nay nhà thơ lại nhớ đến "nắng ấm miền Nam, cây trái ngọt ngào...". Nắng cho bé, cho người. Nắng cho thiên nhiên, cho tạo vật. Nắng cho niềm hy vọng trở về cố quận với nhiều kỷ niệm thân thương:

*Nhìn nắng mới lung linh
Lòng rộn bao ý tình
Nhớ nắng hè thơ ấu
Thời hoa mộng học sinh
Giờ bãi trường sắp điểm
Cuốn lưu bút... lưu tình
Trao bao nhiều kỷ niệm
Mùa phượng vĩ đẹp xinh
...
Ôi miền Nam nắng ấm
Đầy cây trái ngọt ngào*

*Nào dứa, xoài, mận, ổi
Mít, sầu riêng, măng cầu
Nắng ươm vàng lúa mới
Nắng ngọt chuối, sai cau
Nắng điểm hồng má bé
Nắng cho xanh giàn bầu
Nắng nồng hương hoa bưởi
Nắng cao mía, thắm dâu
Nắng cho ta hy vọng
Nắng tô đậm sắc màu*

*Hè năm nay nhìn nắng
Gợi nhớ nắng quê hương
Bao giờ hồi cố quận
Đi lại những nẻo đường
Dù quanh co khúc khuỷu
Đầy kỷ niệm thân thương...
(Thanh Bình - Nắng Hè)*

"Nắng Hè", không những chỉ đầy những "kỷ niệm thân thương" với những người trọng tuổi trên cuộc đời xa xứ, mà còn là những cơn mộng mị êm nhúc của lứa tuổi hoa niên. Đã yêu chẳng, sao nét trang đài của người mộng tưởng lại làm rạng rỡ không gian? Ta chiêm ngưỡng say mê để thấy hồn mình lạc vào cõi lạ. Ta muốn nói yêu em sao lại ngập ngừng như đã chớm thấy mình phạm tội. Chao ôi, ta đã gặp nhau từ mùa phượng nở. Rồi ta yêu nhau lúc nào- một ngày vào cuối thế kỷ lưu đây? Tại sao cuộc tình lại khác khổ nghiệt ngà đến thế? Tại em là tuổi hạ, tại anh là áng mây? Mùa hạ có nắng hanh vàng, tiếng ve phiến muộn, màu phượng chia xa? Mùa hạ với mây trời- mây thường mang hạnh phúc lang thang? Nên anh đành tôn thờ tình yêu em vĩnh cửu!

Thế còn em, hôm chia tay- mùa bãi trường với áo trắng trinh nguyên, em thốn thức tủi phận mình chẳng đẹp chẳng xinh nên anh mới vô tình hờ hững! Đừng ngộ nhận, em đi đừng ngộ nhận. Xin hiểu lòng anh, xin hiểu tình anh. Giang sơn mình còn trong tay loài thảo khấu, nhân dân mình còn thống khổ trầm luân. Nên anh còn bốn phận làm người, còn nặng tình sông núi.

Xin hẹn em ngày hội hoa đăng, quê hương mình sáng ngời dân chủ tự do. Anh dâng em trọn tình thắm chín cả trời thơ. Mùa cưới, hoa đăng và em là ngôi cao tuổi hạ:

*Em hiện hữu ươm thơ vào nắng hạ
Nét trang đài rạng rỡ cả không gian
Anh chiêm ngưỡng ru hồn vào cõi lạ
Rồi ngập ngừng... như phạm tội trần gian*

*Anh gặp em đầu mùa hoa phượng nở
Em yêu anh cuối thế kỷ lưu đây
Em tuổi hạ- Anh như thế áng mây
Nên chỉ muốn tôn thờ tình em mãi*

*Hôm chia tay, áo trắng buồn thốn thục
"Em biết rồi! Em chẳng đẹp, chẳng xinh
Bởi vì em... Nên anh mới vô tình
Nên anh mới đành lòng hờ hững thế!"*

*Không! Em ạ! Giang sơn mình dẫm lệ
Bao nỗi hờn của hằng triệu lòng dân
Phận làm trai chưa trả nợ núi sông*

Anh đâu dám đáp tình riêng em gởi.

*Hẹn em yêu, ngày hoa dâng mở hội
Quê hương minh thấp sáng được tị do
Tình anh dâng thắm chín cả trời thơ
Kết hoa cười- Em ngồi cao tuổi hạ.*

(Yên Sơn - Hẹn Em Mùa Nắng Hạ)

Mùa hạ- mùa của tuổi hoa niên, mùa phượng, mùa tuổi thắm nhất của đời người. Mùa hạ- tuổi học trò, tuổi thơ ngây, tuổi thơ mộng vô ưu. Tuổi có mối tình đầu phớt qua vô tội mà suốt đời nhớ mãi khôn nguôi. Tuổi của ngày bãi trường quyến luyến chia tay, lú luyễn một chút tình- tình yêu chẳng, qua mái tóc vương vất trong màu chiều. Tình yêu chẳng, có ngọt ngào thì vị, có dấu chân người tình in trên đường hoa phượng rơi đầy. Màu hoa đỏ như mây nhuộm ráng chiều. Đưa em về, nắng tỏ vàng lên áo em, hương yêu gây mùi nhớ. Xa nhau rồi, ta lạnh lùng lẻ loi. Đưa em về, xa em rồi, ta ở lại nơi này, băng khuôn nhìn dáng em khuất trong hàng liễu... Nhà thơ Đan Hà trong thi phẩm "Nỗi Nhớ" đã mang chúng ta trở lại mối tình học trò, dịu dàng, lú luyễn dễ thương trong một ngày:

*Đưa em về cuối hạ
Gió thổi chiều lên cao
Tóc thề em buông thả
Ta bỗng thấy ngọt ngào*

*Đưa em về cuối hạ
Đường hoa phượng rơi đầy
Xác hoa màu đỏ ối
Như ráng nhuộm đường mây*

*Đưa em về cuối hạ
Nắng vàng thêm áo em
Hương gây thêm mùi nhớ
Đời ta rét muối thêm*

*Đưa em về cuối hạ
Ta ở lại phương này
Nhìn dáng em chữ đã
Trôi theo rụng liễu gầy.
(Đan Hà - Đưa Em Về Cuối Hạ)*

Trong lửa tuổi hoa niên ta chỉ đưa em, xa em vào mùa hạ- mùa bãi trường, chủ ta không thể mừng tuồng một ngày chúng ta âm thầm xa rời quê hương, một ngày tiễn nhau ra Thái Bình Dương- ôi một lần đi là miền viễn xứ thương. Con tàu rời bến, nước vỗ sóng xô. Quê hương xa mờ. Trời chứa giông bão mà lòng đã bão giông, nước mưa hay nước mắt nào nề khóc than. Nhà thơ Trâm Cà Mau- cựu công chức, trong Tuyển Tập Thơ "Cụm Hoa Tình Yêu II", trong chuyến vượt biển, đã nhớ như là ngày xưa thuyền trắng biên cương trở về trong những chiến công Bạch Đằng Giang. Thuyền đi vào mấy vùng biển trời mênh mông, thì ưu tú cũng biến thành những nếp nhăn lan rộng trên vàng trán phong sương. Mát mát, xa vắng cả rồi, tự nhiên anh ước mở nhìn thấy lại ruộng nương, lũy tre, nắng chiều; ước mở nghe lại tiếng hát, khúc đồng dao. Một ngày ra Thái Bình Dương, một ngày lìa xa quê

hương, một ngày con tim mang nặng vết thương nhức nhối như cây xa cội, như chim lìa cành. Xót đau này làm sao quên được:

*Một ngày ra Thái Bình Dương
Bên kia trời khuất quê hương xa mờ
Sao băng khuôn mãi thần thờ
Sóng xô lộp lộp vỗ bờ nhỏ thường*

*Một ngày ra Thái Bình Dương
Nghe lòng bão tố muôn phương thổi về
Bồng đung nước mắt dầm dề
Trời mùa hay mối nào nề vấn vương*

*Một ngày ra Thái Bình Dương
Nhỏ xưa thuyền trắng biên cương khóc mừng*

*Đi qua trời đất mấy từng
Ưu tú hẳn nét trên vầng trán sương*

*Một ngày ra Thái Bình Dương
Ước mở nhìn thấy vườn nương quê nhà
Tre xanh vàng bóng chiều tà
Nghe đồng dao vắng, chan hòa vẫn chuông*

*Thôi đừng ra Thái Bình Dương
Tim còn nhức nhối vết thương chưa lành
Cây xa cội, chim lìa cành
Tha hương đất khách lẽ đành tim quên!
(Trâm Cà Mau - Ra Thái Bình Dương)*



Nhà thơ thầm khuyên "Thôi đừng ra Thái Bình Dương", nhưng khi viết cho người yêu, anh chợt nhỏ tiếng thì thầm của sông nước từ ngọn nguồn xô về biển đông. Mà dòng sông thì từ muôn kiếp vẫn mời gọi người ra đi. Ra đi, cho dù trong một ngày bão tố, xác thân có chìm khuất đại dương, thì máu đỏ sẽ thấm lòng đất quê mẹ. Em ơi, lần ra đi tưởng không có ngày hội ngộ, phiêu bạt năm châu ta gặp lại được nhau như là phần số ! Đời xót xa như cổ mộ, khổ đau tự không gian, viễn vông tựa thời gian! Thế mỗi hay, dù nước mắt chưa đổ mà cuộc đời đã là bể khổ trầm luân bởi ta vẫn còn mê mãi trong vòng sắc-không. Ví thế:

*Một lần anh chợt nhỏ
Tiếng thì thầm của sông
Nước từ nguồn bờ ngõ
Xô nhau về biển đông*

*Dòng sông từ muôn thuở
Gọi mời người rướn dong
Một lần trời bão tố
Máu đỏ quê hương hồng*

*Tưởng không ngày hội ngộ
Năm châu bước phiêu bồng
Gặp nhau như phần số
Trời dành nỗi chờ mong !*

*Không gian nào đau khổ
Thời gian nào viễn vông
Xót xa hồn cổ mộ
Tay ôm kín hai vòng.*

*Nước mắt chưa lần đổ
Đã tràn đầy mênh mông
A ha! Đời bể khổ
Mê mãi vòng sắc không.*

(Trâm Cà Mau - Cho Em)

Khi thường, khi yêu ai cũng muốn cho em, cho người tình tất cả. Khi nhỏ, khi mong ai cũng chỉ mong nhớ đến người yêu. Nhà thơ Võ Đình Tuyết trong Tuyển Tập "Văn Học Miền Đông" số Mùa Xuân 96, cũng đã ước mong cho anh được về trên một chuyến dò mùa hạ để anh tìm thấy lại không gian của thời thơ ấu, có áo em bay theo mùa gió trên sông Hàn Đà Nẵng còn thơm mùi nắng rụng trên vai người. Em tuổi mới lớn thì anh đã ra đi làm đời lính khổ, chỉ có tình yêu cho em mà cũng đã héo úa xuân thì!

Em ơi, quê hương có con nước đổ về biển cả, có cá đồng lội ở ven sông. Tình người đậm thắm, núi sông yên lành. Trách sao có người lại đem chủ nghĩa ngoại lai áp đặt trên quê hương làm cho tổ quốc suy vong, gia đình ly tán! Thuở chúng mình còn thơ dại, em mới lọt lòng mẹ, anh mới tuổi thôi nôi, mẹ đã mềm môi ru lời ca dao, ru ta giấc ngủ như ru cả phận đời long đong.

Người thơ lại còn xin được về trên một chuyến dò mùa xuân. Anh có tham lam lắm không, để mong thấy quê hương trong mùa an lành, thấy mắt em có mùa hạnh phúc, thấy tình người đã trở mà xanh. Vì ước mong như thế cho nên anh vẫn cứ xin:

*Cho tôi về trên chuyến dò mùa hạ
Để thấy không gian là của ngày thơ
Áo em bay vờn theo chiều mùa gió
Đà Nẵng còn thơm nắng rụng vai gầy
Em từ ngày mới lớn
Tôi từ buổi ra đi
Chiến chinh héo úa xuân thì
Tôi đời lính khổ còn gì cho em.*

*Có con nước chảy ra ngoài biển lớn
Con cá đồng vẫn lội ở ven sông
Người vẫn cứ mở tìm bao chủ nghĩa
Đem về quê làm khô héo ruộng đồng*

Tử em ra lòng mẹ
Tử tôi ngày thổi nôi
Ca dao mẹ hát mềm môi
Ru con ru cả phận đời tang thương.

Cho tôi về trên chuyến đò mùa xuân
Để thấy không gian là gió an lành
Để thấy mắt em là mùa hạnh phúc
Để thấy tình người là những màu xanh

...
(Võ Đình Tuyết - Đã Lâu Lắm Chứa Qua
Sông Hàn - Đà Nẵng)

Cũng trong Tuyển Tập nêu trên, cũng cùng ước mong như Võ Đình Tuyết, nhà thơ Trần Văn Lệ cũng nhớ về Đà Lạt, có đường Nguyễn Du- thì hào Nguyễn Du đã chết mà đường Nguyễn Du vẫn còn, nơi đó có hàng hoa đào, màu hoa đỏ như má người yêu. Đà Lạt bây giờ ra sao nhỉ? Hai mươi năm làm người ly xử gánh trọn thương đau, thú gởi về lạc hết nên anh mịt mù tin tức. Còn em thì ra sao? Chắc em cũng mong manh như hạt sương, mà anh cũng chẳng hơn gì hạt bụi bên đường, theo gió cuộn bay. Vất vưởng như thế mà anh vẫn gánh chịu không mệt mỏi mối tình hoài hương!

Có cả ngàn câu hỏi thăm mà không có một câu trả lời. Ôi sông dài biển rộng cách ngăn. Đà Lạt trong người thơ lúc nào cũng dễ thương, chưa có lúc nào dễ ghét dù dầy dẫy hoa đào rơi dài trên con đường vĩnh biệt. Người thơ cảm thấy sức mòn lực tận với nỗi buồn về quê hương ngày càng xa vời vợi. Anh nhắn gửi cho ai hôn giùm nụ hoa đào như là lời trần trối:

Đường Nguyễn Du Đà Lạt
Có một hàng hoa đào
Xuân hồng hoa thơm ngát
Má người yêu đỏ au

Đà Lạt chữ ra sao
Tôi mịt mù tin tức
Hai mươi năm thường đau
Thú gởi về lạc hết!

Ông Nguyễn Du đã chết
Đường Nguyễn Du vẫn còn
Đoạn đường di thống thiết
Ái ngại nhặt hoa hôn?

Em rồi như hạt sương
Tôi bụi đường gió thổi
Tại sao tình quê hương
Tôi ước hoài không mới?

Có một ngàn câu hỏi
Chờ một câu trả lời
Mà biển sông vời vợi
Sóng gào la đẩy thổi!
Đà Lạt dễ thương ơi
Em không hề dễ ghét
Những bông hoa đào rơi
Dài con đường vĩnh biệt...

Tôi rã rời sức kiệt
Quê hương ngày thêm xa
Nỗi buồn tôi ai biết

Hôn giùm tôi nụ hoa!
(Trần Văn Lệ - Hôn Giùm Tôi Nụ
Hoa Đào Đà Lạt)

Đà Lạt chưa phải là "thành phố già" và con đường Nguyễn Du chắc chắn không phải là "con đường phai dấu tích" như nhà thơ Song Linh- Hội Viên Trung Tâm Bắc Cali / Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong Tuyển Tập "Cụm Hoa Tình Yêu II", nơi có tiếng hát mềm nhũn những lời ca của người tình ngày xưa ru ta say ngủ, nơi có tiếng khóc thật buồn khi em già tu.

Ta ở lại nơi này chỉ có mây và núi. Núi muốn đời vẫn ngủ yên, mây ngàn kiếp vẫn bay qua như em từng chối bỏ và ta vẫn cầm lặng đứng đợi em như vẫn đứng đợi chờ những buổi chiều bóng xế. Em có trở lại không, bài thơ kết thúc, lá trở màu xanh, thành phố đã nở mùa hoa. Anh sẽ đón, sẽ tìm nhau nũng nịu và ta sẽ quên đi những nỗi xót xa... Ta vẫn mộng mơ như thế, mộng mơ thấy em về trong tiềm thức, vẫy gọi ta hứa hẹn mai sau. Chao ôi, em hiển hiện như thần linh ban phép lạ mặc cho tìm ta tan vỡ cũng vì em!

Em củ tinh bơ như chứa bao giờ em lừa dối. Ta đớn đau chỉ vì ta nuôi dưỡng niềm đau. Ta xin em, một lần trở lại coi ta bà, một lần để nhìn xác thân ta hóa đá! Vâng xin em hãy về để nhìn lại:

Thành phố già- con đường phai dấu tích
Tiếng hát buồn mềm nhũn những lời ca
Em có phải! Để ru hồn ta say ngủ
Như một lần em đã khóc cho ta.

Ta ở đây có mây và có núi
Núi ngàn đời vẫn ngủ lặng bình yên
Mây bay qua như em từng chối bỏ
Mặt trời chiều ta đứng đợi triền miên.

Em có về khi bài thơ kết thúc
Lá xanh màu thành phố rộ mùa hoa
Anh sẽ đón- lại tìm nhau nũng nịu
Câu hẹn hò không còn nghĩ xót xa...

Ta vẫn thấy em về trong tiềm thức
Gọi ta vào đánh dấu một đời sau
Em hiện diện như thần linh ban phép
Mặc ta còn tìm vỡ cũng vì nhau.

Nói như thế! Câu nào em lừa dối
Cà chum đau còn ngủ mãi trong ta
Ta chỉ xin... nơi chốn khổ ta bà
Em trở lại để nhìn ta hóa đá.

(Song Linh - Em Có Về)

Và nếu em có về thì nhà thơ hứa sẽ trả cho em một trời mây hoa trắng, một bài thơ tình, một đóa hoa môi, bàn tay thon, vũ khúc tuyệt vời... Và còn gì nữa, anh sẽ trả mọi điều em suy nghĩ và cảm ơn đời, cảm ơn chút nắng đông đưa và để xin già biệt, lời đau lần cuối:

...
Anh xin trả một trời mây hoa nắng
Bài thơ tình thơm ngát đóa hoa môi
Bàn tay thon trong vũ khúc tuyệt vời
Và vũ trụ cũng vô tình đồng lõa

...
Anh xin trả mọi điều em suy nghĩ
Cảm ơn đời một chút nắng đông đưa
Cũng như anh từng suy gẫm: "Xin thưa"
"Xin già biệt một lời đau lần cuối".
(Song Linh - Một Lời Đau Lần Cuối)

Trong khi Song Linh "xin già biệt một lời đau lần cuối" thì nhà thơ Đăng Nguyên - cựu Đại Úy Bộ Tư Lệnh SE 18 BB, với 8 năm tù cải tạo- lại thêm nghe tiếng quốc giữa đêm hè tha phương, thêm nghe lời bi thương vì anh mất mẹ. Anh thêm nghe lời em kể về tình yêu cho đời bắt vẩn vờng, cho trần gian bớt nhỏ lệ. Hỡi người em bé bỏng. Máu mắt em gọi nhớ quê hương. Mái tóc em biểu tượng cho lòng thủy chung, đạo nghĩa luân thường. Em tạo ra cuộc đời. Em tạo ra tình thương, cho rừng thường bé, cho nước thường nguồn. Ngắm lại ta, một đời đi hoang, chưa về thăm quê mẹ. Ta một đời phiêu bạt để cháu con buồn. Xin với nước non, với đất trời một lời bao dung, bởi luôn luôn:

Ta thêm nghe tiếng quốc
Giữa đêm hè tha phương
Ta thêm nghe lời thương
Vi đời ta mất mẹ

Ta thêm nghe em kể
Tình yêu và đêm trường
Cho đời thêm vẩn vờng
Trần gian thời nhỏ lệ

Ôi! Người em nhỏ bé
Máu mắt nhớ quê hương
Mái tóc xóa luân thường
Em làm nên nhân thế
Cho rừng thường nhỏ bé
Cho nước nhớ thường nguồn

Ta một đời đi hoang
Chưa về thăm quê mẹ
Ta một đời bé trẻ
Để cháu con tình buồn

Xin một lời nước non
Một lời bao dung nhé!
(Đăng Nguyên - Phiền Khúc
Buồn)

Nhà thơ xin "một lời bao dung" vì anh hay "bé trẻ" nên khi anh đến nơi hẹn thì người yêu đã không còn đứng đợi ở đầu cầu. Con sông xuôi về Nam Giao-Bến Ngự cũng buồn soi bóng trăng thâu. Thế là giận nhau!

Thôi đừng nhớ đến nhau nữa, đừng về sẽ không có mắt em nường theo, chỉ có mây lờ lững và trang thơ dầy ấp tâm tình. Anh lại ra điểm hẹn, trời không gió mà cũng chẳng có ai đứng đợi đầu cầu. Đêm đã về, đèn khuya lên mấy ngọn như từng ấy nhịp cầu thường đau.

Thôi cũng đừng nhắc đến nhau nữa. Kỳ niệm đã phai, con đường trắng cũ cũng phủ dầy bóng cây và bóng mây. Hôm nay không có gió, anh lại đến đầu cầu, em không đứng đợi, đường về trở nên xa diệu vợi. Chao ơi mai một biết tìm em đâu?

*Hôm nay không có gió
Không em đứng đợi đầu cầu
Đường về Nam Giao-Bến Ngự
Sông buồn soi bóng trăng đầu
Đừng nhớ đến nhau nữa
Đường về đâu có mắt xanh
Lưng trời mây bay lờ lững
Trang thơ giấu kín tâm tình*

*Hôm nay không có gió
Không ai đứng đợi đầu cầu
Đèn khuya chong năm bảy ngọn
Nhịp buồn mấy khúc thương đau*

*Đừng nhắc đến nhau nữa
Ngày xưa kỷ niệm phai rồi
Còn đâu con đường trắng cũ
Bóng cây và bóng mây trời*

*Hôm nay không có gió
Em không đứng đợi đầu cầu
Đường về anh trông với vợ
Mai một tim em đâu !*

(Đặng Nguyên - Thường Về Ký Niệm)

Một Đặng Nguyên thùy chung với người lỡ hẹn để "mai một không biết tìm em đâu"; một Nguyễn Lý Tường- cựu Dân Biểu VNCH, hai lần tù dưới chế độ cộng sản- cũng nhận thức rằng men say không phai nhạt tinh cổ cữu, nắng hồng lửa hạ cũng không làm ấm lòng kẻ xa quê.

Một lần, thuyền ai đỗ bến giữa khuya, người thò chột nghe tiếng nhạc ly hưởng thật nào nề và thầm cảm phục những Kinh Kha thời đại, những tráng sĩ phục quốc đang ngày đêm phiêu bạt gót giày ở chốn sơn khê- những người âm thầm ra đi mang lý tưởng đấu tranh quang phục quê hương, nuôi dưỡng tin yêu và hy vọng một ngày trở về chung sức xây dựng tổ quốc không còn chế độ phi nhân cộng sản:

...
*Men rượu không phai tình cổ cữu
Nắng hồng nhưng vẫn lạnh đôi tay*

*Thuyền ai đỗ bến đêm khuya đó
Tiếng nhạc ly hưởng bỗng nào nề
Tráng sĩ qua Tần chưa trở lại
Gót giày phiêu bạt chốn sơn khê*

...
*Người đi mang mộng ước ngàn sau
Mãi mãi trời xanh, nước một màu
Hy vọng vườn lên cùng sức sống
Ngày về xin nhớ gọi tên nhau*

*Rượu uống mình ta hồ chưa cạn
Nghe trong huyết quản đã dâng trào
Một dòng tranh đấu tử thanh sử
Đội ngược về tim, lửa bốc cao.*

(Nguyễn Lý Tường - Lời Thanh Sử)

Lửa bốc cao, lửa nóng- sức nóng mùa hạ đốt cháy cỏ cây. Nhà thơ hồi tưởng cơn nắng của những ngày tù tội miền Trung. Nắng, bụi, đồng hoang hầu như bốc cháy, người khô héo, chim xác xơ. Gió Tây Nam, mùa Trường

Sơn, đêm buồn ngược mắt nhìn bóng núi, ngày ngơ ngác nhìn lửa ngùn ngụt từ xa.

Giam hãm nơi đây, tằm tối, trời không trăng sao. Gió lạnh về đêm, nghe lạnh trong lòng, lạnh cả chiếu chăn. Người đã đi rồi mong gì trở lại. Rượu kê môi, chưa uống đã nghe lạnh niềm giá băng. Nơi đây đúng là dấu vết của Bàn Phưởng người Thượng, dấu tích loạn ly của quê hương. Nơi đây sông chia biên giới. Thế là người thò đã đến làng bản của một bộ lạc Trường Sơn. Chớp bể mùa nguồn, mùa từ Lao Bảo mùa đến Tchépône, mùa qua bên ấy, mùa chẳng bên này, nên "nước sông nghe mặn hồ khô cạn, cỏ mọc xanh rừng núi phía Tây". Ai đã từng làm cuộc đời chiến binh lặn lội qua các vùng chiến thuật, ai đã từng bị tù tội cải tạo tập trung mới cảm nghiệm được:

*Cơn nóng mùa hè nát cỏ cây
Bụi vàng lớp lớp phủ lên đây
Đồng hoang bốc cháy, người khô héo
Một lũ chim di xứ xác bay*

*Ngọn gió Tây Nam động suối nguồn
Mùa Trường Sơn gọi nổi cô đờn
Đêm đêm ngược mắt nhìn lên núi
Lửa cháy từ xa trông rất buồn*

*Nơi đây tằm tối, trời không trăng
Gió lạnh về đêm, lạnh chiếu chăn
Đưa tiễn người đi không trở lại
Rượu kê môi, tê cóng như băng*

*Dấu vết người đi từ Bàn Phưởng
Loạn ly còn nặng nợ quê hương
Tối đây biên giới, đường phân thủy
Sông chảy về Tây, xa cổ hướng*

*Mùa từ Lao Bảo đến Tchépône
Làng bản chiều nay rộn tiếng cồng
Rừng núi Trường Sơn cùng xuất phát
Bài ca bộ lạc giữa non sông*

*Chớp bể mùa nguồn khắp đó đây
Mùa qua bên ấy chẳng bên này
Nước sông nghe mặn hồ khô cạn
Cỏ mọc xanh rừng núi phía Tây.*
(Nguyễn Lý Tường - Lửa Hạ)

*

Hai câu cuối của bài *Lửa Hạ* chất ngất mối cảm hoài của con người hầu như thấy mình bất lực trước nghịch cảnh, cái cô đơn của kiếp người bị đẩy đưa trong cuộc đời, cái nhục nhằn của kẻ bại trận trong các lao tù cải tạo.

Tôi thừa với anh- người anh mới quen, rằng hầu hết những người có tấm lòng với tổ quốc, những cựu tù cải tạo vượt biên hay ra đi theo điện HO đều sẵn sàng đấu tranh cho một Việt Nam tự do, dân chủ, không cộng sản. Họ đã và đang sinh hoạt trong nhiều tổ chức, đảng, đoàn- cho dù hình thức và phương thức đấu tranh có khác nhau, nhưng cũng chỉ cùng mục đích mà thôi.

Hai mươi mốt năm, thời gian đủ dài để những người tha hương như chúng ta học được ý nghĩa của hai chữ tự do, biết thưởng quê hương khi quê hương với vợ ngút ngàn. Thời gian đủ dài để chúng ta biết được giá trị của tinh thần đoàn kết trong đấu tranh.

Hai mươi mốt năm, thời gian đủ dài để chúng ta dứt bỏ thái độ bị quan và mặc cảm thua cuộc, để chúng ta xét lại thái độ cầu an hay thờ ở lãnh đạm đối với tổ quốc dân tộc.

Hai mươi mốt năm, thời gian đủ dài để chúng ta hy vọng cho một ngày trở về *hợp xướng khúc khai hoàn cư*

Khi sang thăm thân nhân, anh mang theo kỳ vọng vào lực lượng ở hải ngoại của nhiều bạn hữu ở quê nhà. Thời gian lưu trú nơi đây không dài, nhưng qua nhiều cuộc tiếp xúc với nhiều thành phần thì hẳn rằng với nhận thức và cảm quan của một người có nhiều quan tâm đến tình hình đất nước, tôi hy vọng rằng anh sẽ mang về một niềm tin- dù nhỏ nhoi nhưng vẫn là phần góp lửa hun đúc tinh thần đấu tranh ở quốc nội, cũng giống như anh đã mang đến cho tôi chút nắng hồng lửa hạ của quê hương để sưởi ấm lòng người xa xứ.



Khi anh về, tôi sẽ không gởi cho anh nỗi niềm thao thức của những năm tháng xa quê, tôi cũng sẽ không gởi cho anh tình tự của những kỷ niệm mù xa. Tôi chỉ xin gởi cho anh tấm lòng tha thiết với quê hương khi tôi chưa có cơ hội trở về!

Cũng trong mùa hạ năm nay người anh thứ ba của tôi đã từ trần tại Việt Nam. Lửa hạ không đủ sưởi ấm, xoa dịu nỗi khổ đau của tôi. Tôi lại thêm một mất mát lớn sau cái đại tang của ba tôi cách đây 11 năm. Lần đó tôi cũng không thể trở về để chịu tang. Nỗi muộn phiền, niềm đôn đau này thật khó phai!

Mùa hạ nơi này với những giọt nắng hanh vàng yếu đuối, những cơn mưa nhỏ bất chợt cũng giống như nỗi buồn vui chột đến chột đi của một đời người ...

Hamburg, tháng 7.96)

HOA PHƯỢNG

Các em thân mến,
*"Mẹ già như chuối ba hương,
 Như xôi nếp đậu, như đường mía
 lau..."*

Không có tình nào thấm thiết bằng tình mẹ, chín tháng cưu mang, bên ướm mẹ nằm, bên ráo để con.

Ngày Vu Lan lại về, ngày xá tội vong nhân và cũng là ngày của mẹ.

Tây Phương dù đời sống thiên về vật chất, phồn hoa đã lấn át tâm linh con người nhưng vẫn chưa ngày dành riêng cho mẹ (Muttertag), hướng gì người Á Châu của mình. Bởi mẹ là dòng suối ngọt, bàn tay triu mến ve vuốt các em từ tấm bé và lo cho các em đến lúc trưởng thành.

Tình mẹ đối với con thiêng liêng và vô bờ bến.

Đời sẽ nối tiếp nhau, đến khi các em trở thành mẹ, thành cha, lúc đó các em mới thấy công ơn của đấng sanh thành mà trong cuộc sống buông trôi, vô tình mình chưa báo đáp được.

Để khỏi ân hận về sau, ngay từ bây giờ các em phải chu toàn hiếu đạo làm con. Nghe lời mẹ cha khuyên bảo. Chí tâm học hành để mai sau hữu dụng; giúp đỡ mẹ cha đang trong lúc tuổi già, sức yếu. Đứng câu nệ và sợ mất thời gian. Nếu cha mẹ đã không may qua đời rồi, thì mình cố tâm làm việc thiện, tạo thêm nhiều công đức, hầu cầu cho cha mẹ sớm vắng sanh cực lạc.

Hoa Phượng thân ái chúc các em mùa Vu Lan an vui, tự tại; đồng thời giới thiệu với các em những mẩu chuyện về mẹ tiếp theo nơi trang này.

• Hoa Phượng

NGƯỜI MẸ

Hồng Nhiên - Sưu tầm

Nắng hồng bắt đầu tươi thắm trên muôn ngàn cây cỏ. Những tiếng chim riu rít hòa lên khúc nhạc từng bừng. Đàng xa, một dáng điệu oai nghiêm bộ vệ trong chiếc y vàng, hào quang chói lọi, khoan thai lần bước với chiếc gậy trúc tẩm màu sừng nung.

Đây chính Đức Phật:

Như thường lệ mọi lần nắng lên Ngài đi khát thực. Ngài chỉ sống bằng những hạt cơm cúng dường của những tâm hồn mộ đạo; nhân đó để giáo hóa mọi người, quay về đường thiện.

Đức Phật đến nhà ông Đế Đô, một nhà có tiếng giàu sang nhất, nhưng cũng không kém phần ích kỷ. Chủ đi vắng, con chó nằm trước cửa đôi mắt đỏ ngầu cau lại như phóng ra những tia lửa hung ác. Nhanh nhe khỏi mồm như sẵn sàng một thủ khí giồi trảng nhọn vô cùng ghê tởm. Nó gừ một hơi rồi nhảy chồm đến Ngài theo một tiếng "gâu" dữ dội. Không chút sợ hãi hay hoảng hốt, Ngài thản nhiên ôn tồn nói: "Người hãy im". Chó ta chỉ đưa mình lui để lấy thế, rồi nhanh như chớp chồm lên cao. Lạnh tay nhưng rất dịu dàng, Ngài đỡ lấy hai chân trước, âu yếm thốt ra những lời đầy thương hại: "Người hãy bớt nóng. Ta đã hiểu người chính là mẹ của chủ nhà này, kiếp trước người rất hung ác tham lam. Lâu đài nguy nga đây, tất cả châu báu đây, chính người đã xây dựng trên bao nhiêu mồ hôi nước mắt của mọi người. Người đã không chút thương tâm thẳng tay đục khoét tận tụy xuống từ những người giàu cho đến kẻ bần cùng. Mãi đến giờ phút, trước khi tắt thở vẫn còn tâm niệm độc ác và tiếc nuối những của cải, nên... người đã bị đọa, đầu thai vào kiếp chó và trở lại đây bo bo giữ lấy tài sản ấy. Thế mà người không lo tu tình còn mãi tham lam tàn ác".

Oai đức của Phật đã thuyết phục được tâm hồn đen tối, chó im lặng, buồn bã gục đầu xuống đất. Đức Phật nhẹ nhàng lui bước. Đôi mắt chó tắt hẳn những tia lửa hung tàn, động lại trên đôi mi những ngấn lệ đau thường, chán nản nhìn theo Ngài cho đến khi khuất dạng sau màn cây.

Từ đó chó bỏ ăn bỏ uống và không còn muốn nhếch bước đi đâu. Cừ chủ ấy làm cho Đế Đô lo sợ. Trước kia chó rất khỏe mạnh, giữ nhà cẩn thận; mỗi lần người lạ mặt vào không khỏi hết hồn với nó. Thế mà nay nó chỉ nằm trong xó không một tiếng sủa.

Đế Đô tìm cách tra hỏi đứa ở của ông, nó kể lại chuyện Đức Phật đến khát thực: "Không hiểu Ngài làm gì chó ta mà từ đó nó buồn bã đau đớn".

Ông dò bưng mặt lên, vô cùng căm tức, la hét vang nhà như một kẻ điên dại, rồi chạy tìm ngay Đức Phật để nhiếc mắng và đòi bồi thường.

Trước cử chỉ hung hăng và tàn bạo của ông ta, Đức Phật vẫn điềm đạm bảo:

"Ta sẽ nói cho người hay, nhưng người phải dịu lòng đi đã. Nhờ công năng tu tập ta đã chứng được Tứ mạng minh, thấy rõ kiếp trước của mọi người, nên ta biết chó kia

chính là mẹ người kiếp trước, vì quá tham lam tàn bạo nên nay phải hóa thân vào kiếp chó để trở lại giữ cửa cho nhà người". Đế Đô cướp lời:

"Những lời nói của ông đều là huyền hoặc vu khống tôi không thể tin được".

- "Sự thật chính là thế. Ví thường mẹ con người nên ta mới nói cho người rõ. Người không tin về đào lên phía giường nơi chó thường nằm, sẽ thấy một lọ vàng".

Lòng tham của Đế Đô đã dần được cơn giận, vội vàng hỏi:

- "Thật không ông? Sao ông biết?"

- "Lọ vàng ấy trước kia mẹ người chôn, nhưng vì khi lâm chung không kịp trời lại, nay mẹ người - chính chó ấy thường nằm trên đó để giữ cho người. Người làm theo lời ta sẽ hiểu ta nói đúng hay sai.

Từ nét mặt sung sướng, ông ta trở thành đau đớn vì đã có một nguồn tin bé nhỏ len qua cơi, người sân hận tham lam thắm vào trái tim hồng.

Quả nhiên, bới lên, một lọ đầy cả vàng, nhưng vàng ấy không còn gọi được lòng tham của Đế Đô. Nguồn tin đã hòa mạnh trong tim làm tiêu tan tất cả những tham luyến hung tàn. Ông ôm lấy chó khóc nức nở vô cùng ăn năn. Đoạn đến quý bên Đức Phật đôi mắt đầm đìa, run lên những lời cầu khẩn thiết tha, xin sám hối tội lỗi và nhờ Phật chỉ phương cứu mẹ thoát khỏi những cảnh giới khổ đau.

Đức Phật liền bảo: "Nay người đã biết ăn năn, thế là người có thể trở lại con đường lành. Người là một người con có hiếu. Nhưng nghiệp chuồng của mẹ người quá nặng. Người hãy phát tâm quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới và đem hết lòng thành kính sám hối cho mẹ người, đem tiền của bố thí cho người nghèo và cúng dường Tăng chúng. Nhờ công đức ấy, mới mong cứu khổ cho mẹ người. Khổ hay sướng là do tự mình gây lấy, ta chỉ là người giác ngộ, chỉ cho chúng sanh con đường giải thoát".

Đế Đô vâng lời Phật dạy, ngoài sự chí thành cầu nguyện, còn đem gia sản bố thí cúng dường.

Không lâu, một hôm, chó đuổi mình trên tấm thảm rồi buông ra một hơi thở dài. Không còn luyến tiếc tham lam muốn bám víu lấy cuộc sống mà lại là một hơi thở đầy sung sướng và thỏa mãn.

Chó đã chết.

Nhưng, chó ấy - mẹ của Đế Đô - sẽ về đây. Kiếp sau như thế nào?

Tối hôm sau, trong giấc mộng, Đế Đô thấy trên nền trời xanh cuộn lên những vòm mây trắng, uốn dợn đến trước mặt người. Từ trong đó hiện ra một người đàn bà hiền dịu, ăn cần vồ nhẹ lên vai Đế Đô và nói:

"Từ lâu vì lầm lỗi, mẹ đã tham lam quá nhiều nên bị đọa vào cảnh giới khổ sở, đau đớn vô cùng. Chó ta hôm trước chính là mẹ. Con ơi, con nghĩ đến đời sống con chó, con sẽ hình dung được nỗi khổ của mẹ hồi ấy. Nay nhờ Đức Phật chỉ độ và lòng hiếu thảo của con, mẹ đã thoát khỏi kiếp đau thường, được vắng sanh vào thế giới đầy sung sướng an vui. Thật cái luật nhân quả khắt khe ai tránh khỏi. "Gieo nhân gì gặt quả ấy". Tham lam tàn ác

bị lầm than; tu nhân tích đức sẽ được an vui tự tại. Từ đây con hãy vâng lời Phật dạy, gắng công tu học. Thôi mẹ từ biệt con...".

CON VOI TRẮNG

Ngày xưa, có một con voi trắng rất đẹp sống gần chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Nó là vua cai trị cả đàn voi gồm tám ngàn con. Voi chỉ buồn là nó có một bà mẹ già bị mù.

Hằng ngày voi lặn lội vào rừng sâu hái trái cây và chọn những trái ngon nhất để gửi về cho mẹ và đàn voi con của nó. Nhưng bày voi ác độc đã không đưa cho mẹ của voi chúa một trái nào mà giành ăn hết tất cả. Mỗi buổi chiều khi voi chúa về nhà, nó thường hỏi mẹ ăn uống có ngon không thì bà ta trả lời rằng suốt ngày bà không ăn gì hết.

Cuối cùng voi chúa quyết định bỏ đàn voi ích kỷ kia. Đêm nọ, khi tất cả các con voi khác đang ngủ say, nó dắt voi mẹ lên núi Cẩn-đô-ra-na (Candorana). Voi chúa tìm thấy một hang đá nằm cạnh hồ nước lấp lánh đầy hoa sen tím và hai mẹ con đã vào sống tại đó.

Ngày kia, một anh thợ rừng tử thành Ba-la-nại (Banaras) đến thăm người bà con nơi khu vực này, bị lạc đường. Lo sợ trước cảnh vật xung quanh, anh ta bắt đầu than thở, khóc lóc về số phận không may của mình. Voi chúa đang tắm dưới hồ, nghe tiếng người kêu khóc, liền bước ra khỏi hồ nước. Khi nhìn thấy con vật khổng lồ, anh thợ rừng hoảng sợ đâm đầu chạy, nhưng voi chúa gọi ông ta: "Tại sao ông bỏ chạy? Đứng sợ. Tôi không làm hại ông đâu. Lại đây và nói cho tôi biết tại sao ông khóc?".

"Này voi, tôi bị lạc đường và bây giờ qua tôi phải đi quanh quần trong khu rừng nguy hiểm này".

"Đừng khóc nữa. Tôi sống ở đây và tôi biết đường ra khỏi khu rừng này".

Voi chúa đưa thấp vòi xuống và giúp đỡ anh thợ săn ngồi trên lưng và đưa ông ra khỏi khu rừng.

Anh thợ săn đi theo con đường cũ trở về thành Ba-La-Nại. Vừa đến nơi, ông được tin con voi của triều đình vua Bồ-Ra-Ma-Đát-Ta (Bradmadatta) vừa mới mất vài ngày trước đó. Dân chúng trong thành lại đọc thấy bá cáo như sau: "Nếu ai có biết hoặc thấy con voi nào thích hợp cho nhà vua dùng cỡi được xin hãy thông báo cho nhà vua".

Vì mong được lãnh thưởng, anh thợ săn tức thì đến yết kiến nhà vua: "Thưa bệ hạ, hạ thần vừa ở chân núi Hy Mã Lạp Sơn trở về. Gần núi Cẩn-Đô-Ra-Na, hạ thần trông thấy một con voi trắng rất đẹp, một con vật hiếm có và thuận lợi cho Hoàng thượng dùng để

cỡi. Hạ thần đã ghi dấu cẩn thận con đường tới nơi ấy. Nếu bệ hạ phái một người chuyên luyện voi đi với hạ thần, chắc chắn hạ thần bắt được con vật đó".

Nhà vua đồng ý ngay, truyền cho tên huấn luyện voi và quân lính đi theo người thợ săn.

Sau nhiều ngày ra đi, xuyên qua những cánh đồng lúa chín và thung lũng phì nhiêu, họ tới hồ nước gần núi Cẩn-Đô-Ra-Na. Rón rén xuống sát hồ nước, họ nhìn thấy voi trắng đang hái những tên lính yếu đuối này. Voi đánh hơi biết có người đến, nó nhìn lên và thấy người thợ săn đang đứng núp sau một thân cây. Voi nghĩ: "Tên hèn hạ vô ơn này đã hướng dẫn quân lính của nhà vua tới đây. Mặc dù ta rất khỏe. Chắc chắn ta thừa sức tiêu diệt những tên lính yếu đuối này. Nhưng làm vậy, ta có thể gây thù oán tích và giết chết những kẻ khác. Ta không muốn sát hại chúng. Hãy để chúng bắt ta mang về nạp cho đức vua và ta sẽ yêu cầu để được vua thả ra".

Khi người luyện voi tiến xuống hồ nước, voi chúa tự đưa chiếc vòi trắng bạc ra để ông ta



dắt nó đi.

Đêm về, voi mẹ mù trông chờ voi con một cách tuyệt vọng. Khi voi mẹ nghe tiếng ồn ào của quân lính nhà vua thì biết họ đã bắt con mình đi. Voi mẹ khóc than thảm thiết: "Giờ đây ta làm sao sống được khi con ta đã vắng bóng? Ta bị mù và già yếu, ai sẽ săn sóc cho ta? Con ta là một con vật đẹp đẽ và cao quý. Chắc chắn vị vua nào đó đã bắt và dùng nó xông ra chiến trận. Rồi voi sẽ bị giết và ta sẽ không bao giờ gặp lại con ta nữa".

Voi mẹ già đau khổ nằm lăn trong hang đá, than khóc cho đứa con đã mất.

Trong khi ấy, voi trắng đã được quân lính đưa về đến thành Ba-La-Nại. Dân chúng trang hoàng khắp kinh thành để chào mừng thốt voi mới của triều đình. Các thợ luyện voi dắt nó vào chuồng có kết những vòng hoa thơm và xung quanh được trang trí bởi những tấm màn vẽ rất đẹp. Người ta mang lại nhiều thực phẩm ngon cho voi ăn nhưng nó từ chối.

Các thợ luyện voi thất vọng đến gặp đức vua và thưa: "Tâu Hoàng thượng, voi trắng không chịu ăn. Nó từ chối mọi thứ mang lại đưa cho nó. Voi sẽ suy yếu và chết nếu không ăn uống gì. Vậy hạ thần làm sao bây giờ?"

Nhà vua phải thân hành vào chuồng voi và đưa cho nó các thức ăn dành cho hoàng gia. "Này voi cao quý. Hãy quay lại đây ăn. Tại sao nhà người buồn rầu. Nhà người không hãnh diện khi được chọn để phục vụ cho đức vua của người hay sao?"

Con voi quay đầu lại trả lời: "Tôi sẽ không ăn uống gì cho đến khi tôi được trả về với mẹ tôi".

"Này voi, mẹ người ở đâu?"

"Tâu Hoàng thượng, mẹ tôi ở trên núi Cẩn-Đô-Ra-Na. Bà ta già yếu, mù lòa, hiện giờ mẹ tôi đang sống một mình nên gặp nhiều khó khăn. Không ai chăm sóc chắc mẹ tôi sẽ chết".

Khi nghe voi trắng trình bày hoàn cảnh của mẹ nó, đức vua vô cùng cảm động và quyết định thả voi ra: "Này voi cao quý, hãy trở về với mẹ người. Hãy tiếp tục chăm sóc mẹ người như người đã từng phụng dưỡng bà trong quá khứ".

Rồi voi trắng trở về trên núi. Nó đi vào hang đá, và lòng tràn ngập niềm vui khi thấy mẹ nó còn sống. Voi lấy vòi hút nước dưới hồ lên rồi nhẹ nhàng trên thân hình mẹ nó. Voi mẹ mù tưởng đó là trời mưa và kêu lên: "Lạ thực, sao trời mưa trái mùa như thế? Chắc có vị ác thần nào sắp xuất hiện chăng? Trời ơi, nếu lúc này đứa con duy nhất của ta có ở đây, nó sẽ bảo vệ cho ta".

Voi con đến sát gần quý xuống và dịu dàng an ủi mẹ nó. Voi mẹ nhận biết đó là con mình nên rống lên vì sung sướng.

"Mẹ ơi, hãy đứng dậy. Đừng nằm đau khổ nơi đây nữa. Nhờ được vua Bồ-Ra-Ma-Đát-Ta nhân đức ở thành Ba-La-Nại phóng thích, con của mẹ đã trở về với mẹ hôm nay".

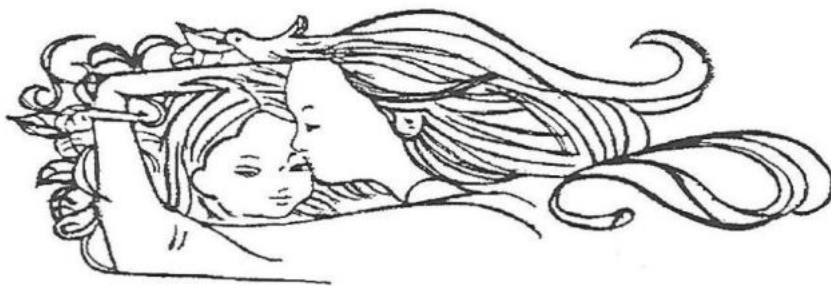
Voi mẹ, hết lòng tán thán đức vua, liền tung hô "Vua Bồ-Ra-Ma-Đát-Ta vạn tuế. Nguyên cầu cho nhà vua trị vì đất nước trong an bình, thịnh vượng. Ngưỡng mong chủ thần linh luôn ban phúc cho nhà vua do hành động nhân đức của nhà vua đã thả con ta trở về".

Hai mẹ con voi tiếp tục sống bên cạnh hồ nước đầy hoa sen và voi con đã hết lòng phụng dưỡng thân mẫu cho đến ngày voi mẹ qua đời. Khi voi trắng từ trần, nhà vua đã truyền dựng một pho tượng của nó bằng đá bên cạnh hồ nước. Hằng năm, đức vua và quần thần tổ chức ngày Hội Voi Trắng tại nơi đó để tưởng niệm một con vật đáng quý này.

• Hồng Nhiên - Sưu tầm

Chú thích: Đây là chuyện thứ 455 trong bộ chuyện tiền thân của Đức Phật. Đức Thế Tôn thuật câu chuyện này ở Kỳ Viên Tịnh xá. Đức Phật dạy rằng kiếp quá khứ Đại Đức A-Nan là vua Bồ-Ra-Ma-Đát-Ta, Hoàng hậu Ma-Gia là voi mẹ mù và Ngài là Voi trắng.

TÌNH THƯƠNG CỦA MẸ



Tóc bạc
lưng còng
dạ héo hơn...

Lá nhỏ
thường bay
rụng mỗi môn...

Mưa mù
lá chà
giăng tầm mắt

Đừng già
nha Má,
Má thương con!

(Lá Hồng thơ Huy Giang)

Tôi ôm chặt lấy mẹ, cúi đầu vào lòng ngực ấm áp của mẹ và khoe với mẹ:

- Mẹ ơi, hôm nay con được cô giáo khen đó mẹ!

Mẹ tôi âu yếm vuốt tóc dài của tôi:

- Con của mẹ giỏi, như thế mới là đứa con ngoan của mẹ. Cố gắng học hành để cha mẹ vui lòng con nhé, Uyên Nhi thương của mẹ!

Tôi yêu mẹ tha thiết. Trong giấc ngủ tôi thấy mẹ biến thành bà tiên mang cho tôi những niềm vui hạnh phúc, những bộ quần áo thần tiên đủ màu. Mẹ tôi thường gỡ tóc rối cho tôi mỗi khi tôi phớt tóc ngoài hiên nắng rọi. Mẹ kể cho tôi nghe những bài luận lý nhẹ nhàng. Đêm đến, tôi nằm gọn trong lòng mẹ như con chó nhỏ:

- Mẹ ơi, mẹ luôn mãi bên con mẹ nhỉ!

Mẹ tôi cười hiền hậu ru tôi vào giấc ngủ bằng lời ru ngọt ngào. Sau ngày cha tôi vượt biên, hai mẹ con tôi lâm vào cảnh chật vật, những lúc nào mẹ cũng nở nụ cười hạnh phúc khi tôi quăng cặp sà vào lòng mẹ sau buổi tan trường. Mẹ tôi không để tôi thiếu thốn thua sút bạn bè. Trong lúc tôi vui cường với chiếc áo mới ngày Tết, mẹ nhìn tôi với ánh mắt đầm hơi sửng với niềm hãnh diện:

- Uyên Nhi của mẹ đẹp quá! Thiên thần nhỏ của mẹ!

Mẹ tôi đó, người mẹ suốt đời tận tụy cho tôi, cho đứa con gái yếu ớt của mẹ. Ngày ngày, mẹ tôi tần tảo bán buôn, những mẹ không bao giờ quên dành cho tôi một nắm xôi, một viên kẹo, một quyển tập thơm trang giấy mới. Với chút vốn liếng sau những năm dài dang dẳng dãi dầu, tôi vúi nắm lấy mẹ để lên đường tìm cha trong lửa tuổi 12... lửa tuổi của mộng mơ, của ô mai phượng đỏ...

Trên mặt đại dương bao la, trong tiếng sóng cuồng của biển cả, tôi nép vào mẹ sợ hãi:

- Mẹ ơi... con sợ quá!...

Mẹ ôm ghì lấy tôi như sợ ai cướp mất. Tôi thiếp đi trong mệt mỏi và vững tin có mẹ bên mình... Tiếng hét kinh hoàng của mẹ làm tôi choàng tỉnh... một đám nửa người nửa thú, vôi che trắng mặt giăng kéo tôi ra khỏi mẹ. Mẹ tôi gào thét tất tiếng... chửi với nắm lấy tôi tuyệt vọng:

- Cậu con tôi với... làm ơn cứu con tôi...

Tôi thần thất:

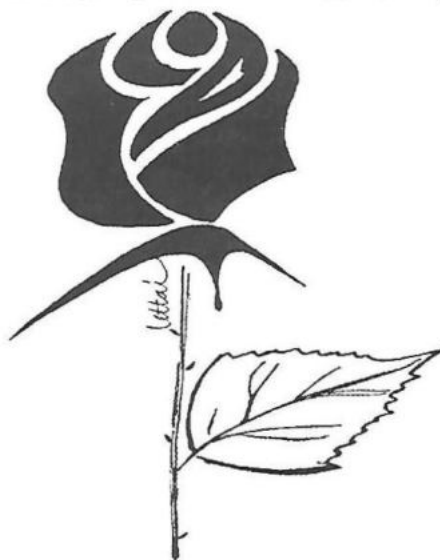
- Mẹ ơi... Mẹ...

Những bàn tay thô bạo đã rút mẹ xa tôi... lá lia cành, chim rời tổ... Tôi vùng vẫy rưng rứa kêu mẹ khi đám người kia thay phiên nhau đè nặng tấm thân tôi. Trong hải hùng đau ngất... tôi thấy mẹ dập đầu vào mạn thuyền loang máu để cầu xin tha tôi... Tình thương của mẹ đã đẩy lùi đám quỷ dữ. Trong tay mẹ, tôi thi thào:

- Mẹ ơi, sao mẹ lại bỏ con...

Từ đó mẹ không rời tôi nửa bước. Mẹ ôm ấp an ủi tôi suốt thời gian long đong tỵ nạn. Mẹ hùng hổ liều sống chết với bất cứ người nào, khi ai có ý làm tôi sợ hãi, đau đớn. Mẹ vẫn thường chải tóc rối cho tôi vào những ngày nắng ấm. Nằm trên vế mẹ, tôi tui thân nức nở... Mẹ xoa đầu nước mắt tuôn rơi ru tôi vào giấc ngủ. Những cơn ác mộng giữa đêm thâu làm tôi thức giấc, mẹ là người mang lại cho tôi sự an toàn trong vòng tay ấm tình thương của Người.

Ngày định cư tại Đức, mẹ đã làm tất cả tôi có được cuộc sống đầy đủ vật chất, tinh thần. Mẹ đã gieo lại trong tâm hồn tôi niềm vui sống, lòng tự tin. Giờ tan học, mẹ tôi



dừng đó, gầy guộc giữa sân trường mênh mông với vòng tay mở rộng...

Tin cha tử bên kia bờ đại dương có mái ấm gia đình... Mẹ tôi sầu khổ oằn oại. Tôi hôn lên má ghì xiết chặt mẹ, vỗ về mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ còn có con! Con yêu mẹ, nguyện suốt đời bên mẹ!

Bỏ vai mẹ run run thốn thức... Trong một đêm quẩn trí, mẹ đã rời xa tôi vĩnh viễn. Bên giường cấp cứu, mẹ nói qua nước mắt:

- Uyên Nhi, con ngoan của mẹ... Mẹ có lỗi cùng con... gắng phấn đấu thành người... con nhé... gia tài của mẹ để lại cho con... chỉ có Tình Thương của mẹ... Uyên Nhi... con yêu...

Tiếng mẹ nhỏ dần... tôi ôm ghì xác thân dần lạnh của mẹ ngắt lịm:

- Con không cho mẹ đi... Mẹ ơi, sao mẹ đành bỏ con...

Tôi theo cha tôi về Mỹ, hình ảnh mẹ tôi là hành trang trong cuộc sống mới.

Mười năm sau, tôi trở lại thăm mẹ. Mộ mẹ đã phủ rêu xanh. Tôi ôm tấm bia đá khóc nức nở:

- Mẹ ơi! Con bất hiếu quá hở mẹ!

Đặt vòng hoa trắng trên mộ mẹ, tôi chấp tay:

- Lạy mẹ, Tình Thương của mẹ vô bờ bến. Uyên Nhi, con gái nhỏ của mẹ giờ đã trưởng thành. Xin mẹ hãy an nghỉ. Gia tài của mẹ để lại, con nguyện sẽ đem theo con suốt quãng đời này...

*Xin được cài cánh hồng trắng lên áo như
ai cùng cánh gió.*

• Y Khanh

BÔNG HỒNG CÀI ÁO

• Vũ Thị Dạ Thảo

Có một bản nhạc nói về Mẹ, trong đó có câu: "Một bông Hồng cho anh, một bông Hồng cho em, và một bông Hồng cho những ai đang còn Mẹ..."

Nếu bạn còn được cài bông hồng lên ngực áo, bạn là người may mắn hơn tôi. Tôi là thằng con trai bất hạnh hơn bạn, bởi vì Mẹ tôi đã mất. Tôi đã được nhìn vô số những bông Hồng, được nghe cả trăm lần bài hát

độ, nhưng tôi chỉ thật sự hiểu được ý nghĩa của bài hát với một xúc động vô biên kể từ khi Mẹ tôi trút hơi thở cuối cùng trong bệnh viện, vào một chiều mưa âm ỉ.

Và cũng từ giây phút ấy, tôi mới ý thức được là mình vừa mất đi một bảo vật quý giá nhất trên đời. Một sự giác ngộ quá muộn màng mà đáng lẽ mười mấy năm qua tôi phải hiểu, phải biết, phải thông cảm nỗi lòng của một người đàn bà đã sinh thành ra tôi, hy sinh cho tôi, nuôi nấng, che chở tôi từ tấm bé, mà tôi gọi là Mẹ.

Mẹ tôi mất bởi một cơn đau tim đột ngột. Bà trượt ngã xuống đất rồi không chỗi dậy được nữa. Chẳng có ai chung quanh để vực bà lên. Trong lúc đó chị tôi đi làm. Còn tôi thì đang ngồi thoải mái trong một căn phòng mới thuê để tiếp bạn gái của mình. Cũng vì muốn cho mình có một tự do cá nhân riêng, tôi đã lìa xa mái gia đình, lìa xa người đàn bà đã đem đến cho tôi tình mẫu tử bao la, vô bờ bến.

Cha tôi mất từ khi tôi mở mắt chào đời. Một mình Mẹ tôi tần tảo nuôi nấng anh chị em tôi bằng gánh cháo lòng. Tôi là đứa con út nên được Mẹ tôi nuông chiều. Có lẽ cũng vì thế mà tôi không ý thức được tình yêu thương của Mẹ ngay từ khi tôi có đủ trí khôn. Cho đến khi gia đình tôi sang được Mỹ, các anh chị lớn của tôi đều lập gia đình. Tôi ở lại với Mẹ tôi và người chị kế.

Mặc dù tôi đã hai mươi mốt tuổi, đang bước chân vào ngưỡng cửa đại học, nhưng đối với Mẹ, tôi vẫn là một đứa con trai bé bỏng như ngày bà còn ẵm trên tay. Mỗi buổi sáng, khi tôi thức dậy sửa soạn vào trường thì trên bàn đã sẵn một bữa điểm tâm, với ly cà-phê sữa còn nóng, và khẩu phần ăn trưa. Tôi ăn sáng, rồi bình thản xách gói đồ ăn ra đi.

Những ngày mùa đông, tuyết giá, bên cạnh chiếc cặp của tôi đã sẵn chiếc áo len dày cộm đôn lông ngỗng, và đôi găng tay ấm. Lúc tôi ra đến cửa, Mẹ tôi còn hỏi với theo:

- Còn vé xe buýt không con?

Lúc đó tôi mới sực nhớ để sớ vào túi quần mình kiểm soát lại, nhiều khi chẳng còn chiếc vé nào cả. Thế là Mẹ tôi lại móc ví lấy tiền đưa cho tôi mua vé xe.

Những ngày rét căm căm, đi học tối, Mẹ tôi lại nhắc tôi đem theo chìa khóa cửa. Có một lần tôi đi Party quên mang chìa khóa theo. Hai giờ khuya đêm ấy, khi trở về nhà, tôi vẫn thấy Mẹ tôi còn thức để chờ mở cửa cho tôi.

Có những hôm trở trời. Tôi hơi nháy mũi. Mẹ tôi nhét ngay vào tay tôi hai viên thuốc cảm bắt uống liền tại chỗ, không hiểu tại sao lúc đó tôi lại cảm thấy bực bội hơn là xúc động.

Tâm lý thường tình của con người là khi thường xuyên được thụ hưởng những ưu đãi thì người ta không cảm thấy được cái giá trị của nó. Tôi đã được hưởng những chăm sóc của Mẹ tôi, nhưng tôi nào có hiểu được.

Mẹ tôi vốn có bệnh đau tim. Một căn bệnh mà bà đã phải chịu đựng từ khi còn trẻ. Nhưng có lẽ vốn tính không muốn người khác lo âu, Mẹ tôi đã giấu kín không cho các con bà biết. Nhiều khi bà âm thầm chịu đựng cơn đau một mình, mỗi khi có biến chứng. Có một lần Mẹ tôi bảo phải vào bệnh viện. Anh em chúng tôi vào thăm bà, mỗi đứa nói

một câu an ủi. Nhưng mấy đứa con trai chúng tôi được cái may mắn trời cho khỏe mạnh, nên có đứa nào thông cảm được nỗi khổ sở của một người mang căn bệnh hiểm nghèo như Mẹ tôi. Chỉ có người chị kế tôi, chị Đào, là người có vẻ lo lắng về Mẹ tôi nhiều nhất.

Sau cơn bệnh, Mẹ tôi lại trở về nhà, lo toan cho lũ con cái. Hạnh phúc của Mẹ tôi là niềm vui của đàn con. Bà thuộc lòng tính nết của mỗi đứa. Những lần anh em chúng tôi cãi vã, to tiếng với nhau, Mẹ tôi lại tế nhị dàn hòa. Có lúc thấy đứa nào buồn khổ chuyện gì, Mẹ lại là người an ủi, mang lại cho đứa con niềm hy vọng.

Chúng tôi càng lớn càng chịu ảnh hưởng bởi cái xã hội bên ngoài, về cách sống cũng như quan niệm yêu đương. Ngày đầu tiên nghe người chị cả của tôi có người yêu, Mẹ tôi có vẻ lo lắng và nói chuyện với chị thật nhiều. Bà căn dặn chị phải đề phòng đủ thứ. Chị tôi không có phản ứng gì, chỉ chăm chú nghe. Tôi không hiểu những lời dạy bảo của Mẹ tôi có ăn sâu vào lòng chị hay không, nhưng tôi, lúc đó, thì nghĩ là Mẹ tôi quá lắm cẩm. Tôi có nói là Mẹ hãy để cho chị được quyền tự do luyện ái. Mẹ tôi lại giật thích cho tôi nghe những điều mà một thằng con trai chưa va chạm với đời như tôi không thể nào hiểu nổi.

Cho đến khi người anh thứ hai của tôi cũng có bồ, Mẹ tôi lại đem những bài giáo huấn dành cho con trai mà dạy anh tôi. Mẹ tôi khuyến anh đừng sống vô tâm để hại đời con gái nhà người ta. Anh tôi thì không ngồi im như chị cả tôi. Tôi lý luận theo khuôn mẫu của những người trẻ của thời đại, và bác bỏ từ tưởng lỗi thời của Mẹ tôi. Tôi lại được dịp về hứa với anh mình, chống đối Mẹ. Mẹ tôi bảo rằng, bà có cả con trai lẫn con gái. Bà không muốn ai hại đời con gái bà thì bà phải khuyến con trai nên xử tốt với con gái nhà người ta. Anh em tôi lại cười ồ vì lý luận cổ điển của Mẹ tôi.

Khi người anh thứ ba của tôi dẫn về nhà giới thiệu với Mẹ tôi một người bạn gái tóc vàng, tôi nhận thấy nét thất vọng hiện trên gương mặt của Mẹ tôi. Từ đấy, bà không còn mất thì giờ để nói những câu chuyện về luân lý, phong tục, tập quán của tổ tiên cho chúng tôi nghe nữa.

Rồi chị cả của tôi tự ý đi xây tổ ấm với người tình, không cần cưới xin gì cả. Mẹ tôi buồn lắm, nhưng bà biết làm sao hơn là ngồi khóc cho sự đại khờ của chị tôi. Một năm sau, chị xách va-li trở về nhà với chiếc bụng bầu bốn tháng. Tên bạn trai đã phụ bạc chị. Tôi tưởng Mẹ tôi thế nào cũng la mắng chị, nhưng không, bà lại hết lời an ủi, vỗ về cho chị người con buồn tủi. Mẹ tôi sẵn sóc chị cho đến ngày đứa bé ra đời. Ban ngày chị đi làm, Mẹ tôi lại trở thành bà vú em thay tã, pha sữa cho đứa cháu.

Đến khi đứa bé được một tuổi, chị cả tôi lại có một mối tình khác với một người đàn ông da trắng, và cả hai đã tổ chức đám cưới.

Rồi cứ như thế các anh chị tôi đều lần lượt lập gia đình. Trong nhà chỉ còn lại tôi và chị Đào. Chỉ có chị Đào là người mà Mẹ tôi đặt nhiều tin tưởng vào nhất. Chị chưa có chọn cho mình một người yêu. Chẳng phải chị

không đẹp mà chính vì tính hiếu thảo khiến chị cứ quanh quẩn bên Mẹ tôi để chuyện trò cho bà vui. Có thể vì thế mà Mẹ tôi thường hay tâm sự với chị là bà vẫn muốn cho chị có một tấm chồng tử tế. Tôi nghe thế bèn nói xía vớ:

- Bên xứ này mà Mẹ cứ giữ chị Đào củ ru rú ở nhà, không quen với ông con trai nào thì làm sao mà có chồng được.

Chị Đào nghe thế trách tôi:

- Em nói Mẹ như thế là không phải. Mẹ có bắt chị ở nhà đâu. Tại vị chị chưa nghĩ tới chuyện có bạn trai đấy thôi.

Thực ra thì biết có nhiều gã con trai si tình chị Đào. Tôi đã có dịp được đọc lên những lá thư tình của họ gởi đến, với những lời yêu thương ướt át. Tôi không được biết tác giả những lá thư ấy, có ai được điểm phúc nhận được thư hồi âm của chị không, nhưng chưa có bao giờ tôi thấy chị đáp ứng một cuộc hẹn hò với ai vào những cuối tuần cả.

Cho tôi khi tôi bắt đầu biết yêu, và cặp bồ với Tố Quyên một cô gái Việt Nam thì chị Đào vẫn còn đi chơi với Mẹ tôi. Chị đi bên Mẹ rất hồn nhiên chẳng cảm thấy ngượng ngùng như bao nhiêu người trẻ khác.

Người tôi yêu là con gái của một gia đình danh gia vọng tộc, thuộc dòng dõi quan liêu đất thần kinh ngày xưa. Tôi si mê Tố Quyên đôi lúc quên cả bản thân mình. Ngày đầu tiên Tố Quyên đưa tôi về nhà nàng chơi, tôi đã bị cha của nàng chất vấn về gia thế của tôi ngày xưa như thế nào. Lúc đó không hiểu sao đức tính ngay thẳng của tôi biến đâu mất. Tôi nhanh nhẹn giấu ngay gánh cháo lòng của Mẹ tôi đi, và thay vào đó bằng một danh hiệu quả phụ thường gia cho Mẹ tôi. Cả nhà Tố Quyên cũng đều tin như vậy.

Trong khi Tố Quyên vinh hạnh giới thiệu về gia đình nàng, còn tôi thì lại giấu lấy giấu để ngôi nhà nghèo nàn của mình đang ở. Tôi bảo Mẹ đang ở bên Paris trông coi sản nghiệp của cha tôi để Tố Quyên không còn có thể khám phá ra sự thật về gia đình tôi nữa.

Nhưng vào một buổi sáng đẹp trời, Tố Quyên cùng cha nàng lái xe hơi đi ngang qua khu tôi ở, tình cờ nàng thấy tôi cùng với Mẹ tôi đang khệ nệ xách những giỏ thức ăn, xuống xe buýt. Nàng gọi tên tôi. Tôi giật mình quay lại, hoàng hồn khi nhận ra Tố Quyên. Nàng hỏi tôi:

- Anh đi chợ với ai vậy?

Cũng may là Mẹ tôi đã đi thẳng vào nhà. Tôi vội nói:

- Xách giùm đồ cho người quen.

Rồi chiếc xe của Tố Quyên lại chạy đi. Tôi hú hồn. Sau lần đó tôi cảm thấy mình cần phải thuê một căn phòng khác để ở, như tôi đã từng nói đối với Tố Quyên là tôi đang thuê phòng ở trọ học. Đối với những người tuổi trẻ như tôi, khi đã có một tình yêu trong cuộc đời đương nhiên là phải cần cho mình một thế giới riêng tư, một chỗ ở để mình có thể tự do làm những điều gì mình thích để phục vụ cho tình yêu đó. Tôi cảm thấy mất tự do khi thấy Mẹ tôi thường dò la hỏi han mỗi khi tôi đi về nhà với giỏ giặc khác thường. Tôi không hiểu đó là sự lo lắng từ bất cứ người Mẹ nào với đứa con trai út của mình. Từ khi các anh tôi

không để tâm đến những lời khuyên bảo, Mẹ tôi không còn đem những bài đức dục giảng cho ai nghe nữa, kể cả tôi.

Chiếc điện thoại trong nhà giờ chỉ có mình tôi chiếm hữu, tôi nói chuyện với Tổ Quyên hàng mấy giờ liền cũng chưa dứt. Chị có khi nào Tổ Quyên bỏ điện thoại xuống là tôi mỗi chịu ngừng nói. Đối với tôi, chẳng có gì khó chịu hơn là nói điện thoại tâm tình mà cứ có người đi lại bên cạnh, dù người đó là Mẹ tôi. Tôi không còn cảm thấy thoải mái trong căn nhà mình đang sống. Bây giờ tôi đã có việc làm bán thời gian, có tiền để mua sắm đồ riêng cho mình. Có như thế, tôi mới thật sự được tự do tiếp bạn gái hay đi chơi thâu đêm suốt sáng mà không bị Mẹ tôi để ý phiền hà.

Từ nhà đến trường phải đi bốn chặn xe buýt với thời gian là hai tiếng đồng hồ. Viện lễ là đường quá xa, tôi phải mua một chỗ gần trường để đi về khỏi vất vả và tiết kiệm thì giờ để học hành. Và tôi đã thực hiện được ý định của mình. Mẹ tôi, đương nhiên, không cảm thấy gì mà tôi biện minh là có lợi cho tôi trong việc học. Nếu như không có chị Đào, tôi không thể nào bỏ ra đi một mình. Tôi đã ý lại có chị để săn sóc Mẹ tôi cho nên khi xách vali đi khỏi nhà, tôi cảm thấy lòng vui hơn là bịn rịn.

Những ngày ở riêng một mình, tôi cảm thấy cuộc đời tự do sao hạnh phúc đến thế. Tôi muốn đi giờ nào, về giờ nào chẳng ai thêm để ý, phiền hà. Lúc ấy tôi mới để Tổ Quyên đến thăm chỗ ở của tôi. Nàng lại càng tin là Mẹ tôi đang ở Paris thật.

Thời gian xa nhà, trong lòng tâm hồn tôi đang vui hưởng tự do, thoải mái thì Mẹ tôi lại buồn bã vì cảnh nhà hiu quạnh. Có những chiều cuối tuần mài mê hẹn với Tổ Quyên mà tôi không về thăm nhà mình.

Cho đến một hôm, tôi tiếp Tổ Quyên trong phòng mình, chuông điện thoại reo ba bốn lần mà tôi cũng không nhắc. Tôi không muốn nói chuyện với ai khi có người yêu tôi bên cạnh. Chẳng hai giờ sau, có tiếng gõ cửa dồn dập làm tôi và Tổ Quyên cùng giật mình. Tôi chạy ra mở cửa, và hoảng hồn khi thấy gương mặt tái xanh của chị Đào, với giọng hốt hoảng:

- Em về mau, Mẹ bị đứt gân máu rồi!

Quên cả sự hiện diện của Tổ Quyên bên cạnh, quên cả những gì tôi đã nói đối Tổ Quyên, tôi lo sợ hỏi:

- Mẹ có sao không?

- Chị đưa Mẹ vào nhà thương rồi! Mẹ không cử động và không còn nói chuyện được nữa.

Tôi nghe như sét đánh ngang tai. Tổ Quyên đưa mắt nhìn tôi, rồi ngạc nhiên hỏi:

- Ủa bác qua đây hồi nào vậy, sao anh không cho em biết để chào bác? Bây giờ mình đến ngay bệnh viện đi.

Tôi bước theo chị Đào như một cái xác không hồn. Bây giờ thì chẳng còn gì quan trọng hơn mạng sống của Mẹ tôi. Tổ Quyên lái xe đưa chị em tôi đến nhà thương. Đọc đường, lòng tôi nóng như lửa đốt. Tôi có nghe nhiều người kể về những bệnh nhân bị đứt gân máu thường bị chứng tê liệt thân người, quả tim còn đập nhưng tay chân thì không còn cử động được nữa. Nếu Mẹ tôi bị như vậy thì trời ơi, bà sẽ đau khổ chừng nào.

Tự nhiên, tôi cảm thấy thật ân hận. Quá khứ như một cuốn phim chiếu mau lướt qua trong trí óc tôi với gương mặt nhân hậu của người Mẹ hiền.

Xe tôi bệnh viện, chúng tôi được y tá dẫn tới phòng cấp cứu. Tôi chạy như bay vào phòng. Mẹ tôi nằm bất động trên giường bệnh. Sự sống của bà chỉ còn hiện diện trên đôi mí mắt cố gắng hé mở để nhìn tôi. Tôi bồng gục đầu xuống nệm giường khóc òa lên như một đứa trẻ con. Bàn tay trái của Mẹ tôi bồng đung đậy, rồi khẽ giờ lên vuốt tóc tôi. Mẹ biểu lộ tình thương mến mà Mẹ tôi vẫn thường an ủi tôi hồi tôi còn bé, mỗi khi tôi khóc vì bị anh chị ăn hiếp. Tôi ngước nhìn mặt Mẹ mà nức nở. Đau khổ và hối hận cùng trào ra theo nước mắt tôi. Tôi muốn nói với Mẹ tôi lời tạ tội, nhưng cổ họng tôi như nghẹn lại.

Bàn tay Mẹ tôi yếu dần, buông lơi từ từ, rồi bất động. Tôi chợt giật mình lay mạnh tay Mẹ, nhưng bàn tay bà đã lạnh giá. Chị Đào vội gọi Bác sĩ trực. Ông Bác sĩ nghe mạch Mẹ tôi rồi lấy cái mũi kim nhọn quét nhẹ lên gan bàn chân Mẹ tôi để kiểm chứng lại lần chót. Hai ngón chân cái của Mẹ tôi khẽ máy động, nhưng nó chỉ là một phản xạ cuối cùng. Ông Bác sĩ lắc đầu:

- Bà ấy sắp đi rồi!

Chị Đào chợt bật lên tiếng khóc, nhào tới ôm chầm lấy Mẹ tôi. Các anh chị tôi cũng vừa đến nơi, lục tục kéo nhau vào phòng, vây quanh lấy giường Mẹ. Ai nấy đều òa khóc theo. Tôi gạt lệ, cố mở to đôi mắt uớt để nhìn lại gương mặt của Mẹ tôi lần cuối. Gương mặt hiền từ bao dung này tôi sẽ chẳng bao giờ còn thấy lại được nữa.

Tổ Quyên cũng rơm rớm nước mắt. Nàng nắm nhẹ lấy vai tôi như cùng chia sẻ nỗi khổ đau với tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy một sự xấu hổ le lói trong niềm đau vô tận đang vô nát lòng tôi. Mẹ tôi sẽ chẳng còn bao giờ hiện diện bên cuộc đời để phiền hà tôi nữa. Tôi đã tự tạo cho mình những lo sợ hãi huyền. Lý do tôi bỏ Mẹ tôi ra đi chỉ có mình tôi biết. Chị Đào không biết, các anh chị tôi không biết, nhưng Mẹ tôi, có thể bà đã biết mà không tiện nói ra. Hạnh phúc của những người Mẹ trên thế gian này đều bắt nguồn từ niềm vui của những đứa con. Tôi bỏ Mẹ tôi ra đi để tìm hạnh phúc cho cá nhân mình, tôi biết Mẹ tôi buồn, nhưng thấy tôi vui, Mẹ tôi không nở phản đối và cấm đoán.

Trong tiếng khóc nức nở của các anh chị tôi, tôi chợt nghe thấy lương tâm mình đang lên án. Tôi đã vì tình yêu mà quên đi cả Mẹ mình. Đời mỗi con người có thể có nhiều cuộc tình, nhưng Mẹ thì chỉ có một mà thôi. Mất cuộc tình này, tôi có thể tìm được hạnh phúc ở cuộc tình khác. Nhưng mất Mẹ, tôi sẽ không tìm được một người đàn bà thứ hai với lòng trung hậu tuyệt đối, lo cho tôi từng bữa cơm, dỗ tôi từng giấc ngủ, đem cho tôi từng chai dầu, lấy cho tôi từng viên thuốc, và trong những mùa Đông lạnh lẽo tôi đã sẵn trên bàn đôi găng tay và chiếc áo ấm.

Đám tang Mẹ tôi được cử hành trong một chiều mưa âm ảm. Mẹ tôi được hỏa thiêu như nguyện ước của bà lúc còn sống. Tôi xin

ở lại nhà thiêu để nhìn qua tấm kính, chứng kiến chiếc áo quan của Mẹ chìm trong màn lửa sáng rực. Nước mắt tôi đã rơi không biết bao nhiêu lần. Ánh lửa lung linh trong màn lệ. Khi tôi biết nghĩ đến Mẹ thì đã quá muộn màng. Mẹ tôi chẳng còn ở với tôi nữa. Trong giây phút cô đơn này tôi thêm được nghe Mẹ nói, Mẹ trách, Mẹ la mắng tôi, nhưng ngoài âm thanh của lửa cháy bén vào gỗ nổ lách tách, chung quanh tôi chỉ là khoảng không gian lạnh lẽo, vắng tanh.

Tôi nghe tim mình quặn thắt. Thời thế là hết. Gương mặt dịu hiền của Mẹ từ nay sẽ mãi mãi xa tôi. Những viên thuốc cảm, những chiếc vé xe buýt, đôi găng tay và chiếc áo lạnh mùa Đông, ly cà-phê sữa, khẩu phần ăn trưa, và tất cả những gì tầm thường nhất từ nay sẽ chẳng còn ai lo cho tôi nữa.

Mẹ ơi, hãy tha thứ cho con. Con đã ích kỷ chỉ biết nghĩ tới bản thân mình. Con cảm thấy mình tầm thường và hèn yếu quá. Con chỉ biết sống cho cái vỏ bên ngoài. Con đã trọng vọng quá khứ của gia đình người ta hơn gánh chấu lòng của Mẹ. Gánh chấu mà nhờ nó, Mẹ đã nuôi lũ anh em con nên người. Con đã đặt những vấn đề tầm thường trở thành chính yếu, trong khi điều quan trọng nhất là tình mẫu tử bao la nơi Mẹ, con đã nở lòng ngoảnh mặt làm ngơ đi, không ngó ngang tới. Tại sao khi bước chân ra khỏi nhà con lại không chịu nghĩ đến những giờ phút Mẹ oằn vai với gánh hàng rong, ngồi phơi mình dưới trời nắng chang chang để bán từng chén cháo, kiếm vài xu lười về nuôi con dạy con đại. Rồi những lúc con đau ốm, Mẹ phải bán đi những bộ quần áo lành lặn của Mẹ để có tiền mua thuốc cho con. Tại sao lúc bỏ Mẹ mà đi, con lại vô tâm để không nghĩ được rằng có thể, khi trở về, con không còn gặp lại Mẹ nữa.

Bây giờ, dù Tổ Quyên biết được sự thật Mẹ của con không phải là bà góa phụ thường gia giàu có, mà chỉ là người đàn bà lam lũ nuôi con bằng gánh hàng rong, con cũng không màng tới nữa. Mất Mẹ rồi, con đã đánh mất một hạnh phúc to lớn và cao đẹp hơn bất cứ một hạnh phúc nào khác trên thế gian này, còn chi quan trọng hơn để mà phải lo lắng nữa.

Bình tro tàn của Mẹ tôi đã được rải xuống mặt biển Đông, nơi mà bà đã bồng bế lũ con thơ dại đi tìm tự do. Khi nắm tro cuối cùng vừa được trút xuống vùng nước xanh bao la, bát ngát, tôi mở cánh hoa hồng nhung trong gói giấy bóng kính, rừng rừng thả nhẹ xuống lòng biển.

Vinh biệt Mẹ thân yêu! Mẹ chẳng còn hiện diện bên đời con trên cõi đời này nữa, thì con cũng chẳng còn được quyền mang một bông hồng trên ngực áo. Một bông Hồng tuổi thắm, dấu hiệu của hạnh phúc, của một sự tôn trọng vô biên đối với đấng sinh thành, mà chỉ những ai đang còn Mẹ mới được vinh dự cài lên áo để khoe với mọi người rằng: "*Bạn có biết không, tôi đang còn Mẹ!*".

(Viết theo lời tâm sự của một người con trai đã mất Mẹ)

NGƯỜI XỨNG ĐÁNG NHỨT

• Thanh Bình

- **Á**nh Hoa, con đã được mười sáu tuổi, lứa tuổi để kết hôn, đức Vua vừa cười vừa phán:

- Vâng, thưa cha.

- Và con là đứa con gái vừa xinh đẹp vừa giàu có nhất trong xứ, công chúa duy nhất của ta: sau khi ta băng hà chồng con sẽ là Vua. Ta muốn hân sẽ là người có phẩm giá.

- Dạ vâng, thưa cha.

- Vì vậy ta quyết định chọn Phò mã một cách trịnh trọng: ta không muốn họ cưới con vì nhan sắc, vì danh vọng hoặc vì tài sản.

- Con muốn người ta cưới con vì tình yêu chân thật, thưa cha.

- Ê, cô bé! Ai được được trong tim một thanh niên? Ngay cả người cha già này cũng thế. Nhưng không ai có thể nhìn con mà không yêu mến, và con hãy yên tâm, ta sẽ chọn cho con một người xứng đáng nhất đối với con và với Vương quốc này.

- Vâng, thưa cha.

Không còn gì để nói thêm nữa: từ ngàn xưa, các ông cha đã từng chọn chồng cho con gái họ. Ta chỉ có thể cầu mong cho họ ít nhầm lẫn hơn nếu con họ tự chọn. Nếu họ được thêm ý kiến của vợ hiền thì càng hay! Nhưng hoàng hậu đã băng hà từ lâu.

Trong lúc Ánh Hoa đang băng khuâng lo nghĩ, Quốc Vương đã hội họp quần thần và tuyên bố cho tất cả nhân dân trong xứ ý định chọn một người phò mã xứng đáng cho Công Chúa.

Tờ mờ sáng hôm sau, hàng hàng lớp lớp trai tráng, y phục chỉnh tề, với tặng phẩm nổi tay, nao nức bước đến trước Ngọ môn.

Đến trưa, kể có đến hàng trăm người đến cầu hôn. Khi ánh tà dương xế bóng, của Ngọ môn vừa mở, Quốc Vương và Ánh Hoa công chúa đã ngự tọa trên ngai với bá quan văn, võ hầu châu, thì các thanh niên trước Ngọ môn đã nhiều như tinh tú trên bầu trời.

Quan thị vệ tuyên bố khai mạc.

Tức thì, một chàng trai trẻ với y phục thêu chỉ vàng tiến vào. Chàng đã nghiêng mình trước Ánh Hoa và dâng cho nàng nữ trang, châu ngọc, vàng xuyên, nước hoa và lụa là gấm vóc. Sau khi dâng món quà cuối, chàng ngẩng đầu cao, hân diện cất tiếng:

- Tất cả các tặng vật này là biểu hiệu tình yêu của Bào Lang, người giàu có nhất xứ!

Ánh Hoa vừa thốt lời cảm ơn là người khác đã bước tới với tặng vật và diễn tử. Chẳng bao lâu trước mặt và chung quanh Công Chúa đã đầy dây lụa là, châu báu, tặng phẩm quý giá và tai nàng đã nghe đầy những lời êm ái. Nàng tự nhủ không thể nào quyết định được gì trong đám đông này, và lo lắng

tự hỏi không biết phụ vương nàng làm sao chọn lọc được người xứng đáng nhất.

Đã quá nửa đêm khi người cầu hôn cuối cùng tiến đến. Một chàng trai trẻ đi chân đất, với y phục đơn sơ nhưng sạch sẽ, hai tay chấp lại trong tư thế thỉnh cầu, đôi mắt nhìn đắm đắm vào đôi mắt đẹp của Ánh Hoa, cảm lạnh.

- Thế nào, anh kia? Quốc vương phán hỏi.

Thanh niên giũt mình, như một kẻ mộng du vừa chợt tỉnh. Tay chàng run rẩy và để rơi ba chiếc vòng vàng dưới chân Công Chúa. Anh cúi xuống, bối rối, nhặt vàng lên và vụng về trao cho Ánh Hoa.

- Đây là ba chiếc vòng Niềm Vui, Sự Sống và Tình Yêu. Đó là gia bảo mà mẹ tôi cho tôi khi người lìa trần. Tôi mong muốn nàng sẽ giữ nó, cũng như tôi giữ kỷ niệm của nàng, chàng thì thầm.

- Cám ơn chàng, tôi sẽ giữ chúng, Công Chúa nhỏ nhẹ đáp. Chàng trai mỉm cười, đôi mắt luôn dán chặt vào đôi mắt Ánh Hoa, chàng lui vào đám đông.

Quốc Vương đứng lên:

- Các con, Trẫm cảm ơn chúng con đã không ngại đường xa đến đây dâng đảo để chứng tỏ lòng thương yêu Công Chúa. Nhưng đêm đã khuya và thật là không hay



nếu phải quyết định trong đêm đen. Ngày mai, trước ánh sáng ban ngày, trẫm sẽ cho các con biết kết quả.

Và Vua trở về cung điện, theo sau có Ánh Hoa và văn võ triều thần, trong khi những người cầu hôn trở ra phía ngoài hoàng cung.

Khi về phòng, Vua hỏi Công Chúa:

- Con thấy sao? Có người nào trong đám đông đã khiến con chú ý không?

- Con không biết, thưa cha. Trong bao nhiêu người đó, làm sao con biết được ai thành thật yêu con?

- Hãy bình tĩnh đi ngủ đi con. Sáng mai, cha sẽ có một lựa chọn hay.

Ánh Hoa chỉ biết vâng lời.

Ánh đèn đã tắt. Quốc Vương đã ngự ờ long sàng. Ta sẽ gả Công Chúa cho Bào Lang, vì nó không cần tài sản, có khí phách đế vương, rất thích đáng... Vua tự nhủ trước khi đi vào giấc điệp.

Đêm là thế giới của mộng ảo.

Quốc Vương mở về đám cưới của ngài đã từ lâu, về yến tiệc sẽ tổ chức cho Công Chúa, về các cháu sau này, và về nụ cười của Ánh Hoa.

Các chàng trai trẻ mở về hôn lễ, về phú quý, về quyền uy và đôi mắt nhưng của Công Chúa.

Các kẻ hầu hạ mở về phòng tiệc phải dọn dẹp, về thức ăn phải sắp đặt, về sự dịu dàng, khả ái của Ánh Hoa.

Và Ánh Hoa mở về Mẫu hậu. Nàng thấy bà ngồi bên giường như thuở xưa, khi cô Công Chúa bé bỏng còn e ngại bóng đêm.

- Hồi đứa con gái thường mến đang mở được tình yêu chân thật. Con hãy thức dậy và đến điện kiến phụ hoàng. Hãy nói với Ngài hãy loan tin con đã lìa trần trong đêm nay!

Ánh Hoa tỉnh dậy. Bên giường không có ai cả. Bình minh đã ló dạng. Nàng vội vã đi tìm phụ vương.

- Ủ nhì, đây có thể là một tiên tri. Con hãy trở về đi, và cha sẽ làm theo lời mẹ con ứng mộng.

Vâng hồng vừa xuất hiện. Và những kẻ cầu hôn cũng thế. Nơi sân rồng đã ồn ào như ong vỡ tổ.

Và đột nhiên, tất cả đều yên lặng. Đức Vua vừa ngự giá, Ngài thốt lớn:

- Ánh Hoa đã tạ thế! Niềm vui của chúng ta, sự hy vọng của chúng ta... Dạ thần đã cướp mất!

Tất cả đều bàng hoàng. Tại sao thế? Nàng Công Chúa diễm lệ, ngày hôm qua còn vui vẻ, mỹ miều, tràn đầy sức sống đã lìa trần? Vậy là vĩnh biệt hôn lễ, phú quý, quyền thế, vương miện, vĩnh biệt đôi mắt to xinh đẹp của Ánh Hoa!

Quốc Vương vẫn hiện diện nơi đó, tiều tụy, tuyệt vọng, mặt mày hốc hác.

Và ánh dương đã lên cao. Vậy ra không phải là ác mộng à?

Từ từ, những kẻ cầu hôn đã tự sắp xếp theo thứ tự như hôm qua. Chúng tiến đến trước đức Vua, dẫn đầu là Bào Lang, kẻ giàu có nhất xứ.

- Định mạng thật ác độc. Sự chết quá đột nhiên. Ngày hôm trước, chúng tôi đã mang tặng vật cho nàng Công Chúa diễm lệ nhất, và giờ đây, nàng đã đi về bên kia thế giới, nơi đó những chiếc nhẫn sẽ vô ích, những vòng vàng vô giá trị, những chai nước hoa vô hiệu nghiệm. Xin Ngài hãy cho phép chúng tôi được nhận lại các tặng phẩm, các thủ trang sức phụ nữ này đã làm cho cha tôi tốn hết một gia tài nhỏ, và Ngài thì chắc chắn là không có chỗ dùng...

"Thật là một nhân vật nhỏ nhen! Vậy mà ta đã định gả con cho nó! Thật là một giấc mơ thiết thực đó Ánh Hoa!" Đức Vua trầm nghĩ và Ngài phán lớn:

- "Hãy đem tất cả tặng phẩm của cố Công Chúa ra đây, và các người hãy đến nhận lại các tặng vật một đêm của các người đi!"

Chẳng bao lâu, sân châu đã ngập tràn lụa là gấm vóc, nữ trang, tặng phẩm quý giá, các lọ nước hoa thượng hạng, châu báu v.v... Các chàng trai trẻ tiến đến, mỗi người đều muốn nhận lại đúng tặng vật của mình, e rằng kẻ khác sẽ thừa dịp lấy nhầm của mình.

Tiếng la lối, chửi mắng, và những cú đấm vun vít...

Chỉ một mình chàng thanh niên đi chân đất, với phục sức đơn sơ đứng riêng rẽ, cái nhìn xa vắng.

Quốc Vương tiến đến bên anh:

- Tại sao người không đến nhận lại tặng vật như chúng nó? Ngài hỏi.

- Làm sao tôi có thể làm như vậy được? Tôi đã chẳng từng nói với Anh Hoa là hãy giữ các chiếc vòng của tôi à? Và nàng đã chẳng từng hứa ừ? Cho nên, đầu cho đó là tài sản duy nhất của tôi, kỷ niệm cuối cùng của mẹ tôi, tôi vẫn mong rằng Công Chúa sẽ mang những vật này qua bên kia thế giới cùng nàng. Không khi nào tôi có thể đem biểu chúng cho một ai khác được!

- Anh Hoa sẽ đeo những chiếc vòng ấy, Quốc Vương thốt lời. Hơn thế, nàng sẽ đeo tại đây kia! Con sẽ thấy! Chúng nó tượng trưng cho Niềm Vui, Sự Sống và Tình Yêu, phải thế không? Tất cả sẽ thuộc về con, mà không, về hai chúng con, vì con sẽ cưới Anh Hoa, con gái của Trẫm!

- Ồ, Quốc Vương đáng thương đã điên rồi!

- Điên vì đau khổ...

- Và không có người nối ngôi! Những kẻ tôi cầu hôn đều nói như thế khi chúng đã lấy lại tặng phẩm của mình.

- Trẫm giống kẻ điên à? Thật vậy, ta đã điên vì vui mừng đã tìm được một người chồng xứng đáng với Công Chúa. Đúng thế, các con, Trẫm cảm ơn một lần nữa vì các con đã đến đồng đạo để chứng tỏ lòng yêu thương Công Chúa, đầu chỉ một đêm. Cận thần đâu, hãy với Anh Hoa đến đây! Hãy gọi các nhạc công đến! Và hãy sửa soạn để tòa cho Phò Mã! Một tiếng đồng hồ trước đây ta đã ngỡ Bào Lang sẽ là Phò Mã vì nó chắc không yêu Công Chúa vì tài sản mà nó có dư dả. Thế mà ta đã lầm. Giờ đây, không phải là kẻ giàu hơn hết mà là kẻ nghèo hơn hết sẽ là con rể ta. Ta gả con gái cho con người quảng đại, cho kẻ đã thật tâm yêu con gái ta, cho người duy nhất xứng đáng để nối ngôi. Ta sẽ gả Công Chúa cho... à, à mà con là ai vậy?

- Dạ, con là một nông dân tên Bân, củ ngụ phía bên kia sông, chàng thiếu niên lúng túng đáp lời. Anh Hoa vẫn còn sống à, tâu Bệ Hạ?

- Tên Bân à, không, đó không giống tên một vị vua. Kể từ hôm nay, con sẽ là Thế Đức, một vị vua có lòng quảng đại. À, Công Chúa đã đến rồi. Ta giới thiệu với con đây là Phò Mã Thế Đức, con có vửa ý không? Cha đã chọn đúng người chứ?

Anh Hoa cúi đầu thẹn thùng, trong lúc tim nàng đập nhanh.

- Vâng, thưa cha. Công Chúa đáp lời trong khi nàng âu yếm nhìn ba chiếc vòng nối cổ tay: Niềm Vui, Sự Sống và Tình Yêu.

Genève ngày 1.7.1996

AN CỬ KIẾT HẠ

Tân ái cùng các em Đoàn sinh GDPTVN tại Đức Quốc,

Cứ mỗi sau kỳ Đại Lễ Phật Đản tại Chùa Viên Giác, Hannover, các em thường hay nghe Thầy cố vấn giáo hạnh của mình (Thượng Tọa Thích Như Điển) nói: "Thầy sẽ vào An cử kiết hạ 3 tháng, Thầy không đi ra khỏi Chùa - chỉ khi nào có việc gì cần thiết lắm Thầy mới giải quyết mà thôi...". Có em bảo tại sao ngộ vậy? Ba tháng mà Thầy không đi đâu hết, ở trong Chùa hoài chịu sao nổi? - Chán chết!

Nhân mùa Vu Lan 2540 về. Tưởng nhỏ đến công đức của Mục Kiền Liên, người đã dùng thần thông đi âm cung thăm mẹ và cứu mẹ ra khỏi địa ngục và cũng trong 3 tháng đó, theo lời Phật dạy, Ngài đã nhờ các vị Chư Tăng đang tập hợp trong thời kỳ An cử kiết hạ trí chú, tụng niệm cầu độ luôn cho các vong linh đang còn bị đọa đày nơi đó được vãng sanh và siêu thoát.

Để cho một số em khỏi thắc mắc vấn đề này, tôi xin mạn phép các anh chị Huỳnh trưởng, được giải thích cho các em hiểu - Tại sao Thầy phải vào An cử kiết hạ?

- An cử kiết hạ là một pháp tu hành của các vị xuất gia trong 3 tháng hạ (mùa hè). Trong 3 tháng ấy, quý vị Tăng chúng tập hợp trong một ngôi Chùa, trong một Tòng Lâm hay ở một chỗ thanh vắng để tinh tấn chuyên tu, chuyên học. Quý vị ấy sẽ không làm một việc gì ngoài sự tu học để tinh tấn trên đạo nghiệp.

I. Nguyên nhân của pháp An cử kiết hạ

1. Ở Ấn Độ một năm chỉ có 3 mùa: Xuân, Hạ và Đông. Mùa hạ là mùa mưa nhiều nhất. Để tránh mưa gió và nạn lụt cho các nhà truyền giáo, Đức Phật chế ra pháp An cử kiết hạ trong 3 tháng ấy.

2. Mùa hạ vì hay mưa gió nên cũng là mùa sanh sản của các loài sâu bọ, côn trùng, vì thế muốn cho các nhà truyền giáo khỏi phải dầm dấp tàn hại các loài đó, trái với hạnh từ bi, nên trong 3 tháng ấy, các vị xuất gia tu hành không đi ra ngoài.

3. Người xuất gia là phải tu hành. Nhưng muốn tu hành cần phải tìm chỗ an tịnh, chuyên tu thiền quán mới mong có kết quả. Trong một năm mất hết 9 tháng làm việc đạo và truyền bá chánh pháp, 3 tháng còn lại phải hoàn toàn thiên trọng việc tu hành, tấn tu đạo nghiệp.

4. An cử kiết hạ còn có ý nghĩa là tụ họp Tăng chúng ở nơi thanh tịnh để cùng nhau sách tấn tu hành, kiểm điểm hành vi, cử chỉ, y theo luật Phật mà hành trì.

5. An cử kiết hạ gồm cả từ lợi và lợi tha. Từ lợi: là Tăng chúng xuất gia được an tịnh tu hành, học hỏi, tăng trưởng trí đức; Lợi Tha: là khỏi phải giết hại các loài sinh vật, tự tu hành có kết quả, đồng thời cho mọi loài được lợi ích.

II. Ý nghĩa và lợi ích của An cử kiết hạ

1. Tôn trọng sự sống: Sự sống chỉ có một nên không thể xâm phạm, dù là sự sống của

loài vi sinh. Đức Phật khuyến khích Tăng chúng An cử là muốn Tăng chúng không dầm dấp giết hại các loài vi sinh, sinh trưởng rất nhiều trong 3 tháng mùa hạ ở Ấn Độ, tức là giúp Tăng chúng triệt để tôn trọng sự sống.

2. Thường tưởng đồ chúng: Vì thường tưởng đồ chúng nên Đức Phật không muốn họ phải dầm mưa dãi gió trong 3 tháng đó, lại cũng vì thường tưởng đồ chúng nên Đức Phật chú trọng tăng trưởng phúc đức, trí huệ cho họ bằng cách bắt buộc Tăng chúng mỗi năm phải thanh tịnh tu hành trong 3 tháng, có như vậy sự học hành mới tăng tấn.

3. Chú trọng thực hành duy trì giới luật: Chỉ có sự thực hành mới thiết thực hiểu đạo và chứng đạo. Ba tháng An cử kiết hạ là 3 tháng Tăng chúng triệt để tuân hành theo những giới luật của Đức Phật, triệt để tuân hành những củ chỉ oai nghi của một vị xuất gia đúng như lời Phật dạy.

III. An cử kiết hạ là dịp thọ tuổi của Tăng chúng

Người đời thường lấy năm sanh mà kể tuổi. Người xuất gia trong đạo Phật lấy số An cử kiết hạ làm tuổi. Một người chưa An cử kiết hạ lần nào là chưa thọ tuổi, chưa sanh ra tức là chưa có tuổi nào.

Người đã an cử kiết hạ được 2 lần thì được 2 tuổi. Và ngày rằm tháng Bảy, ngày Tự Tử là ngày thọ tuổi của người xuất gia. Người nào hạ lạc cao là được tôn trọng, được ngôi thủ cao trong Tăng chúng, được làm Pháp Sư, được nuôi dạy đồ chúng, được truyền giao giới pháp.

Tóm lại Đức Phật dạy rằng, bốn phận của người xuất gia là phải An cử kiết hạ mỗi năm một lần, cho đến 60 tuổi cũng phải kiết hạ an cử.

Lời dạy này Đức Phật nêu rõ việc chú trọng đến sự thanh tịnh tu hành, sự hành trì giới luật oai nghi cho Tăng chúng một cách chu đáo và rít ráo.

• Thiện Căn

(Tham khảo Phật Pháp GDPTVN)

LÁ RỜI

Bây giờ đã vào thu, những cơn gió lạnh bắt đầu thổi về, không gian mây xám, giăng thưa, bàng bạc... Những hàng cây cao dong dưa đứng dọc, bao quanh khu vườn Viên Giác Tự là đã bắt đầu úa vàng và đã có những chiếc quặng rơi theo từng cơn gió thoảng.

Đứng ti tay vào lan can trước sân thượng Chùa, Đấng Trinh đào mắt ngắm mây, trời và theo dõi những chiếc lá rơi, lòng chạnh thấy bồi hồi, xúc động nhớ đến mẹ mỗi vữa qua ngày đó. Tâm của bà vững niềm tin theo Phật, Pháp. Bà thường đến chùa theo Thầy tụng kinh, nghe thuyết pháp và làm công quả cùng với những Đạo Hữu khác.

Ồ quê nhà bà cũng thường tới chùa làm công việc đó. Qua đây bà cũng đến chùa. Hai xứ sở, hai hoàn cảnh, hai thời tiết và hai xã hội có nếp sống vật chất, đạo đức khác

nhau nhưng tâm bà vẫn giữ một. Đối với bà mái chèo luôn luôn là nơi thân thương nhất, nơi tình tự nhất cho nếp sống tâm linh và đạo đức của bà.

Trong anh chị em của Đảng Trình tuy tâm đạo không nhiều, nhưng việc đi chùa của mẹ, không một ai dám ngăn cản, nhưng nếu có viện cổ này, cổ nọ để ngăn cản thì bà rầy liền: Bây giờ tui bây không lo tu hành, maj này có gì tui bây ráng chịu - Tao đến chùa tụng kinh và làm công quả để lo cho cái thân của tao thôi - Nhân quả nhân tiền thấy không tui bây?!...

Bà rầy la hùng hổ để dọa bầy con, chủ lòng bà lúc nào cũng thường yêu đám con của mình vô hạn.

Anh chị em của Đảng Trình biết rõ tánh ý của mẹ nên chỉ liếc mắt với nhau cười trừ và nghĩ rằng "má của mình đã già" thôi thì bà muốn nói gì bà nói.

Ngày xưa ở quê nhà, chùa chiền ở gần nhà, đi chèo vài cây số, có khi chưa tới năm bảy trăm thước là tới rồi, nên bà không bận tâm gì hết, khi nào muốn đến chùa là bà đi ngay. Sau khi bà lo công việc nhà xong xuôi, bà tới đó lo phụ giúp công việc cho chùa hoặc có khi đến tụng kinh xong bà mới trở về nhà. Hơn nữa vào thời đó bà còn trẻ và thời tiết ở quê hương luôn luôn ấm áp nên việc đi bộ bà thấy thoải mái và khỏe ra.

Bà không mong được nhiều phúc báu, nhưng thân tâm của bà an lạc.

Ông nhà của bà cũng theo đạo Phật, nhưng nói về việc chí tâm thì ông không chí tâm lắm, thành thử việc đi chùa và việc thờ phượng của bà tại nhà, ông để bà tự do, đôi khi ông còn nói đùa với bà: - Mai mốt bà chết, bà có lên thiên đàng thì bà với tay kéo tôi lên là được rồi - Tôi khỏi tu!...

Bà mắng yêu lại ông: - Ông lo cái thân của ông đi, tui ở chỗ sức mấy mà ông nhờ và ai được!... Xong bà ngoay ngoáy bỏ đi chỗ khác, ông ngồi lại cười trừ.

Đôi lúc ngắm nghĩ, bà thấy rằng những đứa con của bà, tuy chúng đã có vợ, có chồng, nhưng khi nào bà muốn đến chùa dự lễ hay làm công việc gì. Bà chỉ cần hô lên là chúng nó sốt sắng đem xe tới chỗ bà đi ngay.

Cái hạnh phúc đó đã khiến cho bà mừng thầm về những đứa con của mình, tuy chúng đang sống trong cái xã hội văn minh Tây Phương, ảnh hưởng vật chất nhiều hơn tinh thần, nhưng tình cảm của chúng đối với cha mẹ chưa đến nỗi nào, còn biết điều hiếu thảo. Chưa như một số người trẻ khác, khi cha mẹ già muốn đi chùa trong các cuộc lễ hay đến chùa để lễ Phật. Có bảo con đưa đi, thì chúng nhảm nhời đó có vui, có hấp dẫn, thích thú thì chúng mỗi chịu đi, hoặc khi chúng rập tâm có mục tiêu gì rồi, thì chúng mới lạ làng và vui vẻ. Đến nơi chúng có thể ở lâu, còn không thì cầu nhau hối hả dời về, khiến cho cha mẹ cũng phải về theo.

Đảng Trình đứng đó, hồi tưởng lại những cử chỉ thân thương của mẹ lúc còn sống, rồi liên tưởng đến một số con cái của những người bạn mẹ mình. Chẳng thấy có đứa đối với cha mẹ hết dạ kính yêu, hiếu thảo. Những cũng có đứa tiềm nhiệm nếp sống văn minh tại bản xứ này, nghĩ rằng người nào có tiêu chuẩn này, do đó đối với cha mẹ không cần phải lo lắng, săn sóc hoặc bắt chước bọn "bụi đời" coi cha mẹ mình không ra gì cả. Có lần chẳng thấy một anh thanh niên nọ, bỏ bê người cha già ở nhà một mình và còn bắt

người cha phải lo miếng ăn, miếng uống cho mình nữa.

Ông ấy sống cô đơn, lụi lụi, thui thủi một mình trong căn nhà vắng, trông thật tội nghiệp. Và một chàng thanh niên cùng với một cô gái nọ đua đòi theo thời trang và nếp sống ăn chơi phóng khoáng, lúc nào cũng tỏ cho mọi người chung quanh biết mình là người ngon lành, tân tiến... Những Disco hay dạ vũ được tổ chức ở nơi xa xôi cách mấy, họ cũng đến tham gia, còn nếu như chỗ cho cha mẹ đi chùa tham dự lễ hoặc đến nơi nào có tụ tập người đồng hương để gặp gỡ, chuyện trò, tìm vui thì họ từ chối - Vì sợ đùa cha mẹ già tới đó, lụi lụi, ăn mặc lôi thôi sẽ làm cho họ mất mặt với bạn bè - Hoặc phải đi gần, đồ, đất v.v... thì "quê" một cục.

Con người không ai qua khỏi cái già và không ai có thể nói rằng ta đây không bệnh tật "Bây mươi chùa gọi rằng lành". Đó chỉ là "chưa thấy quan tài, chưa đổ lệ". Có người không tin Phật, pháp kỳ đến chùa, nhưng lúc sắp chết thì lại muốn được có Thầy đến tụng niệm cho thời kinh cầu xin vãng sanh cực lạc. Cũng như Honecker, Chủ tịch của Cộng Hòa Dân Chủ Đông Đức, một con người cộng sản không chấp nhận tôn giáo và coi thường luật nhân quả, nhưng khi chết thì mong được có chiếc Thánh giá đặt trên nắp quan tài để Thiên thần thưởng xót mà cứu rỗi.

Đảng Trình ôn lại những gì đã thấy và đã xảy ra trong quãng đời của mình, lòng se buồn man mác. Nhờ những cơn mưa chiều trên quê hương cách xa ngàn dặm thuở thiếu thời, mẹ đã lẫn xăn lo lắng cho anh chị em chàng sau buổi tan học về bị sưng uột nước mùa.

Tình mẫu tử thiêng liêng và thấm thiết quá, chàng mở ước có bàn tay triu mến của mẹ rờ rẫm hoặc vuốt ve trên đầu mình, dù rằng bây giờ chàng đã lớn khôn.

Gió thu thổi thoảng mây kéo về.

Đảng Trình vội vàng đi vào bàn vong, nơi thờ phượng hương linh của những người quá vãng, nhìn lại hình ảnh của mẹ mình được thờ nơi đó, lòng bồi hồi, mắt tự nhiên mờ lệ, âm thầm cúi đầu khấn vái với mẹ hiền phò hộ cho được bình yên.

Một mùi nhang của ai đó mới vừa đốt lên cũng hương linh người thân tộc, hương thơm thoảng qua mũi mình. Đảng Trình chấp tay qui bên chân đức Địa Tạng, miệng lầm rầm hát bài ca của Kim Bồng "... Mục Kiền Liên cúi đội ơn ngài cứu độ vong nhân. Mục Kiền Liên chúng con cố nguyện noi từng bước vàng... Mục Kiền Liên! ..."

... Và bên ngoài một chiếc lá thu bay lạc loài rơi nằm trên thềm khung cửa sổ....

• Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

(Mùa Vu Lan 95 - Viên Giác tử)

TIN VỀ GDPTVN TẠI ĐỨC QUỐC

Đại Lễ Phật Đản năm nay (2540) được tổ chức tại Chùa Viên Giác, Hannover, từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 2 tháng 6 năm 1996 vừa qua.

Cũng như mọi năm trước, những năm nay Văn Nghệ Cúng Dường cho Đại Lễ không tổ chức tại rạp hát Niedersachsen Halle (3.500 chỗ ngồi) mà được tổ chức tại Hội Trường của Chùa, do đó tất cả các Huynh trưởng và Đoàn sinh thuộc các GDPTVN tại Đức đã qui tụ hết về Chùa Viên Giác để lo vấn đề sân khấu, văn nghệ, vệ sinh, giữ gìn an ninh trật tự cũng như đảm trách mọi nghi lễ để đón rước chủ Tăng, Ni hành lễ.

Trong phần Văn Nghệ đêm thứ bảy (01.6.96) ngoài các GDPTVN tại Đức đảm trách trình diễn, còn có sự đóng góp của 3 Ca sĩ nổi tiếng: Phường Hồng Quế, Trang Thanh Lan và Quang Bình đến từ Hoa Kỳ.

Đặc biệt năm nay:

- hồi 14 giờ ngày thứ bảy có Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện nói chuyện với đồng bào Phật Tử tại Hội Trường chùa

- 17 giờ lễ ra mắt sách Đức ngữ "Schar kleiner Tiere" (Bầy Thú Nhỏ) của Sơn Tùng do Đạo Hữu Nguyễn Thị Thu Cúc dịch và Nhà văn Sơn Tùng thực hiện; cũng như ra mắt sách Văn Bút Âu Châu Tập 3 do Đạo Hữu Nguyễn Hòa phụ trách.

Cũng trong thời gian ngày thứ bảy này các Huynh trưởng trong Ban Hướng Dẫn GDPTVN/ĐQ cùng với các Huynh trưởng thuộc Ban Liên Đoàn các GDPTVN địa phương đã có 2 cuộc họp:

1. Công tác và trách nhiệm trong các ngày Đại Lễ.

- Phân chia nhiệm vụ cho các HT và ĐS của các GDPT đảm trách.

2. Trai Họp Bạn tại Hòa Lan từ ngày 20 đến 29 tháng 7 năm 1996.

(tại Trung Tâm Sinh Hoạt Emmaus-Helvoirt)

- Đề cử nhân sự cho chuyến đi.

- Đề cử Đại Biểu chính thức và dự khuyết để tham dự khóa họp của BHD/TU/GDPTVN Âu Châu

- Cát cử HT đảm trách các ngành theo qui chế trại, ngoài ra giải quyết các phần việc linh tinh cho các GDPT.

Ngày Chủ Nhật (02.6.96) hồi 10 giờ, chính thức cử hành Đại Lễ Phật Đản 2540 với phần tụng kinh khánh đản và ban đạo từ của chú Tôn đức. Lễ cúng Tổ và chú Hương Linh quá vãng thờ tại Chùa.

Trong thời gian từ 12g15 đến 12g45 các HT trong BHD cũng có một cuộc họp để duyệt xét Biên Bản phiên họp tại Thụy Sĩ ngày 30.7.92 về Hội đồng Xét cấp Tập cho các HT thuộc GDPTVN Đức Quốc.

Kết quả: Phiên họp biểu quyết thành lập Hội Đồng Xét Cấp (HĐXC) "Tập" cho GDPTVN tại Đức Quốc, thành phần gồm có 3 HT thành viên chánh thức, và 4 HT được tho cấp vào ngày 19.01.94 (Đại lễ Phật Thích Ca thành đạo, PL 2537) vào thành viên dự khuyết.

Đại Lễ Phật Đản 2540 đã hoàn mãn lúc 17 giờ ngày chủ nhật (02.6.96). Mặc dù thời tiết vào những ngày đó không được tốt, bên ngoài có nhiều mưa, gió và lạnh nhưng số đồng bào Phật Tử cũng như không Phật Tử đã về Chùa Viên Giác tham dự khoảng 5.000 người. Điều đáng nói là Đại Lễ năm nay có một số đông người Đức tự nguyện vào làm công quả cho Chùa trong Ban nấu ăn và rửa bát đĩa cũng như nhiều người Đức khác đến Chùa tham dự Đại Lễ.

• Thiện Căn

SỨC MẠNH CỦA TÂM LINH

BS. NGUYỄN TỐI THIÊN

Như chúng ta đều biết con người được cấu tạo bởi hai thành phần: Vật thể và Tâm linh. Cơ thể được khỏe mạnh khi nó không đau ốm bệnh hoạn, các bắp thịt hoạt động điều hòa và các phản xạ được nhanh nhẹn. Có người cho rằng "Sức khỏe là sự im lặng của các cơ quan (la santé est le silence des organes). Hình ảnh một lực sĩ thể thao là biểu hiện của một cơ thể cường tráng. Đối lại, tâm thức hùng mạnh khi nó hội đủ ba yếu tố:

- Chú tâm (attentif)
- Giác tỉnh (vigilant)
- An xã (serein)

Chú tâm là sự chăm chú và định tâm.

Giác tỉnh là sự sáng suốt minh mẫn.

An Xã là một trạng thái an lạc, quân bình, không bị vẩn đục bởi phiền não, không bị khuấy nhiễu bởi tham ái hay sân hận.

Thiếu một trong ba yếu tố trên tâm sẽ trở nên yếu đuối và mất năng lực. Hình ảnh một văn nghệ sĩ đang sáng tác hay một nhà thiên văn học đang quan sát vũ trụ cho ta biểu tượng của một tâm trạng hùng mạnh.

Trong xã hội Tây Phương hiện đại có rất nhiều phương tiện để làm cho cơ thể trở nên cường tráng: nào các phòng tập thể dục với tất cả máy móc, muốn làm phát triển bất cứ một nhóm bắp thịt chuyên biệt nào cũng được, nào các môn thể thao, các cuộc tranh tài đòi hỏi người lực sĩ phải làm nhanh hơn, cao hơn, và xa hơn nữa.

Thế còn sức mạnh tâm linh? Làm gì để phát triển nó đây? Rất ít người biết tới, rất ít nơi tập luyện. Chúng ta thường hiểu lầm rằng sức mạnh tâm linh ở chỗ phải hiểu biết càng nhiều, càng rộng, càng tốt. Thật ra sự hiểu biết này không làm cho con tâm hùng mạnh. Chúng ta đã thấy nhiều nhà trí thức tâm hồn rất yếu đuối, què quặt nhiều khi còn tệ hơn cả những người ít học.

Đông Phương đã mang đến cho chúng ta những phương pháp rèn luyện tâm: Thiền, Yoga, khí công, thái cực (Tai Ji). Đây là những di sản quý báu của nhân loại đã vượt lịch sử hàng nghìn năm, đã được thử thách

bởi bao cuộc đổi thay trong đó có cả những cuộc cách mạng, đốt sách, chôn học trò của Tần Thủy Hoàng và Mao Trạch-Đông ở Trung Hoa và những cuộc xâm lăng của Hồi Giáo vào Ấn Độ.

Thiền Định là sự luyện tập để giữ tâm ở ba trạng thái: *Chú Tâm*, *Giác Tỉnh* và *An Xã*, với mục đích là dập tắt và thiêu đốt phiền não. Ba trạng thái này đi chung với nhau hợp thành Chánh Niệm. Sự luyện tập chỉ thành công khi nào Chánh Niệm trở thành một phản xạ của tâm linh. Phản xạ trong khi thức cũng như trong lúc ngủ. Lúc đó tâm hành giả tìm lại được bản chất thiên nhiên của nó. Trong khi thức họ sẽ sống một cách an nhiên tự tại, phiền não đến, Chánh Niệm sẽ làm việc để phá tan phiền não và tâm lại trở lại trạng thái thiên nhiên của nó, không ràng buộc dính mắc, không đau khổ sầu hận. Trong khi ngủ cũng thế; thường thường những nghiệp cũ hay trôi dạt từ tiềm thức để khuấy phá chúng ta, khiến chúng ta nằm mộng thấy những chuyện hãi hùng hay những chuyện buồn có thể làm cho mình tức tưởi khóc. Lúc đó, Chánh Niệm nhanh như tia sáng mặt trời chiếu rọi làm đẩy lui luồng nghiệp xấu vào bóng tối của tiềm thức. Chỗ nào có ánh sáng sẽ không có bóng tối; có tỉnh thức sẽ không có hôn trầm. Chánh Niệm giữ cho tâm thức chúng ta ở trong một điều kiện mà các quả bất thiện không trở ra được và các nghiệp dữ không tạo tác nữa, dù là trong ý nghĩ. Khi tâm thiếu sáng suốt, thiếu Chánh Niệm lập tức các nghiệp ác nổi lên hoành hành đòi nợ cũ. Kinh nghiệm của các Thiền sư cho biết giấc ngủ của Ngài rất an bình và đời sống của các Ngài tự tại như một trẻ thơ.

Những khám phá trên đây rất quan trọng có thể làm đảo lộn nền tâm lý trị liệu hiện đại, nếu người ta hiểu rõ nó và biết cách áp dụng.

Freud luôn luôn nhấn mạnh tới vai trò của "vô thức" (inconscience) mà theo ông nó qui định cả đời sống của con người trong khi thức nữa. Các nhà phân tâm học luôn luôn muốn đào xới đi văng, cõ làm nổi dậy những kỷ niệm đau buồn đã chìm sâu vào vô thức. Người bệnh cũ sống mãi trong niềm ăn hận, uất ức, mỗi lần đến gặp nhà phân tâm là sự đau khổ phiền muộn lại nổi dậy. Chọc khuấy vào vết thương đi văng để làm gì? nếu không cố gắng hiểu được cho người bệnh một phương pháp để làm hóa giải sự đau buồn trên.

Đông Phương đã cố gắng hiến cho nhân loại một phương pháp hiệu quả để hóa giải những nỗi u buồn sâu thẳm, đó là *Thiền* và phương tiện của nó là *Chánh Niệm*. Thiếu nó, tâm con người sẽ rơi vào trạng thái bấn loạn (ngược với an xã), hôn trầm (ngược với giác tỉnh) và bất định (ngược với chú tâm). Thiếu nó con người sẽ hành động thiếu khôn ngoan sáng suốt, thiếu *Trí Tuệ* (sagesse). Trong đời sống thường nhật *Trí Tuệ* phải chăng là sự hiểu biết và hành động đúng phương cách để đạt đến Hạnh Phúc, trong sự không làm hại kẻ khác, không tàn phá thiên nhiên, trong sự yêu thương chính mình nghĩa là không để cho mình bị chi phối bởi những cảm xúc tức giận, buồn rầu, lo âu. Trong thiền, *Trí Tuệ* là biết đúng chân tướng

của sự vật, không nhầm lẫn qua biểu tượng của nó. Thấy Danh biết Danh, Sắc biết Sắc. Thấy sự thay đổi và tính cách vô ngã của Danh Sắc. Khi thấy biết thấy, khi nghe biết nghe, khi cảm nhận biết cảm nhận và dừng lại ở đó, không để cho tâm nương theo trần cảnh dẫn dắt ta đi xa hơn trong sự ham muốn hay buồn phiền do những liên tưởng vọng động (vọng tưởng) nổi lên từ vô thức để từ đó phát sanh ra những tư tưởng oan trái tạo nghiệp vay trả trả vay; để cho con người có thể sống tự nhiên với bản chất của mình, hòa hợp với môi trường chung quanh, hài hòa với nhịp điệu của thiên nhiên. Như thế thì nội thể không xao động, thiên nhiên không ô nhiễm và xã hội không rối loạn.

Trên đây là những ích lợi của Thiền Định trong sự phát triển sức mạnh của TÂM LINH. Chúng ta được may mắn sống giữa hai dòng minh triết Ấn-Trung (Indochinois). Hãy sáng suốt tiếp thu và đừng đánh mất tâm linh trong cơn lốc đam mê vật chất của Tây Phương.

KHỜC CÔ

Thích Nữ Hạnh Như

*Tin dâu sét đánh ngang trời
sao Cô vội vã về thời tây phương
Để bao nhiêu nỗi nhớ thương
Chúng tôi Phật Tử ngày thường gặp Cô
Người điềm đạo, tính hiền hòa
Gặp ai Cô cũng, đậm đà, thân thương
Mỗi kỳ Phật Đản - Vu Lan
Chúng bồng cùng Phật, Cô thường báo
tôi:*

*"Bông mua đẹp quá bác ơi
Hạnh Như dâng hết mọi nơi cúng dường"
Cô còn hẹn tôi Vu Lan
Cô cùng tôi xuống, cửa hàng chọn hoa.
Bây giờ Cô đã cách xa
Ai cùng tôi xuống lựa hoa nè trời!
Nhỏ Cô nhiều quá Cô ơi
Nghe tin sùng sốt lệ rơi chan hòa
Cô ơi Sinh ký Tử quy
Cô cười thanh thản, Cô đi nhẹ nhàng*

*
*
*

*Trước bàn thờ khói hương nghi ngút
Cô linh thiêng phảng phất đầu dây
Chứng cho ba nén nhang này
Ngàn thu vĩnh biệt, từ nay không còn!*

Quang Kính
(Mùa An Cư năm Bình Tý)



LỄ ĐIỂM ĐẠO KALACHAKRA (Bánh xe thời gian)

• Vô Thức

Sau hơn bảy ngày vừa đi xe lửa vừa chuyển xe buýt, xe Jeep v.v... tôi đã đến Tabo, một làng nhỏ nằm heo hút trên một ngọn núi của dãy Hy Mã Lạp Sơn. Thôn quê hoang dã bằng giết minh thức giấc, không phải chỉ vì vài ba hành khách xuống xe mà vì lễ điểm đạo về phép tu Kalachakra sẽ được cử hành nơi đây, chánh phủ Ấn Độ ước tính sẽ có khoảng 60 ngàn người tham dự lễ, chánh phủ Tây Tạng thì thực tế hơn, nghĩ rằng sẽ có khoảng 40 ngàn người thôi. Riêng tôi, sau khi đã nhìn thấy cảnh sinh hoạt ở Tabo thì hy vọng số người tham dự dừng lên quá 10 ngàn. Sự ước vọng của tôi không phải chỉ được tác động bởi lòng ích kỷ về nơi ăn chốn ở và đặc biệt là vấn đề vệ sinh mà thôi, nó còn phát xuất từ nỗi lo cho thôn trang nhỏ bé này, tôi thật sự không muốn nghĩ đến sự thay đổi của dân làng, sau khi đoàn quân bách chiến du lịch rút khỏi vùng này.

Thiết tưởng cũng nên dừng dòng tư tưởng lại nơi đây để nói về làng Tabo. Tabo nằm trong thung lũng giữa hai dãy núi chạy dài theo một con sông cuộn cuộn. Tabo có độ cao 3050m và thuộc bình nguyên của dãy Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ. Để đến Tabo trong dịp này khách hành hương đi từ Delhi đến Shimla, thủ phủ của tiểu bang Himachal Pradesh, một thành phố đẹp nổi tiếng vùng bắc Ấn Độ với những ngôi nhà xinh xắn được xây uốn quanh theo các triền núi, mang nhiều dáng dấp của một nước Thụy Sĩ của thập niên 50 thu nhỏ lại. Đoạn đường này tưởng đối nhẹ nhàng, có thể vượt qua bằng xe lửa hay xe buýt. Mặc dù chỉ gần 400 km nhưng hành khách phải chịu đựng đến hơn 12 tiếng đồng hồ, tuy vậy đây chỉ là đoạn đường thoải mái nếu so với cuộc hành trình còn lại. Từ Shimla trở đi chỉ có thể dùng xe buýt hoặc xe Jeep để đi chuyển. Xe buýt được dùng nơi đây cũng thuộc loại nhỏ chỉ chứa khoảng 25 ghế ngồi, nhưng có thể chứa đến non 50 hành khách! Đường đi quanh co khúc khuỷu, nhiều đoạn đường còn đang sửa chữa. Nếu nói về chiều cao thì hơn hẳn đèo Cà của ta và lại nguy hiểm hơn đèo Hải Vân đến bội phần. Đường quanh co hẹp nhỏ chạy dọc theo triền núi cao chót vót và khô cằn, bên trên thì những tảng đá to chực rơi xuống lúc nào không hay, bên dưới thì dòng nước cuộn cuộn chảy như chiếc chõ đón những chiếc xe vô phương rời xuống để cuốn phăng đi. Đoạn đường chỉ dài trên dưới 360 km mà phải cần đến hơn 30 giờ để vượt qua. Điểm đặc biệt của Tabo là ngôi cổ tự nằm giữa ngôi làng chỉ trên 20 gia đình. Ngôi cổ tự là niềm hãnh diện của chánh phủ Himachal Pradesh và là điểm mốc nối giữa Ấn Độ và Phật Giáo Tây Tạng. Đúng một ngàn năm về trước, một vị tu sĩ Phật Giáo Tây Tạng đã kiến tạo ngôi chùa này; chỉ bằng gỗ và đất mà nó chứa đựng một kho tàng nghệ thuật vô giá. Chính những nhà nghệ thuật gia và khảo cổ gia kiêm tôn giáo gia Áo đã bỏ công ra nghiên cứu nơi này từ hơn 10 năm qua. Ngôi chùa gồm chín điện thờ và nhiều ngôi tháp nhỏ chung quanh. Chánh điện là phần xưa nhất được xác định xây dựng vào năm 996 gồm ba phần: tiền đường là một phòng nhỏ 10 m² với những bức bích họa tuyệt vời về các vị Phật và A La Hán thời quá khứ. Gian chánh rộng khoảng 25 m² là một đồ hình Mạn Đà La của Phật Tỳ Lô Giá Na với rất nhiều tượng Bồ Tát, Phật chung quanh. Điểm đặc biệt của ngôi phòng này là trên bức tường trái từ bên ngoài đi vào, người ta đã phát hiện những đồ hình vẽ lại cảnh của Thiện Tài đồng tử đi tham học với các bậc thiện trí thức như trong Kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Bên sau chánh điện còn một phòng thờ nhỏ hơn, có tượng đức A Di Đà và đường kính hành chung quanh, nơi đây trên tường cũng còn lưu lại những hình tượng chú Phật và Bồ Tát. Đi thăm chùa, nhìn những bức bích họa bỗng nhiên tôi phát hiện một điều đặc biệt là các vị hành giả ngày xưa có lẽ đã biết về quang học và âm thanh học rất tận tường do sự tập tành của các ngài. Trong tất cả các hình tượng, hào quang đều được tỏa ra chung quanh chú Phật theo hình sóng chủ không như những bức họa ở Âu Tây, hào quang được mô tả bằng những tia thẳng. Từ đó mà suy, nếu tham vọng người Á Đông giống như Tây Phương thì có lẽ khoa học kỹ thuật của ta đã vượt xa họ nhiều. Nhưng bản chất của người Á là hòa mình với thiên nhiên, phát triển cùng nhịp đập của

thiên nhiên, trong khi bản chất của người Âu Mỹ là đi chinh phục thiên nhiên. Nguyên cầu cho bản chất của người Á Đông được tồn tại lâu dài, thì thiên nhiên mới còn có cơ hội phục hồi.

Từ ngàn năm xưa về lại hôm nay, cảnh cũ vẫn y mà người xưa đâu vắng bóng. Tôi đã đến trước lễ đến những năm ngày, nên việc tìm phòng ốc cũng tưởng đối dễ dàng. Tuy nhiên đây là cơ hội nhiều năm một lần, nên người dân ở đây cũng cực lực lợi dụng thời cơ, vật giá gia tăng vượt bậc. Một căn phòng hai người phải trả giá rẻ nhất cho một đêm là 250 Rupees (khoảng 8 Mỹ kim), vì vậy nên sau một đêm chúng tôi đã liên lạc văn phòng tu viện để xin một chỗ trong những căn lầu dành cho tu sĩ khắp nơi đổ về. Sau hơn một ngày rưỡi chật vật đợi chờ, chúng tôi được cấp cho một tấm thảm lót nền để tránh khỏi bị bụi vào thảm phổi và một chiếc giường xếp. Đi tham dự lễ nhiều nơi mới thấy Việt Nam ta, nhất là chùa Viên Giác, tổ chức cũng thuộc loại có hạng đấy chứ không phải tệ lắm. Ở đây không có một ban tiếp tân nào cả, khách đến và đi đều tự tại, không có ai thêm để ý đến. Người tham dự lễ cảm thấy lạc lõng vô cùng, nếu không quen với không khí này. Nhưng nhờ đó chúng tôi thông hiểu hơn tâm trạng của những Phật tử Việt Nam khi đến chùa, có lẽ cũng lạc lõng, cũng ngỡ ngàng như thế. Chỗ ăn, chỗ ở sau khi đã được ổn định, chúng tôi còn dư những hai ngày. Lợi dụng thời gian chúng tôi đi thăm quan cảnh chung quanh. Đi dọc theo dòng sông chúng tôi dần sâu vào trong núi, đến một khúc quanh, chúng tôi phải nín thở trước vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên; một ngọn thác cuộn cuộn đổ xuống từ độ cao hơn mười thước làm tăng thêm nét linh động cho ba đỉnh núi đứng sau nó. Những ngọn núi ấy người dân địa phương cho là biểu tượng của ba vị Bồ Tát Văn Thủ, Kim Cang Tát Đỏa và Quán Thế Âm. Sau một ngày nhàn du và tắm gội dưới dòng nước vừa lạnh buốt vừa quất vào da đau điếng, chúng tôi cảm thấy tinh thần sảng khoái vô cùng. Đêm hôm đó rất nhiều mộng đẹp về thượng giới đã đến với tôi.

Trong những ngày kể các vị tu sĩ Tây Tạng đã lần lượt kéo đến, họ là những người đến từ vùng Laddakh phía bắc hay từ những tu viện từ phủ vùng Dehradune và ở một số nơi rải rác khác trên toàn cõi Ấn Độ. Căn lầu của chúng tôi ở, mặc nhiên trở thành nơi dành riêng cho tu sĩ không phải Tây Tạng; một tu sĩ người Áo gốc Úc đã theo Phật Giáo Tây Tạng hơn hai mươi năm và đã từng giúp đỡ cộng đồng người Việt ở Úc trong những bước đầu lưu vong, thầy đã kể cho chúng tôi nghe về những kỷ niệm của một thời sống chung với Hòa Thượng Phước Huệ và cười xòa khi nói về phương cách tụng kinh với giọng thật cao theo truyền thống Việt Nam và giọng thật trầm theo truyền thống Tây Tạng. Một anh Sa Di người Ý, một anh Sa Di người Hòa Lan và hai anh Sa Di người Na Uy. Phần đông đều hiểu và nói được tiếng Đức nên ngôn ngữ được dùng trong lễ là cả hai thủ Anh và Đức. Sau ngày ổn định đầu tiên chúng tôi đã tham quan sáu căn nhà "xì" của khung viên lều tu sĩ, đây quả nhiên là một đặc ân và là một xa xỉ phẩm đặc biệt vì chính những khách sạn lớn nhất vùng này (mới được xây để phục vụ trong dịp này) cũng không có đến một Toilet nào cả, khách trọ phải dùng nhà vệ sinh thiên nhiên! Khi nhìn những căn nhà vệ sinh đa ga đã nổi lên khắp người chúng tôi; cuối cùng tôi và một anh Phật tử người Đức đã phát tâm bỏ hai tiếng đồng hồ để khai thông và dọn sạch nơi tối cần thiết này. Cũng may những ngày sau đó Ban Quản Trại (thuộc chánh phủ Ấn Độ) đã cất hai chú Ấn Độ đảm trách việc quét dọn ngày hai lần, nếu không chúng tôi cũng đành chịu phép mà thôi, vì những vị tu sĩ Tây Tạng không có thói quen đội nước sau khi đã sử dụng nơi ấy, ngoài ra chúng tôi còn phải dán ngoài cửa nhà vệ sinh câu lưu ý bằng ba thủ tiếng Tây Tạng, Ấn Độ và Anh: "Xin Vui Lòng Đứng Lìa Đá Vào Trong Cầu". Việc đó đã làm nhiều người Tây Phương thắc mắc và há hốc mồm khi nghe giải thích: người Tây Tạng đòi khi dùng đá để kết thúc việc đại tiện rồi thuận tay lìa nó vào cầu luôn!!!

Để trở lại vấn đề chánh của bài viết chúng tôi không quên tán thán công sức của chánh phủ Himachal Pradesh đã bỏ ra để tổ chức rất chu đáo. Song song với những buổi lễ chánh yếu còn có các chương trình văn nghệ và văn hóa như chiếu những phim thời sự về Đức Đạt Lai Lạt Ma và Tây Tạng, triển lãm tranh ảnh về Tabo, khu trưng bày các ngành công kỹ nghệ của vùng v.v... Đức Đạt Lai Lạt Ma đã được chánh quyền đón tiếp trọng thể, những ngày sau đó họ cũng đã bảo vệ an ninh tối đa cho Ngài. Trong khi Ngài và các vị trợ lễ làm những nghi thức tẩy tịnh sám hối và tụng niệm, trước khi vào lễ truyền giới chúng tôi cũng đã được tham dự sau khi đã được khám xét kỹ càng bởi những anh lính làm nhiệm vụ an ninh. Sau lớp kính chúng tôi chăm chú theo dõi từng cử động cúng dường, bắt ấn, tụng chú của Ban Nghi Lễ được dẫn đầu bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma; trên hình thức thì

không khác gì những buổi chẩn tế của truyền thống Việt Nam bao nhiêu, nhưng có lẽ phần khác biệt ở đây chính là công năng tu tập của vị chủ lễ. Các Phật tử Tây Phương nô nức để đón bắt một ánh mắt, một nụ cười của Ngài.

Rốt cuộc rồi phần chánh lễ cũng được bắt đầu. Bảy giờ chúng tôi được gần gũi Ngài hơn, chiếc ngai của Ngài đã được mang ra bên ngoài. Những tu sĩ ngoại quốc và người Tây Phương được đặc biệt ngồi bên góc trái của sân chỉ cách ngai của Ngài chưa đầy năm thước. Trong bốn ngày đầu Ngài đã giảng dạy rất tỉ mỉ về những phép tu căn bản Phật Giáo. Trong buổi giảng Ngài luôn luôn nhắc lại và nhấn mạnh rằng, trong các buổi truyền lễ điểm đạo Ngài đặt nặng tầm quan trọng trong những ngày giảng này hơn buổi lễ chánh vì chính nó là căn bản chân chánh, là nền tảng vững chắc để một hành giả có thể tiến xa hơn trên đường tu tập. Phép tu Tử Niệm Xứ và Chánh Niệm đã được Ngài nhiều lần khuyến tu kèm theo sự phát bồ đề tâm. Trong mỗi ngày như thế Ngài đều giảng từ một giờ trưa đến năm giờ chiều, khoảng giữa đều có khoảng mười phút để uống trà sau khi đã tụng bài cúng dường chén trà sữa thơm phức. Trong khi mọi người thường thức trà thì một vị xuống lễ không ngừng tụng bài tán thán công đức chư Phật và một đoàn Tăng sĩ của chùa đi dâng lễ cúng dường lên chư Tăng có mặt trong buổi lễ, số tiền cúng dường khi thì 50 Rs lúc 100 Rs một vị, cho cả Tăng đoàn không phải là nhỏ nhưng vị thí chủ nào đó đều ẩn danh nên không ai biết do đâu mà được cúng dường, nên chúng tôi đành hồi hướng công đức ấy cho tất cả pháp giới chúng sanh. Cũng nên nói về cách thức dùng trà giải lao ở đây, khi gần đến lúc giải lao thì có khoảng hai mươi Tăng sĩ đã rời chỗ ngồi để trở lại hiện trường mười phút sau với mỗi người trên tay một ấm trà to phải khuôn cả hai tay. Thế là những cái tách, những cái chung đã tử tử nơi đâu xuất hiện để đón những vòi trà thơm béo.

Trong những buổi giảng và những buổi lễ truyền giới có người dịch ra tiếng Anh và tiếng Hindi, vì cũng có những người Ấn Độ đã đến tham dự lễ. Các nhiếp ảnh gia và phim ảnh gia đã thay nhau chụp hình liên tục. Khi ra đi tôi nghĩ mình đi dự lễ nên không muốn đem theo máy hình để tránh phân tâm, nhưng khi thấy bà con chụp hình nhiều quá mình cũng nản. Sau bốn ngày giảng pháp là ngày cúng dường lên chư Phật bằng những điệu múa truyền thống Mật Tông Tây Tạng, mười bảy vị Tu sĩ đã mặc đồ theo kiểu chú thiên và biểu tượng của chư Bồ Tát trong Man Đà La để bước đi chậm chậm theo từng nhịp điệu của bài kinh và theo tiếng linh, tiếng tù và, tiếng chấp chĩa, tiếng trống. Quang cảnh và âm thanh làm người theo dõi tưởng chừng như mình đang theo chân chư Phật, chư Bồ Tát bước sâu dần vào trong Đàn Tràng để diện kiến Như Lai. Điều đáng chú ý là tất cả các buổi lễ đều được cử hành vào buổi chiều, trong khi đó Đức Đạt Lai Lạt Ma và những vị trợ lễ dành buổi sáng để tẩy tịnh và sám hối. Như thế mới biết càng có công năng tu tập bao nhiêu thì một vị hành giả càng thận trọng bấy nhiêu; với địa vị của Đức Đạt Lai Lạt Ma người ta có thể nghĩ rằng Ngài làm lễ truyền giới mà không cần phải chuẩn bị lớn lao, nhưng ngược lại Ngài đã làm rất kỹ. Chính tự bản thân Ngài mỗi ngày làm lễ sám hối tẩy tịnh hơn bốn tiếng đồng hồ trước khi dâng đàn truyền giới hay thuyết pháp. Có lẽ nhờ vậy mà có nhiều điềm linh ứng đã xảy ra trong buổi lễ. Khu vực Tabo là một bình nguyên khô cằn chẳng hề có mưa nên đất đai nứt nẻ mọi nơi, người dân phải dẫn nước từ sông lên để trồng trọt và sử dụng, thế mà khi Đức Đạt Lai Lạt Ma vừa bắt đầu buổi giảng đầu tiên thì mưa bỗng lai rai rơi xuống cho đến hết buổi giảng thì mưa cũng dứt làm mọi người không sao không nghĩ đến lời nói của nhà chùa về câu: "cam lồ pháp vũ". Thế rồi vài ngày sau đó theo truyền thống của Mật Tông, Ngài đã truyền giới bồ tát cho các vị thọ lễ điểm đạo, khi truyền giới Ngài kêu gọi mọi người phát lòng cầu quả vị vô thượng bồ đề của chư Phật một cách đồng mãnh nhất thì lạ kia, trên bầu trời trong sáng không một gợn mây mọi người đều thấy một cầu vồng hình tròn hiện ra chung quanh ánh mặt trời đang chói chang. Phải chăng do sự phát tâm của mọi người mà chư Phật đã hiện qua biểu tượng của vòng hào quang để chứng minh tâm thành ấy. Những người Tây Phương quen với lối tu duy khoa học đã tìm mọi cách để giải thích hiện tượng trên, nhưng rồi cuộc cũng đành phải lác đác và cho đó là một sự huyền diệu vượt ngoài sự hiểu biết của khoa học. Lòng tin của mọi người đối với Phật Pháp càng tăng trưởng.

Tuy nhiên không phải mọi việc đều suôn sẻ như mọi người mong đợi. Trước khi truyền lễ điểm đạo, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tuyên bố rằng: "Chúng tôi yêu cầu những vị nào có thờ thần Shugden (đọc là Sục Đên) không đến tham dự lễ điểm đạo. Trong những buổi thuyết pháp thì tôi nói chuyện với quý vị trong cương vị một người bạn đạo trao đổi

kinh nghiệm tu tập cho nhau. Nhưng trong buổi điểm đạo thì tôi truyền giới trong cương vị một vị thầy vì thế tôi không thể chấp nhận những vị thờ thần Shugden vào hàng đệ tử". Shugden đã là một đề tài sôi nổi để mọi người tranh luận và bàn thảo, không chỉ riêng trong giới Tây Phương mà ngay cả Tây Tạng. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi thì Shugden đã xuất hiện đồng thời với Đức Đạt Lai Lạt Ma thủ năm và có những hành động lạm quyền, muốn tranh giành chức vị với Ngài nên chánh phủ Tây Tạng đã giết đi, nhưng vì ông ta là một tu sĩ có những thần lực đặc biệt nên đã được những người Tây Tạng thờ phụng xem như một vị thần, nhất là trong công việc làm ăn nếu cầu nguyện ông ta thì sẽ được nhiều thành đạt giàu có. Tuy nhiên vào đầu thế kỷ này Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tuyên bố Shugden gây nhiều trở ngại cho chánh phủ Tây Tạng, nhất là trong công cuộc hòa giải các giáo phái Tây Tạng, vì nhiều trường phái khác tin rằng Shugden chỉ hộ trì cho dòng phái Gelugpa (phái mũ vàng của Đức Đạt Lai Lạt Ma) nên họ e dè khi đi vào những khu vực có ảnh hưởng của Shugden. Tuy nhiên cho đến nay sự kiện đó chưa có gì nghiêm trọng, chỉ từ đầu năm này khi Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố cấm hẳn các đệ tử của Ngài hành trì các bài cầu nguyện Shugden. Phần lớn đã bỏ hẳn phép tu đó, hình tượng của Shugden bị tiêu hủy hay bỏ xuống sông; trong khi đó thì một số khác đã thẳng thắn phản đối và vẫn tiếp tục thờ phụng và trì tụng vị thần này.

Qua sự kiện Shugden chúng tôi cảm thấy rằng trong đời sống tâm linh của người Tây Tạng quả nhiên vẫn còn nhiều bản chất mê tín, nhưng nó lại bao hàm những niềm tin sâu xa về quý thần và thiên nhiên, nên họ chưa làm gì để đem lại tai hại cho môi trường. Người dân Tây Tạng đầu sao cũng còn mang nhiều bản chất thuần túy của dân thiểu số miền núi, họ sống quá hồn nhiên và đối với người Tây Phương đôi khi thiếu kỷ luật và man rợ. Trong một buổi lễ điểm đạo trang nghiêm, mọi người đang trầm mặc để quán tưởng theo sự hướng dẫn của Đức Đạt Lai Lạt Ma thì bỗng nhiên giục mình thoát khỏi cảnh giới cao siêu để trở về hiện tượng bồ đề tưởng khúc thét lên của một chú Sa Di vừa bị một chú khác thổi vào mặt chú làm hai lỗ mũi phải ầm trầu. Một tu sĩ thanh niên đã mau lẹ đưa chú ra ngoài để rửa mặt và khi trở lại chú bỗng nhiên trở thành sự quan tâm của Đức Đạt Lai Lạt Ma và nhờ vậy mà chú cũng đã mau chóng quên đi cái đau vừa rồi. Sự quan tâm hay hiện hữu của một bậc có tâm hồn cao thượng có thể xoa dịu cơn đau của con người mà không cần phải tổn thương nhiều. Do đó đối với chúng ta, những người hành giả của Phật Giáo, thì sự tu tập quả nhiên là vô cùng cần thiết, nó chính là cái móc chính để xác định cái tánh người của một con người và là sự tiên yếu cho khả năng hoạt động trong công cuộc hoằng hóa lợi sanh. Qua sự gần gũi với một con người như Đức Đạt Lai Lạt Ma, đầu chỉ bằng khoảng cách của không gian và thời gian ngắn ngủi, nhưng chúng tôi đã học được nơi Ngài nhiều điều bổ ích. Không phải chỉ riêng về phép tu mật truyền mà Ngài đã ban bố, mà phần lớn chính là từ những hành động và lối tu tập của Ngài đã sách tấn chúng tôi rất nhiều. Sau hơn mười ngày thọ giới và tu tập chúng tôi trở về lại Tu Viện trong niềm hân hoan, nhẹ nhàng, đoạn đường gồ ghề uốn éo không còn là một vấn đề đáng kể nữa.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng biết được con số thống kê của người tham dự lễ lên đến trên mười bốn ngàn người. Đây là một con số đáng kể, nhưng theo chúng tôi được biết thì chưa thấm gì với số hai trăm ngàn người dự lễ, khi lễ này tổ chức tại Varanasi năm 1992 gần vườn Lộc Uyển nơi Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên. Nhìn sự sinh hoạt của Phật Giáo Tây Tạng tôi bỗng xót xa cho Phật Giáo Việt Nam. Ngay trên đất nước mình, trong lòng dân tộc mình mà Phật Giáo Việt Nam nào có thể và được phép tổ chức một buổi lễ lớn như tầm cỡ mười ngàn người đâu. Xin nguyện cho đất nước chúng ta thời đau khổ, xin nguyện cầu cho dân tộc chúng ta thời lầm than, xin nguyện cầu cho đạo pháp chúng ta thời bị chèn ép, xin nguyện cầu hàng ngàn hàng vạn điều nữa mà đất nước ta đang thiếu thốn. Chúng tôi xin nguyện dâng những công đức có được qua sự thọ trì giới và lễ điểm đạo Kalachakra đến tất cả chúng sanh đều quay về với chánh pháp và bước lên quả vị chánh đẳng giác của chư Phật. Sau khi về lại Tu Viện thì nghe tin bằng hoàng là một vị trong họynh đệ chúng tôi, cô Hạnh Như đã đột ngột qua đời vì đứt mạch máu. Sự kiện này đã đưa chúng tôi về lại với tư tưởng vô thường, không thể biết được ngày nào là ngày ra đi của mình. Trong quãng đời còn lại lúc nào cũng phải canh cánh nhớ rằng, ngày này là ngày cuối cùng trong đời và nhân nhủ rằng mình phải dốc sức để lo việc tâm linh mặc dù sự tinh tấn của mình không đến đâu.

THẦY DẮT TÔI ĐI NHẬT

• Hạnh Nguyễn

Thầy tôi

Có ai đã từng một lần ở chốn cũ nhiều năm trước, ôm ấp bao kỷ niệm mà lại có thể quên đi chốn ấy một cách dễ dàng: ai đó đã từng xa quê hương bước đầu đến xứ người mà lại có thể không người nhớ hoài niệm chốn cũ mỗi khi một lần nữa phải cất bước ra đi. Thầy tôi là một trong những con người ấy, luôn luôn nhớ về lại chốn cũ "đất Nhật" nơi đã từng là điểm dừng chân đầu tiên của người khi bước sang xứ lạ vào hơn hai mươi năm về trước.

Thuở ấy Thầy tôi chỉ là một vị Tăng sĩ trẻ được cái may mắn hơn các chúng bạn đồng tu khác là có nhiều lòng năng động và trí sáng hơn người nên đã được Giáo Hội cho gởi sang Nhật Bản du học. Với tấm lòng sôi động và nhiệt huyết của tuổi trẻ, Thầy tôi đã sang Nhật học với bao nỗi hy vọng và ước mơ, mong một ngày nào đó khi học xong sẽ trở về góp sức xây dựng Giáo Hội và Đạo Pháp tại quê nhà. Trong số vài mươi Tăng sĩ được gởi sang Nhật lúc ấy, ai cũng đồng một niềm hy vọng và cứu mạng "phải học mới có thể giúp đạo giúp đời". Nhiệt huyết ấy chính là sức sống vươn lên của các thế hệ Tăng trẻ sau một thời gian dài các bậc tôn túc nắm giữ nguồn đạo đi theo hướng nhìn truyền thống là: "Tăng sĩ thì chỉ cần học nội điển là đủ". Có lẽ khi Giáo Hội được thành lập và từ khi phong trào chấn hưng Phật Giáo được khởi xướng, các bậc lãnh đạo Phật Giáo sau này mới có một tầm nhìn rộng mở và thiết thực hơn về vai trò của Phật Giáo trong xã hội mới; thế nên đã có những chuyển hướng phát triển sau này bằng cách gởi hàng trăm Tăng sĩ sang du học các nước Phật Giáo lân cận.

Người ra đi là người phải gánh và mang nặng một trách nhiệm mà người còn lại là Giáo Hội tại quê nhà đang mong chờ. Với ý thức trách nhiệm và hiểu biết ấy, Thầy tôi đã dấn thân vào một xã hội Nhật Bản - chỉ có khép kín và lạnh lùng -, một cách chấp nhận và hy sinh. Được một người bạn giới thiệu vào ở trong một ngôi chùa Nhật, Thầy tôi mừng và cho đó là con đường để bước tới. Lòng hy vọng và ước mơ của Thầy tôi đã được đo bằng một giá khá đắt và người phải nhận chịu để vượt qua. Chúng tôi những người đệ tử đầu của Thầy có lẽ sẽ không

cảm xúc dù, thấu hết được nếu không có một cố duyên cùng Thầy đến tận những nơi chốn cũ ấy. Đây là ngôi chùa xưa Thầy ở, Thầy tôi vừa nói trong giọng xúc cảm vừa chỉ một ngôi chùa xa xa loáng thoáng trước mặt khi chúng tôi đến bằng cách đi bộ xuyên qua những con hẻm cũ. Trước đó một lúc Thầy tôi nói: "hai chú cùng đi bộ với Thầy cho vui, đây là những con hẻm cũ mà Thầy thường đi bộ ra phố! À! kia cũng là con đường mà Thầy hay đạp xe đạp đi bỏ báo; trời đông lạnh lắm nhưng cũng phải đi để có tiền học. Đến ngôi chùa xưa Thầy ở, chúng tôi vào trong chánh điện đánh lễ Phật rồi đứng chờ người ra tiếp chuyện. Không thấy ai ra mà chỉ thấy thoáng vài ông tăng trong ngôi nhà kế cận, Thầy tôi bước đến. Sau một lúc hỏi thăm, Thầy trở ra kể lại rằng, ông bà thầy trụ trì khi trước nay đã dời sang một ngôi chùa khác, chùa này nhường lại cho ông em. Trong chánh điện, Thầy chỉ xuống mặt sàn gỗ láng bóng như gương vừa cười nói: "chính những ở chỗ này Thầy thường chùi rửa dấm bần mỗi ngày dù cho nó sạch như vậy đó". Tôi nghĩ có lẽ đây là nơi mang nhiều kỷ niệm nhất của Thầy, nơi mà Thầy bỗng chợt nhiên búng ngọ trong vai trò một kẻ học Tăng qua lời nói gắt của ông trụ trì: "bụi sàn nền này ông chùi còn không sạch, làm sao bụi tâm ông chùi sạch được"....

Rồi bỗng như thấu ngộ lời nói của ông trụ trì, từ đó Thầy tôi siêng năng lau chùi hơn, siêng năng làm việc trong ngoài chùa hơn, tụng kinh đi đám, đất và đón con ông bà đến trường trở về, và dấm nhận cả việc đun những bồn nước nấu không lồ cho hai ông bà thầy trụ trì tắm. Sau những lần tắm của họ, Thầy tôi mới được dịp tiến vào để rửa sạch thân mình bằng chính nước tắm của họ. Sâu sắc hơn hết trong những kỷ niệm là Thầy tôi thường được bà trụ trì chiếu cố, tiếng to tiếng nhỏ, lời lẽ đay nghiến trích thượng, nói Thầy tôi đủ điều; tất cả dường như là một giấc mộng của dĩ vãng về cuộc đời của một anh chàng nông đi làm thuê cho một bà chủ kiêu căng phách lối. Nhưng chính Thầy tôi đã từ nơi đó trưởng thành và sau bốn năm học củ nhân giáo dục Thầy đã hoàn tất và tiếp tục theo chương trình cao học sau đó.

Thầy tôi lại đưa tôi đến ngôi trường xưa nơi Thầy học. Thầy bụi ngùi thấy bao cảnh đổi thay. Trường đã xây cất lớn ra nhiều, khung trang và đẹp hơn xưa. Trên những bậc thang bước lên trường, từng đám sinh viên nam nữ đua nhau túa xuống nói cười huyền thiên; toàn những khuôn mặt mới trẻ, Thầy chẳng quen biết một ai. Đây là hình ảnh của Thầy vào khoảng hơn hai mươi năm về trước, nay đã khác trường thành, chín chắn và đã thành công trên bước đường phục vụ tha nhân. Cảnh Thầy thăm trường cũ và nhớ về bao kỷ niệm xưa thời ấy làm tôi nhớ đến bài hát: *Trường Cũ: "Hôm nay tôi trở về thăm trường cũ, nhiều nếp đổi thay... người cũ đâu rồi..."*. Thật là quả hợp tình hợp cảnh vào lúc ấy. Tuy nhiên đây không phải là cảnh cũ người xưa của tôi nên tôi không hát hoặc ngâm nga cho đỡ nhớ. Còn Thầy tôi thì không biết có thuộc bài ấy hay không! nhưng Thầy tôi lại ngâm nho nhỏ bài thơ: "*Tôi Đi Học*" gì đó. Bài này tôi không thuộc mà Thầy tôi lại thuộc nên có lẽ tôi lại phải nhờ Thầy viết ra đây chẳng?

Sau những giây phút lưu luyến với chốn cũ ấy, Thầy tôi liền đi tìm người cũ. Đó là một người bạn học cùng lớp xưa, cũng là con một ông thầy nên lại được làm thầy. Tìm một lúc

không thấy nơi định bỏ về, thì lù lù ông xuất hiện trước cửa thang máy. Thầy tôi và ông thầy áo vét ấy mở to mắt, nhìn nhau và cười xòa, rồi lại bắt tay cùng nhau lên trở lại văn phòng. Bên ngoài của đường như là một phòng gặp gỡ của sinh viên nên mọi người đến ngồi đó. Nơi đây yên tĩnh, sạch sẽ và tiện nghi với những máy bán nước giải khát lạnh nóng bên cạnh. Sau khi mời mọi người dùng nước, ông ta bắt đầu câu chuyện với Thầy tôi, lời lẽ oang oang như pháo nổ nhắc lại những kỷ niệm xưa thời học trò với những chuyện vui buồn, cay đắng đủ loại. Cũng những cay đắng của một thời dưới ngôi chùa xưa Thầy tôi ở với ông bà trụ trì. Ông bạn của Thầy tôi cũng ở đó và cũng chịu đủ mùi cay đắng như Thầy tôi không hơn không kém. Hết chuyện ông bà thầy thì đến chuyện con ông bà thầy, những đứa mà với ông xưa còn bé phá phách nghịch ngợm khỏi chê, nên Thầy tôi phải thưởng canh chừng chiếu cố, đưa đi mọi nơi, nay thì đã lớn có vợ có chồng và cũng đã có con. Khoảng độ một giờ ôn lại kỷ niệm cũ, hai người im lặng dường như hết hay dường như ông ta muốn rút lui vì đã hết giờ. Người Nhật cũng luôn luôn hết giờ và không có thời giờ mà.

Buổi tối Thầy tôi dẫn tôi đến thăm một gia đình người Nhật gồm hai vợ chồng đã ra chiều đứng tuổi. Ông ta ra sân ga xe điện đón Thầy tôi luôn cả tôi và thầy Hạnh Tấn. Ba người bốn cái dù cầm theo tay vì ông tính luôn cả ông nếu lúc ấy trời đổ cơn mưa. Ông thật là cẩn thận và chu đáo. Đi bộ chỉ mười phút thôi là đến nhà, ông ta nói như vậy và chúng tôi làm lui cùng đi. Không có ai nói với nhau một lời nào và ông đi trước dẫn đường. Mà dường như nếu nói thì cũng chẳng ai nghe vì chỉ có tiếng xe cộ rền rền chạy qua lại. Mười phút đi bộ trở qua nhưng chưa đến, có lẽ tuy ông Nhật và Thầy tôi cũng thuộc loại Nhật đi nhanh mà phải kéo theo hai ông đệ tử thuộc loại Ấn Độ chuyên kéo giò dài ra nên mãi đến gần hai mươi phút sau mới đến được cửa căn nhà. Lại cũng gọn gàng và ngăn nắp vì có bốn đôi dép đang trong nhà được sắp sẵn, hưởng xô dép quay về phía người khách bước vào nhà. Một chiếc sọt nhỏ để đựng những chiếc dù còn đọng nước đặt bên cạnh lối đi. Sau khi chủ khách an tọa xong xuôi, là những loạt bánh và món ăn tráng miệng được bày ra cùng với một loại trà xanh cổ truyền. Tổng loại, từng món được làm và pha chế rất công phu; ngay cả cách sắp xếp của những chiếc muỗng, chiếc nĩa và hình ảnh trên chiếc tách cũng được người mời bưng đến và xoay hướng cẩn thận, để được gọi là đúng điệu, đúng cách. Một người Nhật thường hay mất nhiều thời gian để sửa soạn những cái nhỏ nhặt như vậy một cách ý thức. Có lẽ từ đó mà người ta ý thức được giây phút tĩnh lặng của thiên hạ từ một truyền thống thiên học thuở xưa mà người ta có được những giây phút tĩnh lặng và ý vị đó. Buổi ăn tối cũng được bà vợ ông lo lắng thật chu đáo, và tất cả cũng là dành để đãi Thầy tôi, người khách quý mười năm mới đến một lần. Bữa ăn kéo dài gần hai tiếng vì nỗi niềm quý mến của những người đã từng một thời quen biết và quý trọng nhau. Thầy tôi quý mến ông bà vì họ đã có ân giúp đỡ bảo đảm cho Thầy tôi được ở Nhật tu học. Còn họ quý trọng Thầy tôi vì trong họ mang một tấm lòng tốt, thương người và hay muốn giúp đỡ người. Vì phải chăng người hiền thì chẳng lo gì là vận không may. Ông ta từ một nhà báo tâm tưởng, nay sau hơn hai mươi năm nhìn lại

tám danh thiếp Thầy tôi mới biết ông hiện đang là một Tổng Giám Đốc điều hành cơ sở thời báo "Mainichi", một thời báo lớn nhất ở nước Nhật.

Thầy tôi là một người thường hay sống với tình cảm, Thầy nhỏ cội nguồn nhờ người xưa chốn cũ và không bao giờ cho phép mình quên được những kỷ niệm ân nghĩa mà một thời Thầy đã nhận. Trong buổi thăm viếng ông bà thầy trụ trì trong một ngôi chùa kế, Thầy tôi cũng đã vui mừng trò chuyện với người xưa, ôn lại bao tích cũ. Buổi ăn tối do bà trụ trì chiêu đãi với một vài món chay vô cùng đặc biệt. Bà vẫn như từ bao giờ, chuyện này chuyện kia với Thầy tôi trong khi làm bếp. Thầy tôi quay sang nói với tôi: bà ấy trông cũng như xưa, vậy đó mà tốt, luôn sốt sắng với người. Nghe và biết như vậy nhưng với tôi chưa dám có xác định và đánh giá gì nhiều về người Nhật, thế nhưng tôi tin chắc một điều là người Nhật sống rất là hình thức bên ngoài, lịch sự lễ độ và rất tốt đẹp trong việc phục vụ chiều chuộng người.

Thời gian ở Nhật của Thầy tôi không lâu, chỉ độ gần 6 năm nhưng thời gian ấy đã hun đúc Thầy tôi nên một con người mới, con người của lòng vị tha và sự chuyên cần năng động. Đã từng trải qua thời gian du học, Thầy hiểu biết thông cảm và thường những người Tăng trẻ còn ốm yếu về đến trường. Thầy tận tình giúp đỡ tài chánh và khuyến khích họ cố gắng học thêm để sau này giúp đạo giúp đời. Từ Đức sang Mỹ đến Ấn Độ về Việt Nam, đâu đâu gặp các Tăng Ni đi du học Thầy đều hỏi thăm và giúp đỡ tận tình. Ai quen biết Thầy tôi cũng đều cảm mến tấm lòng rộng rãi và nhân hậu ấy. Còn với tôi Thầy là một người có đức cảm hóa kỳ diệu. Không có Thầy, tôi đã là một con người khác hẳn và những gì tôi hưởng được ngày hôm nay đều do ân đức Thầy mà tôi có. Không những về phần tâm linh chỉ bảo dạy dỗ tôi muốn điều mà về phần vật chất Thầy cũng chăm nom coi sóc mỗi khi tôi gặp khó khăn ở Ấn Độ.

Rồi đến sự chuyên cần năng động của Thầy người ta ai ai cũng biết. Thầy chỉ biết có làm việc, làm việc đạo để lợi ích chúng sanh. Từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây nước Đức Thầy ngược xuôi lên xuống. Trong những chốn xa xôi bên kia địa cầu hoặc những nước Châu Âu xa cách cả ngày đường, Thầy đi đâu có mặt mỗi khi người Phật tử cần đến. Các cuộc hẹn và chương trình của Thầy tôi gần như dày đặc kín cuốn sổ tay trong năm. Thế mà Thầy tôi vẫn không bao giờ cho phép sự lười mỏi xâm chiếm lấy mình bằng cách nghỉ một buổi công phu khuya hoặc bỏ mất một buổi an cư kiết hạ. Trong những thời gian này, Thầy lại bỏ cả phần nghỉ ngơi trưa như thường lệ để dịch kinh, viết sách. Buổi tối Thầy lại thường tổ chức những khóa lễ lay sám hối như mỗi chủ mỗi lay trong kinh Pháp Hoa, nay lại đến Niết Bàn. Công đức uân tu, trí tuệ thường cầu và hạnh lợi tha không ngơi nghỉ; Thầy tôi là một người như vậy đó.

Trong những tháng năm đầu vào đạo tôi chưa hiểu Thầy. Tôi chỉ biết sống theo những cá tánh tầm thường nhỏ nhặt đượm mùi thế gian. Lấy cái hẹp mà suy cái rộng, lấy tính ích kỷ mà suy vị kỷ, lấy trí cùn mà mong sánh trí tuệ của bậc chơn tu, lấy tâm phàm tình mà do tâm kẻ xuất thế. Thế nên đầu đã xuất gia, sống gần thầy bạn mà vẫn không học được điều hay đâu điều đó luôn hiện hữu quanh người; chỉ luôn thấy những điều dở dù điều ấy cần phải tìm tòi moi móc. Quả thật là lạ lùng và trong tôi lúc ấy hình như lấy cái

tính Thầy uy nghiêm, cho rằng Thầy lạnh lùng, xa cách để tìm cách rời xa Thầy bỏ Thầy mà đi. Thế rồi khi đi xa, thật xa tôi mới nhớ đến Thầy, ôn lại bao chuyện cũ càng nhớ đến Thầy hơn. Trong cái học ít ỏi nơi xứ người tôi bỗng chợt nhận ra rằng, tôi đang có một kho báu vô giá mà tôi không biết, đó là Thầy. Nếu có những bài hát vần thơ thường ca ngợi tình mẹ, công cha thì tại sao lại không có những bài ca vần điệu ca ngợi về Thầy. Bài ca "Thầy Về" mà mấy em trong Gia Đình Phật Tử thường hay hát mỗi khi chào đón Thầy, đối với tôi dường như vẫn chưa đủ vì nó không mang lại một ý thức trọn vẹn về sự hiểu biết của một người "trò" đối với "Thầy" mà nó chỉ thuần là một việc ca ngợi. Ca ngợi mà nếu không có sự hiểu biết tận đáy lòng thì chỉ là việc ca ngợi suông. Lúc cần có lời ca ngợi, lúc không cần lại nói xấu, bước đến say chẳng có bao xa. Thế nên tôi không chỉ thích thấy những lời ca hay và đẹp ấy xuất phát từ của miệng mà còn muốn thấy nó xuất phát từ những hành vi, từ tận đáy lòng của mỗi người.

Trong các truyền thống Phật Giáo đều có những kinh sách nói về Thầy, ca ngợi công đức của Thầy và cũng nói đến bốn phận của một người đệ tử với Thầy. Thông thường thì vẫn về khổ khan và có ý khuyên bảo những người đệ tử. Như trong Sa Di luật giải có 24 chương bản về oai nghi của một người xuất gia và trong đó có vài chương nói đến bốn phận của trò đối với Thầy. Tuy nhiên truyền thống Phật Giáo Việt Nam của chúng ta dường như chưa khai triển được mức tối đa và tầm quan trọng của một bậc Thầy trên con đường hướng dẫn tinh thần quần chúng, hay trên con đường tâm linh hướng mình đến giải thoát giác ngộ. Phật Giáo Tây Tạng nương theo truyền thống cổ xưa của Ấn Độ đã biết khéo léo ứng dụng điều này, truyền trao cho người đệ tử và phổ cập rộng rãi đến tầng lớp Phật tử. Người Phật tử Tây Tạng tin rằng: "Thầy chính là hiện thân của Phật, hiện thân của lòng từ bi và trí tuệ của Phật để cứu độ chúng sinh", hay họ còn nói rằng: "Kính Thầy như kính Phật thì sẽ được phước của sự kính Phật". Một vị Rinpoche trong một lần giảng cho tôi nghe về công đức của Thầy đã có nói: "Thông thường người ta chỉ biết tôn kính, lễ lạy các tranh ảnh Phật tượng bằng giấy bằng đá mà quên mất tôn kính lễ lạy Phật sống, đó là Thầy, người là hiện thân của sự sống tinh thức và lợi ích cho tha nhân. Cả hai đức tính sống tinh thức (Tuệ) và lợi ích tha nhân (Bi) là những công hạnh chính của chư Phật. Thầy chính là hiện thân sống của các Ngài để truyền dạy cho chúng ta mà chúng ta lại quên đi chỉ biết lo tôn sùng và thờ phượng những cái khác. Lại nữa nếu tôn kính lễ lạy các tranh ảnh Phật tượng bằng giấy bằng đá kia mà còn có công đức, thì lòng tôn kính thờ phượng một bậc Thầy - hiện thân sống của trí tuệ và từ bi - công đức sẽ to lớn đến dường nào".

Tôn kính và thờ phượng Thầy còn được người Tây Tạng lập thành một hệ thống tu tập mà trong đó hình ảnh Thầy được quán tưởng như là một vị Phật. "Guru Devotion" hay "Guru Yoga" là những pháp tu mà trong ấy người ta thường quán tưởng Thầy như Phật. Có lúc họ tôn kính và xem Thầy hơn cả Phật nữa. Hãy nghe Ngài Sogyal Rinpoche, một vị Rinpoche hiện đang rất nổi tiếng trên thế giới vì những công trình hoằng pháp và độ sanh của Ngài sang các nước Tây phương, Ngài nói về Thầy như sau:

"Trong truyền thống chúng tôi còn xem vị Thầy tốt hơn cả những vị Phật. Mặc dù lòng từ bi và năng lực chú Phật luôn luôn hiện hữu, song những mê mờ đã ngăn che chúng ta không gặp được chú Phật một cách trực tiếp. Nhưng vị Thầy thì chúng ta có thể gặp; vị Thầy đang ở đây, sống, thờ, nói và làm việc. Vị Thầy luôn ở trước mặt ta để chỉ cho ta bằng mọi cách có thể, con đường của chú Phật: con đường giải thoát".

Trong "Guru Yoga" có những đoạn quán tưởng như sau: "Đấng tôn quý, bậc đạo sư ngồi trên tòa sen và mặt trăng ngay giữa đỉnh đầu con, xin ban cho con ân phước thân khẩu và ý của Ngài, đưa con theo Ngài trong lòng từ vi đại".

Rồi một bài kệ khác được trì niệm để thỉnh vị Thầy đến trong tâm:

Từ đóa sen lòng sùng kính trong tim con.

Hỡi Thầy từ bi, chỗ nương cậy duy nhất của con;

Hãy xuất hiện che chở con trong cơn khốn đốn.

Bồi các nghiệp quá khứ và cảm xúc hỗn loạn.

Như viên ngọc an trú trên đầu con, mandala của đại lạc

Khởi dậy tinh giác và sáng suốt trong con, xin Thầy!

(Trích trong tập: Tibetan book of living and dying - Trí Hải dịch)

Có thể nói tất cả những lời dạy trên đây, hoặc gián tiếp qua kinh sách hoặc trực tiếp được những lời khuyên dạy từ những bậc Thầy Tây Tạng, tôi đã thấu hiểu được phần nào cái giá trị thiêng liêng giữa trò và Thầy, giữa bốn phận của tôi và ân đức mà Thầy đã ban cho. Thế nên đối với tôi việc đi xa Thầy để tu học nơi xứ người không làm tôi quên gốc mất nguồn mà càng làm tôi nhỏ tửng thao thức đến hơn và mở ra trong tôi những cái nhìn hiểu biết mới về đạo về đời, về vai trò và trách nhiệm.

MỞ TUỞNG

Những chú bé con họ học hay mở tuởng được làm người lớn, có lẽ để nắm được thật nhiều tiền trong tay, để được mua kẹo và ăn kẹo cho bằng thích hoặc mở tuởng được làm người lớn để có được tự chủ đi đây đi đó. Còn tôi thì chỉ có ước mơ muốn được đi đây đó vòng quanh nhìn ngắm thiên hạ. Đó là sở thích, là ước vọng một thời của tôi và cũng có thể nói đó là lý do mà tôi thích làm một người tu hơn là một người thế tục. Người tu là một con người hạnh phúc với tự do và tôi chỉ muốn được sống trọn với hai chữ "tự do" đó thôi. Nếu trong cuộc đời tu này tôi chưa thể giải thoát thật sự thì ít nhất tôi cũng tự thỏa mãn với chính mình là đã giải thoát ra khỏi ngôi nhà phiền toái của gia đình và cái loanh quanh lẩn quẩn của thế tục; Thế là tôi đang sống trọn vẹn với hai chữ "tự do" mà phía trước là cả một -phương trời cao rộng. Có những lúc tôi chợt nghĩ, rằng tại sao con người ai cũng luôn luôn mong cầu có được tự do mà chính họ sao lại cứ muốn ràng buộc. Đầu tiên họ tự buộc họ vào chuyện yêu đương, kể đến họ buộc họ vào đời sống gia đình, kể đến lại buộc vào công ăn việc làm, rồi kể tiếp buộc mình với con cái, nhà cửa, xe cộ, v.v... Càng ngày càng buộc mãi và dường như là cũng cố tình muốn buộc. Không hiểu sao một mặt họ cứ muốn buộc vào và mặt kia họ cũng kêu la than van không ngớt. Tự than van chưa đủ họ lại chạy

đến ông Thầy để than van, để hai người cùng nghe: "Thầy ơi! Tôi khổ quá". Hoặc lại nói: "Thầy đi tu thật là sướng, tự do thoải mái, muốn đi đâu cũng được. Còn tôi thì vợ con đùm dề, nhà của bề bộn, công ăn việc làm tất bật thật chẳng có thời gian để nghỉ nữa chủ nói đi đây đi đó". Đường như là thầy có vẻ biết và hiểu mà thật ra chẳng ai muốn thoát ra cái dây nhợ chẳng chịt ấy cả. Thật là lạ! Phải chăng bên trong những chiếc dây nhợ chẳng chịt ấy, lại có chút ít lạc thú nào đó để cho người hồi sinh, để tạm quên bao mối nhợ khổ đau hay chẳng qua là vì nghiệp duyên oan trái vay trả mà những con người ấy đến với nhau, ràng buộc lẫn nhau. Tôi chợt nhớ trong kinh Đức Phật có ví dụ: "Một người tội phạm kia đang bị quân lính vây bắt nên anh ta chạy thục mạng. Đang chạy trên đường anh thấy một cái giếng nên bèn chui xuống ẩn nấp. Dưới giếng hang sâu thăm thẳm mà chỉ độc một chiếc rễ cây để bám, chẳng còn cách gì khác hơn anh bèn bám lấy, lưng lơ thân hình giữa hang sâu và trên là quân lính đang săn đuổi. Thế nhưng giữa lúc nguy khốn ấy, một bầy ong đang bay qua để rời một vài giọt mật và may mắn thay rất ngay vào miệng anh ta. Sung sướng mê ly anh quên hết mọi điều khổ đau sợ hãi quanh mình". Tôi thường suy gẫm chuyện này để tự nhắc khéo và răn mình; thà đừng ném mật mà chạy cho xong!

Trong những cái mơ tưởng của một con người mà nay đã lớn và có được tự do, tôi mơ tưởng về chuyện đi Nhật để thấy cuộc sống văn minh ở xứ này. Đi thì quả thật trước đây tôi chưa có dịp, còn mơ tưởng về xứ này thì thật đúng là "nằm mơ" và "tưởng tượng". Nằm mơ là vì tôi cứ thấy các hình ảnh về Nhật hoài mà chỉ thấy qua các phim ảnh, phim ảnh lại chẳng thực vì có thể do dựng lên, do sự sáng tạo của con người. Còn tưởng tượng là vì không biết mà cứ tưởng là y như biết, tưởng như thật. Không biết hạt giống Nhật Bản thâm nhập nơi tôi hồi nào mà mỗi lần nghĩ đến Nhật, tôi cứ tưởng như một thiên đàng trên dương thế với những cái siêu đẳng và tuyệt tác. Nghĩ đến phương tiện đi chuyển bằng xe lửa, tôi liền nghĩ ngay đến những chuyến xe siêu tốc đẹp kinh hồn chạy nhanh tuyệt vời với vận tốc 450 đến 500 km/giờ. Nghĩ đến đường xa lộ, tôi liền tưởng đến những đoạn đường đại lộ rộng thênh thang và chạy dài thẳng tắp mà trên đó các xe chạy 250 đến 350 km/giờ. Tại vì sao tôi nghĩ vậy, là vì ở Đức xe đã chạy từ 200 đến 250 km/giờ là thường, thì ở Nhật với nền văn minh cao độ tất nhiên phải hơn Đức. Tôi còn nghĩ đến thành phố Nhật với những tòa nhà chọc trời, trong các siêu thị toàn là người "Rôbô" chạy qua lại đưa đồ cho khách. Khách chỉ cần đến quầy trả tiền nói món hàng mình muốn mua với một anh người máy vận đồ Samurai hay một chị người máy vận đồ Kimono thì chỉ phút sau, với vận tốc Pentium hiện đại các anh chị người máy đã có mặt và giao hàng cho khách. Điều này là thật và tôi không tưởng tượng quá đáng đâu nhé, vì đã hơn 5 năm về trước trong một đoạn phim thời sự về Nhật Bản chiếu ở Đan Mạch, tôi đã được xem cảnh những anh chàng người máy trong siêu thị chạy qua chạy lại chào khách. Giở đây sau 5 năm và với đà tiến bộ vượt bậc thì chắc sẽ có hàng loạt người máy đủ loại và nhiều chuyện lạ kinh khủng.

Rồi tôi mơ tưởng đến chùa chiền, những danh sơn cổ tự với bao khách thập phương lũ

lượt đến viếng chùa. Nhật Bản là một nước Phật Giáo lớn mà trong đó nền đạo của xứ này đã ăn sâu vào các truyền thống tín ngưỡng của người dân. Từ các nghệ thuật cắm hoa, vẽ tranh, cuối ngựa, bắn cung, uống trà, kiến trúc đều có ảnh hưởng và mang ý vị thiên thì cuộc sống của người dân xứ Nhật cũng sẽ mang đầy và thấm nhuần hưởng vị ấy. Và chùa có lẽ là nơi phát xuất ra những hưởng thơm và vị ngọt của chất liệu thiên này nên tôi thường tưởng đến các ngôi chùa thật đẹp mang đầy thiên tính. Ở đó các người Phật tử thường hay đến chùa hỏi đạo, tham vấn thiên với các Thầy Tổ bên những chum trà thơm tỏa khói, góc trái của căn phòng có điểm thêm một vài cành hoa nhũ nói: "cà vù trụ là đây".

Có những lúc chợt thoáng qua các phi trường Bangkok hoặc Đài Bắc, tôi trông thấy những thắng cảnh tuyệt sắc với những đền đài lâu các ẩn sau một vài cành hoa anh đào. Lại cũng có hình các cô thiếu nữ Nhật, mặt tô son phấn điểm lệ nhẹ nhàng trong bộ y phục Kimono truyền thống đứng bên dưới chiếc dù có kiểu vẽ màu rực rỡ. Các cô gái và người đàn bà Nhật có lẽ được người Việt Nam biết đến nhiều nhất qua cung cách đối xử và phục vụ chững: e lệ, kín đáo, nhẹ nhàng, lịch sự, khiêm cung và rất mực chiều chuộng. Những đoạn phim xưa tôi đã xem



qua về Nhật đều cho thấy đầy đủ các dáng dấp và phong điệu căn cơ của một cô gái hay một người đàn bà Nhật. Phải chăng người Việt Nam chúng ta cũng thường có câu nói rằng: "trên đời có ba cái sướng đó là: được ăn cơm Tàu, ở nhà Tây và lấy vợ Nhật". Câu nói ấy có lẽ phản ánh được quang cảnh sống của người Việt bình dân ta thuở xưa khi nghĩ đến những điều sung sướng trên, đời với những ước muốn ấy. Những ngày nay các xứ phương Tây, tôi chẳng thấy chuyện ấy là khó được mà có được chẳng cũng chứa chắt là sướng. Cái thực tế phủ phàng thường là giấc mộng đẹp của những người chưa nắm bắt.

Có lẽ do mơ tưởng đến xứ Nhật nhiều quá nên một lần tôi nằm mơ thấy mình thực hiện được những chuyện mơ mộng và tưởng tượng khi trước. Tôi mơ thấy mình tinh cở lạc lỏng giữa xứ Nhật, quê mùa, ngõ ngách như một anh mọi trong rừng sâu đột nhiên bị bắt và đưa về thành thị. Thế nhưng trong những giây phút ấy tôi lại có niềm sung sướng tột bậc vì những chuyện trước đây tôi mơ tưởng

đều xảy ra đúng như hết tôi nằm mơ. Cũng những siêu thị đầy áp người và máy móc rôbô chạy qua chạy lại, cũng chùa viện đông người đi hành hương lễ bái, xe cộ, đường xá và những người đẹp Kimono. Rất tiếc giấc mơ đẹp ấy quá ngắn và những giây phút sung sướng ấy qua nhanh, chỉ còn lại chút bàng hoàng nuối tiếc trên chiếc giường cũ của một căn nhà trọ. Trở về với thực tế tôi thấy vui vui vì ít ra cơn mộng tưởng đi Nhật ấy cũng mang lại cho tôi ít nhiều cảm hứng và thỏa mãn phần nào lòng mong ước thầm kín được đi Nhật của tôi.

Thực tế

Mộng tưởng chẳng qua cũng chỉ là mộng tưởng. Một cơn mộng tưởng dài cũng chẳng bằng một giây phút thực. Mà thực cũng chỉ là thực với những cái nhìn, thấy, biết, nghe đối với thế gian. Nhưng còn trong đạo thì đức Phật dạy rằng: "cả ba cảnh giới này (là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc) cũng đều là mộng huyễn, không thật". Thế thì tại sao trong cái mộng ấy lại có thể thấy được. Hiểu lời đức Phật là vậy nhưng với tôi tất cả dường như đều là thực. Tôi thấy rõ ràng mình thực được đi Nhật chung với Thầy tôi, thấy thực tất cả mọi cảnh vật ở Nhật trong chuyến đi và cũng còn cảm nhận rõ nét cho đến bây giờ. Viết đến đây tôi lại muốn ngỏ lời cảm ơn Thầy, vì Thầy đã tạo ra cơ hội cho tôi thực hiện được những ước vọng thầm kín từ lâu, mà không dám nói và chỉ biết thỏa mãn qua những giấc mơ vội về xứ này.

Phi trường Narita vĩ đại và đẹp kinh khủng tôi không thấy khi máy bay đáp xuống phi đạo vào lúc tối trời, chỉ thấy màn đêm và vài ánh đèn xanh xanh ngang dọc trên phi đạo. Phi trường thường là cửa ngõ đầu tiên của một xứ sở để nói lên cái văn minh tân tiến của xứ ấy. Ví dụ như khi đến Singapore, thấy phi trường thật đẹp, sạch sẽ và cực kỳ sang trọng tôi biết cái giàu sang, tinh kỹ luật của một đất nước. Đến Hồng Kông phi trường cũng thật đẹp và sang nhưng lại rất ồn ào với những tiếng "Nì", "Ngô", tôi biết được phần nào tiêu chuẩn đời sống và dân tình ở đây: giàu có nhưng lắm chuyện. Về Việt Nam tôi thấy phi trường nhỏ nhoi và xơ xác, tôi biết được phổ xá mình còn nhỏ nhoi lắm và dân tình còn đầy lam lũ. Thế nên khi biết được cái văn minh và giàu sang cực kỳ của xứ này, tôi liền tưởng đến phi trường Narita đây sang trọng và đẹp mắt. Vừa bước ra khỏi buồng máy bay, tôi đã đảo mắt nhìn quanh cố tìm cho được cái sang độc đáo mà những phi trường khác không có. Ra đến nơi soát Passport và nơi lấy hành lý, tôi lại dờm ngó khắp mọi nơi và sau cùng trước khi bước ra khỏi phi trường tôi còn không quên cho cơ hội cuối là đi vào toilette để thẩm định lại cho chắc trước khi công khai tuyên bố thất vọng nào nề về những cái mình thấy lúc ban đầu. "Phi trường Narita nhỏ xíu và cũ kỹ quá, không tân tiến và chẳng đẹp".

Anh Tùng một người Phật tử của chùa ra đón tôi và thầy Hạnh Tấn tại phi trường. Anh hoan hỷ chào đón tôi như người quen tự thuở nào; chúng tôi cùng anh đều là anh em trong một gia đình Phật mà, thế rồi chúng tôi đi đâu đất nhau ra xe để tiếp tục đoạn đường còn lại trở về chùa. Đọc được anh trao đổi cùng chúng tôi đủ thứ chuyện, nhất là thầy Hạnh Tấn chuyện văn huyền thiên, còn tôi thì mãi nhìn ra ngoài xe, cố giương mắt xuyên thủng đêm đen để tìm cho thấy những xa lộ

thên thang và dài thẳng tắp mà tôi hằng tưởng tượng. Không thấy! chỉ biết xe đi qua nhiều con xa lộ nhỏ, ngoằn ngoèo lên xuống qua lại và hay ngừng lại các trạm để trả tiền đường. Xe đường như lại chẳng có thể hay được phép chạy nhanh, chỉ độ 100 km/giờ mặc dù trời tối và đường vắng. Tôi lại cảm thấy hơi thất vọng vì khi ở Đức tôi có lần đã thúc một người bạn lái xe chạy lên 220 km/giờ nên những tưởng ở Nhật Bản phải chạy nhanh hơn thế nữa chứ. Do xe chạy quá chậm như vậy nên cuối cùng phải mất ba tiếng rưỡi sau xe mới đến được chùa.

Trong những ngày sau đó Thầy dắt tôi đi thăm một số thắng cảnh trong đó có các ngôi chùa, những khu vườn thiên và một vài công viên. Tôi quả thật là chiêm ngưỡng các cảnh đẹp tại đây. Phong cảnh ở Nhật thật là đẹp, đẹp hơn cả tranh vẽ và hơn cả những lúc tôi mơ tưởng và nằm mộng thấy. Người Nhật thật có cái nhìn mỹ thuật giữa con người với thiên nhiên. Theo tôi dường như những phát triển về tiến bộ kỹ thuật đạt đến điểm cao bao nhiêu thì cái học, lối nhìn và sống với mỹ thuật của người Nhật đạt đến điểm cao bấy nhiêu. Một khu vườn chùa, một cảnh công viên, một lối vẽ tranh hay một vài cảnh hoa nhỏ trong bình; tất cả đều nói lên được vẻ cao sang thanh thoát của vật mà con người đã khéo biết cảm nhận và tạo thành. Cái vẻ đẹp mà người Nhật tạo nên không kiêu sa và lộng lẫy như những tòa nhà chọc trời ở New York hoặc Chicago mà nó đẹp một cách thanh đạm thâm kín trong đó những ai biết nhìn và sống với thiên nhiên mới hay cảm nhận được. Thế nên mới có hàng loạt sách báo Tây phương nghiên cứu và viết về những nét mỹ thuật độc đáo của nước Nhật này. Một học giả người Mỹ, ông Thomas Hoover trong cuốn sách Zen culture có viết rằng: "thay vì là một tác phẩm nghệ thuật trừu tượng của một bức họa, những khu vườn ở Nhật đã vượt ra ngoài cả sự trình bày, biểu tượng của một hình ảnh nghệ thuật nào đó; để đưa chúng ta vào một thế giới riêng, cách biệt. Nói đây gần như không thể diễn tả được bằng lời, bằng chữ nghĩa hoặc qua hình ảnh. Nó có một linh hồn nào đó mà dường như sẽ sẵn sàng khởi động bất cứ ai khi bước vào hoặc khi đang hiện hữu, dù cho ai đó không có một hiểu biết gì về thiên nhiên hoặc nghệ thuật".

Kisho Kurogawa, một trong những kiến trúc sư bậc nhất ở nước Nhật có điểm sơ vài nét về cái kiến trúc mỹ thuật của người Nhật như sau: "có thể nói cái mỹ thuật kiến trúc giữa Tây phương và Nhật Bản hoàn toàn khác biệt. Kiến trúc phương Tây được tạo ra để chinh phục thiên nhiên còn kiến trúc Nhật Bản là tìm sự hài hòa giữa kiến trúc và thiên nhiên, làm nó trở thành một thực thể bằng sự bao trùm thiên nhiên trong kiến trúc và làm kiến trúc cùng thiên nhiên trở thành đôi bạn".

Một đoạn khác trong tập sách "Giao lưu kiến trúc", ông ta viết như sau: "Phật Giáo dạy về tính chất vô thường của vạn vật. Con người, thú vật, cỏ cây, phần còn lại của thiên nhiên và ngay cả chính đức Phật cũng luôn luôn đổi thay và di động. Là một chúng sanh đang sống trong quá trình di chuyển không ngừng đó, chúng ta phải ý thức được tính chất tạm bợ của thiên nhiên trong cuộc đời. Trong bối cảnh đó, quan niệm của chúng ta là: không phải để chinh phục thiên nhiên hay săn đuổi cầm thú, mà là sống như một phần của thiên nhiên và thuận theo quy luật của nó.

Đã quá đủ với năm tháng dài sống chen chúc trong các phố xá đông người và đầy huyền ảo. Đã quá đủ với thói quen việc làm máy móc trong cuộc sống mà do tự con người trong những xã hội văn minh tạo ra. Vật chất không thiếu đủ thừa là đằng khác nhưng không hiểu sống bên trong đó tôi vẫn cảm thấy có một chút gì ngột ngạt và trĩu nặng. Chỉ khi có dịp ra chơi nơi những miền quê, bãi biển tôi mới thấy người nhẹ nhàng thoải mái. Cái không khí dường chới bỏ ấy đã đưa đẩy tôi sang Ấn Độ sống trong Tu viện tại một miền quê, và nay được dịp đi Nhật để thăm và sống gần lại với những vẻ đẹp của thiên nhiên mà đã từng được con người tô điểm thành những bức tranh tuyệt sắc; tôi như cảm thấy mình khác ra, yêu đời hơn thì phải và trong những giây phút ấy lòng tôi cảm thấy tràn ngập một niềm vui và hạnh phúc.

Tôi tin chắc rằng những cảnh đẹp ở Nhật có đầy đủ sức lôi cuốn và tính thuyết phục mà cho dù ai đó có khó tính và phiền muộn tới đâu mà khi vào những cảnh đẹp ấy, các chuyện lo buồn, nhiều nhướng của thế sự cũng sẽ vắng. Mùa tôi đi là mùa hoa anh đào nở, hoa đẹp và rơi rải khắp nơi trên những khu vườn, trong công viên hoặc trước sân của một ngôi cổ tự nào đó. Tôi không thích hoa lắm nhưng với hoa anh đào thì tôi dành một ngoại lệ cho mình; được ngắm nhìn, chiêm ngưỡng và chụp hằng loạt bộ hình dưới những tàng hoa ấy. Hóa ra đi Nhật tôi tự nhiên cũng trở thành người yêu hoa và muốn đứng gần hoa như những cô nàng.

Hoa anh đào là một loài hoa thường mọc ở những nơi có thời tiết mát lạnh. Tôi thấy hoa này ở một vài nơi, Đài Loan, Ấn Độ hoặc ở miền Bắc Việt Nam trên những miền núi cao cũng có. Nhưng không đâu có được hoa đẹp như ở Nhật Bản. Hoa đã đẹp mà còn được con người chăm sóc, tô điểm cẩn thận nên nét đẹp toát ra càng thêm phần hoàn hảo. Thế là nơi những cảnh vùn đầy cảnh hoa ấy, người ta còn thường thức nơi những thân cây biết uốn mình tỏa nét trong một sắc thái thật nghệ thuật. Thế rồi nếu biết nhìn thì khi cây không hoa trở lại cảnh nhàn, vẫn có một nét đẹp hùng vĩ có liều nào đó toát ra. Hoa anh đào có màu hồng nhạt và mang một cái nét dịu dàng. Thế mà tiết trời mỗi năm hoa chỉ rộ nở độ khoảng một tuần để rồi sau đó trong những tháng ngày còn lại chìm vào cái khô khan tịch mịch của thân cây. Thầy tôi cũng khéo lựa chọn làm chủ, chọn đúng mùa hoa nở để đi. Đúng là nếu không ở Nhật thì làm sao biết được điều này để đến con đúng lúc, và nếu đến thăm xứ Nhật mà không thấy được hoa anh đào nở thì chẳng phải là điều thiếu sót lớn lao sao?

Ở Nhật mùa hoa anh đào nở cũng là mùa hội để người ta đi ngắm nguyệt xem hoa. Tại Đông Kinh có những công viên trồng đầy các loại cây hoa này, dọc dọc hai bên lối đi là những hàng cây hoa. Lúc chúng tôi đến thì cảnh tiệp đã đến hồi tưng bừng, nam thanh nữ tú quây quần trên những tấm chăn trải dọc theo những bãi cỏ lớn dưới những tàn hoa anh đào. Tiệc tùng, rượu sake, đồ nhắm, nhậu, thức ăn trải đầy và họ thì nhau ăn và ca hát. Có những anh chàng xin xin vút đứng dậy ca giọng múa may làm trò hề cho cả đám, phía bên các bà cũng chẳng kém, hằng hằng, phừng phừng múa nhày ra chiều bất cần đời. Chen vào đó là những tiếng nhạc thanh thanh từ những bài hát: "Mùa xuân sang có hoa anh đào...". Có một

điều là họ vui chơi hội hoa với một ý thức rất cao. Chỉ vui đùa cười hát với nhau hoặc vui mình nằm ngủ khi đến độ quá xin. Chẳng thấy la lối chọc ghẹo người, lời qua tiếng lại hoặc đánh nhau. Chẳng vứt rác bừa bãi làm ô uế cảnh đẹp, chẳng ngắt phá các cảnh hoa, cây cảnh và tôi thấy tất cả mọi người lúc ấy dường như muốn hòa hết điệu vào cảnh vật thiên nhiên. Vui thay và hạnh phúc thay cảnh ấy.

Thành phố Đông Kinh tràn ngập người trên mọi nẻo đường từ sáng sớm. Tôi thấy những làn sóng người uốn lượn, chập chùng không ngớt tuôn ra đổ vào từ những sân ga. Những cô gái đẹp xử hoa anh đào ngày nay không còn mặc những bộ đồ Kimono truyền thống nữa mà được thay thế bằng những chiếc áo vét với bộ đầm ngắn. Họ cũng không còn những dáng dấp e lệ, dịu dàng như tôi đã từng tưởng tượng mà lanh lẹ mạnh mẽ vô cùng. Trong những chuyến xe điện tôi đi, mấy cô gái từa vào như đàn ong và ép tôi bắn vào một góc. Không nhân nhượng, không rụt rè, mặc cổ, các cô lấn và chen thật hăng vào các thanh niên, các ông trong một dáng điệu tự nhiên và bình thản. Thấy cảnh tượng này tôi mới chợt nhớ một đoạn phim chiếu về nước Nhật và các cô gái ở đây; phim nói rằng đa phần các cô gái Nhật sau khi tan sở xong bèn thay đổi bộ y phục làm để biến mình vào các quán nhậu, quán Bar vui chơi và phục vụ khách cho đến khuya. Thế nên về câu nói, suồng sã là được lấy vợ Nhật tôi không biết có còn thích hợp cho ngày nay không. Người Nhật của cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 đã đổi khác nhiều lắm rồi. Nếu đánh giá trong một cái nhìn khoan dung và rộng rãi thì sự đổi thay đó chỉ là một hướng đi tất yếu của một xã hội trong những xã hội mới trên đà sống tiến bộ hiện nay. Nhưng nếu đánh giá khắt khe hơn ta có thể nói cái tiến bộ của những xã hội giàu sang hiện nay đang làm suy thoái các giá trị đạo đức truyền thống và băng hoại đời sống tâm linh trong mọi con người.

Đáng sợ thay cái giàu sang mà không có phần tâm linh phong phú đi kèm. Giàu sang thường đưa con người đến hưởng thụ, ích kỷ và rơi vào sa ngã hơn là tập cho con người đi vào nếp sống của vị tha, bao dung và hưởng mình theo một đời sống có kỷ cương và đạo đức cổ truyền. Tôi thấy con người trong những xã hội mới và giàu sang không thật sự có được một đời sống hạnh phúc đúng nghĩa. Nhất là ở xã hội Nhật này vì thật sự họ cũng không có thời gian để hưởng hạnh phúc nữa. Họ phải làm việc cật lực để sống như thế là con người sinh ra để mà làm việc và để được sống. Nhưng lại nếu lý luận theo quan niệm của người Nhật rằng: "cái chết ý nghĩa nhất chính là cái chết trong lúc làm việc" thì tôi miên bần. Thật khó mà lấy cái nhìn của một người tu rồi đánh giá cho một người đang sống và làm việc trong xã hội. Nếu nhìn theo bốn phận và trách nhiệm của một công dân và tử quan điểm của một người thế tục thì họ quả có lý.

Vấn đề có thể là nơi guồng máy của một xã hội mà trong đó chính mỗi con người là tác nhân để rồi họ phải chịu lụy thế mà không còn cách thoát ra được. Xã hội hiện đại là một xã hội của sự làm việc mà nơi đó con người có thể dần dần sẽ biến thành những chiếc máy có đầu óc tiến bộ, và những chiếc máy ấy phải làm việc như máy và nhanh bằng máy. Ai không thể theo hoặc hòa đồng tất bị xã hội bỏ rơi và đào thải. Điều nguy

hiếm là người ta khó tìm được lối thoát và dù cho có ai đó thường quen sống trong một xã hội thành thoi và bình an đến đâu mà khi bị đặt vào guồng máy của một xã hội hiện đại cũng khó mà giữ được mình để khỏi bị ngoại cảnh chi phối. Trong những ngày ở Tokyo tôi để ý thấy và có cảm tưởng rằng người Nhật ngày nay gần như không còn đi nữa mà là chạy, không còn ăn nữa mà là húp; nhìn xem và cảm hết mọi chuyện như vậy tôi thấy bất chướng mắt.

Rồi những sự ăn chơi nơi phố thị đông người cũng là một điểm đáng lưu ý. Có lẽ cái mạng sống bấp bênh của một đất nước luôn bị đe dọa bởi động đất đã khiến người ta lại gần hơn với đời sống phồn đấu, hưởng thụ và tìm cách thỏa mãn dục lạc. Hay phải chăng ở những xã hội tân tiến hiện đại khác cũng thường đưa con người đến gần hơn với dục lạc. Mà dục lạc mù quáng nhất chính là dục lạc của tình dục, một thủ dục lạc đáng sợ nhất vì nó chỉ mong cầu thỏa mãn mà thiếu sự sáng suốt và tinh thần trách nhiệm. Đức Dalai Lama trong tập "The power of Compassion" đã có nói đến tình dục như sau: "Một vấn đề quan trọng khác là vấn đề tình dục. Tình dục là một phần tánh tự nhiên của con người và nếu không có nó thì nhân loại cũng sẽ không còn - điều đó rõ ràng. Nhưng đi đến tình dục một cách thái quá, hoặc đi vào nó trong một tình yêu mù quáng thì thường tạo ra thêm vấn đề và khổ đau. Tôi nghĩ rằng mục đích chính của tình dục là tái tạo một em bé trẻ đẹp mới. Người ta không chỉ phải ham được thỏa mãn tình dục mà cũng là phải có một ý thức trách nhiệm, một cái gì mang trọng trách. Nếu chúng ta nhìn vào các loài khác, tôi nghĩ cũng có một vài loài rất đáng phục. Tựa như một vài loài chim, như ngỗng chẳng hạn dựa trên tưởng quan đồng loại nó rất có trách nhiệm. Điều này thật là đẹp! Nhưng một vài con thú khác như con chó, lại không có loại trách nhiệm đó và nó chỉ biết thỏa mãn hành động về tình dục, để lại hoàn toàn trách nhiệm cho chó mẹ. Điều này tôi nghĩ thật là ghê tởm. Tôi nghĩ đã là một con người chúng ta phải theo tánh thiên nhiên, nhưng theo một cách văn minh hơn trong vấn đề tình dục vì không phải chỉ mong muốn được thỏa mãn nhất thời. Nếu người ta không thấy ở đó tinh thần trách nhiệm và hôn nhân thì điều này quả là thiên cận. Và dường như những gia đình trong thời đại ngày nay có rất nhiều vấn đề. Nguyên nhân chính là vấn đề tự do tình dục đi đến quá cực điểm. Và hơn nữa là một phần của nền văn hóa hiện đại ngày nay lại cổ xúy về tình dục, tôi nghĩ điều này không được lành mạnh cho lắm. Mặt khác nếu chúng ta so sánh giữa tình dục và bạo động, thì tôi nghĩ tình dục tốt hơn! Nhưng thường là do tình dục mà bạo động khởi ra. Tôi nghĩ trong thực tế cả hai có sự liên quan rất nhiều với nhau".

Rồi đến chuyện cờ bạc. Cờ bạc là một điều rất xấu ai cũng biết như vậy nhưng trong những thế giới tân tiến hiện đại ngày nay, dường như các chính phủ có ý ngầm khuyến khích người ta chơi cờ bạc. Không khuyến khích sao được khi món tiền của người chơi một phần lớn vào tay chính phủ. Theo tin tức ở Pháp thì cứ 100 quan tiền đánh bạc (lô tô, số xổ, tiền nhập, thuế thu từ các máy đánh bạc, casino v.v...) chính phủ đã thu thuế và lấy được là 47 quan, người thắng còn lại chỉ 53 quan. Thế nên mỗi năm chính phủ Pháp đã thu được khoảng 30 tỷ quan tiền lời từ

những người chơi béc bô này, và dường như kinh tế càng xuống, thất nghiệp càng gia tăng người ta lại càng đánh bạc tìm hên xui nhiều hơn để từ đó chính phủ được nhờ. Ở Nhật Bản này chính phủ khá thông minh nên đã biết khai thác về ngành này, tôi thấy đâu đâu cũng có rất nhiều tiệm chơi cờ bạc. Pachinko là một loại casino cỡ nhỏ, thích hợp với túi tiền của lớp người bình dân và dễ chơi nên ngành này đã phát triển mau lẹ. Hết tiệm này, tiệm kia lần lượt đua nhau mở, dường nào giờ nào cũng có. Theo thống kê của Nhật Bản thì mức thu nhập của từ ngành cờ bạc này mỗi năm chiếm hàng mấy chục tỷ Mỹ kim, chỉ đứng sau mức thu nhập của ngành xe hơi.

Tôi có vào một vài tiệm Pachinko để xem cho hiểu và biết cái mê của người chơi như thế nào. Thông thường tiệm Pachinko là những tòa bulding to lớn có khi đến hai ba tầng lầu. Bên trong rải rác mỗi mét là một máy bấm chơi bạc. Các loại máy này hơi giống các loại máy bấm ăn tiền ở một vài tiệm chơi game bên Âu Tây hoặc cũng thấy có để rải rác trên những chuyến phà. Máy ở Nhật tiến hơn với nhiều màu sắc và cách chơi dường như đa dạng phong phú hơn. Có máy bấm ra bi, có máy bấm ra bạc. Bi và bạc sau đó được đem đi đổi tiền thật. Vì các máy này hàng năm đều có những loại máy mới thay thế, để gây thích thú mỗi cho người chơi và để tránh những mách khéo ma đầu của những tay chỉ bấm một lần mà bi tuôn ra không ngừng. Thường thì những tác giả "ma lanh" này cũng chính lại là người Việt chúng ta. Đây cũng là một chuyện buồn cho dân tộc.

Vào trong này thì sẽ thấy lúc nào cũng có người là người, kể cả tử sáng sớm. Đa phần là thanh niên nam nữ cho đến ông bà già, họ đều thường trực ở đây để cố ăn thua gỡ gạc kể cả thủ đấm mẹ nghe những âm thanh cheo cheo của máy, loảng xoảng của bạc và mùi khói thuốc cuộn cuộn tỏa ngập gian phòng chơi. Cũng may ngành này phát triển mạnh nhất là ở Nhật Bản, chủ được dịp phát triển mạnh trên thế giới thì có lẽ một phần lớn nhân loại cũng sẽ bị long đong vì nó. Tôi nghĩ vấn đề cờ bạc kiểu này thường là do chính phủ mà ra với những luật lệ quá ư là dễ dãi nếu không nói là ngầm hưởng ứng cho sự phát triển ngành này. Nếu chính phủ chủ trương hơn đến những mặt hại song song với các lợi nhuận thu được thì chắc xã hội mới được thêm phần lành mạnh. Như chính phủ Anh chẳng hạn khi thấy các tiệm máy bấm kiểu Pachinko này đông nghẹt người tử sáng đến tối mà nhất là thành phần giới trẻ, bỏ ăn bỏ học ở nhà mà chỉ biết thường trực với những chiếc máy, nên sau đó đã ra một đạo luật là cấm giới trẻ dưới 18 tuổi vào các nơi này. Có lẽ đó cũng là một điều hay để giảm bớt sự đăm mê trống rỗng và vô ích này.

Khi nhận xét về một xã hội tân tiến một bậc thầy Tây Tạng có nói rằng: "đôi khi tôi nghĩ rằng sự thành tựu vĩ đại nhất của thế giới tân tiến ngày nay chính là nó bán luôn hồi một cách xuất sắc và có những trò giải trí trống rỗng. Những xã hội ấy ngày nay với tôi dường như là những cuộc lễ ăn mừng tất cả mọi thứ dẫn ta đi xa khỏi sự thật, làm con người khó sống được với chân lý cũng như không muốn người ta tin rằng có chân lý hiện hữu nữa. Tất cả điều này là thoát thai từ một nền văn minh mà người ta tự cho là tôn thờ sự sống nhưng đúng sự thật là gạt bỏ hết mọi ý nghĩa chân thực của sự sống. Một nền văn

minh luôn nói là làm cho con người có được "hạnh phúc" mà thực ra đã làm bế tắc con đường dẫn đến suối nguồn hạnh phúc chân thực".

Trong những lần đi với Thầy, nếu có một dịp rảnh là tôi tìm cách chạy vào các siêu thị để xem các chú rôbô bán hàng và những mặt hàng điện tử tinh vi. Nước Nhật đã từng nổi tiếng với những kỹ thuật tân tiến và văn minh máy móc hiện đại. Vừa đến cửa tôi đã gặp một cô gái trẻ đẹp mang đồng phục đứng chào đón thân tình, lưng khom thật sát: "Xin mời vào, xin mời vào". Hàng hóa ở đây cũng như các nước Âu-Mỹ, thật là nhiều và đầy khắp những ở Nhật tôi đã thấy đa phần là hàng Nhật. Người Nhật thường thì phải dùng hàng Nhật, đó là cái lối suy nghĩ và ý thức chung của dân tộc. Chà thế mà các nước phương Tây đã từng than trời, gây đủ cách ép, buộc chính phủ Nhật nhập cảng thêm hàng hóa nước ngoài vào. Thế nhưng sự việc cũng chẳng thấy khác thêm là mấy. Thời gian sau này thì phong trào nhuộm tóc của giới trẻ Nhật Bản tăng dần, tôi nghĩ các nước phương Tây chắc hài lòng hơn trong việc quảng cáo những loại thuốc nhuộm tóc và mái đầu bạch kim của họ. Trong các siêu thị tôi đi lợi khắp từ trên xuống dưới nơi nào cũng đến. Người máy bán hàng đâu chẳng thấy chỉ thấy các cô gái bán với hàng những lời mời ngọt sớt. Cô nào cũng duyên dáng, cô nào cũng lễ độ đến lặng người. Có lẽ vì thế mà các siêu thị này đã chẳng cần thay các cô bằng người máy chẳng? Cũng may là tôi không ở Nhật!

Rồi chúng tôi đáp tàu tốc hành đi gần xuống tận cực Nam để thăm viếng một thành phố nhỏ có tên là Shimonoseki. Nhà ga Đông Kinh vẫn như lúc nào là tràn ngập người. Nhà ga cũng bình thường như những nước Âu Tây khác, tuy có rộng nhưng chẳng đẹp lắm nên tôi chẳng chú ý kỹ để sau này thuật lại đầy đủ. Chuyến tàu chúng tôi đi để đi tên là Shinkansen cũng chẳng đẹp như tôi từng mơ tưởng. Nếu đem so sánh với tàu ICE của Đức thì thật là thua xa, thế nên khi thấy tàu đi đến tôi cảm thấy ít nhiều thất vọng. Tàu chạy khá êm độ 200 đến 220 km/giờ nên sau 5 tiếng chúng tôi đã đến thành phố nhỏ đó. Anh Phật tử người Nhật đã từng quen biết với Thầy tôi lúc bên Đức ra đón chúng tôi nơi sân ga với chiếc xe hơi lộng lẫy mới mua độ hai tuần. Thành phố Shimonoseki khá nhỏ nhưng đẹp và thơ mộng vô cùng. Cảnh phố chợ và dân chúng sống an bình ở một phố thị nhỏ cho tôi thấy một đôi nét thơ mộng và hạnh phúc của người dân sống ở miền quê. Không hấp tấp, vội vàng, không đầy dẫy các cảnh chơi bời như trên thủ đô Đông Kinh. Và anh Phật tử chở chúng tôi về một căn nhà nghỉ mát của gia đình, trên đỉnh đồi và ngay bờ biển.

Căn nhà kiến trúc theo kiểu Nhật nhưng có lối trang trí bên trong theo kiểu Tây. Phòng khách có hai chiếc đàn dương cầm, một bộ sofa kiểu Tây Ban Nha, các phòng ngủ khác đều có giường ngủ tiện nghi, ấm cúng theo tiêu chuẩn hiện đại với chiếc máy lạnh máy sưởi lúc mờ khi cần. Trong cái khung cảnh tiện nghi bậc nhất ấy lạ thay có một chiếc phòng trang trí theo lối Nhật, đơn sơ và giản dị đến mức tối thiểu. Sàn bằng chiếu tatami, một chiếc bàn màu gỗ bóng láng, bên góc phòng trước một lối trang trí mỹ thuật của những thanh gỗ uốn hình cong là một bình hoa độc nhánh mà tỏa rất có hồn, và dường như tất cả những cánh cửa, lớp ngăn đều làm

bằng những thanh gỗ đan nhau hình vuông cùng hợp màu với một loại giấy màu trắng. Chỉ bấy nhiêu đó thôi mà căn phòng dường như tỏa một sức hấp dẫn lạ kỳ, dường như có sự nhẹ nhàng và an lạc ở đâu đây. Lúc ấy tôi chợt nhớ đến một đoạn viết về nhà ở Nhật trong một tập sách nào đó: "Do tính linh hoạt của tấm chiếu Tatami trải nền mà những ngôi nhà nhỏ bé ở Nhật đều thoát khỏi sự phân chia của khoảng không và trở thành đa dụng hơn. Lấy một tấm nệm và chần ra trải lên nền chiếu, căn phòng sẽ thành phòng ngủ. Khi đặt một chiếc bàn thấp ngay giữa phòng, nó trở thành phòng ăn. Đặt những chiếc gối nệm ở đây và kia, ta có được một phòng để đón khách. Chưng một bình hoa, treo một tấm tranh ta sẽ có một phòng trà. Bằng sự thay đổi những đồ vật và cách chúng bày, một căn phòng sẽ có được nhiều ý nghĩa".

Được đi thăm Nhật quả là một điều thú vị mà nay còn được dịp sống trong một ngôi vi-la thuần túy của Nhật quả là một điều đặc biệt hơn. Bỗng nhiên trong mấy ngày ngắn ngủi tại phố thị nhỏ bé này, tôi được dịp làm chủ một căn nhà sang. Tự do và thoải mái tôi đi khắp nhà, lên xuống ngang dọc để tìm hiểu và nhìn ngắm. Thật là một sự hòa hợp giữa kiến trúc Tây và Đông, giữa cái cổ và cái tân, giữa những cái tầm thường nhất và cái hiện đại nhất. Trong tất cả những sự phối hợp đó, quả là có nhiều nghệ thuật và óc sáng tạo mà dường như chỉ có những người Nhật mới biết khai thác và ứng dụng điều này một cách trọn vẹn.

Được dịp đi thăm những ngôi chùa cổ, công viên vào những ngày sau đó, tôi càng cảm nhận hơn những vẻ đẹp và nét thanh tú ở những nơi này. Vào một khuôn vườn đá chẳng hạn, ta sẽ nhận ra những vẻ mỹ quan tuyệt diệu của cả một công trình nghệ thuật mà tác giả phải trải qua hàng bao năm sống, hít thở và hòa mình với thiên nhiên vạn vật mới có thể tạo nên được. Những khu vườn đá thường ở trong chùa và cũng thường là kiệt tác của một Thiền sư hoặc là nhà nghệ thuật có một linh hồn thiền nào đó. Hãy nghe ông Thomas Hoover nói: "những lần sống đá nhỏ lên đá làm tăng thêm phẩm chất của khu vườn đá, làm cho đôi mắt người bước vào phải đảo từ trái qua phải hoặc ngược lại. Và mặc dù mục tiêu duy nhất của khu vườn đá là đem sự an lành cho tâm hồn, nhưng nó đã có một sức đánh động lớn vào khách nhân đến như vậy, như một tấm hình chụp bất trọn được những ngọn sóng đang tràn lên móm núi".

Trong một khuôn hoa viên của một vị quan chức thời xưa, nay lại là một thắng cảnh cho mọi người trong đó có tôi ghé vào. Khu hoa viên này thật rộng, có căn biệt thự xây cất sang trọng và cũng có những ngôi nhà tranh nhỏ bên cạnh hồ để có lẽ những lúc rảnh ông ta ra đây nghĩ và hòa mình với thiên nhiên chẳng. Quang cảnh trong khuôn viên mà tựa như quang cảnh của một chốn thiên nhiên nào đó xa cách con người. Một vài thân cây mọc bên hồ, dăm ba bụi rậm, một lớp sỏi đá, những viên đá tảng và một vài đám cỏ được sắp xếp thật trọng trong một sự hòa hợp linh động để trở thành một sự kết của thiên nhiên. Chỉ những nơi này thôi cũng cho tôi một cái nhìn trọn vẹn về các nét đẹp của xứ này. Kiến trúc, nghệ thuật, mỹ thuật, thiền vị, thiên nhiên, màu sắc, con người, tất cả dường như đã hòa cùng một điệu với nhau, mang đến cho người xem

những giây phút lâng lâng ngây ngất. Tôi khâm phục người Nhật, những nghệ thuật gia, thiên gia ở điểm này, một điểm mà các nơi khác trên thế giới không bao giờ có được. Ngày mai này nếu tôi có dịp nói đến người Nhật hoặc mô tả về một xứ Nhật thì tôi phải nói và mở đến một cái nhìn thâm thúy và nghệ thuật của người Nhật, cái tinh thần, sáng tạo, cái dân tộc tính và sự hy sinh giữa người và người với nhau. Có lẽ từng ấy điều nếu tôi học được chắc cũng sẽ đem lại biết bao điều lợi ích lớn lao cho Đạo Pháp và Dân Tộc nước nhà.

Cha mẹ của anh Phật tử này đón chúng tôi từ cửa tiệm. Họ có một khách sạn nhỏ độ 30 phòng ở trên lầu và một phòng ăn bên dưới. Bên trong là nơi ở của hai ông bà, có bàn thờ Phật riêng tôn nghiêm và thiền vị. Ông trạc trên 60 và bà cũng xấp xỉ nhưng ông trông trẻ và bà trông già, cả hai đều quý mến khách và tiếp đãi chúng tôi thật là nồng hậu. Thầy tôi nói tiếng Nhật với hai ông bà thật lưu loát, không vấp không nghĩ suy tìm từ và dường như chính tiếng Nhật là ngôn ngữ mẹ đẻ của Thầy. Quả thật sau bao nhiêu năm xa cách và không dùng tiếng Nhật mà Thầy nói cũng lưu loát như từ bao giờ. Tôi theo Thầy nên bỗng đột nhiên trở thành người khách quý của gia đình. Được hưởng những món ăn thịnh soạn mà trên tinh tôi chưa từng được hưởng, được sống trong căn nhà tiện nghi và đẹp của những người giàu có mà trên tinh tôi chưa từng có ý nghĩ đến. Chỉ hai đêm ở phố thị nhỏ bé này nhưng đã đánh dấu trong tôi nhiều kỷ niệm đẹp về một xứ Nhật. Rồi ở nơi phố nhỏ này tự nhiên tôi lại có chuyện quên lạ lùng. Quên chiếc ví đeo tiền thường mang trên mình. Khi đến sân ga cách đó mười phút tôi mới chợt nhớ vì thấy không bị cầm cộm nơi lưng. Số tiền trong ví chỉ có 2600\$ nhưng là tất cả tài sản của tôi đó. Thế nhưng nghe lời Thầy khen về tinh tiết ngay thẳng của người Nhật, nên tôi tin tưởng số tiền đó sẽ được đến tay mình trước khi tôi rời Nhật. Thế là an tâm tôi đi tiếp chuyến tàu lên Kyoto, rồi sau về lại Đông Kinh. Và quả thật là vậy vì hai ngày trước khi tôi đi, chiếc ví đã được an toàn đến tay tôi từ hai ông bà Phật tử hiền lành tốt bụng và ngay thẳng kia.

Từ Shimonoseki về lại Đông Kinh chúng tôi dừng lại Kyoto, thủ đô cổ xưa của Nhật Bản. Nơi đây Thầy dẫn tôi đi thăm viếng các ngôi chùa xưa mà nay thuộc về quốc bảo. Khách thập phương dập đầu nhau đến viếng cảnh xưa, đa phần là du khách nhưng lâu lâu cũng có một vài người âm thầm tưởng niệm Phật. Nào Kim Các Tự, Đông Bản Tự, Tây Bản Tự và ngôi chùa của vị Thánh Đức thái tử. Tất cả đều to lớn vĩ đại mà không thể lấy những kiến trúc nào to lớn ở Việt Nam để đem so sánh được. Chỉ biết diện tích chùa độ vài mươi mẫu và năm bảy điện thờ tại đây, mỗi điện có thể dung chứa vài ngàn người. Thầy tôi cười bảo: "Trông kia cái cổng tam quan cũng lớn bằng Chùa Viên Giác". Những công trình như vậy mà họ đã xây gần cả ngàn năm rồi đó. Thời ấy với những con người và nền văn minh thuở ấy mà họ đã có tầm nhìn và khả năng xây dựng Phật Giáo ghê gớm đến như vậy.

Thầy tôi cũng thường kể cho tôi nghe rằng: "Người Nhật được ngày nay là họ có một tinh thần xây dựng và hy sinh rất cao, biết vì những lợi ích nhỏ của mình và gia đình mà hy sinh cho cái chung của dân tộc và đất nước. Đó con thấy! nhà của xứ này nhỏ bằng nắm tay mà kiến trúc chung như chùa chiền,

có sở giáo dục, học đường lớn bằng thế ấy". Nghe đến điều ấy tôi tự cảm thấy xót xa cho nền đạo giáo xứ mình; chiến tranh loạn lạc tàn phá, con người lại phe phái chia rẽ và đấu tranh nên dân dủ đông, trí thông minh của người Việt dù có tiếng mà cho đến nay cũng chẳng làm nên được việc gì to lớn. Các di tích Phật Giáo nước mình cũng vậy, quá nhỏ nhoi và khiêm tốn. Thế nhưng dù sao tôi vẫn còn tự an ủi cho mình một điều là nền đạo giáo xứ mình cũng còn trong sáng, vẫn còn thanh tịnh với những ngôi chùa đầy đầy những vị Tăng Ni chuyên cần tu học.

ƯỚC MỞ

Tôi không mơ ước nước mình được như xứ Nhật mà tôi chỉ mơ tinh thần của dân mình được như dân Nhật. Tinh thần chính là cái tinh túy của nền văn minh và đời sống. Trong tinh thần đó, người ta biết yêu chuộng lẽ công bằng và tự do, biết trao đổi ý thức trách nhiệm và hợp cùng nhau xây dựng việc chung. Việc chung là việc của một đất nước, dân tộc hay nhìn một cách trọn vẹn hơn chính là việc của một hành tinh mà trên đó có những chúng sanh đang sống. Giữ gìn và phát triển sự sống công bằng của những chúng sanh chính là tinh thần của Phật Giáo. Ai sinh ra trên cõi này mà lại không mong muốn có được hạnh phúc, ai ai lại chẳng muốn thoát khỏi khổ đau. Ý thức đó là ý chung của mọi con người thế mà sao ngày nay con người ít ai chịu hiểu điều đó. Hay họ hiểu mà lại cố quên để theo đuổi những ích kỷ nhỏ nhen và tầm thường, theo đuổi những chủ thuyết kỳ quái vì cái lợi của một nhóm người, một bè đảng. Rõ nhất là trong những chế độ Cộng Sản vì những người lãnh đạo chỉ muốn có an vui và hạnh phúc cho riêng họ và những người theo họ, ngoài ra thì mặc xác. Thật là đau khổ cho dân tộc tôi vì một cộng nghiệp chung phải mang. Nghiệp đã mang tất nhiên phải trả những phải trả cho đến bao giờ đây tôi chẳng thể nào biết được.

Riêng Phật Giáo Nhật Bản qua cái nhìn và hiểu biết nhỏ hẹp đã cho tôi soi một tấm gương màu nhiệm. Tấm gương của đạo và đời phản ánh mọi sắc thái nhân quả trong cuộc sống, đó là "thanh tịnh thì còn và ô nhiễm thì sẽ mất", "lợi người thì còn và chỉ lợi mình cũng sẽ mất". Phật Giáo Nhật Bản trong ý nghĩa thiêng liêng nhất đã mất đi nơi cõi lòng người Nhật vì chùa chiền và hàng Tăng sĩ là linh hồn của Phật Giáo mà ngày nay đã không còn là của chung cho mọi người, cũng không còn thanh tịnh như ngày đầu Phật Giáo du nhập vào xứ này. Thật là một điều đáng buồn.

Ở Việt Nam khi đất nước còn đang bị đọa đày, Giáo Hội còn đang bị đàn áp thì dân tộc làm sao có được hạnh phúc, đạo pháp làm sao có được sự phục hưng, nguồn đạo do đó cũng bị tàn mất, tang thương. Thế nên đầu cho có các Thầy Tổ tôi, có bao nhiêu huynh đệ đồng bạn tôi quyết tâm hưởng về xây dựng đất nước và Giáo Hội thì cũng đành chịu. Mọi người chỉ còn biết sống trong ý thức khắc khoải đợi chờ một ngày mai tươi sáng cho dân tộc và đạo pháp. Và chắc chắn ngày mai ấy sẽ là một ngày mai không còn chế độ Cộng Sản trên quê hương tôi.

Viết kỷ niệm nhân một chuyến đi Nhật.

MẶT TRỜI PHƯƠNG BẮC

• Thích Như Điển

Các xứ Bắc Âu như Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch và Phần Lan mặt trời rất hiếm vào mùa hè, nhưng lại càng rất hiếm vào mùa Đông. Một mùa Đông tại các xứ này kéo dài hơn 6 và một mùa hè cũng chỉ hơn 5 tháng với gió bắc mùa phồn, giống bão và đôi khi mây kéo đen ngịt suốt ngày. Một mùa hè như thế thật chà bủ với các xứ Á Châu hoặc Phi Châu nhiệt đới, suốt năm tháng hầu như không có một giọt nước để tưới gội cỏ cây, còn các xứ Bắc Âu này nước vẫn thừa mà mặt trời vẫn thiếu.

Kể từ khi người tỵ nạn Việt Nam đến các xứ này, dĩ nhiên là sau năm 1975, vì trước đó chắc rất hiếm người đi du học tại đây, nếu có chăng cũng chỉ đi qua đây vì lý do nhân đạo để chữa bệnh, sau đó họ lại về nước. Các quốc gia này nằm về phương bắc Á Châu và cũng có một điều đáng nói là họ vẫn còn giữ nguyên chế độ quân chủ. Nước nào cũng có Vua, nhưng Vua ở đây có tính cách tượng trưng cho quốc gia, còn Quốc Hội và Thủ Tướng có nhiều nhiệm vụ trọng đại hơn trong việc giữ nước. Họ là những nước giàu có, nên đã vì lòng nhân đạo mà nhận người tỵ nạn Việt Nam đến đây. Khi đến đây người Việt Nam đã chẳng mang theo được vật gì cả, ngoài cái gia bảo tinh thần. Đó là một nền đạo học phương Đông, hay nói đúng hơn là Phật Giáo.

Những năm tháng đầu tiên họ đã tìm học ngôn ngữ để thích nghi với đời sống, sau đó tiếp tục cho con cái học chữ hay học nghề, còn cha mẹ thì tìm kiếm những công việc bình thường để nuôi sống gia đình. Thời gian trôi qua nhanh, sau 5 hay 7 năm, đời sống vật chất tương đối ổn định, nên họ ngồi lại với nhau sinh hoạt dưới sự hướng dẫn của quý Thầy trong những điều kiện khiêm nhường nhất dưới danh nghĩa là một ngôi Chùa hay Niệm Phật Đường, rồi những Gia Đình Phật Tử được thành lập v.v...

Ở Na Uy trong những năm tháng ấy đã xây dựng được nhiều Chi Hội và các Gia Đình Phật Tử, đặc biệt là ngôi Chùa Khuôn Việt đã thành hình, đây là một công đức to lớn của chú Tăng cũng như Phật Tử tích cực đóng góp trong thời gian qua mà có được. Tại đây cũng có duyên lớn là nhiều Thầy đã đến định cư tại xứ này. Ở đâu có chú Tăng, ở đó một ngôi Chùa nên được thành lập. Đó có lẽ là một đề tài rất cần thiết đã được luận bàn lúc bấy giờ.

Nhưng nhìn qua Thụy Điển thì khác hẳn, ở đây có Phật Tử mà chẳng có Thầy. Vì vậy

một số quý Phật Tử ở Malmo, miền nam Thụy Điển cũng đã tìm cách đón Thầy Quảng Nhiên từ Phần Lan qua sinh hoạt Phật sự tại đây một thời gian thì Thầy ấy hoàn toàn, sau đó không lâu Đại Đức Thích Tâm Huệ đến Malmo tỵ nạn. Đại Đức Thích Tâm Huệ định cư được một thời gian thì đã lập được Hội và mua được Chùa. Nhưng sau một thời gian hoạt động, giữa Hội, Chùa và Thầy có nhiều điều khó dung hòa nhau, nên Hội ra riêng phần Hội, Chùa ra riêng Chùa, Thầy trở về vị trí của Thầy. Quý Phật Tử tại địa phương nhìn thấy đau lòng quá nhưng cũng không biết tính sao; nên mỗi cầu cứu Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Ánh Thiệt, Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Quảng Bình và Thượng Tọa Thích Quán Không đến giải quyết; nhưng Thầy Tâm Huệ vì bệnh duyên nên cũng không tha thiết mấy cho vấn đề này; nên Thầy đã buông rơi lỗ lũng công việc hoàng pháp tại xứ này, trong khi các Phật Tử tại địa phương Thụy Điển vẫn còn khao khát sinh hoạt Phật sự.

Nhận thấy việc cần thiết nên quý Thầy trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Á Châu trong đó có Thượng Tọa

Goteborg phải cần có sự hiện diện của chú Tăng, nên cũng đã thuận ý để Đại Đức Thích Lệ Nguyên đến Thụy Điển trông nom Phật sự tại xứ này.

Buổi lễ công cộng đầu tiên được tổ chức tại Goteborg vào ngày 9.3.96 (20 tháng Giêng năm Bính Tý). Ngày đó có sự tham dự và chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thủ Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Á Châu. Trong buổi lễ Phật này có hơn 150 Phật tử tại Goteborg và một vài vùng khác như Malmo và Boras về tham dự. Sau thời pháp, Thượng Tọa Tổng Thủ Ký đã kêu gọi bà con Phật Tử hiện diện đóng góp định kỳ hàng tháng để đi đến việc thành lập một Niệm Phật Đường tại đây, số người ghi tên độ 50 và trung bình mỗi tháng đóng góp được 5.000 Kr (tiền Thụy Điển), như thế là đủ để có thể thuê một nơi làm Niệm Phật Đường. Buổi lễ xong, tinh thần Phật Tử tại địa phương rất phấn khởi, nên Đại Đức Lệ Nguyên đã họp các Phật Tử để xúc tiến đi thuê mượn một nơi làm Niệm Phật Đường.

Qua 3 tháng tìm kiếm một căn hộ được thuê với giá 4.702 Kr mỗi tháng và căn hộ đó được đặt tên là Niệm Phật Đường Phật



Đang giới thiệu Ban Hộ Trì Tam Bảo

Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Như Điển và Thượng Tọa Thích Nhất Chơn cũng như sự thuận ý của Đại Đức Thích Lệ Nguyên là nên về thành phố Goteborg, Thụy Điển, để hành đạo. Đây là thành phố lớn thứ hai tại xứ Thụy Điển này. Tại đây có rất nhiều người Hoa và người Việt sinh sống, nhưng gần 20 năm nay vẫn chưa có một ngôi Chùa hoặc một ngôi Niệm Phật Đường nào. Thế là Thầy Lệ Nguyên từ Na Uy qua sinh hoạt với các Phật Tử tại địa phương này từ cuối năm 1995 như thăm viếng, cầu an, cầu siêu, tống táng v.v... Sau những lần làm lễ như thế Đại Đức Thích Lệ Nguyên đã được quý Phật Tử yêu cầu ở lại tại địa phương để giúp đỡ họ về vấn đề tinh thần. Sau đó Đại Đức có liên lạc với Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Thượng Tọa Thích Như Điển để hỏi ý kiến. Quý Thầy trong Giáo Hội rất hoan hỷ khi thấy rằng nhu cầu Phật sự tại

Quang tại địa chỉ:
Skolsparet 17. I - 162
42431 Angered Goteborg - Sweden
Tel. 031. 435 408

Để Niệm Phật Đường có thể làm lễ An Vị Phật vào ngày 21.6.1996 nên chú Phật Tử tại địa phương đã cùng Thầy Lệ Nguyên đến Chùa Viên Giác ở Đức thỉnh tôn tượng Đức Bồ Tát và Đức Quan Thế Âm Bồ Tát về an trí tại nơi đây và vào lúc 18 giờ chiều ngày 21.6.1996 buổi lễ An Vị Phật được thực hiện dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Minh Tâm đến từ Pháp và Thượng Tọa Thích Như Điển đến từ Đức. Hôm đó có khoảng 40 Phật Tử tham dự, trong số đó có 12 Phật Tử đến từ Malmo.

Vào lúc 20 giờ 30 cùng ngày một phiên họp khoáng đại của các Phật Tử tại địa phương đã được nhóm họp, dưới sự chứng minh của nhị vị Thượng Tọa và Đại Đức Lệ Nguyên.

Một Ban Hộ Trì Tam Bảo đã được thành lập như sau:

• Ban Cố Vấn

Thượng Tọa Thích Minh Tâm - Thượng Tọa Thích Tấn Thiệt - Thượng Tọa Thích Như Điển - Thượng Tọa Thích Thiện Huệ.

• Trụ Trì kiêm Hội Trưởng:

Đại Đức Thích Lệ Nguyên
Phó Hội Trưởng Nội Vụ: ĐH Nguyễn Văn Xết

Phụ Tá Nội Vụ: ĐH Võ Văn Hoàng
Ngoại Vụ: ĐH Nguyễn Thị Cẩm Thúy
Thư Ký: La Bá Châu

Thủ Quỹ: Diệp Bảo Quế

• Ban Nghi Lễ: Các ĐH. Năng Kim Liêu - Nguyễn Thị Lan - Nguyễn Thị Đặng.

• Ban Trai Soạn: Tống Thị Lệ - Nguyễn Thị Hoa - Nguyễn Thị Chúc - Phạm Thị Mai - Ông Thị Thu - Thạch Thị Bích Thu - Phạm Thị Lan - Trần Nhước Sâm - Nguyễn Thị Bé Năm - Châu Lệ Anh - Lý Láng - Trần Mỹ Linh - Lê Hương - Nguyễn Thị Hạnh - Châu Ly Kiến.

• Ban Văn Mỹ Nghệ: Phạm Huy Mạnh - Hiên Phát Hùng - Trần Văn Minh - Nguyễn Tuấn Hùng

• Ban Báo Chí: Diệp Bảo Quế & La Bá Châu.

Đây là hình thức của một Hội Phật Giáo Việt Nam tại Goteborg trong tương lai; những ở trong giai đoạn hiện tại là hình thức của một Ban Hộ Trì Tam Bảo. Dưới sự chứng minh của nhị vị Thượng Tọa, cuộc họp đã được thông qua một số vấn đề cơ bản pháp lý trong khi điều hành cơ sở Niệm Phật Đường này. Phiên họp đã kết thúc vào lúc 22 giờ cùng ngày. Mọi người đã hoan hỷ và cùng phát nguyện cố gắng để chung lo làm việc đạo

Vào lúc 15 giờ ngày 22.6.1996 tại Hội trường Gamlestadensmedborgarhus (trong thành phố Goteborg) một lễ công cộng được tổ chức để đón mừng ngày Đức Phật Đản Sanh lần thứ 2540 dưới sự chứng minh của nhị vị Thượng Tọa, có hơn 300 Phật Tử từ Goteborg, Malmo, Borås, Gnosjon, Đan Mạch và Na Uy về tham dự.

Sau bài diễn văn khai mạc của Đại Đức Trụ Trì kiêm Hội Trưởng là đạo tử của Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, sau đó Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu đã đọc văn thư công cử Đại Đức Thích Lệ Nguyên do Thượng Tọa Thích Minh Tâm đại diện Giáo Hội Âu Châu ấn ký rằng Đại Đức Thích Lệ Nguyên sẽ về lo Phật sự tại Goteborg, Thụy Điển, theo tinh thần 2 buổi họp tại Chùa Khuông Việt, Na Uy, có sự tham dự đồng đủ chư Tăng, Ni thuộc GHPGVNTN Âu Châu vào ngày 7.1.1996 và ngày 7.4.1996 cũng như quyết định của Thượng Tọa Đặc Ủy Tăng Sự thuộc GHPGVNTN Âu Châu.

Sau đó thành phần Ban Hộ Trì Tam Bảo Niệm Phật Đường Phật Quang đã được giới thiệu với quý Phật Tử hiện diện và buổi lễ tụng kinh Khánh Đản đã được cử hành.

Sau thời kinh Khánh Đản là lễ Quy Y Tam Bảo và tiếp theo sau đó là thời thuyết pháp của Thượng Tọa Thích Như Điển về 10 lời hạnh nguyện của Đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.


Quý Phật Tử giải lao, dùng cơm tối và tiếp theo là chương trình văn nghệ của các anh em thanh niên Phật Tử tại địa phương. Tuy chương trình văn nghệ chưa có gì đặc sắc; nhưng cũng nói lên được tinh thần cố gắng của thành phần trẻ tại địa phương và hy vọng đây là cái nhân tố lúc ban đầu để cho lớp trẻ ngày mai có cơ hội gần gũi đạo pháp nhiều hơn nữa.

Mọi người ra về trong niềm hoan hỷ vô tận và hy vọng rằng mặt trời tại xứ Bắc Âu này vẫn soi sáng mãi mãi trong lòng người con

Phật mặc cho mùa đông lạnh có tuyết giá phủ đầy, hay hè sang có giông bão, mưa phùn, mặt trời ấy sẽ là một mặt trời của Trí Tuệ, mặt trời của chân lý mà mọi người con Phật cần phải hướng đến để phá tan màn vô minh tội lỗi và mong rằng tất cả mọi người con Phật nơi đây thừa hưởng được ân đức ấy tận tu đạo nghiệp.


Mong rằng với tinh thần cầu tiến học hỏi giáo lý giải thoát, giác ngộ của Đức Thế Tôn, tất cả chúng ta sẽ tay trong tay, lòng với lòng cùng đồng tâm hiệp ý với nhau để gánh vác việc đạo trọng đại này để ánh sáng Từ Bi lợi tha của Đạo Phật được trải rộng khắp muôn nơi.

Mừng lễ Phật Đản 2540



Hai ngàn năm trăm bốn mươi năm trước,
Ngày rằm tháng tư yên vui thanh bình,
Thái Tử Tất Đạt Đa đã giáng sinh
Vào làm con Tịnh Phạn Hoàng Đế,
Trong nước thuần lương Ca Tỳ La Vệ.
Ngài sinh ra có tướng quý hơn người.
Theo bảy bước đi sen nở sáng ngời.
Tiên tri Ngài không lên ngôi chín bề
Những danh Ngài vang năm châu bốn bể.
Ngài sẽ là Tử Phụ của chúng sinh
Đang ngập lặn trong thống khổ vô minh.
Ngài ưu tử trong cung vàng điện ngọc,
Bốn tướng khổ chữa tìm ra phương thuốc,
Cảnh vô thường giăng mắc đến vô cùng.
Ôi, nhân sinh chốc có chốc là không.
Phải tìm cho ra con đường diệt khổ,
Thoát khỏi bến mê sang bờ giác ngộ.
Hạnh nguyện này Ngài quyết chí thi hành.
Thừa lúc canh khuya từ bỏ gia đình,
Nhìn vợ con không một lời tử biệt.
Đời vương giả đến đây là đoạn tuyệt.
Sáu năm theo các đạo sĩ khổ tu,
Đích giải thoát vẫn vờ vịt tuyệt mù.
Sau Ngài tìm ra con đường trung đạo
Cho khỏe thân và tinh thần tỉnh táo.
Bốn mươi chín ngày yên tĩnh tham thiền,
Tâm Ngài trở nên rộng rãi vô biên.
Biết rõ ràng cách diệt trừ đau khổ,
Và giải thoát khỏi luân hồi sinh tử.
Bốn chín năm hoàng đạo bốn phương trời.
Ngài chính là Tử Phụ của muôn loài.

• Hoàng Dục



• Truyện ngắn

NƯỚC MẮT CHẢY XUỐNG

của VŨ QUANG

***Lời mở đầu.** Đây là chuyện có thật xảy ra tại Bình Định. Tác giả viết theo lời kể lại của một người bạn, cựu tù nhân tại trại Nước Nhóc; Vì một số các nhân vật trong truyện - mà thực tế chỉ là nạn nhân của những xu thế chính trị giai đoạn - hiện vẫn còn sống, nên tác giả thấy cần phải thay đổi danh tính lẫn địa danh để bảo đảm an toàn cho họ. Mặt khác, tác giả cũng tự cho phép tiểu thuyết hóa phần nào, để câu chuyện bớt đi phần thô bạo của nó.*

Trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, những người Cộng sản Việt Nam, trong cuộc vận động chính trị cho cái mà họ gọi là "Cách Mạng giải phóng" đã cố tình phá hoại nền phong hóa và luân lý truyền thống của dân tộc, mà đối tượng chính là con người. Họ muốn biến con người Việt Nam thuần lương, trọng luân thường đạo lý, quý tình nghĩa thủy chung - vốn vì đã chịu ảnh hưởng lâu đời của nền Tam giáo đồng nguyên Khổng, Phật, Lão - thành những con người máy, không óc, không tim, tàn ác, vô luân, chỉ biết mù quáng tuân theo lệnh Đảng, mà ngoảnh mặt làm ngơ trước những khổ đau của nòi giống.

Những qua câu chuyện dưới đây, chúng tôi thấy rõ là họ đã thất bại. Con người vẫn là Con Người Muốn Thuở, và Người Việt vẫn là Người Việt Muốn Đời. Dù cho là họ bị CS đầu độc đến mấy chăng nữa, thì cái thiên lương của họ cũng vẫn còn, để luôn luôn soi sáng cho họ, để rồi đến một ngày họ sẽ thức tỉnh, thấy rõ hết sự thật, biết rõ đã bị CS lừa phỉnh. Tất nhiên đến lúc đó họ sẽ phản kháng đến cùng, và sẽ hợp sức nhau tạo sức mạnh làm một cuộc cách mạng chân chính và toàn diện, hầu xây dựng lại con người, với đầy đủ nhân tính, nhân quyền, trong một xã hội Tự Do và Dân Chủ. hợp lòng dân, và hợp với trào lưu thế giới ngày nay, trong đó con người sẽ luôn luôn là cứu cánh chứ không còn là phương tiện như trong xã hội cộng sản.



Ngày Hiếu nhập trại thì nhà giam này vừa có một người tù mới chết. Chàng được cán bộ sắp xếp cho nằm lấp vào chỗ trống đó, cạnh ông Giáo Thời. Hiếu quen ông ta từ đó. Ông Giáo già,

trên bày mũi, gầy dẹt như một cành củi khô, tóc, râu, chân mày đều bạc trắng, miệng móm xồm vì không còn cái răng nào. Hiếu vào trại chỉ một thời gian ngắn, Ban Giám Thị đã nhận xét, tuy cũng là tù cải tạo, nhưng dù sao thì Hiếu cũng có công với Cách Mạng, lại là Bác sĩ mang quân hàm Đại úy, nên cho chàng làm Trưởng phòng Y tế trại. Hiếu thấy ông Giáo Thời già yếu, lại hay đau, nên đề nghị cho ông khỏi đi lao động bên ngoài, mà chỉ làm việc nhẹ bên trong trại, như quét dọn, tưới hoa mà thôi. Ông Giáo cảm ơn chàng hết sức.

Được cái, tuy già, tính ông Giáo vui vẻ, còi mòm, tuy nói hơi nhiều. Chiều hôm nay, ông được thăm nuôi, nên ông càng vui, càng nói nhiều hơn mọi ngày, ông nói huyền thuyên, đủ thủ chuyện. Anh em trong nhà giam, kè nghe người không, nhưng tất cả đều không mấy chú ý. Bởi vì những điều ông Giáo nói, họ đã nghe quá nhiều lần. Đại khái là gia đình ông phúc đức đã ba đời, con trai, con dâu ông đều hiểu thảo, nên ông mới sống đến ngày nay. Ông kể lại rằng, ngày xưa ông đỗ bằng *Bô-ri-me*, được bổ làm giáo viên dạy trường làng ông. Ông dạy có đến trên hai mươi năm mới về hưu. Học trò ông, lớp trước, lớp sau, nay đã có vợ, có con đùm đề, có người đã có sui, có gia, cháu nội, cháu ngoại đầy đàn. Sau khi về hưu, cũng do sự thúc đẩy và vận động của đám học trò cũ, ông được bầu làm Xã Trưởng làng ông. Làng ông dân nghèo, hầu hết đều thất học. Ông cho rằng con người dù ít dù nhiều phải có chút văn hóa thì mới mong khá được, văn minh được. Do đó, trong ba năm làm Xã Trưởng, ông đã cố vận động đồng bào xây cất cho xã nhà một trường Tiểu Học 5 lớp, thay vì trường ba lớp như trước kia. Vừa lúc thăng Đức, con trai độc nhất của ông vừa ra trường Sư Phạm hai năm ở Qui Nhơn, và được bổ ngay về làm Hiệu Trưởng trường đó. Ông vui mừng hết sức. Một năm sau, ông cưới vợ cho nó. Ông góa vợ từ lâu. Nay được con dâu hiểu thảo, ông cũng mừng. Sau ngày "giải phóng", tất cả cán bộ Xã, Ấp trong vùng đều bị bắt bỏ bao thầu biển. Riêng ông, cũng nhờ đám học trò cũ - nhiều người cũng là cán bộ cách mạng - che chở, bao bọc, nên ông chỉ bị đi cải tạo mà thôi. Họ đưa ông lên tận trại Nước Nhóc xa xôi này, cũng chỉ vì để tránh tiếng bàn tán, so bì của người đời mà thôi. Lần nào nói xong, ông cũng kết luận như vậy, rồi cười hà hà, ra điều mãn nguyện lắm.

Ông Giáo rất mến Hiếu. Và chàng, vốn là nhà giáo, ông rất trọng tình nghĩa. Chắc ông cũng nhờ ơn chàng đã đề nghị cho ông được làm việc nhẹ, lại hay săn sóc ông lúc đau ốm, nên lần nào được thăm nuôi, ông cũng mời chàng ăn, gọi là "để cho vui" như ông vẫn thường nói. Hiếu biết rõ hoàn cảnh chàng, sẽ không có ai thăm nuôi, nên nhiều lần chàng từ chối mà không được. Chiều nay cũng vậy.

Ăn được một chốc, chừng như đã qua cơn thèm, ông Giáo ngừng ăn, nói với Hiếu:

"Ông Bác sĩ biết không. Hồi xưa, lúc ông thân tôi còn tại thế, cứ mỗi lần giỗ chạp, ông thường giải nghĩa cho tôi hiểu hai câu liên bằng chữ Hán cần xa cử trên gỗ treo hai bên bàn thờ. Thú thiệt, ông thân tôi hồi xưa giỏi chữ Hán lắm, chủ thì sau này theo học chữ Tây nên chữ Hán kể như mù tịt. Mà chắc ông

Bác sĩ đây, cũng là người Tây học. Thôi tôi cũng mạn phép, đọc và giảng nghĩa lại ông Bác sĩ nghe chớ. Hai câu đó như vậy nè: "Tiết hữu tử thời, xuân vi thú", "Nhân sinh bách hạnh, hiếu vi tiên". Nghĩa là thời tiết có bốn mùa, thì mùa xuân đứng đầu. Còn người sinh ra ở đời, có trăm cái hạnh, thì chữ hiếu trước hết. Hồi thăng Đức tôi khôn lớn tôi cũng giải thích cho nó, y hệt như ông nội nó giải thích cho tôi vậy. Coi vậy, mà thăm nuôi lâu ngày cũng ảnh hưởng dữ lắm đó, ông Bác sĩ à. Cũ như tôi ở trại này, tính cũng gần vài năm rồi, nếu mà vợ chồng thăng Đức bất hiếu, không thăm nuôi, chắc là tôi cũng chết ngum lâu rồi. Mà tôi để ý, lần nào lại nó thăm nuôi, cũng có ba vật cóm, ba cái trứng gà luộc, ý chừng vợ chồng nó thấy tôi già yếu, e chết bỏ xác trên này, nên cúng cơm trước như là để báo hiếu vậy mà. Cho nên tôi nghiệm ra rằng, cha mẹ nào đặt tên cho con, cũng là có dụng ý cả. Như tôi đặt tên con là Đức, là cũng có ý muốn nó gìn giữ lấy cái đức của gia đình tôi mấy đời vậy mà. Tôi đoán là hồi trước ông bà thân sinh của ông Bác sĩ, khi đặt tên cho ông, chắc là cũng nghĩ như tôi vậy, muốn sau này ông giữ chữ hiếu cho tròn đó mà".



Đêm bao phủ núi rừng trùng điệp. Đêm mịt mờ, vắng lặng. Con tắc-kè nằm đầu đờ trên mái nhà giam, cứ chốc chốc lại kêu lên ba tiếng tắc-kè, tắc-kè, như nhắc nhở Hiếu là đã khuya lắm rồi. Vậy mà chàng vẫn chưa ngủ được. Chàng nằm suy nghĩ, thắc mắc mãi về những lời ông Giáo Thời nói trong bữa ăn hồi chiều, chàng không hiểu là ông vô tình, hay cố ý mượn chuyện con dâu ông hiểu thảo, mà soi mói hay nói xỏ nói xiên chàng. Hồi đó tòa án tỉnh Nghĩa Bình đã dụng ý mở nhiều phiên tòa ban đêm để bảo vệ uy tín cách mạng. Sau khi lãnh án, công an đã công tay dẫn chàng ra xe bị bùng, giải chàng lên trại này ngay trong đêm. Hồ sơ vụ án chàng chắc là do Chi Bộ Đảng của trại bí mật cất giữ. Người ngoài, kể cả nhân viên công an thường không thể nào biết được. Còn đám tù nhân trong trại, bất quá cũng chỉ đoán già, đoán non rằng chàng là cán bộ cách mạng, bị lỗi sao đó, hoặc hủ hóa, hoặc tham ô bị đưa lên đây cải tạo một thời gian ngắn rồi thôi, hoặc sau cho thay tên đổi họ, đưa đến nơi khác làm việc như cách mạng vẫn thường làm. Vậy thì chắc những điều ông Giáo nói chỉ là do vô tình mà thôi. Và lại ông Giáo cũng chẳng có thù oán gì với chàng, trái lại còn thân nhau là khác.

Những bổng chàng sức nhỏ chuyện xảy ra hai tháng trước. Hôm đó chàng được lệnh, cùng hai người tù cùng làng chung trong phòng Y tế Trại, do một cán bộ công an vũ trang hướng dẫn về Qui Nhơn nhận thuốc. Khi xe chạy đến một chân đèo, giáp giới một làng Kinh, cách Bồng Sơn chừng vài chục cây số, thì dừng lại dưới gốc một cây mít già cần cỏi bên vệ đường. Chàng lúng túng vào một gian nhà tranh gần đó xin nước uống, bổng chàng chợt nghe tiếng hát ru con vắng vắng từ trong nhà vọng ra:

*... Á ơi! Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra,
Anh đi hăm mấy năm qua,
Anh về giết mẹ, giết cha lấy vàng! ...*

Tiếng hát nghe xa xôi, buồn dịu vợi, âm vang lan tỏa trong buổi xế trưa buồn vắng, đi thẳng vào lòng Hiếu, khiến chàng cảm thấy như đau nhói trong tim. Người đàn bà này là ai? Tại sao một nơi xa xôi, hẻo lánh như vậy, mà bà ta lại biết đến chuyện riêng tư của chàng. Chẳng lẽ việc gì, dù bí mật đến đâu, cũng không che mắt được nhân dân hay sao? Chàng thất thểu đi về chỗ xe đậu, thần thờ như người mất trí.

Hiếu lại mất ngủ. Đêm càng khuya. Bên ngoài, sương mù và khói núi mịt mờ một màu trắng đục, bao phủ núi rừng. Vài con chim rừng đầu đó thỉnh thoảng lại vỗ cánh nghe lật phật. Trong nhà giam, đám tù nhân, sau một ngày lao động vất vả, ngủ mê mệt, tiếng ngáy râm ran khắp phòng. Ngọn đèn treo trong góc phòng tỏa ánh sáng lờ mờ, vàng vọt. Nhà giam trông như một hang động huyền bí. Trong cơn chập chờn, nửa như ngủ, nửa như mê, Hiếu thấy rõ cha mẹ chàng hiện về đứng trước mặt. Cha chàng mặc quần trắng, áo dài đen như đêm ông đi ăn giỗ về, đang nhìn chàng đôi mắt trũng trũng. Mẹ chàng mặc quần đen, áo cụt đà theo thói quen của bà, cũng nhìn chàng với đôi mắt buồn dăm lệ. Họ không nói một lời nào với chàng cả. Một chốc hai người đi lững thững ra khỏi nhà giam, như hai cái bóng mờ, lằng đằng đang biến dần trong lớp sương mù dày đặc.

Suốt ba bốn đêm liền, cảnh đó tái diễn. Cha mẹ chàng lại hiện về, đứng nhìn chàng một chốc rồi ra đi lặng lẽ. Hiếu cảm thấy người yếu dần. Lúc nào chàng cũng có cảm tưởng như hai cặp mắt của cha mẹ chàng đang nhìn chàng. Một buổi sáng, Hiếu không ngồi dậy nổi nữa. Ông Giáo Thời đưa tay sờ vào trán chàng thấy ướt đầm mồ hôi, và nhìn thấy mắt chàng lộ đỏ như kẻ mất hồn. Ông hoảng hốt, vội chạy lên văn phòng Ban Giám Thị báo cáo và xin cho chàng nghỉ công tác để chữa bệnh.

* * *

Hồi đó nhà Hiếu ở Bình Điền. Cha mẹ chàng, ông bà Tú, chuyên nghề mổ heo bán thịt. Hàng ngày từ gà gáy đầu, ông Tú đã dậy cùng người cháu bắt heo làm thịt, xong sắp đặt làm hai gánh cho bà Tú và người cháu gánh ra chợ bán. Buổi trưa, tan chợ, hai người về. Bà giao tiền cho ông, để rồi ông cùng người cháu xách rọ đi dạo xóm mua heo, để sáng hôm sau lại làm công việc như ngày hôm trước. Cuộc đời bình lặng, cứ thế kéo dài. Hiếu có người chị, Hạnh. Hạnh học sơ sơ vài năm rồi ở nhà giúp mẹ. Hiếu là con trai duy nhất, lại là con út, nên được cha mẹ nuông chiều. Học xong Tiểu Học, chàng được cha mẹ gởi ra Quảng Ngãi, ở trọ nhà một người bà con xa để vào trường Trung học Lê-Khiết.

Năm 1951, Hiếu 18 tuổi, học đệ-tử niên, thi cuộc chiến tranh Việt-Pháp đến giai đoạn ác liệt. Chính quyền Việt Minh hồi đó ban hành chính sách "phòng tay phát động quần chúng, tận thu thuế nông nghiệp để chuẩn bị Tổng phản công". Trong khi tại Liên Khu V (1) các lớp "rèn cán chính quân" được mở liên tục khắp mọi nơi, thì tại trường Lê-Khiết có cuộc tuyển quân cấp tốc và đặc biệt. Vì sợ máy bay Pháp, lễ tuyển quân được tổ chức dưới bóng một rừng tre rậm rạp tại thôn

An Ba, trước toàn thể nam sinh từ các lớp Tân-niên trở lên, và có sự tham dự của Đại biểu Đảng, chính quyền và quân đội. Hiếu còn nhớ không khí tưng bừng, rộn rịp của ngày hôm đó. Chàng và tất cả các học sinh đều vỗ tay vang dội khi thầy Hà-Phan, một giáo sư danh tiếng của trường, Đại diện nhà trường lên diễn đàn. Thầy Hà-Phan, sau khi nhắc lại những trang sử oai hùng của dân tộc trong cuộc chống ngoại xâm, đã khuyến khích, cổ vũ học sinh tòng quân chống Pháp, bằng một bài cổ thi mà thầy đã dịch để cho học sinh đều hiểu. Giọng ngâm thơ sang sảng của thầy đã làm cho toàn thể học sinh cảm động mạnh:

*Tuyệt ám điêu kỳ sắc,
Phong ba tạp cổ thanh.
Ninh vi bách phu trưởng
Thắng tác nhất thư sinh.*

*Tuyệt bay trắng ngọn quân kỳ,
Gió dồn trống giục người đi sa trường,
Thà rằng cầm một trăm quân,
Còn hơn làm kẻ thù sinh buổi này.*

Hiếu tình nguyện tòng quân ngay hôm đó cùng một số đồng bạn bè. Vì là con trai duy nhất của gia đình, chàng được cho học y tá trong 6 tháng rồi mới về đơn vị. Năm 1954, Hiệp Định Genève chia đôi đất nước, đơn vị chàng được lệnh rút về Qui Nhơn. Chàng được kết nạp vào Đảng, trước khi xuống tàu tập kết ra Bắc. Tại đây, vì đã hòa bình, chàng lại được phép "bồi dưỡng nghiệp vụ" dài hạn tại Bệnh viện Hải Phòng. Năm 1960, chàng được đề bạt là Bác sĩ Quân y, đặc cách mang quân hàm Đại úy, giữ chức vụ Y sĩ Trưởng đơn vị Trung Đoàn sắp sửa vào Nam. Trước khi lên đường, Quân-ủy quyết định cưới Mân cho chàng. Mân lùn tịt, mập, xấu xí, lại ăn nói chanh chua. Hiếu không yêu nàng, nhưng đành chấp nhận vì là lệnh của Đảng. Và lại, Mân cũng là nữ y tá cùng đơn vị. Không may cho Mân. Sau một năm, trên đường hành quân vất vả, nàng đã chết trên đường mòn Hồ Chí Minh. Hiếu cùng anh em chôn cất nàng tử tế, nhưng lòng chàng không mấy xúc động. Có lẽ vì chàng đã chứng kiến quá nhiều cái chết, hoặc vì chàng không hề yêu Mân!

Tháng 4/75, sau ngày "giải phóng" Trung đoàn Hiếu được lệnh tiếp quản Bình Định, và riêng chàng được cử làm Giám đốc Bệnh viện Qui Nhơn. Sau những ngày đầu chiến thắng, "hồ hởi, phấn khởi" Hiếu cảm thấy buồn khi nhìn thấy cảnh cán bộ, bộ đội thì nhau đập phá những dụng cụ y khoa trong Bệnh viện mà họ cho là của Mỹ-Ngụy, trong lúc chàng thì tiếc vì đó là những phương tiện cần thiết và quý báu không dễ gì có được. Chàng lại càng buồn hơn, khi biết được tại thành phố Qui Nhơn, cán bộ đuổi dân, chiếm lấy nhà của tài sản một cách vô tội vạ, rồi bắt buộc chủ nhà phải làm giấy bán cho cán bộ để hợp thức hóa. Một lần Hiếu vào Sài Gòn họp, chàng thấy Sài Gòn cũng vậy. Lại thêm cảnh, trong số đồng bào tàn củ tử các tỉnh về Sài Gòn, một số không ít kẻ bất lương, trộm cướp, thừa lúc giao thời, thà cầu nước đục, chiếm tài sản, nhà của cửa đồng bào đi tản ra nước ngoài, rồi làm giấy tờ giả qua mặt

chính quyền mới, như tại các con đường lớn: Công Lý, Trần Quý Cáp, Tự Do, Lê Thánh Tôn v.v... Họ nghiêm nhiên trở thành chủ nhân ông những gian nhà đồ sộ, mà không cần bằng khoán, hạ đồ, hay giấy phép xây cất. Lâu ngày không còn ai tra cứu nữa. Mà tình trạng này, không chỉ xảy ra ở Qui Nhơn, Sài Gòn, mà lan tràn khắp các thành phố lớn ở miền Nam. Nha Trang, Đà Nẵng, Huế v.v... Dân chúng mất của cải tài sản, than trời khóc đất, nhưng chính quyền không buồn lưu ý tới. Rõ ràng, theo Hiếu thấy, cán bộ cách mạng giờ đây đã đồng hóa với bọn bất lương, bất chấp luật pháp, mạnh ai nấy ăn cướp. Thật tình Hiếu không rõ đây là chính sách đãi ngộ của cách mạng đối với những người có công với Đảng, với quan niệm cổ hủ của các đoàn quân viễn chinh xâm lược, là khi đã chiếm được miền Nam rồi, thì tất cả của cải, tài sản ở đây đều trở thành chiến lợi phẩm mà kẻ chiến thắng tha hồ vơ vét, hay là đây là sự buông thả, vô kỷ luật của những người quen sống ở rừng núi, không biết pháp luật là gì, nay trở về với cái bản chất tham lam vô bờ bến của họ? Nhưng dù gì chăng nữa cái cảnh chiếm đoạt, cướp bóc Hiếu thấy tận mắt cho phép chàng khẳng định Đảng không còn là một Đảng cách mạng nữa, mà đã biến chất để trở thành một Đảng cướp có tổ chức mà thôi.

Một ngày cuối tuần, Hiếu nhớ là ngày giỗ ông nội, chàng đạp xe về Bình Điền ăn giỗ và thăm gia đình. Hôm đó có đông đủ bà con, chòm xóm. Họ đến mừng chàng tập kết trở về đoàn tụ gia đình. Buổi chiều, khi mọi người đã về hết, sau bữa cơm tối của cả nhà, Hiếu thấy cha chàng vào bếp, bới đồng tro ở góc nhà, lấy ra một cái hộp nhỏ bằng thiết đã hoen rỉ. Ông cẩn thận mở cái hộp nhỏ, lấy ra những lượng vàng lá, gói trong những miếng giấy màu vàng. Ông đếm cẩn thận, rồi đưa cho Hạnh và Hiếu mỗi người 5 lượng, và nói: "Hai mươi năm nay cha mẹ làm ăn, để dành được chừng đó. Nay con về, cha cho mỗi con 5 lượng. Số còn lại là 5 lượng, cha để dành phần dưỡng già cho cha mẹ".

Hiếu chợt thấy Hạnh ứa nước mắt. Rồi bỗng nhiên nàng đưa tay cầm tay Hiếu, đặt một lượng vàng vào tay chàng, rồi nói trong tiếng khóc nức nở:

- Hiếu à! Em về cha mẹ và chị mừng hết sức, nhưng chị thấy trên hai mươi năm em làm cách mạng, giờ em về trong tay chẳng có một cái gì cả, mình trần thân trụ, tiền bạc không có, vợ con không có, nhà của không có; Thật là tội nghiệp cho em quá. Chị biết nhà mình làm ăn hồi giờ lương thiện, em không thể làm như họ được, nên chị cho em bớt một lượng, để em thêm vào của cha mẹ cho, cuối vợ, mua cái nhà xây dựng lại đời sống của em, chủ tuổi em cũng đã quá lớn rồi đó. Phần chị, thì dù anh Toàn, anh rể em đó, đi học tập cải tạo tại Kim Sơn, ở nhà mình chị làm cũng đủ nuôi nổi bốn cháu lần hồi đợi cha chúng nó về. Nói em biết, mình làm dân như khỉ gồ lần tròn, gặp thời nào phải sống theo thời đó. Hồi đó anh Toàn trúng tuổi quân dịch, mình nghèo, không có tiền chạy chọt cho mấy ông lớn, thì đành phải đi lính thôi. Nhưng anh may mắn được làm văn phòng, khỏi đi tác chiến, tuy chung lên lon, mười mấy năm chỉ được lên Trung úy thôi, nhưng khỏi chết. Giờ nhà nước bắt đi học tập

cải tạo, thì đành phải đi, chủ thực tế nào có tội lỗi gì đâu. Cũng như nhà của tài sản của đồng bào miền Nam này, là của mồ hôi nước mắt của họ làm ra, chủ đầu tư của Mỹ-Ngụy nào đâu. Chị thấy cán bộ tịch thu của họ thật là tội nghiệp, nhưng làm dân, thấp cổ bé miệng, đành cắn răng mà chịu, chủ kêu ca vào đâu bây giờ. Chị là đàn bà, ít học, thấy sao thì nói vậy. Còn em là cán bộ cách mạng, em nghĩ sao tùy em. Chị nghĩ là chỗ chị em trong nhà, chị mới dám nói, chủ với người ngoài, chị đành im lặng, vì nói ra, dù là nói đúng, nói phải, cũng bị kết tội là phản cách mạng, là vợ sĩ quan Ngụy, tay sai Mỹ-Ngụy, tay sai CIA, thì tù đầy em à.

Sáng ngày hôm sau, Hiếu đạp xe về Bệnh viện. Chàng nghĩ những điều chị Hạnh nói là những lời chân thành và thực tế. Đúng rồi! Anh rể chàng không có tội. Đồng bào miền Nam không có tội. Nếu Hiệp Định Genève chia đôi đất nước ở vĩ tuyến 13 thay vì 17 thì anh rể chàng giờ đây đứng về phe chiến thắng, và đồng bào ở tỉnh chàng đâu phải chịu cái cảnh thê thảm như ngày hôm nay. Nếu có tội chẳng là những nhà lãnh đạo, những người cầm quyền của cả hai miền Nam-Bắc kém thông minh, lại thiếu lòng nhân, không tìm ra được một giải pháp nào tạo được phúc lợi cho cả hai miền, lại đi nghe lời ngoại nhân, rồi lại vì quyền lợi đảng phái, gia đình, cá nhân, phe nhóm, cố tình tạo ra một cuộc chiến tranh nội đả xáo thịt mấy mươi năm, gây tang tóc, điêu linh cho cả giống nòi và đất nước, để rồi ngày hôm nay, khi đã có hòa bình, lại tiếp tục sai lầm bằng cách trả thù hèn mọn, độc ác, bằng cách chiếm đoạt tài sản, tạo hận thù chông chất, chia rẽ nhân tâm, biết đến bao giờ mới hàn gắn được. Từ ngày giải phóng, Hiếu đã thấy rất rõ những nhân viên y tế chế độ cũ làm việc với chàng ở Bệnh viện, lúc nào cũng như làm lý, ít nói, không cười, chỉ cậm cụi làm việc, thỉnh thoảng nhìn chàng và những cán bộ cách mạng khác với đôi mắt nghi ngờ, sợ sệt, như nhìn những hung thần, lúc nào cũng có thể đem lại tai họa cho họ. Hai mươi bốn năm rồi, kể từ ngày chàng đi bộ đội, chàng, các bạn chàng, những người trẻ tuổi cùng thế hệ với chàng, tất cả chỉ vì lòng yêu nước. Đến nay đa phần họ đã chết. Mồ mà họ rải dài trên dãy Trường Sơn, không người hưởng khói. Thân xác họ đã biến thành phân bón gốc cây rừng. Số còn lại, rất ít người còn lành mạnh, còn thì toàn là thường binh, bệnh binh, những con người gần như tàn phế, sống ngoài lề xã hội. Thân nhân họ, vợ con, cha mẹ âm thầm đau khổ, không kẻ đoái hoài! Trong khi đó thì những danh tú hoa mỹ, những khẩu hiệu đẹp đẽ vẫn giăng đầy trên các ngã đường đất nước, những cán bộ tai to mặt lớn, nhớn nhớn ăn sung mặc sướng, nhà cao ngõ rộng.

Càng suy nghĩ, Hiếu càng buồn. Hai chân chàng tự nhiên như mỏi rã rời. Chàng dừng xe, ngồi nghỉ bên vệ đường, đưa tay vào túi tìm chiếc khăn lau mồ hôi. Bỗng chàng chợt thấy cái gói nhỏ bọc sáu lượng vàng cộm cộm trong túi áo... Một ý nghĩ chợt thoáng qua đầu: Chàng muốn ra khỏi Đảng, trả lại cho Đảng cái bằng Bác sĩ, lẫn cái quân hàm Đại úy, xin nghỉ việc, trở về Bình Điền, sống cạnh cha mẹ. Chàng sẽ cưới một người vợ quê mùa, hiền lành. Vợ chàng sẽ bắt chước

mẹ chàng nuôi heo nái. Còn chàng sẽ sống bằng nghề của chàng, chữa bệnh cho đồng bào trong làng. Thu nhập vừa đủ sống, miễn là dứt khoát không còn dính dáng đến Đảng, đến chính quyền nữa. Hiếu nhớ lần trước, Đảng cưới vợ cho chàng. Chàng mặc nhiên chấp nhận sống với người vợ mà chàng không yêu. Nhưng hồi đó là thời chiến, hàng ngày bận rộn công tác, chàng sống với lý tưởng cách mạng, sống với bạn bè, đồng đội, nên không cảm nhận cô đơn. Bây giờ, trong cảnh hòa bình, mọi người ai cũng vội vã lo cho mình, chàng thật sự cảm thấy cô đơn. Chàng thèm khát một mái ấm gia đình, thèm khát được sống thoải mái bên cạnh những người thân yêu. Ý nghĩ chợt đến, vậy mà đã làm chàng vui vẻ, phấn khởi. Chàng nhớ nhớ đạp xe về Bệnh viện, vừa đạp vừa huýt sáo.

Tại Bệnh viện, Hiếu lại sống với tâm trạng buồn bã, thất vọng. Tình cờ chàng gặp Thúy và yêu Thúy. Định mệnh chăng? Duyên số chăng? Chàng chưa tìm hiểu. Người đàn ông 42 tuổi như chàng, đã hy sinh cả tuổi thanh xuân cho lý tưởng cách mạng. Nhưng giờ đây, sự thật phơi bày trước mắt lại quá phủ phàng. Chàng đã bị trình gạt, đã bị phản bội rồi chăng? Biết đâu gặp Thúy, yêu Thúy, cưới Thúy làm vợ, không là một cơ hội để Thúy trở thành một cái phao có thể vớt chàng ra khỏi vùng nước xoáy, hay là một chút ánh sáng cuối đường, sẽ rọi sáng cho chàng một cảnh sống mới, vui tươi và tràn đầy hy vọng!

Nhân một buổi tối, Hiếu phải thực hiện một ca mổ ruột thừa. Kể ra, mổ ruột dư cũng dễ, phẫu thuật cũng giản dị đi thôi. Thường thường, khi gặp ca như vậy, Hiếu thường giao cho các Bác sĩ chế độ cũ mà chàng biết rõ khả năng họ hơn mình. Nhưng lần này, chàng muốn đích thân làm lấy, vì bệnh nhân là ông già Hoàng, một y tá đã làm việc thâm niên tại Bệnh viện. Và lại, chàng cũng muốn sẵn dịp này, chứng tỏ cho mọi người biết rằng, dù là một Bác sĩ cách mạng, chàng không hề kỳ thị, hay phân biệt đối xử với những công chức thuộc chế độ cũ.

Trong phòng mổ, trong khi Hiếu làm việc thì Thúy giúp chàng máy chuyển lật vật. Thúy cũng là y tá của Bệnh viện, Hiếu đã gặp nhiều lần, nhưng vì trong Bệnh viện quá đông người nên chàng không để ý. Ca mổ hoàn tất. Bệnh nhân được đưa sang phòng hồi sức. Vì lương tâm nghề nghiệp, cử cách mỗi hai giờ, Hiếu lại đến phòng hồi sức thăm một lần. Tại đây, chàng lại gặp Thúy nhiều lần. Thì ra, giờ chàng mới biết, Thúy là con gái lớn của ông Hoàng. Thúy người dong dong cao, da trắng, mũi thẳng, không đẹp, nhưng hiền lành, phúc hậu. Sau nhiều lần chuyện vãn, Hiếu tự nhiên thấy yêu Thúy. Cho đến hôm ông Hoàng về nhà, và được phép nghỉ một tháng dưỡng bệnh, củ buổi chiều, khi tan sở, Hiếu lại đến nhà ông ta, ở phía sau Bệnh viện, lấy cớ thăm bệnh nhân, kỳ thật là để gặp Thúy. Lâu ngày, hai người yêu nhau.

Lại thêm một điều bực mình đến với Hiếu. Chẳng là chuyện chàng và Thúy yêu nhau, không bao lâu đã đến tai Chi Bộ Đảng của Bệnh viện. Liên tiếp trong ba đêm liền, chàng được Chi Bộ gọi đến "làm việc". Chàng bị kết tội là đã yêu gái Ngụy, và bị

buộc phải làm bản kiểm điểm nhận tội và để chuộc tội, chàng phải dứt khoát bỏ Thúy, nếu không Thúy sẽ bị sa thải tức khắc. Chàng căi, tự biện hộ là không có tội, khi chàng chưa vợ, yêu gái chưa chồng. Tuy nhiên chàng biết là vô ích. Từ ngày vào Đảng, chàng đã quen cách sinh hoạt của Đảng. Hiện nay, tuy chàng là Giám đốc Bệnh viện, nhưng mọi chủ trương hay quyết định dù thuộc lãnh vực chuyên môn cũng đều do Đảng quyết định cả. Lần này, không phải chàng bệnh vực Thúy, nhưng chàng thấy sự việc rõ ràng là quá vô lý, bất nhân. Chàng không thể chấp nhận chủ trương quá độc đoán của Đảng. Thúy có tội gì chứ? Nàng 30 tuổi. Khi Hiệp Định Genève ký kết, nàng mới lên mười. Ở đời có ai chọn cha mẹ mà sinh ra đâu? Mười tuổi đầu, tất nhiên sống với cha mẹ, gia đình, và nàng đâu có quyền chọn lựa sống bên này hoặc bên kia vĩ tuyến 17. Lớn lên nàng học y tá, và được tuyển làm việc tại Bệnh viện. Vậy tại sao lại gọi nàng là gái "Ngụy", rồi bao nhiêu tội lỗi đều đổ trên đầu nàng cả. Hồi 1960, Đảng quyết định chàng cưới Mân. Hồi đó chàng chấp nhận. Nhưng giờ thì không. Đảng không thể tiếp tục xen vào đời sống riêng của cá nhân, khi đời sống đó không có gì trái với chính sách của Đảng. Đảng đã chẳng rêu rao rằng đồng bào miền Nam là ruột thịt đấy sao? Vậy tại sao Đảng lại phân biệt đối xử, lại chủ trương chia cắt. Quả thật Đảng nói một đường, làm một nẻo. Chàng và Thúy yêu nhau có gì sai trái? Tại sao Đảng lại muốn ngang nhiên chà đạp lên tự do, hạnh phúc của kẻ khác. Danh từ "ngụy" có nghĩa gì chứ? Ai là ngụy ai là chính? Sao không để cho lịch sử phán quyết? Chàng lẽ vì tự cho mình là kẻ chiến thắng rồi muốn nói sao cũng được, kể cả việc vô đoán, hiếp dâm danh từ!

Hiếu thật sự bất mãn. Ý nghĩ bỏ Đảng, xin thôi việc, củ như con ốc, xoáy sâu vào đầu óc chàng. Càng bất mãn, Hiếu càng cương quyết. Vì yêu Thúy, chàng quyết bảo vệ nàng cũng như bảo vệ lẽ phải với bất cứ giá nào. Một buổi chiều cuối tuần, được biết là ông Hoàng đã lành bệnh hẳn, Hiếu đến thăm ông, mang theo hai chai rượu, mượn cớ mừng ông bình phục, mà thực ra là để ngỏ lời cầu hôn. Ông Hoàng không từ chối, nhưng nói rằng Thúy chỉ là một y tá, địa vị tầm thường, còn Hiếu là một Bác sĩ, lại là cán bộ cách mạng, Giám đốc Bệnh viện, sự cách biệt quá xa, nên ông có điều khó nghĩ. Tuy nhiên, ông hứa sẽ hỏi ý kiến con gái, và trả lời Hiếu sau. Cuối tuần sau, Hiếu lại đến. Lần này thì Thúy tiếp chàng. Nàng thành thực trình bày hoàn cảnh của mình: Mẹ nàng mất sớm, nàng là con gái lớn đành phải nghỉ học, học lớp y tá cấp tốc, đi làm, giúp cha nuôi nấng đứa em còn đang tuổi đi học. Nay cha nàng đã già, lại bệnh, thêm sắp sửa về hưu, nếu nàng lấy Hiếu, theo chàng về Bình Điền, e gia đình không ai gánh vác. Hiếu tin Thúy. Mà thực tế chàng cũng thấy rõ như vậy, chàng nể nể. Vì yêu, Thúy đành chấp nhận, nhưng nàng nói với Hiếu, hãy để từ từ, nàng bàn lại với cha, sắp xếp việc nhà. Sau đó mấy ngày, Hiếu đến gặp Thúy, trao cho nàng năm lượng vàng, bảo nàng cất giữ, vì để trong Bệnh viện không được bảo đảm.

Khi trao vàng cho Thúy giữ, Hiếu hy vọng nàng yên tâm. Bây giờ, chàng muốn làm

đám cưới thật lớn, mời tất cả nhân viên Bệnh viện, các đồng chí trong Chi Bộ, và tất cả bạn bè. Như vậy, chàng tính một lượng vàng còn lại không đủ. Muốn của Hạnh thì không được. Anh rể chàng đang còn học tập cải tạo tại Kim Sơn, chưa biết ngày nào về. Hạnh làm ruộng cho Hợp Tác Xã, tính điểm mỗi ngày công chỉ được một kí lúa tười, mà phải đợi đến thu hoạch mới được nhận, làm sao đủ sống và nuôi bốn đứa con. Năm lượng vàng cha mẹ cho, Hạnh đã cho chàng một lượng. Số còn lại, chị chàng rất cần để vượt qua giai đoạn khó khăn này. Chỉ còn cách là về Bình Điền mượn lại của cha mẹ, mà chàng biết là cha mẹ chàng chưa dùng đến. Bởi vì, từ ngày thôi nghề mổ heo, nhà còn ba sào ruộng, mẹ chàng lại nuôi heo nái, chắc là thu nhập cũng đủ cho hai vợ chồng già.

Thế là Hiếu đạp xe về Bình Điền. Đến nhà, trời sấm tối, lại mưa lâm râm. Cha chàng đi ăn giỗ ở làng bên, tối mới về. Hiếu năn nỉ mẹ. Nhưng mẹ chàng từ chối, vì theo bà nói vàng bạc do cha chàng cất giữ, và dặn chỉ dùng vàng đó khi trăm tuổi già mà thôi. Hiếu năn nỉ cách nào bà cũng mặt mũi chối từ, vì bà không biết chồng bà cất giữ ở đâu. Hiếu lục lạo cùng khắp, từ trong nhà đến ngoài vườn đều không thấy. Chàng thất vọng, chán nản quá. Đến lúc mẹ chàng vào bếp, Hiếu đến đứng bên cạnh năn nỉ. Không kết quả. Quá bực mình, Hiếu bắt ngó đĩa hai bàn tay bóp vào cổ mẹ, cốt ý dọa bà. Chuyện không ngờ, là sau khi chàng bỏ tay ra, mẹ chàng ngã xuống như một cái cây bị đốn gãy. Hiếu hoảng hốt, đưa tay sờ vào mũi mẹ, thì bà đã tắt thở. Chàng sợ nếu cha chàng về bắt gặp, thì sự việc sẽ bị phát giác, rất là nguy hiểm. Chàng vội lấy chiếc chiếu bó kín thi hài mẹ, rồi ra sau nhà lấy cây cuốc. Trời tối, lại mưa. Chàng vác mẹ, tay xách cuốc, đi ngó tắt ra khỏi nhà, men theo bờ rẫy, cách nhà một khoảng thì đến đám rẫy của nhà. Chàng đặt mẹ xuống, lặng lẽ đào huyệt chôn cất mẹ. Xong công việc, trời bỗng nổi cơn mưa lớn. Hiếu đội mưa, vội vã về nhà, nước mưa và nước mắt chan hòa phủ đầy mặt.

Đến nửa đêm ông Tú mới về, bước đi lạng quạng, có lẽ vì say rượu. Hiếu thấy tim mình đập mạnh. Để bắt hồi hộp, trong lúc chàng vội lấy áo quần cho ông Tú thay, chàng nói ngay với cha chàng là mẹ chàng đã chết bất ngờ vì bệnh dịch hạch. Khi chàng từ Bệnh viện về đến nhà thì đã thấy mẹ chết. Vì là Bác sĩ chàng biết bệnh dịch hạch là bệnh truyền nhiễm, không thể để lâu được, nên chàng đã vội chôn mẹ nơi đám rẫy phía sau nhà. Ông Tú tin chàng. Một chốc sau, có lẽ nước mưa thấm vào người ông Tú như tình rượu, bảo chàng đưa ông ra mộ vợ. Trời tối như mực. Hiếu cầm cây gậy dò đường, đi chậm rãi. Tối rồi, ông Tú bỗng té nhào trên mộ vợ, và khóc rống lên. Hiếu hoảng hốt, sợ chòm xóm biết được. Rồi không biết vì quá sợ, hay do một động lực nào thúc đẩy, sẵn cây gậy trên tay, chàng quờ lên, đập mạnh vào đầu ông Tú. Ông gục đầu, nằm im bất động. Hiếu đứng sững sờ nhìn cha trong bóng tối. Nhưng chỉ một phút sau, ông Tú chợt ngóc đầu dậy, quay nhìn Hiếu, và nói trong hơi thở đứt quãng: "Hiếu à, con chạy về nhà ngay, lấy năm lượng vàng cha để trong cặp lốp xe đạp cũ treo trong xó nhà bếp đấy kẻo để chậm người ta lấy mất". Nói

xong, ông gục đầu nằm im như một người chết.

Trong nhà lao Qui Nhơn, Hiếu được biết là Thúy đã hai lần đến thăm chàng, nhưng không được gặp vì không phải là thân nhân ruột thịt. Rồi Hạnh đến thăm. Gặp em, Hạnh nghẹn ngào, nức nở không nói được. Mãi đến khi cán bộ đến giục vì đã gần hết giờ, Hạnh mới nói cho Hiếu biết là hôm đó do đồng bào phát hiện, Hạnh đến thì cha nàng chỉ bị thương nặng ở đầu. Hạnh đem ông về luôn nhà nàng, săn sóc thuốc men. Vì vết thương quá nặng, ông như người mất trí, nói năng lâm nhảm, chỉ thỉnh thoảng mới nhắc đến Hiếu, và trông cho Hiếu được khoan hồng, về nhà lo lấy vợ chủ lớn tuổi quá rồi. Hai tháng sau, ông mất. Hạnh đã chôn cha gần mộ mẹ nàng.

*
* *

Về phía nam trại Nước Nhóc, cách hai ngọn núi lớn, cây cối um tùm, đến một ngọn núi thấp, trọc, cây cối mọc lưa thưa, xen kẽ, gọi là núi Mỏ. Những hôm sáng trời, không có sương mù che phủ, đứng xa nhìn về phía núi Mỏ, những hòn đá đen, lớn có nhỏ có, nằm la liệt từ chân núi lên tới đỉnh núi, trông xa như một đàn trâu nằm phơi nắng. Từ lâu, những người thợ đá, từ miền Kinh, mang theo lương thực, lên đây dựng lều, làm trại, ở luôn một hai tháng, chẻ đá, đục đẽo làm thành những chiếc cối giã, cối xay lớn nhỏ đủ cỡ, đem về bán cho đồng bào miền Kinh.

Một dạo có tin đồn, một người thợ đá may mắn, khi chẻ đá, bắt gặp trong giữa lòng một tảng đá lớn, một số vàng, hình buồng cau, trái cau, mâm bát, lộc bình, nằm lẫn lộn với những thoi vàng ròng. Người ta nói đó là vàng của người Chiêm Thành ngày xưa còn cất giấu. Tiếng đồn lan đến trại Nước Nhóc. Anh em tù bàn tán xôn xao. Nhưng Ban Giám Thị trại đã lập tức dập tắt ngay, vì cho rằng tin đồn thất thiệt, nhảm nhí, dị đoan.

Thế nhưng một đêm, Hiếu được Chi Bộ Đảng của trại gọi lên "làm việc". Chàng được thông báo là trại sẽ chọn 30 người tù khỏe mạnh đến núi Mỏ chẻ đá đem về xây móng làm nhà cho cán bộ. Đoàn tù sẽ công tác hai tháng tại đó. Hiếu được chỉ định tham gia công tác, nói là để lo sức khỏe cho tù, nhưng bên trong là để theo dõi, nếu có tù nhân nào tìm thấy vàng thì phải tịch thu ngay, đem về cho Chi Bộ, và sẽ được thưởng bằng cách cho hưởng khoan hồng rút ngắn thời gian cải tạo, để mãn án sớm.

Hiếu nhận lệnh, những khi nghe đến vàng, hai ba đêm liền chàng mất ngủ. Vàng! Vàng! ... Vàng sẽ ám ảnh chàng bao lâu rồi! Vàng đã đem đến cho chàng bao cơn ác mộng hãi hùng! Vì vàng chàng đã phạm tội ác tày trời giết cả cha lẫn mẹ. Chàng không bao giờ quên lời dặn của cha chàng lúc lấy vàng trong đôi lốp xe đạp, trong khi ông hấp hối. Mẹ chàng đã trên hai mươi năm chờ đợi con, mà khi người con thân yêu trở về, lại chính hắn đã nhẫn tâm giết bà. Chàng không trách Thúy, vì yêu chàng, nàng đâu có đòi hỏi đám cưới phải rình rang. Bởi chàng bất mãn, bởi chàng tự ái, muốn làm đám thật lớn để rồi sau đó đứt khoát với Đảng luôn để trở về

Bình Điền sống như một người dân bên cạnh mẹ cha và người vợ yêu quý là Thúy. Cũng vì vàng, mà ngày nay chàng đã vào tù với bản án chung thân. Vì vàng, thành tích hai mươi năm làm cách mạng trong một lúc đã tan thành mây khói. Chàng ghê tởm, thù hận vàng! Chàng nhất định chối bỏ nó.

Sau hai tháng công tác, toán tù 30 người đã trở về trại. Họ kiêng theo những viên đá đen chẻ nhỏ, chất thành hàng dài, chuẩn bị làm nhà cho cán bộ. Nhưng toán công an võ trang đã báo cáo với Ban Giám Thị trại là cải tạo viên Trần Hiếu đã trốn trại. Tất nhiên, Ban Giám Thị phải làm báo cáo gấp lên cấp trên, nói rằng họ đã cố truy tìm nhưng không bắt lại được. Thực ra, họ yên trí là Trần Hiếu không thể nào trốn thoát mạng lưới nhân dân bủa vây xung quanh trại. Nếu hắn không chết vì đói, thì cũng chết vì bị thú rừng ăn thịt. Rồi thôi. Việc Hiếu trốn trại được đám tù nhân bàn tán một thời gian ngắn rồi tất cả lùi vào quên lãng.

Cho đến một buổi chiều, nửa năm sau đó, trong lúc toán tù thuộc đội "lâm sản" đi rừng về, một số tù đã nhìn thấy trên triền núi, hai người Thượng, một nam một nữ đang bẻ bắp. Mặt trời gần lặn. Họ nghe rõ tiếng người đàn bà nói với người đàn ông: "*Hé, hé, bở rốc tí nôm cỡ*" (2). Người đàn ông nghe nói, lặng lẽ ngồi xuống nhặt những trái bắp rơi ngoài đất bỏ vào chiếc giỏ mang sau lưng, rồi lững thững đi theo người đàn bà vào núi, như hai cái bóng lơ mơ trong ánh nắng hoàng hôn.

Toán tù nhận đội lâm sản biết ngay người đàn ông mặc xà-rông kiểu người Thượng đó là Trần Hiếu. Họ thì thầm bàn tán với nhau trên đường về trại. Về đến trại, không ai còn nhắc đến chuyện đó nữa. Đó là thói quen của họ khi thấy một người bạn tù trốn khỏi trại.

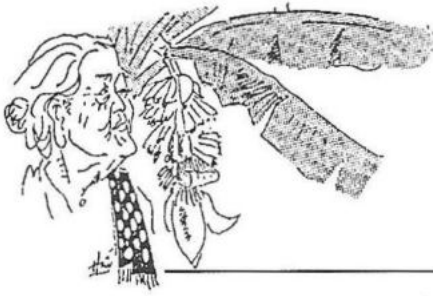
*
* *

Hai năm sau, một ngày cuối năm, chợ Tết Bình Điền nhóm sớm, kẻ mua người bán rộn rịp, ồn ào. Người ta để ý đến một cặp vợ chồng người Thượng đang đi vào chợ. Mỗi người đều mang sau lưng mấy bó mây vót sẵn, và một chiếc giỏ, bên trong có những chai lùn mật ong. Họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Thượng rất nhỏ. Người đàn ông nói tiếng Kinh lớ lớ. Họ lững thững đến từng sạp bán hàng họ hỏi bán mây và mật ong. Bán được tiền, họ mua thuốc sốt rét, kiết lỵ, một số thuốc cao đơn hoàn tán, còn thì mua cá khô và muối. Đến chiều tối, chợ tan, người ta vẫn còn thấy họ thờ thẩn trong các lều chợ.

Sáng hôm sau, không ai còn thấy họ nữa. Những người dân Bình Điền đi làm rẫy sớm, phát hiện trên đầu hai ngôi mộ của ông bà Tú, những bó nhang còn đang cháy dở, và những tờ giấy vàng bạc, cháy chưa hết, bay lững lờ trong làn gió nhẹ buổi sáng.

(viết cho VU LAN Bính Tý-96)

(1) Thời Việt Minh - Liên Khu V gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.
(2) Ngôn ngữ của một sắc dân thiểu số Cao nguyên Trung Phần, có nghĩa là: "E, hãy về đi".



Ý NIỆM VỀ

MẸ

nhân mùa báo hiếu vu lan

• Tiến Sĩ Lâm Như Tạng

Làm người ai cũng có đấng sinh thành là CHA MẸ. Đặc biệt nhân mùa Vu Lan báo hiếu này tôi xin được nói về Mẹ như một bó hoa tưởng niệm Mẹ tôi vừa mới qua đời tại Việt Nam ngày 1.3.1996.

Khi đề cập đến Mẹ trong ngôn từ tiếng Việt ta thử so sánh với nhiều ngôn ngữ khác nhau gọi mẹ như thế nào và tìm xem có từ nào mà toàn thể các dân tộc trên thế giới này có tiếng gọi chung về Mẹ hay không?

Mẹ trong văn hóa và tập tục của Đông Phương và Tây Phương như thế nào?

Mẹ trong kinh điển Phật Giáo, và phướng pháp báo hiếu ra sao?

I. Danh từ Mẹ

Tiếng Việt gọi Mẹ là người đàn bà đã sinh ra ta. Trong đó bao gồm ý nghĩa mười tháng cưu mang chịu không biết bao nhiêu điều cực nhọc cho đến ngày khai hoa nở nhụy và nuôi nấng dạy dỗ con đến khi khôn lớn nên người. Những thâm ân đó chỉ khi nào chúng ta nuôi con mới biết được công ơn của Cha Mẹ. Như Đức Khổng Tử đã nói: "*duông tử phướng tri phụ mẫu ân*" (Khi nuôi con mới biết được công ơn cha mẹ).

Danh từ Mẹ ấy tiếng Tây Ban Nha gọi là Madre, tiếng Ý cũng gọi Madre. Tiếng La Tinh là Mater. Tiếng Anh là Mother. Tiếng Đức là Mutter. Tiếng Pháp là La Mère. Tiếng Hy Lạp là Mitra. Tiếng Nga là Matb (Môma). Tiếng Iran là Modar. Tiếng Trung Hoa là Mouchan (Ma, Mu). Tiếng Ấn Độ là Mata. Tiếng Nhật là Okaasan. Tiếng Ả Rập là Waldetak.

Kể cả tiếng Việt tất cả mười bốn ngôn ngữ vừa nêu trên hầu như là đại đa số các dân tộc trên thế giới ngày nay đang dùng những ngôn ngữ đó. Trừ tiếng Nhật và tiếng Ả Rập có âm vận riêng, còn mười hai ngôn ngữ còn lại âm vận na ná giống nhau và đều bắt đầu bằng mẫu tự "M".

Có điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tất cả các dân tộc trên thế giới đều có ngôn ngữ riêng thế nhưng khi nói danh từ Mama tất cả đều biết đó là Mẹ. Làm sao tôi có thể cả quyết được điều đó. Bởi vì chính tôi đã tiếp xúc trực tiếp với mấy chục người nói những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau nhưng khi hỏi danh từ Mẹ trong ngôn ngữ của họ tất cả đều gọi là Mama. Tôi chưa thỏa mãn. Vì tôi biết từ đó không phải là ngôn ngữ chính gốc của họ nên lần lượt họ mới cho tôi biết từ chính

gốc trong ngôn ngữ riêng biệt của mỗi dân tộc. Thế nhưng tại sao lại có một từ cộng thông như thế. Theo tôi nghĩ đó là tiếng nói bập bẹ đầu tiên của đứa bé vừa mới tập nói mà ra rồi thành ra tiếng nói phổ thông bất thành văn trong dân gian của mỗi dân tộc mà thành. Trừ danh từ Mama là Mẹ vừa nói ngoài ra không có một từ nào có tính phổ thông như thế cả. Như vậy đủ chứng tỏ Mẹ là thiêng liêng cao cả không có người nào hoặc vật gì khác có thể sánh bằng Mẹ. Khi nghĩ về công sinh thành dưỡng dục đứa con mà nói, ngay cả Cha cũng không bằng Mẹ. Vì chỉ có thân thể người Mẹ mới có thể thai nghén và sinh con được mà thôi.

II. Mẹ trong truyền thống xã hội Đông Phương (trường hợp điển hình của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản)

• Tại Việt Nam

Mẹ là người mười tháng cưu mang, ba năm bồng bế, sau đó là giáo dục cho con nên người hữu ích trong xã hội như Chinh Phụ Ngâm đã nói:

Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam

Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân

Hai câu thơ trên còn nói lên bổn phận, công lao của người Mẹ đối với con với chồng trong gia đình Việt Nam.

Cha Mẹ là chỗ dựa về tinh thần và là cây đa cổ thụ để con nương nhờ về vật chất:

Gió dứa cây cừ lý hương

Con xa cha mẹ thất thường bữa ăn

(không rõ tác giả)

Hoặc là:

Có Cha có Mẹ thì hơn

Không Cha không Mẹ như đờn đứt dây

(ca dao)

Hay là những câu thơ sau đây đã nói lên được một phần công ơn của người mẹ. Trong thời kỳ đầu của sự thai nghén người Mẹ phải chịu:

... Sự buồn nôn của thời kỳ đầu thai nghén

Mặt mày xanh choáng váng lúc về chiều

Mắt tối sầm dù nắng đẹp trưa hè

Những thú vui không màng mở tưởng đến

(thơ Như Tạng)

Khi bào thai trong thời kỳ phát triển trong cơ thể người Mẹ:

... Mỗi ngày con mỗi lớn

Da căng theo ngày tháng bước nặng dần

Cử kiêng từng hành động lần thức ăn

Đêm trằn trọc đáng nằm ngồi khó nhọc

(thơ Như Tạng)

Nỗi lo lắng và đau đớn của người Mẹ trong lúc sinh nở:

... Nỗi lo của người gần sinh nở

Những cơn đau quặn quại vỡ người

Kịp đến khi nghe con khóc chào đời

Hồn nhẹ nhòm cơn đau dường dừng lại

(thơ Như Tạng)

Công lao của người Mẹ nuôi con và lo giáo dục, lo tương lai cho con mình:

Và con sẽ lớn lên Người dạy bảo

Nuôi nấng, nâng niu, ấp ủ, đổ dành

Vì tương lai, Mẹ lo lắng tảo tần

...

(thơ Như Tạng)

Biết bao nhiêu là thơ, nhạc, văn chương nói về Mẹ. Nào là ví lòng Mẹ như biển rộng bao la như trời cao không cùng tận... Bài nào nói về Mẹ cũng hay, cũng réo rắt, cảm động để đi vào lòng người. Bởi vì nói về Mẹ là nói về tình thương, mà tình thương thì bắt nguồn từ cõi lòng chân thật và sâu lắng nhất của tâm hồn mình. Do đó nói về Mẹ là nói về những gì mình có kinh nghiệm sống thực, những xúc động chân thành, những suối nguồn êm dịu trong lành mát mẻ nhất. Vì thế cho nên những bài thơ, nhạc... viết về Mẹ đều hay và cảm động.

Vi ân trọng đối với Mẹ như thế nên ngày xưa trong xã hội Việt Nam không được làm đám cưới hoặc người vợ không được có thai trong lúc thọ tang Cha Mẹ. Trong sách "Hải Dương Phong vật Ch" của Trần Đạm Trai có ghi:

"Cổ thời trọng đạo hiếu đến nỗi luật pháp cấm vợ có thai trong khi tang chế, đến đời Lê Thánh Tông mới bỏ lệ ấy, nhân vì có người tỉnh Hải Dương huyện Đường An xã Thời Cử tên là Nguyễn Kim An, thuở nhỏ hàn vi, thời Hồng Đức (1470-1497) làm lính châu trong cung. Vua thấy có tài cho về đi học. 22 tuổi đỗ Hương Cống, rồi thi Hội thi Đình đỗ Bảng Nhân (học vị của người thi đỗ thứ hai, sau Trạng Nguyên, trong khoa thi Đình). Được bổ làm quan ít lâu, về cư tang, giữ trọn ba năm đạo hiếu thì mất, không có con trai, vua cảm thương, tử đó bỏ lệ kia".

"Các triều vua thường khuyến miến thuần phong mỹ tục vẫn nhắc nhở đạo hiếu, như lệnh vua Lê Huyền Tông ra ngày 11 năm Cảnh Trị thứ ba (1665) cho tinh biển những người có hiếu hạnh (cho biển vàng biểu dương hiếu hạnh, trong biển ghi tên tuổi quán chỉ người được khen thưởng và nói rõ duyên do có hiếu hạnh như thế nào) (Lê Triều Chiêu Linh Thiện Chính). Lệnh vua Hàm Nghi năm đầu (1884) ban thưởng biển son khắc bốn chữ vàng Hiếu hạnh khả phong cho những người có tiếng hiếu hạnh (Đại Nam Điển Lệ)". (theo sách Đất Lề Quê Thói, của Nhất Thanh, 1992).

Những gương hiếu thảo ngày xưa nhiều khi đã phải hy sinh thân mình để cứu mạng cha mẹ. Trong sách "Việt Nam Văn Học Toàn Thư" của Hoàng Trọng Miên có ghi trường hợp: "Lãnh Tạo, người làng Tuần Lễ tỉnh Nghệ An, chống đối triều Minh Mạng. Lê Văn Duyệt được cử làm Tổng Trấn Nghệ An để dẹp Lãnh Tạo, bị Tạo lừa, ngang nhiên đem quân lính tới dinh trấn giả làm đi thanh tra; Lê Văn Duyệt dụ hàng, tâu vua cho làm quan,

Tạo không chịu, chỉ ứng nhận vàng bạc rồi đi. Sau đó Lê Văn Duyệt sai lính bắt giữ mẹ và vợ của Tạo. Vì thương mẹ mà Tạo phải ra hàng..."

Năm 1962, Thầy Nhất Hạnh cho ra đời tác phẩm *Bông Hồng Cài Áo* rất nổi tiếng và rất thành công trong mục đích cổ vũ cho Ngày Mẹ nhằm ngày Vu Lan rằm tháng bảy âm lịch. Hiện nay ngày rằm tháng bảy đã nghiễm nhiên trở thành Ngày Mẹ của người Việt Nam. Trong ngày ấy hoa hồng được cài cho người có điểm phúc còn mẹ và hoa trắng cho những người mà mẹ đã qua đời.

Theo truyền thống Đông Phương thì Hiếu đấng đầu trăm hạnh lành như trong Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Âm của Lý Văn Phục có câu:

*Chữ hiếu hạnh niệm tròn một tiết
Thời suy ra trăm nét đều nên*

Người bất hiếu nghĩa là đối xử không tốt với đấng sinh thành của mình thì khi ra đời không còn ai tin tưởng được người ấy nữa. Do đó mà trăm sự trăm việc sẽ đổ vỡ, không thể thành công trên đường đời dù là việc nhỏ hay việc lớn.

• Tại Trung Quốc

Trường hợp Trung Quốc ngày xưa có nhiều điểm giống Việt Nam trong những câu chuyện về hiếu đạo. Còn cha mẹ tại thế để được phụng dưỡng là một niềm vinh hạnh và là nỗi vui sướng trong đời:

Nhất nhật đại dưỡng bất dĩ Tâm Công hoán
(Còn được nuôi cha mẹ ngày nào thì đầu cho đời lấy chức Tam Công cũng không màng). Tam Công là ba chức quan lớn nhất của chế độ quân chủ ngày xưa: Thái Sú, Thái Phó, Thái Bào).

Nhiều người khi mẹ mất, làm nhà bên cạnh mộ mẹ ở để nhang khói cho đến lúc mãn tang.

Quan niệm của nhà Nho rất nghiêm khắc về hiếu hạnh. Đạo làm con lúc còn nhỏ phải kính cẩn vâng lời cha mẹ dạy bảo, hầu hạ cha mẹ. Khi lớn khôn ra đời làm ăn thì lo phụng dưỡng ngọt bùi ấm lạnh cho cha mẹ.

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du cũng đã nhắc đến phong tục báo hiếu của người Trung Hoa qua điển tích Lão Lai, người đã bảy mươi tuổi vẫn mặc đồ hoa hòe sắc sỡ ra sân múa hát cốt làm cho cha mẹ được vui lúc tuổi già bóng xế:

*Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử cũng vùi người ốm*
(Kiều)

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh phẩm Hành Do có nói đến hiếu hạnh của Lục Tổ Huệ Năng. Trước khi Ngài đi tu, cha mất sớm, mẹ góa con côi, hằng ngày Ngài phải gánh củi ra chợ bán để kiếm tiền phụng dưỡng mẹ.

• C. Tại Nhật Bản

Trường hợp Nhật Bản trong truyện cổ tích có câu chuyện của người con hiếu thảo như sau: Ngày xưa trên đảo Kita có anh chuyên làm nghề chài lưới tên là Taro ngày ngày lo đánh cá nuôi mẹ. Mẹ anh đã tám mươi tuổi, anh cũng đã lớn tuổi mà không chịu lấy vợ sinh con để nối dõi tông đường theo như phong tục người Nhật. Mẹ thường hay bảo anh hãy lấy vợ sinh con nhưng anh nhất định

không vì sợ lấy vợ phải lo cho vợ con không có thì giờ hầu hạ mẹ. Taro nói rằng:

Con dù xác thịt thai phàm

Cũng lo phụng dưỡng xin an tất lòng...

Trường hợp Nhật Bản ngày nay họ cũng áp dụng Ngày Mẹ như các nước Tây Phương chọn ngày chủ nhật thứ hai của tháng năm để kỷ niệm. Họ gởi thiệp, tặng hoa và tặng quà cho Mẹ để tỏ lòng hiếu kính và yêu thương Mẹ.

• Mẹ trong truyền thống xã hội Tây Phương (trường hợp của Hoa Kỳ và các nước Tây Phương khác)

Mother's Day (Ngày Mẹ) là ngày chủ nhật thứ hai của tháng năm mỗi năm. Mỗi năm đến Ngày Mẹ dù người lớn bao nhiêu tuổi mà có điểm phúc còn mẹ đều rất sung sướng về thăm Mẹ, tặng Mẹ một thiệp chúc mừng Ngày Mẹ, một món quà và một bó hoa tươi để mừng Mẹ được sống lâu. Tục lệ này hầu hết các nước Phương Tây đều áp dụng như Hoa Kỳ, Anh, Úc Đại Lợi, Thụy Điển, Đan Mạch v.v... Người Tây Phương giải thích rằng họ làm như vậy là để biểu lộ tình thương và lòng hiếu kính đối với Mẹ.

Khởi nguyên của ngày này là do bà Julia Ward Howe khởi xướng năm 1872 tại Hoa Kỳ. Vài năm sau tại Boston, tiểu bang Massachusetts, bà đã kêu gọi và đã thành công trong buổi tập họp kỷ niệm Ngày Mẹ hàng năm.

Bà Julia Ward Howe là một học giả, giảng sư đại học rất nổi tiếng đương thời của Hoa Kỳ.

Mãi đến năm 1914 Quốc hội Hoa Kỳ mới chấp nhận Ngày Mẹ nói trên như là một ngày lễ quốc gia bằng một đạo luật do Quốc Hội thông qua.

Kể từ đó các nước theo văn hóa của Tây Phương hoặc ảnh hưởng nền văn hóa của họ đều theo phong tục kể trên để biểu lộ lòng hiếu kính và yêu thương đối với Mẹ. (theo sách "The World Book Encyclopedia" xuất bản tại Hoa Kỳ, 1992).

• Mẹ trong kinh điển Phật Giáo

A. Tấm gương hiếu hạnh của Đức Phật

Trong bài kinh Ba mẹ hồi các đời trước (trong sách "Một Trăm Bài Kinh Phật" của Đoàn Trung Còn, không ghi năm xuất bản) có ghi tấm gương hiếu hạnh của Đức Phật như sau:

Lúc ấy Phật ngự với Giáo Hội chủ đại tỳ kheo tại xứ Ca-căn-ga-la (Kacangala). Trong cảnh rừng ở gần đó, có bà già tên là Ca-căn-Ga-Lác (Kacangalā), bà xách một cái bình đến giếng mà múc nước.

Lúc ấy Đức Thế Tôn gọi A-Nan và bảo rằng: "Này A-Nan hãy đi nói với bà ấy rằng: Đức Thế Tôn khát nước, bà cho Ngài uống với".

A-Nan nói với bà mấy lời ấy, bà đáp rằng: "Để tôi đem đến cho Ngài".

Bà đổ nước vào đầy bình mang đến trước mặt Phật. Bà thấy Phật rất trang nghiêm với

32 tướng chánh, 80 tướng phụ, một vòng hào quang sáng ngời. Bà vừa thấy Phật, cái tình mẹ thương con liền nảy sinh nổi lòng bà, bà vội đưa tay lên ôm hôn Đức Phật và nói rằng: "Con tôi! con tôi!". Mấy vị tỳ kheo muốn cản bà lại nhưng Đức Phật liền phán rằng: "Này chú tỳ kheo! Chớ cản bà ấy!"

Tại sao vậy?

Bởi vì trong năm trăm đời liền tiếp bà đã làm Mẹ ta:

*Vì tình mẫu tử sâu xa
Nên bà chạy đến ôm ta hôn nhau
Ai mà ngăn cản đón đầu
Thì bà tức giận máu hầu tuôn ra
Ta đây nhờ Mẹ buổi qua
Cám ơn nghĩa nặng vì ta bao đời
Tử bi, thường xót lấy người
Nên ta chịu để ôm vùi mà hôn*

Liên sau đó Đức Thế Tôn thuyết pháp Tứ Diệu Đế để độ bà. Bà liền chúng quả Tu-Đà-Huần và đọc bài kệ như sau:

*Làm con mà biết báo đền
Tác thành việc khó, đáp tình mẫu thân
Thế Tôn giữ trọn hiếu phần
Giúp ta đổi tánh thoát trần dứt mê*

*Độ ta ra khỏi bến mê
Đường tiên, đường Phật đưa về đúng nơi
Con ta chuyển sức ra tài*

Đặng làm việc tốt, đáng đời kính khen
Sau đó bà xin phép xuất gia và nhập vào hàng tỳ kheo ni. Bà tinh tấn tu hành và chúng quả A-La-Hán.

• B. Kinh Tâm Địa Quán

Kinh Tâm Địa Quán, phẩm báo ân, Đức Phật nhân tán thán 500 vị trưởng giả thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đa đến cúng dường Phật và đại chúng. Đức Phật giảng cho họ nghe về công ơn sinh thành của mẹ như sau: "... Mẹ hiền thương con, thật không biết lấy vật gì để so sánh cho cần xứng vậy. Từ khi vào thai, trải qua 10 tháng, những lúc mẹ đi, đứng, ngồi, nằm chịu trăm điều khổ não mà miệng mẹ không thể nói ra. Muốn những đồ uống ăn hay áo mặc, dù có được cũng chẳng mừng, vì lòng lo lắng không hề dứt, chỉ lo nghĩ đứa con sắp sanh sao cho hoàn hảo là hơn thôi. Nếu khi đẻ khó thì như trăm ngàn mũi dao đồng thời đâm cắt toàn thân. Nếu khi sanh đẻ được an lành, bà mẹ cùng các thân thuộc cùng chung vui sướng y như kẻ nghèo được châu báu. Sự đau khổ của mẹ trong mười tháng do một tiếng khóc đầu tiên của con khi mới lọt lòng mà nỗi khổ ấy mẹ liền quên mất và vui sướng như nghe âm nhạc. Con lấy nỗi bụng ngực của mẹ làm chỗ ngủ, lấy hai cổ vế làm chỗ dạo chơi, và do nước giếng cam lồ nơi ngực mẹ chảy ra mà nuôi lớn. Ôi ơn đức của mẹ, núi cao biển sâu cũng chẳng sánh kịp. Nếu đứa con nào biết tùy thuận nghe theo những lời dạy bảo của tử mẫu mà không trái nghịch thì được chú thiên hộ niệm, phúc đức vô cùng..." (Kinh Tâm Địa Quán, H.T. Thích Tâm Châu dịch) (tham khảo sách Cho Trọn Hiếu Ân của T.T. Thích Bảo Lạc, 1991).

• C. Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân

Nhân khi Đức Phật dẫn đại chúng đi hành đạo hướng về phương Nam, giữa đường Đức Phật đến lạy trước một đồng ruộng khô đã lâu đời chết trơ như quả núi. Đại chúng thấy vậy không rõ nguyên do, A-Nan liền bạch Phật xin dạy cho biết tại sao Đức Thế Tôn lại làm như thế. Phật chỉ rõ rằng đồng ruộng đã chông chết đó rất lâu đời về trước nên biết đầu trong đó có ruộng của cha, mẹ, vợ, con, anh, em ta nhiều đời trước. Vì lòng hiếu kính nên ta lạy đồng ruộng như vậy. Đức Phật đã dạy bảo đại chúng rất nhiều về công ơn sinh thành của cha mẹ, đặc biệt mười điều chúng ta nên ghi nhớ như sau:

Thế Tôn lại bảo A-Nam:

*Ôn cha nghĩa mẹ mười phần phải tin
Điều thứ nhất giữ gìn đạo giáo
Mười tháng trưởng châu áo mọi bề
Thứ hai sanh đẻ gồm ghê
Chịu đau chịu khổ mới mẹ trăm phần
Điều thứ ba thâm ân nuôi dưỡng
Cực đến đâu bền vững chẳng lay
Thứ tư ăn uống nuốt cay
Để dành bụi ngọc dù đầy cho con
Điều thứ năm lại còn khi ngủ
Uớt mẹ nằm khô ráo phần con
Thứ sáu sử nước nhai cơm
Miễn con no ấm chẳng nhòm chẳng ghê
Điều thứ bảy không chê ô uế
Giặt đồ dơ của trẻ không phiền
Thứ tám chẳng nỡ chia riêng
Nếu con đi vắng cha phiền mẹ lo
Điều thứ chín miễn con sung sướng
Đầu phải mang nghiệp chuông cồng cam
Tinh sao có lợi thì làm
Chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm
Điều thứ mười chẳng ham trau chuốt
Dành cho con các cuộc thanh nhàn
Thứ mười con như ngọc như vàng...*
("Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân" - không rõ dịch giả)

Ngoài 10 điều ân trọng ghi trên toàn bài kinh Đức Phật còn chỉ rất rành rẽ từng ly từng tí một về công sinh thành nuôi nấng và dạy dỗ cho con nên người. Đọc toàn bài kinh được chuyển ngữ thành thơ song thất lục bát khiến tôi bùi ngùi xúc động đến rơi nước mắt nhiều lần khi nghĩ đến người mẹ mỗi bữa qua đời. Tôi thấy mình bất hạnh vì đã xa cha mẹ rất lâu năm, và bây giờ nhìn đóa hoa trắng trên áo tôi mỗi thắm dần thắm dần và hiểu nghĩa rất sâu sắc của tâm trạng kẻ mồ côi.

Đây! bầu trời đen tối đã phủ kín tâm hồn tôi! Tôi trở thành kẻ mồ côi mẹ, đau đớn quá! Cho dù tôi đã bao nhiêu tuổi trên đời!...

• V. Phương pháp báo hiếu

Tôi nghĩ ai có khát nước đến cùng cực khi gặp nước mới thấy nước uống quý giá vô vàn. Vấn đề báo hiếu cũng vậy. Ai đã mất cha mẹ mới thấy phương pháp báo hiếu của Đức Phật dạy là quý báu.

Lấy kinh nghiệm bản thân mà nói, khi mẹ tôi còn tại thế tôi vẫn thường xem kinh sách, vẫn tin lời Đức Phật dạy, vẫn cầu nguyện cho bà hồi sinh cha mẹ đã qua trong quá khứ siêu sanh về miền cực lạc của Đức Phật A Di Đà, như trong Kinh Vu Lan đã dạy. Vẫn luôn luôn học về gương hiếu hạnh của Đức Đại Hiếu Mục Kiền Liên. Vẫn biết ngày

Mother's Day của các nước Tây Phương. Và truyền thống báo hiếu của Đông Phương. Thế nhưng những việc làm đã qua của tôi là do lý trí chủ đạo. Còn việc báo hiếu của tôi nhân mùa Vu Lan năm nay được thúc bách bởi một sự mất mát to lớn nhất trong đời tôi. Đồng thời nó bắt nguồn từ lòng thương mẹ mà ra. Tôi muốn tìm một cái gì đó, một hành động nào đó để may ra lấp bớt được một khoảng trống tâm hồn.

Ngược dòng thời gian về thời điểm trước khi mẹ tôi qua đời, tôi thường tìm hiểu xem những người không phải là Phật Tử họ nghĩ gì về tôn giáo của mình, để có thêm kiến thức. Tôi cũng tìm hiểu những giáo lý của Đức Phật dạy được các học giả khác tôn giáo với mình và các nhà khoa học, triết gia Tây Phương có những nhận xét gì về Phật Giáo để củng cố thêm niềm tin của mình về phương pháp báo hiếu của Đức Phật đã dạy.

Trong đó có Giáo hoàng John Paul II đã công nhận là rất nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo có cả các vị Linh Mục đã áp dụng phương pháp thiền quán để tu tập, trau dồi thân tâm của họ.

Một học giả đạo Hồi đã nói: Đức Phật là của cả nhân loại (Buddha is for whole mankind). The Buddha is not property of Buddhists only. He is the property of whole mankind. His teaching is common to everybody. Every religion, which came into existence after the Duddha, has borrowed many good ideas from the Buddha).

Triết gia Bertrand Russell ca ngợi Phật Giáo có triết lý hành động vĩ đại nhất và lâu đời nhất...

Có thể nói khoa học gia nổi tiếng nhất thế kỷ, Albert Einstein, đã nói là "Phật Giáo đường đầu với khoa học" (Buddhism copes with Science), (If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism).

Theo tôi không phải Phật Giáo đường đầu với khoa học mà Đức Phật đã hướng dẫn cho khoa học tự nhiên tiến lên về mọi mặt mới đúng. Tôi không muốn dài dòng trích dẫn lời Đức Phật để chứng minh ở đây vì bài báo đã quá dài. Xin mời bạn đọc đọc Duy Thức Học ta sẽ thấy Đức Phật đã giải thích về nguồn gốc của con người và vũ trụ rất tinh tế, rất khoa học, khiến các nhà khoa học và các triết gia phải tìm tòi học hỏi.

Giáo sư Rhys Davids nói rằng: "không có tôn giáo nào vượt trội hơn Phật Giáo". (Nothing to surpass Buddhist. Buddhist or not buddhist, I have examined every one of the great religion systems of the world, and in none of them have I found anything to surpass, in beauty and comprehensiveness, the Noble Eightfold Path and the Four Noble Truths of the Buddha. I am content to shape my life according to that path). (Tham khảo sách "BUDDHISM in the EYES of INTELLECTUALS" của K. Sri Dhammananda).

Trở lại lời Phật dạy về phương pháp báo hiếu trong Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân và Kinh Vu Lan: Phật đã dạy rằng vì công ơn của cha mẹ bao la như biển cả và cao vời vợi như trời xanh vô hạn. Vì thế cho nên

chúng ta không thể nào đền đáp công ơn ấy bằng phương diện vật chất hữu hạn được. Hơn nữa trong cõi luân hồi kể từ vô thủy đến nay chúng ta có không biết bao nhiêu là cha mẹ thì làm sao chỉ dùng những phương tiện vật chất để phụng dưỡng cha mẹ hiện tiền mà có thể đền đáp thâm trọng ân ấy. Phật đã cho thí dụ là:

*Ví có người gặp cơn đói rét
Nuôi song thân dâng hết thân này
Xưởng nghiền thịt nát phân thây
Trái trăm ngàn kiếp ân dày chưa đong...*
(Kinh Báo Ân)

Như vậy phải làm thế nào để báo đáp được hiếu ân đó. Đức Phật đã dạy rất nhiều phương pháp trong rất nhiều kinh điển như Bồ Thí Ba La Mật, Thân Cận Ba La Mật, Chân Thật Ba La Mật... Nhưng hôm nay xin theo các bộ kinh đã dẫn và đặc biệt về sự giới hạn của bài này nên chúng tôi xin tóm lược thành hai phương pháp đơn giản: TỰ LỰC và THA LỰC.

Thứ nhất là: TỰ LỰC:

Phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, cầu Phật Đạo giải thoát, tiến tu, thật học để đem khả năng của mình giảng giải cho mọi người chung quanh chúng ta cùng phát tâm ấy, hướng về Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và cuối cùng là cầu nhất thừa Phật Đạo.

Giai đoạn đầu là chúng ta học hỏi và hiểu thấu đáo về thâm ân sinh thành của cha mẹ. Ăn năn hối cải những lỗi lầm, nếu có, từ trước đã làm hại mình hại người và lấy tiếng xấu đến song thân. Giai đoạn kế tiếp là phải siêng năng không ngừng nghỉ để đạt được những thành công lớn trong đời, khiến cha mẹ vui lòng toại nguyện, an tâm vì con... Và làm thế nào để cho cha mẹ cảm nhận được lòng hiếu kính, yêu thương của mình đối với cha mẹ. Đồng thời phải có tâm niệm sung sướng không gì bằng khi mình còn được cha mẹ trên đời. Bởi vì nếu cha mẹ biết được điều đó cha mẹ cũng sung sướng vô vàn. Những điều vừa kể rất đơn giản nhưng không kém phần khó khăn khi thực hiện được nó. Giai đoạn cuối cùng như trên đã nói là cầu Nhất Thừa Phật Đạo để giải thoát cho mình, và phổ độ giải thoát cho cha mẹ nhiều đời đã qua và hiện tiền cha mẹ sống lâu và tránh khỏi những ách nạn trong đời.

Thứ hai là: THA LỰC:

Như Đức Phật đã dạy trong Kinh Vu Lan, cho dù đã chứng được quả vị Bồ Tát và đã được thần thông quảng đại như Ngài Mục Kiền Liên, cộng với tiếng tăm vang lừng cả trời người đều nỗ lực đi chăng nữa một mình Ngài không thể nào cứu được Mẹ Ngài trong địa ngục và càng không thể cầu siêu độ cho cha mẹ bày đời trước đó nữa. Như vậy chỉ có một cách là cầu THA LỰC. Hay nói đúng hơn là cầu cộng lực của Chư Tăng trong mười phương tụ hội về nhân ngày rằm tháng bảy. Trong hàng Chư Tăng đó gồm có phàm Tăng, thánh Tăng, và những hàng Bồ Tát mười phương vì nguyện lực độ sinh nên các Ngài đã hiện hình làm phàm Tăng thân cận chúng ta.

Nhân ngày ấy nhờ thần lực Chư Tăng chú nguyện cho sở cầu báo hiếu của chúng ta được viên thành.

BÁT NHẢ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Thiện Văn NGUYỄN VĂN CHƯỜNG

I. Ý NIỆM

Đây là bài kệ (bài chú) ngắn nhất chỉ có 262 chữ (chữ Trung Hoa), là chất lượng tinh yếu của bộ kinh Đại Bát Nhã gồm 600 cuốn.

Bản kinh mà chúng ta đang tụng là bản kinh được dịch từ tiếng Phạn (Sanskrit) sang tiếng Trung Hoa và Việt hóa do Thánh sư Đường Tam Tạng, Trần Huyền Trang thỉnh về.

Bộ kinh này Phật muốn dạy cho bốn hàng tu:

1. Hàng Chúng Sanh: để chỉ mọi loài sống trên thế gian này (chữ trong kinh là hữu tình)

2. Hàng Thanh Văn: để chỉ những ai đã biết Phật và tu theo lời Phật dạy.

3. Hàng Bồ Tát: để chỉ những vị đã giác ngộ hoặc đã giác ngộ mà còn nguyện đi độ cho chúng sanh.

4. Hàng Phật: để chỉ những vị Phật chỉ chứng được Chánh đẳng Chánh giác (chưa thành Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác)

Bốn hàng trên đây phải biết tìm (tu) đúng con đường để tới bờ Giác Ngộ. Con đường đó chính là sự Tham Thiền (không có nghĩa là Thiền) để quay trở về với bản thân, dùng trí tuệ bát nhã mà tự kiểm, quét sạch mọi vướng mắc, thể hiện được chân tâm, có nghĩa là vượt qua bề khổ, bến mê, sang bờ bên kia thênh thang an lạc.

II. PHÁP TU

"Sắc bất dị không, không bất dị sắc"

Đây là một định đề bất di bất dịch. Phật nêu ra chứng minh cho mọi lý luận kế tiếp.

Chúng ta biết:

Sắc là tất cả các vật có hình tướng (có hình có dạng) tỷ như người, vật, nhà, cửa v.v...

Không: những gì thuộc về cá tánh, tâm linh tỷ như yêu thương, hôn oán, v.v...

Vậy **Sắc** và **Không** là hai thực thể riêng biệt (phân biệt) có trong nhau tỷ như:

- Cô kia vừa đẹp người vừa đẹp nết.

- Hoa hồng vừa có sắc vừa có hương...

Phật dạy - Sự hiểu như trên là sai vì **Sắc** và **Không** chỉ là một. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "**Nhất thiết duy tâm tạo**" (cái gì cũng do

tâm ta suy diễn ra), vậy **Sắc** và **Không** là do tâm suy diễn ra, mà tâm suy diễn là điều không có thật, cái đó do sự cố chấp (tánh chấp) của chúng ta mà có; do nên **Sắc** cũng là **Không** và **Không** cũng là **Sắc**, hay **Sắc** chẳng phải **Không** và **Không** cũng chẳng phải là **Sắc**. Cả 2 cái đều không có thật.

Sắc là uẩn đầu tiên trong Ngũ Uẩn nên chúng ta phải tiếp tới Thọ Bất Dị Không, Không Bất Dị Thọ và Tưởng, Hành, Thức... cũng đều phải lý luận và hiểu như vậy (diệc phục như thị). Nói rộng ra tất cả vũ trụ cũng đều phải bàn như vậy.

Tỷ như ta lấy Thượng mà bàn thì:

Thượng là Không, Không là Thượng

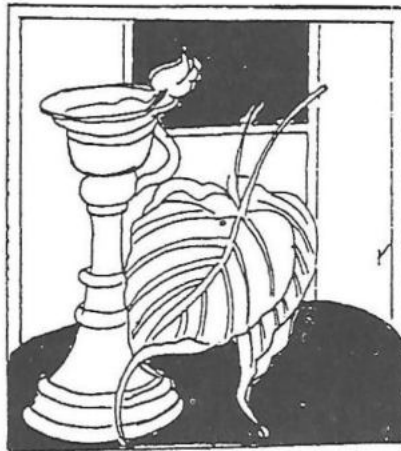
Thượng chẳng là Không, Không chẳng là Thượng.

Vậy Thượng chẳng là cái gì hết. Có hay Không Thượng cũng vậy, tức là đối với mọi vật là đã bỏ được (xả hay diệt) một phần tính luận ái.

Tiếp đến: "Thị Chử Pháp, không tướng: bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, Thị cố không trung: vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhân, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý; vô nhân giới, nữ chí vô ý thức giới".

Đoạn này Phật dạy cho hàng chúng sanh:

Tất cả đều do tâm tạo nên thấy đúng chẳng phải thật là đúng, thấy sai chẳng phải thật là



sai, cho nên kinh viết: "Các Pháp Không Tưởng" là vậy (chữ Không này không có nghĩa là Không đối với Có trong tứ cú - Tứ Cú: Có, Không, Chẳng Có, Chẳng Không, Cũng Có, Cũng Không - Trong kinh Kim Cướng).

Vậy cái "Không Tưởng" đây phải hiểu là biệt danh của Tự Tánh (chân tâm) mà tự tính thì: không sinh, không diệt, không dó, không sạch, không thêm, không bớt hiểu như vậy thì "Không Tưởng" sẽ không có: sắc, thọ, tưởng, hành, thức (tức là loại bỏ Ngũ Uẩn) cũng không có: nhân, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý (tức là phá lục căn) và ngay đến: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không có trong "Không Tưởng" (phá bỏ lục trần); rồi ý thức giới cũng không có luôn trong đó.

Vậy một khi đã phá bỏ được: ngũ uẩn, lục căn, lục trần, và lục thức tức là quét sạch

được cái tự kiến chấp của kẻ phàm phu (hàng chúng sanh) sẽ tìm được tự tánh, tức là chân tâm an lạc.

Tiếp đến: "Vô vô minh diệt, vô vô minh tận, nữ chí vô lão, tử, diệc vô lão tử tận".

Đoạn này vì muốn thấu ngắn nên kinh dùng 2 chữ "Nãi Chí" giữa 2 chữ **LÃO** và **TỬ** đúng ra ta phải hiểu thêm 12 nhân duyên nữa là: vô minh, lão, hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, tử (không sáng suốt, hành vi tạo tác, nhận thức, hình sắc, 6 yếu tố: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; cảm nhận, già, sinh, tử).

Phật đã đặt lý luận trên tiền đề: "**Tất cả đều chẳng phải là thật**".

Nhưng chúng ta thấy sự sanh và sự chết là có thật nghiệm ngay vào chính bản thân của ta, do đó ta có thể tin được là sự sanh, sự già, sự chết là không có không?

Trong kinh Viên Giác Phật đã nêu ra một thí dụ: Khi ta dùng sức để thân ta quay xung quanh một trục cố định thì ta sẽ thấy tất cả các vật bất chuyển quanh ta cũng quay theo, tỷ như ta quay ở giữa sân thì cây cối nhà cửa quanh ta sẽ quay theo.

Phật giải thích vì chúng ta bị sức kéo của vọng tâm ngày đêm lôi cuốn, thôi thúc, xoay vần nên ta bị quay trên trục nghiệp của chính ta, khi ta đã xoay thì cảnh vật quanh ta cũng xoay, thời gian, không gian liên tục thay đổi nên tạo ra sanh tử luân hồi. Mà có sanh tử luân hồi thì ắt có sanh, có lão, có tử.

Nếu chúng ta lia được lực kéo của vọng tâm thì thân ta sẽ an trụ (đứng yên), tất cả cảnh vật quanh ta sẽ tự động đứng yên. Vậy bỏ được vọng tâm, thì thấy được chân tánh, chân tâm và an lạc, khi chân tâm an lạc là thấy được Niết Bàn. Thấy được Niết Bàn thì sanh tử luân hồi sẽ không còn nữa.

Điều này đã chứng thực: một khi chúng sanh đã thấu triệt (hiểu rõ) được 12 nhân duyên, tức là đã loại bỏ được vô minh, quét được tri kiến chấp thì sẽ chứng quả A La Hán - Đây là phép tu cho hàng chúng sanh.

Tiếp theo: "Vô khổ tập diệt đạo"

Thừa thanh văn gọi khổ, tập, diệt, đạo là Tứ Thánh Đế chia thành:

Tục Đế (cho thế tục) = Khổ và Tập

Thánh Đế (cho xuất thế) = Diệt và Đạo

Tứ Thánh Đế hay Tứ Diệu Đế là bốn sự thật mà Phật đã chỉ cho người tu hành có thể từ địa vị tối tăm, mê mờ đi dần đến quả vị Giác Ngộ một cách chắc thật, không sai chạy. Pháp môn này tuy không đua thắng người tu hành đến quả vị Phật, nhưng với một sự tinh tấn và quyết tâm, nó có thể dễ dàng đưa người tu hành đến quả vị A La Hán; Rồi từ quả vị A La Hán hành giả sẽ tu thêm một pháp môn khác của Đại Thừa để tiến đến quả vị Phật; Căn cứ nào, trình độ nào cũng có thể tu theo pháp môn này được; Pháp môn này là pháp môn phổ thông nhất, rõ ràng nhất, dễ hiểu nhất.

Muốn thực hành pháp môn này người Tu sĩ phải dùng trí tuệ để quan sát kỹ cả tướng trạng của pháp Tứ Đế hầu tìm ra những nguyên nhân phát sanh mầm mống, ý niệm tạo khổ mà tận diệt thì con đường giải thoát

mới thênh thang rộng mở - Đây là pháp tu cho hàng Thanh Văn duyên giác.

Tiếp theo: "Vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, bồ đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa., cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố".

Đây là pháp tu cho hàng Bồ Tát, vì đối với hàng Thanh Văn vẫn còn kiến chấp: cho chấp pháp, chấp quả A La Hán là có thật, chấp quả Bích Chi Phật là thật, không chịu buông bỏ để tiến chứng nốt đạo quả bồ đề.

Những Bồ Tát mà vẫn thừa chấp trí huệ thì bệnh chấp vẫn còn, nên Phật mới nói: "Vô trí diệt vô đắc". Nếu hàng Bồ Tát mà "vô sở đắc" (không nhận cái mình được - thành công -) thì mới đủ tư cách là một vị bồ tát (Bồ đề tát đỏa) hay còn gọi là Giác hữu tình (con người đã giác ngộ và giác ngộ (độ) cho chúng sinh); muốn giác ngộ cho chúng sinh thì Bồ Tát phải giác ngộ trước, vì có giác ngộ thì mới rời được căn nhà sanh tử mà độ cho chúng sinh thoát khỏi cái khổ của nghiệp sanh tử luân hồi.

Do đó Bồ Tát mà còn có "sở đắc" tức là còn chấp thật, mà tự mình còn chấp thì làm sao phá được cái chấp của chúng sanh (đây là ý nghĩa của Xả trong Thất Bồ Đề phần).

Tiếp theo - Để giải thích thêm 3 chữ "Vô Sở Đắc". Kinh tiếp: "Bồ đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa, cố tâm vô quái ngại". Muốn cho tâm được tự do, tự tại, không quái ngại (không lo nghĩ) thì phải buông "sở đắc" và như vậy sẽ đương nhiên "vô hữu khủng bố" rồi.

Đoạn này là quét cái tri kiến chấp Phật của Đại Thừa.

Tiếp theo - "Viễn ly điên đảo, mộng tưởng cửu cánh Niết Bàn", phải xa lìa cái điên đảo mộng tưởng thì sẽ chứng nhập Niết Bàn - Nghĩa là nếu còn chấp có cửu cánh Niết Bàn thật để chứng nhập thì cái tri kiến chấp thật này chính là cái điên đảo mộng tưởng. Do đó cái tri kiến chấp Niết Bàn cũng không có thật, mà phải bỏ (xả) luôn như trong kinh Lăng Già viết: "Vô hữu niết bàn Phật, vô hữu Phật niết bàn"

Đoạn này khuyến bỏ cái tri kiến chấp của hàng Phật thừa.

Vậy muốn đủ tư cách để thành vị quả Phật thì phải xả bỏ cái tri kiến chấp trên, nên trong kinh Kim Cang đã lập đi lập lại 6, 7 lần câu: "A nậu đa la, tam muội tam bồ đề".

Tiếp theo - "Tam thế chư Phật, Y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc a nậu đa la tam muội tam bồ đề"

Sau khi đã buông bỏ 4 loại tri kiến chấp trên thì hành giả mới đủ tư cách thành quả vị Phật, - Tam thế chư Phật - Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật tương lai - đều đã làm, đang làm, sẽ làm như vậy là nhờ dựa vào Bát Nhã Ba La Mật mà thực hành. Nghĩa là từ Phạm phu, Thanh văn tiểu thừa, Bồ Tát đại thừa cho chí đến nhất Phật thừa cũng đều phải xóa bỏ mọi tri kiến chấp thật (mọi điều, mọi tưởng, mọi pháp cho là có) thì mới

có thể đạt đến A nậu đa la tam muội, tam bồ đề (giác ngộ tối cao) hay chánh đẳng chánh giác. (A nậu đa la = vô thường; Tam muội = chánh đẳng; tam bồ đề = chánh giác).

Tóm lại:

- Chúng sanh vì còn chấp ngã (nhân cái ta là có thật) nên còn sanh tử luân hồi; nếu phá được nhân Chấp Ngã thì thoát khỏi nghiệp sanh tử luân hồi, tức đã chứng được Chánh Giác.

- A La Hán hay Bích Chi Phật vì đã phá được nhân Chấp Ngã, chứng được Chánh Giác, thoát khỏi nghiệp luân hồi, nhưng cái Giác ấy còn vướng mắc và tri kiến chấp THẬT của Tứ Thánh Đế nên phải tu thêm để trở thành Thừa Bồ Tát đại thừa mới gọi là Chánh đẳng Chánh giác.

- Giác ngộ của Bồ Tát tuy gọi là Chánh đẳng Chánh giác song cái diệu dụng (ứng dụng, tri hành, hiệu quả) vẫn chưa bằng Phật, vì còn phải bỏ cái tri kiến chấp Thật. "Sở đắc" nên phải tu thêm để xả bỏ kiến chấp đó mới thành Phật cấp cao và nhân danh xưng Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác - Sự giác ngộ tột đỉnh.

Tiếp theo - Cổ tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thiết bất hư.

Đoạn này mới là kết quả của sự tu hành do trí huệ bát nhã tạo dựng theo 4 trình độ:

a/ Phá bỏ được cái tri kiến chấp Thật của kẻ phàm phu (chấp cái ta) thì tự động hiện ra sức xử dụng bằng đại thần chú.

b/ Phá bỏ được cái tri kiến chấp Thật (Niết Bàn) Tiểu Thừa thì hiện ra sức xử dụng bằng đại minh trí.

c/ Phá bỏ được cái tri kiến chấp Thật (Phật) Đại Thừa thì hiện ra sức xử dụng bằng vô thượng chú.

d/ Phá bỏ được cái tri kiến chấp Thật (Phật Thừa) thì hiện ra sức xử dụng bằng vô đẳng đẳng chú.

Tôi đây không còn một sự phá bỏ nào nữa thì đương nhiên đạt tới cửu cánh niết bàn, như vậy cái dụng của "vô đẳng đẳng chú" là cuối cùng có sức mạnh (vô đẳng, khả đẳng = không thể bằng được) trừ nhất thiết khổ làm cho chân, thật, bất hư, tức là đã đến bờ tự do, tự tại, chân tâm an lạc vĩnh viễn mặc dù phải trải qua một thời gian tu tập 4 trình độ trên bằng bao nhiêu kiếp không hạn chế đó là ý nghĩa của 4 chữ "Chân Thật Bất Hư" vậy.

Tiếp theo - "Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú tức thuyết chú viết: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế Bồ đề tát bà ha"

Đây là câu thần chú mệnh lệnh, thúc đẩy cái tự tánh (hay kiến tánh) phá bỏ các tri kiến chấp Thật (pháp vô ngã) để tu tập (có nghĩa là tu tập với nỗ lực tinh tấn) cho mau tới bờ bến kia.

MÀI VẠN DUỐI TRẮNG

• Trình Xuyên

*Người trước mài giũa cũi quốc hề !
Ta mài ngọn thép dưới trăng khuya.
Vàng gieo lấp lánh trên tờ giấy,
Lãng dăng mây trời đình mộng che !*

*Thoang thoang hưởng bay dòng tuyết
tác,
Nhẹ nhàng bút vẽ nét tinh anh.
Vùng trăng vàng vạc soi đêm vắng,
Mộng lớn tưởng ôi! mộng bất thành !*

*Con đường lữ thủ lảm gai chông,
Sông núi ai đem hận chất chông ?
Hồn nước lang thang sầu khách địa,
Muôn ngàn sự nghiệp trắng tay không !*

*Tay không sót lại đây: ngòi thép,
Xử lạ còn chăng một tấm lòng !
Tịch tịch trời khuya thưởng phạt
mông!
Bao giờ thanh thỏa nợ non sông ?*
11.02.1996

Bài họa

MÀI VẠN DUỐI TRẮNG

Nguyên tác của Cụ Trình Xuyên

*Mộng Bá Vương xưa: tan tác hề
Trưởng Lương sáo giục lúc canh khuya
Ngu Cơ áo não tình dang dở
Sỹ tốt chồn chân bóng nguyệt che*

*Chính sự, Kinh trường tay tuyệt tác⁽¹⁾
Tài hoa chọn lọc khá tinh anh
Thất thời sao sáng mây mờ khuất
Uớc vọng siêu nhân, tất khó thành*

*Muốn rời quê cũ lảm gai chông
Một gánh tâm tư nặng chất chông
Nỗi nước, nỗi nhà chưa trọn ước
Bao điều toan tính vẫn hoàn không*

*Hành trang vốn vẹn, đón ngòi thép
Mượn bút gieo văn tỏ nỗi lòng
Dưới bóng đèn khuya thân lữ thủ
Hận nhà khó trả thẹn non sông*

Trình Chung

(6.3.96)

(1) Chính trị và kinh tế

THÂM GIÀO

• Nguyễn Văn Ba

Một ngày đẹp trời. Chị Tú đang chăm chú lựa thịt trong siêu thị Safeway. Bỗng có tiếng gọi rất gần:

- Chị Tú! Mạnh giỏi chị Tú?

Chị Tú nửa chú ý, nửa không. Chú ý vì tiếng gọi dường như nhắm vào chị, chị lại thủ thỉ. Không chú ý vì tiếng nghe rất lạ tai.

Dù phân vân, chị Tú cũng thử ngó ngoáy về hướng phát ra tiếng gọi, xem người nào đã kêu người nào. Một người đàn bà trung niên đang từ từ tiến tới. Nụ cười nở trên môi, người đàn bà vồn vã:

- Phải chị Tú hông? Chị Tú "Hột Vịt Lộn".

Lâu lắm mới nghe có người nhắc tới hột danh xa xưa của mình, chị Tú giật mình, đáp như một cái máy:

- Dạ phải! Còn chị...

- Em là Tám Bửu, ở chung trại Bidong với chị nè. Trời ơi! Gặp lại chị em mừng quá. Nhìn thấy chị từ đằng xa, em kêu chị mà trong bụng sợ nhìn lầm người hết sức.

- Chị Tám. Bây giờ chị trắng và xinh đẹp quá, tôi nhìn không ra.

- Thiệt hông chị? Chị khen đẹp làm em mừng. Anh Tám cũng khen em đẹp, mà em tưởng anh nhìn em. Ba con rồi đó chị ơi! Hồi ở đảo, lúc chị đi rồi, em có chữa thành kế, để luôn trên đảo, rồi có chữa thêm thằng con trai út, qua đây mỗi sanh, năm nay thằng út được hai tuổi rồi.

- Chị giỏi dữ vậy à, tôi ba thằng con trai lận. Rồi anh chị tính có thêm thằng út nhưt hay út nhì gì nữa không?

- Thôi chị ơi! Em sợ rồi. Anh Tám muốn em đẻ thêm cho anh một đứa con gái nhưng em nhứt định thôi, em nhờ bác sĩ kế hoạch, cực quá. Rán thêm đứa nữa biết đâu rồi cũng con trai như mấy thằng anh nó thôi.

- Anh chị làm ăn ra sao? Các cháu mạnh khỏe hết chớ?

- Anh Tám làm thợ hàn, lương mười hai đồng một giờ, còn em thì ở nhà coi chừng tụi nhỏ, nấu ăn. Gởi con mắc quá, tiền đi làm chi đủ trả nhà trè, các cháu lại vất vả. Còn anh chị làm ăn ra sao? Sang đây trước tụi em, chắc anh chị đã có nhà, xe đàng hoàng rồi?

- Dạ, nhờ trời, chúng tôi cũng bình thường. Hay là hôm nào mời anh chị tới nhà chơi, chỗ cố tri mà. Anh Tám hồi ở đảo hay đánh cờ tướng với ba sắp nhỏ, được anh chị tới chơi chắc ba sắp nhỏ mừng lắm.

Mời thì mời lời, theo phép lịch sự, chớ trong bụng chị Tú đã phát ghét con mẹ Tám Bửu này rồi. Nguyên nhân thì nhiều lắm, xa có, mà gần cũng có. Trước hết là cái hột danh "Hột Vịt Lộn". Chị Tú đã muốn quên mà con mẹ Tám Bửu còn nhắc lại, nhắc một cách tự nhiên, không ngại ngùng gì cả. Sau 75, chị Tú cực chẳng đã phải bỏ nghề giáo viên, đi bán hột vịt lộn kiếm sống qua ngày, rồi thành danh luôn. Cái tên kỳ cục đó đeo đẳng chị tới trại tỵ nạn. Từ khi đến đệ tam quốc gia, chị Tú đã mạnh dạn khai tử tên "Tú Hột Vịt Lộn", không dẫn do, không luyến tiếc. Đồng hưởng ở đây gọi chị theo tên chồng là Tân, chị Tú Tân hay một cách Âu Mỹ hơn là Janet.

Thủ đến chị Tú biết con mẹ Tám Bửu vốn là bạn hàng cả, chồng là dân đánh cá thủ thiệt, chủ nghĩa không đây lá mít, đầu thể nào sánh được với vợ chồng chị, dù gì cũng là "giáo mác", chủ nghĩa đây mình.

Chị Tú thường tự hào khéo ăn, khéo nói, như nhiều người ngợi khen, do cái vốn văn hóa sẵn có, cộng với những năm đi bán hàng



rong, mời chào khách, do chị theo phướng châm "lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau... Trước khi nói uốn lưỡi bảy lần...". Còn con mẹ Tám Bửu nói mà chẳng cần suy nghĩ coi lời nói của mình có làm phật lòng người khác. Tánh con mẹ Tám Bửu lại ba hoa thiên địa, ruột để ngoài da. Hồi ở đảo thì khoe tiền, khoe của, dù chẳng giàu hơn ai, qua đây vẫn không chừa tặc cũ, chồng làm mười hai đồng một giờ cũng khoe, được người ta khen đẹp xã giao, tưởng thiệt, tưởng bỏ, mừng rơn, lại không biết nói một tiếng khiêm nhường...

Con mẹ Tám Bửu, người khách chị Tú không chớ, không đợi, không mong muốn, đã mang cang tôm tới thăm chị vào một sáng cuối tuần sau đó, không báo trước, lúc chị Tú bận tối tăm mặt mũi với công việc nhà, nào nấu ăn, nào giặt giũ... Bực mình là họ không chỉ tới một, hai người, mà tới cả gia đình, dùm để phu tử, vợ chồng cộng với ba đứa con, tất cả năm mạng.

Khách tới nhà không gà cũng vịt. Khách kiểu này chắc mèm là khách có, không phải chỉ khách nước trà, bánh ngọt. Chị Tú bắm bụng, giữ vẻ mặt vui tươi, mời mọc, cầm cọng khách ở lại và làm cơm thết đãi. Phần khách tự nhiên như người đã quen biết từ lâu. Chỗ thâm giao, bạn cố tri nay tình cờ gặp lại,

tiếng cười nói khắp nhà. Hai ông lồi bia trong tủ lạnh ra lai rai, tụi con nít bu quanh đống đồ chơi, hai bà vô bếp nấu nướng. Ai cũng có bầu bạn...

Cơm, rượu xong, hai ông xoay qua đánh cờ tướng, vừa đánh cờ vừa tán gẫu như những ngày còn ở đảo. Tụi con nít chơi với nhau hoài không biết chán, không biết mệt. Hai bà mở máy xem cái lúông, xem tân nhạc. Nhân lúc trò chuyện, chị Tú khéo léo đề cập với chị Tám, bây giờ chị là Tú Tấn, là Janet, không phải là "Tú Hột Vịt Lộn" như ngày nào. Cái tên "Tú Hột Vịt Lộn" đã đi vào dĩ vãng, chẳng nên nhắc lại làm gì.

Vui quá, thân tình quá, bọn con nít lại nứu kéo không rời, khách ở lại dùng thêm bữa cơm chiều. Khi khách ra về đã chín giờ tối. Chị Tú, phần công chuyện nhà đang dang dở để chưa làm, phần nấu ăn, tiếp khách cả ngày mỗi mệt, phần sự bực mình dồn nén, chị hăm, bà Tám Bửu mà đến một lần nữa chị sẽ đóng cửa không tiếp.

Chị trút bỏ sự bực dọc lên anh Tú, chồng chị. Anh Tú phân bua rằng anh là người vô can, chính chị Tú gặp khách ngoài đường, mời và cho địa chỉ, người ta mời tới, không mời ai mà tới, có muốn tới cũng chẳng biết nhà mình ở đâu! Còn chuyện tôi không báo trước cũng là tại chị Tú, chị Tú cho địa chỉ mà không cho số điện thoại, làm sao người ta thông báo cho được! Và lại người ta tính tới chơi thôi, tại mình một hai mời ở lại dùng cơm thì người ta mời ở, chớ xử này ăn uống là chuyện thường tình, đâu ai đói cơm, khát nước. Chị Tú đuối lý bèn gỡ gạc, tưởng mời cho qua thời buổi, cho có vẻ lịch sự, ai ngờ họ tới thiệt!

Anh Tú nhận xét thêm, vợ chồng anh Tám Bửu là người thật thà, chơn chất, không tính toán hơn thua, thấy đâu nói đó mà không để bụng, gặp bữa cùng ăn, gặp việc cùng làm... Loại người như vậy rất nên kết bạn. Chị Tú không đồng ý với anh, chị cho rằng mẹ con Tám Bửu thiếu tế nhị, xuống xả, thân mật quá lố, không gìn giữ ý tứ, ăn nói không có chừng mực... Chị Tú nói hề người nào chị khen thì anh Tú chê và ngược lại, để rồi coi ai nhận xét đúng: "Trường đời thì mã lặc. Thúc khuya mời biết đêm dài. Ở lâu mới biết lòng người dở hay!"

Chiều thứ sáu tuần lễ tiếp theo, lúc chị Tú không có ở nhà thì chị Tám Bửu điện thoại tới, anh Tú bắt máy trả lời. Chị Tám Bửu mời anh chị Tú và các cháu hôm sau tới nhà chị dùng cơm.

Anh Tú chuyển lời lại chị Tú, chị Tú dứt khoát không đi, cũng không cho tụi nhỏ đi, để anh Tú một mình đại diện đủ rồi. Anh Tú không hiểu tại sao vợ mình có thành kiến xấu với chị Tám Bửu, nhưng tin là có lý do gì đặc biệt mà chị Tú chưa nói ra.

Tối đến, chị Tám Bửu điện thoại lại lần nữa, lần này trực tiếp nói chuyện với chị Tú. Chị Tám Bửu nói tụi nhỏ nhắc đám con của chị Tú cả tuần nay, ngày nào cũng nhắc, làm chị Tú buộc lòng phải cho con đi chơi. Mặt khác, hai đứa con của chị cũng nhắc bạn nó dữ lắm, hỏi mẹ bao giờ bạn lại đến nhà chơi lần nữa. Phần chị Tú, chị vội liếc về mình, thoái thác không tới dùng cơm được, hẹn lần

sau. Nhưng chị Tám khẩn khoản mời, phân tách rằng hai ông có bạn, tụi nhỏ cũng sẽ vui chơi với nhau, không có chị Tú thì chị Tám chẳng biết làm gì, trò chuyện với ai? Chị Tám còn khuyên chị Tú uống thuốc, nghỉ ngơi cho khỏe, để ngày mai tới chơi, không thì một mình chị Tám chắc buồn lắm. Chị Tú nghe bùi tai, tự ái chị được vuốt ve, dù không rõ mình tự ái hay tự cao về chuyện gì, chị hứa sẽ cố gắng.

Anh chị Tám ở Apartement nhưng đầy đủ phương tiện: microwave, máy truyền hình, máy chiếu phim..., mỗi tủ hai ba cái, cái cho người lớn, cái dành riêng cho trẻ con, chẳng thiếu món gì. Đồ chơi cho con nít tính ra còn nhiều hơn nhà chị Tú, nên hai đứa con chị Tú thích thôi là thích.

Chị Tám chuẩn bị tiệc cuối tuần thật linh đình, nào bún chả giò ăn với nước mắm tỏi ớt, gói tôm thịt với tương ngọt rắc đậu phộng, lại còn phở bò và viên, bánh tào... Chị Tú được một bữa no nê, anh Tú và các cháu cũng có một ngày vui chơi thỏa thích. Khoảng ba, bốn giờ chiều, chị Tú xin phép cáo từ, nhưng các cháu quyến luyến nhau quá, lại có lời yêu cầu của gia chủ, chị Tú đành phải nán lại dùng thêm bữa nữa.

Về đến nhà chị Tú bắt đầu phê bình. Chị phê bình con mẹ Tám Bửu ăn xài quá mức, sắm sửa đủ điều, mời khách tới chơi mà làm tiệc như nhà có giỗ. Đàn bà mà không biết tiết kiệm, chất một đồng tiền chông cực khổ làm ra, cũng không lo xa, có ăn ngày nay chẳng nghĩ đến ngày mai thiếu hụt... Anh Tú giải thích là chỗ thân tình từ khi còn ở trại ty nạn nên anh chị Tám mời tiếp đãi trọng hậu như vậy, chớ ai mà không biết quý tiền, quý của.

Chị Tú bình phẩm thêm. Con mẹ Tám Bửu nuông chiều con quá mức, nhứt là thằng út, muốn gì mua có nấy, đòi gì mua nấy, nào quần áo, giày dép se sua, rồi còn mấy chục thủ đồ chơi, thủ nào cũng đắt tiền. Điều đó không tốt cho cả đứa con lẫn cha mẹ, đứa trẻ sẽ quen thói trở nên hư hỏng, cha mẹ thì phí phạm tiền bạc, bồi đồ chơi và quần áo con nít mau chột, lỗi thời... quăng vào thùng rác chỉ sau một thời gian ngắn. Anh Tú nghĩ khác, lúc nhỏ mình thiếu thốn bởi hoàn cảnh gia đình, xã hội ở Việt Nam, nay con mình sinh ra nơi đây, nó phải được đầy đủ hơn, biết đâu anh chị Tám sắm sửa cho con cái để bù trừ.

Liên tiếp ba tuần lễ, cuối tuần nào anh chị Tám cũng mời anh chị Tú và các cháu đến chơi. Anh chị Tú phải lần nữa lịch sự mời lại để trả lễ. Chị Tú nào dễ chịu thua, dễ chịu mang tiếng ăn bòn của người, người ta mời hai, ba lần, chị cũng rần mời lại một. Chị Tú nói với chồng "bánh sếp đi thì bánh qui lại, có đi có lại mới toại lòng nhau".

Ba tháng sau, anh Tám Bửu lên lương mười lăm đồng một giờ. Kỹ nghệ dầu hỏa của thành phố Calgary, nơi anh chị tạm cư, lên như điều gặp gió. Nhu cầu nhân dụng vì lẽ đó cũng tăng theo, nhứt là những người thợ có tay nghề chuyên môn như thợ hàn, thợ tiện... Còn nhớ mấy năm trước, khi mới tới, anh Tám chỉ biết hàn chút chút, vậy mà tìm được việc làm ngay, sở làm lại sẵn sàng

hưởng dẫn anh, từng bước tăng cường khả năng, lương bổng cũng theo tay nghề tăng vọt một cách mau chóng.

Anh chị Tám làm tiệc ăn mừng, mời anh chị Tú cùng các cháu và một số người quen. Trong bữa tiệc, chị Tám Bửu tuyên bố tháng sau sẽ mua nhà. Ngoài chuyện anh Tám được tăng lương, chị viện dẫn lý do các cháu ngày một lớn, cần nhà riêng để có chỗ rộng rãi chơi đùa, học tập. Chị Tám đã chọn khu vực Đông Nam thành phố, nơi có anh chị Tú cư ngụ, để nhờ các chuyên viên địa ốc tìm mua căn nhà cho gia đình chị, bởi chị thấy khu vực ấy yên tĩnh, không có các tệ đoan xã hội, lại gần gũi anh chị Tú, chỗ thân tình. Anh chị có bạn, các cháu cũng có bạn, lại là bạn tốt để kết giao, thật là quý, gần mực thì đen gần đèn thì sáng.

Người bị phiền hà nhiều nhất về chuyện anh chị Tám mua nhà và dọn về khu Đông Nam thành phố là anh Tú. Bởi chị Tú hay to nhỏ phàn nàn về gia đình con mẹ Tám Bửu, nay chuyện này, mai chuyện khác, sau những ngày có tiệc tùng, sau những hôm hai chị gọi điện thoại trò chuyện với nhau, sau những lần hai gia đình có chuyện giao tiếp, sau những bữa trẻ con hai nhà qua lại...

Ví dụ lần anh chị Tám Bửu đi nghỉ hè ở Hawaii về. Chị Tám điện thoại kể lể về chuyến du lịch, những điều nghe thấy, biển, núi lửa, khí hậu nóng ẩm, trái cây nhiệt đới, vui, lạ... Chị kể có dây, có nợ, có tông, có tụi, sơ sơ làm mất hết một buổi tối chị Tú phải ngồi nghe. Miệng chị Tú vâng vâng, dạ dạ, mà trong lòng thì nóng ran, bực bội hết sức, chị muốn quăng cái ống liên hợp vô sọt rác, cắt đứt ngang câu chuyện. Ngày sau, chị Tám thân hành mang đến lễ mễ nào trái ở môi, trái khóm, mía đường... và tiếp tục kể chuyện, báo hại chị Tú mất thêm nửa ngày ngồi nghe.

Chị Tám kể bao nhiêu là chị Tú bình phẩm bấy nhiêu với anh Tú. Chị Tú nói con mẹ Tám Bửu vô cùng bất lịch sự, một mình độc thoại chẳng đếm xỉa đến phản ứng của người nghe, chẳng cần biết người ta có thích nghe chuyện mình nói hay không? Suồng ích, về vang gì cái chuyện đi tắm biển, tắm nắng, tốn bạc ngàn, mà cũng khoe khoang! Đi Hawaii thì cũng tưởng tợ như ở Việt Nam đi Vũng Tàu, Nha Trang vậy thôi. Trái khóm của hãng Dole, ở Calgary này thiếu chi, ngoài siêu thị Safeway giá chỉ hai đồng một trái, mua làm gì ở Hawaii, giá gấp đôi, gấp ba; mía cũng vậy. Còn trái ở môi như khúc củi, ở Hawaii rụng đầy ngoài đường, không ai để ý ngó ngang, lượm và mang về đây để làm gì, đúng là phú quý sanh lễ nghĩa, mới có chút ít tiền học đòi làm sang...

Chị Tú bình phẩm chuyện lớn cùng chuyện nhỏ, thật gay gắt, thật đáng cay... báo hại anh Tú ngồi nghe nóng cả đít, ngứa cả lưng, mặt cả lỗ tai. Cuối cùng anh Tú chọn thái độ cười hề hề cho qua chuyện. Anh biết bàn luận, phân tích thêm, chỉ tổ tạo ra cái cớ để chị Tú nổi nóng, chị giận lây tới anh. Rồi chuyện người ra chuyện mình, chuyện ngoài đường trở thành chuyện trong nhà, chuyện không đầu mà khiến cho vợ chồng cãi cọ, gây gổ, rầy rà. Được cái là chị

Tú còn giữ sự tế nhị, còn tự kềm chế, dần lòng, chưa nói thẳng những điều chị suy nghĩ với con mẹ Tám Bửu, với đồng hương trong vùng, nên con mẹ Tám Bửu chưa hay biết gì về sự bức mình của chị. Nhờ đó mối liên hệ giữa hai gia đình vẫn được duy trì tốt đẹp, dù rất mong manh.

Những sự liên hệ mong manh ấy không giữ được lâu, hôm chị Tú nghe một người bạn nói lại rằng con mẹ Tám Bửu có ý định kết sui gia với chị thì chị không còn giữ được bình tĩnh. Chị lớn tiếng với anh Tú là sẽ tuyệt giao với con mẹ Tám Bửu, cấm tụi nhỏ không được chơi chung, không cho qua lại. Con gái chị mới tám tuổi mà tính chuyện hôn ước nổi gì, lại còn nói "nhứt gái lớn hai, nhì trai lớn một". Mà dù con gái chị tới tuổi thành niên, chị cũng nhất quyết không gả cho con trai nhà đó. Anh Tú khuyên chị chuyện đâu con để đó, biết đâu chuyện chẳng có thật hay dù có thật thì cũng còn thời gian và vô số yếu tố khác.

Chị Tú chưa có hành động nào cho cụ thể, thì đúng một cái có tin anh Tám Bửu mất việc. Khối OPEC phá giá dầu hòa trên thế giới, dầu hòa nội địa cũng tuột giá theo tức thời, toàn bộ kỹ nghệ ở thành phố Calgary bị lung lay, gần như sụp đổ.

Chị Tú điện thoại cho chị Tám thăm dò hư thực. Khi biết đích xác anh Tám bị "lay off" vô hạn định thì một mặt chị Tú ác não phân ứ, mặt khác chị tỏ vẻ đắc thắng, bảo chồng: "Bây giờ ông có tin tôi chưa; tôi nói linh như chim cú, con mẹ Tám Bửu chẳng lo xa, lúc có tiền ăn xài huy hoác, không nghĩ đến khi thất nghiệp, phải bán nhà, bán xe là cái chắc".

Anh Tú thì nghĩ khác, đất nước này đâu có công việc nào là vững chắc, là trường cửu! Thủ tướng Canada, quyền lực nhất nước, còn không chắc giữ được "job", huống chi anh hay anh Tám Bửu thuộc hạng phó thường dân, và khi đã mất "job" thì nhà, xe phải trả lại cho ngân hàng là chuyện đương nhiên.

Anh Tám Bửu bán nhà, bán xe thật, sau sáu tháng ăn tiền thất nghiệp. Nửa năm đợi chờ trong vô vọng, anh quyết định đi chuyển sang miền Đông, thành phố Toronto có nhiều kỹ nghệ, hy vọng tìm được việc làm nuôi sống gia đình.

Hôm gia đình anh Tám rời thành phố Calgary, nhằm ngày anh Tú đi làm. Chị Tú thay mặt anh Tú đến chào tiễn biệt. Nhìn cảnh vợ chồng, con cái anh chị Tám thảm sầu, khăn gói bước lên xe Bus, chị Tú không dần được lòng, chị khóc thật sự, khóc ngọt ngào. Dù sao cũng là tình cố cựu từ ngày còn ở đảo, dù sao cũng là chỗ láng giềng, cũng là nghĩa bạn bè thân cận suốt mấy năm qua. Trước khi xe Bus lăn bánh, chị móc túi lấy ra ba chục đồng - anh Tú đưa một trăm mà chị giữ lại bày chực - chị trao cho mỗi cháu mười đồng để ăn quà vật dọc hành trình.

Bẵng đi một thời gian. Một hôm, ở Calgary chị Tú bỗng nhận được điện thoại của chị Tám Bửu từ Toronto. Lần điện thoại viễn liên ấy thật cảm động, kéo dài gần một tiếng

đồng hồ. Chị Tám vẫn ồn ào, huyền thuyên, náo nhiệt như xưa.

Chị Tám nói Toronto vui lắm, vui hơn Calgary gấp mấy lần, người Việt đông lắm, gấp ba, gấp bốn Calgary, do đó họ gọi thành phố này là Tô Rông To, xứng đáng là thủ đô tự nạn của người Việt Nam ở Gia Nã Đại. Phố Tàu thì có hai cái, đều lớn cả, một Đông, một Tây. Kinh tế Toronto đang lên như thuyền ra của biển, như điều gặp gió, công việc dễ tìm, anh Tám đã có "job", cũng làm nhà cửa, lương mười tám đồng một giờ, chị đi làm ở hãng bánh kẹo lương mười hai đồng...

Chị Tám nói đủ thủ chuyện, nói không ngừng, dường như chị không nhớ là phải trả tiền điện thoại viễn liên. Và cuối cùng chị nói anh Tám nhắc anh Tú luôn, các cháu nhỏ các cháu nhiều lắm, phần chị cũng nhớ chị Tú, nhớ người láng giềng tốt, nhớ ngày rời Calgary chị đưa tiễn nơi bến xe Bus, còn cho tiền để các cháu ăn quà... Trước khi gác máy, chị Tám mời chị Tú và gia đình lên Toronto chơi, chị sẽ vui mừng được gặp lại và đón tiếp.

Chị Tú cũng muốn đi Toronto một lần cho biết lớn cỡ nào, vui cách mấy. Nay có lời mời gọi, chị càng muốn đi hơn, nhưng còn do dự, ngại ngần mỗi khi nhớ đến ngày nào đã bắt bảy chục đồng tiền ăn quà vật của đám trẻ. Mãi đến hơn hai năm sau, khi anh chị Tám đã mua nhà hẳn hoi, điện thoại thúc giục năm lần, bảy lượt, chị Tú cùng gia đình mới làm chuyến đồng du đầu tiên.

Anh chị Tám lấy một tuần phép đưa gia đình anh chị Tú đi chơi khắp nơi: Tháp CN, Ontario Place, Toronto Islands, Toronto Eatons Centre, The Royal Ontarian Museum, Bảo Tàng Viện về đồ gốm, phố Tàu Đông Tây... Nơi nào chị Tú cũng ưa, cũng thích. Tháp CN thì cao, đồ sộ, quy mô hơn tháp Calgary. Ontario Place nằm trên bờ đại hồ với rạp chiếu bóng hình cầu Cinesphere, có màn ảnh lớn nhất thế giới cũng âm thanh nổi chung quanh, tạo cho chị Tú cái cảm giác đang ở trong cảnh đang trình chiếu. Chuyến phà qua lại Toronto Islands nhắc chị Tú kỷ niệm ngày nào còn ở quê nhà, trên những chuyến phà qua sông Mỹ Thuận hay bắc Cần Thơ miền Hậu Giang. Bảo Tàng Viện đồ gốm thì gọi nhớ những nơi làm đồ gốm ở Lái Thiêu, Biên Hòa...

Chị Tú thích thú nhất trong ngày đi thăm thác Niagara hùng vĩ. Nghe tiếng nước đổ từ trên cao xuống vang động như sấm, hơi nước tỏa ra khắp vùng như lúc nào cũng có sương mù bao phủ. Càng thích thú hơn khi được quan sát sự vận chuyển các thùng thuyền trong vùng đại hồ có mực nước chênh lệch nhau, thấy cách bơm nước và thoát nước thật mau lẹ để nâng tàu bè lên xuống theo hai mực nước của mặt hồ, điều mà chị Tú học được qua sách vở từ lâu, nay mới nhìn tận mắt.

Anh chị Tám nhân dịp này bèn đưa anh chị Tú về thủ đô Ottawa thăm trụ sở Quốc Hội của Gia Nã Đại. Nơi hàng ngày Thủ Tướng chính phủ liên bang cùng với các Dân Biểu hội họp, luận bàn chuyện quốc gia, đại sự. Do tò mò, họ cũng cố ý chạy xe băng

qua khu vực dinh Thủ Tướng và phủ Toàn Quyền để xem hai nơi này lớn cỡ nào, nguy nga, tráng lệ ra sao?

Từ Ottawa thay vì trở về Toronto, họ nhân tiện thẳng đường đi thăm thành phố Montreal. Montreal còn được gọi một cách mỹ miều là Mộng Lệ An, nơi cũng có rất nhiều đồng hương cũ ngụ, nhiều gấp hai, ba lần Calgary. Chị Tú thích Montreal lắm, thích phong cảnh nên thơ, hữu tình, thích những lâu đài cổ kính, những di tích lịch sử, thích nhà cửa và đường xá có lối kiến trúc tưởng tượng thủ đô Sài Gòn.

Theo sách chỉ dẫn du lịch trong tay, chị Tú thấy Montreal có tới hai mươi một địa điểm được kể thuộc loại danh lam, thắng cảnh... đáng viếng thăm. Nhưng thời gian quá hạn hẹp, đường xá không quen, chạy loanh quanh mãi mất thì giờ, chị Tú tiếc không thể đi hết các nơi như mong muốn. Chị Tú nhìn cái Sân Vận Động Thế Vận (Olympic Stadium, Stade Olympique) kiến trúc tân kỳ, ngạo nghễ như muốn chọc thủng bầu trời, mà chắc lười hít hà, chị thấy nó lúc xa lúc gần, thật hấp dẫn, mời mọc. Chị Tú muốn viếng thăm khu Vieux Montreal, đọc lời giới thiệu đã thấy mê: Những biệt thự xây cất theo kiểu Paris từ thế kỷ thứ 17, những con đường hẹp, mặt đường lát gạch san sát thay vì tráng nhựa hay trải đá, chỉ dành riêng cho bộ hành và xe thổ mộ, hai bên đường đầy hoa thóm cỏ lạ, tiếng nhạc đặt diu, phong cảnh tinh tú với những quán ăn, quán kem, quán cà phê lộ thiên... vậy mà chị cũng không tới được.

Tuy nhiên hai nơi họ ghé qua, nhà thờ Oratoire St. Joseph và Vườn Thực Vật (Botanical Garden, Jardin Botanique), đã để lại trong lòng chị Tú biết bao lưu luyến, vấn vương. Nhà thờ St. Joseph, như một lâu đài thật tráng lệ, nằm sừng sững trên một ngọn đồi cao hơn hai trăm thước, không khí nơi nguyện cầu trang nghiêm với những chuông tích để lại của những người đến hành hương, đã cầu nguyện và được toại nguyện. Vườn Thực Vật thì gây lưu luyến một cách khác, từ sự hiện diện của hàng trăm loại cây cỏ quê hương nhiệt đới, như cây khế lừng lừng những trái hình ngôi sao năm cánh trên cành, cây mít với lá đầy và trái đầy gai...

Trên đường trở lại Calgary sau chuyến đồng du, chị Tú thấy lòng lắng dịu, thanh thản. Chị không còn mang nhiều ác cảm với con mẹ Tám Bửu như hồi trước. Thời gian đã làm mọi sự việc phai pha. Ở gần môi miệng, ở xa môi chân. Ngày trước chị Tám là chỗ lảng giềng, có gây ít nhiều phiền phức cho chị, chị đã trút mọi bực dọc lên anh Tú, chồng chị. Ngày nay chị Tám ở xa, xa quá, hơn ba ngàn cây số. Đi bộ không biết chừng nào tới, đi xe hay đi máy bay cũng chẳng dễ dàng, không phải muốn đi lúc nào thì đi. Thăm chị Tám lần này chỗ chị Tú chẳng rõ bao giờ mới tái ngộ lần nữa, thế nên chuyện môi chân không là vấn đề được đặt ra.

Chị Tú nhận ra chị Tám Bửu vẫn ba hoa thiên địa, vẫn nói nhiều và nói một cách hơi hợt, nói không cần suy nghĩ, nói tuồn tuột, ruột để ngoài da như tự thuật nào. Và chị Tú tự rút ra được một triết lý rằng "sông núi dễ

dời, tính người khó đổi, những người như chị Tám, có gì nói ra hết, không để bụng, không che giấu, không đoán đo, biết đâu lại là người hạnh phúc, thoải mái về tinh thần!"

Toronto vui thật, lớn thật, nhưng trong lòng chị Tú vẫn yêu mến Calgary hơn. Chị đã quen với khí hậu của thành phố Calgary tọa lạc nơi phần cuối, dưới chân rặng Rocky Mountain, quen gió luồng gió Chinook làm ấm áp mùa Đông, làm mát mẻ những ngày hè. Quen hình ảnh những tượng khủng long to lớn, trông ngộ nghĩnh, những rất hiền hòa, những cánh đồng đầu với những chiếc máy bơm ngày đêm hoạt động, gục gật đầu lên xuống không ngừng nghỉ... Calgary với hơn nửa triệu dân cư, là thành phố lý tưởng đối với chị Tú, không quá nhỏ để thiếu thốn thủ này thủ nọ, có đủ mọi tiện nghi cần thiết như ngay cả một phi trường quốc tế, không quá lớn để mất nhiều thì giờ đi chuyển, gây nhiều phiền phức.

Thời gian ở Toronto hai tuần lễ, ngày nào chị Tú cũng phải tắm hai, ba lần, mỗi tắm rồi, mồ hôi đổ ra nhơm nhớp lại muốn đi tắm ngay lần nữa. Đường xá đông đúc, xe cộ quá mức, xe này bên cạnh, nối đuôi xe khác, có hôm phải ngồi trên xa lộ hàng giờ. Không khí, nước ở Toronto bị ô nhiễm nặng nề bởi kỹ nghệ...

Thời gian trôi qua trong vội vã theo nhịp sống bận rộn hàng ngày, chị Tám đôi ba tháng điện thoại cho chị Tú một lần để trao đổi tin tức về cuộc sống, để thăm hỏi. Chị Tú một năm đôi lần gọi lại để giữ mối dây liên lạc.

Rồi một lần chị Tú gọi điện thoại cho anh chị Tám thì tổng đài trả lời số điện thoại ấy nay không còn hoạt động nữa. Chị Tú tưởng mình bấm lộn số, bèn gọi lại, vẫn bị tổng đài trả lời như cũ. Thoải thế là kể như mất liên lạc, từ đây bóng chim tăm cá.

Những chuông ba tháng sau, chị Tú nhận được điện thoại từ chị Tám. Ngạc nhiên làm sao! Gia đình anh chị Tám giờ cứ ngụ ở thành phố Vancouver, miền cực Tây Gia Nã Đại, ven bờ Thái Bình Dương. Lý do anh chị Tám dọn về Vancouver thật lạ lùng. Kinh tế Toronto đang lên ào ạt, lên đến cực điểm. Một người bạn đến chơi, cố vấn anh chị Tám rằng kinh tế của các nước tư bản, trong đó có Canada, lên xuống theo những chu kỳ. Điều đó có nghĩa là kinh tế Toronto lên tới ngọn cây thì sẽ có ngày, không sớm cũng muộn, nó sẽ xuống tới đất đen, hay có thể tệ hơn tới đáy hồ thẳm đầy bùn sinh.. Anh chị Tám nghe qua thì sợ quá, bởi hình ảnh thất nghiệp, mất nhà, mất xe, mất đủ thủ lớn nhỏ.. của những năm về trước ở Calgary vẫn còn đeo đẳng, ám ảnh gia đình anh chị. Sau nhiều ngày thảo luận, hỏi ý kiến nhiều người, anh chị Tám quyết định đăng bán nhà. Căn nhà mua mấy năm trước một trăm ngàn chẵn, đăng bán chỉ một tuần, bán được một trăm năm chục ngàn, lời năm chục ngàn đồng ngon dõ.

Bán được nhà rồi, cả anh chị Tám đều bỏ việc làm, khăn gói về Vancouver. Với tiền bạc dành dụm được trong những năm qua, anh chị mua một chiếc tàu để đi đánh cá hồi,

trở lại với nghề cũ từ lúc còn ở Việt Nam. Với chiếc tàu và nghề đánh cá gia truyền, anh chị Tám tự làm chủ lấy mình và từ nay không còn phải lo sợ nạn thất nghiệp, mọi việc diễn tiến tốt đẹp như ý muốn.

Chị Tám mô tả thời tiết ấm áp ở Vancouver, hơn bất cứ nơi nào khác của Gia Nã Đại. Phong cảnh thật hữu tình với núi biếc, biển xanh, hoa cỏ tươi tốt gần như quanh năm, suốt tháng, rừng cây rợp bóng ngay trong phạm vi thành phố. Không biết học ở đâu, chị Tám còn đọc thêm mấy câu thơ, tả cảnh núi, cảnh biển ở Vancouver:

*Ba phương núi biếc ngấn tầm mắt,
Một hướng trời xanh tiếp biển xa.*

Chị Tám nhắc lại mối thâm giao giữa hai gia đình và mỗi anh chị Tú cùng với các cháu có dịp sang Vancouver chơi, chị Tám sẽ hướng dẫn đi câu cua, bắt sò... Chị Tú nghe chuyện bắt sò huyết và câu cua biển mà mê man, lâng lịch. Tay cầm cần, tay xách thùng, đi như đi chơi, cào chỉ vài tiếng đồng hồ thì sò huyết đầy cả thùng, nặng xách không muốn nổi. Câu cua dễ như ăn cháo, không cần mồi ngon ngọt, không lưỡi, không cần, khó tin hơn chuyện Khổng Tử Nhai đờ Phong Thần ngồi trên móm đá câu thời, câu vụn. Một tấm vỉ sắt cột vài miếng xương gà hay đầu cá, thả xuống biển, năm, mười phút sau kéo lên, cua bu đầy, câu chỉ nửa buổi là có mấy bao rác đựng đầy cua. Chà, chà, cua ấy đem luộc liền, rồi chấm với muối tiêu chanh thì ngọt ngon phải biết! Còn sò huyết ngâm cho sạch bùn để nướng trên than hồng thì còn gì ngon bằng! Mỗi nghĩ tới đó nước miếng chị Tú đã ứa ra đầy miệng.

Cuộc điện đàm chất dầy, chị Tú gác máy và lòng băng khuâng, ngỡ ngẩn. Chị chợt nhớ đến câu nói thường ngày từ cửa miệng của dân chúng Gia Nã Đại: "Đây là miền đất của những cơ hội (The land of opportunities)". Con mẹ Tám Bửu, người láng giềng mà theo đầu óc hẹp hòi của chị, là bất tài, vô học, ba hoa, không biết lịch sự tối thiểu... cùng với vô số khuyết điểm khác, đã rui mà may, do thời cơ đưa đẩy, cuối cùng chụp bắt được cơ hội tốt. Còn chị, đến bao giờ mới thoát được sự trói buộc vô hình với cái máy may kỹ nghệ hàng ngày, để có dịp trở về với nghề dạy học.

Chị Tú càng thấm thía, cay cú hơn trong những năm sau, khi kinh tế Toronto xuống dốc thảm hại, đồng thời gia đình con mẹ Tám Bửu chẳng mấy chốc bỗng trở nên giàu có, thịnh vượng cùng với đà phát triển nhay vọt của miền duyên hải Thái Bình Dương.

Trong sự tức bực ấy, đôi khi chị Tú bỗng cất tiếng cười khan, cười một mình, làm anh Tú và các con chị kinh ngạc, chẳng hiểu nguyên nhân. Chỉ có chị hiểu tại sao chị cười, đó là những lúc chị nhớ tới tiếng "thâm giao" mà con mẹ Tám Bửu vẫn thường dùng để chỉ mối quan hệ giữa hai gia đình. Và chị Tú nghiệm ra cái nguyên nhân sâu xa và rất đơn giản đã làm chị ghét con mẹ Tám Bửu, ghét cay, ghét đắng, bởi đó là người dám nhắc lại cái hủ danh "Hột Vịt Lộn" ngày nào của chị...

NHỎ

QUẢNG NAM

• Hồ Quang Hiến



*Quảng Nam ơi! Ta lại nhớ bao lần
Mưa nắng mấy mùa lòng bỗng băng khuâng
Có chút tình nào dành cho Hải Phố
Hội An còn cúi mặt mãi ngàn năm?
Vinh Điện bao giờ tìm lại ánh trăng.
Cho thanh thản chút linh hồn sa mạc
Và còn lại tiếng trầm ca bậc khúc
Lời Thu Bồn vang vọng Hà Lam ơi!
Đà Nẵng chiều nay em có dạo chơi
Cho ta gởi chút hồn qua non nước
Năm ngón đợi Ngũ Hành Sơn thuở trước
Vẫn xòe tay đan tóc Hải Vân trôi
Dấu cuộc đời hai dòng nước xẻ đôi
Sông vẫn chảy thắm qua từng huyết quản
Cửa Đại Sông Hàn vẫn tinh đất Quảng.
Rặng dừa xanh ôm ấp bắp Rây Vàng
Có thể nào quên Tháp Cổ Bàn An
Nhưng tháng năm qua đời Cẩn Núi Quế
Tiên Phước Tam Kỳ qua rồi dấu bể
Vết chiến tranh Cọng động mãi khăn sô
Áo lụa nào bay trong nắng Nam Ô
Có nhớ mẹ một thời xanh áo vá
Tớ vàng ánh Duy Xuyên về óng à
Sợi Mã Châu quấn quít dệt nên đời
Mùa tôm về bao gọi nhớ xa xăm (xôi)
Con cá biển đông ngược dòng Thanh Mỹ
Tô Mi Quảng trên đường về Giao Thủy
Vẫn còn thơm hương vị Phú Chiêm xưa
Gỗ lim về qua bến đợi đong dưa
Hương quế Trà Mi, đỉnh Trầm Phố núi
Tặng vật cho nhau giữa mùa hoa cưới
Vàng Bông Miêu em ướm thủ trong tay
Quảng Nam ơi! Ta lại nhớ bao ngày.
Phước Chi, Kỳ Lam nhớ lần tiễn biệt
Sân ga nhỏ mắt rừng buồn tha thiết
Đã thương nhau ai nở vội qua cầu
Rượu hồng đào chứa thắm đã ngà say
Câu chuyện năm xưa nghe lòng ngây ngất
Gởi tình nhau hương gạo nếp thơm lừng
Nhỏ xưa Hòn Kẽm Đá Dừng
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi!*

H.Q.H.
Xuyên Trường D. Xuyên

ĐỂ TÌM HIỂU TÌNH YÊU

(Tặng các Bạn Trẻ)

• Thiệu Nguyên

"Em đã gặp anh phút ngỡ ngàng
Một lần năm trước cũng đông sang
Mấy đông em vắng chiều hò hẹn
Để sáng mùa thu cũng lỡ làng"...

(Sau Ngày Gặp Lại - Bích Xuân)

Tiếng ngâm trầm ấm, có chút xót xa của nữ thi sĩ tài hoa Bích Xuân trong cuộc Họp Văn Bút Âu Châu tại Reutlingen chiều ngày 25.5.1996 làm tâm hồn già cỗi của tôi cũng băng khuông... Tình yêu là gì mà văn thi sĩ kim cổ Đông Tây đều tán thán bằng những áng văn và thi ca bất hủ.

Platon thi sĩ Hy Lạp thế kỷ thứ 5, môn đồ nhà triết học Socrate cũng ca ngợi *Tình yêu thanh cao*, lý tưởng, hai tâm hồn cùng hòa hợp, không may có ý nghĩ thân xác vì nó làm vẩn đục tình yêu.

Thế kỷ 12, tập Thi ca "*Tristan và Isolde*" tại Pháp cũng nói lên *Tình Yêu* ấy. Đến thế kỷ 15 thời kỳ Phục Hưng Văn Hóa Pháp, thi sĩ Rousard, trưởng nhóm Pléiade ca ngợi *Tình Yêu* với xu hướng khác. Rousard tán dương người yêu với bài thơ "Á Héléne" (gửi nàng Héléne):

"*Hỡi Héléne, nàng xinh đẹp như đóa Hồng mùa Xuân*"

"*Tôi yêu nàng vô vàn, hãy cùng hưởng mùa Xuân*"

"*Vì hoa hồng chóng tàn, mùa Xuân rồi sẽ qua*"

Thi ca Pháp thế kỷ 18 giàu âm điệu và đầy tính chất lãng mạn. Điển hình là thi sĩ Lamartine với tập thơ: "*Trầm Tư*" (*Méditations poétiques*). Bài thơ "Le Lac" (Bên Hồ), than mây khóc gió bên hồ để tặng nàng Elvire đã mất. Tác giả gần như tuyệt vọng nhưng hy vọng ở bên kia thế giới sẽ tìm lại được *Tình Yêu* và *Hy Vọng*:

"*Mais peut être au-delà de la Sphère*
"*Lieu, où le vrai Soleil éclaire d'autres cieux*"
"*Je retrouverais et l'Espoir et l'Amour*"
(Nhưng có lẽ bên kia thế giới,
Nói mặt trời chiếu sáng hành tinh khác,
Tôi sẽ tìm lại *Hy Vọng* và *Tình Yêu*)

Vào thế kỷ 19, một đoàn thơ tình độc nhất 16 câu của Arvers (*Sounet d'Arvers*) đã làm

xúc động hàng vạn con tim. Nhà văn Khái Hưng đã dịch bài thơ "*Tình Tuyệt Vọng*" rất hay và thoát:

"*Lòng ta chôn một khối tình,
"Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.
"Tình tuyệt vọng, nỗi thâm sầu
"Mà người gieo thắm như hầu không hay.
"Hỡi ơi, người đó, ta đây
"Sao ta thui thui đêm ngày chiếc thân".*

Đời Đường bên Trung Hoa cũng có nhiều thi sĩ sáng tác những thơ tình nói lên nỗi nhỏ thường người cũ như *Thôi Hiệu*:

"*Hoàng hạc đi mất từ xưa
"Ngàn năm, mây trắng bây giờ còn đây".*
hoặc:
"*Không biết người ở nơi nào,
"Hoa đào năm trước vẫn cười gió đông".*

Những các thi sĩ trên không ai cất nghĩa *Tình Yêu* là gì, chỉ cảm thấy khi thương yêu, lòng xao xuyến, rung động nên dệt những vần thơ tình ái. Tại Việt Nam, thi sĩ Xuân Diệu (những năm 38-42), lúc còn là một thanh niên sôi nổi, biết yêu thương, đã cố gắng định nghĩa *Tình Yêu*, tâm sự của Xuân Diệu cũng là bản khoán chung của hầu hết lứa thanh niên lúc bấy giờ.

"*Làm sao định nghĩa được tình yêu,
"Có nghĩa gì đâu một buổi chiều,
.....
"Hôm nay, trời nhẹ lên cao
"Tôi buồn, không hiểu vì sao tôi buồn
"Lá hồng rơi lặng ngổ thườn
"Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương".*

Tình yêu là gì? Phải chăng nổi băng khuông khi mùa Thu tới:

"*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
"Tóc buồn buông xuống: lệ ngàn hàng.
"Đây mùa Thu tới - mùa Thu tới,
"Vối áo mơ phai dệt lá vàng".*

Nguyễn Bính khi thấy Xuân về, lòng xao xuyến:

"*Đã thấy Xuân về với gió Đông
"Vội trên màu má gái chửa chồng
"Bên hiên hàng xóm, có hàng xóm
"Ngước mắt nhìn trời, đôi mắt trong".*

và tưởng tượng:

"*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
"Một người, chín nhớ, mười mong một người
"Gió mùa là bệnh của trời
"Tưởng tú là bệnh của tôi yêu nàng".*

Tình yêu theo Nguyễn Bính là ghen tuông, ích kỷ:

"*Tôi muốn cô đừng nghĩ đến ai,
"Đừng hôn dù thấy đóa hoa tươi
"Đừng ôm gối chiếc đêm nay ngủ
"Đừng tắm chiều nay, bé lắm người".*

Hoặc như Huy Cận, tình yêu là đơn sơ như áo trắng học trò:

"*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong
"Hôm xưa em đến, mặt như lòng
"Nở bừng ánh sáng. Em đi đến
"Gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng.
"Em đẹp bàn tay, ngón ngón thon.
"Em duyên đôi má, nắng hoe tròn
"Em lùa gió biếc vào trong tóc
"Thối lại phồng anh, cả núi non".*

Hồ Dzếnh thấy tình yêu đẹp và chỉ đẹp khi còn dang dở:

"*Em cử hện! Nhưng em đừng đến nhé,
"Anh sẽ trách, cố nhiên, nhưng rất nhẹ,
"Nếu trót đi, em hãy gắng quay về,
"Đời mất vui khi đã vẹn câu thề.
"Tình chỉ đẹp, khi hây còn dang dở.
"Thơ viết dừng xong, thuyền trôi chỗ đó,
"Cho nghìn sau lỡ lũng... với nghìn xưa".*
Theo Nguyễn Vĩ, *Tình yêu* là *Thương* thương, *Nhỏ* *Nhỏ*:
"*Ta hết hỏi đêm hè: giờ quạnh quẽ
"Nàng mở chi trong nhung lụa, khuê phòng?
"Ta hết buồn rạo rục đón thu phong,
"Tim hơi thổ của Nàng trong gió thổi".*

Nỗi "*Vu Vơ*" là tình yêu theo Tế Hanh:

"*Những ngày nghỉ học, tôi hay tới,
"Đón chuyến tàu đi, đến những ga
"Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt
"Lòng buồn đau xót nỗi chia xa".*

rồi ao ước thật bạo:

"*Nếu em chết, chắc là anh có thể
"Tỏ mối tình lặng lẽ, quá sâu thẳm
"Anh tìm nơi em nghỉ giấc ngàn năm
"Ngồi điên dại, sầu như cây liễu rũ.
"Anh không uống, anh không ăn, không ngủ
"Anh khóc than, than khóc đến bao giờ
"Nước mắt anh lầy lội cả năm mờ
"Nhỏ từng giọt xuống thân em lạnh lẽo".*

Tình yêu đến với *Đình Hùng* trong im lặng:

"*Tôi nghe em nói bằng im lặng,
"Bằng dáng nghiêng nghiêng động nét mày.
"Bằng cả mệnh mang chiều lẳng đọng;
"Nụ cười em gọi gió thu bay".*

.....
"*Chưa gặp em, tôi đã nghĩ rằng
"Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng
"Mắt xanh là bóng dừa hoang dại
"Ấu yếm nhìn tôi không nói năng".*

Tình yêu là thương nhớ người tình đã ra đi trong bài: "*Giây Phút Chạnh Lòng*" của Thế Lữ:

"*Em đừng nương mình dưới gốc mai
"Vìn ngành sương đọng, lệ hoa rơi
"Cười nâng tà áo đưa lên gió
"Em bảo: "Hoa kia khóc hộ người".*

Lưu Trọng Lữ diễn tả *Tình Yêu* hết sức nhẹ nhàng qua mùa Thu:

"Em không nghe mùa Thu
"Dưới trăng mờ thốn thức?"

.....
"Em không nghe rùng thu
"Lá thu kêu xào xạc
"Con nai vàng ngơ ngác
"Đạp trên lá vàng khô".

Hoặc:

"Em chỉ là người Em Gái thôi,
"Người em sâu mộng của muôn đời
"Tình em như tuyết giăng đầu núi
"Vàng vạc muôn thu nét tuyệt vời".

T.T.Kh. chỉ một bài thơ "Hai Sắc Ti-Gôn" đã làm vạn con tim xót xa, rướm lệ vì một tình yêu chớm nở và lỡ làng:

"Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn,
"Nhặt cánh hoa rơi, chẳng thấy buồn.
"Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc
"Tôi chờ người đến với yêu đường.
.....
"Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
"Thò dài trong lúc thấy tôi vui,
"Bảo rằng: "Hoa giống như tim vỡ
"Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi".

Tâm trạng T.T.Kh. cũng giống như tâm trạng Arvers. Đông Tây đã gặp nhau trong Tình Yêu vì Tình Yêu là Nhân Bản của con Người. Tình Yêu là sự then thừng, thăm kín trong "Đi Chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp:

"Em đi, chàng theo sau,
"Em không dám đi mau,
"Ngại chàng chế hấp tấp,
"Số gian nan, không giàu".
"Làn gió thổi hây hây,
"Em nghe tà áo bay,
"Em tìm hơi chàng thổi
"Chàng ơi, chàng có hay?".

Tình yêu là những lời yêu đương tha thiết, đắm say của Nguyễn Sa:

"Không có anh, lấy ai đưa em đi học về?
"Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học?
"Ai lau mắt cho em ngồi khóc?
"Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa?
"Nhưng lúc em cười trong đêm khuya,
"Lấy ai nhìn những đường răng em trắng?
và những nhung nhỏ:
"Gặp một bữa, anh đã mừng một bữa,
"Gặp hai hôm, thành nhị hỷ của tâm hồn.
"Thơ học trò, anh chất lại thành non
"Và đôi mắt ngát ngây thành chất rượu".

Các thi sĩ Đông Tây kim cổ chỉ nêu lên những hiện tượng của Tình Yêu, chỗ chứa định nghĩa hẳn Tình Yêu.

Các nhà khoa học và tâm lý cho Tình Yêu là thuốc phiện vì có thể gây nghiện. Người đang yêu tạo ra một lượng Phenylethylamine nhiều hơn. Chất này kích thích, làm tim đập nhanh hơn, gây cảm giác rạo rục và tăng niềm phấn khích. Bằng cách tăng độ thẩm thấu của mạch máu, lượng Phenylethylamine tạo ra nét mặt đỏ hồng hào của người đang yêu và thắm hoa các giác quan: thấy màu

sắc rực rỡ hơn, vạn vật vui tươi hơn, âm thanh xung quanh rộn rã, thánh thót hơn. Nó gây cho người đang yêu một cảm giác được tái sinh và có cảm xúc tuyệt vời khiến người ấy đắm ra nghiêng. Và tình yêu do đó là mù quáng. Thần Ái Tinh được Tây Phương tượng trưng bằng một đứa trẻ có cánh, mang vài che mắt, bán những mũi tên tình yêu tùy hứng mà không định hướng. Mặc dù khi yêu nhau, người ta cứ nhìn nhau không biết chán, những gì ta nhìn bằng mắt được "thọ nhận" và được "Tuồng, Hành, Thức" thêu dệt thêm. Một nhà khoa học đã tiến hành một cuộc thí nghiệm về sự "mù quáng của Tình Yêu" như sau: Ông yêu cầu họ quan sát hành động của một người lạ. Sau đó, khi được hỏi lại, họ nhớ hành động của người lạ chính xác hơn hành động của người yêu. Kết quả "Tình cảm càng mãnh liệt, trí nhớ về hành động, hình ảnh càng kem. Vì thế nên các Bạn Thanh Niên Nam Nữ, khi yêu mà muốn tiến đến Hôn Nhân, nên hỏi ý kiến của cha mẹ, anh chị vì người đứng ngoài tình yêu bao giờ cũng có cái nhìn đúng hơn.

Dưới nhãn quan Phật Giáo, Tình Yêu hiểu như thế nào? Trên cõi đời này, không gì thiết tha và mạnh mẽ bằng Ái Tinh, nhiều khi còn lấn lướt tình phụ mẫu. Nhưng không có "Chân Tình Yêu" trên mặt đất này. Một sự thật phũ phàng, các bạn thanh niên ạ. Tình yêu là sự lợi dụng lẫn nhau qua thân và tâm thỏa mãn tự ngã mà thôi. Tình yêu là sự phóng hiện của Tự Ngã. Nói: yêu anh, yêu em vô cùng, nhưng thật ra là yêu chính mình trước hết, yêu tự ngã. Nói yêu, nói thương, nói gì gì đó, tất cả là tiếng nói của Tự Ngã mà thôi.

Câu chuyện sau đây sẽ minh xác điều nói trên:

Mạt Lợi phu nhân và vua Ba Tù Nặc một hôm cùng luận đạo. Vua bỗng hỏi:

- Chẳng hay, Ái Khanh thương ai nhất trên cõi đời này.

Phu nhân cười, trả lời:

- Tiếc thiếp thường yêu Bệ hạ nhất. Và phu nhân hỏi lại:

- Còn Bệ hạ thường ai nhất?

Nhà vua đáp:

- Trẫm yêu thường Ái Khanh nhất chỗ còn ai nữa?

Mạt Lợi phu nhân thấy vua vui vẻ, lại nói:

- Nếu Bệ hạ cho phép, thần thiếp sẽ nói trung thực, khác một chút.

Được. Ái Khanh cứ nói thật đi.

- Muốn tâu, thực ra trên cõi đời này, thần thiếp chỉ có riêng yêu thường thần thiếp nhất mà thôi.

Chứng khó hiểu, nhà vua hỏi lại:

- Vậy là sao? Ái Khanh hãy nói rõ hơn.

- Muốn tâu Bệ hạ, chỉ vì thần thiếp thường yêu mình nên muốn Bệ hạ ban bố cho mình hạnh phúc. Muốn mình có hạnh phúc, thần thiếp phải thương yêu Bệ hạ thật nhiều. Có thể, Bệ hạ mới thương yêu lại thần thiếp và ban bố cho Tình Yêu và Hạnh Phúc. Vì thương yêu mình mà thần thiếp yêu Bệ hạ !!!

Nghe qua sự thật của phu nhân sùng ái nhất của mình, nhà vua hỏi bàng hoàng. Một sự thật trở trêu !!!

Mạt Lợi phu nhân, tiếp:

- Như Bệ hạ, Bệ hạ thật ra cũng chỉ riêng yêu Bệ hạ nhất thôi. Nếu thần thiếp trộm yêu thương người khác, Bệ hạ nghĩ sao? Có phải Bệ hạ ờ ờ cho xử trảm thần thiếp không?

Đến đây nhà vua đã rõ vấn đề nên gạt đầu. Chính vì yêu thương tự ngã nên khi bị tình phụ, ta thất vọng ta phẫn nộ điên cuồng vì tự ngã ta bị va chạm, tự ngã ta bị ruồng bỏ, chê bai. Chính vì yêu thương Tự Ngã quá mạnh nên có nhiều hành động thô bạo như tự sát, giết người. Điều này đã xảy ra quá nhiều tại Đức Quốc này.

Cho nên ta phải cố gắng tu tập sao để giảm thiểu thương yêu tự ngã để Tình Yêu không gây nhiều sóng gió, không đem lại ta đắng cay và đau khổ.

LỜI
CHANG
NÊN
LỜI TỪ
BIỆT

Tùy Anh

Trăm năm ảo mộng liền tay
Buồn vui tựa một cơn say qua đời
Tiếng cười từ chén giao bôi
Anh đi, lời chẳng nên lời biệt ly!
Lòng quặn thắt, lệ hoen mi
Đêm nay thức trắng còn gì cho anh?
Vào đời lúc tuổi còn xanh
Ngọt bùi chia sẻ trong tình anh em
Sương mưa còn đọng bên thềm
Tưởng như nước mắt bên rèm liễu giăng
Giờ em chẳng khác vàng trắng
Cô đơn với những nhọc nhằn gian nan
Anh đi hết nẻo nhân gian
Dường như có chút điều tàn trong em!

Hamburg, 29.6.96

Đêm nghe tin người anh thứ ba thất lạc tại Việt Nam.

LÀM SAO ĐỂ CÓ MỘT ĐỜI SỐNG TINH THẦN ỔN ĐỊNH NƠI HẢI NGOẠI ?

• Bs. Phạm Nguyễn Lương

(tiếp theo VG số 93)

9. Cá tính mỗi người nếu bất thường sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tâm trí

Cá tính bất thường (*Personality Disorders*) xảy ra khi cá nhân tiềm ẩn những tính nết bất thường, lạ lùng khó chịu cho những người bình thường khác - Cá tính bất thường có thể nhận thấy bắt đầu ở tuổi vị thành niên hoặc trẻ hơn. Tùy tính tình bất thường phát lộ. Các tâm trí gia đã phân biệt như sau:

- Cá tính luôn đổ lỗi người khác (*Paranoid*) - Khi cá nhân luôn có tính nghi kỵ, nhạy cảm không đâu, ghen tị, tức bực người khác, lúc nào cũng căng thẳng, tự cho mình là quan trọng... lại hay có khuynh hướng đổ lỗi cho kẻ khác, hoặc gán ghép điều xấu cho kẻ khác v.v....

- Cá tính luôn lập dị (*Schizoid*) khi cá nhân luôn mặc cỡ, nhạy cảm, luôn sống riêng rẽ, xa lánh mọi người, luôn làm vẻ khác biệt hoặc dị biệt với người khác. Những người có cá tính lập dị này vẫn hiểu biết mọi việc bình thường nhưng hay mơ mộng... Họ không thể biểu lộ ác cảm hoặc có thể hung hăng đối với những người đã làm họ giận, hoặc chèn ép, hành hung họ... họ chỉ biết chịu đựng một cách khờ khạo mà không có khả năng phản đối lại... Ở trình độ nặng hơn khi cá nhân luôn lập dị, lại mất cả khả năng nhận xét thực tế, luôn kỳ dị, có ảo tưởng, luôn mơ mộng trái với sự thực, tính nết lạ lùng, thích xa lánh mọi người...

- Cá tính cần thận (*Obsessive-Compulsive*): Có được khi cá nhân quá cần thận đến bệnh hoạn - luôn dăm chiêu, nghi ngờ, đòi hỏi những tối đa, những mực thước, cần thận quá đáng - Những cá nhân có cá tính cần thận quá đáng này thường căng thẳng làm việc gì cũng làm đi làm lại cả chục lần, lưỡng tâm chức nghiệp quá cao, làm việc cần thận quá đáng, luôn tự chế một cách như tự hành hạ chính mình, không sao cảm thấy thoải mái được...

- Cá tính khờ khạo, nhe da (*Histrionic*): Khi có tính cảm luôn thay đổi, dễ bị điều khiển bởi ngoại cảnh, ngoại vật, cá nhân luôn phản ứng quá nhạy, khoe khoang, nống nổi, luôn lệ thuộc người khác, thích bị thắm hóa mọi việc, luôn kêu gọi sự chú ý của người khác, thích quyến rũ người khác v.v....

- Cá tính luôn tránh né (*Avoidant*): Khi cá nhân luôn thấy mệt mỏi, ít có năng lực để làm được việc gì, không thấy hứng thú trong công việc hàng ngày, không thấy thích thú việc gì, rất dễ bị căng thẳng, lo âu...

- Cá tính chống đối xã hội (*Antisocial*): Khi cá nhân khó có thể hòa hợp với mọi người, luôn phản bội những gì đã hứa, ích kỷ, chai đá, thiếu trách nhiệm đối với chính bản thân và đối với người khác, thích làm việc mình thích mà thôi, lại không hề biết hối hận, không biết rút tĩa kinh nghiệm để làm việc khác hơn, hoặc được lòng mọi người hơn v.v.... Cá nhân có cá tính này ít chịu đựng được những chuyện khó khăn, khi vật chất thiếu thốn; họ lại luôn đổ lỗi cho kẻ khác v.v....

- Cá tính cục xúc (*Passive-Aggressive*): Khi cá nhân có tính vừa nhu nhược lại vừa hung hãn, lúc hiền thì hiền quá như ý lại người khác, lúc hung hăng, lấn áp tất cả mọi người... tính "hiền" nhưng hay "cục", biểu lộ bởi những tính ứng ngạnh, bướng bỉnh, làm việc thiếu hữu hiệu, luôn tỏ ra bất mãn, làm việc gì cũng khó thông suốt...

- Cá tính ích kỷ (*Narcissistic*): Khi có tính luôn ghen tị, thù hận về mình, luôn kêu gọi sự để ý của người khác, thích được người khác khen ngợi, tự tôn mặc cảm, thiếu tinh thông cảm, thích chuyện chửi tước v.v....

- Cá tính hỗn tạp (*Bordeline*): Con người khó lường được, tính luôn thay đổi, làm việc thiếu tính toán, chỉ biết nhất thời theo ý mình, sống lang chạ, hết làm tình với người này lại đến người kia, thích tìm cách

tự hủy hoại thân thể, cắt tay, rạch đến chảy máu làm thích hoặc đi đến tự tử nhiều lần... Người có cá tính này luôn cảm thấy nhàm chán mọi việc, tinh thần trống rỗng, không tự biết mình là ai, muốn gì v.v....

- Cá tính lệ lại (*Dependent*): Khi con người luôn thụ động, ý lại, nhu nhược, luôn lệ thuộc người khác, không óc tự tin vào bất cứ việc gì...

- Cá tính tự ty (*Self Defeating*): Cá nhân có tính này luôn bị lôi kéo vào các hoàn cảnh thua thiệt, tự mình bị đau khổ, day dứt vì những thất bại do tính do dự, tự mình làm hại mình...

- Cá tính hung dữ (*Sadistic*): Có tính nết dữ dội, luôn thích làm những chuyện độc ác hay nói những lời cay nghiệt cho người khác...

Ngoài những cá tính đã kể ở trên trực tiếp ảnh hưởng đời sống tâm trí của con người... Tính quý quỵệt (*Malingering*) tự tạo những tính nết, những hoàn cảnh để trục lợi người khác. Đời sống gia đình lục đục, bất hòa như sống trong địa ngục cũng làm thay đổi tâm tính của con người... Nghề nghiệp chuyên môn, hoàn cảnh xã hội bị thay đổi, bị thất nghiệp, hoàn cảnh đau buồn khi người thân yêu bị chết... tất cả có thể ảnh hưởng, ít hoặc nhiều, đến tâm trí của mỗi cá nhân.

Đại sư Trí Khải, tên thật Trần Đức An, từ thế kỷ thứ 6 đã dạy về cách nhận xét về tâm tính của con người, Đại sư lại chỉ cách chữa trị những tính tình sai lệch, những thói hư, tật xấu của con người theo những cách tu tập Phật giáo. Đông và Tây đã gặp nhau trên phương diện khảo sát tâm bệnh của con người khác chẳng là Đông phương đã tìm ra cách chữa trị một số tâm bệnh từ thế kỷ thứ 6 hoặc trước nữa. Trong khi chữa trị những bệnh tâm trí ở Tây phương chỉ rõ ràng từ thời triết lý gia Freud (1856-1939) sau này...

Trong sách "*Thiền Căn Bản*" do HT. Thanh Từ dịch ra tiếng Việt, Đại sư Trí Khải đã chỉ bảo cách xem tướng mạo để đoán tâm bệnh. Đại sư phân biệt những người có tướng đa dâm, người tướng nóng giận, người tướng ngu si v.v.... như sau:

- Tướng người đa dâm: Người có tính nói nhiều, tin nhiều, nhan sắc vui vẻ, nói năng dễ dàng... ít giận hờn, ít ưu sầu, giỏi kỹ thuật, ưa nghe, thích biết, yêu thích văn thơ, có tài đàm luận, hay xét biết tính người, làm nhiều chuyện kinh sợ... người ưa trang sức hưởng hoa, tâm nhỏ nhẹ khiến người khác thường mến, nói lời bóng bẩy, ưa làm phước nghiệp... tín nhiệm phụ nữ, lừa dục hững hờ, tâm nhiều hối hận, biến đổi... Thích sự trang sức, ưa xem tranh ảnh, luyện tiếc vật của mình, ước ao đồ của người, ưa kết bè bạn, ... kẻ ấy nhìn rất thiện cận, làm việc thiếu suy nghĩ, nhẹ dạ, ưa kêu, ưa khóc... Thân thể mềm yếu, không kham chịu lạnh, chịu khổ... dễ nản, dễ vui... Tự đại, háo thắng... không chịu người lấn hiếp, ưa làm việc cứu giúp. Tiếp dẫn người lành, xem xét nhan sắc đoán được lòng người, nói lời khôn khéo - kết bạn không bền, đầu tóc ít, thưa... ít chịu ngủ nghỉ, đi đứng dùng mạo dưỡng hoang, có tiền của liền đem cứu cấp, về sau hối tiếc... Người ấy trong phòng ưa mặc đồ mỏng, khát khao nữ sắc, nuôi nhiều hầu, nhiều vợ v.v....

- Tướng người nóng giận: Khi người nhiều giận, buồn, thân miệng thô sần, hay nhân các thủ khổ, gặp việc không khiếm sợ; nhiều buồn, ít vui; có thể làm việc đại ác không thường xót... thích sự tranh đấu, kiện thưa... Dung mạo khô héo, mày nhăn, mắt trợn, khó nói, khó vui, khó làm việc, khó thành công... Tâm mình như ghè lở mà ưa nói lời người - luận nghĩa vững chắc khó thuyết phục được khó làm khuynh động, khó thân thiện, khó ngăn trở. Nhận lời hứa không quên, tài giỏi, khéo léo, tâm không chịu lùi biếng, làm việc mau chóng, ôm kỳ vọng không nói, người sâu sắc, khó hiểu... Chuyên cần học tập, hay bố thí, không màng lợi nhỏ, làm thầy thì khôn ngoan, ít sự dâm dục, nhìn ngay, ngó thẳng, nói năng chân thật, trình bày rõ ràng, ít có bạn thân, làm việc hay chấp nhất, nhớ lâu, khó quên, ưa làm việc bằng tay chân... có thể tự lia dục mà ưa gây tội nặng...

- Tướng người ngu si: Người lười biếng, không nhận thức, nhiều nghi ngờ, nhiều hối hận, thích tự mãn, không tuân theo, kiêu mạn không dạy bảo - chuyện đáng tin lại không tin - chuyện không đáng tin thì lại tin - không biết chỗ nào đáng kính, thường bị rầy quở... Có ai chỉ dạy, lại hay chống đối, không biết chọn bạn, không biết trang sức... không biết phân biệt tốt xấu, cần tính ngu độn, chậm lụt... không có tính thường xót, chê bai người làm việc bố thí, phá hủy cây cầu chánh pháp, gặp việc không hiểu biết, con mắt lơ đãng, không có trí huệ, nhiều trông đợi, nhiều nghi ngờ, ít chánh tín - ganh ghét người tốt, không phân biệt lời lành, không biết làm lỗi, không vâng lời khuyên bảo - Xa lìa người thân lại sanh oán trách - không biết lễ phép, ưa nói lời ác khẩu, bị người sai khiến, chỗ đáng sợ lại không sợ, chỗ vui lại ầu

sầu... Hay chịu những sự khổ nhục, khó thể lia dục, không phân biệt mùi vị, làm lắm tội sâu nặng...

Sau khi dạy cách nhận xét để biết tâm bệnh của một số người, Đại sư Trí Khải lại dạy cách tùy bệnh đối trị, dùng các Pháp môn Phật giáo để chữa trị như Pháp môn *Bất Tính Trị* để chữa tính đa dục... Pháp môn *Tử Bi Trị* để loại trừ tính nóng giận, Pháp môn *Nhân Duyên Trị* để trị người nhiều ngu si, Pháp môn *Niệm Hơi Thở Trị* để giúp người bị nhiều lo nghĩ... Xin đọc quyển: "*Thiền Căn Bản*", Chương II, III của H.T Thanh Từ.

III. Những tình cảm sai lạc, những thay đổi tâm lý nào đã gây bệnh cho cơ thể con người? Chữa trị ra sao?

Đời sống tâm trí của con người như đã diễn tả ở các đoạn trên biểu lộ bởi trình độ trí thức, bởi những xu hướng phát lộ phản ánh năng lực đầu óc của cá nhân đó. Đời sống tâm trí bao gồm đời sống tinh thần với những năng lực, trạng thái tâm hồn, linh hồn thực sự của con người. Bao gồm cả những tình cảm với những xúc cảm, vui, buồn, mừng, giận, yêu, ghét, lúc cuồng, lúc nhu với những tính nét thay đổi tùy người. Đời sống tâm trí cũng gồm những nhạy cảm, những đam mê, độc đáo hay không tùy ở mỗi cá nhân... Khi phải giao thiệp, sinh sống trong xã hội, con người có thể có những phản ứng khác nhau, những tình cảm khác nhau. Những thay đổi về hoàn cảnh, về thể chất như trên đã tả, đã ảnh hưởng đến đời sống tâm lý... Tùy sự thích hợp và khả năng chịu đựng của mỗi cá nhân, những thay đổi về tình cảm, về tâm lý có thể chỉ ảnh hưởng đến cá nhân một cách nhẹ nhàng. Những trường hợp nặng, trường hợp bị căng thẳng lâu ngày quá sức chịu đựng, trường hợp vì tuyệt vọng không nghĩ ra lối thoát quá lâu đến cường trí, trường hợp bị nản chí kinh niên v.v... Quá sức chịu đựng, con người sẽ bị những bệnh nhức đầu, bị căng máu, bị đau ngực, đau tim, ỉa chảy kinh niên v.v... Những tình cảm sai lạc, những thay đổi tâm lý quá sức còn gây chứng loét dạ dày, ngứa xiu vì máu xam, hoặc bị sản ngứa khắp người, bị bệnh ngoài da, bị đau nhức khớp xương, bị phì mập, bị bệnh suyễn, ho hen từng cơn v.v...

Để có ý niệm rõ ràng về những hậu quả bệnh tật khi có những tình cảm sai lạc hoặc những bất thường về đời sống tâm trí. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu những bệnh nào đã gây ra bởi những hoàn cảnh tâm lý sai lạc. Làm sao để nhận biết, để chữa trị, để đề phòng v.v...

1. Chứng nhức đầu vì lo nghĩ thái quá

Không kể những người bị nhức đầu vì những bệnh về thể chất như bị căng máu, bị bướu trong não, đeo kính cận sai độ v.v... Nhiều người có cơ thể khỏe mạnh, những lại bị nhức đầu vì bị lo lắng, bị căng thẳng. Nhức đầu vì lo lắng thái quá, làm các bắp thịt ở cổ co bóp, chặn máu lên não bộ, sinh ra nhức đầu... Những bệnh nhân vì bị nhức đầu vì lo lắng kinh niên còn có thể bị chứng uú tử. Người bị chứng nhức đầu một bên, hoặc nhức đầu kinh niên sẽ bị nhức đầu nhiều hơn nếu lại bị lo lắng quá độ, hoặc bị căng thẳng, vận động cơ thể quá nhiều, hoặc ăn đồ ăn có nhiều chất *tyramine* v.v...

2. Bị áp huyết cao vì bị căng thẳng trong đời sống hàng ngày

Người bị bệnh căng máu, ngoài những nguyên nhân về bệnh về thể chất, tình cảm, tâm lý sai lạc cũng làm máu lên cao. Những người luôn phải dồn nén không thể bộc lộ những cơn giận của mình, không thể hét lên cho thỏa cơn giận, luôn mặc cảm tội lỗi vì những ý muốn không chính đáng của họ, luôn phải lo lắng lấy lòng người này người kia v.v... lấy lòng ông chủ, bà chủ v.v... Những căng thẳng làm tăng lượng *Catecholamines* ở trong máu và làm tăng độ căng của áp suất máu. Để chữa trị, các tâm trí gia sẽ phải tìm hiểu đời sống tâm trí của những người bị bệnh loại này, Bác sĩ sẽ khuyến khích người bệnh phải tập thể dục đều hòa, tập sao cho tự mình thấy thoải mái. Tập thiền Yoga, *Biotefeldbach*, để tự mình kiểm soát lấy chính mình làm mất đi những lo lắng, giãy vò, tự mình thoải mái chính mình v.v... bệnh căng máu, tâm lý sai lạc sẽ bớt đi với những phương pháp tập tành như vậy. Nếu không bớt, thuốc uống mỗi ngày sẽ được Bác sĩ cho thêm...

Những người bị bệnh căng máu nhẹ, nghiên cứu cho thấy, tâm lý trị liệu và tập thể dục đều hòa, đã cho nhiều kết quả tốt...

3. Trường hợp bị bệnh suyễn (Asthma)

Vì luôn bị căng thẳng, hoặc bị nhiễm trùng ở bộ máy hô hấp, bị dị ứng... Nghiên cứu ở những trẻ con bị suyễn đã khiến các tâm trí gia tin rằng trẻ em được bố mẹ cưng, chiều quá mức, khi phải xa bố mẹ để đi học, đi chơi với bạn bè v.v... thường lo lắng thái quá, trở nên khó thở từng cơn, khô khè thay cho những thốn thức khát vọng tình thương và sự che chở của bố mẹ!

Chữa trị vì thế phải tìm hiểu sự quá ràng buộc của đứa trẻ đối với bố mẹ - khuyến khích đứa trẻ đừng quá lệ thuộc vào bố mẹ, tập có đời sống riêng, học lấy những kinh nghiệm riêng... Đứa trẻ dần dần tự kiểm soát được những lo lắng sợ hãi khi phải xa bố mẹ - và kiểm soát được hơi thở đều hòa - khỏi dần bệnh suyễn vì bất thường tâm trí...

Những bệnh có nguyên nhân về thể chất như nhiễm trùng, bị dị ứng, phản ứng v.v... cần được chữa trị bằng thuốc.

4. Bị đau tim, bị tức ngực, bị mạch máu tim co bóp bất thường vì có tâm lý bất thường

Lo lắng thái quá làm tim đập không đều. Người luôn có tính nản chí, khó chịu, hay luôn hung hãn với người khác (*type A. Person*) dễ bị những bệnh bất thường về mạch máu tim co bóp không đều... Nhiều người bị chết bất đắc kỳ tử vì bị kích sức về tâm trí - những biến cố quá đau đớn, quá chua cay, đột nhiên xảy đến, quá sức chịu đựng của đường sự, bệnh nhân bị chứng tim hỗn loạn mà chết!

Để đối phó với căn bệnh nguy hiểm này, các Bác sĩ khuyến người bệnh loại bỏ những yếu tố gây bệnh, như không nên hút thuốc lá, không uống rượu, sửa đổi tính nết, làm việc gì cũng bình tĩnh, chậm rãi hơn..., tránh bị lên kí, cắt bớt mỡ trong thức ăn hàng ngày... Chữa trị những bệnh về tâm trí, như bệnh sợ đám đông (*Social Phobia*)... tránh tim bị hỗn loạn, tránh máu về tim quá nhiều v.v...

5. Bị ỉa chảy kinh niên, bị bệnh loét ruột *Crohn* vì luôn lo sợ, căng thẳng

Những người bị chứng này luôn dăm chiêu, nghĩ ngợi, càng lo lắng càng bị ỉa chảy nhiều... Những triệu chứng này chỉ xảy ra sau những biến cố lớn về tình cảm, bị ly dị, bố mẹ, người thân yêu bị chết, hồng thi, mất job... Các tâm trí gia cho rằng những người có cá tính thụ động hay bị bệnh này. Trẻ con luôn bị sợ hãi, luôn sợ bị trừng phạt - Người lớn không thể làm khuây khỏa được những tức tối, những hận thù trong óc của họ, hoặc người luôn có tính cẩn thận quá đáng thường dễ bị những bệnh này.

Tâm lý trị liệu sẽ giúp người bệnh đỡ lo sợ, biết thích hợp dần với đời sống hàng ngày. Ỉa chảy sẽ hết đi khi phối hợp tâm lý trị liệu và thuốc men cần thiết.

6. Các tuyến nội tiết sẽ bị bất thường vì những biến cố tâm lý và khi cá nhân không thể tự chữa cho mình

Tuyến cổ *Thyroid* sẽ tiết quá nhiều khi cá nhân đột nhiên bị lâm vào tình trạng bị căng thẳng tinh thần quá độ. Người luôn bị sợ hãi, lo lắng kinh niên có thể bị đái ra đường. Bị chứng u sầu quá đáng sẽ làm sai lạc sự điều hòa của các tuyến nội tiết trong người sinh ra các bệnh cho cơ thể...

7. Bị đau nhức khớp xương, đau nhức, co giật các bắp thịt vì bị biến cố về tâm lý

Những người luôn bị căng thẳng trong đời sống hàng ngày, bị luôn lo buồn, bị có người thân yêu vừa chết, những người luôn giận dữ, luôn buồn phiền v.v... dễ sinh ra chứng bị đau nhức các khớp xương, các bắp thịt...

Để chữa trị, tâm trí gia sẽ giúp cho các người bệnh luôn hoạt động để tránh hoặc giảm thiểu các khớp xương khỏi bị sinh tật, méo mó, hoặc sưng phù. Chứng u sầu sẽ được trị bằng thuốc và tâm lý trị liệu. Chứng bắp thịt co thắt, chuột rút vì căng thẳng sẽ được trị bằng *Benzodiazepines* (thuốc an thần). Những chứng sưng khớp xương, sẽ được trị bằng cách khuyến khích người bị bệnh thay đổi hẳn nếp sống và tâm lý thường ngày, bỏ lo lắng, bớt căng thẳng, tự làm sự kí, năng tập thể dục trong nhà để làm tăng sức mạnh của các bắp thịt nối liền các xương ở các khớp xương, chữa những đau nhức liền khi thấy đau, nhức v.v...

8. Bệnh ghẻ lở ngoài da do sự bị lo lắng, vầy vò, bị căng thẳng, nhỏ tiếc người thân qua đời

Hoặc có ở những người có nội tâm bị xâu xé về tình dục, bị phải dồn nén những cơn giận không thể bộc lộ ra cho hả giận... Bệnh ngoài da thường khó chữa, nhất là do nguyên nhân tâm trí bất thường... Một vài chứng bệnh ngoài da được chữa khỏi nhờ khoa thời miên người bệnh...

9. Bệnh phì mập

Ăn liên tiếp để làm giảm cơn lo lắng là điều thường thấy, kết quả mập ú thấy rõ. Người thiếu ngủ hay ăn ban đêm... mà bị mập. Người mất khả năng kiểm soát sự thèm ăn, ăn không biết chán, mà bị mập... Phân tâm học giải thích có sự liên lạc giữa cá tính luôn lệ thuộc người khác của người bệnh và sự ăn nhiều...

Để chữa trị, cần tâm lý trị liệu, nhóm trị liệu, cùng những khuyến khích nghe theo lời của những chuyên viên về dinh dưỡng... Trong đa số các trường hợp người mập, béo thường bị chứng buồn phiền, u u, cần được chữa trị đến nơi đến chốn...

10. Bị đau dạ dày bởi lo lắng, u u, căng thẳng...

Lạm dụng uống rượu quá nhiều, uống cà-phê quá đặc... là điều thường thấy ở đa số người Việt. Giải thích căn nguyên bị bệnh theo tâm lý học người bị đau dạ dày đa số vì luôn bị thất vọng và có cá tính thích lệ thuộc, thích bị kiểm soát bởi vật gì, người nào v.v... Những người bị bệnh loại này bề ngoài luôn tự bằng lòng với hoàn cảnh, nhưng thực sự họ không thể để những cơn giận dữ của họ bùng nổ ra rồi người ngoài dần như những người bình thường khác. Trái lại họ luôn nuốt giận, làm lạnh, củ để cơn giận vầy vò tâm tư họ, không sao diễn tả ra ngoài... rồi tự mình đau khổ lấy mình, sinh chứng loét dạ dày...

Để chữa trị, ngoài thuốc men thông thường, người bệnh cần phải đổi hẳn lối sống, lối suy nghĩ, biểu lộ tình cảm, học cách hướng nhân, tự mình làm thoải mái lấy cho mình khi gặp những căng thẳng, gay go trong đời sống hàng ngày...

11. Bệnh máu xâm, ngứa xiu vì tâm lý sai lạc

Người bị lo lắng thái quá hoặc quá sợ hãi gì đó, thần kinh kiểm soát mạch máu sẽ giãn nở, làm máu xuống thấp, không đủ máu bơm lên óc, kết quả ngứa xiu... Những người thích coi phim Tàu thường thấy cảnh mấy bà vợ chờ tin chồng đang đi chinh chiến ở nơi xa xôi... Tin chồng tử trận làm chinh phụ ngứa xiu v.v...

Bệnh ngứa xiu vì những tin dữ dội, ảnh hưởng tâm lý quá mạnh, còn nặng thêm nếu những người bệnh lại sẵn bị bệnh thiếu máu hoặc uống những loại thuốc chống u u, nhưng lại bị phản ứng của thuốc sinh chứng máu xuống thấp v.v...

12. Bệnh phản ứng sẩn ngứa ngoài da (*Urticaria*)

Khác với bệnh bị ghẻ lở ngoài da đã kể ở trên, nhưng cũng do tâm lý bất thường. Bệnh này không do những kháng vật *Allergen* hay do những chất vật lý hoặc hóa học sinh ra mà hoàn toàn do những yếu tố tâm lý sinh ra như bị căng thẳng, bị lo lắng quá lâu, bị chứng u u... Càng lo lắng bao nhiêu, càng bị ngứa bấy nhiêu. Tự gãi đến trầy rách da vì ngứa. Phân tâm học cho thấy những người bị chứng này luôn dồn nén những bức tức của mình, luôn bị vầy vò vì những tư tưởng luôn đối chọi nhau trong đầu, nửa muốn tự lập, tự quyết định mọi việc, nửa muốn lệ thuộc, buông thả tất cả, phó mặc tất cả v.v... Những người này luôn cảm thấy thiếu sót, luôn cảm thấy tội lỗi trong thâm tâm... Có người gãi ngứa luôn tay, cũng là cách để tránh những tư tưởng hắc ám về tình dục v.v...

Để chữa trị phải phân biệt chứng sẩn ngứa vì những yếu tố vật chất, khác với những nguyên nhân tâm lý. Thuốc an dịu thần kinh, vài loại *Phenothiazines* cũng dùng để trị những sẩn ngứa... Tâm lý gia sẽ giúp bệnh nhân tìm hiểu những ước muốn thầm kín của mình, những ý tưởng thác loạn trong vô thức về tình dục, về tính cách đè nén người khác, thích hành hạ kẻ khác. Để người bệnh có cơ hội diễn tả những ẩn ức trong tâm, nói ra những đè nén, những mơ mộng khó nói, những sợ hãi, nóng nổi. Những lệ thuộc thấp hèn v.v... rồi được dẫn dắt, sửa đổi ý nghĩ, tăng lòng tự tin, tăng sức mạnh tinh thần... để đối phó với những căng thẳng, những thất vọng dồn dập trong đời sống hàng ngày...

IV. Làm sao để có một đời sống tinh thần ổn định bình thường ?

Đời sống tâm trí, tinh thần, tình cảm của con người bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, có thể thay đổi, chữa trị, tăng tiến... nhờ trí dục, đức dục, chữa trị bằng tâm lý trị liệu, bằng thuốc men khi có những triệu chứng bị bệnh.

Cũng như sức khỏe về thể chất, đời sống tâm trí, sức mạnh tinh thần cũng cần được gìn giữ, học hỏi đã làm con người ngày một chín chắn hơn. Chúng ta cần biết cách giữ gìn để có đời sống tâm trí bình thường, lại cần phong phú thêm đời sống tinh thần, cần những tâm lý phong ngừa để tránh những hậu quả bị sai lạc tâm lý đến gây bệnh cho cơ thể...

Có nhiều cách để giữ đời sống tâm trí lành mạnh, dù ở trong những hoàn cảnh môi, môi trường môi, đụng chạm với những căng thẳng, những phiền toái, những thất bại... Những tâm trí gia đã không thể đưa ra những khuôn vàng thước ngọc cố định cho toàn thể mọi người có được đời sống tâm trí bình thường. Vì nhiều yếu tố, vì phong tục, tập quán của mỗi xã hội, vì nhu cầu tinh thần của mỗi tập thể, mỗi hạng tuổi, phái nam, phái nữ, vì những nhu cầu của mỗi cá nhân v.v...

Tuy nhiên, đa số đã đồng ý có những yếu tố có thể giúp cá nhân, nếu theo được, có thể tự coi rằng mình có được đời sống tâm trí bình thường.

Trước hết ta phải kể 7 điều kiện của tâm trí gia Meninger kể trên.

Một người được coi có đời sống tâm trí bình thường: Khi có được một thân thể và cá tính lành mạnh, không bị di bệnh hay tật nguyền ảnh hưởng, biết thích hợp với hoàn cảnh, dễ dàng giao thiệp với mọi người, có được đời sống kinh tế trung bình vì có khả năng làm việc, sẵn sàng học hỏi để cầu tiến; không bị mặc cảm vầy vò, luôn thấy thoải mái với hiện tại, nhưng biết hăng say làm việc, học hành để tiến bộ ngày mai. Không bị nghiện ngập ảnh hưởng, luôn có thể làm chủ lấy mình, biết biểu lộ tình cảm thích hợp, đúng lúc...

Với những người bị tật nguyền, bị khiếm khuyết một phần của cơ thể (què, cụt), bị những yếu tố ảnh hưởng đã kể ở trên, khó có được đời sống tâm trí bình thường của một người bẩm sinh lành lặn, khỏe mạnh từ thể xác lẫn tinh thần. Vì thế tùy trường hợp sẽ cần những sự giúp đỡ, chữa trị khác nhau.

Với những người bình thường, muốn giữ được đời sống tâm trí bình thường hoặc phong phú hơn cũng cần được trau dồi hàng ngày. Nhiều tâm trí gia đã đề ra những phương cách để trau dồi đời sống tâm trí, cũng như trau dồi cơ thể để luôn được khỏe mạnh hàng ngày:

1. Tập sống đời sống lành mạnh mỗi ngày:

Tự đặt, tự chia thời khóa biểu làm việc, giải trí, hợp bạn v.v... một cách thích hợp cho mỗi cá nhân để tránh những căng thẳng vì giờ giấc eo hẹp. Chứa xong việc này đã dồn việc kia, gây ra những nóng nảy, mệt mỏi, bần gắt... không cảm thấy được những thoải mái, hạnh phúc trong ngày.

2. Biết đặt ra và theo đuổi những mục tiêu hợp lý

Có thể làm được cho cá nhân, cho vợ con, gia đình, bè bạn v.v... không đòi hỏi quá đáng ở cá nhân hoặc hoàn cảnh như tham, sân, si, đã là những nguyên nhân chính gây ra những sai lạc về tâm trí và gây tật bệnh cho cơ thể con người.

Như trên đã tả, **bệnh đau lưng** là do những nguyên nhân đa số về vật chất như bị ngã (té), bị đánh trật khớp xương, teo bắp thịt lưng, bị bệnh về xương, gân v.v... Những đau lưng, nhức xương cũng do những sai lạc về tâm trí, dồn nén mà ra: Người luôn chửi bới con người thật của mình, người luôn bị giằng xé tâm tư, không biết làm gì để được vui lòng kẻ khác, hay ích kỷ cứ theo ý mình v.v... Người luôn tự mâu thuẫn, lúc đầu thì hăng say làm việc, học hành, lúc gần tới đích, lại sợ hãi, không muốn thành công, bỏ ngang việc đang làm... Những căng thẳng vì những mâu thuẫn đó làm tâm lý sai lạc, dễ gây ra những bệnh về thể chất, đau chỗ này, nhức chỗ kia...

Những vầy vò chúng ta thường có khi phải chọn lựa, quyết định làm việc này bỏ việc kia, giữ cái lớn bỏ cái nhỏ, được cái này mất cái khác v.v... tất cả sẽ gây những dồn nén, những áp lực vào tinh thần, tâm trí của chúng ta.

Kinh nghiệm cho thấy chúng ta tự làm căng thẳng, tự vầy vò vì 3 điều ham hố thường thấy:

1. Chúng ta đã mong muốn, chờ đợi ở người khác quá nhiều.
2. Cái gì cũng muốn lời cho mình khiến con người luôn đoán sai kết quả của sự việc...
3. Chúng ta luôn đòi hỏi quá nhiều.
Ví thế chúng ta cần học những kinh nghiệm sống để có óc phán đoán đúng đắn, nên làm gì, tránh gì, học cách, chờ đợi, tập tính kiên nhẫn để loại trừ những căng thẳng lo âu...

3. Học cách nhận biết tính nết của người đối thoại

Để có thể sống hòa hợp với mọi người, tạo sự an vui, thoải mái tâm hồn. Tâm trí gia Minor nhận xét rằng sự không hiểu lẫn nhau khi phải giao thiệp với người khác thường là nguyên nhân gây ra căng thẳng lo âu... Minor chia mọi người làm 4 loại tính nết khác nhau:

1. Loại người thích trát tu trước mắt: Khi họ luôn nhìn cuộc đời như những bức tranh cố định. Loại người này chỉ thích những cái họ ưa mà thôi. Họ luôn ngăn nắp, sạch sẽ, quần áo tươm tất, thích chọn nghề buôn bán, thích nghề trang hoàng nhà cửa, giỏi về nghệ thuật v.v...

2. Loại người luôn có khả năng bén nhạy (Intuitive Type) luôn suy nghĩ và thích những gì thực tế. Loại người này có tài lãnh đạo thiên phú, họ thích tranh đấu và luôn đòi hỏi mọi việc phải được làm tốt đẹp tối đa...

3. Loại người luôn sống vì tình cảm (Feeler Type). Họ luôn thông cảm những cảm nghĩ của người khác, luôn hăng say làm việc, giúp đỡ mọi người. Thích làm việc cần để ý chi tiết, luôn tận tâm và bền chặt trong giao thiệp. Những người chọn nghề y khoa hoặc nghề chăm sóc người đồng loại, thường thuộc loại người này.

4. Loại người quá sành sỏi. Những người này như biết quá nhiều về đủ mọi chuyện. Họ có thể nói đùm bạn câu trả lời nếu bạn đang lúng túng gì đó. Họ còn biết lo xa, tiên liệu quá cả điều bạn đoán. Họ nghĩ được cả chục thế để khi chơi cờ tướng v.v... Nhưng loại người này lại mau chán nản. Nếu đời không có gì mới mẻ cho họ là họ buồn chán ngay. Họ thích làm nghề quản lý, chạy việc, và luôn lo nghĩ cho tương lai.

Để tránh những căng thẳng khi phải giao thiệp với mọi người, nếu nhận biết được tính nết của người đối thoại để tìm cách xã giao thích hợp là điều tốt nhất. Trong những trường hợp khác, tối thiểu để khỏi mất lòng ai, các tâm trí gia đã đề ra 10 điều khuyên căn bản, giúp con người dễ dàng giao thiệp với con người như sau:

Mười điều khuyên cần có để dễ dàng giao thiệp với mọi người:

1. Luôn giữ cứng lưỡi của bạn lại, chỉ nói ít hơn điều bạn đã nghĩ ra. Tập cách nói nhẹ nhàng và hữu hiệu. Bởi vì cách ăn nói của bạn còn giá trị hơn là những điều bạn muốn nói ra.
2. Luôn giới hạn lời hứa của bạn, và một khi đã hứa điều gì thì phải thực hiện lời hứa cho kỳ được, dù bạn phải tốn kém hay vất vả vì lời hứa đó...
3. Đừng bỏ lỡ cơ hội nói những lời khuyến khích hay những lời đẹp để với người bạn đang nói chuyện hoặc về những người khác. Thấy sự việc nào tốt đẹp là khen ngợi ngay, mà không cần biết đến ai làm việc đó... Nếu cần phải chỉ trích ai, nên phê bình một cách xây dựng hơn là mắng, chửi, làm chua cay kẻ đó...
4. Tập tính thấy thích thú tìm hiểu người khác, thích thú được nghe mục đích cuộc đời của họ, đời sống an sinh của họ, nhà cửa, con cái, họ hàng của họ v.v... Làm vui thêm những người đã sẵn vui, làm người ngoài những người đang buồn rầu, tang chế... Gặp mặt ai, dù người đó ở địa vị hạ tiện đi nữa, bạn cũng nên đối xử với người đó như hân ta hoặc cô ta là một người quan trọng cho bạn.
5. Luôn giữ nét vui vẻ - Sẵn nụ cười cời mở - Hãy giấu đi những lo âu, những đau đớn, những bức mình... thay vào đó là những nụ cười. Tập cười lớn khi nghe một câu chuyện hay. Tập kể những chuyện hay đó.
6. Luôn giữ đầu óc cời mở khi phải bàn cãi điều gì. Thảo luận mà không cãi cọ. Con người sẽ cao cả nếu có thể vẫn là bạn với nhau dù không đồng ý về những việc gì đó...

7. Đề người khác tự biết về những tính tốt của bạn, nếu bạn quá có những tính tốt đó - đừng nói những cái xấu của người khác. Đừng ngời lè đôi mách. Tự hạn chế và chỉ nói ra những điều tốt đẹp mà thôi...

8. Luôn tế nhị về những cảm xúc của người khác. Đùa giỡn hoặc tiếu lâm về người khác sẽ luôn trật đường rầy, và làm đụng chạm tự ái của người khác một cách không ngờ.

9. Đừng để ý đến những điều bày đặt nói xấu bạn, cứ sống bình thường rồi mọi người sẽ không tin những điều bày đặt đó. Nhờ rằng lo lắng quá là tự mình hại mình, thêm nhức đầu hoặc đau dạ dày...

10. Đừng quá lo về những việc mà bạn phải làm. Làm việc đều đặn, thêm kiên nhẫn, biết nhún nhường, quên mình... rồi bạn sẽ được đền bù xứng đáng...

4. Học những cách giá trị cho đời sống tinh thần để cân bằng đời sống hàng ngày

Ồ hải ngoại những người có công ăn việc làm ít nhiều đều gặp những căng thẳng trong công việc cũng như khi phải giao thiệp với những người khác: Phải tế nhị giao thiệp với ông chủ lớn, bà chủ nhỏ, phải hòa hợp với những đồng nghiệp khó tính, luôn tìm cách chen ép, kỳ thị v.v... Làm sao để có thể sống còn, không mất việc làm, làm việc thoải mái, lên lương đều đều... hầu như là ưu tú của tất cả mọi người... Trong các công, tử sở ở Mỹ ta thường thấy nhân viên nam nữ ăn to, nói lớn, cười đùa ầm ĩ với nhau tưởng chừng như những người đi làm công này chẳng có kỷ luật gì hết, muốn làm gì thì làm? Nhưng có đi làm mới biết đó là một cách kiểm điểm, để được tiếng biết xã giao, biết hòa hợp với các nhân viên khác... Thực tế họ có kỷ luật chặt chẽ, ai phải làm việc nấy, đúng theo tiêu chuẩn qui định - Sai lạc là có thể bị mồi ra ngay!

Nhiều người Mỹ để tránh những căng thẳng trong công việc, họ đem vào sở, trang hoàng phòng làm việc của họ bằng những đồ quen thuộc ở nhà họ. Họ đem ảnh chồng, vợ, con, người yêu bày đầy trên bàn, đem tranh ảnh, kỳ vật gia đình vào sở, trồng loại cây cảnh họ thích trong phòng làm việc v.v... Những cái đó giúp họ có được phần nào không khí quen thuộc ở chỗ làm việc, đỡ những căng thẳng, bèn cạnh những mục đích xã giao, khoe khoang khác...

Để cân bằng đời sống tâm trí, cần học cách "Quãng gánh lo đi", không đem những bức tức, lo âu, căng thẳng tử sở về nhà - Vừa làm phiền vợ, con, vừa tự làm khổ mình. Không khí vui vẻ, bận rộn gia đình nhiều khi đã là một yếu tố làm đỡ những căng thẳng, lo âu!

Những người khác đã có những cách làm bớt hẳn những day dứt, căng thẳng ở sở bằng cách làm những việc khác hẳn ở nhà để quên những việc ở sở. Bận rộn trồng cây cảnh, trồng hoa quanh nhà, đi câu cá, cụng giỗ, họp bạn đánh cờ, thăm viếng người quen, đi shopping v.v... và v.v... giúp khuấy khỏa rất nhiều... Vun xới "cây tinh thần" bằng những món ăn tinh thần: sách tốt, truyện hay, phim ảnh, bẻ bạn gương mẫu, thể thao...

5. Tập cách tập trung tư tưởng, quyết định làm gì thì làm

Việc đó, tập làm công việc của hiện tại, không để đầu óc lang bang những chuyện đầu đầu, vừa giảm năng suất cho công việc đang làm, vừa mất thì giờ và một trí...

6. Học cách thích hợp với đời sống mới, hoàn cảnh mới
Những người bị mất công ăn việc làm, bị đuổi sở, xin được việc làm mới, những người tỵ nạn mới đến lập nghiệp ở một xứ mới ở hải ngoại... đa số đã phải bắt đầu lại từ đầu, những thắc thỏm, lo âu cho công việc mới, những kỷ niệm quá khứ vầy vò... Tất cả tạo cho cá nhân những lo nghĩ, căng thẳng, dễ sinh chứng ưu tú, sầu muộn... Cần phải đặt ra ngay mục tiêu hợp lý để theo đuổi, đáp ứng với hoàn cảnh mới, việc nào ưu tiên trước phải làm trước như lời khuyên số 2, những mục tiêu nên hợp lý, có thể làm được ngay, rồi từ từ tiến đến những mục tiêu cao hơn.

Người vừa bị mất việc, có lại việc làm mới: tức thời phải dồn việc thích hợp với công việc mới, đi về đúng giờ, học hỏi hiểu rõ công việc của mình để làm cho chu đáo, giao thiệp để rõ người nào có thể giúp mình ở sở mới, kẻ nào đó có thể có hại cho mình? Tìm hiểu những lý do những người được coi là thành công, là nhân viên gương mẫu của sở mới để bắt chước, cũng tìm nguyên nhân những người đã bị đuổi sở để tránh v.v...

Người ty nạn tới đỉnh cứ ở chỗ mới - dĩ nhiên nhập gia tùy tục, phải tìm hiểu ngay nơi ẩn, chốn ở mình, có chỗ tạm dung thân rồi cần tìm hiểu những điều cần thiết cho đời sống cá nhân cũng như cho gia đình mình. Học hỏi ngôn ngữ, phong tục, tập quán địa phương. Càng mau hiểu biết người địa phương bao nhiêu, càng dễ thành công trong xã hội mới. Tìm cách học những nghề hợp với khả năng, với thời gian, với tiền bạc cần phải chi tiêu cho việc học v.v... để có thể có việc làm tốt ở xứ lạ.

Giao thiệp với những người đã sang trước, để học hỏi kinh nghiệm. Gia nhập hoặc lập ra những đồng hướng để được tương trợ, cả về vật chất lẫn tinh thần, khảo sát cho thấy những người còn giữ được, phối hợp được giữa 2 nền văn hóa: Văn hóa của mình và Văn hóa của người địa phương thì thường thành công hơn là những người chỉ biết thủ cựu hoặc chỉ biết vọng ngoại...

7. Tập tự biết chính mình

Biết những tham, sân, si của chính mình để tập lấy hoặc biết những tính nết mới, thói quen mới. Việt Nam quen đi xe gắn máy, bây giờ quen lái xe hơi... hoàn cảnh mới, ta học bỏ dần những thói quen xấu cũ (đi về không đúng giờ, lúc nào cũng khề khà, không dốc toàn lực vào việc đang làm, thích moi móc đời tư của nhau, ý lại, thiếu tận tâm, lười biếng, khôn vặt v.v...) đời sống tinh thần sẽ thoải mái, phong phú hơn, khi ta quyết định chỉ học những cái hay, cái đẹp, cái lý tưởng, xây dựng - Cái khó là làm sao tự mình nhận lỗi với mình và sửa đổi được, không phạm lại lỗi lầm...

8. Học cách tự làm cho mình có sự an bình trong tâm hồn

Tri túc, tiện túc - tự bằng lòng với hiện tại, nhưng luôn chăm chỉ làm việc, học hành để vẫn có cơ hội tiến hơn.

Tập tính thích làm gì, mua bán gì sẽ suy nghĩ, tìm tòi, so sánh trong một thời gian hạn định nào đó, khi đã quyết định sẽ bằng lòng với hậu quả của quyết định đã có.

(Quand le vin est tiré il faut le boire!)

Kinh nghiệm tốt, xấu sau đó sẽ giúp cho các lần tới!

Tập tính nhẫn nại, bền chí, chịu đựng, hăng say trong việc làm, tự tin, nhún nhường, biết nhận lỗi để sửa đổi v.v...

9. Có an bình tâm hồn, phong phú tinh thần khi biết trau dồi đời sống đạo đức của cá nhân

Tập biết hy sinh một cách kín đáo cho gia đình cũng như cho những người khác.

Tăng tiến đời sống tinh thần qua những sinh hoạt hoặc nghiên cứu về tôn giáo - Biết coi tôn giáo là một yếu tố giúp tăng tiến, nường tựa, thoải mái tinh thần - Tôn giáo giúp giải tỏa những lo âu, sợ hãi của kiếp người, hiểu biết về con người, an ủi tinh thần... Nhưng không đi đến chỗ cuồng tín, tối ngày bận rộn vì tôn giáo, mọi việc bị ám ảnh vì tôn giáo đến quên đi những yếu tố khác cũng có thể đưa đến chân, thiện, mỹ v.v...

Tập Yoga, tập thiền theo Phật giáo để nhìn rõ con người với những yếu điểm, ưu điểm của mình, để có được sự tinh thức, làm điều phải, tránh điều trái...

10. Tâm trí phòng ngừa

- Học biết những triệu chứng ban đầu của các bệnh về tâm trí, làm sao để phòng ngừa?? Người chuyên môn có thể cố vấn, khuyên bảo, chữa trị v.v... là những người nào?

- Kinh nghiệm cho thấy đời sống đại gia đình kiểu Á Đông giúp tránh được rất nhiều bệnh về úu tú, sàu muộn, lo âu, những tính nết bất thường v.v... nhờ những sự chú ý, sự dạy bảo, thường yêu, khuyên răn, an ủi của những người thân trong đại gia đình.

+ Đọc sách, báo, coi phim ảnh, nghe tin tức để học biết cách giữ và trau dồi đời sống tinh thần cũng như thể xác v.v...

Học thêm kinh nghiệm sống mỗi ngày qua những giao thiệp với nhiều hạng người khác nhau... dự những buổi thuyết trình, những hướng dẫn cho đời sống tâm trí của những người có chuyên môn, có kinh nghiệm v.v...

(Eastern State Hospital)
Tulsa - Oklahoma - USA

Người phụ nữ Việt Nam trong tình tự văn học dân gian

• Đan Hà

Từ xưa người phụ nữ Việt Nam đã hãnh diện là những người có đầy đủ đức hạnh, họ lấy gia đình làm nền tảng để xây dựng xã hội, lấy việc nội trợ và giáo dục con cái làm nghề nghiệp, lấy sự tương ái làm việc giao hảo với bà con xóm giềng. Cho nên đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử, chịu ảnh hưởng sâu đậm của thời đại phong kiến ngày xưa, thời trọng nam khinh nữ, những đức tính của người phụ nữ, cho đến bây giờ vẫn còn có một chỗ đứng vững vàng trong nền văn học nước nhà, đã ảnh hưởng rất nhiều đến những thành quả trong việc học hành của con cháu chúng ta sau này, đặc biệt là ở hải ngoại, mặc dù hai nền văn hóa khác nhau, nhưng không phải vì vậy mà chẳng giúp ích gì, trái lại nó đã hỗ tương tích cực trong việc giáo dục.

Người phụ nữ trong việc nội trợ và giáo dục con cái: trong một gia đình khi người con gái lớn lên khoảng mười hai, mười ba tuổi, ngoài việc ngày hai buổi được đến trường học hỏi để mở mang về đức dục và trí dục, khi về nhà người Mẹ cũng đã dạy dỗ thêm cho con mình, những môn như nữ công gia chánh, để khi lớn lên hầu áp dụng vào đời sống, đem lại hạnh phúc cho gia đình, lợi ích cho xã hội:

Con ơi muốn nên thân người

Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha

Gái thời giữ việc trong nhà

Khi vào canh củi khi ra thêu thùa

Trai thời đọc sách ngâm thơ

Dù mài kính sử để chờ kịp khoa

Mai sau nối được nghiệp nhà

Trước là đẹp mặt sau là ấm thân

Ngoài việc dạy cho con gái mình những việc trong nhà, để trở thành một người đảm đang trong gia đình... người Mẹ còn phục sức cho con những nét thủy mỹ, đoan trang, dạy cho con gái biết chải tóc soi gương, để trở thành một thiếu nữ duyên dáng làm hành trang để bước vào ngưỡng cửa của cuộc đời.

Sự xác nhận vị trí tuổi tác của mình cũng là một cách đối đãi với tha nhân, với bạn bè đôi lứa:

Em còn nhỏ em chưa biết gì

Để em về chải tóc soi gương

Không phải chỉ trau chuốt bề ngoài, để trở thành cánh hoa hữu sắc vô hương, mà người Mẹ còn dạy những đức tính tốt, hầu tạo cho con mình trở thành những người chín chắn, không đua đòi:

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình

Song song với việc khuyên con gái phải giữ gìn tiết hạnh, người Mẹ còn chuẩn bị cho con gái một tâm tình phong phú, để đợi ngày sánh duyên kết bạn. Tình cảm người con gái thì luôn luôn e ấp, thẹn thùng vì cố giữ những nét kín đáo của người phụ nữ Á Đông. Cụ Nguyễn Du cũng đã diễn tả tâm trạng của những thiếu nữ mới lớn, khi đứng trước ngưỡng cửa tình yêu đôi lứa:

Người quốc sắc, kẻ thiên tài

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e

Sự e dè dặt trước tình yêu đôi khi là những nét quyền rũ nhất, tạo cho đối tượng những cảm giác không nhầm chán, luôn mở uớc và theo đuổi, để khám phá những chân trời mới mẻ nhất trong tình yêu, như định nghĩa của một nhà văn Tây Phương rằng: "Tình yêu lứa đôi là một đóa hoa quý, nhưng nó chỉ nở trong bóng tối".

Khi bước chân vào đời, người thiếu nữ cũng cảm thấy phân vân lo lắng cho cuộc sống tình cảm đang còn lơ lửng trước những uớc mơ thầm kín:

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai

Bồi duyên của người thiếu nữ chỉ có một thời, cũng như cánh hoa chỉ nở một lần, nếu không thận trọng thì sẽ ân hận cho mai sau:

Còn duyên kẻ đón người đưa

Hết duyên đi sớm về trưa một mình

Người thiếu nữ đến tuổi đôi mươi, ai lại không cảm thấy xao xuyến, băng khuông trước một người con trai nào đó, thế nhưng:

*Thò tay ngắt ngọn rau ngò
Thường anh dứt ruột già dò ngó lơ
Hoặc là:
Già dò bán khế mua chanh
Vỏ ra trường học thăm anh kẻ buồn*

Bởi vì;
Thấy anh em muốn thương nhiều
Như anh Kim Trọng thường chị Thúy Kiều thuở xưa
E ấp thẹn thùng trước tình yêu, không phải là một trạng thái yếu hèn, nhút nhát bởi vì không phải bất cứ trước một ai họ cũng thẹn thùng:

*Sáng trắng trái chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ
Quay tơ phải giữ mối tơ
Dù năm bầy mối chỉ chờ mối anh*

Hoặc là:
*Thuyền em dù phải ngược dòng
Mười hai bến nước một lòng bến anh*

Khi đã gặp được đối tượng yêu thương, gặp người tâm đầu ý hiệp, họ cũng chẳng tiếc chỉ những tặng vật đã trao nhau, mà chỉ xem như quà tặng để làm tin, như một lời thề son sắt và mai sau kia sẽ trở thành quả cưới cho hôn nhân, kỷ niệm cho cuộc đời đời lứa:

*Yêu nhau cởi áo cho nhau
Về nhà Mẹ hỏi qua cầu gió bay*

Như vậy nét thẹn thùng của người thiếu nữ chính là một trạng thái tâm lý hiếm quý, để bảo vệ tình yêu đôi lứa, mà chỉ có người thiếu nữ Á Đông mới có. Quan niệm của người phụ nữ chỉ có tình thương yêu là cần thiết nhất trên đời, vì nó là yếu tố quan trọng trong cuộc tạo dựng hạnh phúc:

*Tình thương quán cũng như nhà
Lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói xây*

Đời sống người dân quê Việt Nam phần lớn theo ngành nông nghiệp, nên những hình ảnh ruộng đồng cũng thể hiện tính cần mẫn của người phụ nữ:

Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Chồng cây vợ cấy con trâu đi bừa
Ước mơ của họ cũng chỉ đơn sơ, nhưng cũng ẩn chứa một tâm tình lãng mạn đến tuyệt vời:

*Trời mưa cho lúa chín vàng
Cho anh đi gặt cho nàng mang cơm*

Tình thần tưởng thân tưởng ái trong việc giao tế, cũng là một đức tính đặc thù của người phụ nữ Á Đông:

*Giàu như người ta cũng cảm ngày ba bữa
Khó như mình đây cũng đó lửa ba lần
Xích lại đây cho xa cũng như gần
Dù cháo rau qua bữa hai chủ tưởng thân ta mạ vàng*

Không ai có thể phủ nhận được tình yêu là yếu tố tiên quyết, để xoa dịu những khổ đau cho nhân loại:

*Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng*

Tình yêu không chỉ dành riêng cho một nước, một dân tộc nào, mà nó đã lan khắp thế giới. Trong chúng ta không ai không động lòng khi nghe đến những tin tức như thiên tai bão lụt, động đất, chiến tranh đã gây thương vong nhiều nhân mạng. Ai có thể quay mặt trước nạn đói hoành hành tại các quốc gia kém mề mang? Trái lại nếu làm được những gì để giúp đỡ, họ cũng sẵn sàng đóng góp:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*

Không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, bởi vì những thứ ấy không tạo nên nhân phẩm con người, mà chính là tình thần tưởng thân, nhường nhịn nhau trong việc giao tế:

*Lên xe nhường chỗ bạn ngồi
Nhường nơi bạn tựa, nhường lời bạn phân*

Chung thủy cũng là một đức tính hiếm quý khác của người phụ nữ, mà cũng chỉ có người phụ nữ Việt Nam mới có đầy đủ đức tính ấy, một đất nước nghèo khó vì chiến tranh loạn lạc. Thế cho nên:

*Nước có loạn mới biết tôi hiền chúa thánh
Gặp gian nguy mới biết vợ nghĩa chồng tình*

Cho dù loạn lạc, đói nghèo nhưng tình chồng vợ vẫn luôn kháng khí, keo sơn:

*Hạt muối mặn ba năm còn mặn
Lát gừng cay chín tháng còn cay*

*Đôi ta ân trượng nghĩa dầy
Dấu có giàu sang cũng không đời
Dấu có ăn mày cũng không xa*

Đời sống vợ chồng trước hết là tình, sau là nghĩa, bốn phận chung là lo phụng dưỡng tử thân phụ mẫu, nuôi nấng và dạy dỗ con cái:

*Mẹ già là mẹ già chung
Em lo cơm cháo, anh cùng thuốc thang*

Nhờ tình nghĩa cho nên người phụ nữ không quản:

*Có con phải khổ vì con
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng*

Chấp nhận khó nhọc khi phải gánh vác việc gia đình, cũng là một cách để nhớ đến công ơn của cha mẹ đã sanh thành dưỡng dục cho chúng ta nên người:

*Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẫu tử*

Từ những ý niệm giữa mẹ và con, như một tình yêu thương rộng lớn hòa nhập vào một đại dương bao la, để rồi chỉ thấy tình Mẹ vẫn ngọt ngào muốn thuở:

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một như đường mía lau*

Cho nên có khi phải đi lấy chồng xa xứ, hay lâm vào cảnh tha hương như chúng ta hiện nay, ai không khỏi bùi ngùi thương nhớ, một lúc nào đó nghĩ về Quê hương, về Mẹ:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Nhìn về quê mẹ ruột đau chín chiều*

Đối với gia đình, người phụ nữ đã làm đầy đủ bốn phận, với một tấm lòng mến yêu, với một tinh thần trách nhiệm cao quý, với những nỗ lực trong công việc xây dựng gia đình và xã hội, họ đã thăng hoa nền văn hóa nước nhà lên đến chỗ tuyệt vời. Xuyên qua lịch sử dân tộc, đã trải qua hơn một ngàn năm chịu dưới ách thống trị của ngoại bang, bị phân hóa đến gần như hủy diệt, thế mà nền văn hóa ấy vẫn còn tồn tại cho đến hôm nay. Và giờ đây lại được lan ra tận hải ngoại. Gần đây, theo nhiều nhà nghiên cứu tâm lý học, lịch sử, dựa vào những thống kê của các quốc gia có người Việt Nam sinh sống, thì đa số học sinh thuộc các cấp đều học trên mức trung bình, tính xuất sắc ấy phần lớn chịu nhiều ảnh hưởng của một nền văn hóa lấy gia đình làm nguồn gốc.

Tuy nhiên, người phụ nữ Việt Nam không phải chỉ biết xây dựng gia đình mà đối với quốc gia xã hội, họ cũng đã có những đóng góp tích cực vào việc chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ Quốc.

Ngày xưa, Bà Trưng, Bà Triệu là những vị anh thư dân tộc, đã đánh đuổi quân xâm lăng Đông Hán để giữ vững sơn hà. Tiếp theo dòng lịch sử quật cường trước làn sóng Bắc xâm ấy, những người trai phải lên đường theo nghiệp đao cung, người phụ nữ đã hy sinh hạnh phúc gia đình đưa chồng đi làm nghĩa vụ:

*Chàng đi đưa gói thiếp mang
Đưa gươm thiếp xách cho chàng đi không*

Những cử chỉ nhỏ nhặt như xách gói xách gươm cho chồng, cũng đã nói lên tinh thần trách nhiệm của người phụ nữ đối với Tổ Quốc như thế nào rồi, chưa đủ, họ còn muốn làm hơn thế nữa, đôi khi họ cũng ước là nếu làm được việc của nam nhi thì họ sẽ làm thay cho chồng nghỉ ngơi:

*Phải chi vác nổi súng đồng
Thì em đi lính thế cho chồng vài năm*

Nhìn vào lịch sử Việt Nam đã trải dài trên bốn ngàn năm văn hiến, qua bao thăng trầm, biết bao lần Bắc phương muốn gột rửa cái hồn Việt trong chúng ta để đồng hóa với nền văn hóa ngoại xâm, ngõ hầu tiêu diệt một dân tộc để đem tất cả về làm con dân của họ, nhưng cuối cùng chúng ta vẫn còn, vẫn tồn tại cái Việt tính trong chúng ta. Bởi vì nền văn hóa cổ truyền của dân tộc Việt đã in sâu vào tâm khảm, văn hiến tàng và phát triển từ thời đại này qua thời đại khác, như một dòng suối mát luân lưu bất tận. Nhờ đó mà tâm hồn người Việt Nam rất phong phú, nhất là đối với người phụ nữ, họ không chỉ tận hưởng để làm thăng hoa cuộc sống riêng mình, mà còn gìn giữ cho mai sau con cháu tử thuở còn nằm nôi:

*Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*

Hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam đã tạo nên một nền Văn Học dân gian thật phong phú, được thể hiện qua những tấm lòng yêu thương rộng lớn, mà xưa nay tổ tiên chúng ta gói ghém như một khuôn vàng thước ngọc, như những bài học quý báu, cho con cháu chúng ta dùng làm phương tiện để xây dựng hạnh phúc gia đình, xã hội. Cũng như đóng góp chung cho nền hòa bình thế giới.

HUYỀN THỌẠI VỀ MỘT TƯỚNG LAI XÁN LẠ

• Phan Ngọc

Tuy đã tan rã từ ngay trong mầm sống những chủ nghĩa cộng sản vẫn còn thừa sự quyến rũ một vài lãnh tụ cũng như không ít các đảng viên một lòng một dạ hết mực trung thành tại hai vùng Ca-ri-bê và Viễn-Đông. Qua các cuộc hội thảo chẳng những họ không ngớt đề cao tôn vinh chủ nghĩa duy vật vô thần này mà còn khẳng định là không bao giờ hối hận bởi đã tìm ra chân lý và lẽ sống tử nơi đó. Như thế cũng chưa đủ, họ còn xác nhận chủ nghĩa cộng sản đã đóng góp công lao nhiều nhất trong sự mạng đổi khác thế giới. Thế thì tại sao cùng bắt nguồn từ một hệ thống chính trị độc tài như nhau chủ nghĩa phát-xít bị người đời thăng thủng nguyên rủa trong khi chủ nghĩa cộng sản một thời từng được vô số người hết lòng tuyên dương ca tụng bất chấp những hành động khủng bố và thanh trừng đẫm máu, sẵn sàng bỏ mặc ngoài tai cuộc tàn sát hàng 3 - 5 triệu nông dân và hàng hà nạn nhân khác (khoảng 20 triệu) tại các "quần đảo ngục tù"? Tìm hiểu bối cảnh phát sinh ra hai chủ nghĩa nêu trên, thấu triệt nguồn căn vì đâu mà một trong hai mẹ hoặc đa số trí thức khoa bảng là một điều thiết thực bổ ích và cũng là đề tài chính yếu của bài tường thuật tho thiên nơi đây...

Hiến Pháp Bôn-Sô-Vit năm 1918 rành rành đưa ra điều quy định "xóa bỏ sự bóc lột con người bởi con người, triệt để tiêu diệt những kẻ trục lợi, san bằng tầng lớp giai cấp trong xã hội, gây dựng nền cộng đồng nhân sinh trên nền tảng xã hội chủ nghĩa và vận dụng mọi phương cách hỗ trợ cho chính thể này thành công khắp nơi". Dựa theo điều lệ ấy, đầu năm 1930 chính quyền Liên Xô đã hoàn thành kế hoạch tập sản hóa những cơ sở kinh tế chủ yếu và tổ chức nền kinh tế đúng theo đường lối Staline vạch bày. Hầu bắt kịp khối tư bản trên phương diện kinh tế, các ngành kỹ nghệ nặng được ưu tiên khuếch trương, do đó nguồn tài nguyên cần dùng trong việc sản xuất chỉ được phân phối theo kế hoạch tập trung độc đoán từ trên đưa xuống, vì thế dĩ nhiên là không đáp ứng đúng mức và đi sát theo nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó khuynh hướng tồn kho tích trữ là một trong những mục tiêu chủ yếu, nên các xí nghiệp gồm thầu tối đa các phương tiện sản xuất cả hai mặt vật lực và nhân lực, chuyển lo sản xuất thật nhiều vượt quá nhu cầu để tích trữ số lượng hàng hóa thặng dư. Kết quả hiển nhiên trước mắt là những hàng hóa không đáp ứng nhu cầu thị trường đọng chất ngày càng tăng trong khi các vật dụng cần thiết cho đời sống ngày càng khan hiếm. Thêm vào đó giá cả buôn bán không phản ánh trung thực sự khan hiếm nói trên cũng như chi phí sản xuất mà chỉ chịu ảnh hưởng trực tiếp đường lối chính trị nhất thời. Việc gì cũng có nguồn căn, tỷ lệ lạm phát quá mức chính là hậu quả tất yếu, là đoạn chốt của nền kinh tế bao

hàm những chuỗi dây kế hoạch chẳng hề ăn khớp với nhau. Trước tình trạng như vậy mà nhà nước vẫn không màng quan tâm đến thường hóa phẩm, chỉ lo thống kê những sản lượng và mang "thành quả" đạt được này so sánh thi đua với khối tư bản, đồng thời qua đó chứng minh sự thành công của chủ nghĩa cộng sản. Vậy thì nếu chỉ xét riêng mặt kinh tế riêng thôi thì không phải mãi đến năm 1989, đúng hơn ngay từ buổi ban đầu chủ nghĩa cộng sản đã tỏ lộ những rạn nứt khó bề hàn gắn tiềm ẩn bên trong và điềm báo trước sự sụp đổ chẳng sớm thì muộn của chủ nghĩa cộng sản "không phải nằm trong sự phá hủy mà trái lại sự xây dựng bức tường Bá Linh vào năm 1961".

Từ trước đến nay đất nước chỉ đạt được cảnh thái bình an lạc khi người dân cơm đủ no, áo đủ mặc. Chủ nghĩa cộng sản với đường lối kinh tế mang nhiều chỗ sai lầm đã dần dà đưa đẩy dân gian vào cảnh khốn cùng. Thế thì vì lẽ gì cho đến bây giờ chủ nghĩa cộng sản vẫn còn được nhiều người ngưỡng theo bám víu coi đó như là lối thoát cuối cùng... "Tại sao và do nguyên cớ nào mà tôi tán thành chủ nghĩa này và lên án chủ nghĩa kia? Vì chủ nghĩa phát-xít là chủ nghĩa phục hồi một quá khứ tệ hại nhất, ghê gớm nhất, trái lại chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa vừa tiềm tàng tính chất khoa học triết lý, vừa có tiềm lực đem đến cho nhân loại một tương lai tràn đầy hứa hẹn". Ý kiến riêng tư của văn hào André Gide trong buổi họp hiệp hội các văn nghệ sĩ khuyếch tả vào ngày 21.3.1933 nêu trên diễn tả hết sức đầy đủ và cô đọng sự mù quáng đã che mờ tâm trí các nhà trí thức tài cao học rộng và ẩn chứa sẵn lời giải đáp thích ứng cho khúc mắc vừa qua. Để làm sáng tỏ huyền thoại về một "tướng lai hay ảo tưởng sáng chói" này nhà sử học François Furet đã mang hết tâm sức đào sâu tìm hiểu thêm quá khứ, thận trọng phân tích "ý niệm cộng sản" và ghi lại công trình biên khảo đặc biệt này trong tác phẩm mang nhan đề không kém phần đặc biệt "Quá Khứ Của Một Hủ Áo" mà các nhà bình luận hết lòng ca ngợi. (Le passé d'une illusion - NXB Robert Lafont).

Điều đáng được nêu lên trước tiên là quan điểm cũng như đường lối nghiên cứu của tác giả rất là mới lạ. Thật vậy, các công trình nghiên cứu đầy giá trị về nguồn gốc và quá trình phát triển của chính thể cực quyền này nhan nhản khắp nơi, hơn nữa nằm sẵn sàng trong tầm tay với nếu ai đem lòng hứng thú muốn tham khảo. Tuy nhiên Furet một mặt vẫn dựa vào sử liệu, một mặt đặt trọng tâm và quan sát vấn đề trên một khía cạnh tổng quát hơn chẳng hạn như chủ nghĩa chuyên chế nói chung chính là đề tài chính của công trình này và chủ nghĩa cộng sản dưới tầm mắt nhìn của ông cũng thuộc về địa hạt này và chỉ là "một biến thể rộng lớn nhất suốt cả không gian và thời gian". Chẳng thế mà thời Furet còn nhấn mạnh đến đặc điểm quan trọng cốt yếu của thế kỷ 20 gây nên nhiều tranh luận sau này, một vấn đề "cấm kỵ" đến nỗi cho đến thập niên 70 không ai có quyền đụng chạm tới. Đó là sự phân tách so sánh giữa hai chủ nghĩa cộng sản và phát-xít.

Chủ nghĩa Bôn-Sô-Vit và phát-xít lần lượt xuất hiện không lâu trên diễn đàn lịch sử nhưng đã chiếm trọn văn vũ đài chính trị của thế kỷ 20 và làm cho mọi người hiện nay đều có thể nhận thức không mấy chi khó khăn tại sao "những ý thức hệ hết sức cận đại khi xét trên khía cạnh thời gian lại có vẻ như cũ rích,

bao hàm nhiều phần phi lý và gây ra không kém phần hậu quả khôn lường". Vì cùng song song tồn tại nên đời khi ý thức hệ nọ có lúc nuôi dưỡng ý thức hệ kia, có lúc cực lực đấu tranh tiêu diệt lẫn nhau thể hiện qua Hiệp ước Liên Xô - Quốc Xã hoặc là Liên Xô - Đông Minh trong thời đệ nhị thế chiến nhưng cả hai đều cùng mang một đặc điểm chung là có thể khởi dậy trong con tim đại quần chúng biết bao nhiêu hy vọng mơ ước, biết bao nhiêu nhiệt tình. Để thấu triệt ngọn ngành sức cảm dỗ của "những huyền thoại chính trị đã gây ra nhiều đảo lộn trong thế kỷ" Furet dẫn dắt độc giả trở lại bối cảnh lịch sử sau đệ nhất thế chiến qua phần tỉ mỉ phân tách những hậu quả chiến tranh về mặt xã hội đạo đức, nhất là đặc biệt chú trọng đến tình cảnh chó vớ trở trời của một xã hội mất định hướng, mất lý tưởng vào lúc đó. Tất cả các yếu tố này liên hiệp với nhau tạo nên môi trường sinh sôi nảy nở màu mỡ cho hai "ý thức hệ cách mạng" tuy khác biệt về đường lối nhưng giống nhau về mục đích cuối cùng là "đạp đổ nền dân chủ đại nghị đa thể chế". Tác giả nêu bật những nét điểm đối chọi giữa hai ý thức hệ trong công cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, một giai cấp đã tự mình đánh mất thế đứng chính đáng trong xã hội qua các cuộc chiến tranh mang nhiều hậu quả thảm khốc mà không ai khác hơn là chính họ làm đầu mối. Để dẫn chứng cho lập luận của mình Furet đã so sánh rất là cụ thể những tư tưởng chính yếu của hai ý thức hệ nói trên - "một bên chỉ kêu gọi những tầng lớp quần chúng tưởng tượng, kích động tinh thần quốc gia, đề cao sự thuần khiết chủng tộc, bên kia thì luôn phòng theo đường lối Các-Mác làm giáo điều hành động, tự cho mình có sứ mạng cao quý giải phóng nhân loại". Dù nhiều lần thông đồng liên kết với nhau trong khoảng thời gian 1939 đến 1941, dù sau cùng đối đầu với nhau như lửa với nước, dù mang bản chất hoàn toàn đối nghịch nhưng cả hai đều có mối quan hệ trực thuộc vì cùng là biến thể của mỗi một hệ thống chuyên chế. Bên này "phủ nhận các giá trị tiêu chuẩn như tự do, dân chủ, bác ái", bên kia "dùng triết lý đại đồng duy vật", bắt nguồn từ Các-Mác đem đối kháng với nền triết lý nhị nguyên vật chất tinh thần, thiện ác".

Với mục đích làm nổi bật sự tương quan giữa cộng sản và phát-xít dĩ nhiên Furet không thể không đề cập đến phong trào chống phát-xít bộc khởi từ đầu thập niên 30. Theo sách lược vạch sẵn Staline lợi dụng phong trào này một cách tinh vi nếu không muốn nói thêm hơn là trở trên nhằm trực tiếp nổi rộng tầm ảnh hưởng của ý thức hệ cộng sản và gián tiếp củng cố uy lực của chính mình. Để nguy trang âm mưu, Staline giải tán đội tam quốc tế (Komintern) chuyển theo đuổi lập trường đấu tranh giai cấp, loại trừ nền dân chủ xã hội. Chính nhờ sách lược khôn khéo này mà đảng cộng sản khôi phục lại sự tín nhiệm của các hàng ngũ theo phái tả. Thật vậy, từ năm 1930 đến năm 1939 Staline đã thành công trong việc lừa đảo phái tả qua sự tự phong cho đảng cộng sản vai trò độc quyền lãnh đạo cuộc tranh đấu chống phát-xít cộng thêm những hỗ trợ đặc lực của nhiều đảng viên cộng sản được Staline cài vào các tổ chức phái tả hoạt động trong vòng bí mật. Kể từ lúc ấy ai "chỉ trích cộng sản là vi phạm điều cấm kỵ", cũng trong khoảng thời điểm này một lập luận rất ư xảo quệt được tung ra là "những ai thuộc phái hữu là phản dân

chủ, kẻ nào chống cộng sản là không thuộc phái tả..."

Đệ nhị thế chiến chấm dứt đánh dấu sự thất bại của chủ nghĩa phát xít và một giai đoạn mới trong sự tương quan giữa ý thức hệ cộng sản và thế giới tự do. Bấy lâu nay giữa hai chính thể không lấy chi là tốt đẹp, thế giới tự do đành phải chọn một trong hai để liên kết nhằm giải quyết nhanh chóng cơn thảm họa chiến tranh tàn khốc trước mắt. Giờ đây khi "vết ung thối" nguy nan đã bị chặn đứng thì vết ung thối còn lại cũng cần phải "điều trị" một cách tương xứng và được quan sát theo chiều hướng mới. Tin tức sau bức màn sắt lộ ra thế giới tự do bên ngoài đã chứng minh cụ thể chế độ chuyên quyền mà Staline đứng đầu đã đạt đến tột đỉnh nhờ những phương thuốc khủng bố quy mô, triệt để tấy não nhồi vào đầu óc con người mỗi một tư duy nguyên khởi đồng nhất. Từ đây ai ai cũng đều biết chủ nghĩa cộng sản là một hệ thống chính trị bao hàm ba đặc điểm căn bản: đảng cộng sản nắm giữ hoàn toàn mọi quyền hành điều động và thực thi chế độ chuyên chế, "hợp lý hóa" mọi thủ đoạn được áp dụng để duy trì quyền lực sẵn có, bảo trì những hệ thống thủ cựu phát xuất từ thời phong kiến. Tuy bản chất của chủ nghĩa cộng sản đã phơi bày rành rành trước ánh sáng nhưng lạ thay ý thức hệ này bấy lâu nay vẫn còn và giờ đây hiện còn tồn tại trong tâm não biết bao nhiêu người trên thế giới.

Nhằm tìm ra câu trả lời thỏa đáng cho mâu thuẫn vừa nêu trên, các nhà nghiên cứu xã hội học đã lập ra luận cứ tuy trừu tượng nhưng đại khái cho rằng chủ nghĩa phát-xít là "một ý thức hệ cụ thể đi sát với thực tế", trong khi chủ nghĩa cộng sản chỉ là "một không tưởng" không hơn và không kém. Khi các nhà lãnh đạo phát-xít dùng bạo lực "hỗ trợ đường lối chính trị, hủy bỏ nền tảng dân chủ thiết lập các trại tập trung là họ đã hành động đúng theo tư tưởng của ý thức hệ mà họ theo đuổi. Ngược lại, khi các lãnh tụ cộng sản dùng sách lược độc tài khủng bố để cai trị là họ đã làm những điều trái ngược với lý tưởng nhưng vẫn cố phủ nhận hoặc tìm ra lối thoát ổn thỏa bằng cách nhân danh một tương lai mà họ khẳng định là huy hoàng rực rỡ. Con đường đầy chông gai dẫn đến "chân trời sáng rực" này cho phép những phương cách bạo lực thiếu nhân tâm khi cần thiết và những ai khi chỉ trích phê bình họ nên "rõ ràng tách biệt hành động ra khỏi ý định". Do đó ảo vọng của những người bị lường gạt cũng như sự gian dối của những kẻ trục lợi không là mục thước và tiêu chuẩn để đánh giá "tính cách dân chủ của ý thức hệ cộng sản". Thế thì họ đã quên mất một điều là "không biết bao nhiêu ý định tốt đẹp đã phủ đầy địa ngục..."

Bởi nhân danh một ảo tưởng mà người ta gây ra nhiều tai họa không cần tự vấn lương tâm. Thế thì vì cớ gì con người lại có nhu cầu thành lập những chế độ mang mầm mống hủy diệt con người từ ngay trong nguyên ủy...?

Theo nhà chính trị học Jean François Revel thì chủ nghĩa chuyên chế cực quyền không

phải là "hiện tượng lịch sử" mà chỉ là một trong những "phạm trù tư tưởng". Trong tác phẩm "Kẻ thù của những xã hội tồi tệ" Karl Poppen đào sâu tìm hiểu đến tận trung khu tâm lý tư tưởng con người và lý luận cho rằng



* Nạn đói trong những năm đầu Cách Mạng tháng 10 do Staline nguy họa để tàn sát nông dân chống kế hoạch tập sản hóa.



* Tử nhân chính trị khổ sai ở Solovietki, trên một công trường đào kinh nối liền Bạch Hải với biển Baltique từ 1/31 đến 4/33.



* Giai đoạn Cộng sản liên kết với Phát-xít: Staline ký lệnh giết 26.000 quân nhân Ba Lan, trong số có 5.000 sĩ quan.

"xu hướng độc tài cố hữu" luôn luôn ẩn náu nơi những ngõ ngách thâm kín nhất của tâm hồn, chỉ chờ cơ hội thuận tiện đến là bộc phát mãnh liệt. Trước Các-Mác, Lenine, Thomas More, Campanella, Gracchus Babeuf, triết học gia Hy Lạp Platon đã từng đề cập đến những nổi bất công đầy dẫy trong xã hội đồng thời tìm cách xóa bỏ một xã hội mới càng bất công hơn khi mọi người sinh sống bình đẳng đồng nhất với nhau trên mọi phương diện tỷ như y phục, nhà ở, lao động, tư tưởng, văn hóa... Tất nhiên xã hội mới này chỉ nằm trong phạm vi lý thuyết trừu

tượng và mang đôi phần phù du huyền ảo. Mục tiêu cuối cùng của ý thức hệ cộng sản cũng là một xã hội mà trong đó tất cả mọi người chung sống hòa thuận, đề huề với nhau không phân chia giai cấp. Phải chăng đem lý tưởng mơ hồ này áp dụng trong thực tế là một việc làm không tưởng? Và phải chăng chính thể cộng sản đã xây dựng tất cả nền tảng luận thuyết của mình trên một cơ sở tư tưởng mong manh dễ vỡ như là bằng cát? Vì lý tưởng mà các nhà "không tưởng" nhiệt thành kêu gọi đấu tranh cho tự do công bằng cùng lúc chính họ cũng không ngờ họ đã cố vô phát huy ra nền nô lệ mới với nhiều bản sắc mới do sức thúc đẩy "tư tưởng tự hủy diệt" hay "bản năng đi tìm cái chết" luôn tiềm tàng trong con người như những con thiêu thân cứ thấy ánh sáng là đâm đầu lao tới. Nếu như chủ nghĩa cộng sản là một hiện tượng ngoài lịch sử thì cũng chính vì lẽ ấy không gì khác hơn là lịch sử sẽ là một điểm tựa vững chắc giúp trong công cuộc tìm hiểu thấu đáo "quá khứ của một hư ảo" ...

Dù sao chăng nữa Các-Mác hoàn toàn có lý khi cho rằng "tất cả các biến cố to tát thường lặp đi lặp lại hai lần, lần đầu như thảm kịch, lần sau như hài kịch". Chủ nghĩa phát-xít đã tàn rụi từ năm 1945, chủ nghĩa cộng sản từ năm 1989 tuy không hoàn toàn nhưng đã đem lại cho nhân sinh một tương lai đầy hứa hẹn "trong thực tế". Các chính thể cộng sản cũ đang dần dà trở nên những chính thể dạn chù. Sự chuyển tiếp nêu trên diễn ra có vẻ dễ dàng hơn nơi các quốc gia từng gánh chịu tai ách độc tài phát-xít. Riêng Nga thì đang phải đương đầu với đôi phần khó khăn hơn hẳn. Tại sao có sự tương phản rõ rệt này nếu xét dưới khía cạnh "ý định và mục đích nguyên thủy"? Lẽ dĩ nhiên câu trả lời rất ư đa diện nhưng một phần là vì chính quyền phát-xít chỉ thủ hận những tầng lớp giai cấp đặc biệt, xem hai chữ dân chủ như là hư vô, không xóa bỏ quyền tư hữu không hủy chính quyền cộng sản luôn tìm đủ mọi cách thiết lập cộng đồng cộng sản rập khuôn theo tín điều của cải là của chung. Vậy thì phải chăng quyền lợi tư hữu chính là sự bảo đảm vững chắc cho nền dân chủ...? Đây chính là hạt giống ý thức hệ cho những ai đã vội quên rằng sức mạnh của dân chủ là tự do, còn nô lệ là đồng thể đồng chất với cộng sản, cho những ai vẫn còn tồn công tồn sức theo đuổi hư vô không nêu theo gương Sisyphus trong huyền thoại Hy Lạp miệt mài lăn hòn đá lên đỉnh núi mà chẳng bao giờ thành công để suốt đời chán nản thất vọng khôn nguôi làm trò cười cho thiên hạ trong tấn tuồng hài kịch như Các-Mác đã từng nhận định...

* Tài liệu có quan tinh báo KGB:



TỰ DO DÂN CHỦ ĐẠI THẮNG Ở NGÀ

• Phan Quang Đán

Thêm một thắng lợi, quan trọng nhất cho thế giới tự do, có thể trở thành thắng lợi cho Việt Nam

• Nga Quốc Sử Cưỡng:

Nước Nga, dưới thời cộng sản, mệnh danh Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Sô Viết hay Liên Sô (Union of Soviet Socialist Republics, gọi tắt là USSR), rộng lớn nhất thế giới, rộng hơn Hoa Kỳ hai lần rưỡi, chiếm một phần nửa Âu Châu, và một phần ba Á Châu. Về dân số thì nước Nga vào lối 300 triệu, đứng vào hàng thứ ba, sau Trung Hoa và Ấn Độ, trong khi Hoa Kỳ có chừng 250 triệu. Nhưng nước Nga chúng ta bàn đến trong bài này, sau khi Liên Sô tan rã, chiếm 78 phần trăm diện tích của nước Nga thời xưa, với 150 triệu dân số, và là một trong 15 Cộng Hòa của Liên Sô cũ trên nguyên tắc thì mỗi Cộng Hòa đều độc lập, nhưng trên thực tế vẫn còn tùy thuộc Nga rất nhiều.

Nước Nga bắt đầu có sử xanh vào năm 878 khi bộ lạc Varangians từ miền Bắc xuống, dựng nên thành phố Novgorod. Đến năm 988 dân Nga theo Thiên Chúa Giáo, phái Công Giáo của Hy Lạp. Nhưng sử sách lúc bấy giờ còn rất dỏn số. Nga sử đầy đủ hơn, sau khi bị Mông Cổ đô hộ. Năm 1223 Mông Cổ chiếm đóng và cai trị gần hết nước Nga, và chiếm đô thị Moscow năm 1380. Nước Nga bị Mông Cổ đô hộ mãi đến năm 1547 mới thật sự chấm dứt. Lúc bấy giờ Ivan Đệ Tử lên ngôi Hoàng Đế, gọi là Czar, lấy từ chữ Caesar, tên của một Hoàng Đế Đế Quốc La Mã.

Năm 1613 Michael Romanov lên làm Czar. Nga triều Romanov tồn tại mãi đến năm 1917 thì bị nhóm cộng sản Bolsheviks của Nikolai Lenin lật đổ để thành lập nước cộng sản đầu tiên của thế giới. Cuộc cách mạng cộng sản này thường gọi là Cuộc Cách Mạng Tháng Mười (the October Revolution).

1689-1725 là thời kỳ Đại Đế Peter (Peter The Great) mở mang và phát triển nước Nga thành một nước tiến bộ về các ngành văn hóa, kỹ nghệ, khoa học, xã hội và mỹ thuật. Đại Đế Peter lập thủ đô St. Petersburg thành một đô thị huy hoàng, tráng lệ, và đánh bại vua Charles thứ 12 của Thụy Điển. Nữ

Hoàng Catherine Đệ Nhị, trong thời kỳ 1762-1796, tiếp tục công trình của Đại Đế Peter.

Năm 1812, Nã Phá Luân tiến đánh nước Nga, nhưng bị đại bại. Quân đội Pháp hơn 400 ngàn binh sĩ tinh nhuệ, khi ra khỏi Nga, chỉ còn lại mấy chục người.

Năm 1867 Nga bán Alaska cho Mỹ với giá 7.200.000\$ (bảy triệu hai trăm ngàn mỹ kim). Alaska chiếm một diện tích rộng bằng một phần năm Hoa Kỳ, rộng gấp đôi Texas, và trở thành tiểu bang thứ 49 năm 1958.

Năm 1904-1905 Nga bị Nhật Bản đánh bại. Trên bộ, riêng ở Port Arthur, chỉ trong một ngày, hơn 100 ngàn binh sĩ Nga bị thương vong. Hải quân Nga bị đánh tan ở eo biển Tsushima chỉ trong một ngày. Những chiến hạm còn sót lại chạy miết đến Cam Ranh và hải quân Nga được Pháp cho đến lấy nước uống ở Hồ Cọp (Tiger Lake).

Nikolai Lenin từ trần năm 1924. Joseph Stalin kế vị và là một trong những nhà độc tài ghê tởm nhất trong lịch sử thế giới, chẳng kém gì Hitler. Y thủ tiêu tất cả những người, đầu là ở trong Đảng Cộng Sản Nga, không hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh của y, dầy vô số người đến vùng băng tuyết Tây Bá Lợi Á, và bỏ đói vô số nông dân không chịu nộp nông phẩm cho chính phủ với giá rẻ mạt. Số người vô tội bị chết oan về tay tên đồ tể này ước tính trên 40 triệu người. Ngày 23.8.1939, Stalin và Hitler ký hiệp ước bất tương xâm. Nhờ đó mà Hitler rành tay tấn công Tây Âu, khỏi phải lo đối phó với hai mặt trận cùng một lúc. Ngày 1.9.1939 quân đội Đức Quốc Xã tấn công Ba Lan, mở màn cho Đệ Nhị Thế Chiến. Quân đội Sô Viết chiếm khu vực miền đông Ba Lan, tấn công Phần Lan, sáp nhập Latvia, Lithuania, Estonia và một phần Lỗ Ma Ni.

Sau khi chiếm gần trọn Tây Âu, nhưng không đánh bại được Anh Quốc, ngày 22.6.1941, Hitler tấn công Sô Viết để chiếm đồng bằng giàu nông phẩm của Ukraine và các mỏ dầu hỏa ở vùng Caucasus. Nhưng y gặp sức kháng cự mãnh liệt của dân Nga đứng lên tham gia "Cuộc Chiến Tranh Ái Quốc Vĩ Đại" (The Great Patriotic War) của dân tộc Nga, chỗ không phải đánh nhau để bảo vệ chính thể cộng sản. Quân đội Hitler tiến đến ngoại ô Moscow, đe dọa Leningrad (nay gọi là St. Petersburg), và năm 1942 tiến sát Stalingrad. Quân đội Nga tiêu thổ kháng chiến và cố thủ Stalingrad (nay gọi là Volgograd). Đầu năm 1943, 22 sư đoàn của Hitler phải đầu hàng vô điều kiện ở trận này. Trận đại thắng này, quân đội Nga tiến rất nhanh và vào đến Bá Linh ngày 21.4.1945. Để tránh khỏi bị quân đội Nga bắt làm tù binh và đẩy dọa đến chết một cách nhục nhã, Hitler tự tử ngày 28, tức là một tuần sau.

Liên Sô xâm chiếm Đông Âu, tổ chức cộng sản đảng hàng khắp nơi trên thế giới, giúp Mao Trạch Đông chiếm lục địa Trung Hoa, giúp cáo già Hồ Chí Minh đánh Pháp-Mỹ và dân tộc Việt Nam, tấn công Afghanistan. Nhiều chính khách thế giới và dư luận thế giới nói chung cho rằng cả thế giới sẽ bị nhuộm đỏ. Nhưng chế độ cộng sản Liên Sô, vì tàn ác, bất lương, tham vọng vô độ, và tiêu tốn quá mức để chinh phục thế giới, cũng

như con bệnh tuy bề ngoài thấy bắp thịt to lớn hơn khi đột, nhưng bên trong thì lục phủ ngũ tạng đều đã hao mòn, vô phương cứu vãn, nên đến năm 1991 thì tan rã.

Bầu Cử Tự Do Vòng Đầu:

Ngày 16.6.1996, trong hai ngàn năm lịch sử Nga, một cuộc bầu cử thật sự tự do dân chủ, bỏ phiếu kín, được diễn ra trong vòng trật tự. Có tất cả 10 ứng cử viên ra tranh cử Tổng Thống. Lãnh đạo phe dân chủ là Boris Yeltsin. Lãnh đạo phe cộng sản là Gennady Zyuganov. Về phía ủng hộ dân chủ có tướng hồi hưu Alexander Lebed và một nhà kinh tế học chủ trường kinh tế tự do là Grogory Yavlinsky. Thiên về cộng sản và quốc gia cực đoan là Vladimir Zhirinovskiy. Đứng giữa có 5 ứng cử viên, gồm có Mikhail Gorbachev, cựu Tổng Thư Ký của Liên Sô, tức là người bấy giờ nhiều quyền hành hơn cả. Năm ứng cử viên này cộng tất cả lại không được tới 5 phần trăm số phiếu. Gorbachev chưa được tới một phần trăm số phiếu.

Boris Yeltsin được 34 phần trăm số phiếu. Gennady Zyuganov được 32 phần trăm. Cuộc tranh cử thật là nghiêng ngửa. Và dù luận thế giới cũng như ở Nga đều lo ngại trong vòng bầu cử thủ hai cộng sản có thể đắc cử. Nên nhớ rằng dân Nga có quyền đi bầu là 106 triệu người, và tổng số người đi bỏ phiếu là 70 phần trăm, cao hơn ở Hoa Kỳ rất nhiều.

Bầu Cử Tự Do Vòng Hai:

Ngày 3.7.1996, cuộc bầu cử vòng hai diễn ra. Chỉ có hai ứng cử viên nhiều phiếu nhất được quyền tham gia: Boris Yeltsin chủ trương củng cố và phát triển dân chủ tự do, và Gennady Zyuganov chủ trương tái lập chế độ cộng sản. Tướng hồi hưu Alexander Lebed, được 15 phần trăm số phiếu trong vòng đầu, và kinh tế gia Grigory Yavlinsky được 8 phần trăm số phiếu trong vòng đầu, ủng hộ Boris Yeltsin. Chính trị gia cực đoan Vladimir Zhirinovskiy ủng hộ Gennady Zyuganov. Phe dân chủ tự do của Boris Yeltsin đại thắng với 54 phần trăm số phiếu, so với phe cộng sản của Zyuganov được 41 phần trăm.

Zyuganov trốn văn phòng cộng sản bằng cửa hậu để tránh phóng viên báo chí, truyền thanh và truyền hình. Đa số dân chúng đều nói đã đến lúc vĩnh viễn chôn vùi chế độ cộng sản. Câu nói thông thường nhất là: "Chúng tôi không muốn bị đàn áp. Chúng tôi không muốn sống như một đàn bò, một đàn trư không có quyền tự do ngôn luận, không có đến cả quyền tự do tư tưởng, cộng sản muốn xiềng xích dẫn đi đâu tùy ý, kể cả đến lò sát sinh".

Những Đặc Điểm Của Trường Hợp Nước Nga:

Hiến Pháp của nước Nga có phần giống Hiến Pháp của Pháp Quốc. Dân chúng chỉ

bầu có Tổng Thống, chỗ không có Phó Tổng Thống. Và Tổng Thống cử Thủ Tướng. Boris Yeltsin cử Viktor Chernomyrdin làm Thủ Tướng. Vì Boris Yeltsin nghiện rượu lại có bệnh đau tim, nên trường hợp ông không còn đủ sức đáng trách nhiệm Tổng Thống hoặc từ trần, thì Thủ Tướng lên thay trong vòng ba tháng rồi lại tổ chức tranh cử để bầu Tổng Thống mới. Tổng Alexander Lebed lúc bấy giờ sẽ ra ứng cử, và có nhiều hy vọng đắc cử. Ông đã bày tỏ lập trường một cách khá rõ rệt. Nước Nga sẽ chỉ chấp nhận có ba tôn giáo: Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo và Phật Giáo, và sẽ không cho phép các nhà truyền giáo Mỹ vào Nga giảng đạo. Ông cũng chống việc Mỹ chủ trương mở rộng Liên Minh Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Treaty Organization, gọi tắt là NATO) đến tận biên giới Nga. Chính sách này do Bill Clinton đề xướng, cốt để tỏ ra ông lãnh đạo NATO, có kinh nghiệm và uy tín ngoại giao, và mục đích là giúp ông lấy điểm cho cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ năm nay 1996. Nên nhớ rằng ông vận động yêu cầu Boris Yeltsin mua \$500 triệu gà của Công ty buôn gà Tyson ở Arkansas để tặng thanh thế cá nhân ở Arkansas và vài tiểu bang khác ở miền Nam để giúp ông bớt thêm phiếu. Nhưng chủ trương mở rộng NATO đến tận biên giới Nga bị đa số dân Nga phản đối, và có thể đưa đến việc thiết lập một Liên Minh Dân Chủ Nga gồm tất cả 15 Cộng Hòa có thái độ bất thân thiện với Mỹ. Trên thực tế chính sách ngoại giao của Bill Clinton đã thất bại khắp nơi, ở Trung Đông, Á Nhĩ Lan, Somalia và Haiti, đặc biệt là ở Việt Nam vì việc ông gian lận trốn lính, lại thay vì giữ lời hứa sẽ có thái độ cứng rắn đối với Việt Cộng, ông ta đã tận tình ủng hộ Việt Cộng. Dẫu sao thì ông sẽ lãnh trách nhiệm và sẽ gánh lấy thất bại cho bản thân. Còn việc tự do dân chủ đại thắng ở nước Nga sẽ vẫn là thắng lợi lớn nhất cho thế giới tự do và có thể cho cả Việt Nam.

Thắng Lợi Này, Quan Trọng Nhất Cho Thế Giới Tự Do, Có Thể Trở Thành Thắng Lợi Cho Dân Tộc Việt Nam:

Chỉ xin hỏi một câu: "Núi tuyết cộng sản ở Nga đã tan rã, thì cục tuyết ở Việt Nam nằm ở vùng biển ấm áp Nam Thái Bình Dương, chung quanh toàn là những quốc gia dân chủ phần thịnh và hùng mạnh, ngoại trừ Trung Cộng và Bắc Hàn nghèo nàn, và hai đảng cộng sản tẹp riu Miền gian và Lào gian, tay sai của Việt Cộng, có thể tồn tại được bao lâu nữa dưới sự lãnh đạo của mấy tên thất học cỡ Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn (đều) Kiệt? Chế độ thối nát, tham nhũng, chia rẽ, có không những Thập Nhị Sứ Quân mà cả ngàn sứ quân, tranh nhau đàn áp, cướp bóc dân lành, có thể tồn tại bao lâu nữa?"

Dân tộc Việt Nam ngày nay hơn 75 triệu người. Đảng Việt Cộng nhiều lắm chưa đến hai triệu tên mà hầu hết vào đảng chỉ để bóc lột dân lành, chớ không tin gì vào Các

Mát-Lê Nin - Xít-ta-lin nữa, thì những ai đón gió trở cờ thật là đê hèn và ngu muội.

Thắng lợi ở Nga Quốc, lớn nhất cho thế giới tự do, sẽ thành thắng lợi cho dân tộc Việt Nam, nếu đồng bào hải ngoại giữ vững tinh thần quốc gia dân chủ, giữ vững tiếng nói chống bạo quyền Việt Cộng, bỏ những tiểu dị để vun trồng đoàn kết chung quanh chính nghĩa đại đồng, để cùng đồng bào quốc nội tranh đấu cho tự do dân chủ thì ngày bạo quyền Việt Cộng sụp đổ không còn bao xa nữa. Nhưng chúng ta chớ có nằm há miệng chờ sung rụng. Chúng ta hãy tiếp tục tranh đấu và tranh đấu, tranh đấu cho tự do dân chủ, cho tự do tín ngưỡng, cho tất cả các nhân và dân quyền khác nữa, đem lại cơm no áo ấm cho quảng đại quần chúng và chấn hưng nền văn hóa cao đẹp tổ tiên chúng ta đã dày công xây đắp truyền lại cho dân tộc Việt Nam.

BÀN VỀ BẦU CỬ TỔNG THỐNG MỸ

Cử Tri Đoàn - Chế Độ Luồng Viện - Vai Trò Của Đảng Thủ Ba

Ý nghĩa tuyển cử hay bầu cử

Tuyển cử hay bầu cử có nghĩa là dân chúng được tự do lựa chọn ít nhất là giữa hai đảng hay hai ứng cử viên có lập trường và chương trình khác nhau để đại diện dân chúng và phục vụ dân chúng. Tiếng Anh election cũng do chữ la-tinh legere có nghĩa là lựa chọn. Trường hợp chỉ có một đảng duy nhất như Đảng Cộng Sản Việt Nam gọi tắt là Việt Cộng, hay một ứng cử viên duy nhất như Chủ tịch Nhà nước Việt Cộng mà cũng gọi là bầu cử thì là một điều tối vô nghĩa chỉ có bọn ngoan cố và ngu dốt như Việt Cộng mới đánh trống thổi kèn lớn tiếng rêu rao không ngưng mồm. Có khác nào lừa dân chúng đến xem bầu hoa hậu mà chỉ có một bông hoa xấu hoặc, thú hoặc mà tất cả mọi người, đã quen bị bắt buộc nói theo, làm theo Việt Cộng, hô to: đây là hoa hậu Việt Nam đẹp như hằng Nga, như tiên nữ, cá lạng nhận sa, nghiêng nước nghiêng thành! và được báo chí thiên cộng, kể cả báo chí và chính khách quốc tế thiên cộng hô theo và quảng tiền ra để khen tặng.

Tuy vậy những tên bợm Việt Cộng đã được thành tinh ma, yêu quái như tên Hồ Chí Minh, thường dựng lên những tổ chức "ái quốc", những đảng bù nhìn như Đảng Dân Chủ của Dương Đức Hiền, Đảng Xã Hội của Hoàng Minh Giám mà nay bọn tiểu quỷ kế nghiệp gọi là "quốc doanh" như "Phật Giáo Quốc Doanh", "Công Giáo Quốc Doanh", v.v... Nhưng đầu nguy trạng thế nào cũng không thể đánh lừa đủ luận được, vì cái đuôi cáo, đuôi hồ quá dài mà mùi tanh hôi đung dưng xa mấy dặm cũng phải bị mũi vẫn còn bị nổi mũi.

Lịch trình chế độ luồng đảng ở Mỹ

Chính đảng và chế độ dân chủ bắt đầu có ở Hy Lạp cách đây đã hơn 25 thế kỷ. Về phương diện này cũng như về những phương diện khác như thiên văn, toán pháp, triết lý, khoa học, thể dục, mỹ thuật, v.v..., Hy Lạp, một nước nhỏ, là nền tảng của văn minh Âu Mỹ. Lúc bấy giờ người Hy Lạp đã cho rằng tự do cá nhân là nền tảng của văn minh. Theo sử gia Hy Lạp Herodotus thì thường dân Hy Lạp thường bảo với người ngoại quốc rằng: "Anh không biết tự do là gì. Nếu anh biết thì đầu cho không có võ khí anh cũng sẽ tranh đấu để bảo vệ tự do với hai tay không". Sở dĩ dân Hy Lạp duy trì được tự do là vì họ tôn trọng pháp luật, và tin ở lý trí và tự kỷ luật.

Hiến Pháp Hoa Kỳ không nói gì về chính đảng. George Washington, Tổng Thống đầu tiên của Hoa Kỳ, tuy là một người rất dân chủ, không chịu làm vua theo đề nghị của quân đội và nhiều giới thường dân, lại cho rằng chính đảng không cần thiết. Ông được Hội Nghị Lập Hiến 1787 (Constitutional Convention of 1787) bầu cử hai lần năm 1789 và năm 1792. Ông từ chối tái ứng cử một nhiệm kỳ thứ ba, và lui về hưu trí ở Mount Vernon năm 1797.

Nhưng dần dà, dân chúng cũng đồng chính kiến kết hợp lại để bênh vực những điều họ tin tưởng và cho rằng là quyền lợi chính đáng của họ.

Ở đây chúng ta chỉ phác họa tổng quát lịch trình tiến triển của chế độ luồng đảng Hoa Kỳ từ khi bắt đầu có chính đảng cho đến ngày nay chế độ luồng đảng trên thực tế đã trở thành nền nếp của sinh hoạt chính trị Hoa Kỳ với Đảng Cộng Hòa và Đảng Dân Chủ.

Ông John Adams làm Phó Tổng Thống cho George Washington trong hai nhiệm kỳ. Ông cũng ở trong Hội Nghị Lập Hiến có khi cũng gọi là Đảng Hội Nghị Lập Hiến (Federalist party) chủ trương cần một chính phủ liên bang rất mạnh. Năm 1796 sau khi George Washington từ chối tái ứng cử một nhiệm kỳ thứ ba, thì ông John Adams ra ứng cử Tổng Thống. Lúc bấy giờ ông Thomas Jefferson, chủ trương giới hạn quyền chính phủ liên bang và tăng quyền cho các chính quyền tiểu bang, cũng tận tâm ủng hộ quyền tự do báo chí, tổ chức đảng đối lập mệnh danh là Đảng Dân Chủ - Cộng Hòa (Democratic-Republican Party). Lúc bấy giờ lãnh tụ cả hai đảng đều được xem là ứng cử viên Tổng Thống. Người nào nhiều phiếu hơn cả trở thành Tổng Thống, Người kia thì làm Phó Tổng Thống. Năm 1797 ông John Adams đắc cử Tổng Thống, và ông Jefferson làm Phó Tổng Thống. Điều bất lợi thấy ngay là hai người thuộc hai đảng có lập trường và chương trình khác nhau khó có thể hợp tác với nhau được. Ông Phó Tổng Thống chỉ ngồi chơi xơi nước, làm Chủ tịch Thượng Nghị Viện và chỉ có quyền bỏ phiếu để giải quyết những vấn đề Thượng Nghị Viện chia làm hai phe bằng nhau biểu quyết.

Năm 1800 ông Thomas Jefferson lại ra ứng cử Tổng Thống với danh nghĩa lãnh tụ Đảng Dân Chủ-Cộng Hòa. Ông Aaron Burr, một lãnh tụ khác của Đảng Dân Chủ-Cộng Hòa, cũng ra ứng cử Tổng Thống. Hai người

ngang phiếu nhau. Vấn đề được đem ra Hạ Nghị Viện giải quyết. Hạ Nghị Viện phải bỏ phiếu 30 lần, sau cùng mới chọn Thomas Jefferson làm Tổng Thống. Đó là một phức tạp rắc rối khác. Năm 1804 ông Thomas Jefferson tái đắc cử dễ dàng.

Cuộc tranh cử giữa ông John Adams và ông Thomas Jefferson là lần đầu tiên có cuộc vận động tranh cử giữa hai đảng có lập trường và chương trình khác nhau một cách rõ rệt. Chế độ lưỡng đảng ở Hoa Kỳ bắt đầu từ đó.

Năm 1809 ông Thomas Jefferson từ chối không tái ứng cử một nhiệm kỳ thứ ba, và trở về trí sĩ ở Charlottesville, tiểu bang Virginia, săn sóc gia đình, nghiên cứu và mở rộng kho tàng sách vở của ông gồm 10.000 pho sách (sau này là căn bản của Thư Viện Quốc Hội) (Library of Congress) là thư viện lớn nhất trong thế giới ngày nay. Đồng thời ông cũng ra công tổ chức Đại Học Virginia ở Charlottesville. Nên nhớ rằng ông là tác giả Tuyên Ngôn Độc Lập Mỹ Quốc (Declaration of American Independence). Trong 15 năm trí sĩ, ông vẫn tiếp tục hoạt động cho quốc dân, cải tiến canh nông, phát minh nhiều nông cụ mới, mở mang học vấn cho thanh niên và dân chúng, và phổ biến những tư tưởng dân chủ của ông khắp thế giới.

Nhiều sử gia đã cho rằng nhờ ông một phần rất quan trọng mà 37 năm sau khi ông từ trần, dân tộc Mỹ mới hội đủ điều kiện để thiết lập "một chính phủ của dân, do dân và vì dân" (a government of the people, by the people, for the people) mà Tổng Thống Abraham Lincoln đã nêu cao trong bài diễn văn bất hủ ở Gettysburg ngày 19 tháng 11, 1863.

Thật là may mắn cho Hoa Kỳ là cả ba vị Tổng Thống đầu tiên của Mỹ, George Washington, John Adams, và Thomas Jefferson đều là những người hoàn toàn phục vụ dân tộc, không tham quyền cố vị, và sau khi hoàn thành nhiệm vụ phụ trách, đã ung dung "treo ấn tử quan" để về trí sĩ và tiếp tục phục vụ quốc dân với tư cách một người thường dân. Hơn tất cả mọi luật pháp, tầm gương trong sáng này đã đặt Hoa Kỳ trên một nền tảng tự do dân chủ vững bền, và chỉ trong vòng 200 năm đã trở thành cường quốc dân chủ, hùng mạnh vào bậc nhất thế giới.

Trước khi từ trần ông đã căn dặn là mộ bia của ông chỉ ghi vắn tắt mấy chữ đơn giản:

"Đây là nơi mai táng Thomas Jefferson, tác giả Tuyên Ngôn Độc Lập Mỹ Quốc, bảo vệ tự do tín ngưỡng, và là người sáng lập Đại Học Virginia"

Bầu cử sơ bộ

Để tránh những rắc rối nói trên (Tổng Thống và Phó Tổng Thống thuộc hai đảng khác nhau, khi hai ứng cử viên ngang phiếu nhau rất khó giải quyết), các đảng, vẫn chỉ có hai chính đảng, bắt đầu tổ chức bầu cử sơ bộ. Người nào được quá bán số phiếu cử tri được xem là ứng cử viên chính thức của đảng, và

có quyền chọn lựa ứng cử viên Phó Tổng Thống, thường là trong kỳ Đại Hội của Đảng.

Ông Andrew Jackson, sanh năm 1767, Tổng Thống thứ bảy của Hoa Kỳ, xuất thân từ một gia đình hàn vi, ở vùng biên giới tiểu bang Tennessee. Thuở nhỏ, ông không có dịp đến trường học, và ít khi đọc sách. Ông ưa chơi đá gà, đánh nhau để bênh vực những đứa bé bị ăn hiếp, bắn súng, câu cá và vật lộn. Lúc 13 tuổi ông đã tham gia kháng chiến chống quân đội Anh. Năm 16 tuổi, ông muốn làm luật sư. Lúc bấy giờ dân chúng ở vùng biên giới cũng chẳng cần đến luật sư giàu kiến thức và kinh nghiệm, mà chỉ cần luật sư lương thiện, dám ăn dám nói. Năm 1789 ông trở thành luật sư công tố viên ở Nashville, thủ đô tiểu bang Tennessee. Ông nổi tiếng là một luật sư công tố viên lương thiện và can đảm. Năm 1795 ông được cử đại diện soạn thảo Hiến Pháp tiểu bang Tennessee và năm sau Tennessee được công nhận là tiểu bang thứ 16 của Hoa Kỳ. Lúc bấy giờ Philadelphia là thủ đô của Hoa Kỳ. Ông không phải là một diễn giả hùng biện. Nhưng ông mãnh liệt tin vào lý tưởng tự do dân chủ của Thomas Jefferson và chống đối Đảng Hội Nghị Lập Hiến (Federalist Party). Năm 1797 ông được cử làm Thượng Nghị Sĩ của liên bang và được xem là "phát ngôn viên của vùng Tây" (Spokesman for the West). Năm sau ông từ chức và trở thành thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện Tennessee.

có thể đến 1.300 đại biểu, trong khi chỉ cần 996 để được Đảng Cộng Hòa đề cử làm ứng cử viên chính thức ra tranh cử Tổng Thống.

Về phía Đảng Dân Chủ thì Bill Clinton vì là đường kim Tổng Thống nên là ứng cử viên duy nhất của đảng. Nhưng về vụ ông ta phủ quyết dự án Quốc Hội cấm phá thai trong khi trẻ sơ sinh đã lọt khỏi lòng mẹ một phần (partial-birth abortion) bị Đức Giáo Hoàng John Paul II lên án nặng nề, và 8 vị Hồng Y Công Giáo Mỹ phản đối kịch liệt, cùng ông Billy Graham một vị mục sư Tin Lành rất được dư luận thế giới kính nể, sẽ làm Bill Clinton mất phiếu rất nhiều. Và chắc rằng các tôn giáo khác như Phật Giáo, Hồi Giáo, Hòa Hảo, Cao Đài cũng sẽ lên tiếng phản đối. Ngoài, những người đồng phái luyến ái, về phái nữ gọi là lesbians, phái nam gọi là gays, năm 1992 đã rút tiền cho Bill Clinton, và ông này đã ăn ngon lành và hứa sẽ cho họ làm tình trong quân đội, và làm lễ thành hôn giữa hai người cùng một phái (same sex marriage), đã liên miên tuyên bố là Bill ăn tiền rồi bây giờ làm ngõ vì sợ dư luận phản đối, và họ sẽ không bỏ phiếu cho Clinton và sẽ cử người ra tranh cử chống y. Chúng ta sẽ có dịp trở lại vấn đề Bill Clinton, "ò trong còn lảm điều hay".

Bầu cử Tổng Thống Mỹ. Cử tri đoàn

Trong vấn đề bầu cử Tổng Thống Mỹ có hai yếu tố quan trọng: dân đi bầu (popular vote) và số cử tri trong cử tri đoàn (number of electors in electoral colleges).

Xem bản đồ kế đây thì thấy số cử tri trong cử tri đoàn ở mỗi tiểu bang.

Cử Tri Đoàn Bầu Tổng Thống Mỹ

Mỗi tiểu bang có được một số cử tri trong cử tri đoàn bằng tổng số dân biểu của tiểu bang trong Quốc Hội Liên Bang, cộng

với hai cử tri cho hai Thượng Nghị Sĩ. Tiểu bang nào cũng có hai Thượng Nghị Sĩ ở Quốc Hội Liên Bang, vì vậy đồng đều có thêm hai cử tri. Nhưng số Dân Biểu của mỗi tiểu bang ở Quốc Hội Liên Bang thì rất khác nhau, tùy theo dân số. California đông dân hơn tất cả và có 52 Dân Biểu, cộng với hai Nghị Sĩ, thành ra có 54 cử tri trong cử tri đoàn. Kế đó là New York với 31 Dân Biểu và hai Nghị Sĩ, và một cử tri đoàn 33 cử tri. Tiếp theo là Texas với 30 Dân Biểu và hai Nghị Sĩ, và một cử tri đoàn với 32 cử tri. Florida đứng hàng thủ từ với 23 Dân Biểu, hai Nghị Sĩ và một cử tri đoàn 25 cử tri. Những tiểu bang nhỏ nhất chỉ có một dân biểu thì có một cử tri đoàn với 3 cử tri. Đó là những tiểu bang South Dakota, North Dakota, Montana và Wyoming. Đặc cử Tổng Thống không tùy thuộc riêng ở ứng cử viên Tổng Thống, mà còn tùy thuộc một phần quan trọng ở thực lực của đảng Cộng Hòa hay Dân Chủ ở các tiểu bang. Có những tiểu bang thiên hẳn về đảng Dân Chủ, có những tiểu bang thiên hẳn về đảng Cộng Hòa. Ứng cử viên Tổng Thống



Năm 1812 ông gia nhập quân đội, và đánh bại quân Anh ở New Orleans. Quân đội Anh đã tham gia nhiều chiến trận chống Nã Phá Luân. Quân đội Anh tổng số hơn 10.000, khinh thường bọn "lính tài tử của Andrew Jackson" chỉ có 5.500, và tấn công nhiều đợt vào binh lính của Jackson. Nhưng "lính tài tử" quyết tâm chống giữ. Quân Anh thương vong 2.237 người kể cả 3 tướng lãnh và tháo chạy. Lính tài tử chỉ mất có 71 người. Jackson trở thành anh hùng quốc gia. Năm 1828 ông đánh bại quân John Quincy Adams và đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ thứ bảy. Năm 1832 ông tái đắc cử Tổng Thống, và chọn Martin Van Buren làm Phó Tổng Thống. Cuộc bầu cử sơ bộ bắt đầu từ đó. Ông rất tin nhiệm Martin Van Buren, và năm 1837 ông ủng hộ Martin Van Buren ra tranh cử và đắc cử Tổng Thống.

Năm nay, 1996, ngày 26 tháng 3, ông Bob Dole đại thắng ở ba tiểu bang California, Nevada và Washington, thấu hoạch được 1.195 đại biểu, cộng thêm một số đại biểu ở một vài tiểu bang khác như Pennsylvania thì

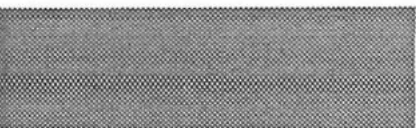
của hai đảng nỗ lực tranh nhau ở các tiểu bang lừng lẫy, và ở các tiểu bang với cử tri đoàn lớn nhất như California. Lại nên nhớ rằng Dân Biểu, Nghị Sĩ và những người công chức cao cấp ở chính phủ không được ở trong cử tri đoàn; tổ chức này do đảng bộ ở tiểu ban lựa chọn.

Ứng cử viên được nhiều người bỏ phiếu hơn cả chúa hẳn là người đắc cử Tổng Thống. Một ứng cử viên được nhiều người bỏ phiếu ở vài tiểu bang đồng dân có thể ăn đứt về số phiếu. Nhưng Hoa Kỳ theo chính thể liên bang, nên muốn đắc cử Tổng Thống cũng phải thắng ở đa số tiểu bang. Ứng cử viên Tổng Thống được nhiều phiếu hơn cả ở một tiểu bang thì được toàn thể cử tri đoàn ở tiểu bang đó. Người ít phiếu không được một cử tri nào cả.

Năm 1876 ứng cử viên Tổng Thống của đảng Dân Chủ, ông Samuel J. Tilden được 4.284.020 phiếu. Ứng cử viên Cộng Hòa, ông Rutherford B. Hayes chỉ được 4.036.572 phiếu nhưng đắc cử Tổng Thống, vì được nhiều cử tri đoàn hơn. Năm 1888 ông Benjamin Harrison ứng cử viên của đảng Cộng Hòa ít phiếu hơn ông Grover Cleveland của đảng Dân Chủ, nhưng vẫn đắc cử Tổng Thống, vì được nhiều cử tri (electors) hơn. Hiện nay tổng số Dân Biểu ở Quốc Hội Liên Bang là 435 người thêm 3 Dân Biểu cho thủ đô Hoa Thịnh Đốn thành 438, cộng với 100 Nghị Sĩ là 538 người, số cử tri đoàn toàn quốc gồm 538 cử tri. Liên danh Tổng Thống-Phó Tổng Thống nào được quá bán, tức là 270 cử tri, sẽ được tuyên bố đắc cử.

Các đảng độc lập cũng thường gọi là đảng thứ ba

Cho tới bây giờ không có đảng độc lập (cũng gọi là đảng thứ ba) nào đắc cử Tổng Thống. Tuy ứng cử viên Tổng Thống các đảng thứ ba khá nhiều, nhưng chỉ có 8 người được hơn 1 triệu phiếu, và những người thắng được vài cử tri đoàn lại còn ít hơn. Hai ứng cử viên đảng thứ ba nổi tiếng nhất là George C. Wallace ứng cử năm 1968, và ông Ross Perot ứng cử năm 1992. Ông George Wallace được gần 6% số người đi bỏ phiếu (popular vote) và 46 cử tri phiếu (electoral votes). Ông Ross Perot được 19% số người đi bỏ phiếu (popular vote) nhưng không thắng ở một tiểu bang nào cả và không có một phiếu cử tri nào; ông chỉ về hạng nhì ở hai tiểu bang Maine và Utah. Tuy vậy các đảng thứ ba cũng có ảnh hưởng khi đưa ra những vấn đề mà tất cả ứng cử viên Tổng Thống đều công nhận là quan trọng đối với dư luận quần chúng. Ngoài ra họ có thể giảm thiểu số phiếu của ứng cử viên một chính đảng. Thí dụ những người gays và lesbians ra ứng cử sẽ làm giảm ảnh hưởng và số phiếu của Bill Clinton (trong trường hợp Bill Clinton chỉ có thể dùng danh từ ảnh hưởng, chứ không thể dùng danh từ uy tín được, như chúng ta sẽ thấy trong một bài sau).



● Chu Thanh Lan

HAI GIỜ TÂM TÌNH VỚI

NHÀ THƠ NGUYỄN CHÍ THIÊN

Hai mươi bảy năm tù đầy khổ ải trong các trại tập trung của Cộng Sản còn in hằn lên vóc dáng của con người bất khuất. Dáng người cao mảnh khảnh, mái tóc bạc quá nửa dù mới ở tuổi 57, khuôn mặt xuống xuống. Cả con người chỉ cân nặng trên 50 kg mặc dù đã lên được 15 kg từ ngày ra tù Cộng Sản. Duy chỉ còn đôi mắt, tuy mang vẻ mệt mỏi do các cuộc di chuyển để nói chuyện với đồng bào trên khắp thế giới, nhưng vẫn còn lóe lên những tia cường nghị, và một giọng nói rõ ràng, dứt khoát, không mang một âm hưởng nào của Cộng Sản dù đã sống 40 năm với chế độ này.

Với những hình ảnh và ấn tượng này, nhà thơ Nguyễn Chí Thiên đã tâm tình với anh chị em trong Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris ngày 22.5.1996 tại Chùa Khánh Anh. Đối diện nhau trên dây bàn nhỏ, có những anh chị em sinh viên mà tuổi đời còn kém quãng thời gian tù ngục của nhà thơ, Chu Thanh Lan xúc động tự hỏi vì lý do gì mà hai thế hệ, hai kiểu đời hoàn toàn khác biệt đã ngồi lại với nhau? Phải chăng đó là do cùng mang nặng trong lòng một thứ tình cảm đối với quê hương?

Sau hai giờ nói chuyện, ý kiến của nhà thơ và trao đổi của anh em có thể tóm tắt trong các điểm sau đây:

1. Về Cộng Sản:

Là một chủ nghĩa phi nhân nên đã nảy sinh ra các chế độ và các lãnh tụ độc ác, chỉ biết lấy chiến tranh, tù đầy làm lẽ sống. Lênine, Staline và Cộng sản Nga đã sát hại và tù đầy hàng chục triệu dân, Mao Trạch Đông đã để cho 20 triệu dân Tàu chết đói năm 1958 trong phong trào "Bước Tiến Nhảy Vọt" và để Vệ Binh Đỏ giết hơn 40 triệu người năm 1966 trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Pol Pot từ 1975-1979 đã giết 2 triệu tức 25% dân số Cao Miên và đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh 80% dân Miên để xây dựng thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa. Ở Việt Nam, từ 1952-1956 sau khi đã đấu tố giết trên 100.000 người dân và đàn áp trí thức, văn nghệ sĩ trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, Hồ Chí Minh đã ký một Sắc Lệnh năm 1959 cho phép công an được quyền bắt và tù đầy mà không cần xét xử những ai mà Cộng Sản cho là có hại cho chúng. Vì thế Nguyễn Chí Thiên đã có một bạn tù 15 năm chỉ vì tội hát bài *Thiên Thai* của Văn Cao.

Từ năm 1945 đến nay, bao nhiêu triệu người Việt Nam, từ các em bé tới các cụ già, đã bị hành hạ, giết chóc trong các trại tập trung của Cộng Sản? Chắc chỉ có hồ sơ của Bộ Công An tại Hà Nội mới biết được điều này.

Chế độ lao tù của Cộng Sản, một số dân Việt Nam đã nếm, nhưng hãy để cho chính các cán bộ Cộng Sản bị bắt sau vụ Xét Lại

Chống Đảng năm 1967 nhận xét thì mới thấy thấm thía hơn. Hoàng Minh Chính hay Trần Vinh, Trung tá Giám đốc Công an Hải Phòng, người đã ký giấy bắt Nguyễn Chí Thiên, gặp lại nhà thơ trong tù đã than: "Không ngờ nhà tù Cộng Sản nó khốn nạn và độc ác đến như thế này..."

2. Về các hiện tượng phản kháng trong nước:

Nguyễn Chí Thiên đã phân biệt 4 loại thái độ chống đối Cộng Sản:

a. Đại đa số đồng bào trong nước cũng như các đảng viên làm thường đều chán ghét đám lãnh tụ đấng thời, họ chỉ chờ cơ hội là vùng lên. Vì vậy, mỗi lần có truyền đơn, có các hoạt động chống đối... đồng bào đều truyền tay nhau để phổ biến tin tức. Đám chóp bu Hà Nội cũng hiểu được điều này nên chúng vẫn duy trì một bộ máy Công an và Quân đội khổng lồ để sẵn sàng đàn áp dân chúng. Trong lúc này, thái độ của dân là phản kháng thụ động hay dưới các hình thức nhạo báng. Ngay tại Hà Nội, các em học sinh khấn nguyện được bầu làm "cháu ngoan bác Hồ", mỗi khi ra khỏi trường đều giấu khăn đỏ vào cặp; Được hỏi lý do, các em đều đáp: "đeo cái khăn đỏ thấy nó đỏ bản làm sao". Trên màn ảnh truyền hình, mỗi lần thấy Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh xuất hiện, mọi người đều chỉ cười chế nhạo; đó, con rơi của Hồ Chí Minh đó.

Người dân không có bằng chứng, như Nguyễn Thị Minh Khai vừa là vợ Hồ Chí Minh và Lê Hồng Phong mà hồ sơ còn nằm ở trụ sở KGB Nga. Nhưng mọi người đều nói những năm 1941-1945, khi ở Cao Bằng, Hồ Chí Minh lúc đó đã ngoài 50 tuổi đã lấy một người phụ nữ miền núi để ra Nông Đức Mạnh. Vì vậy sau này, con đường sự nghiệp của Nông Đức Mạnh đã tiến nhanh khác thường: chưa đến 40 tuổi đã làm bí thư tỉnh Bắc Thái, ngoài 40 tuổi đã làm Chủ tịch Quốc hội.

b. Một số nhỏ đồng bào, nhất là ở miền Nam vẫn có một thái độ chống đối Cộng Sản tích cực: hành động võ trang, tuyên truyền trong dân chúng. Nhưng tiếc thay vì thiếu tổ chức, vì mạng lưới công an chìm nổi của Cộng Sản đầy đặc nên đã không mang lại kết quả khả quan. Những điều quan trọng là những hành động này đã nuôi dưỡng trong lòng đồng bào một ngọn lửa chống đối âm ỉ.

c. Nhóm chống đối thứ 3 gây nhiều chú ý nhất là các cựu đảng viên cao cấp như Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Văn Trấn...

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiên cho biết trong chế độ Cộng Sản, càng chức lớn mà càng ngoan ngoãn theo lệnh của đảng, tức Tổng Bí Thư và phe nhóm, thì càng được hưởng nhiều ân huệ: có nhà, có xe, con cái được du học, có cửa hàng đặc biệt bán đồ ngoại

quốc, được đi nghỉ hè Tam Đảo, Đà Lạt, Đồ Sơn... *Chế độ đã biến con người thành những kẻ cơ hội chủ nghĩa, thấy có lợi là trở mặt.*

Đã sống 50, 60 năm với Cộng Sản, không lẽ họ đui mù mà không thấy những cái độc ác, gian trá của Hồ Chí Minh và đám đàn em thân cận: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ... Và chỉ khi Nga sụp đổ, họ mới trở thành những người tranh đấu cho nhân quyền, cho tự do dân chủ, cho hạnh phúc của nhân dân...? Chẳng qua chỉ vì cơ hội chủ nghĩa, họ tưởng đã nắm được thời cơ để tranh lấy quyền hành và đặc lợi. Như vụ án Xét Lại Chống Đảng năm 1967, phe Lê Duẩn, Lê Đức Thọ thắng thế nên đã thanh toán Hoàng Minh Chính và đám đàn em Võ Nguyên Giáp.

Chế độ Cộng Sản chỉ mau sụp đổ khi đám lãnh đạo Hà Nội chém giết nhau tử trong nội bộ. Đã hết rồi cái thời hô hào đấu tranh giai cấp, độc lập, tự do, hạnh phúc, mà chỉ còn là một cuộc tranh giành quyền hành, đó là.

Một nhà báo Mỹ mỗi đây đã ước tính có khoảng 100 đảng viên cao cấp có tài sản trên 300 triệu đô la, tức từ Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đến các Bộ Trưởng, Ủy Viên Trung Ương Đảng nắm giữ các chức vụ then chốt về kinh tế, tài chính. 700 đảng viên cao cấp khác có từ 100 đến 300 triệu đô la và 2000 với tài sản từ 50 đến 100 triệu đô la. Tính chung ra, khoảng độ 3000 cán bộ Cộng Sản đã tham những được 20 tỷ đô la. Chẳng thế mà một tên Giám đốc Công ty ở quận Tân Bình, thành Hồ, chỉ trong một đêm đã thua bạc 150.000 đô la, trong khi đồng bào vẫn đói khổ, trẻ em thất học, các thiếu nữ phải bán thân cho bọn tài phiệt Đài Loan, Hồng Kông...

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cũng đưa ra một vài sự kiện cụ thể về Cộng Sản tại Hà Nội:

- Tháng 8.1990, trong 2 ngày đầu khi nhóm đảo chánh thắng thế tại Nga, Nguyễn Văn Linh và Bộ Chính Trị rất vui mừng và đã ra lệnh cho các nhà máy cơ khí tại Hà Nội sản xuất 50.000 công tay để nhân cơ hội bắt giam các thành phần chống đối hoặc đòi đổi mới, dù rằng năm 1986, tại Đại Hội Đảng lần thứ 6, cán bộ Nga đã sang chỉ đạo, sắp xếp và Nguyễn Văn Linh đã phải cúi đầu nghe lệnh Gorbachev thi hành chính sách đổi mới của Nga.

Những công nhân chế tạo công tay đã ngao ngán khi nghĩ rằng chính những chiếc công do mình làm ra sẽ cùm mình hoặc người thân của mình. Người dân Hà Nội đã sống 3 ngày hoang mang cực độ trong vụ đảo chánh tại Nga. Cũng may sau đó đảo chánh thất bại nên lệnh làm công tay đã bị bỏ.

- Con trai Phan Văn Khải, Phó Thủ Tướng Cộng Sản đặc trách kinh tế, đã mở khách sạn V.I.P tại Hà Nội, chỉ chuyên tiếp bọn tài phiệt ngoại quốc và chỉ xài đô la. Các thiếu nữ hầu bàn phải ăn mặc hở hang và phải quỳ xuống mỗi lần dâng rượu cho khách hàng... Phải chăng đây là đạo đức cách mạng Cộng Sản mà từ Lênine, Staline, Mao Trạch Đông tới Hồ Chí Minh, Duẩn, Linh, Mười... từng hô hào?

d. Nhóm phản kháng thứ 4 là thành phần trí thức, văn nghệ sĩ. Ở đây, cần phải đánh giá đúng của danh từ trí thức, khác với những người có bằng cấp. Trí thức là những người

hiểu biết rộng, đôi khi không cần bằng cấp, và đem cái hiểu biết của mình để phục vụ đất nước, đồng bào. Khác hẳn với kiểu "trí thức" như một giáo sư đại học Sài Gòn sau năm 75, khi cả nước đang đói, lại viết trên báo Cộng Sản là một kí rau muống bở và giá trị bằng 1 kí thịt bò hoặc một "trí thức" khác rằng hồ xí (cầu tiêu) hai ngăn ở miền Bắc là một phát minh to lớn của đảng và nhà nước.

Cũng như một số "trí thức" tại hải ngoại. Khi mà thanh niên hai miền Nam-Bắc bị các đám cầm quyền tay sai ngoại bang xô đẩy vào cuộc chết chóc tửng tàn thì họ an nhàn ăn học và trốn lính tại nước ngoài. Sau 75, với hàng triệu đồng bào tỵ nạn, họ cũng không thể hòa mình vào được với cộng đồng. 1985 Cộng Sản Việt Nam theo mệnh lệnh Nga "đổi mới", gọi đồng bào hải ngoại là khúc ruột xa ngàn dặm thay vì là "cận bã xã hội" như Phạm Văn Đồng trước đây, họ hứa theo, kêu gọi "hòa hợp hòa giải", rồi đi đến xóa bỏ cờ vàng. Hoặc vì nghề nghiệp ngày thối vì không từng sống một ngày với đời đầy Cộng Sản, hoặc vì khôn lanh đón gió, vô tình họ đã chia rẽ cộng đồng và làm lợi cho Cộng Sản.

Ai "hòa hợp hòa giải" với ai? không lẽ 72 triệu dân Việt Nam phải "hòa hợp hòa giải" với một nhóm cầm quyền thiểu số để tiếp tục bị chúng bóc lột, đàn áp? Mà từ năm 1985, chúng đã đổi mới được những gì ngoài việc mở cửa kinh tế, bán rẻ tài nguyên và nhân công Việt Nam cho tư bản ngoại quốc để chia nhau đô la.

Những người trí thức thực sự như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Hà Sĩ Phu... đang bị tù đầy vì đòi hỏi tự do, dân chủ, nhân quyền, các nhà tu hành như Huyền Quang, Quảng Độ, Trí Siêu, Tuệ Sĩ, Hải Tạng, Trần Đình Thủ... cũng đang ở tù vì muốn có tự do tôn giáo.

Họ chỉ là một tối thiểu số, nhưng hành động của họ tiếp tục nuôi dưỡng ngọn lửa đấu tranh trong và ngoài nước, báo động cho thế giới thực chất của Cộng Sản Việt Nam.

Kinh nghiệm của Nguyễn Chí Thiện cũng như của những ai quyết tâm vì tự do, hạnh phúc cho quê nhà, đều khẳng định rằng:

"Cộng Sản Việt Nam trước sau cũng chết, chúng sẽ chết tử trong chết ra. Chết nhanh hay chậm, điều đó tùy thuộc vào mỗi người Việt trong và ngoài nước với ý thức và bổn phận của mình"

Công việc của chúng ta là góp phần thúc đẩy cho chúng mau sụp đổ. Vì chế độ này còn tồn tại, dù một ngày, là một ngày chúng làm đất nước thêm nghèo đói, tan nát.

* Với đồng bào trong nước:

Đình công, biểu tình, mít-tinh, ban đầu đòi cơm áo, sau đi đến đòi dân chủ, tự do. Phát hành và lưu truyền các tài liệu truyền đơn tố cáo Cộng Sản, phản kháng thăm lạng, phá hoại tiêu cực, vạch trần cho nhau những tội ác hay tuyên truyền láo khoét của Cộng Sản.

Kinh nghiệm Đông Âu cho thấy khi phong trào đấu tranh của quần chúng đã lớn mạnh, đám cầm quyền sẽ không dám đàn áp vì khi

đó, quân đội, công an cũng không còn tuân theo lệnh chúng.

* Với đồng bào hải ngoại:

- Phổ biến trong cộng đồng và các chính quyền địa phương các tin tức, hình ảnh thực sự của Việt Nam, những hành động chà đạp dân chủ, nhân quyền của chế độ Hà Nội.

- Biểu tình trước các tòa đại sứ Cộng Sản, trước các phái đoàn Cộng Sản mỗi khi chúng đi xin viện trợ ở nước ngoài... Những việc làm này, mỗi khi lên truyền hình ngoại quốc với hàng chục triệu khán thính giả, sẽ có hiệu quả chính trị rất lớn lao.

- Dùng thư từ, Fax, Internet, các phương tiện truyền thông... gửi tin tức về Việt Nam, vạch trần mặt trái của chế độ, của đám lãnh đạo Cộng Sản.

- Với những người về Việt Nam, không kể những thành phần ăn chơi phê phở trên sự đói rách của đồng bào, mỗi người mang về những giá trị về tự do, cơm áo để phổ biến cho thân nhân, bạn bè, gây cho họ ý thức về quyền làm người.

Đã 6 năm qua, mùa Xuân Bắc Kinh còn trong trí nhớ hàng tỷ con người trên trái đất với vụ đàn áp Thiên An Môn. Người dân Trung Hoa 6 năm trước tưởng đối đã được ăn no mặc đủ. Họ chỉ chán ngán chế độ và đòi tự do, dân chủ. Không như Việt Nam ngày nay, đại đa số dân chúng còn ăn đói, mặc rách, trừ những người có thân nhân ở nước ngoài, một số cán bộ đảng viên, những người làm ăn buôn bán với chế độ hay ngoại quốc. Lòng dân đã căm thù chế độ, đã khinh rẻ đám cầm quyền, nếu có một mùa Xuân Việt Nam, sức mạnh của mùa Xuân này sẽ đủ sức quét sạch những bất công phi lý, những rác rưởi tồn tại trên đất nước 50 năm qua.

Việc làm của mỗi người chỉ là một hạt cát. Nhưng việc làm của hàng triệu con người sẽ làm cho các thành trì xây trên cát của Cộng Sản Việt Nam chóng sụp đổ. Võ Văn Kiệt mỗi đây trong một chuyến công du ngoại quốc bị đồng bào săn đuổi đã than: "Tại sao đã 20 năm mà người Việt ở nước ngoài còn chống phá Cộng Sản?". Hỏi tức là trả lời vì 21 năm qua, người Việt tỵ nạn vẫn nuôi một ngọn lửa trong lòng, vẫn mang một "Trái Tim Hồng" như tựa một bài thơ của Nguyễn Chí Thiện làm trong nhà giam Hỏa Lò năm 1991 :

Dù thân xác lao tù héo khô muốn đổ

Dù đau lòng hạnh phúc sớm vui chôn

Ta đã sống và không xấu hổ

Vì ta cứu giữ được linh hồn!

Ba chục năm qua ngậm đắng nuốt buồn

U uất lạc loài trên đất tổ

Như chiếc bóng nhạt mờ oan khổ

Lang thang xô xéo lửa cuộc đời

Ta, con tàu lỗi hẹn với xa khơi

Phối thân xác trong mùa mơn nắng gị

Thân thể tàn theo thế kỷ

Sường buồn nhuộm sắc hoàng hôn

Ký ức ám u thấy thoáng những âm hồn

Xót xa, tiếc nuối...

Ta vẫn trôi trong dòng sông đen tối

Lều bều rác rưởi tanh hôi...

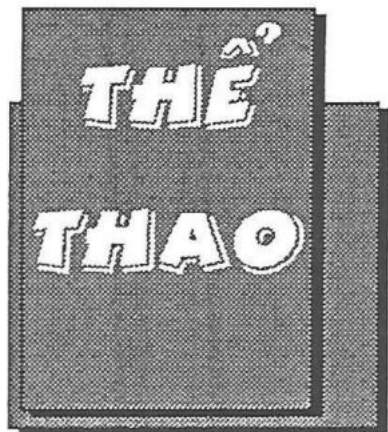
Hư vô ơi! cập bến đến nơi rồi

Cõi bụi chớ mong chi nữa!

Một trái tim hồng với bao chan chứa

Ta đặt lên bờ đường thế trước khi xa.

• NGƯỜI GIÁM BIÊN



BÓNG TRÒN



G iải vô địch bóng tròn Âu Châu đã kết thúc, nhưng dư âm còn vang vọng mãi cho đến ngày hôm nay. Bao nhiêu chữ "Nếu" đã được đặt như: Nếu thủ môn Đức, anh Köpke không đón được trái banh 11 thước của cầu thủ Southgate đội Anh trận bán kết thì làm sao vào được chung kết. Nếu Huấn Luyện Viên Bertl Vogts của đội Đức không đưa anh Bierhoff vào thay anh Scholl ở phút thứ 69 hiệp nhì thì sức mấy mà Đức lãnh Cúp. Nếu lần tranh giải này mà không áp dụng quả gôn vàng "Golden Goal" trong trận chung kết đá thêm giờ với đội Tschechien (Tiệp) thì chưa chắc ai thắng ai v.v.... và v.v... Nhưng dù có "Nếu" hay không có "Nếu" thì đội Đức cũng đã Vô Địch Âu Châu lần thứ ba.

• Thành tích của đội Đức trong các trận Chung Kết

- Vô Địch Thế Giới 1954: Đức-Ungarn 3:2
- Vô Địch Thế Giới 1966: Đức-Anh 2:4 sau khi đá thêm giờ
- Vô Địch Âu Châu 1972: Đức-Liên Xô 3:0
- Vô Địch Thế Giới 1974: Đức-Hòa Lan 2:1
- Vô Địch Âu Châu 1976: Đức-Tiệp Khắc 2:2, đá 11 thước 3:5
- Vô Địch Âu Châu 1980: Đức-Bỉ 2:1
- Vô Địch Thế Giới 1982: Ý-Đức 3:1
- Vô Địch Thế Giới 1986: Á Căn Đình-Đức 3:2
- Vô Địch Thế Giới 1990: Đức-Á Căn Đình 1:0
- Vô Địch Âu Châu 1992: Đan Mạch-Đức 2:0

Vô Địch Âu Châu 1996: Đức-Tiệp 2:1 nhờ quả gôn vàng ở hiệp đá thêm giờ.

• Kết quả các trận đấu VÒNG ĐẦU

Toán A

Anh - Thụy Sĩ	1 : 1
Hòa Lan - Tô Cách Lan	0 : 0
Thụy Sĩ - Hòa Lan*	0 : 2
Tô Cách Lan - Anh *	0 : 2
Tô Cách Lan - Thụy Sĩ	1 : 0
Hòa Lan - Anh	1 : 4

Xếp hạng

1. Anh	7 : 2	7 điểm
2. Hòa Lan	3 : 4	4 điểm
3. Tô Cách Lan	1 : 2	4 điểm
4. Thụy Sĩ	1 : 4	1 điểm

Đội Hòa Lan và Tô Cách Lan đồng 4 điểm, nhưng sai biệt về bàn thắng thua nên Tô Cách Lan và Thụy Sĩ bị loại.

Toán B

Tây Ban Nha - Bulgari	1 : 1
Rumani - Pháp	0 : 1
Bulgari - Rumani	1 : 0
Pháp - Tây Ban Nha	1 : 1
Pháp - Bulgari	3 : 1
Rumani - Tây Ban Nha	1 : 2

Xếp hạng

1. Pháp	5 : 2	7 điểm
2. Tây Ban Nha	4 : 3	5 điểm
3. Bulgari	3 : 4	4 điểm
4. Rumani	1 : 4	0 điểm

Bulgari và Rumani bị loại

Toán C

Đức - Tchechien	2 : 0
Ý - Nga	2 : 1
Tschechien - Ý	2 : 1
Nga - Đức	0 : 3
Nga - Tschechien	3 : 3
Ý - Đức	0 : 0

Xếp hạng

1. Đức	5 : 0	7 điểm
2. Tschechien	5 : 6	4 điểm
3. Ý	3 : 3	4 điểm

4. Nga 4 : 8 1 điểm
Ý và Nga bị loại

Toán D

Đan Mạch - Bồ Đào Nha	1 : 1
Turkei - Kroatiên	0 : 1
Bồ Đào Nha - Turkei	1 : 0
Kroatiên - Đan Mạch	3 : 0
Kroatiên - Bồ Đào Nha	0 : 3
Turkei - Đan Mạch	0 : 3

Xếp hạng

1. Bồ Đào Nha	5 : 1	7 điểm
2. Kroatiên	4 : 3	6 điểm
3. Đan Mạch	4 : 4	4 điểm
4. Turkei	0 : 5	0 điểm

Đan Mạch đường kim vô địch và Turkei bị loại. Đặc biệt đội Turkei ra quân lần này trong 3 trận bị đá lọt lưới 5 lần! Không gỡ được một quả danh dự.

TỬ KẾT

Kể từ vòng tử kết, tranh theo thể thức K.O, có nghĩa là đội nào thua là phải áo, sắp xếp va-li về nước. Hơn nữa, lần đầu tiên trong giải vô địch kỳ này áp dụng quả gôn vàng "Golden Goal", tức là nếu hai đội huề nhau, thì phải đá thêm giờ, mỗi hiệp 15 phút. Trong hai hiệp đá thêm giờ đội nào thắng trái banh đầu tiên thì thắng trận và trọng tài thổi còi cho ngừng ngay trận đấu. Nếu đá thêm giờ mà vẫn còn huề nhau thì vẫn áp dụng cách đá 11 thước như thường lệ.

* Tây Ban Nha - Anh 0:0 - đá thêm giờ vẫn 0:0 - đá 11 thước Anh thắng với tỷ số 4 : 2

* Pháp - Hòa Lan 0 : 0 - đá thêm giờ vẫn 0 : 0 - đá 11 thước Pháp thắng với tỷ số 5:4

* Đức - Kroatiên 2:1

* Tschechien - Bồ Đào Nha 1:0

BÁN KẾT

* Pháp - Tschechien 0:0 - đá thêm giờ vẫn 0:0 - đá 11 thước Tschechien thắng với tỷ số 6:5 nhờ thủ môn Kouba đón được trái banh của cầu thủ Pedros (Pháp).

* Đức - Anh 1:1 - đá thêm giờ vẫn 1:1 - đá 11 thước Đức thắng với tỷ số 6:5, nhờ thủ môn Köpke đón được trái banh của cầu thủ Southgate.

Người ta thường nói "Hay không bằng hên". Nhưng nếu vừa hay mà lại vừa hên thì vô địch. Trong trận bán kết giữa đội Đức và Anh, thì Đức vừa hay lại vừa hên nên trở thành vô địch. Số là trong hiệp đá thêm giờ, cầu thủ Anh Darren Anderton ngả người đá trái banh tuyệt đẹp (xem hình) trong khi hai cầu thủ Đức Sammer và Freund đứng nhìn tuyệt vọng thì trái banh thay vì lọt lưới rộng thênh thang lại trúng cột văng ra ngoài! Nếu trái banh này lọt lưới thì đội Anh hưởng được quả gôn vàng! Tiếc thay!

CHUNG KẾT

Thật là một việc hết sức bất ngờ là ở vòng đầu đội Đức và Tschechien gặp nhau. Đức hạ Tschechien 2:0. Vào chung kết hai đội cũng lại gặp nhau. Ai thắng ai? Trên sân cỏ đã xảy ra bao nhiêu chuyện bất ngờ không thể ai tiên đoán được trước khi trái banh

ngừng lẫn và trọng tài thổi tiếng còi cuối cùng chấm dứt trận đấu. Trong giải này ai cũng cho là đội Tschechien khó mà vào được đến vòng tứ kết, thế mà lần lượt nó hạ hết đội này đến đội khác để cuối cùng vào chung kết đụng lại với đội Đức. Hai đội đã hiểu giở cẳng cùng kỹ thuật của nhau hết rồi, hơn nữa đội Tschechien quyết tâm phục thù nên trận đấu rất hào hứng.

Đội Đức gồm có: Köpke (thủ môn) - Sammer - Babel - Strunz - Eilts (phút 46. Bode thay) - Helmer - Ziege - Haeßler - Scholl (phút 69. Bierhoff thay) - Klinsmann - Kuntz.

Đội Tschechien gồm có: Kouba (thủ môn) - Kadlec - Suchoparek - Roda - Homak - Nedved - Bejbl - Nemeč - Poborsky (phút 88. Smicer thay) - Berger - Kuka.

Trong tài: Ông Pierluigi Pairetto (Ý)

Gôn: Phút thứ 59 cầu thủ Sammer (Đức) đón banh trái phép trong vòng cấm địa, bị phạt đền 11 thước. Anh Berger đá, nâng tỷ số 1:0 cho đội Tschechien. Phút thứ 69 anh Bierhoff (Đức) vào thay Scholl. Phút 73 Bierhoff (số 20) nường theo trái phạt góc, anh đội đầu banh lọt vào lưới gỗ huê 1:1 trong tiếng hoan hô vang dội của khán giả. Hết 90 phút hai đội vẫn huê 1:1. Đã thêm hai hiệp, mỗi hiệp 15 phút và áp dụng quả gön vàng.

Đến phút thứ 95, Kuntz đưa banh cho Bierhoff ngay trong vòng cấm địa của Tschechien, nường đã Bierhoff đá trái banh chéo góc khuôn thành. Thủ môn Kouba nhảy lên đón, banh đụng ngón tay bay vào trong lưới. Trọng tài thổi còi ngừng trận đấu. Đức thắng 2:1 giữa tiếng hoan hô vang dội của trên 70 ngàn khán giả.

Thẻ vàng: Helmer - Sammer - Ziege (Đức) - Homak (Tiệp).

Khán giả: 73.611 người

Khán giả danh dự: Nữ hoàng Elisabeth - Thủ Tướng Anh J. Major - Tổng Thống Tiệp V. Havel - Thủ Tướng Đức H. Kohl.

Tiền thưởng: Ngoài tiền lãnh giải của Liên Đoàn Bóng Tròn Âu Châu, mỗi cầu thủ Đức lãnh thêm 250 ngàn Đức Mã gọi là tiền thưởng của Tổng Cuộc Túc Cầu Đức!



Trước trận đấu, Nữ hoàng Anh đến bắt tay từng cầu thủ



Trận bán kết giữa Anh và Đức. Cầu thủ D. Anderton (Anh) ngã người đá trái banh tuyệt đẹp trước vòng cấm địa Đức. Freund và Sammer (Đức) nhìn theo quả đá một cách tuyệt vọng. May phước quả đá đụng cột khuôn thành vắng ra ngoài! Đùng là hên!



Trái thắng đầu tiên ở phút thứ 73 do Bierhoff đội đầu gỗ huê 1:1 cho đội Đức



Trái thắng thứ 2 cũng do Bierhoff đá chéo góc khuôn thành, Kouba (thủ môn Tiệp) nhảy đón, banh chạm đầu ngón tay, banh bay vào lưới ở phút 95. Quả gön vàng!



Nữ hoàng Anh tận tay trao Cúp cho Đội trưởng Klinsmann. Anh hai tay đưa Cúp cao lên trong tiếng hoan hô vang dội của khán giả cả cầu trường.



Đội tuyển Đức quốc trong trận chung kết (từ trái sang phải).

Hàng đầu: 17 Ziege - 11 Kuntz - 8 Scholl - 18 Klinsmann (Đội trưởng) - 1 Köpke (Thủ môn) - 20 Bierhoff (người hùng của trận đấu - thay Scholl ở phút thứ 69. Một minh anh đã lọt lưới 2 quả mang chiến thắng về cho đội Đức)

Hàng sau đứng: 19 Strunz - 6 Sammer - 14 Babel - 21 Eilts - 10 Haeßler - 5 Helmer

**THẾ VẬN
HỘI MÙA HÈ**

từ 19.7 đến 4.8.1996



Lễ khai mạc Thế Vận Hội Mùa Hè 96 tại Atlanta thủ phủ Tiểu Bang Georgia đã được tổ chức rất trọng thể, kéo dài gần 4 tiếng đồng hồ. Trước là để kỷ niệm ngày sinh nhật thứ 100, sau là để chứng tỏ sự hùng mạnh của một cường quốc có một nền khoa học kỹ thuật hiện đại nhất thế giới.

Có 10788 vận động viên của 197 quốc gia hội tụ về Atlanta để tranh tài hầu đoạt cho được huy chương vàng, chẳng những đem vinh quang về cho quốc gia mình mà còn trở thành triệu phú nhờ tiền thưởng và quảng cáo v.v...

Ngoài huy chương và tiền thưởng của Ủy Ban Thế Vận, những quốc gia sau đây còn thưởng riêng cho vận động viên của mình để khuyến khích khi họ đoạt được huy chương.

Quốc Gia	Vàng	Bạc	Đồng
1. Do Thái	250.000	150.000	100.000
2. Mexico	185.000	112.000	44.530
3. T.B Nha	120.000	60.000	36.000
4. Nga	75.000	30.000	15.000
5. Slowakei	75.000		
6. Pháp	74.000	35.000	23.000
7. Úc	60.000	36.000	18.000
8. Hòa Lan	53.400	35.600	17.800
9. Nam Phi	52.500	35.000	17.500
10. B. Nga	50.000	40.000	30.000
11. Nhật	42.000	28.000	14.000
12. Tsche.	35.000	20.000	15.000
(Tiếp)			
13. Ba Lan	35.000+1 xe hiệu Fiat Cinquenc.		
14. Moldaw.	25.000	20.000	15.000
15. Mỹ	22.500	15.000	7.500
16. Rumani	22.500	15.000	7.500
17. Thụy Sĩ	18.000	14.500	12.000
18. Áo	17.000	14.000	11.000
19. Đức	15.000	10.000	7.500
20. Tr. Quốc	15.000	9.000	5.500
21. Ukraine	10.000		
22. N. Hàn	1.200	+ Lãnh hủ mỗi tháng	trí suất đời 1.200 DM

BẢNG LIỆT KÊ NHỮNG QUỐC GIA ĐÃ ĐOẠT HUY CHƯƠNG

Quốc Gia	Vàng	Bạc	Đồng
1. Mỹ	44	32	25
2. Nga	26	21	16
3. Đức	20	18	27
4. Trung Quốc	16	22	12
5. Pháp	15	7	15
6. Ý	13	10	12
7. Úc	9	9	22
8. Cuba	9	8	8
9. Ukraine	9	2	12
10. Nam Hàn	7	15	5
11. Ba Lan	7	5	5
12. Ungarn	7	4	10
13. Tây Ban Nha	5	6	6
14. Rumanien	4	7	9
15. Hòa Lan	4	5	10
16. Hy Lạp	4	4	
17. Tschechien	4	3	4
18. Thụy Sĩ	4	3	
19. Đan Mạch	4	1	1
20. Thổ Nhĩ Kỳ	4	1	1
21. Canada	3	11	8
22. Bulgarien	3	7	5
23. Nhật	3	6	5
24. Kasachtan	3	4	4
25. Ba Tây	3	3	9
26. Tân Tây Lan	3	2	1
27. Nam Phi	3	1	1
28. Ái Nhĩ Lan	3		1
29. Thụy Điển	2	4	2
30. Na Uy	2	2	3
31. Bỉ	2	2	2
32. Nigeria	2	1	3
33. Bắc Hàn	2	1	
34. Athiopie	2		1
35. Algerie	2		1
36. Anh	1	8	6
37. Bach Nga	1	6	8
38. Kenia	1	4	3
39. Jamaica	1	3	2
40. Phần Lan	1	2	1
41. Indonesien	1	1	2
42. Nam Tú	1	1	2
43. Ba Tú	1	1	1
44. Slowakei	1	1	1
45. Armenien	1	1	
46. Kroatiën	1	1	
47. Bồ Đào Nha	1		1
48. Thái Lan	1		1
49. Burundi	1		
• Costa Rica	1		
• Ecuador	1		
• Hongkong	1		
• Syrien	1		

Ngoài ra còn 26 quốc gia khác đã đoạt được huy chương bạc và đồng. Tìm mãi trong bảng mà cũng không thấy tên nước CHXHCN Việt Nam!

Những môn thể thao đồng đội mà các quốc gia sau đây đã đoạt được huy chương vàng.

- **Bóng đá:**
Nam : Nigeria hạ Argentinien 3:2
Nữ : Mỹ hạ Trung Quốc 2:1
- **Bóng chuyền:**
Nam : Hòa Lan hạ Ý 3:2
Nữ : Cuba hạ Trung Quốc 3:1
- **Bóng ném:**
Nam : Kroatiën hạ Thụy Điển 27:26
Nữ : Đan Mạch hạ Nam Hàn 37:33 sau khi đấu thêm giờ
- **Bóng rổ:**
Nam : Mỹ hạ Nam Tú 95:69
Nữ : Mỹ hạ Ba Tây 111: 87

- **Bóng nước:**
Nam : Tây Ban Nha hạ Kroatiën 7:5
- **Quần vợt:**
Nam : Agassi (Mỹ) hạ Bruguera (TBN) 6:2, 6:3, 6:1.
Nữ : Davenport (Mỹ) hạ Sanchez Vicario (TBN) 7:6 ; 6:2

Bên lề Thế Vận Hội

* Mặc dù Ban Tổ Chức đã tập trung mọi nỗ lực trong việc bảo vệ an ninh, nhưng đêm 19 rạng 20.7.96 cũng bị bọn khủng bố đặt chất nổ tại trung tâm khu thể vận, làm 2 người chết, trên 100 người bị thương. Đúng là bọn sát nhân. Chúng không từ bỏ bất cứ một hành động dã man tàn ác nào miễn làm sao đạt được mục tiêu đó bản của chúng.

* Vận động viên cử tạ Raed Ahmed, người Irak, cầm cờ đoàn đại biểu quốc gia Irak đã trốn và xin tỵ nạn chính trị tại Mỹ. Trả lời phóng viên đài truyền hình Mỹ ABC, anh nói: "Tôi chạy trốn khỏi địa ngục trần gian Irak. Ông Saddam Hussein, người lãnh đạo độc tài, tàn ác đã biến quê hương tôi thành một trại tập trung khổng lồ, trong đó mọi người dân đều bị tước đoạt tất cả quyền sống và quyền làm người!"



Ủng hộ viên Đức

Vài con số ghi nhận về Atlanta

- Số quốc gia tham dự : 197
- Vận động viên (VDV): 10.788 trong số này có 3.700 nữ.
- Phóng viên báo chí: 17.700 - nhiều hơn VDV!
- Nhân viên trong BTC: 4.000
- Làng thể vận cho VDV: 14.000 giường
- Hãng NBC độc quyền truyền hình trả: 456 triệu Mỹ kim
- Hãng truyền hình Đức trả: 66 triệu Đức Mã
- Tổng số ngân khoản cho TVH: 1,6 tỉ Mỹ kim
- Chánh phủ Liên Bang giúp: 227 triệu Mỹ kim
- Chi phí về an ninh do Chính Phủ đài thọ: 70 triệu Mỹ kim
- Nhân viên an ninh: 12.000 thuộc tư nhân - 4.800 thuộc thành phố Atlanta và Tiểu Bang

Georgia - 25.000 nhân viên an ninh đặc biệt của Liên Bang - 10.000 quân nhân.

- Vé vào cửa: 11 triệu vé (1984 - Los Angeles có 6,9 triệu vé; 1992 - Barcelona chỉ có 3,7 triệu vé). Lần này Atlanta phá kỷ lục.

- Giá vé vào cửa: Khai mạc và bế mạc 200 - 400 và 600 Mỹ kim. Giá chợ đen lên đến 1.000!

Xem điền kinh: từ 6 đến 250 Mỹ kim

- Môn thể thao: 26 loại

- Vận động trường Thể vận: 85 ngàn chỗ - Cả khai mạc và bế mạc đều bán hết vé!



Ủng hộ viên Mỹ



Ủng hộ viên Gia nã Đại



Ủng hộ viên Thổ Nhĩ Kỳ



Ủng hộ viên Nhật

LỄ BẾ MẠC

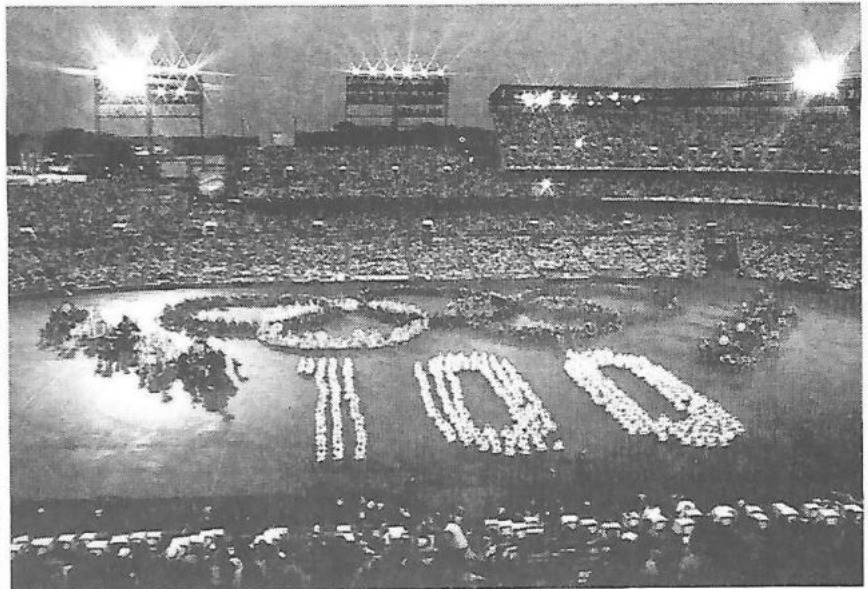
Cuộc vui nào rồi cũng phải tàn, vì có bắt đầu thì phải có chấm dứt. Do đó Thế Vận Hội Mùa Hè 1996 tại Atlanta cũng nằm trong quy luật chung này. Lễ khai mạc tưng bừng nào

nhật bao nhiêu, thì lễ bế mạc các vận động viên buồn ngủ, buồn bã bấy nhiêu. Họ chia tay nhau trong sự lú lút đăm đăm không phân biệt màu da sắc tộc và hẹn gặp lại nhau vào năm 2000 tại Sydney - Úc Đại Lợi, quê hương của những con Kangurus.

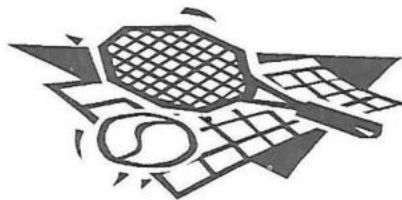
7. A. Agassi (Mỹ)
8. R. Krajicek (Hòa Lan)
9. J. Courier (Mỹ)
10. W. Ferreira (Nam Phi)

SYDNEY 2000 - SEE YOU AGAIN !

ATLANTA 1996 - GOODBEY !



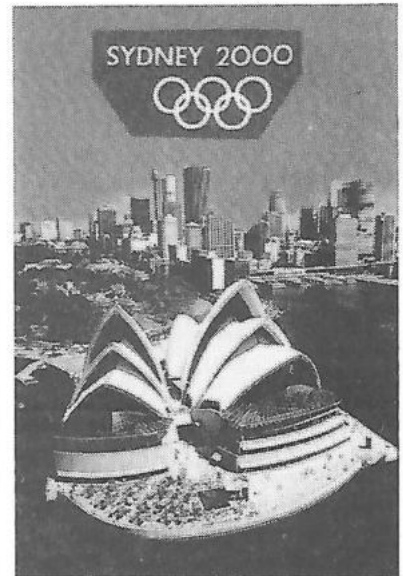
QUẦN VỢT



MƯỜI TAY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI
(Có giá trị đến ngày 12.8.1996)

- Nữ
 1. M. Seles (Mỹ)
 1. S. Graf (Đức)
 2. A. Sanchez (Tây Ban Nha)
 3. C. Martinez (Tây Ban Nha)
 4. I. Majoli (Kroatien)
 5. A. Huber (Đức)
 6. J. Novotna (Tiệp)
 7. C. Rubin (Mỹ)
 8. M. J. Fernandez (Mỹ)
 9. K. Date (Nhật)
 10. L. Davenport (Mỹ)

- Nam
 1. P. Sampras (Mỹ)
 2. T. Muster (Áo)
 3. M. Chang (Mỹ)
 4. J. Kafelnikov (Nga)
 5. B. Becker (Đức)
 6. G. Ivanisevic (Kroatien)



Nhủ Khởi Lam Bườn

• HỒNG LAN

Khi hai cô và ba tôi phân chia đi tú tán, lúc bấy giờ chỉ còn có chú Năm tôi ở lại nhà, chú Năm Nhẫn, ông nội bù đắp cho chú mọi mặt. Tuy nhiên, khi học xong bậc tiểu học, chú lại không muốn học lên, sống xa nhà như ba tôi.

Thời gian trôi qua, đến khi chú được hai mươi tuổi, chú có ý định muốn lập gia đình. Ông bà cố, ông nội đã đi coi mắt và lo vợ cho chú nên bề gia thất. Bên vợ chú có tất cả sáu chị em gái, mà vợ chú là đứa con gái út, nên chú phải ở rể. Nội phải mua thêm ruộng, chia phần cho chú để làm của hồi môn. Như vậy, kể ra chú cũng được yên thân, yên phận và ông bà cố và nội đã hết lòng san sẻ cho chú thật đầy đủ, đậm đà.

Ban đầu, hai cô tôi đều được gả về miệt vườn. Cô Hai Khanh may mắn gặp gia đình cũng khá giả ở Giao Long vì chồng cô là con của ông Cả Đệ. Sau đó không lâu, thì cô Ba Mụi lấy chồng ở làng Phú Vang, gần Bình Đại. Nhưng dựng Ba tôi gốc lính kình trong thời Pháp thuộc, nên hai vợ chồng cô chỉ về đó ít lâu, rồi vọt lên Sài Gòn sinh sống khi dưới quê bắt đầu động. Có lần tôi hỏi hai cô:

- Không biết tại sao hồi xưa ông nội lại đặt tên cho hai cô với ba con là Khanh, Mụi, Lòng hả? Con nghe có cái gì nào nùng, ai oán quá và chắc vì vậy mà hai cô và ba con phải sống mồ côi, mồ cút, phải không có?

Hai bà cô tôi cười ngất! Nhưng, bất chợt, cô Hai tôi dịu giọng xuống:

- Con chẳng hiểu vì sao à? Chỉ tại vì ngày xưa nội cũng như dân quê sống trong thôn xóm xa xôi hẻo lánh thường hay mê coi hát bội. Họ hay đặt tên cho con cái tùy theo những cảm xúc qua các tuồng tích. Có lẽ ông nội con đã mê lòng khi thấy Khanh lìa xa trăm hay sao không biết!

Đôi lúc tôi nghĩ rằng tên tuổi con người ta thiệt ra cũng quan trọng và ảnh hưởng trong cuộc đời không ít, vậy mà sao dân quê sống nơi ruộng đồng thôn dã lại chẳng ai chú ý ngàng tới mỗi kỳ!

Lúc Việt Minh nổi dậy, dựng Hai tôi đã nghe theo tiếng gọi của sông núi, đã gia nhập kháng chiến để chống lại thực dân. Ngôi nhà lớn của gia đình dựng, ngôi nhà phông-tô nền dúc, cột cam xe bị đốt cháy tan hoang. Ông Cả Đệ, ba của dựng, vì mê đào hát đã không ngần ngại bỏ hết tài

sản lẫn vợ con để chạy theo cô đào chánh một thời gian. Nghe đâu về sau ông và cô đào chánh đó đã bỏ tiền ra lập gánh riêng. Bởi vậy ở thời kỳ này cô Hai tôi phải một lòng phụng dưỡng bà mẹ chồng trong cảnh "mẹ góa con côi" vì sự ra đi không hẹn ngày trở lại của hai đức ông chồng. Vì không muốn mình là gánh nặng cho con dâu và đám cháu nội, đồng thời cũng muốn tránh tiếng đời dị nghị, độ ít lâu sau bà Cả Đệ bỏ sang Vĩnh Long sống tạm với người con trai thứ tư. Được tin đó nội vội vã thu dọn việc nhà đến rước cô Hai cùng các anh chị tôi trở về quê ngoại.

Bên ngoài, nền nhà nội cần đá ong xung quanh, màu đá đỏ đậm, mái lợp ngói âm dương, sàn nhà lát gạch tàu. Bên trong, nhà có ba gian hai chái rất rộng rãi. Ở phía trước gian nhà trên nội để hai khuôn thợ dưỡng già cho ông bà cố. Ở phía sau nội ngăn một căn phòng thiết rộng có cửa buồng dùng để chứa những bồ lúa, nếp thật đầy cao gần đụng tới nóc nhà. Tiếp theo gian nhà giữa rất khang trang, nội có chũng nhiều tấm liễn dài treo theo chiều cột nhà và mấy tấm ngán treo theo chiều ngang của cây xiên nhà. Tất cả đều được sơn son thếp vàng sáng chói lọi. Ngay chính giữa nhà nội cho kê một bộ ghế trường kỷ có cần ốc xa cũi lấp lánh. Hai bên có hai bộ ván gỗ thiết chiến, đen mun. Ở phía sau bộ ghế trường kỷ có bức màn xanh lợt, sâu vào trong, nội thờ Thiên Nhân của đạo Cao Đài, bên cạnh còn có bàn thờ Quan Công. Đối diện hai bên trái và phải là bàn thờ của ông bà số. Gian thứ ba có hai bộ ván gỗ trước vách ngăn buồng gái, một bàn tròn với ghế nước cần xa cũi có kiếng thủy và móc máng khăn.

Tiếp theo là căn nhà cầu nối sang nhà bếp. Nhà bếp cũng có ba gian chứa những vật dụng xay lúa giã gạo bằng tay; cối chày quết bánh phồng nếp, bánh phồng mi; gióng, giò tre, đòn gánh để gánh dừa; cùng những thú cày, bừa, trục để làm ruộng. Rồi mỗi tôi nhà vựa củi, lá dừa, miếng gạo.

Trong căn nhà vô này, nội thường chứa một khoảng trống để nuôi gà nòi. Nội chỉ thích nuôi gà nòi để bán chợ không phải để đá độ. Thành thạo năm khi mười họa nội mới đi đá độ một lần. Còn chuyên môn của nội là gây giống gà tốt, loại lông màu ngũ sắc, đen đỏ (gà điều), hoặc vàng vàng hay pha lẫn (gà chuối). Hằng ngày nội chăm sóc, phun nước, thoa nghệ cho gà rất thận trọng, kỹ lưỡng. Tối mùa gần Tết, mấy ông nhà nghề đá độ đều đến nhà nội để coi mắt và đặt mua gà rất rộn rịp.

Đạo đó các anh chị con của cô Hai và cô Ba tôi đều nhờ được cả. Bên cô Hai thì có anh Hai Biên lớn nhứt, kể đến chị Hồng

Oanh, rồi anh Tú Hoàng và chị Phượng Vân. Còn bên cô Ba thì có anh Hai On, chị Thu Ba, anh Tú Phúc và chị Năm Phước cùng tuổi với tôi. Đặc biệt anh Tú Phúc thích sống ở quê ngoại hơn là quê nội. Còn ba má tôi có anh Tấn mất hồi còn nhỏ, kể đến chị Hồng Hoa và tôi. Với phong tục tập quán miền quê đương thời, tất cả ông bà, cha mẹ, cháu chắt, chít... cùng nhau sống chung một nhà, tình gia đình kể ra lắm lúc sao mà hạnh phúc, ấm cúng.

Mấy anh chị chúng tôi, cô cậu cũng như bạn dì, đều đi học ở trường làng An Hóa, lúc đó tôi mới vào lớp đồng ấu, tưởng đương với mẫu giáo bây giờ. Mỗi sáng ai nấy cùng nhau tốc dậy một lượt, ăn lót lòng với cháo gạo nhum màu tím thắm nấu với nước cốt dừa, đem thêm tép trứng chấy và củ cải trắng ngâm nước tương. Cũng có khi ăn cơm thay đổi tùy theo má và cô Hai tôi chế biến. Cô Ba tôi đạo ấy đã theo chồng lên Sài Gòn, nhưng anh Tú Phúc không chịu đi theo.

Tuy còn nhỏ nhưng mấy anh trai đều có trách nhiệm, bốn phận nặng nhọc hơn trong công việc đồng áng kể cả đắp bờ, tát nước. Tối mùa giặt dừa các anh cũng phải đóng góp một tay vào việc đập dừa, phơi hoặc sấy dừa, và chở dừa đem đi bán ở tiệm chú Cáo trên chợ làng. Việc cày côm dừa thì thường thường phải muốn thêm những cô gái khác quanh vùng.

Về phần mấy chị em gái thì tội nghiệp chị Hồng Oanh, vì lớn hơn nên chị phải giúp đỡ nhiều công việc trong nhà, bếp núc, dọn dẹp sau khi đi học về. Chiều chiều chị hay đi lên giồng hốt cát về đổ vào nồi gan để nướng bánh thừng cho ông cố ăn, uống trà ban đêm. Chị Phượng Vân, chị Hồng Hoa và tôi thì chỉ giúp những việc lật vật khác như lau chùi bàn ghế, xách nước, cho gà vịt ăn. Mỗi sáng dậy sớm chị nhau quét lá trước sân vì có nhiều lá rụng qua đêm. Cuối tuần thì đi róc củi, quô lá dừa đem về để bó lại chứa vào vựa. Thành thạo cũng có đi đốn chuối, bẻ cau để sau này tôi trở thành một tay thiện nghệ leo trèo hái trái cây.

Chuyện miền quê thì lúc nào cũng bận bịu, không phút rỗi rảnh. Mùa mưa hay những lúc nước ròng các anh thích đi soi cá, bắt ếch, đặt bung, đặt thời. Trong nhà thường khi tôm cá đầy khạp khỏi phải đi chợ. Rau cải thì vườn của nội lúc nào cũng có rau tươi. Bù ngót, cải trời, rau choại, rau ráng, rau dền, mồng tơi, bạc hà, rau đắng đất, hành, sả, gừng đều có quanh năm. Mấy líp gừng, bạc hà đều được nội rài trấu dưới gốc cho củ nó tốt. Nhưng trồng rau thơm thì nội làm một cái giàn hình chữ nhật có bốn chân cao khỏi mặt đất độ nửa thước. Trên giàn nội chia ra làm từng khu, mỗi khu trồng một loại, gồm có: húng cây, húng lủi, rau om, tần dầy lá, ngò gai, quế, giấp cá, cần tàu, cải rổ và xà lách. Lúc nào cũng non muốt, vì nội trồng bằng phân trâu trộn với rơm mục. Còn như muốn ăn nắm rơm thì nội nuôi từ hai cây rơm lớn, được gom lại chất cao khỏi nóc chuồng trâu bên bờ kinh An Hóa. Củ vại ba hôm nội đi ruộng sớm về là mang theo một xách

tay đầy nắm rơm còn búp. Tôi thích nhất là nấu canh với bù ngót, muối hương thì thật ngọt nước và ăn nó lại mát trong người.

Ngoài ra nội trồng thêm thuốc lá và bắp, có hai thứ trắng và tím. Bắp nếp trắng dẻo thơm, còn bắp tím gọi là bắp Ban-mê-Thuật, trông đẹp mắt nhưng ăn không ngon bằng bắp trắng. Rồi nội còn trồng khoai mỡ, khoai môn, khoai tũ, khoai mì, và... khoai tây. Đặc biệt loại khoai tây giầy chó không phải bụi, lá lớn như lá trầu, bò lénh nghênh trên giàn. Ngoài vỏ có một màu trắng toát, cũng có những chỗ lốm chốm, có chấm đen như củ khoai tây trồng ở Cao Nguyên. Những khi gỡ lớp da bên ngoài sẽ thấy có một lớp màu xanh mỏng bao bọc trên mặt, sau lớp đó mới hoàn toàn trắng đục ở bên trong như khoai tây. Ở miền quê thường trồng loại khoai này để thay thế cho củ khoai tây thứ thiệt. Má tôi vẫn hay nấu rau-gu, cà-ri với loại khoai này. Thêm nữa là mấy líp mía, gồm mía tây, mía thanh diệp, mía cà-nho (còn gọi là mía vàng, có màu nâu nhưng mất mía nhạt hơn mía thanh diệp), mía lau, mía đường... ăn không hết.

Xen kẽ với đám bắp hay mấy líp cải, thường có một loại cây có tên là màng màng, thân khẳng khiu, cành lá nhỏ nhắn, nội hay nhổ về phơi một nắng rồi đem rửa sạch sẽ cắt ngắn lại từng đoạn. Xong, để vỏ vụn làm dưa chung với cải bẹ xanh để ăn với thịt kho, cá kho hay nấu canh chua thì hết sảy. Mỗi lần giở giồng nội thường kêu các cháu đem chia cho dòng họ và những người làm công trong nhà.

Nói về cây trái thì bà nội Trung Lương (chị của bà nội ruột của tôi) mỗi lần xuống thăm đều đem cho cả chục gốc mận hồng đào mới chiết nhánh và ông nội thường đem trồng ở phía sau vườn, cùng mấy bờ mới đắp ngoài vạt đất mà nội đặt tên là "nền bông." Khu vực này trước đó toàn là dưa nước, nội thấy để nhiều quá sẽ trở nên sầm uất, u ám chung quanh nhà. Vì vậy nội muốn người khai phá, vét ruộng lên bờ với chủ đích là trồng bông, nhưng bông dâu không thấy chỉ thấy toàn cây trái, và chừa lại một lổm lá nhỏ đủ chi dụng khi cần lợp lại chuồng trâu, chuồng gà, và nhà vựa vó.

Gần bên mái hiên Tây, nội trồng nhiều bụi Thanh Trà (có hình dáng giống như bụi Biên Hòa), vú sữa tím và vú sữa trắng (vào thập niên 40-50, ở vùng An Hóa chưa trồng vú sữa hột gà). Phía sau nhà nội trồng vài cây xoài voi, một vạt trầu vàng, cùng mấy cây cau hòn ruột trắng tuổi cho ông bà cố. Xoài voi trái nhỏ, chỉ lớn bằng bàn tay nắm, nhưng khi chín thì rất thơm lại có vị ngọt gắt. Nội còn có mấy gốc quít đường, quít ta và cam sành trồng dọc theo mé hè gần bên nhà tắm. Quít đường có trái rất say, nặng trĩu đầy cành, nội phải dùng nạng chống đỡ lên không thôi sẽ bị gãy nhánh. Khi chưa chín ăn một múi chua tè luôn, nhưng lúc chín nó vàng sậm ăn ngọt hơn đường phèn. Thêm nữa là mít, nội có hai cây mít ưỡt, và bốn cây mít nghệ. Tuy nhiên, tôi thích nhất có cây mít nghệ thiệt đặc biệt là đến lúc có trái lại hay cho trái âm ở dưới đất. Cây mít này được trồng gần ruộng lạng cho nên đất xung quanh

ấm và mềm. Có lẽ vì vậy mà trái mít có thể nảy nờ dưới lòng đất? Tôi đoán như thế! Nó có trái rất ít, nhưng trái nào đáng trái nấy. Múi to, com đầy mặt ngọt.

Khi có đám tiệc hoặc giỗ quai trong nhà, hai cô và má tôi hay bày ra món mít chưng để thay đổi hương vị. Món này ăn ít ngán, mà lại lạ mắt. Cách làm cũng không có gì khó, tuy cầu kỳ, lắt lắt một chút. Muốn cho đẹp múi mít thì nên dùng mũi dao nhọn rọc một lần nhỏ bên hông, lấy hột mít ra phải còn dính cái bọc bao bên ngoài. Xong đem hột mít đi nấu cho chín, rồi quết cho thật nhuyễn, trộn với chút xíu đường, muối, một tí dầu dừa hay mỡ heo, hành lá xắt nhỏ, rồi lấy muỗng cà phê mút từng muỗng nhét vô múi mít trở lại, làm cho nó no tròn như cũ. Sau cùng, sắp vô tô lớn và đem đi chưng. Vào mùa hè mấy chị em tôi rủ nhau đi ra vườn hái rau má, lá sâm. Rau má đem vỏ rửa sạch bỏ vào cối đá đâm nhỏ ra vát nước, để thêm nước dừa xiêm hoặc dừa Tam Quan (có vỏ màu vàng). Còn lá sâm cũng vậy, nhưng thay vì đâm thì lại lấy tay vò với nước mưa. Chất nước xanh dợt có nổi bọt nhâm nhâm trên mặt, hơi sền sệt. Đem đi phơi nắng chừng hai ba tiếng đồng hồ, nước lá sâm sẽ đặc lại giống như một



loại xuống sa, xuống sáo ăn với đường thốt nốt thẳng chảy ra rất ngon và có công dụng giải nhiệt. Cũng chính vì mục đích giải nhiệt đó mà những lúc trời thật oi ả, má tôi thường đi lên giồng hái rau đắng đất về để nấu nước cho mấy chị em tôi tắm đặng bớt bị nổi sài.

Ở phía trước nhà nội tôi trồng bông, trồng kiếng đủ các thứ cho vui mắt. Dọc theo bờ ao và bờ đĩa cạnh lối đi vào nhà, nội trồng dưa xiêm lùn, cây thật thấp đã cho trái, đứa nhỏ chừng ba, bốn tuổi cũng với tay hái được. Sát hiên nhà có mấy cây sa-bu-chê tàn cao rậm rạp che kín một phía góc của hàng dâm bụt bên hông nhà. Mấy lúc rồi rảnh chị Phượng Vân, chị Hồng Hoa và tôi thường hay cắt nhà cắt dưới gốc cây sa-bu-chê đó! Trong lúc chơi nhà chơi, chị Phượng Vân còn hay chiều theo ý tôi đi vớt mấy bụi lục bình ở con rạch trước nhà về làm bánh mì bi. Bi được làm bằng vỏ bưởi, nhét vào bẹ lục bình đã bị moi ruột trống bọc. Món này làm chơi không ăn được. Món ăn được chính ra là món gỏi bưởi. Múi bưởi thiệt tách ra từng mảnh nhỏ bởi rời,

trộn chung với dưa cứng cạy nạo ra và xắt thật nhuyễn, rắc trên mặt một lớp rau thơm với ớt tươi xắt nhỏ là xong. Làm thêm một chén nước mắm tôi ớt rời chan lên ăn thì nhứt hạng.

Tôi mến chị Phượng Vân vì hình như lúc nào chị cũng gần gũi và quan tâm đến tôi. Lúc đi học, lên xuống đồ ngangchị luôn luôn dẫn dắt tôi để khỏi bị trượt té xuống bùn non, lấm quần áo, tập sách. Mặc dù là chị em bà con cô cậu, nhưng tôi nghĩ chị thường thì như đứa em ruột. Còn bà chị ruột của tôi, chị Hồng Hoa, thì trái lại hay xéo xắt đánh mắng tôi mỗi kỳ.

Có lần, ba chị em đang chơi nhà chơi thì tôi thấy bóng nội đi vườn vừa về tôi đầu ngõ. Tôi theo dõi cho đến khi nội đi qua khỏi hai bụi tre gai gần mé đĩa thì ùa ra mừng nội:

- Nội dia... nội dia...

Hai chị Phượng Vân và Hồng Hoa cũng tuôn chạy theo tôi. Lúc gặp nội chị Hồng Hoa bắt cần, đang cầm con dao chuối trên tay quăng đại xuống đất. Mũi dao không cắm xuống đất mà cắm phập vào bàn chân trái của tôi. Tôi la oai oai và máu ra lênh láng.

Nội vội vàng chạy tôi ẵm tôi lên rồi đem đặt ngồi ở ngạch cửa trước nhà. Ông hồi mấy anh tôi chạy vô nhà lấy thuốc rề ra để đắp lên cầm máu. Thuốc rề không có hiệu quả. Rồi ngay cả chuối chát còn non nhai đắp cũng chẳng ăn thua gì hết. Cuối cùng, nội biểu anh Tú Phúc:

- Con ra ngoài vườn leo lên cây dừa tở, cạo một mớ phẩn trên tàu lá dừa đem vô đây cho nội coi!

Quả nhiên phẩn dừa đã ngăn chặn và cầm được giồng máu tươi đó. Tôi khóc suốt một hồi nhưng vì nội dỗ lần hồi cũng đã nín.

Tự nhiên có Hai tôi lại gọi chị Phượng Vân vô cúi nằm dài trên bộ ván mà đánh cho chị mấy roi. Thật là oan cho chị quá, vì chị nào có lỗi chi. Người có lỗi chính là bà chị ruột Hồng Hoa của tôi, nhưng má lại chẳng rầy rả chị một câu. Nội tôi thì không biết chuyện, nhưng không muốn cô tôi buồn vì cháu nội cũng như cháu ngoại nên liền lên tiếng:

- Chuyện dĩ lỡ rồi thì thôi, con còn đánh đập nó làm gì, bầy? Cho tao xin đi! Để nó ngồi dậy xin lỗi má rồi đi rửa mặt cho sạch sẽ đi!

Tôi là người biết chuyện mà sao lúc đó tuổi nhỏ lại làm lỡ chẳng thêm thốt lên tiếng nào mới lạ...

Thời gian thấm thoát trôi qua thật nhanh, nội đã xin về hưu nghỉ việc ở xã. Rồi sau đó không bao lâu, nội cứ bệnh cầm rai hoài. Công việc nhà trở nên khó khăn hơn vì ông bà cố đã già yếu, một mình nội không làm sao cai quản hết được, nên nội cần đến sự hiện diện trông nom của ba. Cũng như nội, ông bà cố bắt ba phải xin nghỉ việc lập tức. Ba đành vâng lời, dứt khoát bỏ đời công chức, một lần nữa khăn gói trở về sống với thôn xưa. Cũng như tiệc vui nào rồi cũng phải tàn và niềm vui nào rồi cũng phải với đi. Hợp rồi tan, tan rồi hợp, đây có phải là

số kiếp của con người, tạo hóa đã bày ra cái cảnh trở trêu?

Năm đó là năm 54, năm đình chiến. Dượng Hai tôi không đi tập kết, nhưng độ một năm sau mới trở về với cha mẹ vợ con. Cô dượng bắt đầu ra riêng, cất nhà riêng ở tại xã Giao Long. Tôi còn nhớ ngày chia tay với gia đình cô dượng thật là buồn vô hạn. Ông bà cố, ông nội cùng tất cả mọi người trong gia đình đều rưng rưng nước mắt. Bao năm tháng cô đã chung sống với gia đình bên ngoại thật đầm ấm, vui vẻ, nhộn nhịp. Bỗng dưng vắng bóng một vài người thân tôi cảm thấy bồi hồi, xao xuyến.

Tuy gia đình của hai cô dượng vui vầy sum hiệp, nhưng chị Phượng Vân, con cô Hai ở Giao Long, và anh Tú Phúc, con cô Ba ở Sài Gòn, có lẽ vẫn còn lưu luyến quê xưa cảnh cũ nên không chịu đi, mà ở lại với nội cho đến cuối niên học lớp nhứt mới về sau. Niên học qua quá mau và lại một lần nữa chia tay. Đêm cuối cùng trước ngày giã từ, tôi không làm sao quên được. Vì bốn anh chị em tôi giã lòng mừng cùng ngũ chung ở dưới bộ ván cây tạp của căn nhà bếp. Bên ngoài hiên, ánh trăng chiếu sáng vàng vạc và gió đêm trong lành man mác thổi khắp mọi nơi. Xuyên qua chòm lá, thỉnh thoảng bóng trăng lay động mờ tỏ, len lén rọi vào chiếc mũng trắng lung linh. Vách nhà bếp động thảng đùng song song, tôi có thể nhìn thấy mọi vật bên ngoài chuyển động dưới ánh trăng. Tiếng côn trùng hòa lẫn tiếng vạc ăn đêm nghe thật náo nùng, ai oán. Mấy anh chị em nằm ngang, trở đầu về mé vách, anh Tú Phúc, chị Phượng Vân, rồi đến chị Hồng Hoa giành nằm kế, bắt tôi phải nằm ngoài bia bên trái. Tôi không chịu, khóc thút thít một hồi rồi mới lên tiếng:

- Em không chịu đâu! Chị qua bên kia nằm kế anh Tú Phúc đi, không thôi em mệt nội bây giờ.

Chị Hồng Hoa cũng lì, nhất định không dời chỗ qua bên kia với anh Tú Phúc. Chị Phượng Vân với anh Tú Phúc đành phải dỗ ngọt tôi vì sợ nội giết mình không ngủ được. Anh Tú Phúc liền khuyên giải:

- Nè, em đừng khóc nữa! Cậu mợ Tú mà biết được thì mấy anh em mình phải mỗi người ngủ một nơi. Giời ơi rồi mai một khi nào anh về thăm ngoại, anh sẽ có quà cho em. Thôi qua đây nằm kế anh đi, anh lấy mền trùm lại khỏi lo sợ gì cả... có anh đây.

Tôi riu riu nghe theo người anh cô cậu liền lấy gối mềm qua nằm kế bên. Chị Phượng Vân và anh Tú Phúc rù rì nhắc lại những kỷ niệm vui buồn nơi quê ngoại. Cả hai đều hứa sẽ về thăm chị em tôi vào mùa hè sang năm, và sẽ ở lại chơi cho hết mấy tháng nghỉ hè. Mãi mê nói chuyện cho tôi khuya, tôi đã thiếp ngủ hồi nào không hay. Lúc thức dậy, ánh bình minh đã ló dạng, chói chang chiếu xuống mùng những bệch trắng dài xuyên qua song cửa. Tôi quai qua chỉ thấy có mỗi mình chị Hồng Hoa tôi nằm gần đó, lòng buồn khó tả. Tôi vội vàng đi lên nhà trên kiểm nội, rồi hỏi:

- Chị Vân với anh Phúc đi rồi hả nội? Ai đưa hai anh chị đi vậy nội?

- Thì ba con đưa chở ai! Hai đứa nó lên xe từ hồi sáng sớm lặn. Ba con dẫn thẳng Phúc ra đón được xe đồ Á Đông của thầy Hải, xe chạy ngang đầu Giồng Quít và thường hay ghé lại bến bắc Cột Dây Thép đó. Như vậy thẳng Phúc sẽ về thẳng tới Sài Gòn mà khỏi phải sang xe khác. Còn con Vân thì ba con cũng đã đón xe lỏi cho nó về Giao Long từ sớm rồi con.

Lòng tôi cảm thấy trống trải buồn tênh, căn nhà của nội bỗng dưng vắng ngắt, lạnh tanh.

Khoảng một năm sau khi ba trở về, má tôi lại có thêm một đứa em gái nữa, đặt tên là Hồng Cúc, nhỏ hơn tôi năm sáu tuổi, năm sáu năm ba tôi ở Sài Gòn. Rồi bây giờ má lại lên nhà bảo sanh An Hóa, phía dưới bến đò ngoài gần Bến Đáy, để sanh em lần nữa. Nội ở nhà ngóng trông, muốn biết má sanh trai hay gái. Nhưng liền đó có cô Hai tôi về, hồi hả đem tin cho nội với ông bà cố mừng. Cô vừa bước vô cửa thì nội hỏi ngay:

- Vợ thẳng Lòng sanh con trai hay gái vậy hả Khanh?

- Dạ thưa cậu, mợ tú nó sanh... con gái.

Nội mừng, nhưng vô tình để lộ cái tức cười:

- Sanh chi cái thủ đồ bẻ đó hoài vậy hả!

Tôi nghĩ nội rất hài có cháu nội trai như thế có người nổi giông họ Phan, nhưng xui xẻo cho ông vì anh Hai Tấn của tôi, tức cháu nội đích tôn của ông, lại bị bệnh rồi mất đi lúc lên năm tuổi. Chính vì thế nên bấy giờ nội rất quan tâm đến cháu trai, nội muốn thấy tận mắt đứa cháu đích tôn khác trước khi ông nhắm mắt. Nhưng số trời đã định, bởi lẽ nội tính sai một chút mà sức khỏe của nội càng ngày càng giảm, và đi đến con đường cùng như sau này. Ba tôi cũng rất hối hận là đã để nội làm theo ý của ông. Chẳng ai dám nói nội mắc bệnh gì, chỉ biết sau đó không bao lâu, ba chở nội lên trị bệnh ở tận Châu Đốc do mấy người bạn của nội chỉ giùm. Vắng nội cả tuần qua, lòng tôi nôn nóng không biết nội có bớt bệnh hay không? Thêm một tuần nữa ba đưa nội trở về với một bên quai hàm của nội bị lém đi. Tôi hỏi nội:

- Họ làm gì nội mà bên mặt trái của nội bị méo xẹo vậy hả nội?

- Thì ông thầy người Miên dùng thuốc đốt cục hạch đàm ở dưới cằm nội, cho nên nó mới méo một chút như vậy. Nhưng không sao đâu con, nội sẽ lành bệnh, con đừng lo.

Lời nói trấn an của nội đã làm tôi yên tâm phần nào, nhưng thực sự rất khác xa với điều tôi dự tưởng. Vì bệnh nội lại tái phát và lần này có phần nặng hơn. Nội thường ho liên miên, ho rất nhiều. Tối tối tôi hay đi đào một ánh gừng tươi, gọt vỏ xắt từng lát mỏng, rắc lên một ít muối, đem cho nội ngâm để bớt ho. Hoặc có khi tôi hái lá rau tần dầy lá rửa sạch, cũng rắc chút muối vào để nội ngâm cho thông cổ. Nhưng kể từ dạo đó ba tôi không cho tôi ngủ chung với nội nữa, ba sợ tôi bị lây bệnh. Với lại cần phải để cho nội tịnh dưỡng, ba không muốn tôi nằm choáng chỗ, nửa khuya lăn qua lộn lại, làm mất giấc ngủ của nội.

Vài tháng sau đó ba tôi thấy không xuể bèn đưa nội lên bệnh viện Chợ Rẫy. Định bệnh xong xuôi, bác sĩ cho ba tôi biết kết quả: "Nội bị ung thư ở quai hàm và bây giờ đã lan xuống ruột. Nếu không mổ thì sẽ chết trong một thời gian rất ngắn. Còn như mổ thì nội có thể sống thêm được một năm hơn." Ba tôi bàn với hai cô và đồng ý để bác sĩ giải phẫu cho nội, vì thà rằng như vậy nội có thể sống thêm được một ít lâu.

Bắt đầu từ khi nội về nhà dưỡng bệnh, tôi không còn dịp để đến gần nội nữa. Ba tôi có lập nội ở một phòng riêng của gian nhà thủ ba. Mỗi sáng có người y tá ở chợ An Hóa đến nhà thay băng và chích thuốc cho nội. Nghe ba nói vết thương của nội được bác sĩ may lại rồi ghim kim vàng ở đó, để ngăn ngừa không cho nước vàng chảy ra. Vì thường nội nên có vài lần tôi lên đứng bên vách phía sau nhà đưa mắt nhìn vào trong. Thấy nội nằm mê man trên giường bệnh mà tôi đau từng khúc ruột nhưng chẳng biết phải làm gì hơn. Có một lần nội mở mắt và bắt gặp tôi đang nhìn vô, nội giơ tay vẫy vẫy vì sau khi mổ nội không còn nói rõ tiếng được nữa, nhưng tôi vẫn đứng yên một chỗ mà không dám đến gần nội vì sợ bị rầy la.

Và đúng như lời bác sĩ đã nói, độ hơn một năm sau, vào dịp Tết năm 1957 thì nội tôi lìa đời, vĩnh viễn ra đi. Tôi đau đớn như thấy đời mình đã mất đi một phần nửa linh hồn. Linh cữu nội được quàn tại nhà ba ngày, ba đêm. Hai ban nhạc thay phiên nhau ngày đêm cúng tế, tiếng trống châu vang dội từng cơn. Thời cuộc lúc đó hãy còn bình yên nên đám tang của nội được diễn ra với đầy đủ nghi lễ cho một người trong ban hướng chức hội tề. Ba tôi không chấp diếu và dân chúng khắp làng trong xóm ngoài đều tề tựu đông đủ để chia buồn.

Điều làm tôi cảm động nhất là gần đến lúc động quan, ban hướng chức hội tề xếp hai hàng hai bên linh cữu của nội và một người đứng ra giữa để đọc bài văn tế. Những nỗi niềm quý mến, thường yêu mà họ cũng như dân chúng trong làng đã dành cho nội thật là chân thành. Tôi thấy nhiều người đã chan hòa rời nước mắt vì mất đi một người bạn hiền như nội. Không một ai than phiền, trách cứ vì suốt cả cuộc đời nội đã tận tụy phục vụ từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội.

Với riêng tôi, mất nội tôi như mất tất cả niềm vui trong gia đình. Vì tôi hay chạy đi kiếm nội:

- Nội ơi... nội đâu rồi?

- Nội ở đây nè, trước sân đây chỗ đâu!

Đó là những buổi chiều nội thường hay ra đứng trước sân nhà ngắm nhìn bầu trời cao mênh mông. Có lẽ nội đang có nhiều tâm sự thường đau trong lòng? Hay nội suy đoán thời tiết cho những ngày kế tiếp? Tôi rất vui mừng khi kiếm nội mặc dù ông hay lên tiếng mắng bâng quơ:

- Mẹ tổ cha nó, mỗi vắng mặt có chút xíu là nội ơi, nội hỏi om sòm vậy hả? Ai mắc nợ gì bây hả?

Nói vậy chỗ rồi khi thấy tôi chạy đến gần, nội cũng đưa tay cho tôi nắm. Nội thich

dẫn tôi đi quanh nhà để coi vườn tược, cây trái để có gì sai ý thì nội sẽ chỉ biểu cho người làm vườn, người cháu kêu nội thì bằng cậu tên Thiên mà tôi kêu lại là chú Ba Thiên, tu sửa vào ngày mai.

Vào mùa gió chướng, gió hay thổi mo dứa, mo cau rụng tà tời, vắt vẻo trên cành cây vẹt, cây mù u, cây gòn. Chú Ba Thiên có bốn phận phải trèo lên những cây đó để lấy xuống cho nội. Vì nội thích cắt mo dứa để làm dụng cụ xúc lúa, hoặc hốt rác. Còn mo cau thì cái nào lớn vành nội sẽ cắt tròn rồi khoét một lỗ nhỏ trên đầu, xỏ sợi dây lạt dứa vô làm cái khoen để máng lên trên vách. Mo cau xài rất tiện và lâu hư vì tỉ như mỗi khi nạo dứa, nội thường lấy mo cau để đựng xác dứa thay cho cái thau bằng nhôm. Những vật dụng này về sau mỗi lần khi tôi dùng đến tôi đều nhớ công lao của nội làm ra.

Trên đường mai táng nội, thỉnh linh một cơn mưa nặng hạt trút xuống. Gió thổi tạt từng cơn. Sấm chớp như gào thét liên hồi. Nhiều người nói nội có phúc, đến lúc ra đi trời đất cũng buồn lây. Tôi chẳng biết có đúng không, có điều nhìn những vầng mây xám tôi thấy cả bầu trời sao mà thể lương ảm đạm.

Ông bà cố tôi vẫn bình thường, mặc dù ông cố lúc đó đã chín mươi hai tuổi. Tinh thần ông bà vẫn còn minh mẫn, không lú lẫn như những người già cả khác. Vì buồn con mất trước, bà cố tuy chỉ nằm một chỗ nhưng cố biết mọi việc xảy ra trong lúc tang chế. Riêng ông cố thì không, nhưng lúc nội mất cố tự nhiên không đi ra khỏi phòng. Hình như có một ma lực nào đó xui khiến, tôi nghĩ. Nhưng tai cố vẫn còn thính, mỗi khi nghe tiếng trống chầu đánh lên lúc cúng tế, ông cố hay hỏi con cháu:

- Tiếng trống gì vậy hả bây?

- Dạ tiếng trống cúng đình... Mấy bữa nay làng mình cúng đình đó cố!

Ai cũng trả lời như vậy!

Vài tháng trước khi ông cố tôi qua đời, hai chân của cố có triệu chứng sưng phù. Bác Ba Liêm, một ông thầy thuốc Nam trong xóm, chỉ dẫn ba tôi như vậy:

- Chú Tử nên đi hái một mẻ thuốc cứu đem về rửa sạch xong đem nhuyển để dành đó, đợi đến tối đi bắt con cóc lửa lột hết da, dùng cái mè rang đốt miếng gạo thành than, bỏ con cóc trên than hồng nướng xống khói, đồng thời đem bà thuốc cứu thoa lên hai chân cho ông Năm. Bảo đảm thật cóc cháy bốc lên hòa với thuốc cứu sẽ làm chỗ sưng trên chân ông Năm xẹp đi.

Ba tôi nghe lời làm theo ý bác Ba Liêm căn dặn, quả thiệt, chỗ sưng trên chân ông cố xẹp xuống. Nhưng ngặt một nỗi là sau khi chân ông cố hết sưng chẳng được bao lâu thì ông cố cũng về núi. Rồi trong vài tháng kế tiếp bà cố tôi cũng sức lực hao mòn, ngọn đèn cạn dầu lại tàn lụi qua đêm. Ngôi nhà nội giờ đây rất u buồn, tẻ lạnh với ba cái bàn thờ tang mỗi lập. Những buổi tối đi đốt nhang tôi thường đi rón rén, sợ sợ vì chung quanh tôi có nhiều tấm tiền, tấm vàng treo đầy hai bên vách.

Đột một năm sau, khi sắp sửa xả tang cho ông nội, như thường lệ má tôi thức dậy sớm lo nấu ăn cho ba dẫn bụng đặng đi cây. Tôi nghe tiếng chún má đi ngang qua đầu giường, tiếng kéo cái cánh cửa buồng khép sớ lại. Nằm nường thêm một chập, rồi tôi nghĩ là trời chắc đã gần sáng, nên cũng ráng ngồi dậy để đi xuống bếp phụ giúp với má một tay. Lăn trong bóng tối tôi bước ra khỏi cửa, men theo bộ ván gỗ bên trái. Tôi chợt không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy rõ ràng trên đó có một dáng người bận nguyên bộ bà ba đen, trên tay còn có đóm thuốc đang cháy đỏ, khói quện lên không, lòng hồn hồ, mừng vui tôi cất tiếng:

- Nội hả nội... Có phải nội đó hôn nội?

Tôi chụp lấy tay nội và lay ổng dậy, nhưng bóng đen vụt biến mất trong tí tít. Tâm trí tôi đang điềm nhiên không hề nghĩ rằng nội đã già biệt cõi đời từ lâu bỗng dưng vụt tan biến. Tần ngần vài giây, tôi đưa mắt nhìn quanh quẩn khắp phòng để cố tìm kiếm bóng đen kia. Tìm mãi không thấy đâu, tôi quay lưng trở lại đi thẳng tới cái cũi chén lớn. Rồi đến cái bàn dài, trên đó có bày một lô đèn dầu hôi, mấy lưỡi dao cạy dứa. Tự nhiên đầu óc tôi bình tĩnh trở lại, rõ ràng tôi không thể nằm mơ. Rõ ràng tôi đã thấy nội, chắc chắn là nội, tôi cương quyết như vậy. Tôi như thẳm:

- Nội đã trở về để an ủi lòng thương nhớ điệu vợ của đứa cháu thân yêu. Và nội cũng đã trở về để cho tôi nắm tay nội lần cuối. Vì đã bao lâu rồi từ khi nội lâm bệnh tôi chưa hề một lần đến cạnh bên giường nội để hỏi han, chăm sóc, ngay cả trong ngày cuối tiền đưa cũng chẳng sờ mó một lần.

Tôi rất hối hận về điều đó! Rồi lại nghĩ thêm:

- Nội cũng muốn nói cho tôi biết rằng từ đây cháu hãy tự lo lấy thân, ông không còn trên cõi đời này để bảo bọc, che chở cho cháu nữa. Cháu hãy bào trọng, giữ gìn.

Tôi đứng đó và khóc thật nhiều cho nội cho nỗi thương đau cho chính cõi lòng mình. Bao nhiêu năm sống kiếp làm người trong cảnh ô trọc này, nội đã phải gánh lấy bao nhiêu sự khổ tâm, trôi buột vì tình thường con cháu để rồi cho tôi khi chết vẫn chưa được yên thân. Trong giây phút đó tôi cảm thấy thương nội tôi vô ngần, không sợ sệt một điều gì cả... Nhưng má tôi đã lên tiếng, cắt ngang niềm nhớ thương:

- Con đó hả Đào?

- Dạ, dạ... con đây...

Tôi lau vội nước mắt, lánh ra nhà sau súc miệng rửa mặt làm như không có chuyện gì xảy ra cả!

Bảng đi ba năm sau, bà kế mẫu thử hai của ba tôi trở về với mục đích tạ lỗi cùng ông bà cố và nội tôi. Nhưng tiếc thay bà đã chạm chân vì chân chồ quá lâu, ông bà cố và ông nội đều đã hóa ra người thiên cổ. Bà nội ghê than khóc phân trần cùng ba má tôi về những việc làm không tốt của bà trong dĩ vãng. Đối với ba má tôi dù trước kia bà nội ghê đã nhẫn tâm phụ rẫy tình thương của ông nội, cũng không thường xót gì đến ba đứa con chồ cũng như con ruột; nhưng giờ đây bà đã thật lòng ăn năn

hối cải, thì phận làm con ba má tôi cũng không hề phiền trách gì đến bà nội ghê mà ngược lại còn thương xót cho bà hơn. Với lại bà đã trở về với tấm thân tàn ma dại, bệnh hoạn đầy người, nhằm mục đích chính là hi vọng đứa con ruột của mình, tức chú Năm Nhẫn chớ không phải là ba má tôi, nghĩ tình mẹ con mà bỏ tiền lo thuốc men cho bà. Nhưng chú Năm Nhẫn vẫn còn hận trong lòng, chú không thèm nghĩ gì đến tình mẹ con hết, người mẹ khi xưa đã không vì tình nghĩa bỏ cha con chú mà đi. Trong hoàn cảnh tấn thối lưỡng nan đó của bà nội ghê, ba má tôi lại cảm lòng không đậu, không thể để bà kéo lê tấm thân tàn đi khắp đầu đường xó chợ, nên đã không ngần ngại chấp nhận phụng dưỡng bà. Ba má tôi khuyên bà nội ghê:

- Mẹ khỏi cần phải đi đâu hết, nếu thằng Nhẫn nó không lo cho mẹ được thì còn có tụi con. Trước hết tụi con sẽ cố gắng thuốc thang cho mẹ cho đến khi nào mẹ hết bệnh, rồi sau đó thì tùy mẹ, đi hay ở thế nào cũng được.

Ba má tôi tận tình chăm sóc cho người kế mẫu nhưng vì bệnh của bà nội ghê cũng khá nhiều, hơn nữa lại là những chứng nan y cho nên bà không bao giờ hết bệnh, chỉ sống lây lất độ hai năm, tức vào mùa hè năm 62, bà cũng trút hơi thở cuối cùng, muốn đổi nhắm mắt trong ngôi nhà của ông nội. Giờ phút lâm chung của bà nội ghê cũng là giờ phút quê hương đang hồi giặc giã, chiến chinh. Ngày đó tôi còn nhớ Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 10, thuộc Sư đoàn 7 Bộ Binh, phối hợp với lực lượng địa phương quân đang hành quân tảo thanh diệt địch. Xóm làng đang lo âu, tàn lạc khắp mọi nơi để tìm chỗ an toàn tránh lẫn tên mũi đạn của hai bên trong lúc giao tranh. Ba má tôi phải tạm đình lại một hai ngày chờ cho tình thế êm xuôi mới trở về thăm liệm và chôn cất bà nội ghê một cách đàng hoàng. Bà nội ghê cũng được an táng trên mảnh vườn gần nhà, bên cạnh mồ mã của ông bà cố, ông nội và bà nội lớn.

Kể từ dạo đó ba tôi rời quê để lên Mỹ Tho lánh nạn, chỉ còn có mỗi một mình má tôi ở lại quê hương chịu đựng vì phải còn người chăm sóc, canh tác mỗi giờ được ruộng vườn của ông bà để lại. Ba tôi đã nộp đơn xin học và tốt nghiệp ngành Viễn Thông ở Thủ Đức và sau khi ra trường ông phục vụ tại Khu Viễn Thông Tiểu khu Định Tường cho đến ngày... mất nước.

Giờ đây lull lạc nơi xứ lạ quê người, nhìn những áng mây chiều lủ lượm kéo nhau về một phương nào đó, tôi vẫn thường âm thầm, lặng lẽ nhớ đến quê xưa. Nơi đó đã hằng ấp ủ bao nhiêu nỗi niềm mến yêu, quyến luyến đối với gia đình thân tộc, đất nước quê hương thấm đượm tình người. Trong những giây phút bưng khay, chạnh lòng tưởng nhớ đó, tôi thích hát lên lời ca diu dặt của nhạc sĩ Trúc Phương:

Quê em nắng vàng nhạt cổ thôn

Vài mây trắng dạt dờ về cuối trời

Bâng khuâng tiếng hò qua xóm vắng,

Khói lam buồn như muốn ngừng thời gian....

GIẤC MƠ BÊN CHÙA

• Vô Đức Tiến

Mùa xuân về cũng cả tháng rồi nhưng thời tiết chẳng thay đổi là bao nhiêu, mưa, gió; gió mạnh. Những đợt lá non vừa nhú ra xanh non bị gió bắt khỏi cành, nằm xó xác trông tội nghiệp làm sao? Thế nhưng cũng chưa vừa, trời vẫn củi mưa, những cơn mưa dai dẳng kéo dài có khi cả tuần. Cơn mưa này cũng đã mấy ngày. Sáng sớm đường phố vắng teo. Mọi người còn nằm trong chăn ấm. Đức bước ra xe nhìn trời nói lầm bầm: Mong trời thôi mưa cho con nhỏ. Đường thì xa mà mát thì mở. Lái chậm thì biết bao giờ mới đến, còn lái nhanh thì chóng đến nhà... thường, nhanh hơn nữa thì vào nhà dôn".

- Anh Đức nói giống như một ông cụ; Ông cụ non ấy! Mẹ mà nghe được thì thế nào anh Đức cũng bị mắng, trừ ẻo.

Linh ngước nhìn Đức cười dòn. Hai tay vịn tay Đức. Thong thả đi ra bãi đậu xe. Để Linh đứng lại bên thềm. Đức đi mở cửa xe. Vừa nghiêng người định chui vào. Nghe tiếng dậm chân "cạch cạch" của Linh. Đức ngước mặt nhìn. Mặt cô nàng nhăn như cái bánh tráng nhúng nước. Thôi chắc cô bé đập "min chó" rồi.

- Anh Đức.

- Đức nhìn lên cười cười.

- Anh Đức ở bên Tây gần cả chục năm. Anh Đức chỉ "ga lăng" với bạn gái của anh Đức thôi. Còn em, anh Đức xem như không có ở cõi đời này!

Đức nhòai người ra khỏi xe. Đứng tần ngần nhìn.

- Chủ còn đời cái gì nữa? Sáng nay đã úi áo, úi quần. Đánh giày. Làm thức ăn sáng cho rồi. Tuồng còn bé lắm đấy? Chỉ một năm nữa là tốt nghiệp thợ sửa răng. Đem đi ngủ cũng bắt anh ngồi một bên kể chuyện. Chưa hết chuyện thì đã ngáy như là gọi dò sang sông.

- Sao anh Đức không mở cửa xe cho em!

Linh trả lời, mặt vênh vào như mụ bán cá. Đức khép cửa xe phía bên chàng. Cười. Lũng thũng đi sang mở cửa.

- Mời cô.

Linh rất điệu, như một tài tử đang diễn vai ti nữ.

- Thank you.

- "Ăn si líp".

- Há! Anh Đức nói gì?

Linh chưa ngồi yên. Đã bật đứng dậy.

- Anh Đức máng em!

- Alsjeblief là... tiếng Hòa Lan ấy mà.

- Nhưng người ta đọc như thế nào chứ chà lẽ lại đọc như anh Đức.

Anh Đức máng em.

- Máng đầu mà máng.

- Anh Đức hết thương em! Mở cửa xe cho em mà anh Đức cũng máng.

Linh chớp mắt cả chục lần. Bây giờ thì mắt đeo kính, lại trang điểm cẩn thận nên Linh để yên, chủ không thì cũng dụi mắt cho đỏ lên để dọa anh.

- Ngày xưa cái gì anh Đức cũng lo cho em. Đi đâu về em cũng có quà. Bây giờ cả năm cũng không có tí gì. Mỗi tháng "phôn" có một lần. Em chưa nói xong là anh Đức đã vội cúp máy! Em trả tiền chủ anh Đức có phải trả đâu. Hỏi anh Đức thì anh Đức mới làm cho. Làm mà máng.

- Máng đầu mà máng. Đùa tí mà. Thôi không đùa nữa.

Đức bẹo má em. Đẩy nhẹ vai, cho Linh ngồi xuống. Khép cửa xe. Đứng yên chờ. Vì còn những hai "bà" nữa.

- Đức ơi!

Tiếng chị cả gọi từ trong nhà.

- Mưa ướt tóc hết Đức ơi!! Lấy dù đưa chị ra xe tí cứng.

Đức xòe bàn tay ra trước. Nhìn lên trời. Nói vọng vào.

- Chứa mưa mà Lê!

- Nhanh lên.

Cũng vẫn cái lối trả lời nhưng như là ra lệnh. Đức đi vòng ra sau xe mở cửa lấy dù. Đi vào đón chị.

- Đã mưa đâu?

- Mưa mà ướt tóc, là chị nhũc đầu ngay!

- Chị là chúa đi dưới mưa. Em nhớ hồi chị với anh mới yêu nhau. Hễ có mưa là hai người ướt như chuột. Đang ngồi trong nhà cũng đưa nhau ra đường cho ướt. Li ti mấy hạt ướt thế nào được.

- Chuyện xưa như trái đất rồi Đức ơi! Bây giờ già rồi thì phải khác đi chứ.

- Tí tuổi mà bày đặt già với non.

- Gần năm mươi chưa già thì chừng nào?

- Không nha không nhánh thế kia mà già thế nào được.

- Đức chị bảo này.

Thay vì bước lại gần chị. Đức bước lùi ra sau. Lê đưa tay chỉ.

- Óm dòn đẩy em.

Đức cười, chui vào xe. Dù mọi người đã ngồi yên chỗ. Nhưng Đức cũng chưa cho máy nổ. Nhìn vào kiếng chiếu hậu.

- Có còn quên gì nữa không?

Chờ chút Đức. Đi chùa mà hồi như chạy giặc. Ly nhe răng cười.

- Đức lấy dùm chị hộp thuốc đổ trên bàn, tí nữa là quên?

Đức thì quá quen rồi với mấy chuyện nhỏ quên của cả nhà.

- Đi thôi Đức.

Nghe tiếng chị cả. Đức mở nổ máy. Lái xe ra khỏi bãi đậu. Mưa bắt đầu nặng hạt. Xe bon bon, cây gạt nước quất qua quất lại như con thoi, nhưng cũng không kịp gạt hết những hạt mưa to như hòn bi cỡ tạt lên mặt kiếng xe.

- Mưa gì mà mưa hoài. Bên này chán quá Đức nhỉ?

Ly cũng nói chen vào.

- Bên mình thì cũng mưa vậy nhưng mưa có hồi có chập chửi có đầu mưa cho thúí đất thế này. Nhiều khi vắng mưa lại còn cầu có mưa.

Cả Ly và Lê thờ ở nhìn hai bên đường. Không vui lắm.

- Đức lái chậm thôi, đi đâu mà vội thế?

- Bao nhiêu?

- Trăm sáu.

Trăm sáu!

Đức gần cổ hát. "*Đưa em về dưới mưa, ướt bao nhiêu cũng vừa. Đưa em về dưới mưa, chỗ nào chưa ướt nước mưa?*". Đức vừa hát. Hai ngón tay trò nhíp nhíp trên vòng tay lái theo nhịp ba, bốn, củ tay trái một tay phải hai cho đỡ buồn. Hát hết câu thì huýt sáo miệng. Rồi lại hát. Đuồng xa không có nhạc cũng chán.

- Mở nhạc nghe Đức.

- Cái Cassette em mới mua chưa được bao lâu. Đã được người ta để ý rình đi. Để lại tấm kiếng của vỡ nát. Thiệt là cái đồ ác nhờn ác đức gì đâu. "*Đưa em về dủ.*"

- Please?

- *ủ.ủ.ủ.*

- Thôi Đức đi!

- Hai mươi năm sau rồi cũng chỉ thuộc có chừng ấy.

Mấy tiếng sau nghệt lại trong cổ nghe ừ ừ. Nếu ngoài cổ nhìn thì thế nào cô nàng cũng kên. Kên thì kên lại, nhưng kên người khác; xướng hơn kên em gái. Nhìn nghiêng sang phải thì gặp chị cả. Thủ dủ. Thôi tốt nhất là nín vậy. Với lại chính chàng cũng biết mình hát không hay. Lại không thuộc bài, nhai đi nhai lại có một câu. Liếc mắt nhìn kiếng chiếu hậu về phía cô em. Con bé càng lớn càng lém lỉnh. Giã bộ đang lim dim. Mắt tô hai ba màu xanh xanh, đen đen. Môi tô son thếp chì màu, đang chum chim cười.

- Không nghe thì thôi, ông cũng không thêm hát. Xui rui sau này "ông" mà nổi tiếng thì các bà có trải thảm điều đón ông, có đứng xếp hàng chờ rữ chân, la khan cả cổ, "ông" cũng không hát chứ đùng có... mở.

- Gôm! Chùa đồ nghề đã đe hàng tổng.

Tiếng Linh từ băng ghế sau. Đức nhìn sang phía chị.

- Linh càng lớn càng đẹp ra chị nhỉ?

- Cám ơn.

- Phải gì may... cái miệng nhỏ lại chắc đẹp hơn.

- Kệ em. Chẳng cần anh Đức cố vấn.

- Thật ná! Vậy chỗ đứa nào cái gì cũng anh Đức đi anh Đức hỏi.

Ồ... ở bạn trai của em nó nó...i.

- Kể chị nghe Đức. Chuyện hấp dẫn đấy.

- Linh nó dẫu như mèo dẫu kit.

Linh chồm người ra trước. To giọng át tiếng của Đức.

- Anh Đức thề với em rồi ná? Bây giờ anh Đức định xóa lời thề phải không? Vậy mà anh Đức cũng bày đặt đi chùa.

- Đức kể chị nghe thẳng nào. Nó nói làm sao? Tin sốt đèo.

- Anh Đức!

- Thì trước hay sau gì cả nhà cũng biết thôi!

- Đến đây hăng hay. Bàn ra tán vào, chê chê khen khen mãi. Em....em ế luôn. Anh Đức mà kể là em tử anh Đức ngay!

- Tử anh thì còn ai để sai.

- Mẹ dặn anh Đức phải lo cho em. Trước khi Mẹ mất Mẹ cũng còn nói như thế. Anh Đức phải lo cho em.

- Tới Đức nhé?

Đức gật gù đầu. Hai chị em cười đồng lõa. Đức chăm chú lái. Nhai kẹo nhóp nhép. Tiếng bánh xe cán nước mưa. Pha lẫn tiếng máy đều đều dễ buồn ngủ. Mấy đêm nay đêm nào mấy chị em cũng thức nói chuyện tới khuya. Sáng nay dậy sớm nên mấy chị có vẻ mệt. Đức nhìn quanh cả ba người đang lim dim. Trên từng khuôn mặt của mỗi người. Gợi cho Đức những kỷ niệm. Cái theo nhỏ ở cằm Linh là do lỗi của Đức. Đức làm té em. Đức gọi khẽ.

- Lê! Ngủ chưa?

Lê nhường mắt nhìn. Đức xèo bàn tay ra. Lê đặt tay mình lên tay em. Bàn tay chị mềm, ấm ấm. Đức nhìn chị mỉm cười. Cả ba đứa em. Đứa nào cũng sợ bàn tay này của chị. Ấu yếm đất em đi cũng nó. Tát tai em cũng nó. Lớn lên thì không tát nữa mà nhéo; nhéo bầm. Hai gia đình ở chung trong biệt thự. Lúc nhúc cả chục đứa con nít. Chị không là chẳng thì làm sao chẵn được đám quý. Đức thả hồn mình trôi theo kỷ niệm, thênh thang như con đường dải hun hút phía trước. Khi lên cao khi xuống thấp. Những đoạn dỗi đã qua...

- Chuyện gì vậy Đức?

- Dạ không có chuyện gì. Tởi nở rồi.

Người xe như nước áo quần như trong siêu thị. Lúc chạy lúc ngừng cả giờ sau mới tìm được chỗ đậu xe.

- Lê đi em hết "Pin" rồi, em phải "phê" một chút. Đức nói với chị và bấp ngựa ghé ra nằm ngủ. Chẳng cũng chẳng mở mắt khi nghe chào.

- Bye Bye anh Đức. Có gì chút nữa gặp lại anh Đức nhé? Em đi trước.

- Biết đường không mà đi?

- Mấy chị chưa mù đâu em?

Mấy chị em dắt nhau đi trước. Đức nằm thiu thiu ngủ. Những chỉ nằm chừng mười lăm phút, rồi cũng vùng dậy đi. Đức đeo máy hình lên cổ, lần đầu đi chùa Đức mang theo máy chụp hình. Đi đến chỗ đóng người đeo theo cái máy hình để có cái mà cầm, đứng xỏ rỏ hai tay thọc túi áo, túi quần mãi cũng kỳ. Hơn nửa mắt của Đức hơi lé, nhưng lâu lâu mới lé một chút. Hề liếc là lé. Hoặc khi nào nhìn ai mà nhìn chăm chăm. Lại không được tỏ nên chụp hình thường không đúng như mong muốn. Lần này mua được cái máy hình 99 phần trăm tự động, chỉ việc đưa lên bấm là xong nên nó mới được đi theo. Đức

khóa xe lon ton đi sau. Bước dọc theo con đường hai bên xe đậu chen chúc. Máy ông Polzei đi tới đi lui cũng không làm sao hơn. Dưới hàng cây. Những chiếc dù to, nhiều màu, đang nhà khói, nơi đang nũng nịu, nơi bán bún bò, bán nem chua, hột vịt lộn, bia, người qua lại đông nghịt. Tiếng cười nói chen lẫn tiếng nhạc. Đức đi vòng phía trước ngắm chùa rồi chụp hình. Lại đi ra phía sau chụp hình, chùa thật đẹp, kiến trúc thanh nhã, đồ sộ. Đi mấy vòng chùa cũng mỏi chân Đức trở lại ngồi bên hồ nước nhìn khách đi trẩy hội chùa. Đi qua đi lại đông như nêm, trăm hồng nghìn tía. Đức đi lên chánh điện ngồi. Mùi nhang, theo khói bay thơm lừng. Từ bé đến giờ Đức đã đi thăm qua biết bao nhiêu ngôi chùa. Từ những ngôi chùa ở nơi hẻo lánh trên núi cho đến những ngôi chùa đồ sộ ở các thành phố lớn bên nhà cho đến những ngôi chùa ở Đại Hàn, Tân gia Ba, Thái Lan, Lào, Miên. Ngày còn bé Đức vẫn thường nghĩ chùa nào cũng giống chùa nào. Lớn lên mỗi khi đi chùa, thì cứ mỗi cảnh chùa cho Đức một xúc cảm khác nhau. Chùa ở Đại Hàn thì Đức không dám bước vào vì sân của chánh điện được lau bóng quá. Bước lên là thấy dấu chân. Bước vào chỉ sợ tội người lau nên ngồi ở ngoài nhìn những vị sư mặc áo mang giày bó chân trông giống như những kiếm sĩ trong Phim kiếm hiệp. Chỉ hơi khác, các sư không mang kiếm. Chùa Miên, chùa Lào dát vàng dát bạc lộng lẫy. Tượng Phật thường bằng vàng ròng, hay mạ vàng thành ra không dám đến gần mà nhìn. Lúc nào cũng có người canh, như Viện Bảo Tàng. Chùa ở Tân gia Ba thì giống như mấy chùa Tàu trong Chợ Lớn. Khói nhang nhiều, có nhiều cây nhang to đường kính cả năm sáu phân Tây, cao cả thước, hay những khoan nhang cháy cả tháng chùa tàn. Đức ngồi nhìn về phía bàn thờ. Lòng Đức chùng xuống. Đức ngồi im trong tiếng lao xao, nhắm mắt gục đầu lên



tay. Nhờ về ngôi chùa nhỏ nơi có thờ ảnh Bác, Mẹ. Đức ngồi lâu lắm không biết là bao lâu.

- Tụi em tìm anh huyệt hơi. Chị Lê đứng ở cửa chùa chờ anh. Còn em với chị Ly đi tìm muốn chết luôn. Anh đi đâu từ nãy đến giờ?

- Anh ngồi đây chủ có đi đâu?

Đức vẫn ngồi gục đầu lên tay.

- Sao anh buồn vậy?

Đức nhún vai không trả lời.

- Anh Đức không được buồn. Có em đây mà anh Đức cũng buồn!

Đức lắc đầu trong lòng bàn tay. Nói với em.

- Khi nào có dịp về quê đón Bác mẹ sang Linh nhé? Đón sang Mỹ cũng được không thì sang bên anh.

Linh không hỏi gì nữa. Ngồi xuống bên cạnh. Tựa vai anh. Lần tìm bàn tay Đức nắm chặt. Hai anh em con chú con bác, lâu lắm rồi mới gặp lại. Ngày còn bé thì cả hai anh em thường theo mẹ, theo Bác đi lễ chùa. Khi vào chùa hay ngồi bên nhau cho đỡ sợ. Nhất là khi đi ngang cổng Tam quan có khảm tượng ông Thiện ông Ác. Nắm chặt tay mẹ không dám ngước mắt nhìn. Hai anh em ngồi bên nhau thỉnh thoảng mới nói với nhau vài câu.

- Bà cụ đang khấn, vái trước bàn thờ Phật kia giống Mẹ ghê Linh nhỉ? Mẹ lên Chùa vẫn hay mặc áo gấm thêu.

Linh lử đử nhìn về hướng Bàn thờ.

- Vâng. Nhưng Mẹ gầy hơn. Những ngày Mẹ nằm bệnh (mẹ của Linh). Mẹ ngủ thì thôi, nhưng hề thức dậy là Mẹ hỏi ngay. "Có đứa nào lo đi thăm nuôi anh Đức chưa?". Trả lời chưa là cụ rơm nước mắt

ngay. Rồi cụ than thân trách phận. Cả họ nhà mình bây giờ chỉ còn mình nó là trai. Thế mà chẳng ai lo cho!

-Hai đứa đi đâu bây giờ mỗi thấy mặt. Tôi đứng ở cửa chờ rục cả hai cái giò. Nhỏ kia biểu coi.

Linh nguốc mặt mắt đỏ hoe nhìn chị.

- Đi tí...im.

Lê định giờ giọng chanh chua đàn chị, khựng lại nhìn em.

- Chuyện gì nữa? Hai đứa kỳ thật cứ gần lại là có chuyện. Đứa bên kia đứa bên này thì gọi àm cả lên, đến khi sang thăm nhau thì như chuột với mèo.

- Ly đi khi nào chị về nước nhớ rước Bố Mẹ sang thờ cho gần Ly nhé?

Ly chỉ ừ rồi đứng lặng yên nhìn hai em thật lâu.

- Để chị xuống gọi bà Lê lên đây. Tìm trẻ lạc không ra, lại mất thêm cả người đi tìm bà ấy đang nổi sùng ở dưới. Thôi hay là đi xuống dưới một chút. Phải ăn tí gì chứ. Lại còn ngủ nghề thì mai mới có sức lái sang Thụy Sĩ nữa chứ.

Linh và Đức không nói. Nhưng cũng đứng dậy. Ba chị em xỏ giày đi trở xuống. Ra đến sân gặp chị cả đang đứng mặt hầm hầm. Ly bước nhanh hơn kéo tay chị đi và kể chuyện. Nhìn lại phía sau Ly hỏi em:

- Tom, Jerry hôm nay mình ăn chay?

- Jerry có đi với chị không?

Còn lại một mình Đức thọc hai tay vào túi áo đứng chờ. Đào mắt nhìn quanh.

- Này Hào. Giá mà có trái ớt thì ngon nhỉ?

- Phải đặt tên mày là Hồng Thị Loan thì mới hợp, ăn món gì cũng ớt... ớt.

Ba cô đang ăn cơm một cô ăn riêng một đĩa, hai cô còn lại ăn chung đang nói với nhau. Đức đứng bên cạnh lưng tựa vào cột chùa.

- Các chị thích ăn ớt thì tôi mời các chị trái ớt của tôi vậy.

Đức nguốc mặt nhìn sang mấy cô "hàng xóm", nhưng không nghe trả lời. Nhìn một lúc, bỗng dưng cả ba đôi mắt cùng nhìn sang phía Đức liếc xéo, lại hú một tiếng dài, mặt cầm lại quay nhìn sang hướng khác. Một cô, cô mặc áo hở vai đẹp nhưng hơi đánh đá nhìn sang phía Đức nói lớn.

- Lão thật. Sân chùa mà cũng có dê con.

- Ô. thì tôi nghe các chị kháo với nhau là thèm ớt nên tôi mời, sao lại bảo là lão?

Đức móc trong túi ra cái bao Nylon trắng có gói mấy trái ớt hiểm. Chẳng qua biết tính bà chị cả thích ăn cay, đi ăn McDonald's bà ấy cũng cầm trái ớt cắn ăn với bánh mì ngon lành, nên Đức mang theo ớt để hầu chị, tình cờ nghe mấy cô hàng xóm nói chuyện với nhau nên Đức hỏi mời. Bốc ra một trái bỏ lên đĩa cơm của hai cô.

- Đây này tôi có dưa đâu?

Mấy cặp má hồng, đỏ ra, cười khúc khích.
 - Vâng, chúng em xin cảm ơn anh cả nhiều.
 Một cô hỏi móc họng.
 - Đòi đầu anh cũng mang ớt theo chẳng?
 Hôi xong cả ba lại cười khúc khích, Đức chưa kịp trả lời thì thêm một cô.
 - Ớt của anh bé thế?
 Lần này Đức phang ngay một câu.
 - Bé nhưng ngon, các chị chỗ có ham lớn mà làm.
 Cả ba cô không nói gì đưa mắt nhìn nhau, liếc ngang liếc dọc, lảng lảng đi sang hướng khác, cô béo và lùn ngoài đầu nhìn lại chớp mắt gật đầu chào. Đức cười lại nhìn theo và nói một mình "người đầu sao duyên thế?".
 Các cô đi khuất vào đám đông.
 - Ai vậy Đức?
 - Em cũng không biết?
 - Không biết mà nhìn như thế.
 - Như thế là như thế nào Lê nói cho em nghe?
 - Nhìn thì vừa vừa thôi, làm gì mà lại phải thò đầu như rùa. Lại nhướng mắt như mắt cá vàng.
 Đức nhìn chỗ khác cho yên.
 - Bên này đi chùa mà bà con điện ghê.
 - Máy người điện thường là từ bên Đông sang.
 - Bên Tây phải giàu hơn bên Đông chứ?
 - Vâng.
 Đức bỏ lưng không nói nữa đưa tay nhận đĩa cơm chay.
 - Còn Đức thì sao?
 - Thì vậy.
 Ly vừa nhai cơm vừa nói.
 - No thing.
 Đức không nói gì từ từ ăn. Chị cả trầm ngâm một lúc.
 - Nhưng cũng phải có cái này cái kia với người ta chứ, lủ đủ quá xem cũng chẳng được.
 - Lê muốn em có cái gì?
 Lê tuy nói với em như thế nhưng nghĩ lại thì em mình có thiếu thứ gì nữa đâu? Những gì Đức thiếu không ai bù cho được. Lê nghĩ vậy nhưng lại nói khác.
 - Ăn xong mình vào lễ Phật.
 Hôm qua ngày giỗ mẹ (Mẹ của Đức). Thuở bé Đức gọi theo các anh các chị nên Bác cũng gọi bằng Mẹ, và rồi ai lớn tuổi thì làm anh làm chị, ai nhỏ tuổi thì làm em dù rằng vai vế lớn hơn). Các chị lo làm cỗ. Đức nằm ở ghế nhìn lên bàn thờ Bố Mẹ. Nhớ lại những ngày xa xưa, được nằm nghe Mẹ kể chuyện. Những chuyện của chính chàng hay chuyện của Mẹ. Mùi khói hương bay thoang thoang thơm lừng cả phòng. Bức ảnh Mẹ bé Đức thuở mới sinh. Mẹ với mái tóc chải phồng, cổ đeo kiềng vàng. Mặc áo dài, cổ áo cao lên gần đụng cằm của Mẹ. Đôi bông tai vàng cần ngọc xanh, quả sính lẻ của Bố. Mẹ cười mỉm thẹn, bé Đức đứng bên cạnh bố; bố nghiêm trang trong bộ vét, tóc chải bóng lũng. Đứng nghiêm như đang chào cờ. Bức ảnh đã ố màu sau bao nhiêu năm phong trần, nhưng Đức yêu nhất. Những bức ảnh mới của Bố; Bố oai phong trong những bộ quân phục đại lễ. Mẹ trong những bộ áo tân thời, đẹp, trang trọng, sang, nhưng vẫn không bằng. Bức ảnh kỷ niệm ngày ra khỏi trại di cư. Lúc Bố Mẹ còn nghèo lắm. Cười nhau có với nhau mấy mặt con. Chẳng bao lâu Bố, Mẹ theo đoàn người di cư bỏ thôn làng, bỏ họ hàng, gom góp gia tài gói gọn trong chiếc va ly. Mẹ mang trong người đứa con gần đến ngày sinh xuống tàu há mồm vào Nam. Những con tàu lênh đênh trên biển Nam đưa cả triệu người đi, đi chẳng biết đến khi nào về. Có những người đi không đến được bến và có những người không bao giờ về lại nữa. Trên con tàu hỗn độn, nước mắt cũng nhiều như người. Mẹ vật vờ với biển. Mẹ đau xót xa xót xa làng. Những vết và khiếm Mẹ sanh sớm hơn. Những Mẹ cũng không còn sức mà sanh, phải mổ, để đem Đức ra trong đêm trời đổ mưa trên con tàu gập ghềnh cỡ sóng. Đứa con sinh ra coi cộc bệnh hoạn liên miên. Đứa con làm khổ Mẹ nhất. Mãi cho đến những ngày cuối cuộc đời của Mẹ. Bố trôi nổi theo cuộc chiến. Bố đi mãi. Lâu lắm mới về, nhưng về cũng chẳng được lâu như anh em Đức hằng mong muốn. Nên những kỷ niệm với Bố giống như những chuyện thần tiên. Bố về là được đi ăn cao lầu, đi chơi thoải thích. Bố mua cho cả đồng quà, đứa nào muốn gì Bố mua cho thứ ấy. Bố làm quan nhỏ thì đi ít, làm quan to lại càng đi nhiều. Chỉ những lần Bố bị thưởng là anh em Đức thích nhất vì Bố ở nhà lâu hơn, có khi gần nửa năm. Nhưng rồi Bố lại đi. Và rồi một lần Bố đi nhưng không về nữa, cũng không tìm được xác Bố. Bố đã nằm lại đâu đó cùng bạn

bè ở một nơi nào giữa núi rừng Cao Nguyên. Bố đã quên lời hứa khi đưa mẹ xuống tàu:
 - Rồi một ngày Anh sẽ đưa Em và con về lại quê nhà.
 Những lời Mẹ vẫn thường hay nhắc với các con, nhưng Mẹ nhắc cũng chỉ như nhắc đến một kỷ niệm đẹp. Đời Mẹ có biết bao nhiêu kỷ niệm đẹp, nhưng cứ mỗi khi nói về đi vắng thì Mẹ thích nhắc đến con tàu đã đưa Mẹ vào Nam. Con tàu kỷ niệm đã đưa Mẹ đi, lần đi xa nhất, xa xóm xa làng, xa kỷ niệm một thời xuân...
 Thuở ấy Mẹ làm ở sở Lục Lộ. Bố làm ở Tòa Án. Chẳng biết Bố để ý Mẹ từ khi nào, nhưng ông biết giờ đi giờ về của Mẹ, rồi lẻo đẻo khi thì đi bộ khi thì dắt xe đạp đi phía sau, như người đi dạo mát. Nhưng ai lại đi dạo cả lúc trời mưa. Thế là Mẹ biết. Nên mỗi lần đi về một mình Mẹ phải đi nhanh, có khi như chạy. Còn không thì đi chung một nhóm mấy chị em bạn. Tiếng cười tiếng nói vang khiến anh chàng si tình biển đầu mất. Rồi hôm ấy tan sở, Mẹ về. Khi bước ra khỏi cổng nhìn trước nhìn sau không thấy cái "đuôi", Mẹ yên tâm đi thong thả. Về gần đến phố nhà thì cái "đuôi" lòi ra đứng chắn đường Mẹ. Dúi vào tay Mẹ phong thủ. Mẹ run lật bật nhìn trước nhìn sau. Nhờ ra có người làng người nước nhìn thấy thì chết mất thôi. May quá chẳng có ai. Khi Mẹ tỉnh hồn nhìn trở lại thì phong thủ rơi trên đường. Người đưa thư cũng đã chuẩn khỏi. Mẹ cúi xuống nhặt lá thư; lá thư tinh đầu đời. Lá thư đã buộc cuộc đời Mẹ vào những hạnh phúc, lần những khổ đau mấy mươi năm. Chồng làm lính con cũng làm lính. Đi biển biết, mong chồng nhỏ chồng, rồi mong con nhỏ con. Những niềm đau khổ của Mẹ. Rồi ngày Bố mất. Các con hết đứa này bị thưởng lại đến đứa khác bị thưởng. Đứa đi lính đóng quân nơi này. Đứa nằm chỗ nọ. Đứa này tử trận. Mắt Mẹ chưa khô lệ. Mẹ khóc đứa con khác. Cứ mỗi lần đứa Đức trở lại đón vị Mẹ lại than.
 - Không biết rồi Mẹ có còn gặp lại con nữa không?
 Mẹ không khóc nữa. Mẹ chai đá vì những khổ đau. Ngày Mẹ mất. Đức đang hành quân giữa rừng già. Rồi từ ngày ấy Đức đã mang tro than của Mẹ đi cùng với chàng khắp núi rừng Cao Nguyên sang mãi bên Miên, bên Lào. Những ngày hào hùng nhất đời chàng. Những ngày vào sinh ra tử. Thế rồi cuộc chiến tàn. Chàng trở về trả món nợ đắng cay. Cho đến ngày Đức đi xa. Đức lại đeo trước ngực chiếc bao da nhỏ đựng tro than thân xác của mẹ xuống tàu. Bấy giờ chàng mới hiểu được nỗi đau khổ của Bố Mẹ năm xưa khi phải đau đớn bỏ tất cả lại phía sau lưng. Ngày ấy Mẹ mang Đức trong lòng xuống tàu. Ngày nay Đức mang tro tàn thân xác Mẹ, ngồi bên bãi sậy chờ con tàu định mệnh thứ hai. Những giọt mưa rơi trên nón, trên tấm Nylon. Những tiếng động khô, rã rời. Cảnh vật trước mắt ủa nhàu. Những hình ảnh mà chàng không sao quên được. Khi nhìn người công an mở túi da đồ ngược xuống đất.
 - Mang vàng theo đây chủ gì?
 - Không phải đó là...
 Nhưng đã trễ. Tiếng người công an gừ gừ trong cổ.
 - Hừ.
 Đức quý xuống liếm lấy chút tro rơi vãi trên nền gạch. "Mẹ ơi, Mẹ sẽ ở với con mãi". Con hủ quá Mẹ nhí chỉ có chút tro than của Mẹ mà không giữ được? Chắc ở một nơi nào đó Mẹ sẽ máng, "Thằng chó hủ của Mẹ." Lúc nào con cũng hủ Mẹ nhí. Ngày Mẹ ôm trong lòng cho bú. Người ta bú chừng hơn một năm. Đức bú gần tới ba tuổi. Thằng con ngỗ ngáo lần nào bú Mẹ cũng cắn. Cắn bầm cả đầu vú Mẹ. Đau lắm Mẹ chảy nước mắt. Nhưng thằng chó vẫn không thôi cắn. Mãi sau khi bỏ bú, lâu lâu chạy lại ôm Mẹ cắn vào tay, hay vào chân. Nghiến răng mà cắn. Hôn mẹ, hít hơi của Mẹ chẳng đủ, phải cắn cổ. Đau, Mẹ ứa nước mắt. Đức sợ hãi nhìn. Oà khóc. Lại được Mẹ ôm vào lòng, vỗ về. Thằng ngỗ, thằng chó, thằng Dracula. Thường ai chẳng nói chỉ cắn. Thường chị, cắn chị đau té đất. Thường anh cắn anh bầm cả tay. Đau, anh nổi cục đá vào đít. Cốc lên đầu. Mà vẫn không thôi cắn.
 Những năm tháng đọa đầy rồi cũng qua nhanh. Một con tàu khác, một con tàu chứa đầy nước mắt của người quen, người lạ, con tàu uất ức, có người trầm mình xuống biển để giữ thân. Con tàu đã đưa Đức đi thật xa, xa lắm, xa mấy bến bờ. Con tàu thử nhất, ngày nào Mẹ mang Đức trong người đứa chàng tìm đất sống. Mẹ mang Đức đi trong những ngày buồn nhất đời mẹ, mặc dù quanh Mẹ là tình yêu thương của bố. Con tàu này chỉ chờ theo hận thù. Tiếng chuông lại ngân thật ngọt, thật âm u. Bốn chị em có người tóc đã lốm đốm bạc. Quý bên nhau như thuở còn bé đi theo Bác Mẹ lên chùa. Tiếng chuông lại ngân cô đơn giữa tiếng người lao xao. Đánh thức một phần đời đã lảng động. Đánh thức một giấc mơ lang thang trong khói hương. Chiều xuống thật nhẹ.

TRANG KHOA HỌC

● Lê Văn Quối

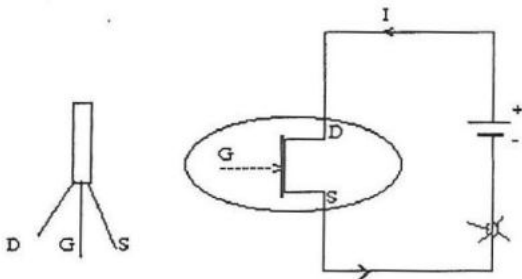
KHÁI NIỆM VỀ "TỰ ĐỘNG HÓA"

Cái ngắt điện: Điện chạy trong dây dẫn tương tự như xe cộ chạy ngoài đường: Khi cái cầu được quay lên thì mọi sự lưu thông bị gián đoạn.



Cái cầu trong mạch điện là cái ngắt điện: Khi cái ngắt điện ở vị thế "off" thì các dụng cụ điện ngừng hoạt động và ở vị thế "on" thì hoạt động.

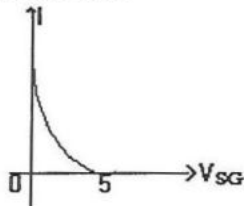
Để có cái ngắt điện tự động đóng/mở người ta dùng "Transistor".



Transistor: Có rất nhiều trong các dụng cụ điện, có ba cực mang tên D, G, S. Đặc tính của transistor là:

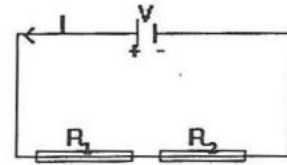
* Nếu hiệu điện thế giữa S và G có trị số nhỏ thì transistor để dòng điện chạy qua cái cầu làm đèn cháy sáng...

* Nếu hiệu điện thế giữa S và G có trị số lớn thì nó không cho dòng điện lưu thông, dụng cụ điện ngừng hoạt động. Sự liên lạc giữa I và V được biểu diễn:



Ta thấy nếu $V > 5$ volt thì cường độ dòng điện $I = 0$ Amper, hiệu thế càng nhỏ cường độ càng lớn.

Điện trở mắc nối tiếp: Xét hai điện trở R_1 và R_2 mắc nối tiếp giữa hai cực của máy phát điện có hiệu điện thế V không đổi.



Cường độ dòng điện I qua R_1 và R_2 . Hiệu điện thế:

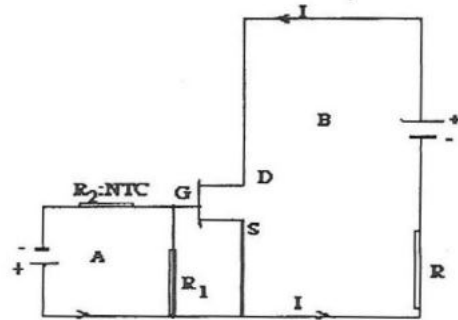
* Ở hai đầu của R_1 $V_1 = R_1 \cdot I$

* Ở hai đầu của R_2 $V_2 = R_2 \cdot I$

Như vậy nếu $R_1 > R_2$ thì $V_1 > V_2$.

Trường hợp mắc nối tiếp ta có: $V = V_1 + V_2$

Thí dụ 1: Để ý hai mạch điện A và B.



* Mạch A gồm một "Pin" có hiệu thế 9 volt (có thể có trị số khác), R_1 là điện trở thường và R_2 là điện trở N.T.C, điện trở biến thiên theo nhiệt độ, điện trở càng nhỏ khi nhiệt độ càng cao (Negative temperatur coefficient).

Ta có:

$$V_{R_1} + V_{R_2} = 9$$

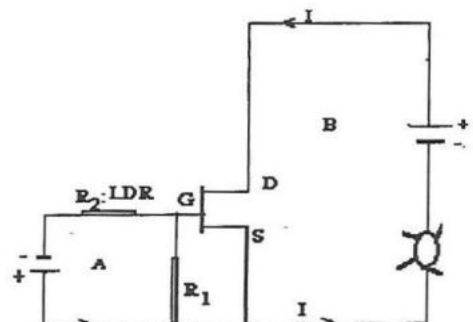
$$V_{SG} = V_{R_1}$$

Nếu như nhiệt độ trong phòng xuống thấp điện trở của R_2 tăng làm tăng hiệu thế V_{R_2} suy ra hiệu thế V_{R_1} giảm (tổng số là 9) đồng nghĩa với V_{SG} có trị số nhỏ, transistor để dòng điện chạy trong mạch B, điện trở R sưởi ấm căn phòng.

Nếu nhiệt độ trong phòng cao, điện trở R_2 có trị số nhỏ làm cho V_{SG} có trị số lớn kết quả là cường độ trong mạch B bằng 0 điện trở R không hoạt động được.

Thí dụ 2:

Điện trở R_2 được thay thế bằng điện trở L.D.R, điện trở tùy thuộc ánh sáng, điện trở càng nhỏ khi nhận ánh sáng càng nhiều - Tùy theo cường độ của quang thông - và ngược lại (Light Dependent Resistor), điện trở R được thay thế bằng một bóng đèn.



Khi trời tối điện trở R2 tăng làm tăng hiệu thế của nó, suy ra hiệu thế của R1 giảm, đồng nghĩa với V_{SG} có trị số nhỏ, transistor cho dòng điện chạy trong mạch B để đốt ngọn đèn.

Muốn giữ căn phòng ở nhiệt độ cao hay thấp cũng như tối đến độ nào cần đèn cháy sáng người ta chỉ cần điều chỉnh cái biến trở R1, dĩ nhiên rằng trời càng tối đèn càng cháy sáng vì I càng lớn! (Đọc giả có thể tự biện luận thêm).

Với một vài dụng cụ rẻ tiền (NTC, LDR, Delay...) người ta có thể tự chế các hệ thống tự động đơn giản rất chính xác cho: Đờ áp trứng gà vịt, lò sưởi cây lan, đèn ngoài vườn, cửa tự động đóng/mở... Transistor tìm trong các dụng cụ điện phổ thái, cái biến trở lý tưởng là cái "Volume" của radio (cho R1).

Ở trình độ cao hơn người ta dùng "sensor" để thay thế mạch điện A và hệ thống nhiều transistor thay vì một transistor, có khi hàng ngàn hay hàng triệu transistor (Inverter, Comperator, I.C, Chip, P.C...).

Sensor là cái nhạy cảm, có công dụng biến một hiện tượng vật lý như: Ánh sáng, áp suất, nhiệt, từ, điện trường, âm thanh... thành một hiệu thế. Hiệu thế cho ra cao hay thấp tùy thuộc cường độ của hiện tượng vật lý- chính hiệu thế này điều khiển sự đóng/mở của các transistor.

Đố Vui Để Học

Tôi có gặp ông X, một đồng hương.

X: Tôi định gởi một đồng tiết kiệm để kiến thiết quốc gia và giúp đồng bào ta.

Q: Ông định gởi bao lâu?

X: Nhờ ông tính giúp xem 500 năm có đủ không?

Q: Có dư, nhưng theo ông thời gian ấy không dài sao?

X: Đối với lịch sử của một dân tộc thì thời gian ấy không dài! Lúc đó con cháu chúng ta sẽ tự hào: Dân tộc Việt giàu mạnh nhất thế giới với 5.000 năm văn hiến! Thử hỏi dân Liên-Sô nhận được gì sau gần 100 năm theo C.S?

Giả thiết rằng: Lãi suất 8% một năm, tiền lời được tính sau mỗi năm, dân số của Việt Nam lúc đó là 100 triệu. Nếu đem vốn lẫn lời chia đều thì mỗi người nhận được bao nhiêu?

Quyển "Đố vui để học" tập hợp 36 bài toán đố có lời giải và giáo khoa tóm tắt. Nếu quý vị và các bạn trẻ muốn nhận xin liên lạc với Lê Văn Quới, Lorentzweg 1, University of Technology, Delft-Holland.

SANG NHÀ HÀNG VÀ KHÁCH SẠN

15 PHÒNG KHOẢNG 140 CHỖ NGỒI (KỂ CẢ BAO-LỎN) NƠI VÙNG DU LỊCH SCHWARZWALD.

XIN LIÊN LẠC :

TEL : 07762 - 9058 - FAX : 07762 - 9059

TÌNH QUÊ

Tưởng niệm Hòa Thượng Thích Trí Thủ

• Pháp Nguyên



Quê hương ngàn dặm bao nhớ thương!
Sao mãi còn ghi sổ đoạn trường!
Độc lập, tự do trong giới hạn!
Dân quyền, dân chủ ở trung ương!
Hãy trông khắp cả trời Âu, Á,
Văn minh, tiến bộ thật không lường!
Mong sao tất cả mau tinh thức,
Xây dựng quê hương kịp bốn phương.

Hoa Quỳnh

• Văn Nường



Gió khuya nhẹ thoảng lướt hiên Quỳnh
Cánh lùa rung mềm hé ý tình
Mượn giải ngân hà soi huyền ảnh
Nường vàng ngọc thả giải u tình (*)
Ánh dương thêm bộn duyên trần tục
Giấc mộng đầu màng kiếp tái sinh
- Tô chút băng tâm rồi khép kín
Lâu hoa riêng ngự, bóng riêng mình.

(*) Theo tích một Công Chúa bị vua anh loạn ý yêu đường, tâm u uất thành bệnh trọng - Khi thác, bên mộ nảy sinh một loài hoa lạ! người đường thời lấy tên nàng đặt là Quỳnh Hoa - Tin đến tai vua anh, ông tới mộ xem hư thực? Nhưng khi ông tới, cánh hoa liền khép kín và từ đó hoa chỉ nở về đêm. (Tài liệu này do Nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội sưu tầm).

THẨM MỸ VIỆN MÙA XUÂN

Với sự cộng tác của Bác sĩ phẫu thuật người Đức, thợ cạo mac-xa lành nghề, nữ thợ xăm tận tình người Việt :

- Làm hết các nếp nhăn, vết xạm do tuổi già, xóa các loại sẹo trên da bằng tia hồng ngoại tuyến. Một phương pháp hiện đại nhất thời.
- Xoa bóp y học, châm cứu chữa bệnh đau lưng, khớp mãn tính.
- Phục hồi sức khỏe sau khi sinh đẻ, ốm lâu ngày bằng máy điều ô-xy
- Làm mắt một mí thành hai mí
- Xăm môi đỏ các loại, lông mày, mí mắt nâu, đen hoặc xanh tùy theo ý thích
- Xăm trên người nhiều hình đẹp nghệ thuật

ĐẶC BIẾT CỦA VIỆN

- Viện phục vụ quý bạn tận tình, không khí đầm ấm
- Xăm không đau, màu bền, có đảm bảo
- Đối với quý bạn ở xa hoặc có con nhỏ Viện có phòng khách sạn với bể bơi, phòng tắm hơi phục vụ
- Mời quý bạn liên lạc : Điện thoại. 05322 - 7095

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

Lời Tòa Soạn

Người ta không thể tối đi lên giường ngủ với một chế độ Chuyên Chính Vô Sản; rồi sáng mai thức dậy để ra được một chế độ Dân Chủ! Do đó, muốn thực hiện được Dân Chủ đòi hỏi một sự đấu tranh lâu dài, bền bỉ, nhiều cố gắng, có đôi khi phải hy sinh cả sinh mạng và tài sản v.v...

Trên cơ sở đó, báo Viên Giác kể từ số 92 này mở ra mục Diễn Đàn Dân Chủ để cho những người đã sinh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản viết lên những tội ác cũng như những sự sai lầm trầm trọng của chế độ đã và đang đưa đất nước đến tận cùng của nghèo đói khổ đau, và hoạch định một hướng đấu tranh cho một nền Dân Chủ thật sự cho đất nước.

Những bài viết trong mục Diễn Đàn Dân Chủ không nhất thiết là lập trường của Tòa Soạn.

Bài viết không quá dài, độ 2 - 3 trang đánh máy, hoặc 5 - 6 trang viết tay. Bài nào không được chọn đăng sẽ không hoàn lại bản thảo. Bài viết đã được gửi đăng các báo khác trong nước Đức, xin đừng gửi cho báo Viên Giác.

ÂM MƯU NHẪM XÓA BỎ TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tôn giáo là một bộ phận của nền Văn hóa Việt Nam, nó đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, xã hội, kinh tế của dân tộc Việt Nam.

Tôn giáo là sản phẩm tinh tú tinh hoa tốt đẹp được đúc kết lại và tồn tại phát triển cho tới ngày nay. Tôn giáo Việt Nam luôn gắn liền với sự phát triển thăng trầm của xã hội Việt Nam. Xuất phát từ vai trò to lớn, quan trọng của Tôn giáo và những ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội Việt Nam.

Từ nhận thức vị trí quan trọng của nó như vậy; sau mấy chục năm độc quyền cai trị đất nước, Đảng Cộng Sản Việt Nam và chính quyền CSVN đã coi Tôn giáo là kẻ thù không đội trời chung. Với tất cả các chính sách của Đảng nhằm xóa bỏ, tiêu diệt, ngăn chặn sự phát triển của Tôn giáo cụ thể như: cấm truyền đạo, ngăn cấm xuất bản kinh sách có nội dung truyền đạo, tịch thu, thiêu hủy các kinh sách và đóng cửa các chùa chiền, nhà thờ, thánh thất và các tu viện v.v..., biến các nơi tôn nghiêm này thành nơi nhốt gia súc và kho chứa đồ! Một số các vị lãnh đạo tinh thần các Tôn giáo bị bắt giam, bị bỏ tù, hoặc bị theo dõi quản thúc chặt chẽ

vi quý vị này chỉ yêu cầu nhà nước cho được tự do Tôn giáo và tự do tín ngưỡng.

Với những chính sách tàn bạo, độc ác, nham hiểm của Đảng CSVN và chính quyền CSVN đã công khai, trắng trợn vi phạm Hiến Pháp mà chính họ đã soạn thảo ra. Và gần đây nhất việc bắt giam bỏ tù Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, và đàn áp dã man Phật Giáo Việt Nam tại Huế và một số quý vị lãnh đạo tinh thần và Phật Tử đi cứu trợ nạn lụt vùng đồng bằng sông Cửu Long của chính quyền CSVN đã chứng tỏ sự gia tăng đàn áp Tôn giáo và sự thất bại cùng bất lực của chính quyền CSVN trước âm mưu tiêu diệt và xóa bỏ Tôn giáo Việt Nam ra khỏi đời sống xã hội Việt Nam.

Chúng ta không phân biệt Tôn giáo, thành phần chính trị hãy cùng nhau lên tiếng đấu tranh ngăn chặn, vạch trần tội ác của chính quyền CSVN. Chống lại các âm mưu và tội ác của Đảng CSVN để bảo vệ và phát huy truyền thống Tôn giáo văn hóa quý báu của dân tộc Việt Nam. Đòi lại quyền Tự Do - Dân Chủ đã bị Đảng và chính quyền CSVN đã cướp đi mất trong mấy chục năm qua.

Mainz 7.96

• Nguyễn Cầu Luyến

Phóng viên Film Hải Đăng (Mainz)

XÂY DỰNG MỘT NHÀ NƯỚC VỮNG MẠNH VÀ TRONG SẠCH

Hơn nửa thế kỷ qua Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo miền Bắc và sau 21 năm toàn quyền lãnh đạo cả nước tiến lên Xã Hội Chủ Nghĩa. Trải qua những giai đoạn của lịch sử đã chứng minh: Hệ thống nhà nước Việt Nam còn nhiều nhược điểm tồn tại căn bản của cơ chế hành chính, quan liêu, bao cấp để lại. Dẫn đến đất nước ngày một tụt hậu trong mọi lĩnh vực, không đáp ứng được nhu cầu thực tế đời sống, kinh tế của con người. Mức thu nhập tăng trưởng của nền kinh tế hàng năm so với các nước trên thế giới thì quá thấp kém.

Từ các cuộc cải cách ruộng đất năm 1954, cải tạo tư sản miền Bắc, cải tạo tư tưởng "Nhân văn giai phẩm", cải tạo công thương nghiệp. Tiến tới hợp tác hóa toàn dân như: hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, công ty hợp doanh các nhà máy xí nghiệp. Và miền Nam được áp dụng vào năm 1976 cải tạo tư sản, bắt bớ, giam cầm cải tạo những người làm việc cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, xây dựng vùng kinh tế mới, ngăn cấm lưu thông văn hóa, kinh tế... Dẫn đến sự mất thăng bằng trong xã hội, kinh tế v.v... Cũng từ đó tạo ra mâu thuẫn trong xã hội sinh ra các tệ nạn xã hội như tham nhũng, tranh giành quyền lợi trong những đội ngũ các bộ các cấp, trong guồng máy lãnh đạo nhà nước, từ thượng tầng đến hạ tầng cơ sở, chia rẽ nội bộ, danh lợi tức thời, thực dụng nhu cầu cá nhân, tài nguyên của đất nước bị bán rẻ, lãng phí. Như vậy đã mất đi sự trong sạch của hàng ngũ cán bộ đảng viên và nhà nước.

Trong mười năm gần đây nhà nước Việt Nam thực hiện đường lối chủ trương "đổi mới" nổi lòng phần nào về kinh tế thì chính trị lại càng bị thất chặt, kiểm tra chặt chẽ các hệ

thống thông tin trong nước cũng như ngoài nước, vì sợ diễn biến hòa bình và dân chủ đa nguyên. Do tình hình tiến hóa và phát triển kinh tế mạnh mẽ của thế giới ngày nay, bước đảng và nhà nước Việt Nam phải nhìn nhận vấn đề chung của sự tiến hóa nhân loại. Nhưng trên thực tế có lẽ chỉ là những bức màn ngăn hạn mà thôi để chuẩn bị cho các kỳ đại hội của Đảng, nhất là kỳ Đại hội Đảng lần VIII. Chúng ta thấy đủ luận không ít trong nước cũng như ngoài nước về vấn đề hàng ngũ và guồng máy của Đảng, chia rẽ nội bộ, kẻ ở người đi, thanh toán lẫn nhau...

Sau diễn biến của Đại hội Đảng kỳ VIII, là một vấn đề lớn lao của Đảng CSVN. Bước tiến hóa và sự sinh tồn sẽ ra sao? Hay vẫn như những nhiệm kỳ Đại hội đã qua?

Xu hướng của trên 70 triệu dân trong nước cũng như hải ngoại đã và đang duy trì đấu tranh không ngừng đòi đa đảng, đa nguyên chính trị, đòi tự do, dân chủ, nhân quyền thực sự. Có như vậy thì mới làm trong sạch được các cấp lãnh đạo nhà nước. Dân giàu, nước mạnh, người dân thực sự làm chủ đất nước, có quyền tự do căn bản, đấu tranh cho lẽ phải, sai có quyền phê bình và góp ý. Để xây dựng một nhà nước pháp quyền thực sự.

Đảng CSVN với sự duy trì của một Đảng, Đảng là trên hết, dẫn đến toàn quyền trên mọi lĩnh vực, áp đặt các cơ chế buộc người dân phải chấp nhận trong mọi khuôn khổ, không một luật pháp nào bảo vệ nổi ngoài Đảng ra.

Theo trào lưu tiến hóa của nhân loại cũng như cộng đồng thế giới ngày nay. Người dân trong nước cũng như hải ngoại vì tương lai của dân tộc, mong muốn nhà nước CSVN phải xây dựng một nhà nước trong sạch và vững mạnh. Muốn đáp ứng được nhu cầu thực tế của dân tộc phải thực thi triệt để những điều:

1. Hủy bỏ Điều 4 của bản Hiến Pháp hiện hành tức là từ bỏ ngay chế độ độc tài đảng trị. Vì đây là nguyên nhân chính gây ra vô vàn khổ đau cho dân tộc và thảm họa cho đất nước.

2. Bộ máy nhà nước có vững mạnh, luật pháp có được tôn trọng và thực thi đúng theo Hiến Pháp khi nhà nước ấy do dân trực tiếp bầu ra và chỉ phục vụ cho dân và vì dân.

3. Khi một nhà nước do dân bầu ra chứ không phải do Đảng chỉ định, thì công bằng xã hội sẽ được thực thi, toàn dân sẽ chung vai sát cánh cùng với nhà nước để xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của người dân như công ăn, việc làm, giúp đỡ người già, bảo trợ cô nhi quả phụ v.v. và v.v...

Trên đây là yêu cầu cấp bách cho Đảng và nhà nước CSVN nếu họ thành tâm muốn cho dân giàu nước mạnh hầu chen vai cùng với các cộng đồng thế giới văn minh và nhân loại.

•Ngô Văn Tháp
Nürnberg

CUỘC ĐẤU TRANH ĐẦY CHÍNH NGHĨA CỦA CHÚNG TA NHẤT ĐỊNH THẮNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bài phát biểu tại cuộc biểu tình ngày 13.7.1996 trước sứ quán Việt cộng tại Bonn, của: Văn Thị Mỹ (Konz)

Kính thưa Ban Tổ Chức,
Thưa đại diện các đoàn thể và các anh, các chị cùng các bạn có mặt tham dự cuộc biểu tình hôm nay.
Tôi: Văn Thị Mỹ, xin được hân hạnh có đôi dòng phát biểu cùng tất cả các anh chị và



Biểu tình ngày 13.7.1996 trước sứ quán Việt Cộng tại Bonn (Văn Thị Mỹ - Konz)

các bạn.
Trong tình hình hiện nay, chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ và đã được thay đổi tận gốc rễ từ Đông Âu tới Liên Xô, những cao trào đấu tranh đòi dân chủ và tự do đã bùng lên giết sập bao chế độ độc tài từ Âu sang Á.
Hiện nay tại Việt Nam, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam vẫn ngoan cố duy trì chế độ độc tài đảng trị, không chịu thay đổi để đáp ứng nguyện vọng khát khao về tự do dân chủ của 72 triệu đồng bào ta.
Kể từ khi Hoa Kỳ bỏ lệnh cấm vận và bình thường hóa quan hệ ngoại giao với CSVN, thì việc chà đạp tàn bạo về nhân quyền ngày một gia tăng. Một đất nước mà những sĩ phu và những người có lương tâm chỉ muốn kêu gọi đảng cộng sản thực hiện dân chủ và tôn trọng nhân quyền, thì bị nhà cầm quyền CSVN tống giam, cầm tù với những bản án từ 15 đến 20 năm tù hoặc chung thân, như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ v.v... Với cao trào đấu tranh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong nước và hải ngoại đòi hỏi tự do Tôn Giáo, tự do tín ngưỡng đều bị nhà cầm quyền CSVN kết tội một cách trắng trợn và thô bạo. Hơn thế nữa nhà cầm quyền CSVN đã điên cuồng bắt giam ngay cả những nhân vật ly khai đảng cộng sản như ông Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà... chỉ vì họ dám kêu gọi đảng và nhà nước cộng sản nên thật sự phản tỉnh và sám hối quay về với dân tộc, để tránh đưa đất nước đến sự khủng hoảng toàn diện bằng cách thực hiện các quyền tự do căn bản, dân chủ hóa chế độ, tổ chức bầu cử tự do và thiết lập Hiến Pháp mới.
Hiện nay tại Việt Nam cũng như ở hải ngoại, những phong trào, những tổ chức đang nổi dậy đấu tranh đòi nhà cầm quyền CSVN phải thực thi dân chủ, phải trả lại tự do cho người dân. Tất cả chúng ta đều đứng lên yêu cầu nhà cầm quyền CSVN phải dẹp bỏ ý thức hệ Mác-xít và tư tưởng Hồ Chí Minh để trả lại các quyền tự do căn bản và quyền làm người cho nhân dân Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay những người Việt cho dù đã được cư trú hay đang xin tỵ nạn tại Đức hãy nỗ lực trong công cuộc đấu tranh đòi lại tự do, nhân quyền cho Việt Nam, chúng ta cần phải đoàn kết để đẩy mạnh công cuộc đấu tranh mà tiếng nói của vũ lực sẽ được thay thế bằng tiếng nói của lương tri và lẽ phải để phát triển thế lực dân tộc, cô lập thế lực bảo thủ, ngoan cố của đảng CSVN và buộc đảng CS phải trả lại quyền làm người thực sự tự do, dân chủ, nhân quyền cho cả 72 triệu đồng bào ta. Nhất định

công cuộc đấu tranh đầy chính nghĩa của chúng ta sẽ thắng độc tài phi nhân bản đang đi ngược lại hướng tiến chung của nhân loại. Việt Nam ta sẽ được tự do trong những năm tháng tới.
Sau đây xin các anh, các chị và các bạn cùng với tôi hô to:
Tự Do Cho Việt Nam
Dân Chủ Cho Việt Nam
Nhân Quyền Cho Việt Nam.
Tôi xin cảm ơn các anh, các chị và các bạn có mặt trong cuộc biểu tình hôm nay.

•Văn Thị Mỹ

Kính gửi tập thể Thầy, Cô
Cùng toàn thể các bạn học sinh
Trường THPT Thị trấn Yên Viên,
Gia Lâm, Hà Nội

Các Thầy Cô thường dạy "Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Cho dù có đi nơi đâu trên thế gian này, Em vẫn nhớ đến Thầy Cô, quê hương Việt Nam và tất cả những gì mà ngày em còn đang là một cậu học sinh của "mái trường XHCN" các Thầy Cô hằng dạy, để ngày hôm nay em vẫn hằng suy nghĩ và so sánh rồi từ đó cùng góp những phần sức nhỏ của mình vào tương lai của đất nước.
Các Thầy Cô kính mến, các bạn trẻ đáng yêu, ngày hôm nay trải qua một chặng đường dài gần mười năm, từ mái trường xưa với sự hiểu biết của một cậu học sinh "XHCN", cho đến ngày sang Nga thủ đô của Cách Mạng tháng Mười, các nước "anh em" Đông Âu, rồi Tây Đức, nơi đã từng là hạt nhân của chiến tranh thế giới thứ hai, nơi mà trước đây em thường nghe, nó là một phần của "Tứ bản giấy chết" và bây giờ nó là một trong những nước có kỹ thuật đứng đầu thế giới.
Tất cả những gì Em đã thấy và trải qua thì hoàn toàn ngược lại với những điều Thầy Cô đã dạy cũng như Đảng và nhà nước

tuyên truyền. Chính bởi vậy em có đôi dòng về trao đổi cùng Thầy Cô cùng các bạn trẻ, hy vọng là qua đó mọi người chúng ta đều tìm một điều gì sáng tỏ và góp phần vào việc đấu tranh, ủng hộ cho công cuộc đổi mới dân chủ tại Việt Nam. Đưa đất nước tiến lên trong thế kỷ 21.
Tuổi trẻ Việt Nam hãy sôi nổi tham gia tranh luận vấn đề này, một đề tài quan trọng đối với đất Việt yêu thương. Em không phải là một nhà chính trị gia, mà chỉ nói những gì mình đã thấy, mà đáng tiếc các bạn trẻ ở Việt Nam không được phép thấy. Bởi vậy rất mong sự hưởng ứng và sự trao đổi của các Thầy Cô cũng như toàn thể các bạn trẻ của Trường.

- Chúng ta thường nói "Tứ bản giấy chết" và chủ nghĩa xã hội thì tươi đẹp vậy mà chúng ta chưa biết "Tứ bản giấy chết" như thế nào mà khối "XHCN Đông Âu" thì đã sụp đổ. Năng suất lao động và đời sống của người dân của phía "giấy chết" lại cao hơn phía "tươi đẹp".
- Đảng lãnh đạo và là ánh "hào quang" soi đường cho đất nước để đất nước ngày hôm nay nghèo gần nhất thế giới, đi tù sai lầm này đến sửa chữa và cải tổ sai lầm kia. Đất nước tan hoang, dân thì đi làm thuê và chạy toán loạn.
- Đảng và nhà nước hô hào chống tham nhũng, dân đoàn kết để xây dựng đất nước, thì ôi nội bộ Đảng bè phái để tranh giành quyền lợi, tham nhũng từ trên xuống dưới, gây cho dân chúng nghi kỵ lẫn nhau để dễ bề cai trị... ra sức khủng bố những người nói sự thật để bịt những điều không thể chấp nhận được của Đảng.
- Chủ nghĩa Mác-Lênin là vĩ đại nhất, đúng đắn nhất, vậy tại sao các quốc gia Đông Âu lại bị sụp đổ. Trong khi đó ngày hôm nay Đại hội Đảng lại vẫn tiếp tục duy trì. Có phải chăng đó chỉ là một lý do để che đậy sự tham nhũng quyền của một nhóm người chớp bu.

- Đảng mang lại sự hiểu biết cho con người bằng cách bưng bít tin tức từ bên ngoài, để rồi tôn sùng một chủ nghĩa không tưởng và một vài nhân vật...
Tất cả những chuỗi mâu thuẫn kia, ngày hôm nay rất nhiều người trí thức trong nước đã lên án từ lâu và đang bị đàn áp trong các nhà giam. Những cũng rất nhiều người không dám nói vì sợ và đại đa số dân ở nông thôn không có thông tin, người mai lo cuộc sống hàng ngày không biết đến điều đó.
Là những người Việt có lương tâm và lòng tự trọng dân tộc, chúng ta hãy hiểu rõ vấn đề cùng vì quyền lợi đất nước mà đoàn kết hưởng ứng phong trào Hòa Bình, Dân Chủ tại Việt Nam.
Có như vậy mới có luật pháp nghiêm minh, dân yên tâm làm ăn, con người nâng cao kiến thức xây dựng đất nước tươi đẹp phồn vinh không giống như sự hoang tưởng của Đảng.
Em là một học sinh nhờ có sự giảng dạy của Thầy Cô, và ngày hôm nay có một chút hiểu biết về bên ngoài có đôi dòng suy nghĩ về tranh luận cùng toàn thể các bạn trẻ Nam Nữ trong trường. Mong các Thầy Cô và các bạn góp ý và hưởng ứng.
Chúc các Thầy Cô và các bạn mạnh giỏi.

Một đoàn viên Thanh Niên khóa học 1987
•Lương Hoài Nam

Địa chỉ liên lạc: Hội Người Việt Đoàn Kết
Mühlgasse Str.7 - 82335 Berg - Germany

THỜI SỰ THẾ GIỚI

• Phan Ngọc

• VIỆT NAM : Hai cái thúng trên một đòn gánh

Đồ hộ miền Nam vừa tròn 10 năm, Hà Nội rơi vào trung tâm cơn bão dữ dội. Niềm tin chắc, ngày hôm qua - "sự ủng hộ liên tục của Liên Xô và khối cộng sản anh em" - không còn dùng vững. Năm 1986, Trường Chinh cầm đầu phái đoàn thực hiện chuyến hành hương thường niên để nhận chỉ thị về đường lối tổng quát. Phái đoàn nghe lời khuyến dụ của Gorbachev như bị ai tạt một gáo nước lạnh vào mặt. Đại ý Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô khuyến bảo Việt Nam nên theo gương Liên Xô, tìm cách nào tốt nhất để thoát khỏi thảm họa. Do đó Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ VI (1986) đề ra kế hoạch "đổi mới", kêu gọi ngoại quốc giúp vốn đầu tư nhằm cứu vãn nền kinh tế đang suy sụp.

Lúc đầu, kế hoạch chỉ mang lợi cho miền Nam giàu có hơn, thảo vát hơn, nhất là đồng dân cư hơn miền Bắc (80% vốn tập trung tại Sài Gòn, Vũng Tàu). Tuy được điều chỉnh từ năm 1989, sự phân chia vốn đầu tư vẫn còn chênh lệch: 50% cho miền Nam, 15% cho miền Trung, 35% cho miền Bắc. Riêng tại miền Bắc 4/5 trên 35% đặc biệt dành cho tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Vừa mới gần đây, chế độ tung ra đồ án phát triển Hà Nội và vùng phụ cận (báo SAIGON ECO số 59 - 6.96). Theo kế hoạch này, từ đây đến năm 2000, Hà Nội sẽ có thêm 6 quận, thật sự là những thành phố mới hợp thành một vòng đai nhà ở, kỹ nghệ: Thăng Long, Vạn Tụ, Đông Anh, Cổ Loa, Gia Lâm, Yên Viên. Kế hoạch phát triển Hà Nội kết hợp với kế hoạch phát triển Hải Phòng - Quảng Ninh nhằm vào 2 mục tiêu chính. Mục tiêu thứ nhất là giải tỏa Hà Nội, nơi mà mật độ dân cư quá cao (1.000 /Km2), mỗi đầu người chỉ sử dụng 4 m2 để ăn ở. Dự kiến đến năm 2000, diện tích thủ đô từ 8.000 lên đến 25.000 mẫu cho 2,5 triệu dân thay vì 1,054 triệu hiện nay. Ngoài ra, sản lượng của toàn dân Hà Nội sẽ đạt tỷ lệ phát triển thường niên là 15%, sản lượng mỗi người dân Hà Nội sẽ đạt 1.000 Mỹ kim. Mục tiêu thứ hai là làm thế nào để sự phát triển miền Bắc bắt kịp nhịp độ phát triển miền Nam để mức sống người dân miền Bắc sẽ tăng gấp 2 lần (Nguyễn Đỗ Khuê, Văn phòng Hợp tác và Đầu tư ngoại quốc Ủy ban Nhân dân Hà Nội). Vì vậy, từ đây đến năm 2000, miền Bắc cần thêm 6 tỷ Mỹ kim, ngoài 3,5 tỷ sẵn có (Vũ Huy Hoàng, Văn phòng Đầu tư ngoại quốc Bộ Kế Hoạch). Tóm lại một kế hoạch hết sức "vĩ đại"! Tại sao bây giờ mới đưa ra kế hoạch này? Kế hoạch còn mang ẩn ý gì?

Lịch sử Việt Nam cận đại cho biết đất nước chỉ thống nhất một thời gian 71 năm trong gần 200 năm sau cùng: tiền bán thế kỷ thứ XIX và sau năm 1975. Như thế một giai đoạn chia cắt đất nước khá dài là một dữ kiện quan trọng cho dù trong thời gian này không ai đặt vấn đề cộng đồng dân tộc trên phương diện ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử. Dân tộc tự phân biệt người miền Bắc, miền Trung, miền Nam dù khuynh hướng chính trị thế nào, đảng phái ra sao. Dữ kiện thủ hai cũng không kém phần quan trọng thuộc về mặt địa lý: hai cái thúng miền Bắc, miền Nam trên đòn gánh miền Trung: nước Việt Nam hữu

lợi tập trung ở lưu vực sông Hồng Hà và sông Cửu Long. Nếu lên 2 dữ kiện trên để đi đến một nhận định là đất nước tiến tới chỉ khi nào 2 cái thúng thăng bằng trên đòn gánh và sự phát triển song song của 2 miền là điều kiện tiên quyết cho sự thăng bằng.

Thế thì tại sao đảng cộng sản thất bại sau khi chiếm miền Nam để bây giờ phải "ôm chân đế quốc"? Thật sự các lãnh tụ cộng sản đã phạm 2 sai lầm nghiêm trọng. Năm 1975, họ xem hệ thống chính trị của họ là một hệ thống "siêu việt" ("chủ nghĩa cộng sản là vô địch", Hồ Chí Minh tuyên bố như thế bên lễ Đại Hội Đảng Cộng Sản Liên Xô lần thứ XXI, 1959). Thế nên họ bắt buộc miền Nam phải theo bài bản, nghi thức của họ, san bằng những gì miền Nam có được nhờ tiếp xúc với khối Tự Do, nhất là trên địa hạt khoa học kỹ thuật, kinh tế. Họ cưỡng bức miền Nam phải theo cho kịp miền Bắc, *nghĩa là thụ lùi về 30 năm trước*. Hơn nữa họ thực hiện sự thống nhất đất nước quá vội vã, thiếu chuẩn bị. Tai hại nhất là đảng không chịu ủy quyền cho miền Nam tự cai trị. Tình thế đòi hỏi như thế. Ván bài đặt ra là sự thăng bằng giữa 2 miền. Nếu biết như vậy, các người cộng sản sẽ đòi lại mọi giải pháp, dù phải nhường lại nhiệm vụ thống nhất cho người khác. Nhưng lúc ấy, họ không nghĩ đến và không muốn nghĩ đến điều này.

Bồi tự cao tự đại, các lãnh tụ cộng sản cho mình đã có lý, đã đạt chân lý, còn xã hội miền Nam là một xã hội thoái hóa, chìm ngập trong hối lộ, tham nhũng, dân miền Nam kẻ thì bán mình cho ngoại bang, kẻ thì ăn chơi truy lạc... Vì thế họ áp dụng triết đề phương thức 2 trọng lượng 2 cách giải quyết: luật của kẻ chiến thắng dành cho kẻ chiến bại. Kết quả là miền Nam không những có những tù nhân, miền Nam còn có những tiền dân sống ngoài rìa xã hội. Dân miền Nam không còn cách nào hơn là chống đối thụ động, bất hợp tác. Về mặt dân tình, đảng cộng sản thúc đẩy dân miền Nam vốn sẵn oán ghét, càng oán thù đảng hơn, về mặt kinh tế, đưa đất nước vào vòng hấp hối. Cuối cùng, thay vì tìm sự thăng bằng, đảng làm cho sự mất thăng bằng càng mất thăng bằng hơn.

Khi chính sách "đổi mới" ra đời, những vấn đề gút mắt mà sự sống chung giữa 2 miền đặt ra trong một quốc gia thống nhất bằng vũ khí vùn lên trở lại. Những gì mà đảng cộng sản thực hiện trong mười năm bắt đầu tan rã mau chóng. Trong lúc mà đảng giữ độc quyền chính trị, địa hạt tự nhân trở nên động lực phát triển mạnh nhất. Hiện tại không ai đặt lại vấn đề thống nhất. Nhưng những đặc điểm địa phương bấy lâu nay bị vùi lấp dưới lớp vỏ cứng tín điều Mác-xít nay xuất hiện rõ ràng hơn. Việt Nam phơi bày bộ mặt cũ trước năm 1975 với nhiều tướng phản rõ rệt hơn: nhân mãn, truyền thống địa phương cục bộ, kinh tế lạc nhịp, liên lạc lỏng lẻo giữa Nam Bắc, một nơi có nhiều tiềm lực kinh tế, một nơi tập trung quyền hành.

"Cởi mở", tự do kinh tế không phải đào sâu thêm hố chia rẽ Nam Bắc, nhưng làm cho sự ngăn cách càng trầm trọng hơn mà chế độ phải biết, phải cố gắng quản lý, kiểm soát để sống còn, kế hoạch phát triển miền Bắc là một phướng chức. Điều này lộ mặt qua Đại Hội Đảng lần thứ VIII kéo dài từ 28.6 đến ngày 1.7.96. Khác với Đại Hội Đảng lần thứ VII (1991), Đại Hội Đảng lần này không cần mở xê vấn đề cải tổ chính trị. Đại Hội xác nhận chỉ đảng mới có độc quyền lãnh đạo, như thế để kiểm soát khít khao tự do kinh tế và xúc tiến sự phát triển song song hai miền Nam Bắc đúng theo kế hoạch quy định. Bộ ba đang cầm quyền là Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt được giữ lại cho đến kỳ Đại Hội Đảng Cộng Sản toàn quốc vào cuối năm 1998 hoặc đầu năm 1999. Đại Hội quyết định một sự thay đổi trong liên tục, có nghĩa là không thay đổi gì cả. Bỏ cũ soạn lại, dùng mỗi ngon kinh tế để ru ngủ, ngăn ngừa dân chúng sa vào cơn mê Dân Chủ.

Đảng cộng sản không muốn làm điều gì khác hơn là củng cố một đảng phái, đảng phái đồng nghĩa với quốc gia, một quốc gia trong một quốc gia; duy trì một số người hiếm hoi vừa giữ đặc lợi, vừa ôm chặt chính quyền. Nhưng chính quyền là gì? Chính quyền không chỉ thu gọn trong tương lai của đảng cộng sản. Chính quyền còn nằm trong bài toán thăng bằng Nam Bắc và điều hợp kinh tế xã hội. Nói như thế để nói rằng phát triển kinh tế là những con số. Phát triển không phải là mở mang. Phát triển là điều kiện thiết yếu nhưng chưa đầy đủ để



Mua bán đồ cũ trên đường phố Hà Nội

tiến đến một sự mở mang đích thật, vì mở mang bao hàm tất cả lãnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị. Nếu ai kia đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi riêng tư, quyền hành, ai đó bắt buộc phải kiến tạo một hệ thống chính trị khác vững chắc hơn, hiện đại hơn, được mọi công dân đồng ý. Bằng không thì kinh tế càng tụt do bao nhiêu, công dân càng mất tự do bấy nhiêu.

Ngoài ra, ngoài Bắc, nội bộ đang hồi chia rẽ (vụ Đào Duy Tùng nhân vật số 4; Nguyễn Hà Phan nhân vật số 13, Bộ Chính Trị, 4.96). Mỗi bất hòa theo thời gian càng trở nên nghiêm trọng hơn là tan mất, nhất là với sự xé lẻ của thể hệ đảng viên trẻ không còn có đức tin Mác-xít. Trong Nam, cơ sở đảng viên hết sức lỏng lẻo. Đứng vào lúc nào đó, sự tranh chấp giữa chính quyền và xã hội dân sự sẽ xảy ra lời kéo theo nhiều hậu quả kinh tế, xã hội, chính trị khó lường.

Tóm lại, đồng minh mạnh nhất của đảng cộng sản Việt Nam là Liên Xô được ví như một đối lực với Trung Quốc không còn nữa. Dù muốn dù không, Việt Nam vẫn rơi vào quỹ đạo Trung Quốc. Mỹ, Nhật đánh giá sự hợp tác xuyên Thái Bình Dương là ưu tiên hàng đầu. Kể từ khi Mỹ giải tỏa lệnh cấm vận (3.2.94), đảng cộng sản Việt Nam chỉ còn có con đường duy nhất là giải phóng chủ nghĩa cộng sản!, tuy rằng con đường này rất là hạn hẹp.

• TÂY TẠNG : Phật Giáo là một đối quyền

Lần đầu tiên, Trung Quốc công nhận đang giam giữ Gendun Choekyi Nyima, 7 tuổi, được Đức Đạt Lai Lạt Ma xác nhận là Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ 11 (5.95), chức sắc lãnh đạo thứ hai Giáo Hội Phật Giáo Tây Tạng.



Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ XI

đồi dào sức khỏe, đang sống với cha mẹ dưới sự bảo vệ chặt chẽ của nhà nước vì kẻ xấu đang đe dọa bắt cóc Ngài. Tuy nhiên, ông không cho biết hiện giờ Ngài ở đâu và từ chối lời đề nghị của Ủy Ban đưa một phái đoàn đến tận nơi để gặp Ngài mà 200 Dân Biểu Pháp đỡ đầu. Ngài là tù nhân trẻ nhất thế giới vì mang tội tự do tín ngưỡng.

Vấn đề nổi nghiệp Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ 10 mất vào tháng 4.89 là vấn đề gây căng thẳng nhiều nhất giữa Bắc Kinh và Tây Tạng từ khi Đức Đạt Lai Lạt Ma thông báo cho toàn thế giới biết sự tái sinh nêu trên. Điển tiết vì đứng trước một việc đã rồi, Bắc Kinh trả đũa bằng cách chỉ định ủng cử viên nhà nước là Gyaltsen Norbu cũng 7 tuổi, được tấn phong tháng 12.95 và được Chủ tịch Giang Trạch Dân long trọng đón tiếp vào đầu năm 96.

Ai cũng biết vấn đề Đức Ban Thiên Lạt Ma cùng với thái độ cứng rắn như đàn áp giáo đồ, ngăn cấm các chùa treo hình Đức Đạt Lai Lạt Ma, cưỡng ép dân Tây Tạng học chữ Hán, chủng tử Bắc Kinh quyết sống mãi với các "hoạt động khả nghi dưới danh nghĩa tôn giáo của nhóm cộng sự viên thân tín Đức Đạt Lai Lạt Ma, do một quyền lực ngoại bang yểm trợ để chống lại đảng".

Nguồn gốc chủ nghĩa quốc gia Tây Tạng đã ăn sâu vào lịch sử Tây Tạng. Tây Tạng đã nhiều lần độc lập, như trước kia vào thế kỷ thứ 10, quân đội Tây Tạng chiến thắng diễu hành tại Trường An, thủ đô Trung Quốc thời bấy giờ. Năm 1959, sau khi Trung Quốc đánh chiếm Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma sang Ấn Độ thành lập chính phủ lưu vong tại Dharamsala. Bắt đầu từ đây, Trung Quốc liên tục tráp áp Phật Giáo, bắt giữ các vị lãnh đạo tôn giáo, dội bom san bằng 6.000 chùa (1959-1960). Chính sách dã man này càng làm tăng thêm vô số người tử đạo mà nhân dân hết lòng sùng bái. Thay vì mai một, chủ nghĩa quốc gia càng vững mạnh hơn cùng lúc tinh thần chống Trung Quốc ngày càng ăn sâu vào tiềm thức dân chúng. Đến mùa thu năm 1987 và tháng 3.1988, Bắc Kinh càng đàn áp mãnh liệt hơn. Trong các cuộc nổi dậy, các nhà lãnh đạo Phật Giáo luôn luôn chủ trương con đường hòa bình, qua kế hoạch 5 điểm mà Đức Đạt Lai Lạt Ma trình bày trước Ủy Ban Bảo Vệ Nhân Quyền Quốc Hội Mỹ (21.9.87), điểm then chốt là công nhận nhân quyền và tự do dân chủ.

Kể từ thế kỷ thứ 11, một phái của dòng Karmapa đưa ra giáo luật quy định sự hóa kiếp liên tục của một người duy nhất và người ấy là hiện thân của Đức Phật. Giáo luật này được các Đức Đạt Lai và Ban Thiên công nhận kể từ thế kỷ thứ 16 đến ngày hôm nay. Từ Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 (1617-1682) trở đi, nhân dân Tây Tạng luôn luôn sùng kính các vị lãnh đạo Phật Giáo là những người có trách nhiệm về đời sống tinh thần và thể tục của Tây Tạng. Sẵn có một uy quyền xuất phát từ một đời sống tu sĩ đạo hạnh, Giáo hội có thêm một quyền lực Tăng lữ. Như thế, đối với Phật Tử Á Châu nói chung, Tây Tạng nói riêng, Phật Giáo là nền tảng của nền đạo đức nhân bản, của một hệ thống giá trị đại đồng có thể cải thiện xã hội, con người. Cái nghiệp mà dân Tây Tạng phải gánh chịu hiện nay, chỉ được cải thiện bằng một thái độ công bằng và hòa bình. Hòa bình là một vũ khí sắc bén có thể chiến thắng chẳng những ở Tây Tạng, mà còn ở khắp nơi trên thế giới. Cũng vì lẽ ấy, Phật Giáo là một lực lượng kháng chiến hữu hiệu nhất.

Nêu lên tầm quan trọng của Phật Giáo, để trở lại vấn đề thời sự nóng bỏng sau vụ khủng hoảng ngoại giao Bắc Kinh - Bonn (20.6.96), hậu quả của một quyết nghị Quốc Hội kết án Trung Quốc vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng.

Hiện nay, không có chính phủ nào phủ nhận chủ quyền Trung Quốc ở "Vương quốc tuyết trắng". Các quốc gia thuộc khối Tự Do cũng như Ấn Độ chắc chắn sẽ bối rối nếu một ngày kia, do một chiếc đĩa thần nào đó, "nóc thế giới" trở nên độc lập..... Nhưng bài toán nằm ở chỗ khác. Bài toán khó giải là chủ quyền không thể cho phép một quyền lực nào, cho dù là quyền lực nhà nước thực thi những biện pháp vô nhân với mục đích cuối cùng là tiêu diệt một dân tộc. Mặt khác, liệu chính phủ Trung Quốc khư khư giữ một thái độ cứng rắn không lay chuyển đến bao giờ trước một số vấn đề quốc tế, một thái độ tất nhiên là lỗi thời trong khi mà Trung Quốc tỏ vẻ muốn gia nhập cộng đồng dân tộc thế giới. Những nhà kế nghiệp họ Mao chặt vật không biết bao nhiêu nhưng chưa tìm ra một giải pháp thỏa đáng nào trong mối bang giao với các vùng biên cương đế quốc. Không cần thêm dẹt thêm để nhận định rằng Đài Loan có thể sẽ là một Tây Tạng thứ hai với những hậu quả mà cộng đồng quốc tế khó lường trước được. Hiện nay, trước Bắc Kinh, có một người đối thoại chân chính. Đó là Đức Đạt Lai Lạt Ma lúc nào cũng quyết tâm chủ trương giải pháp ôn hòa, trung dung giữa tham vọng thôn tính của Trung Quốc và không tưởng độc lập có thể đưa đến chỗ diệt vong.. Người ta nghĩ quốc tế nên hết lòng ủng hộ Đức Đạt Lai Lạt Ma. Đây không chỉ là một vấn đề đạo đức, mà còn là một vấn đề lợi ích chung.

Để kết luận, Phật Giáo đóng giữ vai trò hàng đầu trước tham vọng bành trướng đế quốc. Các Thầy, các Tăng là những người kỳ thác một nền văn minh, một bản sắc dân tộc. Phật Giáo Tây Tạng có thành công hay không trong công cuộc đòi hỏi quyền tự trị? Đây là vấn đề gay gốt bởi người ta chỉ lệ thuộc vào quyền lợi mà kẻ khác mang đến cho mình. Đây cũng là số phận hẩm hiu của các nước nhược tiểu.

HAI MẶT CỦA TỬ TƯỚNG MÁC-XÍT

Có thể ví người cộng sản như người mắc bệnh tinh thần phân lập. Họ luôn luôn biểu lộ một sự lạc điệu về mặt tư tưởng. Do đó cái mà họ biểu thị không bao giờ ăn khớp với cái được biểu thị. Nói cách khác, chứng tinh thần phân lập là một hình thái tư tưởng kết hợp với một lối thực thi quyền hành theo kiểu mẫu cộng sản. Xin đón cử một vài ví dụ:

Về phía Việt Nam, bắt giữ điều tra = mời làm việc, gọi lên văn phòng dọa nạt = kiểm điểm, bỏ tù = tập trung, tẩy não = cải tạo, nhồi sọ = học tập, làm xấu = lao động xã hội chủ nghĩa, khổ sai = lao động vinh quang, kẻ thù bỏ nước ra đi = khiếu nại yêu nước, khúc ruột ngàn dặm, cưỡng đoạt = người ta ủng hộ.

Trung Quốc cũng không thoát khỏi chứng bệnh này. Một bước tiến nhảy vọt thì làm cho kinh tế thụt lùi 10 năm về trước, một cuộc cách mạng văn hóa thì không tỏ gì cách mạng, trái lại càng vô văn hóa hơn bao giờ hết, nếu không nói đến sự chiếm đoạt lãnh thổ Tây Tạng thì gọi là giải phóng.

Từ khi nhà cầm quyền mở cửa chào đón tư bản, bệnh tinh thần phân lập có một vóc dáng mới lạ khác do sự thực thi nền kinh tế thị trường gói ghém trong khung lý thuyết Mác-Lê lỗi thời mà có. Hiện nay, các lãnh tụ cộng sản cho rằng đứng trên quan điểm kinh tế xã hội thị trường, nêu lên vấn đề tập trung vốn liếng kiểu tư bản để tháo gỡ về thuyết chính thống Mác-xít là không phù hợp với tâm nguyện của Các-Mác. Nêu lên một câu hỏi như thế, theo họ là quay lưng phủ nhận cách mạng.

Vừa mới gần đây, một tập tục tiêu tu sản là cá ngựa đang sống lại trong lúc mà chế độ cấm chỉ triệt để cờ bạc. Cá 1 ăn 2.500 lần. Điều này không quan hệ gì, vì cá ngựa là một trò giải trí lành mạnh. Vấn đề này nhắc đến một vấn đề khác. Qua cuộc bầu cử dân chủ ở Đài Loan, Trung Quốc vận vẹo lối nói cho rằng đây là một hoạt động bình thường nhằm chỉ định một nhà lãnh đạo mới. Số mạng dành cho tư chính trị cũng nằm trong địa hạt bệnh tinh thần phân lập. Người ta bảo họ tự do như trường hợp của Bao Tong Ren Wanding, Zhang Xiaoling. Vừa thả họ (8.6.96), công an tức khắc mang họ quản thúc ở một nơi khác rất xa gia đình. Vợ con không được phép viếng thăm.

Phải chăng tư tưởng cộng sản là một tư tưởng bệnh hoạn, chủ nghĩa cộng sản là một cục bườu trên một thân thể lành mạnh, cần phải cắt bỏ tuyệt gốc?

• NGA: Thị trường tôn giáo cao giá

Nước Nga đang chiều chuộng Giáo Hội Công Giáo Chính Thống đến nỗi tôn giáo là một trong những đề tài được ưa thích trong cuộc vận động bầu cử Tổng Thống vừa qua. Trên đài truyền hình, người ta nhìn thấy những biểu ngữ chúc mừng Tổng Thống đương nhiệm Boris Eltsine và Đô trưởng Mạc Tú Khoa Iouri Loujkov trước nền phong đình vòm phết vàng các nhà thờ kế bên các biểu ngữ mang hình nhà quốc gia cực đoan Vladimir Jirinovski đang ghi chặt một nữ tu sĩ với khẩu hiệu: "Tôn giáo là nguồn hy vọng, là điểm tựa cuối cùng của chúng ta". Cả Chủ tịch đảng cộng sản Ziouganov cũng ghép những câu trích từ thánh kinh vào bài diễn văn của ông ta. Trong những cuộc mít-tinh của đảng cộng sản, người ta còn thấy rõ hình Chúa Jesus trên cờ đỏ búa liềm. Theo đảng cộng sản, Chúa là "người cộng sản đầu tiên trên thế giới". Lúc thăm viếng Tu Viện thánh địa Sergueen Possad, Ứng cử viên cộng sản còn tuyên bố: "Kế hoạch của chúng ta dự kiến tự do tín ngưỡng, tôn trọng tối đa những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc". Được mời bái gối ngưỡng mộ thánh Serguera Donej; Ziouganov từ chối và chỉ đưa tay vuốt ve thánh tích, một cử chỉ phạm thượng.

Trước những đòn vận động "tả-pín-lũ" như "địa xa lách Nga", Giáo trưởng Alexis II lên tiếng nhắc nhở tín đồ: "Giáo hội từng bị cộng sản đàn áp trong quá khứ". Chính quyền Liên Xô đã phá hủy hàng ngàn nhà thờ, biến nhà thờ khí thành cơ sở sản xuất, khí thành những báo

tàng viện vô thần. Riêng tại Mạc Tú Khoa, 300 nhà thờ bị phá vỡ từ 1925 đến 1930. Nhà thờ "Thánh Cửu Thế" bị san bằng vào tháng 12.1931 theo lệnh Staline, trở thành hồ tắm công cộng thời Kroutchtchev. Để tỏ lòng kính bực, đưa tay chỉ xác ướp Lenine, một tín đồ bảo: "Cho dù chúng ta có một Tổng Thống cải cách hay một Tổng Thống cộng sản, nước Nga chỉ gặp toàn là bất hạnh nếu người ta chưa chôn kẻ "đầu hói" giữa lòng đất.

Từng nhục mạ tôn giáo là thuốc phiện, bây giờ vì thủ đoạn hốt phiếu, người ta bắt buộc phải nghiện ngập. Thật là tui thân cho tôn giáo.

• NGA: Ý nghĩa cuộc bầu cử

67,2% - 108,5 triệu cử tri tham dự vòng hai cuộc bầu cử Tổng Thống ngày 3.7.96. Đường kim Tổng Thống đắc cử, đạt 53,7% tổng số phiếu; Ứng cử viên cộng sản 40,4% (Kết quả vòng nhất: Eltsine 35,28% - Ziouganov 32,04% - Tuồng Lebed 15%). Giữa hai vòng bầu cử, Eltsine lôi kéo Tuồng Lebed về phía chính quyền, bổ nhiệm ông

này vào chức vụ Tổng Thủ ký Hội Đồng An Ninh Quốc Gia cùng lúc cách chức Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng, Tuồng Pavel Gratchev (18.6). Qua ngày 20.6, Tổng Thống thanh trừng bộ ba chuyên chủ trương dùng vũ lực: Tuồng Korjakov, Chỉ huy trưởng toán cận vệ - Tuồng Barsoukov, Giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương - Phó Thủ tướng thủ nhất Soskovets, một người bảo thủ bí hiểm. Cuộc bầu cử quan trọng này không khỏi không gợi lên một vài điểm nóng không những riêng cho Nga mà còn cho cả Âu Châu.

1. Sau một thời gian dài sống dưới chế độ chuyên chế phong kiến và độc tài cộng sản, lần đầu tiên dân Nga lật qua một trang sử Mác-xít Lênin-nít. Dồn phiếu cho Tổng Thống hết nhiệm kỳ, họ không phải tin nhiệm một người kém khả năng nắm giữ giềng mối quốc gia mà từ chối giao vận mạng cho những người thuộc về một quá khứ độc hại. Như thế cử tri Nga có làm cho nền dân chủ chiến thắng như Tổng Thống Clinton nhận định không?

2. Bản tổng kết sau 5 năm cầm quyền của ông thế nào mà kỳ này ông phải dàn ra những cố gắng vượt bực, tiền bạc, máu xương để đối đầu với một kẻ thù xó cứng về mặt ý thức hệ, một đảng cộng sản nghèo nàn lạc hậu.

3. "Lực lượng thứ ba" quy tụ xung quanh nhà dân chủ Grigori Iavlinski đạt 1/3 tổng số phiếu ở vòng đầu. Tuồng lai nước Nga chắc chắn phải phụ thuộc vào vấn đề liệu Eltsine có khôn khéo sử dụng lực lượng này hay không? Lực lượng này rất cần thiết cho sự kiến tạo một đổi mới và trẻ trung hóa bộ máy chính quyền mà Eltsine đã hứa sau khi thắng cử. Nhưng mọi người đều ghi nhận lúc nào ông cũng thích đơn phương sử dụng quyền hành.

4. Một câu hỏi khác vẫn chưa có giải đáp sau khi Eltsine thắng cử. Lần đầu tiên một Tổng Thống đắc cử theo thể thức dân chủ 5 năm trước đây, ngày hôm nay ông có thể bình thân rút lui nếu ông thua cử? Nêu lên thắc mắc này để nghĩ ngay đến những kế hoạch do những cố vấn điện Cẩm Linh soạn thảo: hoặc bầu cử gian lận, hoặc xóa bỏ bầu cử bằng vũ lực. Về phần Tổng Thống, ông tuyên bố không bao giờ ông nghĩ đến thất bại.

5. Một vấn đề trước mắt khá gay go là sức khỏe của Tổng Thống. Người ta ghi nhận một sự tranh chấp quyền hành đang diễn tiến giữa bộ ba Tuồng Lebed - Thủ tướng Tchernomydine - Cố vấn kinh tế kiêm Bộ Trưởng Phụ Tổng Thống Tchoubais. Tuồng Lebed từng tuyên bố với báo chí là "quyền hành không phải tự nhiên mà đến. Muốn có quyền hành, phải tuốt đoạt quyền hành". Phải chăng Lebed là sao băng trên con đường sự nghiệp hay sao băng chấm dứt sự nghiệp của Eltsine? Phải chăng giai đoạn sau Eltsine bắt đầu, dù có hay không có Eltsine?



6. Mọi người đều hân hoan khi ủng hộ viên cộng sản thất bại. Nhưng những diễn biến giữa hai vòng bầu cử không cho phép lạc quan lắm. Có nên hoàn toàn tin tưởng vào lời hứa hẹn thực thi dân chủ của những nhà lãnh đạo Nga hiện tại? Và lại Lebed vừa lộ bí mật - ông tự nhận là người dân chủ nửa chừng - chưa kể đến những lời phát biểu bài ngoại và chống Do Thái của ông.

7. Cuộc bầu cử biểu lộ một sự thật không thể chối cãi được là nước Nga vừa chủ trương đường lối dân chủ thị trường vừa quay về với quá khứ quân chủ + cộng sản. Với Boris Eltsine, cải tổ có gương mặt nhợt nhạt; với Tuồng Lebed, một gương mặt chết treo.

8. Mặc dù đường kim Tổng Thống tái đắc cử quá rõ ràng, rồi đây nước Nga sẽ rơi vào cơn xoáy hỗn độn dẫn đến những hậu quả thật phần nguy hiểm vượt biên giới lan rộng đến các vùng xung quanh.

• Trẻ con phải trả một giá rất đắt

Người ta dùng những con số khô khan để nói đến các nước phía Nam và phía Bắc bán cầu. Một vài ví dụ tỷ lệ tử vong trẻ con nghĩa là dưới 5 tuổi: 300/1.000 ở Niger; 200/1.000 ở Ethiopie, Angola, Afghanistan; 71.000 ở Đức. Sản lượng thường niên mỗi đầu người: 80 Mỹ kim ở Mozambique; 200 ở Cao Miên; 250 ở Việt Nam; 34.600 ở Nhật; 37.100 ở Thụy Sĩ. Tỷ lệ tử vong hậu sản do xuất huyết, sanh khó, nhiễm trùng, nhiễm độc: 1.800/100.000 ở Sierre Lone; 1.700/100.000 ở Afghanistan; 1.000/100.000 ở Algerie; 7/100.000 ở Na Uy.

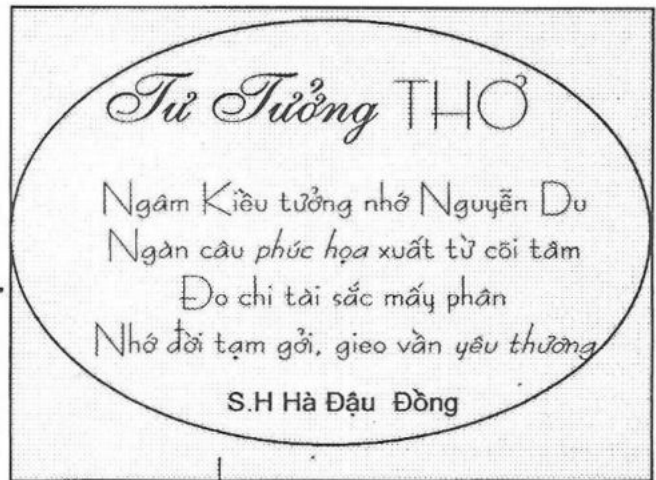
Hàng chục con số như thế diễn tả sự suy dinh dưỡng, sinh đẻ nhiều lần, chiều cao thấp mức sống mà Tổ Chức Bảo Vệ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) công bố ngày 10.6.96. Mang ra một chuỗi dài con số để ghi nhận thế giới đang trôi gập ghềnh trong cơn bão tố. Một thế giới 2 thì, bất bình đẳng tùy theo con người gặp may sinh ra ở phía Bắc, gặp rủi sinh ra ở phía Nam, khổn cùng hay có thể lực, giàu hoặc nghèo. Những trẻ con các nước nghèo phải trả sự nghèo đói với một giá đắt, bằng tiền mặt.

Những con số nói tiếp. Vì thiếu săn sóc, thiếu thuốc men, chúng ngừa, 8 triệu trẻ con ở phía Nam thiệt mạng mỗi năm sau những cơn

bệnh được phía Bắc xem như hết sức bình thường. Vì thiếu thực phẩm, 1/2 trẻ con ở Bangladesh, 1/3 ở Ấn Độ sinh ra thiếu cân lượng. UNICEF nhận định: "Hàng triệu trẻ con phải gánh chịu hậu quả của một sự quản lý kinh tế tồi tệ".

Phía Bắc quá ích kỷ, một tai tiếng quá rõ ràng. Vị Chủ tịch UNICEF phát biểu tiếp: "Thời đại của chúng ta chỉ lo nghĩ đến lời lỗ, tỏ ra lạnh lùng trước những cố gắng mở mang phát triển ở thế giới thứ ba". Trong danh sách các nước giàu có chỉ có Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển, Hòa Lan bằng lòng trích ra 0,7% sản lượng quốc gia để viện trợ các nước phía Nam đúng theo tiêu chuẩn Liên Hiệp Quốc. Nhưng các chính phủ phía Nam đều vô tội: sai lầm chọn lựa kế hoạch, quản lý bừa bãi tài nguyên, nhân lực, thiên nhiên, phung phí ngân sách vì uy tín hão, vì chạy đua vũ trang gây thiệt hại không ít cho kế hoạch y tế giáo dục, chưa kể đến hối lộ, hà lạm công quỹ.

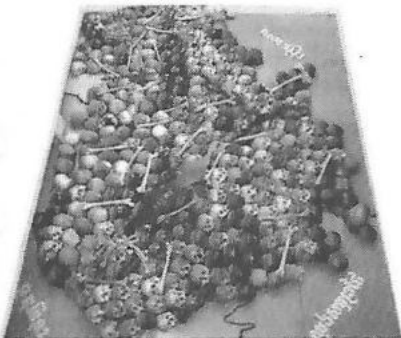
Ô nhục sau cùng là sự bất bình đẳng trong cùng một quốc gia. Càng ngày càng có nhiều người nghèo giữa những người giàu, nhiều người giàu giữa những người nghèo. UNICEF kết luận: "Hố sâu nứt mẻ đang có thật, đang đe dọa đoàn kết xã hội trong nhiều quốc gia".



TIN MỘT CỘT

• VIÊN ĐÔNG

Cao Miên - Thông Tấn Xã Pháp loan tin



Tội ác Pon Pot

ngày 6.6 Pon Pot, 68 tuổi, chết vì sốt rét ác tính ngày 5.6 tại một căn cứ vùng Đông Nam Cao Miên. Con một điền chủ ở Kompong Thom, năm 1950 Pon Pot sang Paris du học. Trở về nước năm 1953 vì thiếu khả năng học vấn, Pon Pot, tên thật là Saloth Sar dạy sử địa tại một trường Trung học Nam Vang. Năm 1960 thành lập đảng Lao Động Kampuchea và ngày 17.04.75 Pon Pot tiến vào Nam Vang giết hại ít nhất 2 triệu dân gây nên một sự diệt chủng đặc biệt nhất:

chính nhà lãnh đạo tự tay giết dân mình. Đối với mọi người, Pon Pot là một quái thai do chủ nghĩa Cộng Sản sanh ra. Tin sau cùng, có quan tình báo Thái Lan dính chính, cho tin trên là tin đồn thất thiệt. Dù sống hay chết, Pon Pot đã đi vào lịch sử, có tên trong bản phong ác quỷ.

Lào - Dự trữ xây cất đập thủy điện Nam Theun (615 Megawatts). Đến năm 2000, Lào sẽ bán điện cho Thái Lan, mỗi năm thu khoảng 200 triệu Mỹ kim. Hồ chứa nước sẽ tàn phá khu rừng bách quý giá, giết hại nhiều loại thú như ó, cọp, beo gấm, gấu Á Châu. 4.000 dân làng bắt buộc phải di tản. Xây đập là làm một công hai việc, (Việt Nam cũng có kế hoạch xây 24 đập) vừa sản xuất điện vừa khai thác gỗ quý (1 cây bách giá khoản 2.500 Mỹ kim tại Việt Nam, nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, cà xe, gỗ hương rất nhiều ở Cao Nguyên Trung Phần) củ mỗi lần như thế, người ta đều bắt gặp kẻ mua chủ yếu là Nhật.

Việt Nam - Sau 4 ngày Đại hội với sự tham dự của Thủ Tướng Trung Quốc Lý Bằng, bộ tam đầu chế Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt được lưu dụng sau một sự pha chế tinh vi trên tinh thần độc đảng hầu trấn

an cánh thủ cựu đang lo sợ trước những hậu quả mà họ cho là tai hại của chính sách cởi mở kinh tế và làm vừa lòng những kẻ mong muốn đổi mới mau lẹ hơn để Việt Nam bắt kịp các nước láng giềng. Bộ tam đầu chế còn có nhiệm vụ làm dịu lại sự căng thẳng nội bộ gia đình cũng như sửa soạn sự nổi nghiệp. Do đó một số đảng viên "sáng giá" được các quan sát viên chú ý như: Tưởng Đoàn Khuê, Tổng Trưởng Quốc Phòng; Tuồng Lê Khả Phiêu, Quân Ủy Trưởng Quân Ủy Trung Ương; Nông Đức Mạnh, Chủ Tịch Quốc Hội; Nguyễn Mạnh Cầm, Tổng Trưởng Ngoại Giao; Nguyễn Tấn Dung, Đặc trách Xã hội Kinh tế Trung Ương Đảng. Đây là kết quả của sự mặc cả giữa những địa phương, khuynh hướng chính trị, quân sự, dân sự.

- Rồi Bắc Kinh ngày 10.7, Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng Thống Mỹ, Antony Lake đến Hà Nội ngày 11.7 và việc thăm Việt Nam trong 3 ngày. Ông tuyên bố ngay là việc tìm kiếm 1.600 quân nhân Mỹ mất tích tại chiến trường Đông Dương (MIA) vẫn là ưu tiên của Mỹ, trong sự bang giao Mỹ-Việt. Ngày 13.7 ông đến quan sát một vị trí tìm kiếm ở Quảng Trị. Tuy nhiên Việt Nam ước đoán sự bang giao song phương vẫn tiến triển mau hơn trước như Đỗ Mười phát biểu trước báo chí ngày 12.7. Nhân dịp, Đỗ Mười

TIN MỘT CỘT

TIN MỘT CỘT

chuyển lời cầu chúc Tổng Thống Clinton tái đắc cử. Cho đến nay, Mỹ chỉ đầu tư 20% trên tổng số đầu tư ngoại quốc. Việc thường lượng về điều khoản "quốc gia ưu tiên" đang đậm chân tại chỗ. Thật sự chuyến công du Viễn Đông (Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Nam Hàn) của Cố vấn an ninh nhằm vào mục tiêu quan trọng là làm thế nào cho đường lối của Mỹ đối với Trung Quốc mạch lạc hơn.

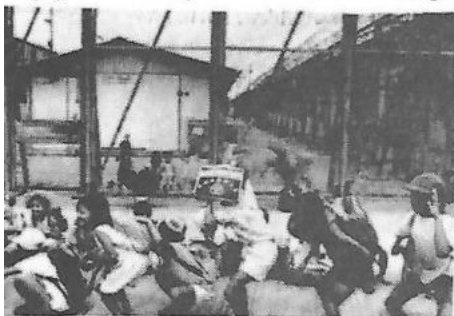
- 14.6, Hoàng Minh Chính lãnh án 1 năm tù vì tội chống chế độ độc đảng được phóng thích ngày 14.6 đúng hạn kỳ, 2 tuần trước Đại Hội Đảng lần thứ VIII khai mạc.



Aung San Suu Kyi

Miến Điện - Bất chấp chiến dịch đe dọa, giải Nobel Hòa Bình 91, Bà Suun Kyi vẫn tiếp xúc đều đều mỗi ngày thủ bảy một số đồng chí của Bà và hàng ngàn dân chúng. Để đối phó, ngày 7.6 nhóm quân phiệt ký nghị định ban hành luật nghiêm cấm các cuộc tập hợp nào quá 5 người và phạt tù cùng tịch thu tài sản kẻ nào tham dự mít-tinh, gây rối loạn an ninh quốc gia. Hiện tại chế độ chúa dưng chạm đến Bà vì tai mắt quốc tế. Mỹ, Nhật, Úc, Cộng đồng Âu Châu đặc biệt theo dõi tình hình. Đàn áp sẽ gây bất lợi. Trò chơi ú tim giữa Bà và nhóm quân đảo chánh biểu lộ một điều gì vừa bất tưởng vừa cao cả.

Nam Dương - Tại Nam Dương, chính quyền chỉ cho phép 3 đảng phái hoạt động chính thức theo thể thức "thỏa hiệp: Đảng Dân Chủ, Đảng Công Chức, và Đảng Liên Hiệp Phát Triển". Không có đảng đối lập chân chính. Bà Megawati Shukarno, con gái của cha đẻ nền độc lập là Shukarno giữ chức Chủ tịch Đảng Dân Chủ từ năm 1992. Lúc gần đây Bà tỏ ý muốn ra tranh cử Tổng Thống được tổ chức vào năm 1998. Do đó Tổng Thống Shuharto giết dây dưa ông Shuhardji làm Chủ tịch đảng thay thế Bà. Một số đảng viên trung thành tổ chức mít-tinh phản đối chính quyền. Cảnh sát đàn áp dữ dội bắt giữ hàng chục người, gây thương tích cho hơn 200 người (27.7). Chế độ Nam Dương là một chế độ gia đình trị. Vợ con Tổng Thống đều có gia tài kếch sù. Ai muốn ký giao kèo đều phải xi tiền lo lót Bà Tổng



Trại tị nạn ở Hongkong

Thống, cho nên người ta gọi Bà là "Bà bách phân".

ĐÔNG NAM Á - Đưa thuyền nhân Việt Nam về nước vì bắt đầu từ ngày 30.6.96, Cao Ủy Tỵ Nạn chấm dứt tài trợ.

- Mã Lai Á: Trại tỵ nạn cuối cùng đóng cửa ngày 25.6, 22 tỵ nạn cuối cùng về nước bằng đường Hàng không (4.7).

- Tân Gia Ba: 99 về nước ngày 28.6.

- Nam Dương dàn xếp với Hà Nội chở 4.000 bằng tàu.

- Phi Luật Tân: Chấp thuận cho 2.000 dân tỵ nạn ở lại Phi, 3.400 người tỵ nguyện về Việt Nam.

- Thái Lan còn giữ 4.000 chờ giải quyết.

- Hồng Kông kéo dài thêm một năm vì tình hình căng thẳng nhưng phải giải quyết xong trước ngày 1.7.97 theo đòi hỏi của Bắc Kinh.

Đặc biệt là một số người hội đủ tiêu chuẩn tỵ nạn nhưng không một nước nào đón nhận.

ASEAN - Trung Quốc là trọng tâm thảo luận trong cuộc họp thường niên Khối ASEAN tại Djakarta, Nam Dương (20 đến



Khu ven thành phố Djakarta

22.7) Trước khi cuộc họp mở màn, Trung Quốc tung ra đòn phép ngoại giao tích cực. Tưởng Zhang Wannian, 1 trong 4 Phó giám đốc Quân ủy Trung ương và cũng là người điều khiển cuộc thao diễn binh lực ở eo biển Đài Loan thăm viếng Tân Gia Ba, Miến Điện, Thái Lan và Cao Miên. Phó Thủ Tướng Zhu Rong Ji công du ở Đông Nam Á và Lý Bằng tham dự Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần VIII. Ngoài ra một sự kiện đáng lo ngại là Quốc Hội Trung Quốc biểu quyết thông qua đạo luật sát nhập quần đảo Hoàng Sa vào lãnh thổ quốc gia (5.96). Vì lý do tương quan lực lượng dễ hiểu, Khối ASEAN thường hay dè dặt trước áp lực Trung Quốc, không làm gì được hơn là chấp nhận Trung Quốc vào bàn hội nghị hơn là giữ thái độ cô lập cho dù "những căng thẳng địa phương có liên quan mật thiết đến các vụ cãi vã đang diễn tiến có thể biến thành những vụ xung đột vũ trang đe dọa nền hòa bình không những riêng cho Á Đông mà còn cho cả thế giới nên không có một sự quản lý hữu hiệu". Vấn đề gay go nhất là Bắc Kinh không thay đổi lập trường về biển Đông. Vì những lý do trên, năm nay ASEAN tìm cách liên hiệp toàn vùng Đông

Nam Á (chấp nhận cho Miến Điện tham dự cuộc họp với tư cách quan sát viên một biện pháp sửa soạn cho Miến hưởng quy chế hội viên chính thức trước năm 2000) đồng thời kéo Nga, Ấn, Trung Quốc hợp tác điều hòa an ninh trật tự địa phương. ASEAN cùng với Nga, Ấn, Trung Quốc, Mỹ, Nhật, Gia Nã Đại, Tân Tân Lan, Nam Hàn, Cộng đồng Âu Châu hợp thành diễn đàn khối Đông Nam Á" chuyên bàn đến vấn đề chiến lược địa phương.



Cảnh xử tử tội phạm tại 1 vận động trường

Trung Quốc - Theo cơ quan ngôn luận nhà nước nội trong ngày 18.6, trên toàn quốc có tất cả ít nhất 109 bị xử bắn, riêng tại Quảng Đông có 25 người. Theo Hội Ân Xá Quốc Tế, trong khoảng thời gian một tháng rưỡi kể từ khi chính quyền đẩy mạnh chiến dịch "đánh mạnh" (4.96). Có tất cả là 650 người bị xử tử. Biện pháp này càng ngày càng nổi rộng đến những tội trạng không quan trọng lắm như mãi dâm, trộm trâu bò. Những vụ án này cung cấp tin tức chính xác về tình trạng xã hội Trung Quốc hiện nay có liên quan đến khẩu hiệu: "tất cả hãy làm giàu bằng mọi cách. Cũng có thể nghĩ rằng chiến dịch đánh mạnh đập tan được tung ra nhằm nguy trang che đậy những tai tiếng kinh tài của mấy ông lớn.

- Hưởng ứng chiến dịch "rửa sạch ảnh hưởng thuộc địa" trong nghệ thuật thủ bầy và trên



Thành phố Thượng Hải trong tương lai Trung Quốc sẽ có thêm 250 thành phố, mỗi thành phố chứa 20 triệu dân

lãnh vực quảng cáo, Bộ Ngoại Giao thông báo kể từ 2.7, Bộ không dùng tiếng Anh trong các buổi họp báo.

- Ít nhất 1.000 người chết, 1.500 người mất tích trong cơn bão lụt xảy ra từ cuối tháng

6.96. Bảng số kết còn cho biết (11.7): 750.000 dân bị cô lập giữa nước lũ, ở miền Đông và Nam Trung Quốc 20 triệu dân chịu ảnh hưởng trực tiếp cơn lũ lụt, 211.000 nhà bị phá hủy, hơn 1,6 triệu mẫu hoa màu bị nước cuốn mất. Thiệt hại vật chất 1,2 tỷ Mỹ kim.

- **Tổng He Ping**, con rể Đặng Tiểu Bình, mất chức giám đốc văn phòng đặc trách cung cấp quân nhu quân cụ cho quân đội (18.7) và bắt buộc phải từ chức giám đốc công ty quốc doanh Poly. Công ty này có dính líu đến vụ bán vũ khí cho Mafia Mỹ. He Ping là một biểu tượng nhóm "Ông Hoàng nhỏ" dựa hơi cha ông làm giàu phi pháp. Vụ này còn chứng tỏ phe cánh Đặng Tiểu Bình đang mất dần ảnh hưởng.

- 10.7, gạt bỏ Công ty Hàng không Boeing Mỹ, Trung Quốc ký giao kèo với 3 Công ty Aerospatiale (Pháp), Aerospace (Anh), Alenia (Ý), hợp tác sản xuất phi cơ 100 chỗ ngồi. Dự đoán thị trường hàng không (phi cơ 100 chỗ) từ 1994 đến năm 2014: Bắc Mỹ 293 tỷ Mỹ kim (29%), Nam Mỹ 41 tỷ (4%), Âu Châu 219 tỷ (21%), Cận Đông - Phi Châu 61 tỷ (6%), Á Châu 409 tỷ (40%).

Bắc Hàn -7.6. Mỹ viện trợ vô điều kiện 6 triệu Mỹ kim cho Bắc Hàn đang bị nạn đói đe dọa trầm trọng. Đài truyền hình quốc gia chiếu đi chiếu lại phim Video hướng dẫn dân chúng nên dùng loại thảo mộc nào thay thế cơm gạo.

Nam Hàn - 5.8. Công tố viện buộc tội tử hình và chung thân đối với 2 cựu Tổng Thống Chun Doo Hwan và Roh Tae Woo về tội trạng tổ chức đảo chánh vào năm 1980.

Mông Cổ - Lần đầu tiên tại Á Châu, một chế độ cộng sản mất quyền trong cuộc bầu cử tự do (30.6) Đảng Cách Mạng Nhân Dân Mông Cổ nắm quyền liên tục từ 70 năm nay thua cử, chỉ đạt 23 ghế trên tổng số 76 ghế Quốc Hội. Đảng Liên Minh Dân Chủ (Tự Do) chiếm 48 ghế. Như thế Mông Cổ là một quốc gia Á Châu đầu tiên từ bỏ hệ thống cộng sản. Tuy không có ảnh hưởng chi mảy ở địa phương, những sự dân chủ hóa này có một tác dụng tâm lý rất lớn đối với các chế độ cộng sản cuối cùng.

Nhật - 24.7. Thủ Tướng Nhật quyết định thành lập ủy ban liên bộ có nhiệm vụ tìm biện pháp ngăn chặn dịch tả vi khuẩn Colibacille O-157 khởi phát từ 29.5.96. Đến nay có tất cả 7 người chết, 8.945 người nhiễm độc. Vi khuẩn nằm trong gan các thú vật. Ăn thịt sống, món ăn được dân Nhật ưa thích là nguyên nhân chính của dịch bệnh.

• **CẬN ĐÔNG**

Irak - 6.6. Liên Hiệp Quốc kêu gọi quốc tế viện trợ khẩn cấp 80 triệu Mỹ kim cho Irak để Irak trang trải nhu cầu thực phẩm, thuốc men

tối thiểu, trong lúc chờ đợi Irak bán dầu thô theo quyết định của Hội đồng Bảo an.

Do Thái - Thủ Tướng Benyamin Natanyahou trình diện hội đồng chính phủ trước Quốc Hội ngày 18.6 gồm 6 nhà tu hành, 2 người thuộc đảng "dân Nga hồi hướng", 9 nhà quốc gia cực đoan. Chính phủ này mệnh danh là chính phủ 3 không: không chấp nhận Palestine là một quốc gia, không từ bỏ chiến dịch lấn đất ở lãnh thổ Palestine, không chia đôi thành phố Jerusalem.

Âi Cập - Do đó ngày 22.6, 14 nguyên thủ quốc gia Ả Rập họp tại Le Caire nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình trên nguyên tắc "trao đất đổi lấy hòa bình" theo tinh thần hội nghị Madrid (31.10.91). Hội nghị đồng ý thành lập cơ chế theo dõi tình hình hầu có những phản ứng kịp thời trước dự mưu của Do Thái.

Arabie Seoudite - 25.6. Xe bồn chứa đầy chất nổ nổ tung trước Tổng hành dinh quân đội Mỹ tại Khobar gần Dahrán làm 9 quân nhân Mỹ chết, 386 bị thương. Chất nổ gây nên một hố lớn 14 mét đường kính, 10 mét



chiều sâu. Mỹ cấp tốc gọi 40 nhân viên FBI đến điều tra, nghi ngờ Iran chủ mưu việc này.

• **PHI CHÂU**

Algerie - 1.8. Lực lượng vũ trang Hồi Giáo (GIA) dùng bom mìn sát Pierre Claverie, Tổng Giám Mục địa phận Oran, đập tan một biểu tượng tương lai Algerie. Đức Giám Mục là người chủ trương hòa giải tôn giáo, vừa phản đối chế độ độc đảng, vừa phủ nhận chính sách ngu dân bế môn của nhóm Hồi Giáo.

Somalie - Lãnh chúa Mohamed Farah Aidid, người có trách nhiệm cao nhất trong nội chiến, chết ngày 1.8 vì thương tích chiến trận. Con là Hussein Aidid lên thay, tạm thời nắm quyền. Ông này là cựu Thủy quân Lục chiến Mỹ từng tham dự các hoạt động quân sự ở Somalie, sau bị triệu hồi về căn cứ ở Los Angeles sau khi Mỹ đặt Aidid ra ngoài vòng pháp luật.

• **ÂU CHÂU**

Pháp - Jean Claude Ramond ra tòa đại hình ngày 25.6 về tội giết cha mẹ vợ, vợ và 2 con (9.1.93). Vụ giết người này quá rõ ràng, nhưng làm sao hiểu được vì sao một con người bề ngoài quá bình thường lại có thể phạm tội quá lạnh lùng. Trong khoảng thời



Tội phạm Jean Claude Ramond

gian 20 năm, Ramond thành công gạt gia đình vợ con nhất là vợ, được sĩ. Tội phạm tự nhận là bác sĩ, nhân viên Tổ chức Y tế Thế giới và Viện Nghiên cứu Y khoa quốc gia. Ramond còn gạt cả cha mẹ vợ đoạt một số tiền 2 triệu quan. Vụ này làm cho kẻ sát nhân lộ tẩy. Qua hình ảnh, người ta cố gắng phát hiện một cử chỉ, một thái độ, một dấu hiệu của một con ác quỷ. Vô ích, người ta chỉ nhìn thấy được qua cặp mắt kẻ sát nhân một ánh phản chiếu của huyền bí con người.

- 30.7. Tổng Trưởng Ngoại Giao, Nội Vụ 7 nước kỹ nghệ tiên tiến và Tổng Trưởng Ngoại Giao, Nội Vụ Nga nhóm họp tại Paris thông qua 25 nghị quyết nhằm cải tiến sự hợp tác quốc tế, tăng cường khả năng chống khủng bố. Một số biện pháp được lưu ý:

- Điều hòa thủ tục kiểm soát phi trường, bố trí lực lượng an ninh kiểm soát giao thông công cộng.
- Đánh dấu tính chất hóa học, mọi chất nổ lưu hành trên thị trường để dễ truy ra tung tích người mua
- Ngăn ngừa lạm dụng quyền tự nạn
- Canh chừng các Hội đoàn, Tổ chức văn hóa xã hội
- Theo dõi nguồn tài trợ
- Kiểm soát chặt chẽ hệ thống thông tin INTERNET.

Hòa Lan - 15 chuyên viên, quân nhân, một số nhà điều tra, các nạn nhân sống sót lần lượt ra trước Tòa Đại Hình Quốc Tế La Haye làm nhân chứng buộc tội hai nhà lãnh đạo Serbe ở Bosnia là Rodowan Karadzic và Ratko Mladic vì tội ác chống nhân loại. Dĩ nhiên 2 kẻ này không hề hối hận, địa vị và số

phận của họ tùy thuộc vào các lý do chính trị không ăn nhằm gì đến công lý. Chủ đích của Tòa án là huy động dư luận quốc tế, nhấn nhủ cho thế giới biết những tội ác này là một sự thật, đồng thời buộc các nhà lãnh đạo của Liên Bang Nam Tư phải chịu trách nhiệm trước lịch sử nhân loại.

- Nhóm nghiên cứu Hòa Lan vừa công bố kết quả công trình trên tạp chí Y Học Gastro Enterology như sau: Từ lâu người ta biết đến vai trò của trái cây và rau thuộc nhóm huệ tây như hành, tỏi tây, tỏi, hành tím, hành búi trong vấn đề phòng ngừa bệnh ung thư bao tử. Sau khi theo dõi 120.000 người trên lãnh vực thói quen đời sống và cho một phân nhóm 31.223 người dùng hành, tỏi, các chuyên viên rút ra kết luận là mỗi ngày ăn nửa củ hành làm cho bệnh ung thư bao tử giảm 50%. Ngoài ra các nhà khoa học còn đặc biệt chú ý đến đặc tính kháng sinh của củ hành đối với vi khuẩn Helicobacter Pylori, nguyên nhân bệnh loét môn vị (thông thường gọi là cuốn bao tử), bệnh này có liên quan đến ung thư bao tử.

• MỸ CHÂU

Mỹ - Năm 1961, CIA tuyển mộ một nhóm quân nhân Nam Việt Nam huấn luyện họ trở thành gián điệp đột nhập miền Bắc, phá rối hậu cứ địch. Chính phủ Mỹ hứa hẹn là nếu bị bắt, chính phủ sẽ chuyển trọn tiền lương mỗi tháng cho vợ còn. Nhưng Mỹ không giữ vẹn lời hứa. Do đó ngày 11.6 hai trăm người sống sót trình kiến nghị yêu cầu chính phủ giải quyết số tiền lương còn thiếu, bổ đồng 2.000 Mỹ kim mỗi năm, như thế trong suốt thời gian họ bị giam giữ, tổng cộng 11 triệu. Ngày 19.6, Thượng Viện Mỹ biểu quyết dự luật cấp 20 triệu cho 200 quân nhân nêu trên.

- 10.7. Áp dụng luật Helms-Burton trừng phạt kinh tế Cuba, Bộ Ngoại Giao thông báo cho biết một số nhà lãnh đạo Công ty Toronto Sherritt International Gia Nã Đại từ nay không được phép cư trú tại Mỹ. Công ty này đang khai thác mỏ Nickel và dầu từ du lịch tại Cuba. Cộng đồng Âu Châu, Gia Nã Đại phản đối, dọa sẽ thi hành biện pháp trả đũa Mỹ. Sau cùng Tổng Thống Clinton tạm thời gia hạn áp dụng điều khoản khắt khe nhất: cho phép công dân Mỹ kiện ra Tòa án Mỹ những cá nhân hoặc công ty nào sử dụng tài sản của họ bị chính quyền Cuba tịch thu vào năm 1960.

- 18.7. Phi cơ Boeing 747 Công ty TWA nổ trên không vùng Long Island cách Nữu Ước 110 Km - 212 hành khách, 17 nhân viên phi hành, đều tử nạn. Theo tin tuần báo TIMES (5.8) CIA đang hưởng cuộc điều tra đến Iran. Cùng ngày 5.8, Tổng Thống Mỹ ký lệnh ban hành đạo luật D'AMATO trừng phạt Iran, Lybie. Luật cho phép Mỹ trừng phạt những

công ty khai thác dầu hỏa nào đầu tư mỗi năm trên 40 triệu Mỹ kim. Một lần nữa Cộng đồng Âu Châu phản đối dữ dội. Chiến tranh thường mại này sẽ để lại dấu vết trong mối bang giao Âu Châu - Mỹ. Mỹ chỉ trích điều gọi là "hợp tác xây dựng" do Âu Châu chủ xướng, Âu Châu thắc mắc tại sao Mỹ không trừng phạt Trung Quốc. Người ta nghĩ cũng như lần trước, Tổng Thống Mỹ sẽ dùng quyền phủ quyết, gia hạn sự áp dụng trong vòng 90 ngày, như thế qua thời gian bầu cử Tổng Thống.

- 21.7. Bom thủ công nổ tại Công Viên Kỳ Niệm 100 năm Thế Vận Hội tại Atlanta làm 2 người chết, 112 bị thương. Được biết tại làng Thế Vận Hội 35.000 nhân viên an ninh, trong số có 15.000 quân nhân, 3.000 nhân viên FBI canh chừng cẩn mật 24 trên 24 giờ. Đây là vụ khủng bố nội bộ do nhóm dân quân cực hữu Mỹ chủ mưu.

- 31.7. Tổng Thống Clinton loan báo sẽ ký nghị định cải tổ bảo trợ xã hội, như thế tiết kiệm 55 tỷ Mỹ kim trong vòng 6 năm sắp đến. Điều này thay đổi hoàn toàn hệ thống đoàn kết xã hội do Tổng Thống Franklin Roosevelt kiến tạo trước đây 61 năm. Biện pháp cải tổ: mọi công dân đang hưởng trợ cấp xã hội phải tìm việc làm trong thời gian 2 năm, không có người nào hưởng trợ cấp quá 5 năm trong suốt thời gian tuổi lao động, phân nửa những bà mẹ độc thân đều phải tìm việc làm trước năm 2002. Những kẻ có án, mua bán vũ khí, ma túy không có quyền hưởng trợ cấp. Mặt khác, Tổng Thống sẽ dùng quyền phủ quyết chống lại 2 điều khoản: ngưng phụ cấp cho những di dân chưa nhập tịch Mỹ, giảm thiểu 23 tỷ Mỹ kim trong vòng 6 năm trên ngân sách cung cấp phiếu thực phẩm cho những gia đình nghèo đói. Các viện nghiên cứu ước lượng khoảng 2,6 triệu người sẽ lâm vào cảnh bần cùng, trong số có 1,1 triệu trẻ con.

Canada - Hội nghị Quốc tế lần thứ 11 về bệnh SIDA tại Vancouver (6-12/7) đưa ra bảng tổng kết như sau: Từ đầu thập niên 80 đến tháng 6.96, có 27,9 triệu người nhiễm bệnh, mỗi ngày có thêm 8.500 người. Phi Châu và Á Châu trả giá đắt hơn cả: 90% người đang sống chung với siêu vi hoặc với bệnh SIDA đều ở các nước kém và đang mở mang. Tại Phi Châu hơn 13 triệu người (5% dân số) từ 18 đến 49 tuổi nhiễm bệnh.. Tại Á Châu: Ấn Độ có 3 triệu người nhiễm bệnh tỷ lệ cao nhất. Thời gian từ nhiễm bệnh đến mắc bệnh là 12 năm, từ lúc bệnh đến lúc chết: 3 năm.

• LIÊN HIỆP QUỐC

- 12.6. Tổ chức Lao động Thế giới họp tại Genève công bố bảng tổng kết hết sức bi quan. Trên thế giới có tất cả 200 triệu trẻ con

dưới 14 tuổi lao động nặng: 30% ở Bangladesh, Senegal; 40% ở Kenya, Niger, Uganda; 50% ở Burkina, Mali. Lao động trẻ con đang phát triển mạnh ở Nam Mỹ, Á Châu, Thổ Nhĩ Kỳ. Điều kiện lao động hết sức khắt khe: 6 trên 7 ngày, công việc nặng nhọc nguy hiểm như lựa rác ở Phi Luật Tân, Việt Nam; lao động dưới hầm mỏ ở Nam Mỹ; làm diêm quẹt ở Ấn, Pakistan.

- 3-14.6 - Mỗi tuần có một triệu dân di chuyển về các thành phố lớn. Dự đoán vào năm 2015, 60% nhân loại là dân thành thị. Đây là vấn đề phức tạp mà 9.000 đại biểu của 185 quốc gia nhóm họp tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, để tìm biện pháp giải quyết. Hội nghị kết luận thành phố là nơi tập trung tiến bộ khoa học kỹ thuật, canh tân văn minh văn hóa, phát triển kinh tế (Thái Lan với 10% dân số toàn quốc có sản lượng chiếm 80% sản lượng quốc gia, sản lượng của Hán Thành bằng sản lượng của toàn nước Thổ Nhĩ Kỳ), đồng thời là nơi có nhiều tai hại nhất như tệ đoan xã hội, bất công, bất bình đẳng. Hội nghị đề ra biện pháp giải quyết: làm thế nào cho mỗi người dân thành thị có một chỗ ở, như thế phải giảm quyền về địa phương, tạo nên một sức hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền trung ương và cá nhân, đoàn thể, tư nhân.

- Tổ chức mở mang phát triển thuộc Liên Hiệp Quốc nhận xét tình hình phát triển thế giới như sau (17.7): Sản lượng quốc gia ở các nước kỹ nghệ (20% dân số thế giới) chiếm 18.000 tỷ Mỹ kim trên tổng số 23.000 tỷ, 5.000 tỷ còn lại cho các nước kém mở mang (80% dân số thế giới).

- Trong vòng 30 năm nay dân giàu giàu thêm từ 70 đến 85% tài sản của 358 tỷ phú, giàu nhất thế giới cao hơn lợi tức của 45% dân số thế giới là 26 tỷ. Tổ chức nêu lên 5 mô thức phát triển xấu nhất:

1. Phát triển mà không tạo việc làm ở các nước kỹ nghệ.
2. Cũng như tạo việc làm mà không có phát triển: lợi tức giảm, lao động gấp đôi mỗi dù sống.
3. Phát triển không đồng đều: phân chia lợi tức thiếu công bằng, giàu càng giàu thêm, nghèo càng nghèo thêm.
4. Phát triển nhưng mất bản sắc văn hóa dân tộc.
5. Phát triển không có tương lai: tàn phá tài nguyên thiên nhiên.



THÔNG CÁO BÁO CHÍ

ngày 24.5.1996

- HT. Thích Quảng Độ và Ô. Hoàng Minh Chính đoạt giải Nhân quyền Hellman / Hammett dành cho những Văn thi sĩ bị khủng bố trong thế giới
- Tin trong nước cho biết HT Quảng Độ vừa từ Ba Sao chuyển về trại B.14 gần Hà Nội.

* Cơ quan trao giải Nhân quyền Hellman / Hammett dành cho những văn thi sĩ bị khủng bố trong thế giới vừa loan báo cho Phòng Thông tin Phật giáo Quốc Tế được biết Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã được chọn trao giải năm nay: 1996. Hòa Thượng là Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), tác giả cuốn sách mới nhất mang tựa đề "Nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với Dân Tộc và Phật Giáo - Hành trình lưu đày và Thờ Tù", do nhà xuất bản Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế và Quê Mẹ phát hành đầu năm 1995.

Hòa Thượng Thích Quảng Độ bị bắt đưa về quản thúc ở xã Vũ Đoài tỉnh Thái Bình năm 1982. Năm 1992 HT tự ý về Sài Gòn. Bị bắt lại vào ngày 4.1.1995, đưa ra tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh xử 5 năm tù hãm 15.8.95. Vì tội HT viết bức thư gửi ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười ngày 19.8.1994 kèm theo bản "Nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng Cộng Sản đối với Dân tộc và Phật giáo", và vì đã tổ chức Đoàn Cứu Trợ nạn nhân lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long đầu tháng 11.94. Trường hợp ông Hoàng Minh Chính bị bắt ngày 14.6.95 và xử 12 tháng tù ngày 8.11.95 vì tội kêu gọi dân chủ hóa chế độ và đòi phục hồi hiến pháp cho những người bị oan trong "Vụ án xét lại chống Đảng".

Giải thưởng này do hai nhà văn thành lập tại Hoa Kỳ và hoạt động sáu năm qua. Đó là Nhà văn nữ Lillian Hellman và Nhà văn Dashiell Hammett. Cả hai bị khủng bố vì lý do chính trị và tín ngưỡng dưới thời Thượng Nghị Sĩ McCarthy mở chiến dịch chống Cộng hung bạo tại Hoa Kỳ những năm 1950. Họ đã bị các Ủy ban ở Hạ viện Quốc hội Hoa Kỳ thẩm vấn, gây khó. Nhờ tài hoàn cảnh đau thương bị đàn áp, khủng bố tinh thần, hai vị đem hết tài sản ra lập giải thưởng.

Bất cứ văn sĩ nào trong thế giới bị đàn áp vì tự do ngôn luận, tự do sáng tác, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, bị đày ải, khủng bố, dưới bất cứ hình thức nào, đều được cơ quan trao giải theo dõi, nghiên cứu, kiểm chứng để tuyên dương.

Năm ngoái 3 người Việt Nam nhận được giải này là các ông Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Thuận và thi sĩ Mai Trung Tĩnh, cùng với các văn thi sĩ ở các nước Trung Quốc, Iran, Turkey và Hoa Kỳ.

Năm nay giải được trao cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ và ông Hoàng Minh Chính.

* Trong khi ấy tin từ trong nước cho biết đầu tháng 5 vừa qua, HT Thích Quảng Độ đã bị

đưa từ trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, về trại B.14 gần Hà Nội. Lý do nhà nước còn giữ kín.

Tuy nhiên, ai cũng biết trại B.14 nổi tiếng ác ôn. Đại Đức Thích Hải Tạng đã bị chuyển về trại này từ tháng 8 năm ngoái. Trước kia gọi là trại Thanh Liệt, nằm kề xã Thanh Xuân Bắc, cách Hà Nội khoảng 10 cây số về phía Tây, hướng đi Hà Đông. Vào những năm 60, trại này thuộc Bộ Nội Vụ của Trần Quốc Hoàn, còn gọi là "Khu Xà-Lim", là trại ác nhất dành cho tù nhân chính trị. Xà-lim chật hẹp chỉ đủ cho một người cựa quậy, không có cửa sổ. Bốn bên đều thấp đèn sáng để tù nhân không thể ngủ được. Hoặc có khi tắt hết, tối như âm ty.

Làm tại Paris, ngày 24.5.1996
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

ngày 15.6.1996

- Do áp lực của Ủy ban Nhân quyền LHQ, Đại Đức Thích Hải Tạng đã được ngưng biệt giam ở trại B.14 đưa về điều trị tại nhà tù tỉnh Đông Hà.
- Văn Bút Pháp tuyên dương 4 nhà văn và học giả Việt Nam làm hội viên danh dự: HT Thích Quảng Độ, TT Thích Tuệ Sỹ, TT Thích Trí Siêu và ông Hà Sĩ Phu.

* Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam tố lỗi hoan nghênh sự nhượng bộ thức thời của nhà cầm quyền Hà Nội trong việc ngưng biệt giam và ngược đãi Đại Đức Thích Hải Tạng trong hầm kín ở trại B.14 (tức trại Thanh Liệt, cách Hà Nội 10 cây số về phía Tây) và chuyển Đại Đức về điều trị bệnh loét bao tử cấp tính ở nhà tù Đông Hà (cách phía Nam Hà Nội 622 cây số, và 66 cây số ở phía Bắc thành phố Huế).

Đại Đức Thích Hải Tạng bị bắt ngày 4.6.93, sau cuộc biểu tình của 40.000 Phật tử tại Huế hôm 24.5.93. Tòa án Nhân dân Huế đưa ra xử kín ngày 15.11.93 kết án Đại Đức 4 năm tù vì tội "gây rối trật tự công cộng" cùng với các Đại Đức Trí Tự, Hải Thịnh, Hải Chánh và 5 Phật tử. Tất cả 4 vị bị đày ra trại Ba Sao ở Nam Hà (miền Bắc). Vào giữa năm 1995, Đại Đức Hải Tạng bị chuyển về trại B.14. Ở đây Đại Đức bị biệt giam 9 tháng trong hầm kín. Bị công an ngược đãi, truy bức bắt Đại Đức lên tiếng xác nhận 3 điều: a) phủ nhận Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) do Hòa Thượng Huyền Quang lãnh đạo; b) tuyên bố Di Chúc của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu là "ngụy tạo"; và c) chịu nhận theo ý công an là các Tuyên cáo, tuyên bố chống nhà nước của Hòa Thượng Huyền Quang do Đại Đức Thích Hải Tạng bị loét bao tử cấp tính, có nguy cơ đến tính mạng, công an dự trữ âm hại khi đưa đi giải phẫu. Nhưng một cảm tình viên của GHPGVNTN làm việc tại Bộ Nội Vụ đã báo động tin này.

Liền khi hay tin, Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam đã huy động Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc và yêu cầu có "Hành động khẩn" cứu nguy Đại Đức. Tại khóa họp lần thứ 52 của Ủy ban Nhân quyền LHQ tại

Geneve đầu tháng tư vừa qua, ông Võ Văn Ái lại lên tiếng về trường hợp của Đại Đức Hải Tạng. Nên LHQ đã gửi văn thư can thiệp đến nhà cầm quyền Hà Nội.

Mặt khác ở trong nước, ông Nguyễn Đình Ký, thân phụ của Đại Đức Hải Tạng đã viết Đón Kêu Cứu giữ Nhà nước Cộng Sản, yêu cầu: 1) Thôi ngay tình trạng biệt giam ĐĐ Hải Tạng; 2) Trong lúc bệnh nặng và nguy kịch như thế, xin để cho ĐĐ Hải Tạng tại ngoại trong thời gian được chữa bệnh; và 3) Trường hợp phải mổ, phải có sự chấp thuận của thân nhân (thân nhân ở đây, ít nhất phải có chúng tôi là cha mẹ hoặc anh em ruột, và quý Thầy tại chùa Linh Mục, chùa Long An, nơi Đại Đức đã tu học trước đây). Ông Ký kết thúc Đón Kêu Cứu bằng thái độ quyết liệt: "Tôi tha thiết đề đạt 3 yêu cầu trên và xin phát nguyện rằng trong vòng 2 tháng nếu các yêu cầu không được giải quyết, chúng tôi sẽ đồng hy sinh thân mạng này chết đi để được theo gia hộ con tôi".

Sau khi Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế loan tài tin trên cho đủ luận và báo chí quốc tế, và Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam báo động Ủy ban Nhân quyền LHQ, công an "làm việc" 15 lần. Nhưng lần đầu công an thịnh nộ, hăm dọa, sau quay ra vuốt ve và khuyến nhủ. Nhưng ông Ký vẫn giữ vững lập trường.

Nhờ áp lực can thiệp của Ủy ban Nhân quyền LHQ và sự quyết liệt đấu tranh của gia đình Đại Đức Thích Hải Tạng, nhà cầm quyền Hà Nội đã phải nhượng bộ. Theo tin chúng tôi mới nhận được từ Việt Nam, thì tình trạng biệt giam trong hầm kín tại trại B.14 gần Hà Nội đã chấm dứt. ĐĐ Hải Tạng vừa được đưa về nhà tù tỉnh Đông Hà. Tại đây Đại Đức đang được điều trị bệnh loét bao tử.

* Văn Bút Quốc Tế, Phân Hội Pháp, vừa vinh danh 4 nhà văn và học giả Việt Nam làm Hội viên Danh dự. Chúng tôi xin dịch nguyên văn dưới đây bản Thông Cáo Báo Chí của Văn Bút Pháp gửi đi từ Paris hôm 12.6 vừa qua:

"Văn Bút Pháp

"Paris, ngày 12.6.1996

"Trong phiên họp ngày 4.5.1996, Ủy Ban Văn Bút Pháp đã đặc cách gia nạp như Hội viên Danh dự các nhà văn Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Minh Thát), và Hà Sĩ Phu. Các nhà văn này bị bắt vì tác phẩm của họ. Hai trong số bốn nhà văn bị giam giữ từ năm 1984 và bị lên án tử hình năm 1988. Án này được giảm xuống 20 năm khổ sai nhờ cuộc vận động quốc tế (đòi hủy án) của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam.

"Văn Bút Pháp nhận định có bốn phận kết liên với Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, là tổ chức thường xuyên lên tiếng bảo vệ quyền tự do tư tưởng và quyền tự do ngôn luận, than ôi các quyền thường xuyên bị phi báng tại Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hiện là một trong những quốc gia đàn áp nhất thế giới.

"Ủy ban Văn Bút Pháp hy vọng rằng báo chí truyền thông sẽ giúp loan rộng rãi tin này như một cách gây sức ép lên chính phủ Việt Nam"

Làm tại Paris, ngày 15.6.1996
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

• Hoạt động của Hội Người Việt TNCS tại Nürnberg và Mittelfranken

Ngày 11.5.96, tại trường học Bertolt Berecht Gesamtschule in Nürnberg, tổ chức 20 năm thành lập trường có treo cờ Cộng sản Việt Nam chung với các cờ của các nước có học sinh học ở trường. Đại diện Hội Người Việt TNCS tại Nürnberg - Mittelfranken, báo Bản tin Nhân Quyền gồm có anh Bùi Văn Tân, Nguyễn Công Soan, Nguyễn Viết Bình, Nguyễn Minh Châu đến gặp Ban Tổ Chức nhà trường, đề nghị với ban tổ chức nhà trường, hạ cờ của CSVN xuống. Trong thời gian tiếp xúc và trình bày với ban tổ chức nhà trường, đã hiểu và đồng ý với đề nghị của chúng tôi, đã hạ cờ CSVN xuống, chúng tôi giải thích cho tất cả các phụ huynh học sinh có mặt ở đó biết, về lá cờ CSVN tại sao phải hạ xuống. Vì lá cờ đó đã không mang lại cho đất nước quê hương Việt Nam và đời sống nhân dân Việt Nam hạnh phúc và ấm no, không những thế dưới lá cờ đó người dân Việt Nam phải chịu bao nhiêu cảnh khổ nhục và ly tán rời bỏ quê hương ra đi. Chính vì lẽ đó, mà những người Việt Nam yêu chuộng Tự Do chúng tôi không muốn lá cờ đó treo bất cứ nơi nào.

• "Nhiều điều phù lấy giá gương, người trong một nước phải thường nhau cùng"

Ngày 27.4.1996, tại St. Paulus Gemeinde - STUHR một số Anh Chị Em yêu thích văn nghệ tại Bremen và Cuxhaven đã tự nguyện tổ chức Đêm Dạ Vũ, Karoke và Disco để gây quỹ giúp Trại Cùi tại Việt Nam. Số tiền thu được là 3.040 Đức Mã. Đặc biệt là Cha sở Schomacker của Giáo xứ St. Paulus (STUHR) đứng ra bảo trợ cho Đêm Dạ Vũ, nhân dịp này Cha sở có lời cảm ơn tất cả những người đến tham dự đã đóng góp được số tịnh tài nêu trên để cứu giúp những người thiếu may mắn tại Việt Nam. (Khải Tuấn - ghi.)

• Festa dei Popoli: "Lễ Cộng Đồng Các Dân Tộc"

Nhằm thắt chặt tinh Đoàn Kết - Luôn luôn gần gũi bên nhau, cũng như hàng năm, năm nay, Ngày Lễ Cộng Đồng Các Dân Tộc (Festa Dei Popoli) được tổ chức long trọng tại Villa Burri. Thành phố Verona, Italia, vào lúc 15 giờ ngày 26.5.1996 với sự hiện diện của 15 Cộng Đồng Dân Tộc và trên 3000 quan khách Ý Đại Lợi, đặc biệt với sự có mặt thật sớm của Đức Hồng Y Nicora, Tổng Giám Mục Giáo phận Verona.

Thay mặt Ban Tổ Chức, Linh Mục Don Danzi, Don Verze (Giám đốc Cơ quan Truyền giáo Verona) ngỏ lời chào mừng các Cộng Đồng và quan khách. Tiếp theo là lễ tiếp rước Quốc Kỳ và Phái đoàn Đại Diện. Lá Đại Kỳ nền vàng ba sọc đỏ hiện ngang cùng phái đoàn Việt Nam gồm quý vị: Ông Trần Thanh Các (Bí thư Xứ bộ Ý, tổ chức, Lục Lững Việt Nam Tự Do), Ông Quách Văn Hà

(Chủ tịch Khu bộ Ý, tổ chức, Liên Minh Dân Chủ Việt Nam), Cô Trần Thụy Tường Vy, các bà Trần Kim Anh, Lâm Thoại Liên, Ngô

Buổi lễ đã được các đài truyền hình Arena, Pace tường thuật, phát hình vào các ngày hôm sau lúc 19g30. Thêm một lần nữa Đại



Phái đoàn đại diện cộng đồng VN tại Ý (từ trái Ô. Quách Văn Hà, Cô Tường Vy - Ô. Trần Thanh Các)

Thị Lan, các ông Nguyễn Hoàng Sơn, Trần Thanh Bình, Nguyễn Hữu Nhan, Lâm Khoan, Vũ Bích Phượng, đồng tiến đến khán đài danh dự cùng các Cộng Đồng bạn: Bangladesh, Ruanda, Zaire, India, Marocco, Tunisia, Costa d'Avorio, Brasilia, Jugoslavia, Romania, Bosnia, Olanda, Togo, Thailan, Grece, Peru.

Điểm đặc biệt ghi nhận: Khi di chuyển đến gần khán đài danh dự, Phái đoàn Đại Diện Cộng Đồng Việt Nam đã dừng lại để làm Lễ Chào Quốc Kỳ, thật nghiêm trang, long trọng và cùng hô to 3 lần "Liberta Per Vietnam" (Tự Do cho Việt Nam) sau đó quay lại làm lễ chào các quan khách, những tràng pháo tay dòn dã liên tục của trên 3000 quan khách đến tham dự, như một biểu tượng khích lệ và ủng hộ những quyết tâm tranh đấu, đòi lại quyền Tự Do Dân Chủ của Dân Tộc Việt Nam.

Trong phần gặp gỡ các đài truyền hình Tele Pace, Tele Arena và tuần báo Life Pro với ký giả Roberto Di Giovine, các Ông Trần Thanh Các, Quách Văn Hà, Nguyễn Hoàng Sơn đã nêu lên sự sống vô cùng khổ cực của người dân dưới sự thống trị bạo tàn của chế độ cộng sản Việt Nam, sự đàn áp khủng bố vẫn còn tiếp diễn, giam giữ các vị Lãnh đạo Tôn Giáo: Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế và gần đây là giam cầm Đại Đức Thích Hải Tạng v.v... Các vị đại diện cũng yêu cầu giới truyền thông, báo chí hãy vì công bằng của công lý - Tự Do Dân Chủ, hỗ trợ cho công cuộc tranh đấu đòi lại quyền sống, quyền làm người của Dân Tộc Việt Nam.

Sau cùng, để góp phần văn nghệ cho buổi lễ thêm vui tươi, với sự đảm trách của anh Thanh Bình - Văn Trọng trong các nhạc phẩm Quê Hương, đã được sự tán thưởng nồng nhiệt của những người tham dự.

Buổi lễ được kết thúc vào lúc 20 giờ cùng ngày trong không khí thật vui tươi và hạnh phúc.

Kỳ Quốc Gia Tự Do được trình chiếu đến người dân Ý, trên các đài truyền hình thành phố. Quả là một niềm hạnh diện và thắng lợi của người Việt Nam Tự Do chúng ta.

(Tường Vy)

• Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN tại Mannheim & VPC

Ngày 16.6.1996, Chi Hội Phật Tử VNTN tại Mannheim và VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1996-1998 với thành phần như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH Thiện Xuân Nguyễn Xuân Phúc - Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH Nhật Trọng Trần Văn Minh - Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH Diệu Đông Trịnh Thị Nam - Thư Ký: ĐH Thiện Phương Phan Đình Du - Thủ Quỹ: ĐH Tâm Trí Lê Chí Dũng - Nghi Lễ: ĐH Thiện Tâm Nguyễn Hiệp - Tướng Tế & Xã Hội: ĐH Quảng Trang Phan Thị Tuyết Nhung, ĐH Diệu Mai Nhật Đào Ưông Thị Hồng Diễm - Thanh Thiếu Niên: ĐH Diệu Đông Trịnh Thị Nam, ĐH Hoa Phước Nguyễn Thị Thu Hà. Ban Cố Vấn: Các ĐH. Ngô Văn Thấu - Minh Trí Nguyễn Duy Uy - Nguyễn Văn Neang - Nguyễn Thế Vinh - Huỳnh Văn Khả.

Địa chỉ liên lạc:

Herr. Nguyễn Xuân Phúc - Waldparkstr.5
68163 Mannheim - Tel. 0621 - 8280384

Nhân dịp này, Hội Phật Tử VNTN tại Đức xin chào mừng tân Ban Chấp Hành và cầu chúc quý Đạo Hữu sẽ gặt hái được nhiều thành quả trong công việc Phật sự.

- Tin cưỡng bách hồi hương ở Thái lan, trại Sikhiew.
- Đồng bào trong trại tỵ nạn bị cảnh sát đánh chết và đem xác đi luôn!

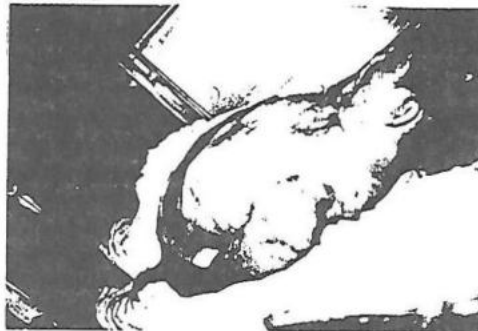
Một thảm cảnh hãi hùng đã xảy ra trước mắt đồng bào Việt Nam tỵ nạn ở trại Thái Lan trong đợt cưỡng bách hồi hương lần đầu tiên vào ngày 29.6.1996 như sau:

Trước đó vài ngày đồng bào nghe được một số tin đồn sẽ xảy ra một vụ cưỡng bức hồi hướng ở trại Sikhiew, Thái Lan, đồng bào rất lo sợ, mãi đến chiều ngày 28.6.1996 người ta thấy cảnh sát Thái Lan đến khoảng chừng 5.000 người đang vây quanh trại, anh em cứu quân nhân đã trấn an đồng bào bình tĩnh và tránh mọi bạo động, đồng bào đã ngồi quây quần lại với nhau và đọc kinh cầu nguyện.

Vào lúc 4 giờ sáng ngày 29.6.1996 cảnh sát đã cắt rào xông vào trại đứng vây quanh một nhóm đồng bào đang ngồi đọc kinh cầu nguyện hòa nhịp với tiếng la hét của phụ nữ và trẻ em phản đối cảnh sát vào để cưỡng bức, bỗng nhiên có một tiếng la (lệnh của cảnh sát) rất lớn của một viên chức Thái Lan, cảnh sát Thái đã bắt đầu dùng dùi cui đập xối xả vào đầu và mình đồng bào, một số bị té xiu, một số đã dùng dao đâm bụng, dao chưa kịp rút, cảnh sát đã cầm lấy hai chân kéo bừa dưới đất, mặt và bụng bị kéo lê lét trên mặt đường kể cả con dao chưa rút còn nằm trong bụng ma sát mặt đường kêu két két. Sau 90 phút đồng hồ, cảnh sát Thái đã bắt toàn bộ thanh niên, sau đó họ dùng một số người Việt làm tay sai ra nhận diện những người có tên trong danh sách cưỡng bức hồi hướng đưa đến phi trường quân sự thuộc tỉnh Korat, trong số đó không biết bao nhiêu người đã bị thương vẫn bị đưa lên máy bay, cũng có một số người bị thương trả về trại vì không có tên trong danh sách, để lại khoảng 40 - 50 người bị thương lo chữa trị. Anh chị em nhân viên người Việt ở trạm xá MSF đã hết mình săn sóc cho đồng bào, những khoảng 2 ngày sau cảnh sát lại vào trại một lần nữa và bắt số người bị thương này đưa đi, cho đến nay đồng bào vẫn không biết tin về số phận của những người này, riêng anh Nguyễn Ngọc Châu, PST 2292, người có tên trong danh sách cưỡng bức hồi hướng đã bị cảnh sát dùng dùi cui đánh vào đầu cho đến chết. Sau đó cảnh sát đã mang xác anh Châu đi mất cho đến nay cũng không thấy cảnh sát mang xác trả lại cho gia đình để làm lễ mai táng. Hiện nay đồng bào đang làm lễ truy điệu cho anh, nhưng ban quản lý trại vẫn làm ngơ che giấu cái chết của anh Châu để khỏi bị dứ luận và cộng đồng quốc tế lên án. Cao ủy Tỵ nạn LHQ đã làm ngơ trước cảnh này mặc dù lúc cưỡng bức hồi hướng bà Naddar đang có mặt tại trại.

Nay chúng tôi kêu gọi cộng đồng quốc tế, cộng đồng Việt Nam hải ngoại hãy lên án hành động dã man của cảnh sát Thái, đồng thời làm sáng tỏ cái chết của anh Nguyễn Ngọc Châu và thi thể của anh phải được trả lại cho gia đình để được mai táng. Một lần nữa chúng tôi kêu gọi đồng bào trên khắp thế giới tiếp tục đấu tranh cho thuyền nhân chấm dứt cưỡng bức hồi hướng và lên án những hành động dã man đối với người tỵ nạn Việt Nam thuộc vùng Đông Nam Á, và chúng tôi cũng kêu gọi sự giúp đỡ nhanh chóng của đồng bào, các thân hào nhân sĩ, các nhà hảo tâm, các tôn giáo, các tổ chức cộng đồng người Việt hải ngoại tình thần tranh đấu, cũng như tiền bạc để giúp đỡ cho những trường hợp kém may mắn những người bị thương, bệnh hoạn, trẻ em, phụ nữ, và những người gặp những khó khăn khác

đang ở tại trại mà rất cần đến sự cứu trợ của quý vị về mọi mặt tinh thần cũng như vật chất.



Anh Nguyễn Ngọc Châu, PST 2292, tỵ nạn trong trại Sikhiew, ngày 29.6.1996 đã bị cảnh sát đánh chết và đem xác đi mất tích

NIỀM TIN TẮT THẮNG BẠO TÀN

• Bình luận của Trần Đăng

Mọi người cùng thấy Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 8 vừa xong không có gì thay đổi nhiều về chính trị cũng như nhân sự. Làn sóng đấu tranh của người Việt Đông Âu lại càng sôi động trào dâng trên nước Đức. Mở đầu là cuộc biểu tình tuyệt thực tại Bonn ở trước cửa nhà Đại sứ quán Việt Cộng trong hai ngày 13 và 14.7.1996 đã thu hút hơn 200 người tham gia và có 55 người đăng ký tuyệt thực ngay từ lúc ban đầu, sau 2 giờ tiếp lên tới 57 người. Tiếp đó ngày 27.7.1996 trước nhà Sứ quán Việt Cộng tại Bonn lại tiếp tục có cuộc biểu tình tuyệt thực lần thứ hai. Cùng ngày này tại Erlangen miền nam nước Đức, anh em trong ban báo Cội Nguồn là một trong nhiều tờ báo của Tổ Chức Dân Chủ Việt Nam tại Đức, họ đã ra quân tổ chức quây thông tin xin chữ ký. Nhằm mục đích tố cáo tội ác của đảng cộng sản Việt Nam và kêu gọi lương tâm loài người trên thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh của người dân Việt Nam ở trong nước cũng như hải ngoại. Tất cả vì Việt Nam cần phải có Tự Do - Dân Chủ - Nhân Quyền thực sự; đòi trả tự do cho các tù nhân Tôn Giáo và tù nhân chính trị tại Việt Nam. Đồng thời đòi nhà cầm quyền Việt Nam phải xét xử công dân yêu nước là ông Nguyễn Xuân Tỵ tức Hà Sỹ Phu với tác phẩm "Chia tay ý thức hệ" và "Đốt tay nhau đi dưới những lám biển chỉ đường của trí tuệ" mà bị giam đã 8 tháng trong ngục tù...

Quây thông tin được mở ra tại trung tâm thành phố Erlangen của anh em trong báo Cội Nguồn được dựng lên với hai khẩu hiệu nền xanh chữ trắng, các tranh ảnh được phóng to và biểu ngữ cùng nhiều loại truyền đơn của Tổ chức Quốc tế Nhân quyền tại Đức đem photo ra nhiều bản. Thời gian tổ chức từ 10 giờ sáng đến 14 giờ chiều đã phân phát ra khoảng 300 tờ truyền đơn các loại cùng 20 bưu thiếp gửi về Việt Nam đòi xét xử ông Nguyễn Xuân Tỵ phải công minh đúng luật.

Mặc dù một số vụ việc "con sâu làm rầu nồi canh" của người Việt vùng Berlin đã làm ảnh

hưởng hạn chế tình cảm của người Đức với người Việt Nam. Nhưng cũng thu được 236 chữ ký ủng hộ để làm áp lực ngoại giao và hợp tác với đảng và nhà nước Việt Nam.

Rút kinh nghiệm đã làm, anh em trong ban báo Cội Nguồn lập quây thông tin di động quanh vùng và đi xa hơn nữa. Cụ thể ngày 3.8.1996, sẽ làm tại thành phố Nürnberg sau đó Ansbach... Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Nürnberg và vùng phụ cận thấy việc làm có ích vì đây là guồng sáng soi chung, nên chiều ngày 28.7.96 kịp thời họp bàn cùng nhau tổ chức thêm các cuộc biểu tình khác.

Mọi người đều biết từ nay đến ngày 2.9 và còn xa hơn nữa chắc chắn sẽ có nhiều cuộc đấu tranh cho Việt

Nam của người Việt Đông Âu sẽ tổ chức liên tiếp bằng mọi hình thức tại nước Đức.

Mọi người cũng biết đảng cộng sản Việt Nam còn ngoan cố khủ khủ ôm lấy chủ nghĩa Mác-Lênin đã lỗi thời phải sụp đổ tận gốc (Liên Xô và các nước Đông Âu). Cán cân ai thắng ai rõ rệt, cả thế giới đều nhận biết. Tội ác nhà cầm quyền Việt Nam còn tiếp tục bắt bớ giam cầm những người có chính kiến đối lập hoặc phê phán chế độ đã minh chứng: Hiện nay ai muốn tự do chính trị sẽ là tù nhân chính trị; ai đấu tranh bảo vệ Tôn Giáo sẽ là tù nhân Tôn Giáo; muốn dân chủ bị kết án "lạm dụng quyền tự do dân chủ"; muốn đa nguyên chính trị sẽ bị khép tội "âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân". Cái gọi là "thế chế chính trị ổn định" tại Việt Nam hiện nay mà đảng và chính quyền cộng sản tự hào, thực chất là kết quả của chính sách ngu dân với chuyên chính vô sản (chuyên trị dân nghèo). Là sự cai trị thông qua nỗi lo sợ hãi của người dân. Nhưng với đường lối chính trị bảo thủ lỗi thời phi dân chủ của đảng cộng sản Việt Nam, với sự "đổi mới" nửa vời như ngày nay để cứu vãn tình thế và bảo vệ quyền lợi của đảng gắn liền quyền lợi cá nhân mà không nghĩ đến quyền lợi dân tộc, quyền lợi đất nước thì đảng cộng sản đã mất niềm tin lại càng mất nhiều hơn. Nếu đảng cộng sản Việt Nam còn tiếp tục ngoan cố không chịu tiến hành cải cách đổi mới chính trị theo hướng đa đảng đa nguyên của trào lưu thế giới và sợ "diễn biến hòa bình". Nguy cơ bất ổn định dẫn đến xung đột bạo lực rất có thể xảy ra tại Việt Nam khi người dân thức tỉnh nhận rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình với Tổ Quốc. Bên cạnh đó những thuyền nhân Đông Nam Á và người Việt Đông Âu trở về cùng nhau đoàn kết hợp lại làm chất tác động cho ngòi nổ hoặc đốt lên ngọn lửa âm ý của toàn dân đã chờ đợi nhiều năm qua sẽ phá tan thành trì chủ nghĩa cộng sản đã xây dựng 66 năm tại Việt Nam.

Thật vậy, đảng cộng sản Việt Nam đã và đang làm cho đảng viên của mình và toàn dân tộc mất niềm tin. Bên cạnh đó chính sách cai trị hà khắc, cố chấp, duy ý chí của chế độ lửa mị dân làm lòng người ly tán và đẩy hàng triệu đến chục triệu người bất chấp cái chết vì tự do? Chương trình hành động chung của người dân trong nước và hải ngoại ngày càng sôi động.

Khát vọng tự do - Toàn dân tranh đấu. Thi niềm tin tất thắng bạo tàn. Cộng sản Việt Nam sớm muộn gì cũng sẽ sụp đổ.

• **17 NĂM CAP ANAMUR**

Ủy Ban Cap Anamur mời tất cả người Việt tỵ nạn - cho dù đã được tàu Cap Anamur cứu vớt hay không - đến tham dự Đại Hội Cap Anamur lần thứ V, sẽ được tổ chức tại thành phố Troisdorf:

Địa điểm: Bürgerhaus Troisdorf
Wilhelm-Hamacher-Platz 24
D-53840 Troisdorf

Bắt đầu từ: 14,00 đến 24,00 giờ - ngày **thứ bảy 07 tháng 9 năm 1996.**

17 năm trước đây - với 26,8 triệu Đức Mã do nhân dân Đức tình nguyện đóng góp, đã khởi đầu cho một công tác nhân đạo vĩ đại và đẹp đẽ nhất trong tất cả các công tác cứu cấp nhân đạo của nhân dân Đức, và con tàu CAP ANAMUR từ đó đã trở thành một biểu tượng cho tình người của xã hội Đức.

Ngày nay chúng tôi có thể khẳng định rằng: Sự hội nhập của người Việt Nam - ít ra là tại phía Tây nước Đức - đã thành công tốt đẹp. Và từ đó chúng ta sẽ mở hội vào ngày 07 tháng 9 này.

Chương trình tổng quát

14,00 giờ: Khai mạc - nhạc - chiếu phim

16,00 giờ: VIỆT - ĐỨC

- Người Việt đã mang đến cho nước Đức những gì?

- Với sự hiện diện của các chính trị gia từ thủ đô Bonn, chính quyền địa phương, các giới truyền thông, các nhà nghệ thuật và hai thế hệ của những người được CAP ANAMUR cứu vớt.

- Tiến sĩ Rupert Neudeck: Tổng kết 17 năm công tác cứu người.

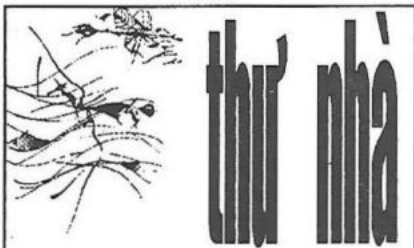
19,00 giờ: Văn nghệ, dạ vũ ...

với sự cộng tác của Alfred BIOLEK.

Liên lạc tổng quát:

Nguyễn Hữu Huấn

Tel. + Fax: 040/645 4656



Dặm ngàn một cánh thư xanh
Lời thơ mẹ dặn chân thành mấy câu
Con ơi, nẻo phúc là tu
Ghi lời Phật dạy lòng từ chúng sanh
Tránh việc dữ, làm việc lành
Giữ cho tâm sạch lòng thành niệm kính
Ngày ngày tháng tháng tâm bình
Ngày ngày tháng tháng thấy mình thoát ly
Đọc thơ lệ ước hoen mi
Mẹ ơi, thương mẹ con quý nguyện xin
On trên giúp mẹ con mình
Đường đời cách trở, đường tu xin cùng về.

• **Lê Thị Bạch Nga**



GIA CHÁNH CHAY

BẮP CẢI HẦM

Vật liệu :

- 1/2 kg bắp cải (lựa cho chắc)
- 3 miếng đậu hũ chiên
- 200 gr nấm rơm búp
- 1 muỗng soupe bột năng
- 1 muỗng cà phê dầu mè
- tiêu, muối, nước tương, đường, bột ngọt, ngò, ớt
- dây cột

Cách làm :

I. Giai đoạn một - Chuẩn bị :

- 1) Bắp cải : tách ra từng bẹ, cắt bỏ cọng cứng ở giữa, rửa sạch trụng sơ nước sôi có bỏ chút muối cho lá bắp cải hơi mềm để dễ gói.
- 2) Đậu hũ : xắt mỏng bằm nhỏ.
- 3) Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, xắt mỏng, bằm nhỏ.
- 4) Làm nhún : trộn chung đậu hũ + nấm rơm + bột năng + dầu mè, nêm chút tiêu + muối + đường + bột ngọt cho nhún được vừa ăn.

II. Giai đoạn hai - Cách nấu :

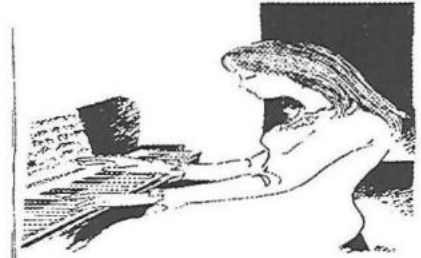
- 1) Trải bẹ cải ra đĩa, múc nhún cho vào, gấp 4 mép cải lại, dùng chỉ hoặc dây cột lại, mỗi viên cạnh độ 3 cm (lá cải to, cắt ra làm đôi, liệu vừa gói là được).
- 2) Bắc song nước sôi, nước lèo càng ngon (xem VG số 88 "Nước ngọt để nấu các món chay), nước phải ngập bắp cải, cho chút muối, kể cho bắp cải đã dồn nhún vào, nấu cho bắp cải mềm nêm chút nước tương + bột ngọt cho vừa ăn, hớt bọt cho nước được trong, nhắc xuống.

III. Giai đoạn ba - Trình bày :

Cho bắp cải ra tô trước, cắt bỏ chỉ hoặc dây cột, kể cho nước lèo đang nóng vào, trên rắc thêm tiêu + ngò cho thơm. Món này dùng nóng với cơm + nước tương có điểm vài khoanh ớt xắt mỏng. Số vật liệu trên sửa soạn cho 6 người ăn.

Ghi chú : Về dây cột có thể quý vị dùng lá họ hoặc hành lá sau khi lật rửa sạch, tước ra từng lá trụng sơ vào nước sôi có bỏ chút muối cho cọng hành cọng họ hơi mềm dùng làm dây cột. Khi nấu xong quý vị để lại ăn nếu quý vị không kiêng cử.

CÂY DƯỠNG CẢM CŨ CỦA TÔI



• **Phường Hà**

*Này, anh bạn già tri kỷ
Hôm nay tôi trả nhà
Bọn mình lại ra đi
Bạn làm hạt mưa sa
Tôi phiêu bồng vô định
Giờ chia ly đâu còn biết nói năng gì...*

*Nay ta đều luống tuổi
Tôi gói mỗi chân mòn
Nhờ ơn trời mưa nắng
Bạn tàn tạ héo hon
Thanh quản khàn muốn tắt
Đau phím lỏng dây chèn
Tự mình giờ vô dụng*

*Ngày xưa gặp nhau ở chợ trời
Đôi đôi tôi tỵ nạn
Xua buồn nên làm thơ
Bạn lắm cảm già nua
Bị đời đem bỏ chợ
Thương bạn tôi dặt về
So đây gò lại phím
Chấp nổi nợ nhạc thơ...*

*Mười bảy năm ân nghĩa
Bạn uốn nắn con tôi:
Sơn - la - đo - rế - mi
Tôi chong đèn tối tối
Thơ dóm thường nhạc rề
Mười bảy năm xa xứ
Đêm nằm nghe bột đau*

*Chiều nay mình chia tay
Tiễn bạn ra lẻ đường
Bị rịn rồi dĩ vãng
Nước mắt rơi không hay
Mười bảy năm tri kỷ
Giờ chia ly sao bạn chẳng nói năng gì?*

(31.5.96, Trả lại ngôi nhà ơn T.C.)

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ chức, Hội đoàn, Tôn giáo, Văn thi hữu khắp nơi gửi đến:

◆ THƯ TÍN:

Trúc Giang (Đức), Hoàng Dục (Đức), Võ Đức Tiến (Hòa Lan), Ngọc Hoa (Pháp), Phạm Lê (Đức), Nguyễn Đức Hoàn (Pháp), Miên Hành (Đức), Nguyễn Song Anh (Đức), Phương Hà (Bi), Đan Hà (Đức), Hồ Quang Hiến, Lưu Xuân Hồng (Đức), Dương Khánh Vinh (Đức), Văn Nướng LN Chấn (Pháp), Nguyễn Văn Tứ (Đức), Vũ Huỳnh Bang (Thụy Sĩ), Lê Thị Bạch Nga (Canada), Vũ Chinh Phương (Đức), Y Khanh (Đức), Tưởng Vy (Ý), Đỗ Thị Thu Hà (Đức), Phan Thị Ngọc (Đức), Trần Đăng (Đức), Thanh Bình (Thụy Sĩ), Hồ Trọng Khôi (Pháp), Yên Sơn Nguyễn Thành Hưng (Ý), Vũ Thị Dạ Thảo (Canada), Vũ Quang (Mỹ), Hạnh Nguyễn (Thụy Điển), Chu Thanh Lan (Pháp), Bs Phan Quang Đán (Mỹ), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Tâm Nguyên (Pháp), Pháp Nguyên, Tuy Anh (Đức), Trinh Xuyên, Trinh Chung, Ts Lâm Như Tạng (Úc), Phan Ngọc (Đức), Hồng Nhiên + Thiện Căn Phạm Hồng Sáu (Đức), Thiện Nguyễn (Đức), Nguyễn Cầu Luyến (Đức), Nguyễn Các Thắng (Đức), Nguyễn Minh Lộc (Đức), Văn Thị Mỹ (Đức), Ngô Văn Tháp (Đức), Lương Hoài Nam (Đức), Phạm Công Niễn (Đức), Hội Người Việt TNCS Nürnberg (Đức), Khai Tuấn (Đức), Quỳnh Hoa (Đức), Võ Thúc (Ấn Độ), Bs Nguyễn Tối Thiện (Pháp), Quang Kính (Đức), Phan Thị Yến (Đức), Nguyễn Văn Ba (Canada), Người Giám Biên (Đức).

◆ KINH, SÁCH, BÁO CHÍ:

Đức: Betrifft 2/96, 3/96; Việt Nam Tự Do số 3, 4, 5, 8/96; Dân Chúa Âu Châu số 164, 165, 166; Cao Đài Hải Ngoại số 6-9; Tự Do số 7; Thông Tin VID I số 3&4; Đất Nước số 3, 4, 5; Dân Tộc số 6, 7, 8; Việt Nam Nguyệt San số 112; Tuổi Trẻ số 6, 7; Thiện Chí số 41, 42; Dân Chủ cho Việt Nam số 10; Journal für Deutschland 6-7 + 8-9/96; Tibet und Buddhismus Nr.38; Nội San Liên Gia Đỉnh số 4; Expo 2000 Hannover; Lotusblaetter 2/96; Buddhistische Monatsblaetter XLII/7,8; Hội Chuyền Gia Việt Nam - Việt Nam Dân Chủ và Phát Triển; Cánh én số 56, 57; Diễn Đàn Việt Nam số 63, 64; Diên Hồng số 5, 6/96; Người Dân số 5; Sông Lahn 4, 5, 6/96; Dân Việt số 22; Đi

Tối 14.7.96; Bản Tin Tâm Giác; Development et Coopération Nr.4; Development and Cooperation Nr.4; Quê Hương tháng 4-6/96; Entwicklung und Zusammenarbeit 7/96 + Nr.37; Bản Tin Đức Quốc 7/96; Liên Minh 7/96; Hương Quê số 3; Cao Đài Giáo Lý số 39 7/96; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 10; Năng Mới số 3; Phụ Nữ Dân Chủ số 8; Bản Tin Pháp Nạn số 42.

Pháp: Hoàng Pháp số 76; Kháng Chiến số 158, 159; Bản Tin Hướng Việt 6, 7/96; Đông Sen số 26; Sự Thật số 17, 18; Thời Báo số 44; Nhân Bản, Năm thứ 19 số 1, 2; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 90; Bản Tin Khánh Anh 7/96; Quê Mẹ số 136; Thời Báo Marseille số 45.

Anh: Buddhist Studies Review Vol 13.

Thụy Sĩ: Khuyên Tu của Đức Phật Thầy Tây An + Tông Chỉ Pháp Môn Tịnh Độ + Kinh Quán Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni + Kinh Dược Sư và Dược Sư Sám Pháp (4 quyển) - Đạo Hữu Nguyễn Thị An; Mục Vụ số 194; Thiên Đường của Thy & Giai Nhân và Đại Đế - Huỳnh Dung.

Áo: Esoterik heute Nr. 4/96.

Bi: Bản Tin Đức Quốc 5/96; Việt Nam Liên Minh số 6/96; Tuệ Giác số Vu Lan.

Hòa Lan: Buddhayana Zeitung Nr.1.

Na Uy: Pháp Âm số 53.

Hoa Kỳ: Nguồn Đạo số 38; Snow Lion Nr.2; Giao Điểm số 22, 23; Dân Chủ Mới số 54; Ch'an News Letter Nr.116; Nền tảng của Đạo Phật - T. Tâm Quang; Hạt Bụi Nào Bay Qua - Thái Tú Hạp; Chân Nguyên số 30; Phật Giáo Hải Ngoại số 8; Xây Dựng số 80; Chân Trời Mới 6, 7/96; Ch'an Magazine Summer 96; Bản Tin Sinh Hoạt GHPG Hòa Hảo 10, 11; Dharma Drun Master Sheng Yen; Hoa Sen số 28; Lạc Thiên, gấm đẹp mây trời, ngậm miệng - Phan Ngô.

Canada: Buddha's Light Newsletter Nr.10; Thiên Tôn số 17; Đối Lực số 10; Thiên Tôn Phật Đản 2540; Tử Ấn đặc san Phật Đản 2540; Khai Thác Thị Trường số 23.

Nhật: Sen Trắng số 28.

Đài Loan: Hiện Đại Phật Giáo số 181, 182, 183; Thiên Phật Sơn số 85, 86, 87; Phật Quang Thế Kỳ số 120, 121, 123, 124, 125; Golden Lotus Theatre Nr. 6&7; Trung Ngoại số 480, 481; Suma Ching Hai Bản Tin 65; Ch'ien Fo Shau Magazine; Suma Ching Hai News.

Úc: Pháp Báo số 44; Phước Huệ số 1&2; Tập thơ Con Đường Cảm Thông - Lâm Như Tạng.

◆ TRẢ LỜI BẠN ĐỌC:

- Ngọc Hoa (Pháp): Đã nhận được sáng tác "Mùa Trong Tôi", đọc thấy nhỏ những mùa mưa ở quê hương "... vì hồn mùa triu nặng, những giọt sầu không xóa được ngàn năm". Hồn thơ lai láng đầy chữ. Không biết phải xưng hô thế nào cho đúng? Bà hay Cô vì người thơ viết "thơ" thì dài, mà viết "thư" thì chỉ mấy dòng khiêm nhường là "... thơ học trò". Sẽ đăng trong số Viên Giác Mùa Thu, hẳn cũng có nhiều mùa - mùa trong đời, "mùa trong tôi". Mong nhận những sáng tác

mới, để có thể giới thiệu trong Vườn Thơ Viên Giác. Thân (PV).

- Anh Phạm Trường Long (Đức): Nhận được bài "Văn Nghệ Việt Cộng" do chị Trần H.L chuyển trong Ngày Đại Lễ Phật Đản 2540, trong khi số báo Viên Giác 93 đang chuẩn bị in. Đã hứa với chị Trần H.L là sẽ đăng trong Viên Giác số tới, nhưng vừa rồi lại đọc được bài của anh đăng trong Diễn Đàn Việt Nam số 63 tháng 7/96. Thời thế cũng đủ phục vụ cho độc giả của Âu Châu.

Chúng tôi đã loan tin nhiều lần, là bài gởi cho báo Viên Giác thì xin đừng gởi cho các báo khác ở Đức hay ngược lại. Nhắc lại để xin anh thông cảm. Thân (PV).

- Anh Trần Đăng (Đức): Cảm ơn anh đã tin nhiệm và đề nghị PV "chỉnh" hay "trau chuốt" bài "Ngẫu Hứng Thành Thơ" của anh. Tôi đề nghị đổi cái tựa lại thành "Ám Áp Tinh Quê" cho phù hợp với tâm nguyện đấu tranh về Tự Do - Dân Chủ - Nhân Quyền cho quê hương Việt Nam thân yêu.

Bài sẽ đăng trong Viên Giác các số tới. Thân (PV).

- Bác Hồ Trọng Khôi (Pháp): Bài thơ "Chiều Bình Việt" đã xuất hiện trong "Vườn Thơ Viên Giác" ở số Vu Lan năm trước.

Cảm ơn bác đã quan tâm đến những số chủ đề của Viên Giác. Xin bác gởi cho những sáng tác mới. Kính (PV).

- Cháu Đỗ Thị Thu Hà (Đức): "... gọi là có chút gì dâng lên cho mẹ!..." Đọc thư của cháu, ai cũng mũi lòng. Ôi mẹ nhân tử. Tình mẹ bao la như đại dương. Trọn kiếp chúng ta vẫn không bao giờ đền đáp được công ơn sinh thành dưỡng dục. "Mẹ Hà Anh" có nghĩa là "Mẹ Hoa Sen" bài thơ của cháu cùng trong ý nghĩa cao cả nêu trên. Nếu được, sẽ xuất hiện trong Viên Giác, số Vu Lan sắp đến. Thân (PV).

- Anh Yên Sơn Nguyễn Thành Hưng (Ý): Thư và Thơ của anh tôi đã nhận được, riêng số tiền phát hành sách của Đan Hà gởi thi chưa đến tay tôi. Nếu đã "quy khứ lại hồi quy khứ lai" hay đã "Châu về Hiệp phố" thì xin anh gởi thẳng cho Chùa Viên Giác, còn không thì cũng... tội nghiệp cho tôi phải chuyển về Tòa Soạn. Bài "Hẹn Em Mùa Nắng Hạ" đến với tôi giờ cuối khi tôi viết xong VTVG - Viết sớm hơn thường lệ vì tôi muốn nghỉ ngơi một thời gian trong dịp hè. Thế nhưng tôi cũng cố thêm vào VTVG để phù hợp với chủ đề. Nếu chuyển cho Ban Kỹ Thuật để đi ngoài phần đất của VTVG, tôi không dám hứa với anh là "đã được đăng trong số này", hoặc "sẽ đăng trong số báo tới", vì mấy ông bà kỹ thuật "canh tác" kỹ lắm. Từng phần đất trong báo đều được chọn lọc, cân nhắc thật khéo, canh vừa đủ cho "độ dài" của bài thơ... Vì thế có khi trong phần "Trả lời thư độc giả", tôi hứa "đã đăng, sẽ đăng" trở thành lời "hứa cuội"!

Nếu được, xin anh gởi cho tôi một số bài thơ anh có để tôi tuần tự giới thiệu với độc giả bốn phương tùy theo chủ đề. Thân (PV).

PHƯƠNG DANH CÙNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 13.8.1996)

Trong thời gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cùng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh Sách, ủng hộ Báo Viên Giác... hoặc trả tiền thỉnh bằng kính, pháp bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền đùm cho ai để Cùng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ và Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cùng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. *Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449, thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần. Nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.*

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cùng Dường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chủ ĐH ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Dường Minh Chí (Göttingen) 100DM. Hồ Bửu Sang (München) 20DM. Lê Linh Quân (Hannover) 50DM. Đỗ Đình Phong (Bad Windsheim) 20DM. Lý Tu Liên 20DM. Nguyễn Văn Quang 20DM. Lai Chính Lung 50DM. Trần Chấn Tử (Albersloh) 100DM. Hồ + Văn Anh (Dresden) 10DM. Dường Ngọc Tiến 10DM. Lê Văn Khánh 5DM. Nguyễn Thị Bích Thuận 10DM. Trần Văn Năng (Empelde) 20DM. Đồng Cẩm 20DM. Vương Tùng Liệt (Hamburg) 10DM. Đỗ Văn Thanh (Hannover) 10DM. Prapatson 10DM. Đào Thị Kim Liên (Berlin) 20DM. Quách Cao Thăng (*) 10DM. Lê Mạnh Thắng (*) 20DM. Bùi Thị Kim Thu (*) 20DM. Eva Kunz 10DM. Phạm Thúy Vân (Falkenstein) 30DM. Khanjana 12DM. Vũ Đức Long (Guben) 20DM. Vũ Quốc Chiến (*) 20DM. Lê Quang Thịnh (Laatzen) 10DM. Nguyễn Thị Lợi (Việt Nam) 50DM. Hải Yến (Burgwedel) 2DM. Tôn Nữ Mỹ An 30DM. Phật Tử (Leipzig) 40DM. Văn Đoàn (Hannover) 10DM. Cao Thanh Hường 10DM. Vương Phụng Trân 20DM. Lê Đức Dân (Neu Brandenburg) 40DM. Nguyễn Thị Kim Oanh (*) 5DM. Leung, Chin Kau (Aifeld) 50DM. Vinh (Celle) 10DM. Trần Thị Hải (Việt Nam) 14DM. Dung + Chi (Wiesmar) 100DM. Lê Thị Thục (Guben) 20DM. Ngô Quang Vương (*) 0,50Pf. Bùi Đức Vinh (*) 20DM. Hoàng (Sweden) 20FF. Huỳnh Thị Mảnh (*) 70Kr. Trịnh Thị Hạnh Lund (*) 100Kr. Tăng Điền (*) 200Kr. Tôn Nữ Tâm Giảng (Canada) 250Can. Đinh Bá Hùng (Neuss) 30DM. Lưu Chí Cường (Emden) 100DM. Dường Minh Chí (Göttingen) 100DM. Lê Hoa (Na Uy) 76DM. Quách Vi Hùng 20DM. Đinh Vũ Trần 20DM. Yanfen Lee 20DM. Ch. Behn (Gifhorn) 20DM. Lê Anh Tuấn (CR) 20DM. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 50DM, HHLH Trương Hồng Đức. Bùi Hường Sen (Hameln) 20DM. Liêm Hứa Ming 7DM. Công Chung + Tuyết Lan (Dresden) 20DM. GĐĐH Nguyễn Quang Đông + Nguyễn Thị Thu + Trần Xuân Tử + Trần Thanh Sơn (Hannover) 300DM,

HHLH ĐH Nguyễn Quang Quân. Nguyễn Kim Thu (*) 50DM. Hoàng Thị Tân (*) 30DM, HHLH ĐH Nguyễn Quang Quân. Khanjana 24DM. Bal (Sibhesse) 30DM. Trần Nhưộc Sâm (Sweden) 100Kr. Trần Cẩm Vân (*) 500Kr. Diệu Định (*) 200DM. Hoạch Thuýết Phường (*) 100Kr. Nguyễn Thị Huệ (*) 200Kr. Long Hữu (*) 100Kr. Diệu Chánh (*) 200Kr. Trần Kim Lai (*) 200Kr. Châu Lê Anh (*) 100Kr. Trần Như Phụng (*) 100Kr. GĐĐH Diệu Phụng (*) 1.500Kr. Phạm Thị Lan (*) 500Kr. Bùi Thị Tài (*) 200Kr. Quý Phật Tử Na Uy (Na Uy) 500Kr. Đỗ Châu (Bonn) 20DM. Trần Thị Ba (Pforzheim) 100DM. Xuân Hồng (Göttingen) 30DM. GĐĐH Nguyễn Muốn (*) 100DM. F. Bounketh (Detmold) 1.500DM, HHLH ĐH Bounketh Chasseur Diệu Dinh (Nenburg) 100DM. Nguyễn Văn Tân 13DM. Lê Văn Quới (Pháp) 100FF. Chú Ấn Pháp (D'dorf) 200DM. ĐH. Văn 400DM, HHLH ĐH Trần Quang Minh. Thiện Chí (Hannover) 200DM. Trần Nướng (*) 240DM. Lê Hải Ngọc Vân (*) 20DM. Lý Quốc Thái (*) 20DM. Lê Thị Thu Hà (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Thị Viễn Phường (Koblenz) 400DM. Nguyễn Hiến (Canada) 20Can. Nguyễn Thị Khuê (Bonn) 100DM. Châu Thị Khanh 20DM. Cao Văn Tính (Northeim) 10DM. Lê Hồng Sơn (Moringen) 20DM. Lâm Zhai Lin 10DM. Ý + Út 10DM. Kevin Lôi (Bochum) 250DM. Theo Bischoff (*) 50DM. Vũ Thúy Nga (Moosbach) 20DM. Nguyễn Thị Bích Thủy (Rostock) 10DM. GĐĐH Nguyễn Văn Nũ (Laatzen+Canada) 160DM + 150Can, Tu sủa tôn tượng Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát + HHLH ĐH Trương Thị Diệu Pd Diệu Hiền và Cầu an cho ĐH Nguyễn Văn Nũ. Nguyễn Lê Việt Châu (Burgwedel) 10DM. Phạm Thị Tuyết Hằng 50DM. Nguyễn Thị Phường (Hanau) 50DM. Mai Hồng Tuấn 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Oanh (Rostock) 10DM. Nguyễn Xuân Hùng 20DM. Nguyễn Thủy Dường (Apoda) 10DM. Lê Anh Hải (*) 40DM. Chöling (Hannover) 200DM. Đỗ Thị Cúc + Phạm Anh Dũng (Hildesheim) 200DM, HHLH ĐH Nguyễn Thị Thảo. Đông + Thu + Tử + Sơn (Hannover) 100DM. Hà Đức Vinh (Weißenthurn) 50DM, HHLH ĐH Tạ Tam Tỷ. Ngô Văn Tùng + Huệ (Wilhemshaven) 30DM. Phạm Hữu Phước (Bergisch Gladbach) 50DM, HHLH ĐH Ngô Thị Huấn. Trần Thị Đức (München) 30DM. Diệu Hạnh Vũ Thị Đức (Ingolstadt) 100DM. Gđ. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 10DM. Mmế Nguyễn Thị Hoan (Bi) 1.000FB. Denis Huỳnh (Suisse) 50FS, HHLH ĐH Paul Lê Hữu Trúoc. Võ Thành Hai (Essen) 30DM. Fam. Leo Wollenberg (Stoclechen) 20DM. Fam. Huỳnh Tuấn (Göttingen) 200DM. Nguyễn Thị Viễn Phường (Koblenz) 200DM + 600DM, HHLH ĐH Nguyễn Thị Kinh. Bùi Thị Dơi (USA) 100US. Chen You Hun (Münster) 10DM. Đỗ Quốc Anh (Cottbus) 50DM. Nguyễn Ánh Hồng (Luckenwalde) 20DM. Võ Thành Văn (Frankfurt) 20DM. Phạm Thị Hải (Hassloch) 40DM. Tony Khúc (Troissingen) 50DM. Dường Quốc Việt (Garbsen) 40DM. Thiện Thịnh (Aachen) 100DM. Phong + Đức Anh 10DM. Kim Thoa (Hannover) 10DM. Kim Nho (Tiếp Khắc) 10DM. Lê Thanh Thanh (Langenhagen) 50DM. Nguyễn Thị Kiều Liên (Hannover) 20DM. Vũ Duy Linh (*) 20DM. Vũ Thị Thịn (Wuppertal) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh (Stadtallendorf) 20DM. Nguyễn Thủy Ngọc (Budapest) 1.000Budapest. Trần Hường Dường (Haselüne) 30DM. Lương Quang Đức 20DM. Đinh Tuyết Thịnh (Schwedt) 20DM. GĐĐH Lâm (Pháp) 500FF. Nguyễn Dục Ánh 20DM. Hoàn + Di (Garbsen) 10DM. Vũ Bích Liên (Ostell) 10DM. Phạm Thủy Yến (Letter) 10DM. Ngân Phường (Viersen) 10DM. Sơn Lưu (Fredelsloh) 10DM. Phạm Nguyễn Duy (Hannover) 10DM. Sudarat Vinicomin 10DM. Wilai 10DM. Phạm Ngọc Cường (Sweden) 10DM. Hoàng Hòa Bình (*) 5DM. Lê Thị Xuân (*) 10DM. Phạm Muội (*) 20DM. Ngô Dự Hiền 10DM. Mã Hường Trần (Plettenberg) 10DM. Nguyễn Sơn (Suisse) 20DM. Nguyễn Triết (*) 100FS. Nguyễn Thị Tâm (Lehrter) 7DM. Hồng Vũ (D'dorf) 10DM.

Nguyễn Thị Hồng Yến (München) 100DM. Trần Văn Sơn 30DM. Trần Tân Tiến 20DM. Đỗ Phường 50DM. Đào Thị Thanh Thủy 50DM. Đặng Văn Châu (Grünberg) 20DM. Võ Thanh Nao (Essen) 50DM. Thu Dung (Burgwedel) 10DM. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 40DM. Lâm Yến Nga (Laatzen) 200DM, HHLH ĐH Lâm Văn Tốt. Văn Thị Mỹ (Konz) 20DM. Tăng Thị Văn (Badems) 20DM. Ngô Thanh Sơn (*) 30DM. GĐĐH Trần Pou (Karlsruhe) 450DM, HHLH ĐH Trần Pou. Hoàng Tân 10DM. Lê Quang Thịnh (Laatzen) 10DM. Đặng Quang Tân (Bonn) 50DM. Đỗ Huệ Dinh 10DM. Nguyễn Mạnh Hùng (Magdeburg) 100DM, HHLH ĐH Trần Thị Vê. Nguyễn Hoàng Hà (Oldenburg) 20DM. Minh Hùng Lê Nguyễn Thịnh (Hamburg) 50DM. Nguyễn Thị Thái (Lichtenau) 6DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 100DM. Thanh Bình (Botsfeld) 10DM. Nguyễn Duy Nam 20DM. Phạm Đình Thành (Garbsen) 10DM. Nguyễn (Berlin) 10DM. Ngô Tiến Dũng (Hude) 20DM. Đào Thiện Mẫn (Hannover) 50DM. Nguyễn Đức Quang 20DM. Minh Huệ + Minh Ngọc 100DM. Lương Thị Hai (Berlin) 20DM. Diệu Ngọc (*) 50DM. Thị Tánh (*) 50DM. Đỗ Thị Hồng 20DM. Trần Dī Nhơn (Frankfurt) 500DM, HHLH ĐH Đặng Thị Liên Pd Nhuận Đài. Hoàng Như Tiến (Đan Mạch) 200Kr. Nguyễn Văn Mai (Neustadt/SA) 30DM. Nguyễn Thị Nở (Pháp) 100FF. Đặng Văn Dục (Canada) 100Can. Hà Thị Nhân (Herne) 50DM. Phạm Hữu Phước (Bergisch Gladbach) 100DM, HHLH ĐH Phạm An. Di Phạm Hà (Kirchheim) 50DM, HHLH ĐH Tạ Tam Tỷ. Khóa Giáo Lý Hòa Lan 500DM + 100 Guld. Diệu Hoa Ngô Bích Phường (Pháp) 300FF. Cô Huệ Hòa (*) 200FF. Cao Thị Hường (*) 200FF. Cô Tịnh Hiền + Tịnh Hiếu (*) 400FF. Như Nhơn + Tâm Lợi (Bi) 1.000FB. Trình Khoa Ấn (Hòa Lan) 35Guld. Lê Phường Thanh (Löchgau) 20DM. Naronquok 10DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Homburg) 30DM. Kim Hải (Obernsel) 30DM. Đặng Tuyết Anh (Hamburg) 10DM. Nguyễn Xuân Ngọc (Markgröningen) 20DM. Trần Quốc Cường (*) 20DM. Thomanck 10DM. Fam. Mạch (Wuppertal) 10DM. Lê Thị Minh Nguyệt (Tiếp Khắc) 20DM. Đỗ Xuân Tuấn (Nawied) 10DM. Hà Thanh Văn (Fürth) 20DM. Chu Văn An (Dresden) 20DM. Hoàng Hồng Đức 10DM. Quách Trần 10DM. Văn Đoàn (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Xuân (Tiếp Khắc) 20DM. Đỗ Thị Hòa (Việt Nam) 20DM. Trương Văn Sơn (*) 40DM. Hoàng Anh Tú (Papenburg) 20DM. Tô Vĩ Triều 100DM. Nguyễn Bảo Ngọc (Geharden) 10DM. Lý Hồng Diễm 100DM. Đỗ Quốc Anh (Cottbus) 50DM. Lê Qui Giang (Ingolstadt) 10DM. Nguyễn Văn Phường (Hòa Lan) 10DM. Liễu Trung Thu (Hamburg) 40DM. Trương Vũ Phong (*) 100DM. Huỳnh Sứ (Suisse) 20DM. Trương Chiêu (*) 50DM. Huỳnh Sứ 10DM. Trịnh Hoài Đức (Langenhagen) 10DM. Đỗ Văn Thanh (Hannover) 10DM. Hạ Quốc Anh (Nürnberg) 20DM. Lý Đức Trung (Liesbach) 20DM. Đinh Lê Phường (Fürth) 10DM. Đào Mộng Long (*) 20DM. Võ Văn Hồng Lan Giao (Hamburg) 50DM. Trần Văn Sơn (Bautzen) 20DM. Đặng Tố Nài 5DM. Nguyễn Văn Hiếu 20DM. Thu Dung (Burgwedel) 5DM. Phùng Gia Học (Frankfurt) 200DM. Lê Văn Dũng (Hoya) 20DM. Mai Hồng Tuấn (Spargau) 50DM. Đặng Ngọc Xuân 20DM. Trần Thị Giang 20DM. Lê Thị Cẩm (Hanau) 20DM. Huỳnh Hoa 20FF. Trịnh Thái Thanh 20DM. Preeya (Thái Lan) 20DM. Trần Anh Cường (Sondershausen) 20DM. Lê Anh Dũng (Cloppenburg) 20DM. Ninh Thị Kim Thoa (Oldenburg) 20DM. Mai Hồng Vinh (Hòa Lan) 50DM + 50Guld. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20DM. Hà Lâm (M'Gladbach) 20DM. GĐĐH Tâm Lượng + Tâm Phường (Frankfurt) 200DM. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) 500DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 100DM. GĐĐH Trần Quang Minh (Hamburg) 1.000DM, HHLH ĐH Trần Quang Minh. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Nguyễn Long Gia (Weil Friedlingen) 20DM. Bành Vinh Ái (Ludwigshafen) 50DM. Vũ Lan Anh (Berne) 10DM. Nguyễn Mạnh

Hùng (Mainz) 20DM. Bùi Hưởng Sen (Dresden) 100DM. Hoàng Sỹ Hùng (Göttingen) 50DM. Văn Diễm Cường (Pirmasens) 100DM. Nguyễn Thị Diễm (Việt Nam) 20DM. Dú Huệ Báo 10DM. Thịnh + Lan (Weil am Rhein) 10DM. Diệp Mỹ Quang (Ludwigshafen) 50DM. Tiến Minh (Hannover) 20DM. Ngô Vĩ Hùng (Oberhausen) 30DM. Tan Hiam Hwie (Hamburg) 100DM. Lê Thị Minh Hiền (Köthen) 20DM. Nguyễn Ngọc Trung (Weingarten) 10DM. Trần Quang (Koblenz) 20DM. Lê Quý Cao (*) 50DM. Vi On Ly (Hamburg) 20DM. Vũ Thu Hà 50DM. Nguyễn Đình Hoàng (Hannover) 30DM. Nguyễn Chí Bảo 30DM. Vũ Thái Hiệp 10DM. Diệu Minh 250DM. Lê Quý Đông (Berlin) 20DM. Nguyễn Tường Nhân (Nürnberg) 30DM. Trần Thị Thanh Bình (Weinbach) 10DM. Trần Thị Lữ 40DM. Nguyễn Kim Nguyễn (Bonn) 20DM. Lương Sơn Lâm (Hanau) 20DM. Phạm Thị Mỹ Kiên (Pháp) 85FF. Trần Pascal Đức (*) 100FF. Đinh Đức Thắng 50DM. Sứ Cổ Trí Hiện (USA) 100US. Phùng Thị Hiền (Hannover) 300DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Chơn Lộc (*) 400DM, HHHH ĐH Nguyễn Thị Quế Pd Tâm Hạnh. Phòng Nghĩa Thái (Na Uy) 100DM. Húng (Essen) 20DM. Lương Thanh Bạch 10DM. Trần Đình Thạnh (Ronnberg) 10DM. Võ Thị Hưởng Thủy (Worms) 20DM. Nguyễn Mạnh Hà (Stolzenu) 10DM. Nguyễn Hữu Dũng (*) 20DM. Liên + Tuyến (Moringen) 10DM. Lê Triệu (USA) 50DM. Nguyễn Đăng (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Thu Nga 20DM. Nguyễn Thị Đới (Brome) 10DM. Lê Văn Quang 50DM. Trần Hợp Nguyễn, Linh (Neuler) 50DM. Nguyễn Anh Dũng (Lichtengels) 30DM. Phan Thanh Hải (Lehrte) 10DM. Đinh Văn Hiền (Hannover) 10DM. Lê Thị Hồng (*) 50DM. Nguyễn Quốc Hải (Steineberg) 10DM. Nguyễn Đình Thọ (Löwenstein) 10DM. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 20DM. Dương Thị Bé Tú 50DM. Nguyễn Bích Ngọc (Sandberg) 20DM. Dú Huệ Dinh 10DM. Nguyễn Thị Kim (Münster) 20DM. Nguyễn Đình Hùng 10DM. Trần Văn Toàn (Geisenhausen) 20DM. Phạm Bảo Toàn + Phạm Biên Hùng + Huỳnh Tông Đức (Münster) 250DM, HHHH Thân Mẫu và Nhạc Mẫu. Tài + Hòe - Việt Châu (Burgwedel) 10DM. Trần Tú Ngọc (Gifhorn) 20DM. Trương Tô Hà (Lönning) 20DM. Hiền, Hòa, Trung, Minh, Hưởng và Hoàng (Berlin) 60DM. Hồng Nam (Norden) 20DM. GĐĐH Thị Khiêm (Berlin) 200DM, HHHH Thân Mẫu. Dương Bảo Sơn (Innenstadt) 50DM. Lý Phách Mai (*) 300DM. Lâm Kiến Huệ (Reutlingen) 40DM. Jee Hong, Bounketh (München) 1.500DM, HHHH Thân phụ Bounketh Chanseur. Vũ Thị Tuệ 50DM. Huỳnh Đức Thắng 100DM. Trần Tấn Tiến 20DM. Hồ Hữu Phượng (Altdorf) 30DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM. Lê Viết Lan (Waltrop) 10DM. Đặng Thị K. Hoa (Wahlstedt) 20DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 30DM. Liêu Ngọc Nga (Hagen) 100DM. Tống Thị Lê (Sweden) 100Kr. HHHH ĐH Tống Văn Mạnh.

• BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Hải Nhân (Großrosseln) 20DM. Hồ Hữu Sang (München) 20DM. Võ Trường Sơn (Osnabrück) 50DM. Nguyễn Thị Hoàn (Na Uy) 300Kr. Nguyễn Thị Vân (Hamelin) 20DM. Huỳnh Đa Thủc (USA) 50US. Nguyễn Văn Trung (Singen) 10DM. Chanhnien Behn (Gifhorn) 20DM. Quách Kim Lê 50DM. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Đinh Bá Hùng (Neuss) 20DM. Yanfen Lee 20DM. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20DM. Công Chung + Tuyết Lan (Dresden) 20DM. Phạm Kim Trang (Frankfurt) 50DM. Đặng Quốc (Đan Mạch) 100Kr. Diệu Dinh (Nenburg) 20DM. Nguyễn Văn Báo (Tütlingen) 20DM. Lê Văn Quối (Pháp) 100FF. Trần Tấn Lộc (Saarlouis) 20DM. Nguyễn V. (Puchheim) 20DM. Nguyễn Minh Công (Kernen) 20DM. Nguyễn Trung Phượng (Ihlow) 20DM. Lưu Tiến Tùng (Osterode) 50DM. Nghiễm Minh Mẫn (Münchenweiler) 50DM. Phan Chín (Sweden) 50DM. Lê Thị Thu Hà (Oberhausen)

50DM. Phan Hữu Hiệp (Bremen) 20DM. Vũ Tiến Đạt (Hamburg) 50DM. Huỳnh Thị A (D'dorf) 20DM. Lê Quang Dinh (Recklinghausen) 20DM. Ngô Văn Tùng + Huệ (Wilhelmshaven) 20DM. Trần Thị Thu Trang (Detmold) 20DM. Phạm Văn Lợi (M'Gladbach) 30DM. Phạm Thị Thuận (St. Blasien) 30DM. Phạm Thị Kim Anh (Dortmund) 20DM. Trương Minh Hùng (Dingolfing) 30DM. Trần Thị Đức (München) 20DM. Lê Thị Mỹ Linh (Hòa Lan) 60DM. Fam. Trưởng (Troissingen) 20DM. Vũ Thị Thanh Minh (Florsheim am Main) 20DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 50DM. Trưởng Đức Hạnh (Hòa Lan) 100FF. Trần Văn Phước (Pháp) 100FF. Trần Hàn P.V (Wittlich) 20DM. Huỳnh Thị Tâm (Langenhagen) 50DM. Trần Quang (Áo) 50DM. Ngô Thị Bày (Neugablonz) 30DM. Vũ Ngọc Dung (Sindringen Forchtenberg) 40DM. Nguyễn Cầu Luyến (Mainz) 20DM. Ngô Văn Tháp (Nürnberg) 30DM. Euro-An Thái Kalender (Weil am Rhein) 200DM. Nguyễn Văn Nhi (Sindelfingen) 30DM. Lê Thị Ngọc (Bremen) 50DM. Nguyễn Thị Anh (Hòa Lan) 50DM. Võ Thành Văn (Frankfurt) 30DM. Dr. Nguyễn Văn Xuân (Ý) 100.000Lire. Vũ Thị Tuệ (Erding) 50DM. Phạm Văn Quý (Recklinghausen) 50DM. Trưởng Hồn Quyền (Oldenburg) 30DM. Trần Văn Sơn 20DM. Hà Uyên Phạm Thị 20DM. Nguyễn Hữu Bình 20DM. Nguyễn Thị Lệ Xuân 30DM. Lê Hồng Hải 50DM. Nguyễn Công Tú 20DM. Trần Văn Bang 50DM. Đặng Văn Châu (Grünberg) 20DM. Nguyễn Thanh Ngọc (Hamburg) 20DM. Thái Nguyệt Cầu (Koblenz) 20DM. Mai Bá Long (Wiesbaden) 60DM. Phạm Đức Tiến (Göppingen) 30DM. Hoàng Khánh Toàn (Tausnstein) 50DM. Lê Thị Minh Trúc (Bi) 500FB. Nguyễn Cầu Luyến (Mainz) 50DM. Trình Trọng Hiếu (Emden) 100DM. Văn Thị Mỹ (Konz) 20DM. Lê Việt Vinh (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Đăng Lê (Erlangen) 20DM. Hồng Kng Restaurant (Bad Windsheim) 100DM. Phạm Đức Huy (Königslutter) 120DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 20DM. Vũ Đình Hải (Neustadt) 100DM. Nguyễn Các Thắng (Ansbach) 20DM. Nguyễn Minh Lộc (Wolfenbüttel) 20DM. Huỳnh Thị Chi (Berlin) 50DM. Lâm Lao Chi (*) 50DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5 Anh kim. Nguyễn Thị Hà (Mallterding) 50DM. Hà Kiến Hà Trinh (Phân Lan) 100US. Lê Quang Minh (Seevetal) 20DM. Lương Hoài Nam (Berg) 50DM. Hồ Minh Hòa (Karben) 20DM. Phan Văn Hòa (Bad Oeynhausen) 30DM. Vũ Thị Là (Frankenthal) 20DM. Trưởng Vũ Thái (Hamburg) 20DM. Võ Văn Suối (Germersheim) 20DM. Nguyễn Văn Tuấn (Nordlingen) 20DM. Nguyễn Kinh Tân (Ravensburg) 20DM. Hồ Hử (Schmalkalden) 20DM. Dương Hạnh Nhơn (D'dorf) 50DM. Như Nhón + Tâm Lợi (Bi) 1.000FB. Vương Kim An (Suisse) 50DM. Trưởng Hưởng Kết (*) 100FF. Cao Thị Lan Hưởng (*) 200FF. Phạm Mỹ Liên (*) 200FF. Nickel Götz (Hamburg) 20DM. Hạnh Ngọc (München) 20DM. Hứa Công Tuấn (Sittensen) 10DM. Nguyễn Vũ Bằng (St. Wendel) 30DM. Nguyễn Thanh Quang (Berlin) 20DM. Nguyễn Đức Năng (Đan Mạch) 30DM. Lê Minh Tân (Island) 100DM. Nguyễn Ngọc Báo (Dorsten) 50DM. Ấn danh (Winterlingen) 10DM. Nguyễn Kim Nguyễn (Bonn) 30DM. Phạm Thị Hằng (Bladheck) 20DM. An Thị Cam Lai (Berlin) 20DM. Huỳnh Khôn Biếu (Bi) 500FB. Phùng Thị Hiền (Hannover) 200DM. Phạm Xuân Thu (*) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 30DM. Phạm Ngọc Phượng (Markt) 20DM. Vũ Thị Tâm (München) 100DM. Nguyễn Kiến Nghị (Rosenheim) 30DM. Bùi Phước Xuân (Oberhausen) 100DM. Lê Thị Thu Trang (Altendiez) 30DM. Van Langer (Steinbach) 40DM. Nguyễn Văn Mỹ 20DM. Xuân Thị Lande 200DM. Nguyễn Thị Hoa 50DM. Vi Phượng (Wiesbaden) 20DM. Phạm Văn Đăng (Darmstadt) 30DM. Đỗ Thị Thảo Lê Phan (Essen) 100DM. My The Philippe (Pháp) 300FF. Châu Lương Mỹ Oanh (Steinbach) 20DM. Lê Viết Lan (Waltrop) 20DM. Huỳnh Phú (Burghausen) 50DM. Phạm Thị Nội (Lathen) 20DM. Tống Thị Lê (Sweden) 100Kr.

Nguyễn Thế Hiến (Oberhausen) 20DM. Lê Bảo Đức (Pforzheim) 40DM. Lê Bảo Phúc (Mannheim) 40DM. Đặng Quốc Quan (Pháp) 30DM.

• PHẬT ĐÀN

ĐH. Nguyễn Văn Kiều (Pháp) 100FF. Trần Quối Thiên (*) 100FF. Lâm Thị Hồng Đào (*) 100FF. Bùi Liên (Bi) 1.000FB. Lê Văn Thu (Canada) 100Can. Nguyễn Thị Nhủ (*) 50Can.

• VU LAN

ĐH. Quách Tiến Dũng + Quách Nguyễn Thị Chiên (Weil friedlingen) 50DM. Nguyễn Thanh Tài (Bahehausen) 30DM. Lê Thị Minh Trúc (Bi) 200FB. GĐĐH Trần Pou (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 50DM. Huỳnh Phước Bằng (Canada) 50Can, HHHL ĐH Huỳnh Hồng Giao. Phạm N. Ngọc Dung (B. Münster) 20DM. Khúc Thế Hiếu (Troisdorf) 30DM. Nguyễn Thị Lệ Hồng (Suisse) 100DM. Hạnh Ngọc (München) 30DM. Quan Gia An (Erkrath) 20DM. Lê Thái (Krefeld) 50DM. Nguyễn Văn Ngọc (M'Gladbach) 50DM. Trần Hữu Khiếu (Usingen) 50DM. Cao Thị Nền (Pháp) 200FF. Huỳnh Khôn Biếu (Bi) 500FB. Hồ Thị Y (Wallerfangen) 50DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 10DM. Huỳnh Trọng Hiệp (Würzburg) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 70DM. Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 50DM. Đỗ Hữu Ái (Oberhausen) 40DM. Nguyễn Văn Trung (Singen) 20DM. Huỳnh Thiết Huệ (Nürnberg) 300DM. Nguyễn Ngọc Sơn (Heilbronn) 20DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 50DM. Trần Khắc Hiếu (Rostock) 20DM. Hoàng Đôn Trình (Tübingen) 20DM. Phùng Kim Liên (Na Uy) 100Kr. Nguyễn Trần (Bielefeld) 10DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 50DM. Chiêu Liên (Altenkirchen) 20DM. Đồng Thị Gái (Ulm Wiblingen) 100DM. Fam. Vom (Paris) 200FF. Vũ Việt Tân (MG) 40DM. Hoàng Công Chử (MG) 50DM. Võ Liên Phượng (München) 50DM. Lê Viết Lan (Waltrop) 20DM. Lý Trung Báo (Bochum) 50DM. Hồng Khanh Chung (Bad Iburg) 50DM. Nguyễn Hiệp (Mannheim) 10DM. Nguyễn Mạnh Diệp (*) 20DM. Lương Thị K. Phụng (GM Hutte) 100DM. Đặng Anh Dũng (Aachen) 20DM. Bùi Tuấn Kiệt (MG) 20DM. Đặng Thị K. Hoa (Wahlstedt) 10DM. Châu Nam (Spaichingen) 50DM. Nguyễn Thị Sơn (Tübingen) 50DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 30DM. Nguyễn Chi Phong (Clausthal) 30DM. Diệu Thiện (Bad Iburg) 100DM. Liêu Ngọc Nga (Hagen) 100DM. Trưởng Thị Mạo (Trossingen) 20DM. Cindy Le Fuller (USA) 100US. Vũ Ngọc Tuấn (Reutlingen) 20DM. Phạm Hoài Trung (Irrel) 20DM.

• ẤN TỔNG

ĐH. Ngọc Quang (D'dorf) 50DM.

• KINH THỦY SÂM

ĐH. Thiện Hiền Võ Thanh Nào + Thiện Châu Trần Thị Nết (Essen) 75DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 50DM. Lưu Văn Tý (Sweden) 200Kr. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Thị Hiền (Eimeldingen) 300DM. Vũ Quốc Dụng (Ofersheim) 30DM. Nguyễn Văn Hinh (Stuttgart) 50DM.

• KINH LƯƠNG HOÀNG BẢO SÂM

ĐH. Lý Hồng Diễm 100DM, HHHL ĐH Hà Thị Kim Xuyên Pd Diệu Thông.

• KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Tạ Tác (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Thị Hằng (*) 25Guld.

• **KINH PHÁP BẢO ĐÀN**
ĐH. Võ Minh Cường (Lippspringe) 80DM.

• **KINH QUAN THẾ ÂM**
ĐH. Phạm Thị Mỹ Duyên (Pháp) 200FF.

• **KINH VU LAN**
ĐH. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM.

• **XÂY CHÙA**

ĐH. Nguyễn Kiều Long (Bad Oeynhausen) 50DM. Huỳnh Đa Thức (USA) 50US. Huỳnh Thị A (D'dorf) 30DM. Nguyễn Thanh Hồng (Möhlau) 50DM. Võ Thị Minh Phụng (Heidenheim) 100DM. Nguyễn Văn Mai (Neustadt/SA) 20DM. Hà Ngọc Thanh 50DM. Nguyễn Thị Diệu Hoa (Lenbenbach) 200DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM.

• **MỘT TƯỢNG PHẬT**

ĐH. Bùi Thị Bé (Sweden) 600Kr. Suttiwat (Blomberg) 120DM. Rainer Kern (") 120DM. HLDH Nguyễn Văn Côn (Việt Nam) 120DM. HLDH Đỗ Thị Huấn (") 120DM. HLDH Nguyễn Hữu Tín (") 120DM. HLDH Hà Hoàng Châu (Suisse) 120DM. Trịnh Thị Phụng (") 120DM.

• **TƯỢNG QUAN ÂM**

ĐH. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 100DM. Trần Lạc Hồng (Halle) 50DM.

• **TRAI TẶNG**

ĐH. Đặng Thị K. Hoa (Wahlstedt) 20DM.

• **MÁY IN**

ĐH. Nguyễn Duy An (Tanfkirchen) 20DM. Trịnh Trọng Hiếu (Emden) 100DM.

• **GIẢI TRỪ PHÁP NẠN**

ĐH. Nguyễn Văn Thân 15DM.

• **"ỦY BAN ĐKTK"**

ĐH. Nguyễn Thị Thu Hiền (Wolfenbüttel) 20DM.

• **TRẠI CƯỜI VÀ MÙ & CÔ NHI VIỆN & TRẠI DƯỜNG LÃO**

ĐH. Tôn Nữ Mỹ An 20DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 10DM. Nguyễn Thanh Đạt (Sweden) 1.000Kr. Nguyễn Thị Sáu (") 500Kr. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Vũ Quốc Dụng (Oftersheim) 50DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Hà Thị Nhân (Herne) 50DM. Hạnh Ngọc (München) 50DM.

• **CHÙA VIỆT NAM**

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld.

CÙNG DƯỜNG QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VN & HN

(Đăng lại trên VG số 93- chi tiết)

ĐH. Đào Quỳnh Hoa (Böblingen) 500DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Karlsruhe) 200DM. Trương Tố Đức (") 200DM. Nguyễn Văn Bông (") 100DM. Nguyễn Luân (") 20DM. Lê Văn Tâm (") 300DM. Nguyễn Văn Chương (") 100DM. Đào Trọng Hiếu (") 500DM. GDĐH Nguyễn Hiệp (Mannheim) 100DM.

Phạm Doãn Dương (") 500DM. Nguyễn Danh Thảng (") 100DM. Nguyễn Văn Neang (Neustadt) 100DM. Nguyễn Thị Lan Phượng (Schwetzingen) 100DM. Nguyễn Thị Lan Chi (Brühl) 100DM. Nguyễn Duy Ủy (") 100DM. Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 50DM. Bùi Thị Mỹ (Suisse) 100DM. Nguyễn Thị Tri (") 500DM. Nguyễn Hùng (") 120DM. Đặng Văn Cán (") 120DM. HLDH Đoàn Thị Hinh (") 760DM. Nguyễn Ngọc Tú (") 100DM. Lê Thị Ngọc Dung (Pháp) 100FF. Kim Chi (") 50FF. Hồng Loan (") 50FF. Đặng Văn Châm (Albach) 50DM. Nguyễn Xuân Thái (Trebun) 60DM. Nguyễn Thị Thịnh (Grailheim) 50DM. Nguyễn Thị Xuân Lan (Fürchtenberg) 50DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 30DM. Ngô Văn Thấu (Mannheim) 50DM. Ban Tu Học Phật Tử Paris Chùa Khánh Anh (Pháp) 2.800FF. Trịnh Thị Nam (Heidelberg) 1.000DM. Nguyễn Thị Nam Trân (Suisse) 90DM. Nguyễn Trường Thanh Tùng (München) 100DM. Nguyễn Xuân Đức (Tübingen) 100DM. Ấn Danh 20DM. Ấn Danh (Suisse) 200FS. Ấn Danh (Pháp) 100FF.

• **QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VN & HN**

(cổ phần cho vay 5 năm, mỗi cổ phần 100DM)

ĐH. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 3.000DM. Dr. Nguyễn Thế Vinh (Heidelberg) 1.000DM. Dr. Trịnh Thị Nam (") 1.000DM. Trịnh Ngọc Thủy (") 1.000DM. Nguyễn Thiên Huân (") 200DM. Nguyễn Tuệ Anh Tâm (") 200DM. Nguyễn Đình Du (Mannheim) 100DM. Nguyễn Xuân Tân (Künzelsau) 200DM. Nguyễn Thị Dừa (") 300DM. Vương Bửu Lộc + Đăng (Fürchtenberg) 100DM. Trần Văn Minh (Mannheim) 100DM. Nguyễn Xuân Phúc (") 500DM. Đỗ Thị Yến (Pháp) 100DM. Trịnh Văn Quang (") 100DM. Trần Đăng Thanh (Karlsruhe) 500DM.

ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp định kỳ hàng tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tiền tài cúng chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tiền tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode VIEN GIAC

Konto Nr. 870 3449

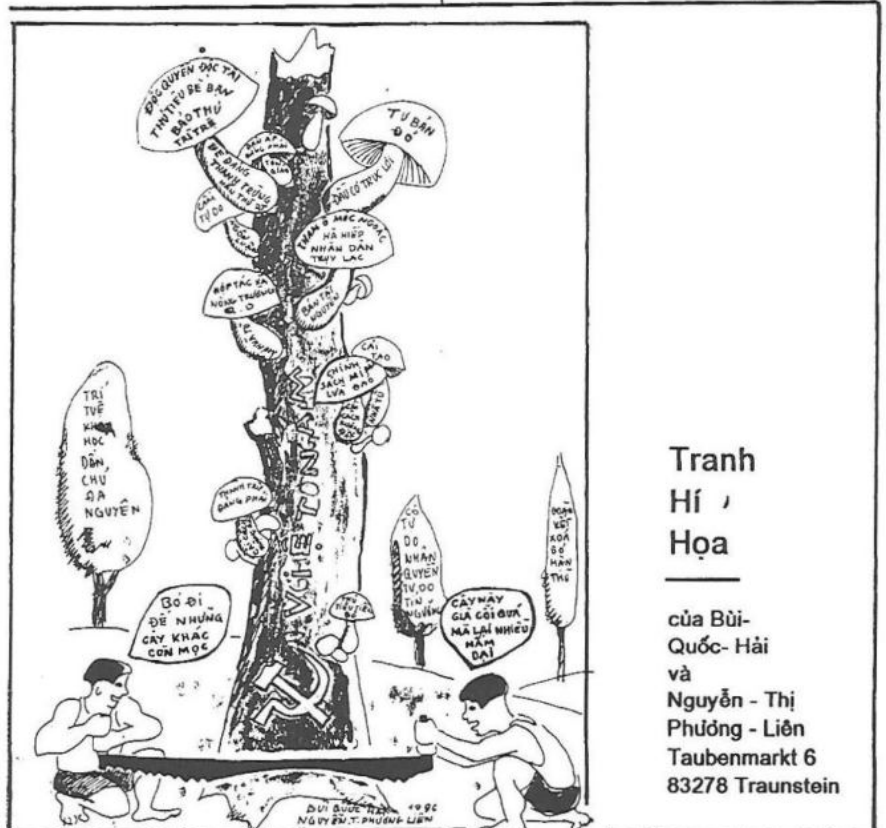
BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



Tranh Hí Họa

của Bùi-Quốc- Hải và Nguyễn - Thị Phượng - Liên Taubenmarkt 6 83278 Traunstein

AI TÍN

Được tin:

Sa Di Ni Bồ Tát Giới **THÍCH NỮ HẠNH NHƯ**
đã vắng sanh tại Ý ngày 09.7.1996

Xin nguyện cầu Chơn Linh Cố Sa Di cao đẳng Phật Quốc
- Hội Phật Tử VNTN và các Chi Hội PTVNTN tại Đức
- Ban Hướng Dẫn GDPT và các GDPTVNTN tại Đức
- Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Viên Giác.

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần, Mẹ, Bà Nội, chúng tôi là:

Bà ĐÀO THỊ HIÊN

Sinh năm 1929. Từ trần ngày 24.7.1996 nhằm ngày Mồng Mười tháng Sáu năm Bính Tý, tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Hưởng thọ 68 tuổi.

Lễ hỏa táng được cử hành vào ngày 26.7.1996 tại nghĩa trang Vũng Tàu, Việt Nam.

- Trưởng nam: Đào Khoa Sóc (Việt Nam)
- Trưởng nữ: Đào Sa Ty và chồng (Pháp)
- Thứ nam: Đào Sari và vợ & các con (Đức)
- Thứ nữ: Đào Sa Riêng và chồng (Việt Nam)
- Thứ nữ: Đào Sa Tâm và chồng (Việt Nam)

Cáo Phó này thay thế thiệp tang

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu: Mẹ, Bà Nội, Bà Cố của chúng tôi là:

Bà Quả Phụ ĐẶNG THỊ NGUYỄN
Pháp danh Diệu Thủy

đã từ trần ngày 4 tháng 6 năm 1996 nhằm ngày 19 tháng 4 năm Bính Tý lúc 20g44. Thượng thọ 89 tuổi.

Lễ an táng được cử hành ngày Thứ Bảy 8 tháng 6 năm 1996 (tức 23 tháng 4 năm Bính Tý) vào lúc 9 giờ tại nghĩa trang Pontoise.

Các con:

- Trưởng nam: Nguyễn Văn Hiệp và vợ (Hòa Hiệp Quảng Ngãi & Minh Mạng Sài Gòn)
- Thứ nam: Cella Jean Marie và vợ (Pháp)
- Cháu đích tôn: Nguyễn Văn Hạnh, Võ Văn Mai Hưởng & 2 con (Pháp)

Cháu nội:

- Nguyễn Văn Hiền, Nguyễn Phi Phụng & 2 con (Pháp)
- Nguyễn Thị Thanh Huyền, Phan Nguyễn Trung & 2 con (Pháp)
- Nguyễn Thị Bích Hào, Cao Gia Thành & 2 con (Hoa Kỳ)
- Nguyễn Mạnh Hà, La Ngọc Hạnh và con (Pháp)
- Nguyễn Thị Lệ Hằng, Lê Lộc & 2 con (Pháp)
- Nguyễn Thị Hồng Hoa, Perrichon Dany và con (Pháp)
- Nguyễn Thị Bích Huệ, Nguyễn Trung Chính và 2 con (Pháp)
- Nguyễn Thị Lan Huệ & Châu Quốc Nguyên (Pháp)
- Nguyễn Ngọc Huy & Lisa (Pháp)
- Nguyễn Thị Thủy Hưởng (Pháp)
- Cella Sandrine & Pascal và con (Pháp)
- Cella Frédéric
- Cella Romual & Estelle (Pháp)

Cáo Phó này thay thế thiệp tang

CẢM TẠ

Gia đình chúng con thành kính tri ân:

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm và quý Sư Cô Bảo Quang Ni Tự Hamburg
- Quý Bác trong Ban Hộ Trì Chùa Bảo Quang Hamburg
- Quý Ông Bà, Cô Bác, Anh Chị Em, Cháu và các bạn đã dành thời giờ quý báu đến cầu nguyện, chia buồn và giúp cho chúng tôi trong buổi lễ phát tang và cầu siêu cho Thân Phụ của chúng tôi là:

NGÔ VĂN HỌC

Tuổi Tân Mùi

Từ trần ngày 10.7.1996 (25.5 âm lịch năm Bính Tý) tại Việt Nam. Hưởng Thọ 66 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ

- Trưởng nam: Ngô Hoàng Thanh - Pháp danh Quảng Lương - vợ và con tại Đức Quốc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi vừa được tin buồn, Thân Mẫu của anh Lâm Chí Hiệp :

Cụ Bà TẠ THỨC CHANH

Sinh năm 1915

Mất ngày 30.7.1996 nhằm ngày Mười Sáu tháng Sáu năm Bính Tý tại Lüneberg, Đức Quốc.

Thượng thọ 80 tuổi.

Chúng tôi Hội NVTNMS, xin thành kính chia buồn cùng gia đình Anh Chị Lâm Chí Hiệp, gia đình Anh Chị Lâm Chí Trung cùng quý quyến gia tộc. Và nguyện cầu hưởng linh Cụ Bà giác độ cao siêu, sớm vắng sinh Cực Lạc Quốc.

- Hội NVTN tỉnh Münster & VPC

AI TÍN & CẢM TẠ

Sa Di Ni Bồ Tát giới **THÍCH NỮ DIỆU GIÁC**

Pháp Tự Hạnh Như

thế danh Phạm Lê Thị Tâm sanh ngày 18 tháng 2 năm 1955 và viên tịch ngày 9 tháng 7 năm 1996 tại Rome, Ý Đại Lợi.

Thọ thế 42 tuổi.

Đại diện cho tang gia và chủ huynh đệ tỷ muội của cô Hạnh Như, chúng con (tôi) xin thành thật tri ân Chú Tôn Đức và quý Đạo Hữu cũng như Phật Tử khắp nơi trên nước Đức và Hải ngoại đã phân ưu, phúng điệu, cầu nguyện... xin hồi hưởng công đức này lên ba ngôi Tam Bảo và số tịnh tài sau đám tang còn lại 4.000 Đức Mã, chúng con (tôi) xin gởi đến các Chùa và Niệm Phật Đường tại Âu Châu cùng với di ảnh của cô Hạnh Như để được thờ tự và cầu nguyện.

Trong lúc lo tang lễ, chắc chắn có nhiều điều thiếu sót. Ngưỡng mong Chú Tôn Đức và quý Đạo Hữu, Phật Tử niệm tình hy thứ cho.

Xin đa tạ.

- Đại diện huynh đệ tỷ muội thuộc Chùa Viên Giác

- Đại diện gia đình: Đệ tử Diệu Cam Phạm Lê Thị Lan

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin buồn:

CỤ LÊ VĂN GIỒNG

đã thất lạc tại Bruxelles (Bi) ngày 18.7.1996. Hưởng thọ 72 tuổi là thân phụ Chiên hữu Lê Văn Thanh

Nguyện cầu linh hồn người quá cố được về nước Chúa.

- Ủy Ban Điều Hợp CQN/QLVNCH/Âu Châu.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc khi được tin

CỤ NGUYỄN VĂN HINH

sinh năm 1920 tại Việt Nam

đã về cõi Phật ngày 28.5.1996, nhằm ngày 12 tháng 4 năm Bính Tý tại Stuttgart - Hưởng thọ 77 tuổi

là nhạc phụ của anh Nguyễn Việc Tạo tại Kornwestheim.

Chúng tôi xin thành tâm cầu nguyện hưởng hồn Cụ Nguyễn Văn Hinh sớm về Cực Lạc Quốc và xin thành kính chia buồn với anh Nguyễn Việc Tạo và Chị Nguyễn Thị Tuyết cùng tang quyến.

- Gđ. Quách Kim Lê
- Gđ. Quách Thiện Tùng
- Gđ. Đặng Thái Bảo
- Gđ. Đặng Thái Hoàng

PHÂN ƯU

Được tin:

Cụ Bà **ĐẶNG THỊ NGUYỄN** - Pháp danh Diệu Thủy

tử trần ngày 04.6.1996 tại Pháp. Thượng thọ 89 tuổi là Nội tổ của Cô Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng toàn gia quyến và cầu nguyện Hưởng linh Cụ Bà sớm tiêu diêu về miền Cực Lạc.

- Vũ Nam và gia đình

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Bào huynh của nhà văn Phù Vân Nguyễn Hòa, Chủ Bút Báo Viên Giác, là:

Ông NGUYỄN SUM

đã tử trần ngày mùng Một tháng Tư năm Bính Tý, tức là ngày 17.5.1996 tại Kiên Lương - Kiên Giang - Việt Nam.

Hưởng thọ 64 tuổi.

Chúng tôi, xin chân thành phân ưu cùng tang quyến và gia đình Ông Phù Vân, đồng thời xin cầu nguyện cho hưởng linh Ông Nguyễn Sum sớm được siêu thăng Tịnh Quốc.

- Chùa Viên Giác - Hannover
- Chùa Bảo Quang - Hamburg
- Ban Biên Tập Báo Viên Giác
- Chi Hội Phật Tử VNTN Hamburg

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin:

Ông NGUYỄN SUM

tạ thế ngày 17.5.1996 tại Kiên Lương - Kiên Giang, Việt Nam.

Hưởng thọ 64 tuổi

là bào huynh của Ông Nguyễn Hòa tức nhà thơ Tuy Anh đường kim Phó Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Âu Châu.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Anh Chị Nguyễn Hòa và tang quyến, đồng thời cầu nguyện cho Hưởng Hồn ông Nguyễn Sum sớm về cõi Phật.

- Gđ. Phạm Văn Hóa - Gđ. Phạm Văn Thế - Gđ. Huỳnh Thoàng - Gđ. Phạm Trọng Nguyên - Gđ. Tử Ngọc Phong - Gđ. Lê Xuân Hồng - Gđ. Diệp Hoàng An - Gđ. Nguyễn Hữu Huân.

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin Mẹ, Nội, Ngoại, Bà Cố của chúng tôi là:

Bà Quà Phụ NGUYỄN HAI

Nhũ danh Dương Thị Nê

Hưởng thọ 66 tuổi

vừa mãn phần ngày 29 tháng 5 năm Bính Tý, tức ngày 14.7.1996 tại Đan Mạch.

Lễ hỏa táng cử hành lúc 13 giờ ngày 17.7.1996 nhằm ngày mùng 2 tháng 6 âm lịch.

- Trưởng nữ Nguyễn Thị Vân và chồng Hoàng Như Tiến (Mẫn & Vân) và các con, rể, cháu ngoại tại Đan Mạch và Anh Quốc.
- Trưởng nam Nguyễn Thanh Hải, vợ và các con Bảo Lộc VN.
- Thứ nam Nguyễn Thanh Hùng, Bảo Lộc Việt Nam
- Thứ nam Nguyễn Thanh Minh, vợ và các con Bảo Lộc VN
- Thứ nữ Nguyễn Thị Thanh Nga, chồng và con Bảo Lộc VN
- Thứ nữ Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bảo Lộc Việt Nam
- Thứ nữ Nguyễn Thị Thanh Liên, chồng và các con Bảo Lộc VN
- Thứ nam Nguyễn Thanh Thu, Bảo Lộc Việt Nam
- Thứ nữ Nguyễn Thị Thanh Thủy, chồng Lý Tấn Quý và con Đan Mạch.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Chi Hội Phật Giáo tại Odense Đan Mạch
- Ban Hộ Niệm Chi Hội Phật Giáo tại Odense Đan Mạch
- Cộng Đồng Người Việt tại Đan Mạch
- Quý bà con thân hữu xa gần đã dành thời gian quý báu để tụng kinh cầu nguyện, cầu siêu, đến tận nhà và điện thoại phân ưu, phúng điệu, giúp đỡ và đến tận nơi tham dự Lễ Hỏa Táng của Mẹ, Nội, Ngoại, Bà Cố của chúng tôi là:

Bà Quà Phụ NGUYỄN HAI

Nhũ danh Dương Thị Nê

Trong lúc tang gia bối rối không tránh khỏi nhiều điều sơ sót, kính xin quý vị niệm tình hy thứ cho.

Thay mặt gia đình:

Trưởng nữ Nguyễn Thị Vân

Fjordholmen 2 - 5240 Odense N.O. Danmark

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ các Thầy, Chi Hội Phật Tử tại Frankfurt cùng toàn thể bằng hữu, thân quyến khắp nơi, đã phân ưu, phúng điệu, và tham dự tang lễ của Chồng, Cha, Anh, Em chúng tôi là:

HỒ MINH HÒA

tạ thế ngày 13.7.1996 tại Tây Đức

Hưởng dương 36 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có gì sơ sót xin quý vị niệm tình thứ lỗi.

- Vợ: Nguyễn Thanh Thúy & hai con (Tây Đức)
- Anh Chị: Nguyễn Thế Cường & các cháu (Tây Đức)
- Anh Chị: Nguyễn Quang Toàn & các cháu (Tây Đức)
- Em: Hồ Minh Phát & Vợ và con (Tây Đức)
- Em: Hồ Minh Thuận (Tây Đức)
- Em: Hồ Minh Lợi & Vợ (Tây Đức)

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin buồn:

Chiến hữu **BÙI NGỌC TUYẾN**
đã mệnh chung tại London ngày 18.7.1996.
Hưởng Thọ 60 tuổi.

Nguyện cầu hương linh người quá vãng sớm tiêu điều miền Cực Lạc.
- Ủy Ban Điều Hợp CQN/QLVNCH/Âu Châu

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin cùng quý bà con thân hữu, Chồng, Cha, Ông của chúng tôi là:

Ông BOUNKETH CHANSEM

Sinh ngày 8.2.1933
Mất ngày 25.6.1996 tại Đức

Hưởng Thọ 63 tuổi

Đồng thời gia đình chúng con cũng xin cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển,

- Đại Đức Thích Hạnh Tuấn

- Chú Hạnh Vân, Chú Thiện Hiệp

và chúng tôi cũng xin cảm ơn bà con quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã đến chia buồn, phúng điếu, hộ niệm cho Thân phụ, Nội tổ chúng tôi.

Trong lúc tang gia hữu sự, chắc chắn có nhiều điều sơ sót. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thủ cho.

- Bounkna Bounketh

- Jee Hong "

- Vong Keo "

- Khamman "

- Kham Xay "

- Vidavan "

- Davon "

Tang gia đồng báo tạ

CHIA BUỒN

Được tin:

Ông BOUNKETH CHANSEM

là thân phụ của Cậu Jee Hong vừa thất lạc tại Detmold, Đức Quốc, vào ngày 25.6.1996.

Hưởng thọ 63 tuổi.

Thành thật chia buồn cùng Cậu và gia đình. Cầu nguyện linh hồn của Cậu Ông cao đăng Phật Quốc.

- Gđ. Trình Trọng Hiếu

- Gđ. Hồ Ngọc Thành

và bà con quen biết.

TRI ÂN

Chùa Viên Giác xin chân thành tri ân và cảm tạ :

Anh Jee Hong Bounketh và hãng Điện tử Suntech đã cúng dường Chùa Viên Giác một bộ điện tử màn ảnh 17" và năm bộ điện tử loại 486 cho các Chùa ở Việt Nam.

Chân thành đa tạ.

Y HỌC THƯỜNG THỨC

• Quỳnh Hoa sưu tầm



RA NHIỀU MỒ HÔI

Mùa hè nóng nực ngay cả bạn thường xuyên tắm gội cũng vẫn ra nhiều mồ hôi, có nhiều bạn vẫn thường ra mồ hôi cho dù thời tiết đang ở vào mùa đông hay hè. Mồ hôi bản thân nó không có

mùi nhưng khi có vi khuẩn trên da tự nhiên mồ hôi sẽ bị phân tách xuất hiện mùi mốc tiêu biểu điển hình (hôi nách).

Để giữ cho cơ thể được thơm lâu sau khi tắm, người ta thường dùng DEO để "tẩy mùi hôi". DEO thật sự không có tác dụng cản trở sự tạo mồ hôi nhưng làm ngăn cản quá trình rối loạn phân tách sinh hóa và che đậy mùi hôi bằng chất thơm.

Những ai bị quá nhiều mồ hôi, có thể dùng tới chất chống đổ mồ hôi, ngăn cản sự tạo mồ hôi. Hợp chất muối Nhôm (Aluminiumsalze) làm thu hẹp tuyến mồ hôi, làm giảm sự bài tiết mồ hôi, giúp cho da giữ được khô ráo lâu hơn.

Từ nhiều năm nay DEO được sử dụng để một cách rộng rãi dưới nhiều dạng: Dạng lăn, dạng viết chì, dạng kem thoa, dạng phun xịt (Spray).

Câu hỏi được đặt ra là nên dùng dạng nào cho phù hợp? Dạng phun xịt có chứa chất alcohol, nó có thể làm nóng buốt da và làm cho da bị kích ứng. Dạng lăn, dạng viết chì được dùng khá phổ biến. Dạng kem thoa dễ chịu đối với da vì không chứa chất alcohol (alcohol), hơn nữa kem có chứa chất săn sóc da.

Ngoài ra để giúp cho cơ thể giảm sự đổ mồ hôi, bạn nên mặc y phục nhẹ, làm bằng vải sợi có lỗ thông hơi, không nên mặc y phục tử vi sợi nhân tạo.

Tránh tình trạng quá căng thẳng (Stress) cần sự yên tĩnh, nghỉ ngơi, giải lao hợp lý. Tránh dùng cà phê, rượu, nicotin (thuốc lá), gia vị cay (ớt, tiêu).

Người La Mã từ xưa đã biết dùng cây Đan Sâm (Salbei). Cây có tác dụng làm giảm sự bài tiết của tuyến mồ hôi, do đó hạn chế sự ra mồ hôi.

Ngày nay, người ta dùng cây Đan Sâm (Salbei) dưới dạng trà, viên nhộng (Kapseln) chứa dầu Salbei để uống. Liều dùng mỗi lần một viên, mỗi ngày từ 1 đến 3 lần.

TÌM THÂN NHÂN

• Anh Hà Văn Thanh, ở thôn Bình An, Xã Nhơn Hạnh, Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đi Lao động hợp tác ở Đức từ lâu. Nếu còn sống xin liên lạc ngay với bà Hà Thị Diệu

Địa chỉ : 20008 - 21 St PL NE - SEATTLE, WA 98155 - USA
Tel. 206 - 367 - 7869

GIỚI THIỆU SÁCH

Schar kleiner Tiere, bản dịch sang Đức Ngũ tác phẩm Bầy Thú Nhỏ của nhà văn Sơn Tùng, do chị Nguyễn Thị Thu Cúc chuyển ngữ. Đây là một tác phẩm đầu tiên do tổ chức Việt Nam Forum phát hành để giới thiệu cùng độc giả của những quốc gia nói tiếng Đức. Quý vị đồng hương nên có trong tủ sách gia đình cũng như làm quà tặng những bạn hữu người Đức. Giá mỗi cuốn mười tám đồng tiền Đức.

Xin liên lạc với các địa chỉ : Vietnam Forum : Arminiusstr.4A, D-22525 Hamburg hoặc Diễn Đàn Việt Nam, Postfach 810706, D-81097 München

Donghi Reisen

DU LỊCH VÀ BẢO HIỂM

Gremberger Str.44, 51105 Köln
Tel. 0221 - 83 87 43
Fax. 0221 - 83 68 41
Giờ làm việc : từ 9 giờ - 21 giờ

Du lịch : Á, Âu, Úc, Mỹ Châu & Canada

- Chọn lựa những chuyến bay thuận lợi, thích hợp
- Hướng dẫn và lo thủ tục VISA
- Giá rẻ và đặc biệt cho những Gruppe từ 4 người và bắt từ 100 DM tùy từng hãng bay
- Bảo Hiểm : Cho những người từ Đức đi 0,68 DM / 1 ngày
- Bảo hiểm sức khỏe cho người từ ngoại quốc đến Đức là 125DM / 3 tháng và các loại bảo hiểm hiệu lực 3 năm, và còn các loại bảo hiểm khác.

Định hướng tương lai với lá số tử vi

- Bạn có những băn khoăn về cuộc sống, tình yêu, tiền tài, sự nghiệp ..., vận hạn từng tháng, từng năm, hoặc muốn chọn ngày giờ tốt để khởi sự một việc hệ trọng, so đôi tuổi để quyết định việc hôn nhân, xin liên lạc với :

Dr. NGUYỄN

MOLTKESTR.9 - 67655 KAISERLAUTERN
TEL. 0631 - 14749

- Với sự kết hợp giữa khoa Tử Vi cổ truyền Á Đông và Tây Phương, kỹ thuật điện toán cùng những kinh nghiệm nhiều năm, chúng tôi sẽ giúp bạn giải đáp những băn khoăn từ bao lâu và hoạch định những bước đi trong tương lai.
- Chi phí từ 20,-DM tùy theo nội dung hồ sơ tử vi và các thôn g tin quý bạn yêu cầu.
- Hướng dẫn khảo sát số tử vi trên máy điện toán (thủ lao tùy hi).

Mymy Studio

Tel. : 0511 - 32 16 93

- Nhận quay đám cưới - Đám Hôn - Tiệc tùng - Đám Hiếu ... Được thực hiện bởi một nhóm bạn trẻ đầy kinh nghiệm và nhiệt tâm.
- Với kỹ thuật ráp nối Digital tân kỳ
- Với những Graphics dễ thương, dí dỏm. Với âm thanh nổi sống động ...

và giá thật văn nghệ
bảo đảm quý vị sẽ hài lòng với cuộn băng Video do Mymy Studio thực hiện.

BỒI DANH VŨ NGÂN TUYẾN & KHÁNH TUYẾN

Nhận đi trình diễn các chương trình văn hóa nghệ thuật - Đại Nhạc Hội - Dạ Vũ - Đám Tiệc - Điện thoại sau 19 giờ (040) - 65 39 988 Trịnh Quang Khánh Kreuzburger Str.22 - 22045 Hamburg



Nhận đặt nấu các món ăn Việt Nam - Trung Hoa cho tiệc cưới hỏi, sinh nhật, họp bạn v.v... Trong buổi tiệc chúng tôi nhận nấu món ăn chay cho quý khách muốn ăn chay. Chúng tôi có đầy đủ tiện nghi cho buổi tiệc trên 400 thực khách (bếp ga, ly, chén đĩa v.v...)

NGUYỄN CA
BLUMETHALSTR.48
46045 OBERHAUSEN
TEL. 0208 - 85 44 97

SANDERSON AGENCY

Ticket Agent

Reisevermittlung

Bán vé máy bay đi các tiểu bang và khắp nơi trên thế giới

● BẢO ĐẢM - UY TÍN - TẬN TÂM ●

Muốn biết thêm chi tiết, vui lòng liên lạc văn phòng Sanderson Agency qua ông Kevin A. Sanderson

Telefon : 069 - 61 15 64

Sanderson Agency

Dreikönigsstraße.6
60594 Frankfurt /M
Germany

Fax. : 069 - 61 15 64

CÔNG TY KIẾN ĐẠI TÂN

DỰNG MỚI - SỬA CŨ - TRANG TRÍ NỘI THẤT CHO CÁC NHÀ HÀNG

- Chúng tôi nhận đảm trách dựng mới hoặc tân trang lại các nhà hàng HOA, VIỆT, THÁI LAN
 - Ngoài công việc phần gỗ và nề, chúng tôi có thể bao luôn cả phần điện, dân giầy tường, trải thảm nền, xây bể cá cảnh, lán phần ngoại thất như : Dinh các, mái hiên và cột rồng.
 - Công ty chúng tôi cũng có thêm dịch vụ mới : Giới thiệu mua bán, sang nhượng nhà hàng.
- Quý vị có nhu cầu xin liên lạc tới Công Ty chúng tôi :

PHẠM ĐỨC HUY

HELMSTEDTSTR.32 - 38154 KÖNIGSLUTTER.

TEL. & FAX : 05353 / 82 21

AI MUỐN HỌC NẤU BẾP NHẬT ?

- Cần gấp 01 người nấu bếp và 1 hầu bàn cho một tiệm ăn Nhật tại Spanien (ăn và ở miễn phí)
- Người nấu bếp sẽ được đào tạo nấu tại Đức

Điều kiện :

- Có giấy tờ được phép làm việc

- Có căn bản nói tiếng Đức ngữ

- Lương theo khả năng và thời gian làm việc

XIN LIÊN LẠC VỚI ÔNG : HERRN GESTMANN -
Tel. 04932 / 81 420 hay Tel : 04932 / 81610



FILM - VIDEO - FOTO
Professional Production

NHẬN QUAY VIDEO & CHỤP HÌNH

- Tân Hôn - Đính Hôn - Sinh Nhật - Lễ Hội v.v...
 - Nhận cắt, ghép cảnh - chạy chữ - Lồng nhạc các phim quý khách tự khâu.
- LPC có uy tín cao với các đảm bảo sau đây :

1. Người thực hiện công việc là một nhà đạo diễn và quay phim nổi tiếng đã tốt nghiệp đại học điện ảnh. Có 20 năm kinh nghiệm làm phim. Từng giành được nhiều giải thưởng về phim tài liệu & Reporta. Đã được mời và trực tiếp tham dự nhiều Festival film quốc tế lớn ở Đức và các quốc gia có nền điện ảnh phát triển ở Âu Châu
2. Các phương tiện hành nghề như máy Camera, Máy cắt, máy Effekt. Làm chữ, lồng âm thanh ... đều là máy Profi đời mới nhất có độ phân giải về hình ảnh (độ nét), màu sắc và âm thanh đạt tiêu chuẩn chất lượng rất cao (SVHS, HiFi, Stereo v.v...)
3. LPC dùng hệ thống Computer tân tiến để làm băng với nhiều Effekten mới lạ và còn có thể để làm ra ảnh từ băng Video gốc đủ tiêu chuẩn với nhiều Modeln độc đáo.

Những việc "trăm năm một thuở" trong đời người, LPC mong được tận lực, tận tâm để làm hài lòng quý vị.

c/o LƯU & PHẠM

Bocholderstr.266, 45356 Essen (Borbeck). Tel. 0201 - 61 07 03